

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG TẠI LÀO CAI**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
\*\*\*

## **TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG TẠI LÀO CAI**



Lào Cai, năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
\*\*\*

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN  
HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG  
CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG TẠI LÀO CAI**

Lào Cai, năm 2020

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TRONG TÀI LIỆU

TT	NỘI DUNG	VIẾT TẮT
1	Học sinh	HS
2	Trung học cơ sở	THCS
3	Trung học phổ thông	THPT
4	Giáo dục nghề nghiệp	GDNN
5	Giáo dục thường xuyên, kỹ thuật tổng hợp, Hướng nghiệp dạy nghề	GDTX, KTTH, HNDN
6	Xã hội chủ nghĩa	XHCN
7	Giáo dục và Đào tạo	GD&ĐT
8	Trung cấp chuyên nghiệp	TCCN
9	Đại học	ĐH
10	Cao đẳng	CD
11	Nhà xuất bản	NXB
12	Ủy ban nhân dân	UBND
13	Hướng nghiệp, phân luồng	HN, PL
14	Khoa học kỹ thuật, Khoa học xã hội	KHKT, KHXH
15	Tư vấn viên; Tư vấn hướng nghiệp	TVV, TVHN
16	Cha mẹ học sinh	CMHS
17	Cán bộ quản lý	CBQL
18	Giáo viên	GV
19	Đại học quốc gia,	ĐHQG
20	Đại học sư phạm	ĐHSP
21	Trách nhiệm hữu hạn	TNHH
22	Module	MD
23	Kế hoạch nghề nghiệp	KHNN
24	Tuyển dụng lao động	TDLD
25	Thị trường tuyển dụng lao động	TDLD
26	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa	CMH, HĐH



## MỤC LỤC

<b>LỜI NÓI ĐẦU</b>	<b>3</b>
<b>PHẦN 1: PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TỈNH LÀO CAI</b>	<b>5</b>
<b>CHUYÊN ĐỀ 1: BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN LÀM CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP</b>	<b>5</b>
<b>Module 1: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THỜI GIAN QUA, ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI</b>	<b>6</b>
<b>Module 2: GIỚI THIỆU MỘT SỐ LÝ THUYẾT HƯỚNG NGHIỆP</b>	<b>27</b>
<b>Module 3: MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ KỸ NĂNG TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP</b>	<b>51</b>
<b>Module 4: KỸ THUẬT KHAI THÁC TÀI LIỆU, XỬ LÝ THÔNG TIN XÂY DỰNG BÀI GIẢNG HƯỚNG NGHIỆP</b>	<b>79</b>
<b>CHUYÊN ĐỀ 2: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP; TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG</b>	<b>89</b>
<b>Module 5: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP</b>	<b>90</b>
<b>Module 6: TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG</b>	<b>123</b>
<b>PHẦN 2: TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH LÀO CAI</b>	<b>138</b>
<b>CHUYÊN ĐỀ 3: TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH THCS, THPT TỈNH LÀO CAI</b>	<b>138</b>
<b>Module 7: PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP VÀ SỞ THÍCH BẢN THÂN, TÌM HIỂU KHÁM PHÁ BẢN THÂN</b>	<b>140</b>
<b>Module 8: GIẢI PHÁP GẮN HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH VỚI NHU CẦU VIỆC LÀM CỦA THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG HIỆN NAY</b>	<b>208</b>
<b>Module 9: XU HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP Ở ĐỊA PHƯƠNG VÀ TRONG NƯỚC</b>	<b>218</b>

<b>Module 10: CÁC NĂNG LỰC CẦN THIẾT, ĐẶC TRƯNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG THEO NGÀNH NGHỀ</b>	226
<b>Module 11: PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG MỤC TIÊU NGHỀ NGHIỆP VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA HỌC SINH LÀO CAI</b>	237
<b>CHUYÊN ĐỀ 4: GIỚI THIỆU NHU CẦU LAO ĐỘNG CỦA MỘT SỐ NGÀNH NGHỀ VÀ KHẢ NĂNG ĐÀO TẠO TRONG KHU VỰC MIỀN BẮC</b>	253
<b>Module 12: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, LAO ĐỘNG VÀ ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI</b>	253
<b>Module 13: GIỚI THIỆU NHU CẦU LAO ĐỘNG CỦA MỘT SỐ LĨNH VỰC NGÀNH NGHỀ</b>	262
<b>Module 14: GIỚI THIỆU MỘT SỐ NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO PHỔ BIẾN TRONG KHU VỰC MIỀN BẮC</b>	338
<b>KẾT LUẬN, KHUYẾN NGHỊ</b>	465
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	467
<b>Phụ lục: PHIẾU TRẮC NGHIỆM SỞ THÍCH</b>	473

## LỜI NÓI ĐẦU

Giáo dục hướng nghiệp là một trong những Hoạt động giáo dục quan trọng của Chương trình giáo dục phổ thông *nhằm phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp. Thông qua các Hoạt động hướng nghiệp, học sinh được đánh giá và tự đánh giá về năng lực, sở trường, hứng thú liên quan đến nghề nghiệp, làm cơ sở để tự chọn cho mình ngành nghề phù hợp, rèn luyện phẩm chất và năng lực để thích ứng với nghề nghiệp tương lai* [20].

Thực tế, Lào Cai là tỉnh vùng cao, biên giới, dân tộc thiểu số có rất nhiều tính đặc thù địa phương đòi hỏi phải có giải pháp hướng nghiệp và phân luồng có tính chất đặc thù riêng thì mới có thể cân đối đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển dịch nền kinh tế, phát triển xã hội. Những khó khăn trong công tác hướng nghiệp, phân luồng của địa phương như gia đình chủ yếu thuần nông với phương thức canh tác lạc hậu; học sinh ít được tiếp cận thông tin về ngành nghề; nguồn tài liệu ít nên hiểu biết của các em còn nhiều bất cập; các ngành công nghiệp tại địa phương chưa phát triển, tâm lý an phận làm cho các em không muốn thoát ly gia đình sau khi tốt nghiệp THCS, THPT để đi học nghề, làm nghề; đội ngũ giáo viên làm công tác hướng nghiệp còn hạn chế, chủ yếu làm kiêm nhiệm mà chưa được đào tạo chuyên ngành về hướng nghiệp, chưa được tập huấn thường xuyên, cập nhật thông tin còn khó khăn... nên công tác tư vấn, hướng nghiệp còn nhiều bất cập.

Với mục đích Hỗ trợ nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp ở các trường THCS, THPT của tỉnh Lào Cai, giúp giáo viên có tài liệu bồi dưỡng về tổ chức tư vấn hướng nghiệp học sinh; giúp học sinh vùng cao có thêm tài liệu nghiên cứu tự học, tự đánh giá bản thân để lựa chọn nghề nghiệp; được sự giúp đỡ của Sở Khoa học công nghệ Lào Cai, các chuyên gia của Bộ GD&ĐT, nhóm tác giả **Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn hướng nghiệp, phân luồng cho học sinh phổ thông tại Lào Cai.**

Tài liệu gồm 2 phần, 4 chuyên đề, 14 module:

**- Phần 1: Phương pháp tổ chức hướng nghiệp cho học sinh tỉnh Lào Cai, có 2 chuyên đề:**

**Chuyên đề 1: Bồi dưỡng giáo viên làm công tác hướng nghiệp; gồm 4 module:**

Module 1: Thực trạng công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông thời gian qua, định hướng nhiệm vụ giải pháp trong thời gian tới;

Module 1: Giới thiệu một số lý thuyết hướng nghiệp;

Module 1: Một số nội dung về bồi dưỡng kỹ năng tư vấn hướng nghiệp;

Module 1: Kỹ thuật khai thác tài liệu, xử lý thông tin xây dựng bài giảng hướng nghiệp.

**Chuyên đề 2: Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đối với Hoạt động giáo dục hướng nghiệp; tổ chức các Hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông; gồm 2 module:**

Module 5: Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đối với Hoạt động giáo dục hướng nghiệp.

Module 6: Tổ chức các Hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông.

**- Phần 2: Tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THCS, THPT tỉnh Lào Cai, có 2 chuyên đề:**

**Chuyên đề 3: Tài liệu tuyên truyền tư vấn hướng nghiệp; gồm 5 module:**

Module 7: Phương pháp đánh giá năng lực nghề nghiệp và sở thích bản thân, tìm hiểu khám phá bản thân.

Module 8: Giải pháp gắn hướng nghiệp và phân luồng học sinh với nhu cầu việc làm của thị trường lao động hiện nay.

Module 9: Xu hướng nghề nghiệp ở địa phương và trong nước.

Module 10: Các năng lực cần thiết, đặc trưng của người lao động theo ngành nghề.

Module 11: Phương pháp xây dựng mục tiêu nghề nghiệp và kế hoạch hành động của học sinh Lào Cai.

**Chuyên đề 4: Giới thiệu nhu cầu lao động của một số ngành nghề và khả năng đào tạo trong khu vực Miền Bắc.**

Module 12: Tổng quan tình hình kinh tế - xã hội, lao động và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Module 13: Giới thiệu nhu cầu lao động của một số lĩnh vực ngành nghề.

Module 14: Giới thiệu một số ngành nghề đào tạo phổ biến trong khu vực miền Bắc.



**PHẦN 1**  
**PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HƯỚNG NGHIỆP**  
**CHO HỌC SINH TỈNH LÀO CAI**

**CHUYÊN ĐỀ 1**  
**BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN LÀM CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP**

**Giới thiệu chung**

Chuyên đề này được thiết kế để bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên (sau đây gọi chung là giáo viên, viết tắt: GV) làm công tác hướng nghiệp ở các trường THCS và THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Trên cơ sở khảo sát tình hình thực tế đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên hướng nghiệp và công tác hướng nghiệp đã và đang thực hiện tại các nhà trường, tình hình tài liệu hiện nay đã cung cấp cho giáo viên còn chưa đầy đủ, chưa hệ thống<sup>1</sup> chúng tôi Xây dựng tài liệu với 4 module:

- 1) Thực trạng công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông thời gian qua, định hướng nhiệm vụ giải pháp trong thời gian tới;
- 2) Giới thiệu một số lý thuyết hướng nghiệp;
- 3) Một số nội dung về bồi dưỡng kỹ năng tư vấn hướng nghiệp;
- 4) Kỹ thuật Khai thác tài liệu, xử lý thông tin Xây dựng bài giảng hướng nghiệp.

Với cấu trúc các module như trên, chuyên đề sẽ trang bị cho cán bộ quản lý giáo viên làm công tác hướng nghiệp có cái nhìn tổng thể, khái quát về tình hình công tác hướng nghiệp trên thế giới, trong nước và tại tỉnh; thực trạng đội ngũ thực hiện nhiệm vụ này trên địa bàn để xác định rõ mình đang ở

---

<sup>1</sup> Cuốn “Quản lý hướng nghiệp ở cấp trung học”, nxb ĐHSP (2013) cung cấp nội dung 5 lý thuyết: Mô hình cung cấp dịch vụ hướng nghiệp, Vòng nghề nghiệp, Cây nghề nghiệp, Lý thuyết hệ thống, Mô hình lập kế hoạch nghề;

vị trí nào; đồng thời cung cấp và huấn luyện cho đội ngũ một cách tương đối hệ thống kiến thức, kỹ năng cơ bản để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ hướng nghiệp cho học sinh tại cơ sở giáo dục.

## **Module 1**

# **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THỜI GIAN QUA, ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI**

## **1. Mục đích, yêu cầu**

### **1.1. Mục đích**

Cung cấp cho GV dữ liệu, kiến thức cơ bản để GV có cái nhìn tổng quát về tình hình thực hiện hướng nghiệp, phân luồng học sinh một số nước trong khu vực, trên thế giới, trong nước, tại địa bàn tỉnh Lào Cai; chủ trương của Đảng, Chính sách của Nhà nước và của tỉnh về vấn đề định hướng nghề nghiệp, phân luồng; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện hướng nghiệp, phân luồng trên địa bàn tỉnh đến 2025.

1.2. Yêu cầu: Sau bồi dưỡng, GV nắm được hệ thống kiến thức bao gồm khái niệm, tình hình thực trạng, các văn bản chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện. Đối với cốt cán, có thể tổ chức giảng dạy ở cơ sở.

## **2. Nội dung**

Trong những năm qua, công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS, THPT đã được Đảng và Nhà nước quan tâm và từng bước chỉ đạo sâu sát, quyết liệt, cụ thể hơn. Việc ngày 05/12/2011, Bộ Chính trị (khóa XI) ban hành Chỉ thị số 10-CT/TW “về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, tăng cường phân luồng học sinh sau THCS và xóa mù chữ cho người lớn” và ngày 14/05/2018 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 522/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục

phổ thông giai đoạn 2018-2025” cho thấy vai trò hướng nghiệp và phân luồng học sinh phổ thông hiện nay là rất quan trọng và cần thiết. Ở Lào Cai, công tác hướng nghiệp, phân luồng được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đặc biệt quan tâm chỉ đạo; các ngành, các cấp huyện, xã đã vào cuộc cùng ngành giáo dục triển khai thực hiện và bước đầu đã đạt được kết quả nhất định.

Tuy nhiên, so với các nước phát triển trên thế giới và khu vực, việc hướng nghiệp, phân luồng học sinh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của chúng ta được tiến hành khá muộn và hiệu quả còn chưa cao.

### ***2.1. Khái niệm về hướng nghiệp, phân luồng học sinh***

Hướng nghiệp trong giáo dục là hệ thống các biện pháp tiến hành trong và ngoài nhà trường để giúp học sinh có kiến thức về nghề nghiệp và có khả năng lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường của cá nhân với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội [23].

Phân luồng trong giáo dục là biện pháp tổ chức Hoạt động giáo dục trên cơ sở thực hiện hướng nghiệp trong giáo dục, tạo điều kiện để học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông tiếp tục học ở cấp học hoặc trình độ cao hơn, học trung cấp, học nghề hoặc lao động phù hợp với năng lực, điều kiện cụ thể của cá nhân và nhu cầu xã hội; góp phần điều tiết cơ cấu ngành nghề của lực lượng lao động phù hợp với nhu cầu phát triển của đất nước [23].

### ***2.2. Vài nét về phân luồng học sinh ở một số nước trên thế giới***

Từ cuối thế kỷ XX, nhiều nước có nền giáo dục phát triển đã nhận ra và đổi mới quan niệm về giáo dục toàn diện; đó là nền giáo dục không chỉ cung cấp kiến thức khoa học thuần túy mà còn hướng cho học sinh phát triển toàn diện về mặt cá nhân, xã hội và nghề nghiệp của học sinh sau này; việc hướng nghiệp và phân luồng học sinh được nhận thức như là một quá trình phát triển, đòi hỏi cách tiếp cận chương trình, hệ thống chứ không đơn giản là việc quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong một thời điểm nhất định; vì vậy,

họ đã sớm triển khai việc hướng nghiệp, phân luồng học sinh. Tiêu biểu là các nước sau:

- Nhật Bản sớm quan tâm đến công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh, họ giải quyết tốt mối quan hệ giữa học kiến thức văn hóa và kỹ năng lao động nghề nghiệp ở các bậc học. Sau khi tốt nghiệp THCS, HS được chọn theo ba hướng đi khác nhau: THPT (3 năm), TCCN (3 năm) và CĐ chuyên nghiệp (5 năm). Có khoảng 27,9% số trường THPT vừa học văn hoá phổ thông vừa học các môn học kỹ thuật thuộc các lĩnh vực cơ khí, ngư nghiệp, công nghiệp, nông nghiệp, Dịch vụ v.v...Sau khi tốt nghiệp THCS, có 70% học sinh theo học loại hình trường phổ thông cơ bản và 30% theo hướng học nghề [62].

- Hàn Quốc, nội dung giảng dạy kỹ thuật - lao động là một bộ phận cấu thành quan trọng trong chương trình giáo dục. Hết THCS HS sẽ đi theo hai luồng chính: phổ thông và chuyên nghiệp. Nhưng điều đặc biệt là các trường kỹ thuật nghề nghiệp tuyển sinh trước rồi mới chọn học sinh theo luồng phổ thông.

- Pháp rất coi trọng học liên thông giữa các bậc học. Sinh viên tốt nghiệp CĐ (2 năm) được chuyển tiếp vào năm thứ 3 ĐH khoảng 25% số học sinh; số còn đi làm làm ngay trên 50% [62].

- Trung Quốc cũng có chính sách khuyến khích giáo dục suốt đời tích cực. Chương trình giảng dạy có các môn học tự chọn với mục tiêu trang bị cho HS những kiến thức và kỹ năng chuyên môn cần thiết để HS có khả năng tham gia lao động nghề nghiệp ở các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác nhau hoặc tiếp tục học lên trình độ nghề nghiệp cao hơn ở bậc ĐH.

Để công tác phân luồng học sinh đáp ứng được sự kỳ vọng của xã hội, phân luồng, trước hết tập trung vào số HS sau THCS; các nước đều thiết kế chương trình liên thông từ THCS qua THPT lên ĐH. Vì vậy, hiệu quả của

công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS rất rõ, biểu hiện qua bảng sau [6]:

Năm	Quốc gia	Tỉ lệ THPT	Tỉ lệ Trung học nghề, TCCN
1995	Đài Loan	20,9	79
1996	Trung Quốc	43,3	55,67
2000	Mỹ	76	24
2000	Hàn Quốc	64	36
2000	Nhật	70	30
2003	Thụy Sĩ	30	70
2003	Đức	26	74

### ***2.3. Tình hình chỉ đạo, triển khai công tác phân luồng học sinh trong nước***

#### ***2.3.1. Chủ trương của Đảng, Chính phủ về công tác phân luồng học sinh:***

Từ những năm 80 của Thế kỉ XX, công tác hướng nghiệp phân luồng đã được quan tâm, nghiên cứu. Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 126/CP ngày 19/3/1981, trong đó nêu: “do việc hướng nghiệp cho học sinh các trường phổ thông chưa tốt nên sau khi tuyển sinh vào cấp III phổ thông và các trường chuyên nghiệp, hàng năm còn hàng chục vạn học sinh ra trường không được tiếp tục học lên và cũng không được chuẩn bị về các mặt để được sử dụng hợp lý thành những người lao động mới” [24] và “công tác hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông nhằm mục đích bồi dưỡng, hướng dẫn việc chọn nghề của học sinh cho phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội đồng thời phù hợp với năng khiếu cá nhân”. Tuy nhiên, trong thời gian này,

quy mô sản xuất theo kế hoạch tập trung, phát triển chủ yếu nông nghiệp nên các ngành nghề khác còn ít, số cơ sở đào tạo nghề nghiệp rất ít; số thanh niên đi học phổ thông chưa nhiều; vì vậy, việc phân luồng học sinh phổ thông để đào tạo nhân lực rất khó khăn.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986), đất nước bước vào giai đoạn đổi mới, sản xuất, Kinh doanh phát triển, nhu cầu lao động có tay nghề thiếu hụt; quy mô đào tạo nghề tăng lên nhưng chưa nhiều. Từ Đại hội VIII (1996) trở đi, trong các văn kiện Đại hội, Đảng ta luôn đề cập đến vấn đề tăng cường phân luồng học sinh, đẩy mạnh học nghề nhưng tình hình chưa chuyển động là bao.

Quá trình vận hành nền kinh tế thị trường làm xuất hiện nhu cầu mới mà trước đây chưa có và đòi hỏi ngành GD&ĐT phải có những thông tin ban đầu về nhu cầu xã hội và thị trường lao động liên quan đến việc sáng tạo ra công nghệ mới, tiếp nhận và làm chủ công nghệ tiên tiến du nhập của nước ngoài trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. Do đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 14/2001/CT – TTg về việc đẩy mạnh chương trình giáo dục phổ thông thực hiện Nghị quyết 40/2000/QH10 của Quốc hội với mục tiêu đổi mới chương trình là “...*Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức phân luồng sau trung học cơ sở và trung học phổ thông, chuẩn bị tốt cho học sinh học tập tiếp tục ở bậc sau trung học hoặc tham gia lao động ngoài xã hội*”. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành chỉ thị 33/2003/CT–BGD&ĐT, ngày 23/7/2003 về việc tăng cường giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông; nhấn mạnh: “*Giáo dục hướng nghiệp là một bộ phận của nội dung giáo dục phổ thông toàn diện*”. Thực hiện các chỉ thị này, các cấp quản lý GD đã triển khai công tác giáo dục hướng nghiệp, làm cho công tác hướng nghiệp, phân luồng trở thành nhiệm vụ của toàn xã hội mà nhà trường THCS và THPT đóng vai trò nòng cốt...



*Tuy nhiên, việc thực hiện công tác hướng nghiệp, phân luồng và hiệu quả còn rất khiêm tốn. Trong phạm vi toàn quốc, tỷ lệ HS tốt nghiệp THCS không tiếp tục con đường học vẫn chiếm tỷ lệ cao. Chỉ tính riêng năm học 2014-2015, tỷ lệ HS tốt nghiệp THCS vào học THPT là 70,7%, học bổ túc trung học phổ thông là 7,5%, học trong các cơ sở dạy nghề và trung cấp chuyên nghiệp thấp, chỉ khoảng 1,8% đến 2,5%; còn lại khoảng 17,5% (khoảng 1,4 triệu HS) không tiếp tục học, những năm tiếp theo có cải thiện nhưng rất ít. Trước tình hình đó, ngày 14/05/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 522/QĐ-TTg, phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” với quan điểm chỉ đạo là “*Kiên trì thực hiện chủ trương phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, tạo chuyển biến tích cực trong việc điều chỉnh hợp lý cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu xã hội*” và mục tiêu “*đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở đi đôi với phát triển mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và giáo dục phổ thông gắn với dạy nghề nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đất nước*”. Tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất trang thiết bị dạy và học nghề; Hỗ trợ các trung tâm giáo dục thường xuyên dạy bổ túc văn hóa trung học phổ thông gắn với dạy nghề; có cơ chế khuyến khích các cơ sở tuyển dụng học sinh sau trung học cơ sở qua đào tạo nghề; tạo điều kiện thuận lợi để học sinh được học liên thông lên các cấp học cao hơn” [55] với mục tiêu đến năm 2020:*

- Phần đầu ít nhất 30% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp; đối với các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 25%;

- Phần đầu ít nhất 40% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng; đối với

các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 30%.

Đến năm 2025: Phân đầu ít nhất 40% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp; đối với các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 30%;

- Phân đầu ít nhất 45% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng; đối với các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 35%.

### *2.3.2. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện phân luồng học sinh trên địa bàn tỉnh Lào Cai*

Giai đoạn từ 1991- 2000, giáo dục Lào Cai có nhiều khó khăn, nên tập trung cho mục tiêu phổ cập giáo dục xóa mù chữ; việc phân luồng học sinh sau THCS, THPT chưa được đẩy mạnh. Từ năm 1991 – 2001, toàn tỉnh chỉ có 1887 học sinh đi học đại học, 2016 học cao đẳng, 1795 học trung cấp, trong đó có 260 học sinh được tỉnh cử đi đào tạo đại học, cao đẳng cử tuyển tạo nguồn cán bộ cơ sở [60]. Khi phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi duy trì bền vững ở mức độ cao đã tạo tiền đề cho giáo dục trung học phát triển cả về quy mô, chất lượng. Số học sinh THCS tăng rất nhanh trong giai đoạn 2002 – 2007 và dần dần ổn định từ 2010 đến nay. Số tốt nghiệp THCS hàng năm trên 10.000 học sinh, đạt 99,5% số học sinh lớp 9. Trong thời gian này, việc phân luồng học sinh sau THCS, THPT đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo.

Thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị (khóa XI) về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, tăng cường phân luồng học sinh sau THCS và xóa mù chữ cho người lớn, Nghị quyết số 29-NQ/TU ngày

04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Tỉnh ủy, UBND tỉnh Lào Cai đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện. Đó là, Chương trình số 117-CTr/TU ngày 20/5/2013, Chương trình hành động số 153-CTr/TU ngày 06/01/2014 để chỉ đạo phát triển giáo dục, trong đó có định hướng phân luồng học sinh sau THCS, THPT để đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới. Đồng thời, Tỉnh đã Xây dựng Đề án đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2015-2020 (Đề án thành phần của Đề án số 06-ĐA/TU). Tiếp đó, tháng 2/2018, UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 23/2/2018 về Kế hoạch phân luồng học sinh sau THCS và THPT giai đoạn 2018-2020, định hướng đến 2025.

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho tỉnh, Lào Cai đã sớm định hướng tuyển học sinh xuất sắc tốt nghiệp THCS trong toàn tỉnh để tập trung bồi dưỡng, chuẩn bị cho đào tạo nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế xã hội; tập trung đầu tư, phát huy vai trò trường THPT Chuyên, trường THPT DTNT tỉnh, hàng năm tuyển mới học sinh khá, giỏi (khoảng 500 học sinh/năm) để đào tạo, bồi dưỡng tạo nguồn đào tạo nhân lực chất lượng cao. Ngoài việc nâng cấp trường Trung cấp sư phạm thành trường Cao đẳng Sư phạm (năm 2000), nâng cấp trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật thành trường Cao đẳng Cộng đồng (2012), trường Trung cấp Nghề thành trường Cao đẳng nghề (2014), tỉnh Lào Cai đã thành lập trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch (2009) để đào tạo năng khiếu nghệ thuật (sau sáp nhập với trường Cao đẳng Cộng đồng Lào Cai, duy trì khoa Nghệ thuật), thành lập cơ sở giáo dục đại học (Phân hiệu Đại học Thái Nguyên, nay đã sáp nhập CĐSP Lào Cai vào). Đó là những quyết sách chỉ đạo hết sức quan

trọng, có tính chất quyết định để tỉnh chủ động đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho địa phương, kết hợp với chính sách thu hút nhân lực nhằm đảm bảo đủ lao động có trình độ cao phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội.

Ngành giáo dục đã chỉ đạo các trường tích cực đẩy mạnh công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh. Các trường THPT, THCS đã tổ chức các Hoạt động để định hướng, phân luồng, tổ chức dạy Giáo dục hướng nghiệp 9 tiết năm học đối với học sinh từ lớp 9 đến lớp 12; xây dựng kế hoạch tổ chức tư vấn, hướng nghiệp, lựa chọn ngành nghề cho học sinh; mời phụ huynh học sinh tham gia hướng nghiệp; hướng dẫn, tư vấn học sinh làm hồ sơ dự thi vào các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp. Hình thức tổ chức đa dạng: Sinh hoạt đầu tuần, cuối tuần tại lớp; tập trung ngoài giờ trên lớp; hướng dẫn học sinh, phụ huynh tìm hiểu qua các kênh thông tin sách, báo, đài và tài liệu từ Internet; triển khai giáo dục trải nghiệm, xây dựng các mô hình giáo dục ở các nhà trường...

Quy mô học sinh THCS tăng, tạo tiền đề cho việc phân luồng sau THCS của tỉnh có những kết quả bước đầu; phân luồng học sinh sau THCS dần ổn định theo mục tiêu của Chỉ thị 10/CT-TW, tăng dần tỷ lệ lao động qua đào tạo, tăng dần học sinh vào học nghề tại các trường địa phương; thể hiện qua biểu sau:

<b>Luồng</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>
Số lượng học sinh tốt nghiệp THCS	9.576	10.205	10.201	10.706	11.105
Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào lớp 10 (THPT+GDTX)	67%	73,6%	73,1%	72,6%	68,4%
Tỷ lệ vào học trung cấp (tại trường CĐ, TC, TT GDNN)	4,5%	4,6%	4,79%	6%	16,7%

Tỷ lệ tham gia loại hình đào tạo ngắn hạn (sơ cấp, bồi dưỡng kỹ năng)	5%	6%	7%	8,2%	8,5%
Tỷ lệ đi lao động trực tiếp không qua đào tạo	23,5%	15,8%	15,11%	13,4%	6,4%

Phân luồng sau trung học phổ thông: Tốt nghiệp THPT hàng năm khoảng 6.000 học sinh. Số học sinh sau khi tốt nghiệp THPT học đại học trên 20% (trong đó, bình quân khoảng 5% học sinh giỏi); học cao đẳng 14%; học Trung cấp 13%. Trên 50% học sinh tốt nghiệp THPT tham gia các chương trình đào tạo nghề ngắn hạn, bồi dưỡng hoặc tham gia trực tiếp thị trường lao động không qua đào tạo.

Về cơ cấu nhân lực có sự chuyển biến phù hợp hơn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhóm ngành kinh tế, thương mại, dịch vụ chiếm 27%; nhóm ngành kỹ thuật, công nghiệp, mỏ 20%; nhóm ngành nông lâm, thủy lợi 15%; nhóm ngành sư phạm 8%; nhóm ngành năng khiếu, nghệ thuật 2%; nhóm ngành văn hóa và quản lý xã hội 14%; nhóm ngành y – dược chiếm 2%; nhóm ngành giao thông, xây dựng, kiến trúc chiếm 4%; còn lại một số ngành khác chiếm tỷ lệ nhỏ.

Qua kết quả phân luồng trên, bước đầu có thể đưa ra một số nhận xét như sau:

- Nhận thức về hướng nghiệp, phân luồng trong lãnh đạo các cấp, các nhà trường, giáo viên và học sinh và nhân dân đang có sự thay đổi tích cực; đặc biệt là từ sau khi UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Phân luồng học sinh số 63-KH/UBND. Cấp ủy, Chính quyền các huyện, thành phố đã chỉ đạo sát sao hơn, xây dựng kế hoạch giao chỉ tiêu cụ thể cho từng xã vận động học sinh đi học; các trường THPT, THCS, TTGDNN&GDTX, UBND các xã, phường, thị trấn đã có sự phối hợp, tích cực vận động, tạo mọi điều kiện, định hướng để học sinh đi học.

- Số lượng, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học lên tăng dần từng năm và phân theo các luồng khá hợp lý, đạt mục tiêu Kế hoạch Phân luồng của UBND tỉnh.

+ Đối với học sinh tốt nghiệp THCS từ năm 2018, phân luồng vào các hệ đào tạo có chuyển biến tích cực theo mục tiêu của Kế hoạch 63-KH/UBND của UBND tỉnh:

+ Học sinh vào lớp 10 trường THPT đạt 7273, đạt 94% so với Kế hoạch phân luồng; trong đó, đào tạo chất lượng cao tại trường THPT Chuyên là 353, đào tạo chất lượng cao cho học sinh dân tộc thiểu số tại trường THPT DTNT tỉnh là 175.

+ Học sinh vào học tại Trung tâm GDNN&GDTX để vừa học nghề vừa học văn hóa tăng lên rõ rệt: 1050 em/774 chỉ tiêu; vượt chỉ tiêu giao 35%.

+ Số lượng, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đi học nghề, học trung cấp tăng lên so với các năm học trước (năm 2016 là 4,79%, 2018 là 6%).

- Đối với học sinh TN THPT, tỷ lệ vào đại học có xu hướng giảm và ổn định, tăng dần tỷ lệ học sinh học nghề: Năm 2015 là 23%, năm 2017 là 21,3%, năm 2018 là 22% vào đại học. Cơ cấu ngành nghề học sinh vào đại học cơ bản phù hợp, nhóm ngành sư phạm liên tục giảm trong những năm gần đây và nhóm ngành kinh tế, thương mại, Dịch vụ tăng lên phù hợp dần với xu thế tái cơ cấu lại các ngành nghề của nền kinh tế và thực trạng nhân lực của tỉnh.

- Qui mô, hệ thống giáo dục tăng và có sự chuyển đổi cơ cấu hệ thống giáo dục – đào tạo hơn lý hơn, từng bước đáp ứng yêu cầu đào tạo giúp thực hiện mục tiêu phân luồng thuận lợi hơn. Đặc biệt, việc thành lập các trường trung cấp, cao đẳng, đại học tại địa phương, tăng dần các mã ngành đào tạo, sắp xếp, tổ chức lại loại hình TTGDNN-GDTX đã giúp cho tăng dần quy mô học sinh được học nghề tại địa phương.



*2.3.3. Về đội ngũ giáo viên làm công tác hướng nghiệp tại các trường THCS, THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai*

Lào Cai có 243 trường có cấp THCS và THPT, GDTX; trong đó, 197 trường có cấp THCS, 36 trường THPT, 10 TTGDNN-GDTX.

TT	Cấp học	Số trường thuộc vùng thấp	Số trường thuộc vùng giữa	Số trường thuộc vùng cao
1	THCS	91	44	62
2	THPT	27	3	6
3	GDTX	8	0	2

Tổng số CBQL, giáo viên cấp THCS, THPT, GDTX: 5.262; trong đó, giáo viên dạy hướng nghiệp: Cấp THCS là 197, cấp THPT là 36, GDTX là 10.

Tổng số học sinh cấp THCS: 51.208; cấp THPT: 18.388; GDTX: 2.303 Trong đó, đối tượng phải định hướng phân luồng cấp THCS là 19.864; cấp THPT là 7.086 học sinh; học viên GDTX là 2.303.

Số học sinh phải phân luồng theo vùng: THCS vùng cao là 6.012, vùng giữa là 2.893, vùng thấp là 10.959; học sinh THPT vùng cao là 1.263, vùng giữa là 539, vùng thấp là 5.284; học viên TTGDNN-GDTX vùng cao là 135, vùng thấp là 1.994.

Đối với giáo viên hướng nghiệp, tiến hành khảo sát 80/243 trường; mỗi trường khảo sát cán bộ quản lý phụ trách, giáo viên đang kiêm nhiệm giảng dạy hướng nghiệp. Đồng thời khảo sát về nội dung hướng nghiệp cho học sinh thuộc đối tượng phải hướng nghiệp cấp THCS, THPT.

Phương pháp sử dụng Phiếu khảo sát, phỏng vấn cán bộ quản lý, giáo viên kiêm nhiệm làm công tác hướng nghiệp tại 54 trường THCS, THPT với 480 phiếu; phân tích, tổng hợp kết quả khảo sát đồng thời phân tích tình hình chung của công tác hướng nghiệp, phân luồng, từ đó đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện hướng nghiệp, phân luồng.

- Kết quả khảo sát về mức độ thiết thực, phù hợp của chương trình, nội dung hướng nghiệp

TT	Nội dung	Mức độ cao		Trung bình		Thấp	
		Số lượng (Phiếu)	Tỷ lệ %	Số lượng (Phiếu)	Tỷ lệ %	Số lượng (Phiếu)	Tỷ lệ %
1	Sự cần thiết của công tác hướng nghiệp đối với HS THCS, THPT	305/480	63,54	175/480	36,46	0/480	0
2	Mức độ phù hợp của chương trình hướng nghiệp được lựa chọn giảng dạy tại đơn vị	47/480	9,7	385/480	80,3	48/480	10
3	Mức độ nội dung hướng nghiệp tạo hứng thú cho học sinh tại đơn vị	105/480	21,8	231/480	48,2	144/480	30
4	Tính thiết thực chương trình giáo dục hướng nghiệp hiện tại	226/480	47,09	189/480	39,37	65/480	13,54

Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết cán bộ, giáo viên cấp THCS, THPT nhận thức được yêu cầu, sự cần thiết của công tác hướng nghiệp cho học sinh

ở mức độ cao (63,54%). Điều này phù hợp với thực tế tại các đơn vị hiện nay bởi nhiều học sinh ra trường lựa chọn cho mình những ngành nghề chưa phù hợp với năng lực bản thân và gia đình nên ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống, việc làm của các em.

- Mức độ phù hợp của chương trình, nội dung và tính thiết thực của công tác hướng nghiệp chưa được cán bộ, giáo viên đánh giá nhiều ở mức độ cao; chủ yếu đánh giá ở mức Trung bình và Thấp cho thấy chương trình SGK hướng nghiệp được xuất bản cách đây hơn 10 năm có một số nội dung đã lạc hậu trong hoàn cảnh hiện nay. Các đơn vị chủ yếu lựa chọn chương trình nhằm định hướng cho học sinh ngành nghề trồng trọt, chăn nuôi (Trồng trọt: 212/480 – 44,16%; Chăn nuôi: 199/480 – 41,45%) chỉ phù hợp với điều kiện sẵn có của nhà trường hiện tại (về giáo viên, về đất đai) và cho rằng như vậy là phù hợp với học sinh ở nông thôn. Tuy nhiên, chưa phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã hội của đất nước, của tỉnh hiện nay.

- Tại một số đơn vị có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho trồng trọt và chăn nuôi thì đánh giá một số nội dung trong chương trình thiết thực ở mức độ cao (47,09%). Việc định hướng cho học sinh tận dụng lợi thế của địa phương và gia đình trong sản xuất nông nghiệp, kinh tế hộ gia đình nhưng đề phát huy tối đa lợi thế đó cần nhiều đến việc áp dụng KHKT trong sản xuất nông nghiệp, kinh tế tư nhân cũng là một hướng các trường tập trung chỉ đạo, song còn mang tính cảm tính, chưa tính toán đến yếu tố chuyển dịch cơ cấu kinh tế và học sinh mong muốn làm việc tại các khu đô thị, khu công nghiệp, Dịch vụ...

- Cán bộ, giáo viên tìm hiểu, giảng dạy chương trình hướng nghiệp cho HS THCS, THPT, cụ thể: Đối với THCS, đã thực hiện: 221/289 – 76,47%, chưa thực hiện: 68/289 – 23,53%; đối với THPT, đã thực hiện: 163/191 – 85,34%, chưa thực hiện: 28/191 – 14,66%. Việc cán bộ quản lý như Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách về công tác hướng nghiệp nhưng lại chưa

tìm hiểu về chương trình, nội dung hướng nghiệp cũng là một vấn đề đặt ra. Thực trạng hiện nay là giáo viên được phân công kiêm nhiệm công tác hướng nghiệp mới quan tâm tìm hiểu chương trình, nội dung hướng nghiệp để giảng dạy nhưng giáo viên đó không có chuyên môn và chưa được bồi dưỡng nên việc định hướng, tư vấn cho học sinh còn nhiều khó khăn, hạn chế, cảm tính, chưa tác động mạnh mẽ đến nhận thức của học sinh và cha mẹ học sinh.

- Chương trình nhà trường lựa chọn hướng học sinh vào ngành nghề ở tỉnh Lào Cai chủ yếu tập trung vào 2 ngành: Trồng trọt: 212/480 – 44,16% và Chăn nuôi: 199/480 – 41,45%. Các ngành khác được tập trung ít hơn: Công nghiệp: 41/480 – 8,54%; Công nghệ máy tính – 2/480 – 0,41%; Dịch vụ - Du lịch: 10/480 – 2,08; Kinh tế: 10/480 – 2,08; Nghề xã hội: 6/480 – 1,28%.

- Nhà trường hướng dẫn dạy hướng nghiệp cho học sinh, trọng tâm là biết cách nhận diện nghề nghiệp và định hướng cho các em theo đuổi nghề nào đó: 381/480 – 79,4%. Việc hướng đến các mục tiêu khám phá bản thân vẫn còn là một vấn đề rất đáng lưu tâm qua các chỉ số: HS tự phát hiện bản thân mình: 12/480 – 2,5%; HS thành thạo một nghề: 36/480 – 7,5%; nuôi dưỡng ở HS niềm thích thú, say mê với nghề nào đó: 51/480 – 10,6%;

- Chương trình hướng nghiệp hiện nay đang thực hiện cũng còn nhiều nổi cộm qua các chỉ số: Thiết thực, phù hợp với học sinh: 264/480 – 55%; Phù hợp với khả năng của giáo viên: 126/480 – 26,25%; Phù hợp, thiết thực với địa phương: 90/480 – 18,75. Trong đó, các ý kiến góp ý bổ sung của các nhà trường là về chương trình rất đáng lưu tâm là: Còn ít chương trình, chưa đáp ứng nhu cầu học sinh: 194/480 – 40,42%; chưa đủ điều kiện giảng dạy, thực hành: 266/480 – 55,42%; chưa phù hợp, chưa thiết thực với địa phương: 20/480 – 4,16%. Chương trình hướng nghiệp được đánh giá còn ít, chưa đảm bảo điều kiện về giảng dạy, thực hành. Đặc biệt là cán bộ, giáo viên chưa được tập huấn về công tác hướng nghiệp 60,84% là rất lớn, ảnh hưởng lớn đến chất lượng giảng dạy, chất lượng tư vấn, phân luồng cho học sinh. Tỷ lệ

học sinh hứng thú với chương trình, nội dung hướng nghiệp ở mức Trung bình và Thấp chiếm tới 78,2% là quá cao. Mặc dù đã được giao tự chủ, một số nhà trường chưa chủ động xây dựng chương trình giáo dục hướng nghiệp có chất lượng, phù hợp với đặc thù địa phương, nhà trường; chưa có cơ sở nào xây dựng chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với Hoạt động sản xuất, Kinh doanh, Dịch vụ của địa phương.

- Việc tập huấn về công tác hướng nghiệp và dạy nghề cho cán bộ, giáo viên, qua khảo sát cũng cho một kết quả đáng suy nghĩ: đã được tập huấn: 188/480 – 39,16; chưa được tập huấn: 292/480 - 60,84%. Tình trạng hiện nay là không có đội ngũ giáo viên chuyên trách về công tác giáo dục hướng nghiệp trong các trường phổ thông; cán bộ quản lý, giáo viên phụ trách công tác giáo dục hướng nghiệp ở nhiều cơ sở giáo dục còn chưa được tập huấn, đào tạo và bồi dưỡng còn số lượng lớn. Căn cứ trên Phiếu khảo sát, cùng với việc phỏng vấn trực tiếp cán bộ, giáo viên kiêm nhiệm công tác hướng nghiệp có thể thấy các trường phân công cán bộ, giáo viên kiêm nhiệm giảng dạy công tác hướng nghiệp chưa theo mục đích, yêu cầu của công tác hướng nghiệp mà cơ bản dựa theo cơ cấu giáo viên của trường để bố trí hợp lý với số tiết theo quy định của định mức lao động.

#### *2.3.4. Những hạn chế*

- Nhận thức về hướng nghiệp, phân luồng của một bộ phận cán bộ, giáo viên, nhân dân vùng cao còn mơ hồ, chưa rõ, chưa cụ thể, chưa thiết thực. Công tác bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, giáo viên chưa được quan tâm thỏa đáng; giáo viên hướng nghiệp còn ít thông tin, tài liệu; thông tin về cơ cấu, chuyển đổi ngành nghề của đất nước, của tỉnh chưa sâu sắc; chưa có kỹ năng hướng nghiệp tạo được sự chuyển biến về nhận thức cho học sinh; chủ yếu sử dụng phương pháp hướng nghiệp tập thể (giảng dạy trên lớp, tổ chức hướng nghiệp tập trung theo khối lớp hoặc học sinh toàn trường), vẫn chủ yếu định hướng cho học sinh học lên đại học với những ngành nghề có thu nhập cao

mang tính trước mắt, chưa định hướng được cho học sinh lựa chọn theo năng lực, sở trường và chưa chú trọng những ngành nghề mang tính chiến lược, ngành nghề kỹ thuật... Chất lượng, hiệu quả Hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở một số cơ sở giáo dục còn nhiều hạn chế; một số Hoạt động giáo dục hướng nghiệp còn hình thức, chưa đi vào thực chất.

- Học sinh đi học nghề còn thấp. So với mức bình quân chung toàn quốc, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đi học trung cấp thấp hơn 1,6%, tính cả số đi học nghề chỉ đạt 15% thấp hơn rất nhiều so với mục tiêu của Chỉ thị 10-CT/TW và Kế hoạch Đề án 522 của Chính phủ (30% tốt nghiệp THCS đi học nghề). Đối với học sinh tốt nghiệp THPT tỷ lệ học sinh học trung cấp thấp hơn toàn quốc 10%, đi học cao đẳng thấp hơn toàn quốc 5%. Tốt nghiệp THPT tham gia trực tiếp thị trường lao động không qua đào tạo đã giảm nhiều so với 2016 nhưng vẫn cao hơn bình quân toàn quốc.

- Quy mô, hệ thống đào tạo nghề nghiệp tại tỉnh còn nhỏ, ít cơ sở đào tạo, ít ngành nghề, nhất là quy mô đào tạo ngành nghề từ trình độ trung cấp trở lên. Toàn tỉnh có 40 cơ sở giáo dục nghề nghiệp (01 Trường Cao đẳng, 9 Trung tâm GDNN&GDTX, 01 Trung tâm KTTH-HNDN&GDTX, 4 Trung tâm Dạy nghề, 01 trung tâm giới thiệu việc làm có chức năng dạy nghề và 24 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hợp tác xã tham gia công tác dạy nghề); tuy nhiên, đào tạo trung cấp và cao đẳng nghề chỉ có tổng số 43 mã ngành.

- Công tác phối hợp giữa các cơ sở giáo dục với các ban ngành liên quan, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động chưa chặt chẽ; việc phối hợp tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh còn rất ít và khó khăn.

- Tài liệu chưa cập nhật kịp thời, chưa có thông tin chi tiết về cơ cấu việc làm của từng địa phương.

#### *2.3.5. Nguyên nhân chủ yếu của hạn chế*



- Hiểu biết của một bộ phận người dân về hướng nghiệp, phân luồng còn chưa đúng. Nhiều người còn coi trọng bằng cấp, cho rằng học nghề không có cơ hội phát triển. Nhiều phụ huynh, học sinh không lượng được sức học, sở trường của con em để lựa chọn hướng đi phù hợp; một bộ phận phụ huynh, nhất là ở vùng cao chưa quan tâm đúng mức đến việc học hành của con cái.

- Việc tuyên truyền, tư vấn, hướng nghiệp cho thanh niên, học sinh trong thời gian qua cơ bản chỉ thực hiện trong ngành giáo dục, nhiều cấp, nhiều ngành còn ngoài cuộc. Chưa có nhiều thông tin, đặc biệt là các thông tin về nhu cầu nhân lực của từng ngành, yêu cầu về phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp của từng nghề... để học sinh, phụ huynh tìm hiểu, lựa chọn. Một số trường đã tổ chức mời một số cơ sở đào tạo đến để hướng nghiệp tuy nhiên nội dung chỉ tập trung vào tuyên truyền, quảng bá, thông báo tuyển sinh vào các ngành nghề do chính cơ sở đào tạo, vì thế hiệu quả chưa cao.

- Ở vùng cao, người lớn đi làm thuê nhiều. Họ thấy có thu nhập trước mắt, trong khi điều kiện kinh tế gia đình khó khăn và thực trạng nhiều sinh viên không có việc làm sau tốt nghiệp nên cho con bỏ học giữa chừng đi làm cùng bố mẹ để kiếm tiền phụ giúp gia đình.

- Giáo viên tư vấn hướng nghiệp đều kiêm nhiệm và ít được tập huấn, bồi dưỡng nên còn hạn chế về kỹ năng, phương pháp, kiến thức công tác hướng nghiệp. Đặc biệt là thiếu tài liệu để bồi dưỡng và tự bồi dưỡng cho CBQL, GV.

Ngoài ra, những khó khăn trong công tác hướng nghiệp, phân luồng của địa bàn Lào Cai có thể kể đến là: Hiện tượng tảo hôn; bỏ học đi làm thêm bên kia biên giới; ít được tiếp cận thông tin về ngành nghề; gia đình chưa có truyền thống làm những ngành nghề có tính công nghiệp hay dịch vụ mà chủ yếu thuần nông với phương thức canh tác lạc hậu; hiểu biết của các em còn hạn chế do nguồn tài liệu ít; các ngành công nghiệp tại địa phương

chưa phát triển, tâm lý không muốn làm việc xa nhà. Cơ sở sản xuất kinh doanh chậm phát triển, ít doanh nghiệp lớn cần nhiều lao động...

#### ***2.4. Nhiệm vụ và giải pháp hướng nghiệp, phân luồng học sinh thời gian tới***

##### ***2.4.1. Mục tiêu***

Căn cứ pháp lý là mục tiêu đã xác định trong Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị, Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai, Kế hoạch số 63-KH/UBND ngày 23/2/2018 của UBND tỉnh Lào Cai; đồng thời, căn cứ nhu cầu thực tiễn tình hình hướng nghiệp, phân luồng học sinh trên địa bàn tỉnh Lào Cai và dự báo nhu cầu nhân lực trong giai đoạn mới để Xây dựng mục tiêu, giải pháp phân luồng hiệu quả hơn. Mục tiêu định hướng phân luồng học sinh tỉnh Lào Cai trong Kế hoạch số 63 – KH/UBND cơ bản phù hợp chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ và bám sát thực tiễn giáo dục Lào Cai<sup>2</sup>.

##### ***2.4.2. Nhiệm vụ, giải pháp cơ bản***

- *Tuyên truyền thay đổi nhận thức về định hướng, phân luồng học sinh đào tạo nhân lực*<sup>3</sup>

---

<sup>2</sup> Thay đổi nhận thức của xã hội về định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS và THPT; đào tạo nguồn nhân lực lao động đủ số lượng, cơ cấu, có chất lượng đảm bảo cung cấp cho các lĩnh vực kinh tế - xã hội; tạo cơ hội cho học sinh, sinh viên ra trường có việc làm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đào tạo. Đến năm 2020 có 81,3% thanh niên trong độ tuổi 15 – 18 được học THPT, học nghề trình độ trung cấp trở lên, trong đó có 71,2% thanh niên 18 tuổi có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung cấp (tương ứng khoảng 7.600 người). Đến năm 2021, có trên 81% thanh niên 18 tuổi có bằng tốt nghiệp THPT hoặc trung cấp, trong đó trên 71% có bằng tốt nghiệp THPT; trên 9% có bằng trung cấp; trên 20% tốt nghiệp THCS được học nghề sơ cấp, ngắn hạn. Duy trì các tỷ lệ này đến 2025.

**Đối với phân luồng sau THCS:** Đến năm 2020, học sinh trong độ tuổi 15 – 18 tốt nghiệp THCS phân theo các luồng: Học trường THPT 70% (30.700 học sinh); Học trường THPT và được đào tạo kỹ năng nghề nghiệp 3% (1.300 học sinh - Mục tiêu này từ 2019 đã điều chỉnh không tiếp tục thực hiện nữa); Học tại Trung tâm GDNN&GDTX 10% (4.390 học sinh); Học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác trong và ngoài tỉnh 17% (7.400 học sinh); Phần đầu có 14% học sinh được học nghề có trình độ trung cấp.

**Đối với phân luồng sau THPT:** Đến năm 2020: Học đại học 20%, học nghề 70% (cao đẳng, trung cấp), học ngắn hạn, bồi dưỡng 10% số tốt nghiệp THPT. Đến 2025, các tỷ lệ này lần lượt là 20%, 75% và 5% (Theo QĐ 522).

<sup>3</sup> Tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức cho phụ huynh, học sinh và toàn xã hội; định hướng nghề nghiệp đào tạo nhân lực theo hướng thiết thực gắn với việc làm; đặc biệt là khắc phục

- *Nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, tạo nguồn học sinh có chất lượng tốt nhất cho phân luồng đào tạo nhân lực<sup>4</sup>*
- *Nâng cao chất lượng và hiệu quả tư vấn, giáo dục hướng nghiệp<sup>5</sup>*
- *Củng cố, nâng cao năng lực, mở rộng quy mô đào tạo của các trường đào tạo nghề và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn để đáp ứng số lượng, nâng cao chất lượng<sup>6</sup>*

---

tâm lý an phận của học sinh vùng cao làm cho các em không muốn thoát ly gia đình sau khi tốt nghiệp THCS, THPT để đi học nghề, làm nghề xa nhà. Các lực lượng xã hội (tổ chức chính trị xã hội: Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội khuyến học ...) phải tham gia tuyên truyền từ cấp hội cơ sở. Các tổ chức xã hội nghề nghiệp: Hội khoa học kỹ thuật, Hội doanh nghiệp và Hiệp hội cần cung cấp kịp thời các thông tin nghề nghiệp cho các cơ quan quản lý giáo dục, nhà trường để tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức cho học sinh, thanh thiếu niên về định hướng nghề nghiệp. Cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành tiếp tục thực hiện tốt việc huy động học sinh đi học phổ cập giáo dục THCS, tốt nghiệp THCS đi học THPT, học trung cấp và đào tạo nghề. Bám sát định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội của tỉnh và đất nước trong từng giai đoạn để định hướng, tuyên truyền.

<sup>4</sup> Thực hiện có hiệu quả các Đề án Xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường chất lượng cao; Đề án Phát triển, nâng cao chất lượng hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú tỉnh Lào Cai. Nâng cao chất lượng giáo dục THCS tạo nguồn tuyển sinh vào THPT, trung cấp nghề, đặc biệt là đảm bảo nguồn tuyển sinh cho đào tạo chất lượng cao tại trường chuyên và trường PT DTNT tỉnh; nâng cao chất lượng giáo dục THPT tạo nguồn tuyển sinh vào cao đẳng, đại học. Tổ chức tốt các hoạt động chuyên môn: Đổi mới phương pháp dạy học, xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, đổi mới tổ chức các cuộc thi, xây dựng, nâng cao chất lượng các mô hình trường học gắn với thực tiễn... Chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu để sớm định hướng đào tạo, phát huy khả năng của các em.

<sup>5</sup> Nghiên cứu xây dựng bộ tài liệu tuyên truyền, hướng nghiệp cho học sinh cấp THCS, THPT phù hợp với thực tiễn Lào Cai để triển khai rộng rãi trong các nhà trường và xây dựng bộ sách cẩm nang nghề nghiệp dùng cho cha mẹ học sinh tham khảo. Xây dựng đội ngũ giáo viên làm công tác hướng nghiệp, cộng tác viên tư vấn hướng nghiệp đủ năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ. Cấp tỉnh: Xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho từng cấp học (THCS và THPT). Cấp huyện: Mỗi huyện xây dựng 01 tổ giáo viên cốt cán hoạt động giáo dục hướng nghiệp cấp THCS.

Thu hút các nhà khoa học, các nhà quản lý, giáo viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nhân... tham gia làm công tác tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh phổ thông. Các cấp quản lý, đặc biệt cấp xã, thôn phải nắm chắc số liệu thanh niên đã học nghề, chưa học nghề, đã có việc làm, chưa có việc làm làm cơ sở để tổ chức đào tạo, giới thiệu việc làm. Nâng cao chất lượng dạy nghề phổ thông gắn với mô hình thực tiễn; tổ chức các hoạt động thăm quan, trải nghiệm tại các nhà máy, xưởng sản xuất, nông trại..., sớm hình thành định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Khuyến khích tư vấn du học, đặc biệt du học nghề chất lượng cao tại các nước có uy tín đào tạo nhân lực như Singapo, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc... Tư vấn hướng nghiệp sớm cho học sinh bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, hiệu quả, đặc biệt là tích hợp vào các môn học giảng dạy trong hoạt động giáo dục trong nhà trường.

<sup>6</sup> Nâng cao năng lực cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn; củng cố trường Cao đẳng nghề, trang bị bổ sung thiết bị thực hành đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng. Tuyển dụng giáo viên dạy nghề có chất lượng, mở thêm mã ngành mới để đáp ứng quy mô, nhu cầu đào tạo nghề đa dạng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Củng cố Trung tâm GDNN&GDTX huyện, thành phố, bổ sung cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên dạy nghề để đủ sức đào tạo ngắn hạn và bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp. Bổ sung thêm phòng học, trang thiết bị, tài liệu để liên kết dạy nghề trình độ trung cấp. Đổi mới chương trình đào tạo, cập nhật bổ sung nội dung đào tạo, tăng cường thực hành, thực tập của học sinh. Thí điểm xây dựng chương trình đào tạo một số ngành xã hội, nội dung đào tạo linh hoạt đáp ứng được nhu cầu sử dụng nhân lực của đơn vị sử dụng lao động. Chú trọng nâng cao năng lực tự học, tự bồi dưỡng, nâng cao đạo đức nghề nghiệp, tác

- *Đổi mới công tác quản lý đào tạo nghề*<sup>7</sup>

- *Giải quyết việc làm cho người lao động qua đào tạo*<sup>8</sup>

**Tóm lại,** việc định hướng, phân luồng học sinh đã được Đảng, Nhà nước quan tâm chỉ đạo trong gần 40 năm trở lại đây, đã có một số kết quả, tuy nhiên còn rất nhiều khó khăn, hạn chế. Có nhiều nguyên nhân cả chủ quan và khách quan dẫn đến những hạn chế, bất cập trong phân luồng học sinh đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, song có lẽ nguyên nhân bao trùm là đất nước ta mới đổi mới, chuyển từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được 25 năm mà tỉnh Lào Cai không là ngoại lệ. Từ khi Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị 10 – CT/TW ngày 05 tháng 12 năm 2011 và Tỉnh ủy Lào Cai ban hành Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị 10 (số 117-CTr/TU ngày 20/5/2013), đặc biệt sau khi UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phân luồng số 63 – KH/UBND ngày 23/2/2018 đến nay, công tác định hướng, phân luồng học sinh sau THCS, sau THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai đã có những chuyển biến tích cực, đạt được kết quả bước đầu rất đáng khích lệ. Trong thời gian tới, để công tác định hướng, phân luồng học

---

phong, thái độ, kỉ luật, kĩ năng mềm cho học sinh học nghề. Tăng cường việc đào tạo gắn với thực tiễn hoạt động nghề nghiệp, gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo với đơn vị sử dụng lao động (đưa đơn vị sử dụng lao động tham gia xây dựng chương trình, tiêu chuẩn đầu ra và tham gia đào tạo). Đẩy mạnh giáo dục khởi nghiệp cho học sinh; khuyến khích thanh niên khởi nghiệp, lập công ty, cửa hàng, cơ sở sản xuất, tạo việc làm cho bản thân và những người khác.

<sup>7</sup> Các cơ quan quản lý phải quy hoạch ngành nghề, mở ngành nghề mới gắn với nhu cầu thực tiễn phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Tỉnh cần giao chỉ tiêu đào tạo trình độ trung cấp với đối tượng học sinh tốt nghiệp THCS cho trường Cao đẳng Lào Cai, có kiểm tra đánh giá và gắn với trách nhiệm người đứng đầu cơ sở đào tạo. Tiếp tục tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho người đứng đầu cơ sở đào tạo. Ban hành chính sách, cơ chế đầu tư, huy động xã hội hóa để phát triển giáo dục nghề nghiệp. Đảm bảo việc phối hợp chặt chẽ, xây dựng hệ thống cung cấp thông tin đầy đủ, tạo sự liên thông thông tin giữa Nhà trường – Nhà quản lý (Sở Lao động TBXH, UBND cấp huyện) – Nhà doanh nghiệp (đơn vị sử dụng lao động). Tổ chức các hội thảo liên ngành với sự tham gia của các thành phần nhà quản lý, nhà đào tạo, nhà sử dụng lao động và người lao động để bàn biện pháp tháo gỡ khó khăn, điều chỉnh chính sách, cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo, hiệu quả sử dụng nhân lực...

<sup>8</sup> Tiếp tục thực hiện các giải pháp phát triển doanh nghiệp, mở rộng cơ sở sản xuất, tạo thêm việc làm, thu hút lao động qua đào tạo. Nâng cao chất lượng hoạt động của các Trung tâm giới thiệu việc làm trên địa bàn tỉnh; công khai rộng rãi thông tin tuyển dụng lao động. Ban hành cơ chế, chính sách đặc thù để khuyến khích, hỗ trợ đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thu hút sử dụng lao động qua đào tạo của địa phương. Xây dựng, thực hiện cơ chế đào tạo nhân lực gắn với địa chỉ sử dụng, đặt hàng của doanh nghiệp; cơ chế cung cấp thông tin hằng năm về nhu cầu, tiêu chuẩn lao động của doanh nghiệp.

sinh đạt mục tiêu, phục vụ thiết thực cho việc đào tạo nhân lực có chất lượng, có cơ cấu hợp lý đáp ứng sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung, của tỉnh Lào Cai nói riêng, đòi hỏi các cấp, các ngành vào cuộc một cách mạnh mẽ hơn, tích cực hơn, quyết liệt hơn, đặc biệt là sự chủ động, ráo riết, quyết tâm cao của 2 ngành nòng cốt là giáo dục – đào tạo và Lao động Thương binh Xã hội để tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp hướng nghiệp, phân luồng học sinh mà UBND tỉnh Lào Cai đã xác định. Trong đó, việc nâng cao nhận thức của nhân dân, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở phổ thông; tăng quy mô đào tạo học sinh học nghề, nâng cao chất lượng đào tạo nghề, nhất là đào tạo nghề chất lượng cao góp phần cơ cấu lại lực lượng lao động đáp ứng chuyển dịch kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai trong giai đoạn mới là hết sức quan trọng.

## **Module 2**

### **GIỚI THIỆU MỘT SỐ LÝ THUYẾT HƯỚNG NGHIỆP [32, 34, 48]**

#### **1. Mục đích, yêu cầu**

##### ***1.1. Mục đích***

Theo kết quả phân tích thực trạng trên, ở Lào Cai, 100% GV kiêm nhiệm công tác hướng nghiệp, vì vậy, Module này sẽ cung cấp cho giáo viên những kiến thức lý thuyết căn bản, cốt lõi về hướng nghiệp được tổng hợp, chất lọc từ các lý thuyết hướng nghiệp phổ biến trong và ngoài nước<sup>9</sup> để giáo

---

<sup>9</sup> Cuốn “Quản lý hướng nghiệp ở cấp trung học”, nxb ĐHSP (2013) cung cấp nội dung 5 lý thuyết: Mô hình cung cấp dịch vụ hướng nghiệp, Vòng nghề nghiệp, Cây nghề nghiệp, Lý thuyết hệ thống, Mô hình lập kế hoạch nghề; Các cuốn “Tài liệu bổ sung sách giáo viên hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 9,10,11,12”, nxb ĐHQG, Hà Nội có bổ sung Bảng sáu nhóm tính cách theo lý thuyết mật mã Holland; Sơ đồ hình lục giác mật mã Holland; và Bảng các kỹ năng thiết yếu; Thuyết RIASEC (các lý thuyết này được trình bày sơ giản, chưa có hệ thống); cuốn Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh nêu “Thuyết đa trí và năng lực cá nhân” (không đưa vào tài liệu này). Các lý thuyết còn lại được in rải rác trong một số cuốn sách như “Những quy tắc trong quản lý”, Richard Templar, NXB Lao động, 2012; “Giáo trình đại cương khoa học quản lý”, Trần Kiểm, Nguyễn

viên có công cụ ban đầu thực hiện nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh tại cơ sở giáo dục; gồm có 10 nội dung:

- Mô hình cung cấp Dịch vụ hướng nghiệp;
- Vòng nghề nghiệp;
- Quy trình hướng nghiệp;
- Lý thuyết cây nghề nghiệp;
- Lý thuyết mật mã Holland;
- Lý thuyết hệ thống;
- Mô hình lập kế hoạch nghề;
- Lý thuyết vị trí điều khiển;
- Lý thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch;
- Lý thuyết Maslow về “Thang bậc nhu cầu” của con người.

### **1.2. Yêu cầu**

- GV nắm được nội dung cơ bản của các lý thuyết; có thể vận dụng mỗi lý thuyết trong từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể.

- GV có thể sử dụng bộ công cụ test kèm theo lý thuyết để khảo sát học sinh, Xây dựng kế hoạch tổ chức hướng nghiệp tại nhà trường.

## **2. Nội dung cơ bản của các lý thuyết**

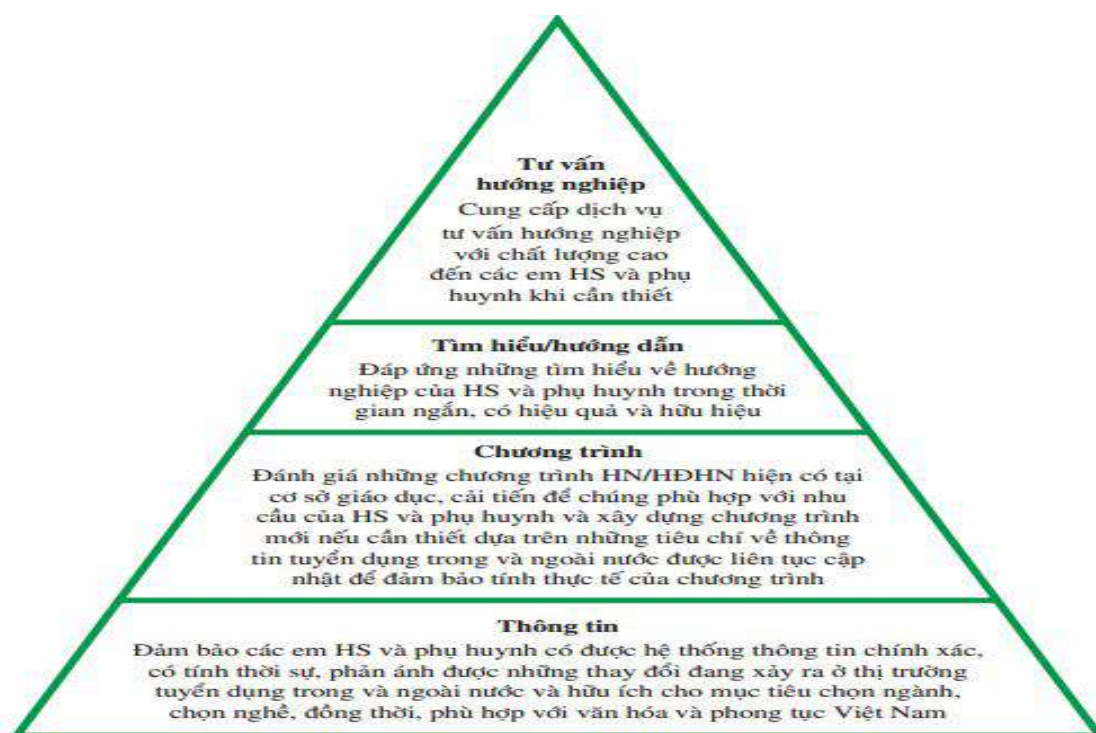
### **2.1. Mô hình cung cấp Dịch vụ hướng nghiệp**

Trong tất cả các lý thuyết hướng nghiệp, điều đầu tiên, người làm công tác quản lý hướng nghiệp cần hiểu rõ nhất để lập kế hoạch giáo dục hướng nghiệp cụ thể cho trường mình là mô hình cung cấp Dịch vụ hướng nghiệp (có thể gọi là tháp Dịch vụ hướng nghiệp). Nói chung, mô hình này khá mới mẻ đối với các trường học ở Lào Cai. Một số trường đã thực hiện một vài hoặc các khâu trong sơ đồ đó nhưng chưa có tính hệ thống và tính tổ chức rõ rệt.

---

Xuân Thức, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2012 và một số tài liệu trên trang <http://www.blueprint.edu.vn>. Tuy nhiên, CBQL, đa số giáo viên Lào Cai chưa được tập huấn các lý thuyết trên.

Sơ đồ mô hình như sau:



**Sơ đồ 1. Mô hình cung cấp dịch vụ hướng nghiệp**

#### 2.1.1. Mô tả nội dung mô hình

- Hộp thông tin (dưới cùng): trách nhiệm của cán bộ quản lý hướng nghiệp là giúp cho 100% HS của đơn vị nhận được Dịch vụ hướng nghiệp khi các em cần và phải làm cho HS biết đến sự hiện diện của Dịch vụ này để sử dụng đúng đắn, hiệu quả. Cung cấp thông tin hướng nghiệp đúng lúc, chính xác và đáp ứng nhu cầu cho HS. Có thể:

+ “Góc hướng nghiệp” trong thư viện để học sinh có thể tìm thấy các thông tin về tuyển sinh, các ngành nghề trong các trường ĐH, CD, trung cấp và đào tạo nghề một cách thuận tiện nhất. Các thông tin này phải luôn luôn được cập nhật.

+ Máy tính nối mạng internet để học sinh truy cập tìm thông tin hướng nghiệp cần thiết (có hướng dẫn của cán bộ hướng nghiệp của trường).

*Dịch vụ này được cung cấp cho 100% HS của nhà trường nhưng không phải tất cả HS sử dụng mà quan trọng là phải đảm bảo rằng, 100% HS đều có thể sử dụng Dịch vụ khi cần.*

- Hộp chương trình: những chương trình, Hoạt động hướng nghiệp trong nhà trường, bao gồm:

- + Nói chuyện toàn trường về hướng nghiệp;
- + Giao lưu giữa học sinh và diễn giả;
- + Các khóa học ngắn hạn và các tiết học về hướng nghiệp mà GV hướng nghiệp hay cán bộ Đoàn, Đội giúp học sinh trong từng khối lớp hay tất cả các khối lớp có thêm thông tin và các hướng dẫn về hướng nghiệp.

*Số lượng HS được nhận Dịch vụ này sẽ ít hơn.*

- Hộp tìm hiểu/hướng dẫn: Dịch vụ tìm hiểu và hướng dẫn để giúp học sinh hiểu biết sâu hơn về hướng nghiệp, có thể:

- + Các nhóm nhỏ;
- + Những giờ tư vấn nhất định trong tuần;
- + Học sinh đến gặp thầy cô mà không cần hẹn trước.
- + Dịch vụ này có thể do GV hướng nghiệp đã được huấn luyện cơ bản.

*Số học sinh nhận được Dịch vụ này ít hơn so với Dịch vụ mô tả ở hộp chương trình.*

- Hộp tư vấn, hướng nghiệp: dành cho những HS có các vấn đề quan trọng về hướng nghiệp và cần được tư vấn cá nhân nhiều lần.

*(Dịch vụ này, tốt nhất là GV tư vấn hướng nghiệp đã được huấn luyện trong lĩnh vực tâm lý hay tư vấn thực hiện).*

### *2.1.2. Ý nghĩa*

Thực tế, mỗi nhà trường ở Lào Cai đều có hạn chế nhất định về nhân sự, cơ sở vật chất, tài chính và thời gian để thực hiện nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp. Do vậy, việc hiểu rõ mô hình cung cấp Dịch vụ hướng nghiệp sẽ giúp cho các cán bộ quản lý hướng nghiệp, cán bộ, GV hướng nghiệp có tầm nhìn xa, xây dựng kế hoạch dài hạn, ngắn hạn để phát triển Dịch vụ hướng nghiệp theo Mô hình cung cấp Dịch vụ hướng nghiệp hình tháp, từ đó xác định cụ thể các Dịch vụ hướng nghiệp mà cơ sở giáo dục có thể cung cấp



cho HS nhằm đảm bảo tất cả HS đều nhận được Dịch vụ ở một khía cạnh nào đó trong thời gian các em học ở trường.

Dịch vụ hướng nghiệp ở nhà trường chỉ hiệu quả khi đưa ra được các Hoạt động mang tính hướng nghiệp đến tất cả các HS trong trường ở những mức độ khác nhau và theo các phương pháp khác nhau.

## 2.2. Vòng nghề nghiệp

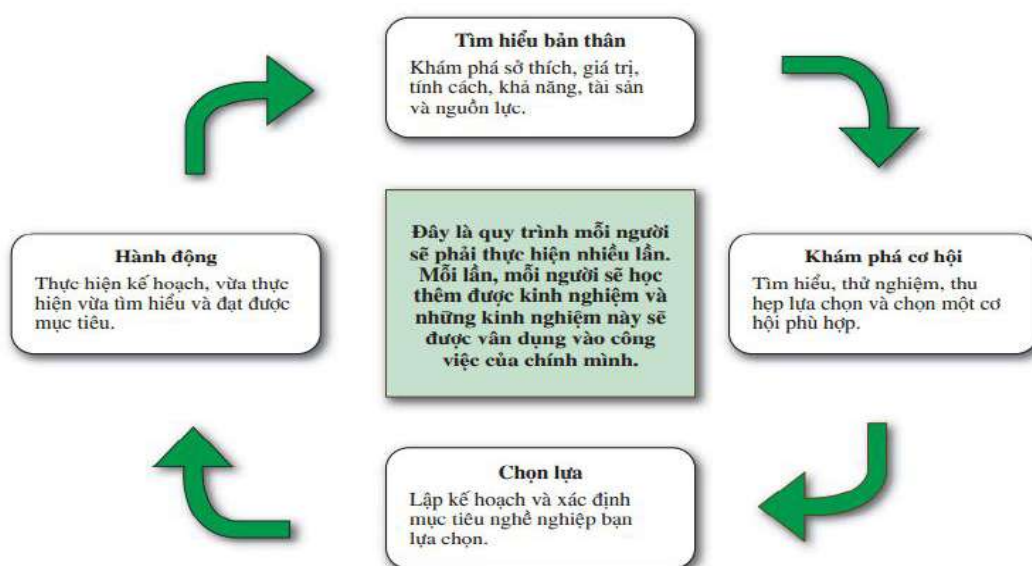
### 2.2.1. Nội dung chủ yếu

- Định hướng, phát triển nghề nghiệp là một quy trình mà mỗi người phải thực hiện nhiều lần trong cuộc đời; gồm:

- + Nhận thức bản thân;
- + Khám phá cơ hội phù hợp;
- + Lập kế hoạch sau khi xác định mục tiêu nghề nghiệp;
- + Thực hiện kế hoạch; đánh giá kế hoạch đã lập có tốt hay không.

- Vấn đề là mỗi HS biết mình đang ở giai đoạn nào trong quy trình này.

Sự hiểu biết này **giúp HS bớt lo lắng và nản lòng**. Trái lại các em sẽ chủ động đặt kế hoạch cho bước kế tiếp trong phát triển nghề nghiệp bản thân.



**Sơ đồ 2. Vòng nghề nghiệp**

### 2.2.2. Ý nghĩa

Vòng nghề nghiệp chỉ ra những bước đi và công việc cụ thể cần làm để chọn được nghề phù hợp. Hiểu rõ sơ đồ vòng nghề nghiệp, GV có cơ sở để tổ chức, hướng dẫn HS thực hiện các Hoạt động hướng nghiệp, bắt đầu từ việc tìm hiểu bản thân, tiếp đến là các hành động thực tiễn. Nhờ đó, HS có cơ sở vững chắc để đưa ra quyết định chọn hướng đi phù hợp cho bản thân.

### 2.3. Quy trình hướng nghiệp

Giáo dục hướng nghiệp là một quá trình lâu dài, được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau theo một quy trình đã được xác định nhằm “giúp học sinh có kiến thức về nghề nghiệp và có khả năng lựa chọn nghề trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường của cá nhân với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội”.

Thực tế khảo sát việc hướng dẫn dạy hướng nghiệp cho học sinh ở Lào Cai hướng đến mục tiêu HS tự phát hiện bản thân mình chỉ đạt 2,5%, HS thành thạo một nghề chỉ đạt 7,5%, nuôi dưỡng ở HS niềm thích thú, say mê với nghề nào đó chỉ đạt 10,6% là mức độ còn thấp, vì vậy, lý thuyết này rất cần thiết khi thực hiện nhiệm vụ hướng nghiệp ở Lào Cai.

#### 2.3.1. Nội dung chủ yếu

- Quy trình hướng nghiệp gồm 3 bước:

+ Bước 1: Quan trọng nhất cần làm trong hướng nghiệp là giúp học sinh trả lời được câu hỏi: Em là ai? trên cơ sở hướng dẫn học sinh khám phá bản thân qua những bài tập suy ngẫm, các bài trắc nghiệm và tư vấn cá nhân (theo bộ phiếu trắc nghiệm chúng tôi trình bày ở các phần sau).

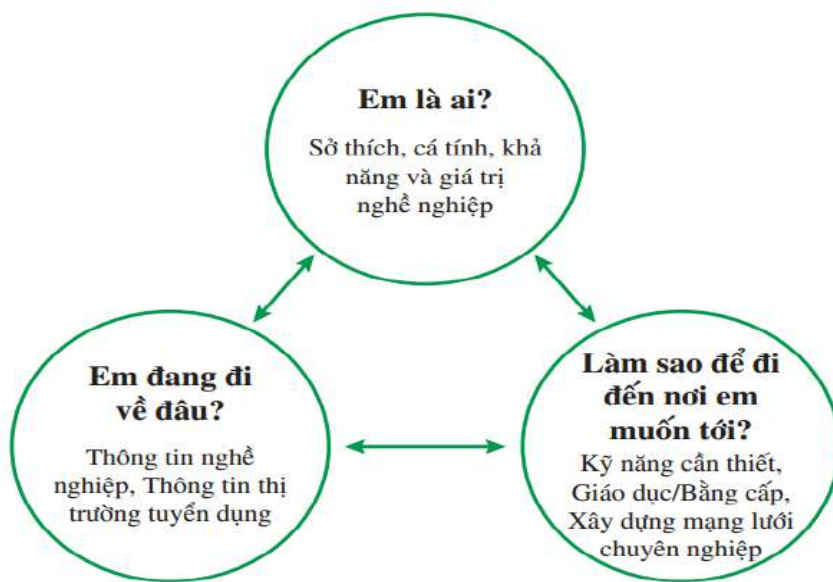
+ Bước 2: Giúp học sinh trả lời được câu hỏi: Em đang đi về đâu? trên cơ sở hướng dẫn học sinh tìm hiểu thông tin nghề nghiệp qua các bài tập tìm hiểu nghề, trải nghiệm, các trang web, làm bài tập phỏng vấn nghề nghiệp và tư vấn cá nhân (ở những phần sau sẽ cung cấp tài liệu về các nội dung này).

+ Bước 3: Giúp học sinh trả lời được câu hỏi: Làm sao để đi đến nơi em muốn tới? trên cơ sở hướng dẫn, hỗ trợ học sinh lập kế hoạch nghề nghiệp để theo đó thực hiện nhằm đạt được mục tiêu nghề nghiệp.

- Quy trình hướng nghiệp có thể lặp đi lặp lại trong những giai đoạn khác nhau của cuộc đời mỗi người. Đặc điểm của quy trình hướng nghiệp là bước 1, bước 2 và bước 3 có ảnh hưởng, tác động qua lại chặt chẽ với nhau. Kết quả thực hiện bước trước là cơ sở để thực hiện bước sau. Ngược lại, kết quả thực hiện bước sau có thể giúp học sinh nhìn nhận, đánh giá lại kết quả thực hiện bước trước đó để bổ sung, điều chỉnh.

**Ví dụ,** sau khi lập kế hoạch nghề nghiệp (bước 3), học sinh có thể nhận ra mình chưa hiểu rõ về thị trường tuyển dụng lao động (bước 2) hoặc nhận ra mình chưa hiểu rõ về bản thân (bước 1). Trong trường hợp này, học sinh có thể quay trở lại thực hiện bước 2 hoặc bước 1 trước khi hoàn tất bước 3.

- Sơ đồ:



**Sơ đồ 3. Quy trình hướng nghiệp**

### 2.3.2. Ý nghĩa

- Đối với HS: Quy trình hướng nghiệp là cơ sở quan trọng để xác định các công việc cần làm và các bước đi cụ thể khi tiến hành giáo dục hướng nghiệp cho HS, đặc biệt cấp THCS và THPT.

- Đối với cán bộ quản lí và GV làm nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp: Quy trình hướng nghiệp giúp mỗi người nhìn thấy trước nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp cần thực hiện và bước đầu đưa ra định hướng để tiến hành giáo dục hướng nghiệp.

#### **2.4. Lý thuyết cây nghề nghiệp**

Lý thuyết này nêu lên các nguyên tắc khám phá bản thân gắn với vấn đề giá trị nghề nghiệp, còn khá mới mẻ với các nhà trường Lào Cai, vì vậy, GV làm công tác hướng nghiệp cần phải lưu tâm.

##### **2.4.1. Nội dung chủ yếu [dẫn theo 34]**

- Mô hình cây nghề nghiệp gồm có 2 phần: Rễ và Ngọn.

+ Phần Ngọn: Cơ hội việc làm, môi trường việc làm tốt, công việc ổn định, lương cao, được nhiều người tôn trọng... Đây là kết quả của việc chọn nghề.

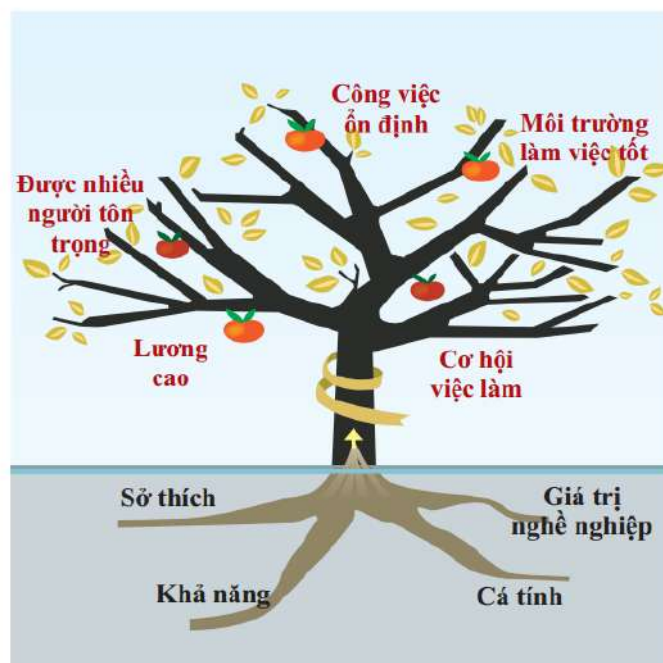
+ Phần rễ (có thể coi là 4 vấn đề): Sở thích; Khả năng; Cá tính; Giá trị nghề nghiệp<sup>10</sup>.

- 4 vấn đề trên có vai trò quan trọng trong việc chọn hướng học, chọn nghề phù hợp và được coi là phần “Rễ” của cây nghề nghiệp.

---

<sup>10</sup> Giá trị nghề nghiệp là những điều được cho là quý giá, là quan trọng, và có ý nghĩa mà mỗi người mong muốn đạt được khi trở thành người lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp nào đó. Nói cách khác, *giá trị nghề nghiệp chính là những nhu cầu quan trọng cần được thỏa mãn của mỗi người khi tham gia lao động nghề nghiệp*. Do quan niệm, nhận thức, và điều kiện sống của mỗi người khác nhau nên *giá trị nghề nghiệp* của mỗi người cũng khác nhau. Có người cho rằng giá trị nghề nghiệp của họ chỉ đơn giản là có công việc ổn định, thu nhập đảm bảo cho cuộc sống của bản thân và gia đình; Có người lại coi sự thăng tiến trong nghề nghiệp để được giữ vai trò lãnh đạo là giá trị nghề nghiệp của họ... Việc tìm hiểu để biết rõ giá trị nghề nghiệp của bản thân đóng vai trò rất quan trọng trong việc quyết định nghề nghiệp. *Giá trị nghề nghiệp chính là động lực thúc đẩy người ta chọn nghề đó, quyết định tiếp tục với nghề đó hay đổi nghề khác, phản ánh mức độ thỏa mãn, hạnh phúc trong nghề nghiệp của mỗi người*. Nghiên cứu cho thấy có đến 90% người lao động đổi công việc vì giá trị nghề nghiệp của họ không được thỏa mãn.

Rễ có khỏe thì cây mới khỏe và ra hoa, kết trái như mong muốn của người trồng cây. Vì vậy, muốn lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, trước hết phải hiểu rõ sở thích, khả năng, cá tính, giá trị nghề nghiệp của bản thân; đồng thời phải dựa vào chính những hiểu biết này để lựa chọn nghề nghiệp. Nguyên tắc là **phải chọn nghề theo “Rễ”** vì đây là yếu tố ảnh hưởng quyết định tới sự ra hoa, kết trái của cây nghề nghiệp. Thực tế đã chứng minh, những người quyết tâm chọn nghề và theo đuổi nghề phù hợp với “Rễ” sẽ có nhiều khả năng thu được “quả ngọt” trong Hoạt động nghề nghiệp như: Có cơ hội việc làm cao, được nhiều người tôn trọng, lương cao, công việc ổn định...



**Hình 1. Mô hình lý thuyết cây nghề nghiệp**

#### 2.4.2. Ý nghĩa

- Lý thuyết Cây nghề nghiệp là lý thuyết quan trọng nhất trong hướng nghiệp vì nó chỉ ra công việc đầu tiên cần làm khi giáo dục hướng nghiệp là phải giúp học sinh **nhận thức đầy đủ về bản thân** để các em chọn được nghề phù hợp với “Rễ”, tránh tình trạng chọn nghề theo “Ngọn”, chọn nghề theo cảm tính, theo ý kiến của người khác hoặc chọn nghề theo trào lưu.

- Việc giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trong trường phải dựa vào lý thuyết cây nghề nghiệp. Vì:

+ Phần lớn HS được hỏi: “Vì sao em học ngành này hay thích nghề này?”, câu trả lời thường là: “Vì công việc này hiện đang được xem là nóng trong thị trường”, “Vì cơ hội việc làm của công việc này cao”, “Công việc này trả lương tương đối cao so với các việc khác”... Những câu trả lời trên cho thấy học sinh đó đã chọn nghề theo “Ngọn”, không chọn nghề theo “Rễ” của cây nghề nghiệp là không nên bởi những Ngọn và “trái ngọt” của cây nghề nghiệp chỉ có được khi các em được làm công việc phù hợp với sở thích và khả năng của bản thân, hay còn gọi là “gốc rễ” của cây nghề nghiệp. Lý do:

\* Một công việc có thể được xem là rất thịnh hành không có nghĩa là ai học nó ra cũng có việc làm tốt.

\* Các cơ quan, doanh nghiệp chỉ tuyển dụng những người lao động có đam mê và khả năng phù hợp với vị trí công việc chứ không tuyển dụng người nào đó chỉ vì họ đã tốt nghiệp ở ngành nghề “hot”.

\* Việc học và tốt nghiệp một ngành nào đó không đủ để chứng minh là người đó có khả năng làm việc tốt ở vị trí tuyển dụng.

\* Trong thực tế đã có không ít trường hợp người lao động bị cho thôi việc sau thời gian thử việc do không chứng minh được sở thích nghề nghiệp, khả năng của bản thân ở vị trí công việc được giao.

+ Có một thực tế trong các trường học Lào Cai hiện nay là tình trạng nghèo nàn về chương trình, ngành nghề hướng nghiệp, tình trạng có gì dạy nấy nên nhà trường chỉ lựa chọn hướng học sinh vào một số nghề và rất mất cân đối: trồng trọt: 44,16%; chăn nuôi: 41,45%; công nghiệp: 8,54%; công nghệ máy tính 0,41%; Dịch vụ - du lịch: 2,08; Kinh tế: 2,08; Nghề xã hội: 1,28%); chưa đáp ứng được nguyện vọng học sinh; khả năng, yêu cầu về đào tạo nguồn nhân lực.

## **2.5. Lý thuyết mật mã Holland (Holland codes)**

Lý thuyết này do nhà tâm lý học John Holland (1919-2008) phát triển.

### **2.5.1. Nội dung chủ yếu**

2.5.1.1. John Holland đưa ra lý thuyết RIASEC dựa trên 8 giả thiết, trong đó có 5 giả thiết cơ bản và một số luận điểm rất có giá trị trong hướng nghiệp:

- *Giả thiết 1:*

+ Bất kì ai cũng thuộc một trong 6 kiểu người đặc trưng sau đây:

\*Realistic (R) - Tạm dịch là người thực tế, thuộc nhóm Kỹ thuật (KT);

\*Investigate (I) - Tạm dịch là nhà nghiên cứu, thuộc nhóm Nghiên cứu (NC);

\*Artistic (A) - Nghệ sĩ, thuộc nhóm Nghệ thuật (NT);

\*Social (S) - Tạm dịch là người công tác xã hội, thuộc nhóm Xã hội (XH);

\*Enterprising (E) - Tạm dịch là người dám làm, thuộc nhóm Quản lý (QL);

\*Conventional (C) - Tạm dịch là người tuân thủ, thuộc nhóm Nghiệp vụ (NV).

Sáu chữ cái của 6 kiểu người đặc trưng gộp là thành chữ RIASEC.

+ Những người thuộc cùng một kiểu người có sở thích tương đối giống nhau: Chẳng hạn, người mang mã S (XH) rất thích tiếp xúc với người và thấy khó khăn khi tiếp xúc với vật thể; người mang mã E (QL) thích tiếp xúc với dữ liệu và người; người có mã A (NC) lại thích tiếp cận với ý tưởng và vật thể; người mã C (NV) thích tiếp xúc với dữ liệu và vật thể; người mang mã A (NT) thì thích tiếp xúc với ý tưởng và người.

- *Giả thiết 2:* Có 6 loại môi trường tương ứng với 6 kiểu người nói trên.

Môi trường tương ứng với kiểu người nào thì kiểu người ấy chiếm đa số trong

số người thành viên của môi trường ấy. Ví dụ: môi trường có hơn 50% số người có mã S (XH) trội nhất thì đó là môi trường loại S (XH).

- *Giả thiết 3:* Ai cũng tìm được môi trường phù hợp cho phép mình thể hiện được kĩ năng, thái độ và hệ thống giá trị của mình.

- *Giả thiết 4:* Thái độ ứng xử của con người được quy định bởi sự tương tác giữa kiểu người của mình với các đặc điểm của môi trường; **ví dụ,** người mang mã A (NT) được tuyển chọn vào môi trường A (NT) sẽ dễ dàng cảm thông với người xung quanh, mau chóng bắt nhịp với công việc, được đồng nghiệp tin yêu và có nhiều cơ hội thành công trong công việc.

- *Giả thiết 5:* Mức độ phù hợp giữa một người với môi trường có thể được biểu diễn trong mô hình lục giác Holland. Có 4 mức phù hợp giữa kiểu người và loại môi trường:

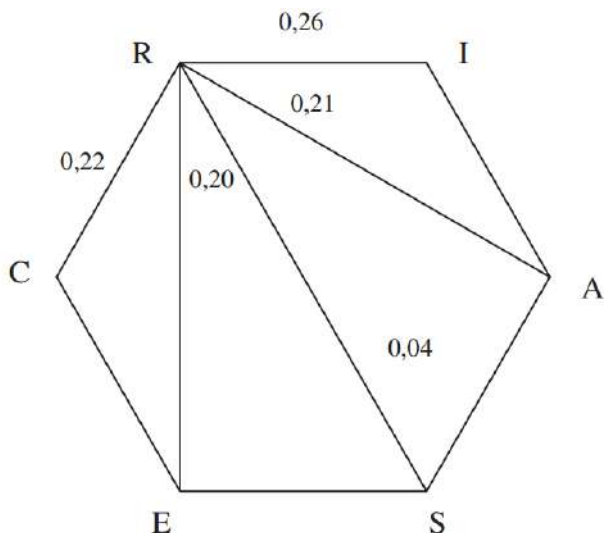
+ Kiểu người nào làm việc trong môi trường nấy là mức phù hợp cao nhất; ví dụ: kiểu người A (NT) làm việc trong môi trường A (NT);

+ Người nào làm việc trong môi trường cận kề với kiểu người của mình (cùng một cạnh của lục giác) là mức độ phù hợp thứ nhì; **ví dụ:** R (KT) - I (NC) (người kiểu R (KT) làm việc trong môi trường I (NC));

+ Người nào làm việc trong môi trường cách 1 đỉnh của lục giác sẽ có mức phù hợp thứ 3, ví dụ I (NC) – C (NV) (kiểu người I làm việc trong loại môi trường C);

+ Còn kiểu ít phù hợp nhất là khi kiểu người và loại môi trường nằm ở 2 đỉnh đối xứng trong lục giác, **ví dụ** R (KT) - S (XH) hay E (QL) – I (NC) hay A (NT) – C (NV).





**Sơ đồ 4. Mô hình lục giác Holland**

*2.5.1.2. Từ những giả thiết Holland trên, có thể rút ra 2 kết luận:*

- Hầu như ai cũng có thể được xếp vào một trong sáu kiểu tính cách và có sáu môi trường Hoạt động tương ứng với 6 kiểu tính cách, đó là: Nhóm kỹ thuật; Nhóm nghiên cứu; Nhóm nghệ thuật; Nhóm xã hội; Nhóm quản lý; Nhóm nghiệp vụ.

- Nếu một người chọn được công việc phù hợp với tính cách của họ, thì họ sẽ dễ dàng phát triển và thành công trong nghề nghiệp. Nói cách khác, những người làm việc trong môi trường tương tự như tính cách của mình, hầu hết sẽ thành công và hài lòng với công việc.

Trong thực tế, tính cách của nhiều người không nằm gọn trong một nhóm mà thường kết hợp của 2 nhóm tính cách, có khi còn nhiều hơn, **ví dụ:** I (NC) – R (KT), A (NT) – S (XH)...Do đó, khi tìm hiểu bản thân có thể phải xem xét ở nhiều hơn một nhóm tính cách.

**\*Lưu ý:** Đối với học sinh dân tộc vùng cao Lào Cai, do điều kiện tiếp xúc với các môi trường xã hội – nghề nghiệp ít hơn học sinh vùng thấp, nên việc hình thành các sở thích và bộc lộ chúng có thể sẽ gặp khó khăn hơn học sinh ở vùng thấp, thành phố, thị trấn. Vậy nên, GV làm công tác tư vấn hướng

nghiệp cần nắm chắc điểm cơ bản của lý thuyết, đồng thời, dành thời gian thỏa đáng để tìm hiểu học sinh, khuyến khích học sinh tìm hiểu sở thích cá nhân và bộc lộ bản thân.

*(Có thể tham khảo thêm nội dung của từng nhóm tính cách theo lý thuyết mật mã Holland ở phần phụ lục để hiểu sâu hơn về lý thuyết này).*

#### 2.5.2. Ý nghĩa

Lý thuyết mật mã Holland có liên quan rất chặt chẽ với Lý thuyết cây nghề nghiệp vì sử dụng Lý thuyết mật mã Holland là một trong những cách giúp học sinh biết được sở thích và khả năng nghề nghiệp của bản thân và những nghề nghiệp phù hợp nhanh nhất, dễ làm nhất. Vì vậy, khi giáo dục hướng nghiệp, các cơ sở giáo dục nên tổ chức **cho học sinh làm trắc nghiệm tìm hiểu sở thích** và khả năng nghề nghiệp của bản thân theo lý thuyết mật mã Holland để giúp các em xác định được “Em là ai”, “em có những sở thích và khả năng nghề nghiệp gì”, làm cơ sở để chọn hướng học, chọn nghề phù hợp.

*(Mẫu phiếu trắc nghiệm kèm theo trong tài liệu này)*

Chú ý: Khi sử dụng trắc nghiệm theo lý thuyết mật mã Holland, cần chú ý về những trường hợp đặc biệt sau:

- 1, Người thích hợp cả 6 nhóm,
- 2, Người không thuộc về nhóm nào,
- 3, Người thuộc về hai nhóm đối nghịch nhau.

- Người thích hợp cả 6 nhóm: Là những người sau khi làm trắc nghiệm thấy mình có sở thích và khả năng nghề nghiệp rộng, trải đều cả sáu nhóm. Thông thường những người có đặc điểm này phải mất một thời gian dài mới tìm được công việc mình thực sự yêu thích. Cũng có trường hợp, họ sẽ làm một số công việc cùng một lúc.

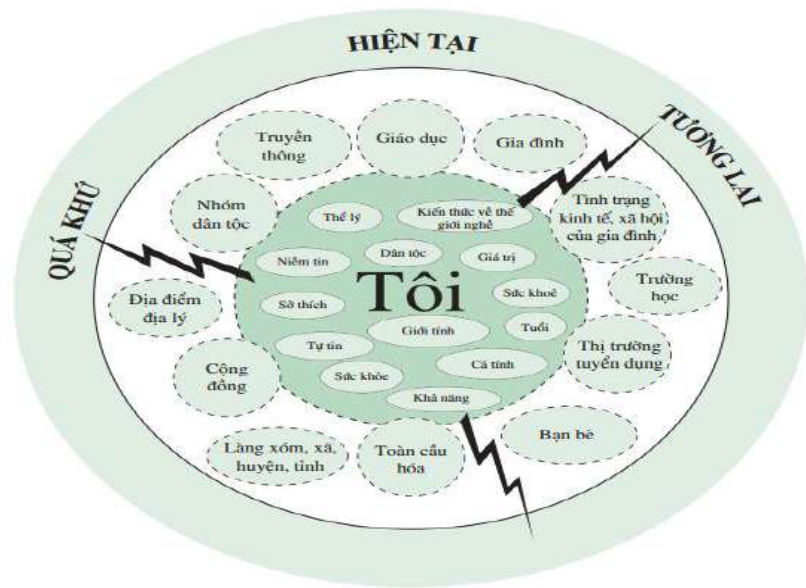
- Người không thuộc về nhóm nào: Là những người thấy mình có sở thích và khả năng rất thấp ở tất cả các nhóm, gần như không nổi trội ở nhóm

nào. Thông thường, những người có đặc điểm này cần phải có cơ hội trải nghiệm thêm ở những môi trường Hoạt động khác nhau trước khi hiểu được bản thân hơn. Có những trường hợp, các em HS có các khả năng trong mỹ thuật, âm nhạc và thủ công mỹ nghệ nhưng không được gia đình khuyến khích hoặc chưa bao giờ có cơ hội tiếp cận với những lĩnh vực này thì khó mà biết được những sở thích và khả năng nghề nghiệp của mình.

- Người thuộc về hai nhóm đối lập nhau: Là những người có sở thích và khả năng nghề nghiệp ở các nhóm đối lập nhau; ví dụ: C (NV) và A (NT); S (XH) và R (KT); E (QL) và I (NC). Thông thường, những người có đặc điểm này thường cảm thấy mâu thuẫn với chính bản thân vì các đặc điểm của hai nhóm đối lập rất khác nhau. Những người này sau khi hiểu được bản thân và học được cách kết hợp, dung hòa giữa hai nhóm sẽ tìm được câu trả lời cho mục tiêu nghề nghiệp của đời mình.

Khi gặp các trường hợp trên thì không nên cho các em một câu trả lời khẳng định, điều quan trọng là người làm tư vấn hướng nghiệp cần hiểu rằng, trắc nghiệm, đặc biệt là trắc nghiệm trong nghiên cứu tự định hướng nghề nghiệp là công cụ để giúp học sinh bắt đầu tự hỏi về bản thân, về thế giới nghề nghiệp. **Trắc nghiệm chỉ là một công cụ để khơi gợi suy nghĩ** và nhận thức của mỗi người, chứ không phải là câu trả lời chính xác duy nhất cho các câu hỏi về hướng nghiệp. Học sinh nói chung và học sinh dân tộc vùng cao Lào Cai nói riêng, nhìn chung là dễ hình thành niềm tin khi có kết quả trắc nghiệm; vì vậy, ngay sau khi hướng dẫn các em làm trắc nghiệm, GV tư vấn hướng nghiệp, nhất là ở vùng cao, cần phải nói thật rõ ý trên, đồng thời hướng dẫn kỹ cho các em cách suy nghĩ, tự tìm hiểu về bản thân, về thế giới nghề nghiệp; suy nghĩ thấu đáo rồi mới đi đến quyết định lựa chọn.

2.6. Lý thuyết hệ thống



Hình 2. Mô hình lý thuyết hệ thống

2.6.1. Nội dung chủ yếu

Mỗi người là một cá thể sống trong một hệ thống phức tạp, đa dạng và chịu nhiều ảnh hưởng từ các yếu tố khác nhau ở những thời điểm khác nhau. Ở mức độ cá nhân, những ảnh hưởng ấy đến từ bên trong, gồm khả năng, sở thích, cá tính, giá trị, tuổi tác, giới tính, sức khỏe, định kiến và khuôn mẫu giới... Ở mức độ xã hội, những ảnh hưởng ấy là cha mẹ, các thành viên khác trong gia đình, bạn bè, hệ thống truyền thông, mạng xã hội... Và, ở mức độ môi trường xã hội, những tác động, ảnh hưởng ấy là vị trí địa lý, hoàn cảnh kinh tế- xã hội, toàn cầu hóa, các định kiến và khuôn mẫu giới...

Những quyết định trong quá khứ của mỗi người sẽ ảnh hưởng đến hiện tại, và những quyết định trong thời điểm hiện tại sẽ ảnh hưởng đến tương lai. Sự ảnh hưởng hoặc tác động của từng yếu tố chủ quan và khách quan đối với quyết định chọn nghề của mỗi người không như nhau vì còn phụ thuộc vào từng thời điểm, nhận thức, điều kiện, khả năng và phản ứng của mỗi người trước từng yếu tố.

**Ví dụ 1:** Một học sinh dân tộc vùng cao chưa có các ngành công nghiệp, gia đình truyền thống làm nghề nông. Học sinh đó chịu ảnh hưởng và

chi phối từ người bố. Bố em chỉ muốn em học xong, đủ tuổi, lấy vợ và ở lại địa phương làm nông nghiệp. Nhưng bản thân học sinh đó lại thích đi học nghề và làm thợ cơ khí trong một nhà máy, đồng nghĩa với việc em phải thoát ly gia đình đi nơi khác làm việc. Trước tình huống này thì việc đầu tiên, GV tư vấn hướng nghiệp cần thảo luận cùng học sinh phân tích xem liệu bố em có cho em đi hay không; sau đó, phải làm gì để thuyết phục bố em đồng ý cho thực hiện nguyện vọng đó. Nếu thuyết phục không được, thì học sinh đó phải làm gì để có thể vừa theo ý bố vừa phù hợp với nguyện vọng, sở thích và khả năng của mình.

**Ví dụ 2:** Một học sinh là con trong gia đình chủ trang trại. Em là con một nên sau này em phải kế nghiệp gia đình để tiếp tục làm trang trại. Tuy nhiên, em lại yêu thích và có khả năng về nghề kiến trúc, thiết kế nhưng không thể theo học nghề này do phải kế nghiệp gia đình. Vậy, trong trường hợp của em, GV tư vấn hướng nghiệp và học sinh sẽ tìm kiếm những lựa chọn khác nhau như học quản trị kinh doanh, quản lý doanh nghiệp để hoàn thành trách nhiệm trong gia đình và có thể học thêm về thiết kế cảnh quan để thỏa mãn sở thích của mình.

**GV có thể lấy thêm** các ví dụ khác về tác động ảnh hưởng của môi trường xã hội, bạn bè, truyền thông... đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của học sinh và tìm kiếm các giải pháp giải quyết.

#### *2.6.2. Ý nghĩa*

Từ lý thuyết hệ thống cho thấy, việc chọn hướng học, chọn nghề của HS không chỉ phụ thuộc vào yếu tố chủ quan mà chịu sự ảnh hưởng/ tác động mạnh mẽ của các yếu tố khách quan như tác động từ gia đình, ý kiến của bạn bè, trào lưu của xã hội, giới tính, phong tục tập quán ở địa phương...

Vì vậy, khi tổ chức giáo dục hướng nghiệp, các nhà trường nên quan tâm tìm hiểu những tác động/ ảnh hưởng đang xảy ra trong hệ thống, nhất là những tác động ảnh hưởng trực tiếp đến việc chọn nghề của học sinh cũng

như hệ quả mà chúng mang lại. Từ đó, đưa ra các biện pháp giáo dục hướng nghiệp nhằm giúp học sinh nhận thức được ý nghĩa của việc tham gia các Hoạt động hướng nghiệp và tích cực tham gia vào các Hoạt động đó để tìm hiểu bản thân, tìm hiểu nghề đạt hiệu quả hơn<sup>11</sup>[34]

2.7. Mô hình lập kế hoạch nghề

2.7.1. Nội dung chủ yếu

Mô hình lập kế hoạch nghề gồm 7 bước và chia làm 2 phần: 3 bước tìm hiểu và 4 bước hành động theo sơ đồ trong hình 3 dưới đây:



Hình 3. Mô hình lập kế hoạch nghề

<sup>11</sup> Giáo viên làm nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp cần lưu ý thêm hai điểm trong lý thuyết hệ thống. **Một là**, các đặc tính của mỗi cá nhân, theo thời gian, sẽ ảnh hưởng đến các yếu tố của xã hội và cộng đồng bên ngoài. Nói một cách khác, những đặc điểm bên trong mỗi cá nhân sẽ tương tác và ảnh hưởng tới các đặc điểm bên ngoài của xã hội và ngược lại. **Ví dụ**, những người lao động sinh vào thập niên 1980 sẽ có những giá trị nghề nghiệp khác với thế hệ cha mẹ của họ, và do đó, khi họ đi làm một thời gian dài, vào những vị trí nắm quyền quyết định, họ sẽ từ từ thay đổi môi trường làm việc, phương pháp tuyển dụng, văn hóa làm việc, v.v... Mặt khác, điều này còn thể hiện rõ ở một số cá nhân có khả năng sáng nghiệp; họ đi theo niềm đam mê nghề nghiệp đã lựa chọn và sáng lập ra những công việc mới hoặc tạo dựng nên cơ sở sản xuất, doanh nghiệp mới, được xã hội thừa nhận. **Hai là**, yếu tố may mắn đóng vai trò khá quan trọng trong lý thuyết hệ thống. Chúng ta sẽ nhắc đến yếu tố may mắn sâu hơn trong lý thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch dưới đây.

Ba bước tìm hiểu trong Mô hình lập kế hoạch nghề:

- **Bước 1**, quan trọng nhất là học sinh tìm hiểu bản thân để hiểu rõ sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp.

- **Bước 2**, học sinh tìm hiểu thị trường tuyển dụng lao động để biết những công việc, ngành nghề đang có ở thị trường trong vùng, quốc gia, và quốc tế; yêu cầu của những nghề đó đối với người lao động; những nghề đang được xem là có tiềm năng trong tương lai; kỹ năng thiết yếu mà người lao động cần có khi tham gia Hoạt động nghề...

- **Bước 3**, tìm hiểu những tác động/ ảnh hưởng tới bản thân các em khi chọn hướng học, chọn nghề, từ gia đình đến hoàn cảnh kinh tế, xã hội.

Sau khi hoàn tất ba bước tìm hiểu, học sinh có đủ kiến thức để bắt đầu bốn bước hành động, gồm:

- Xác định mục tiêu nghề nghiệp của bản thân;
- Ra quyết định nghề nghiệp;
- Thực hiện quyết định nghề nghiệp;
- Đánh giá xem quyết định nghề nghiệp có thực sự phù hợp với bản thân các em hay không.<sup>12</sup>

Bảy bước trên có thể hiện theo một thứ tự khác, miễn sao phù hợp với nhu cầu, khả năng của mỗi học sinh.

Lưu ý, 7 bước trên đều có thể bị ảnh hưởng bởi định kiến và khuôn mẫu giới.

### 2.7.2. Ý nghĩa

---

<sup>12</sup> **Ví dụ:** Trong quá trình tư vấn hướng nghiệp, một HS lớp 12 hiểu được mình thích hợp và có khả năng với công việc thiết kế đồ họa. Công việc này tuy chưa được phổ biến nhiều ở các huyện Lào Cai, nhưng lại có cơ hội rất cao trong thị trường tuyển dụng tại miền Nam, thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, đặc biệt trong các công ty quảng cáo hay marketing. Gia cảnh HS thuộc diện khá và cha mẹ họ cho phép em được chọn học bất cứ ngành nào em muốn. Sau khi đã tìm hiểu rõ, HS quyết định thi vào ngành “thiết kế đồ họa” của hai trường: Đại học Mỹ Thuật và Đại học Arena của FPT. Vì vậy, HS đã tập trung vào việc luyện thi những môn cần thiết cho việc thi vào trường ĐH đã chọn bên cạnh việc chuẩn bị tốt cho kì thi tốt nghiệp lớp 12. Trong quá trình luyện những môn thi ĐH là lúc HS bắt đầu đánh giá xem mình có thật sự thích hợp với ngành học đã chọn hay không. Nhưng đôi khi, phải đến khi vào học, HS mới thực sự biết là quyết định của mình có phù hợp hay không và có thể điều chỉnh nếu thấy cần thiết. Do vậy, hiện nay, một số trường đại học vẫn tiếp tục thực hiện công tác hướng nghiệp cho sinh viên để sắp xếp, bố trí sinh viên vào các ngành học cho phù hợp nhất.

Mô hình lập kế hoạch nghề là một trong các lý thuyết cơ bản trong giáo dục hướng nghiệp vì nó chỉ ra các bước đi và những công việc cụ thể mà người làm giáo dục hướng nghiệp và học sinh theo đó thực hiện. Nếu ví các Hoạt động hướng nghiệp như công trình xây dựng một ngôi nhà thì mô hình lập kế hoạch nghề sẽ là bản thiết kế ngôi nhà đó. Vì lẽ đó, hiểu rõ các bước trong mô hình lập kế hoạch nghề và tổ chức thực hiện từng bước, nhất là 3 bước tìm hiểu có hiệu quả sẽ tạo cơ sở vững chắc cho việc chọn hướng học, ngành học, chọn nghề của học sinh.

## 2.8. Lý thuyết vị trí điều khiển

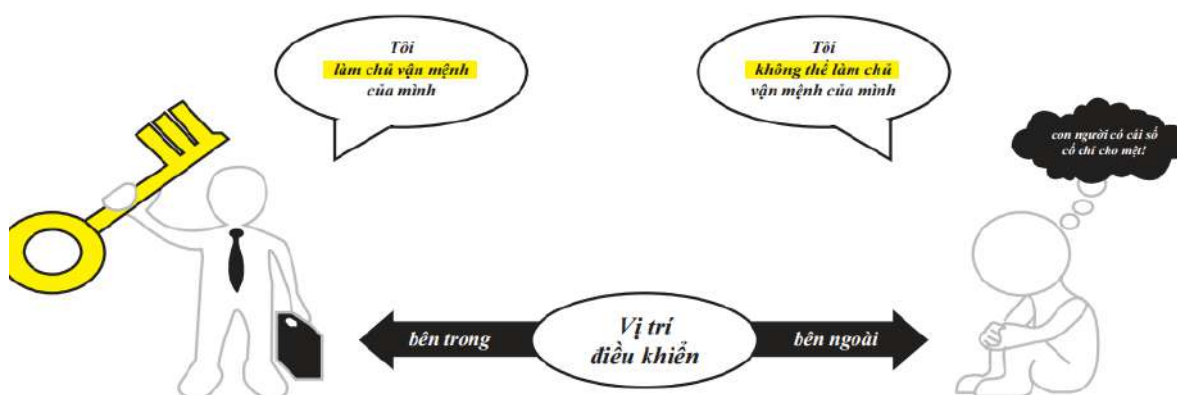
### 2.8.1. Nội dung chủ yếu

- Lý thuyết vị trí điều khiển đưa ra 2 quan điểm sống:

+ Thứ nhất, cuộc đời mỗi người do bản thân người đó làm chủ và điều khiển. Do đó, họ có toàn quyền làm chủ cuộc sống, làm chủ suy nghĩ, nội tâm của mình.

+ Thứ hai, cuộc đời mỗi người là do vận mệnh đã sắp đặt sẵn và điều khiển. Do đó, họ luôn cho rằng mình có làm gì cũng không thay đổi được số mệnh và thường để người khác hoặc hoàn cảnh làm chủ vận mệnh của họ.

- Có thể khái quát 2 quan điểm của Lý thuyết vị trí điều khiển trong sơ đồ sau:



**Hình 4. Mô hình mô phỏng lý thuyết vị trí điều khiển**



### 2.8.2. Ý nghĩa

Trong hướng nghiệp, vấn đề cơ bản được rút ra từ lý thuyết vị trí điều khiển là: Có rất nhiều chuyện xảy đến trong cuộc đời mỗi người mà chúng ta không có khả năng tránh né hay điều khiển được. Ví dụ, ta sinh ra trong gia đình kinh tế khó khăn hay khá giả; sinh sống ở một quốc gia giàu có hay chậm phát triển; tai nạn đột nhiên xảy đến với ai đó khi họ đi ngoài đường... Nhưng ta có toàn quyền quyết định cách ta phản ứng lại khi những chuyện ấy xảy ra. Nếu ta phản ứng một cách tích cực thì nó sẽ đem lại kết quả tích cực và ngược lại. Nói cách khác, chúng ta không điều khiển được ngoại cảnh hay những yếu tố khách quan, nhưng chúng ta có 100% khả năng điều khiển được nội tâm mình. Vì vậy, ta có khả năng tự làm chủ vận mệnh của mình. **GV cần chỉ rõ cho học sinh thấy sự tiêu cực trong quan điểm thứ 2 và có định hướng cho học sinh có tinh thần tự chủ.**

### 2.9. Lý thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch

Lý thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch (tạm dịch từ thuật ngữ planned happenstance theory) xuất hiện vào đầu những năm 2000. Giáo sư John Krumboltz, một trong những cha đẻ của thuyết này tin rằng: sự **may mắn hay sự ngẫu nhiên** (tùy theo cách gọi của mỗi người) đóng vai trò quan trọng trong quá trình Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp của mỗi người.

#### 2.9.1. Nội dung chủ yếu

Lý thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch cho rằng, trong quá trình phát triển nghề nghiệp, sự may mắn không đến một cách ngẫu nhiên mà đến một cách có kế hoạch. Nói cách khác, sự may mắn không đến một cách tình cờ cho bất cứ một ai đó, mà nó chỉ đến với người tạo ra sự tình cờ/ may mắn đó. Và, điều mà thuyết này muốn hướng đến là: sự may mắn của một người không đến một cách tình cờ, ngẫu nhiên mà là kết quả của một quá trình khám phá, tham gia Hoạt động, chia sẻ, phục vụ, v.v... Mỗi người hãy tự tạo ra sự tình cờ/may mắn ấy trong quá trình phát triển nghề nghiệp của mình.

### 2.9.2. Ý nghĩa

- Lý thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch có quan hệ chặt chẽ với lý thuyết vị trí điều khiển vì hai thuyết này đều **chung một quan điểm**:

- Nếu một người có niềm tin là họ có thể làm chủ cuộc đời mình thì nhất định sẽ tạo ra những kết quả tốt đẹp trong cuộc sống nói chung, Hoạt động nghề nghiệp nói riêng. Đối với học sinh trung học, nhà trường có thể hướng dẫn các em áp dụng lý thuyết này theo những cách sau:

+ Học thật tốt những môn học mà em yêu thích. Tìm tòi, nghiên cứu, chịu khó tham gia các cuộc thi liên quan đến môn học đó (ví dụ: thi học sinh giỏi, thi Olympic...). Bộc lộ khả năng về môn học ấy để giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn thấy rõ. Tham gia tích cực vào các Hoạt động học tập, lao động, ngoại khóa trong và ngoài nhà trường có liên quan đến sở thích và khả năng của mình. Trong lúc tham gia, hãy suy ngẫm và tự quan sát xem bản thân có sở thích, khả năng nào nổi trội, đồng thời chú ý rèn luyện những kỹ năng thiết yếu cho Hoạt động nghề nghiệp sau này.

+ Vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học được qua các môn học và các Hoạt động giáo dục vào những công việc phù hợp với sở thích và khả năng của mình. Hằng hái tham gia trải nghiệm thực tế để có cơ hội sử dụng, rèn luyện, và bộc lộ những khả năng sẵn có.

- Sự may mắn của một người không đến tình cờ, ngẫu nhiên mà là kết quả của quá trình khám phá, tham gia Hoạt động, chia sẻ, phục vụ, v.v...

## 2.10. Lý thuyết Maslow về “Thang bậc nhu cầu” của con người.

### 2.10.1. Nội dung

Abraham Maslow (1908-1970), nhà tâm lý học người Mỹ đã xây dựng lý thuyết “Thang bậc nhu cầu” của con người nhằm giải thích những nhu cầu nhất định của con người cần được đáp ứng như thế nào để một cá nhân hướng đến cuộc sống lành mạnh và có ích cả về thể chất và tinh thần.

Nhu cầu con người căn bản được chia làm 2 nhóm chính:

- Những nhu cầu cơ bản liên quan các yếu tố thể lý của con người như có đủ thức ăn, nước uống, ngủ nghỉ...

- Các nhu cầu cao hơn được gọi là nhu cầu bậc cao (bao gồm nhiều nhân tố tinh thần như đòi hỏi công bằng, an tâm, vui vẻ, địa vị xã hội, sự tôn trọng, danh tiếng...

- Các nhu cầu này có thể Xây dựng nên tháp nhu cầu có cấu trúc 5 tầng:

+ Tầng 1, Nhu cầu sinh lý: Nhu cầu cơ bản để duy trì cuộc sống (ăn, uống, ngủ, nghỉ, nhà ở, sưởi ấm, tình dục...) là nhu cầu cơ bản, nguyên thủy nhất, lâu dài nhất, rộng rãi nhất của con người. ***Thiếu những nhu cầu cơ bản này, con người không thể tồn tại được.*** Những nhu cầu cơ bản này không được thỏa mãn thì những nhu cầu khác của con người không thể tiến thêm nữa.

+ Tầng 2, Nhu cầu về an toàn, an ninh: Nhu cầu về một môi trường không nguy hiểm, có lợi cho sự phát triển liên tục và lành mạnh; bao gồm an toàn sinh mạng, lao động, môi trường, nghề nghiệp, kinh tế, ở và đi lại, tâm lý nhân sự... Nếu nhu cầu này ***không đảm bảo thì công việc của con người khó có thể tiến hành bình thường và các nhu cầu khác sẽ không được thực hiện*** (VD: Trẻ em lang thang phải luôn đề phòng rủi ro như cướp giật, lạm dụng... nên không tập trung vào việc thỏa mãn các nhu cầu cao hơn được.

+ Tầng 3, Nhu cầu về quan hệ và được thừa nhận (nhu cầu xã hội): Nhu cầu này bắt nguồn từ nỗi lo sợ bị cô độc, bị coi thường; mong muốn được hòa nhập; muốn có lòng tin, lòng trung thành. Nhu cầu này gồm các khía cạnh tâm lý như dư luận xã hội thừa nhận, có sự gần gũi, tán thưởng, ủng hộ; hòa nhập. ***Tình thương, tình bạn, tình yêu là nội dung cao nhất*** của nhu cầu này.

+ Tầng 4, Nhu cầu được tôn trọng: Bao gồm 2 loại:

\* Lòng tự trọng: nguyện vọng là người có năng lực, bản lĩnh, thành tích, độc lập, tự tin, tự do và hoàn thiện.

\* Được người khác tôn trọng: được thừa nhận, có địa vị, danh dự. Khi được tôn trọng, cá nhân sẽ tìm mọi cách để làm tốt công việc được giao.

+ Tầng 5, Nhu cầu phát huy bản ngã (tự khẳng định mình): Đây là nhu cầu cao nhất trong tháp nhu cầu của Maslow; đó là sự mong muốn để tiềm năng một cá nhân đạt tới mức tối đa và hoàn thành mục tiêu nào đó. Bao gồm nhu cầu về nhận thức (được học hỏi, hiểu biết, nghiên cứu...); nhu cầu thẩm mỹ; nhu cầu thực hiện mục đích bằng khả năng cá nhân.

- Từ 1970, Maslow điều chỉnh thành 8 bậc:

- + Nhu cầu cơ bản;
- + Nhu cầu về an toàn;
- + Nhu cầu về xã hội;
- + Nhu cầu được quý trọng;
- + Nhu cầu về nhận thức;
- + Nhu cầu về thẩm mỹ;
- + Nhu cầu thể hiện mình;
- + Sự siêu nghiệm.

#### 2.10.2. Ý nghĩa

Giúp học sinh hiểu được thang bậc nhu cầu này, để các em tự chiêm nghiệm, định lượng các nấc thang cho bản thân mình phấn đấu vươn lên trong cuộc sống. Đây cũng là giải pháp tốt để xây dựng con người mới tiên tiến hiện đại, đồng thời nuôi dưỡng khát vọng về tương lai tươi sáng cho học sinh ngay từ khi còn trẻ. Đối với học sinh Lào Cai, nhất là học sinh dân tộc thiểu số thì điều này rất quan trọng để định hướng cho các em con đường vượt lên trên thực trạng còn nhiều khó khăn, vất vả, lạc hậu, tự ti... của vùng cao hiện nay.

### 3. Tóm lại

Trên đây là hệ thống các vấn đề cơ bản về mặt lý thuyết mà các nhà quản lý, thầy cô giáo làm công tác hướng nghiệp cần nắm được trước khi thực hiện nhiệm vụ.

Các lý thuyết mô hình cung cấp Dịch vụ hướng nghiệp, vòng nghề nghiệp, quy trình hướng nghiệp, lý thuyết cây nghề nghiệp, lý thuyết mật mã Holland, lý thuyết hệ thống, mô hình lập kế hoạch nghề, lý thuyết vị trí điều khiển, lý thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch độc lập với nhau, tuy nhiên, chúng có mối quan hệ mật thiết, giàng buộc, thậm chí đôi khi đan xen nhau trong một tổng thể thống nhất của công tác hướng nghiệp. Do đó, người quản lý, thực hiện công tác hướng nghiệp cần phải nắm được tổng thể hệ thống, đồng thời nắm vững những vấn đề then chốt của từng lý thuyết để việc hướng nghiệp đạt hiệu quả.

Dù sao những nội dung lý thuyết trên cũng chỉ là công cụ để thực hiện công tác hướng nghiệp; vì vậy, trong quá trình tổ chức thực hiện hướng nghiệp cho học sinh, nhà trường, giáo viên, tư vấn viên cần vận dụng sáng tạo, linh hoạt với điều kiện thực tiễn tỉnh Lào Cai, đặc biệt là ở vùng cao, vùng dân tộc thiểu số, biên giới để có gợi ý, định hướng sát thực, thiết thực, thậm chí có đôi tượng học sinh, giáo viên cần giảng giải kỹ để các em tiếp cận được, tránh hiện tượng máy móc, áp đặt đối với học sinh.

### **Modul 3**

## **MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ KỸ NĂNG TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP**

### **1. Mục đích, yêu cầu**

#### ***1.1. Mục đích***

Cung cấp kiến thức cơ bản, cần thiết, mang tính bản chất, đồng thời trang bị một số kỹ năng chủ yếu, phổ biến về công tác tư vấn hướng nghiệp cho giáo viên để giáo viên có thể giảng dạy cho học sinh và tập huấn lại cho đồng nghiệp tại cơ sở.

#### ***1.2. Yêu cầu***

Nắm vững các vấn đề lý thuyết, kiến thức, từ các khái niệm đến các kỹ năng; rèn luyện thành thạo kỹ năng về tư vấn hướng nghiệp; có khả năng tiếp

cận, tham khảo tài liệu mở rộng vấn đề để có thể tổ chức tập huấn và tư vấn cho học sinh tại cơ sở.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Một số khái niệm công cụ**

#### **2.2.1. Tư vấn**

*Tư vấn là một Hoạt động thông tin, là một tương tác xã hội giữa nhà tư vấn và người được tư vấn, trong đó nhà tư vấn đưa ra những lời khuyên hoặc các gợi ý giúp đối tượng cần tư vấn có được những thông tin và những tri thức cần thiết về những vấn đề mà họ quan tâm [28].* Khái niệm tư vấn hàm chứa hai ý nghĩa: tư vấn thông tin và tư vấn tâm lý (tham vấn). Tư vấn thông tin nặng về cung cấp thông tin chuyên môn còn tư vấn tâm lý mang nhiều ý nghĩa của sự trợ giúp mang tính cá nhân và riêng tư về những vấn đề riêng của con người.<sup>13</sup>

#### **2.2.2. Tư vấn hướng nghiệp [28]**

*- Tư vấn hướng nghiệp là một Hoạt động thông tin nhằm cung cấp cho đối tượng tư vấn về một Hoạt động nghề mà họ chưa có điều kiện hiểu biết một*

---

<sup>13</sup> Nghiên cứu của Kell & Burown (1998) đã viện dẫn một số minh họa như sau: Good - một nhà biên soạn Từ điển Giáo dục đã định nghĩa: “*Tư vấn là một loại trợ giúp mang tính cá nhân và riêng tư về những vấn đề riêng của con người về vấn đề giáo dục, vấn đề nghề nghiệp*”. Định nghĩa này nhấn mạnh đến cơ sở của nhận thức và vận dụng sự hỗ trợ của các nguồn lực bên ngoài trong quá trình tư vấn.

Một quan niệm khác lại cho rằng: Tư vấn là một mối quan hệ trong đó có một người cố gắng giúp người khác hiểu biết và giải quyết vấn đề cần được điều chỉnh của mình. Lĩnh vực cần điều chỉnh thường là trong tư vấn tâm lý giáo dục, tư vấn xã hội. Như vậy, tư vấn là một công việc hai chiều, quan hệ đến cả hai người: người tư vấn (tư vấn viên) và người được tư vấn (thân chủ).

Nhà Tâm lý học Wrenn: Tư vấn là một cuộc đặt quan hệ có mục đích giữa hai người, trong đó các cách thức đối xử thường thay đổi theo tính chất nhu cầu của học sinh, nhưng luôn có sự tham gia tương hỗ giữa tư vấn viên và học sinh tập trung vào việc phân biệt (tự làm cho rõ ràng, trong sáng) và tự quyết định của học sinh.

Nhìn chung, các quan điểm này đều thừa nhận tư vấn là một tiến trình định hướng học hỏi, hoàn thành một tương tác xã hội đơn giản, một người với một người. Trong đó tư vấn viên là người có nghiệp vụ cao với những kỹ năng thành thạo và hiểu biết, tìm cách giúp thân chủ bằng những phương pháp thích hợp đối với nhu cầu thân chủ trong phạm vi tổng thể nghiên cứu về chính bản thân họ.

*cách cận kề, trên cơ sở đối chiếu với năng lực, hứng thú của cá nhân, nhu cầu của xã hội, giúp đối tượng lựa chọn nghề phù hợp.*

Tư vấn hướng nghiệp là một khâu nằm trong công tác hướng nghiệp; là một trong những nhân tố hình thành ở con người hệ thống thái độ đối với thế giới nghề nghiệp và đối với bản thân mình.

- Nhiệm vụ cụ thể của người tư vấn hướng nghiệp là giúp học sinh trả lời ba câu hỏi quan trọng:

+ Em là ai?

+ Em đang đi về đâu?

+ Làm sao để em đi đến nơi em muốn tới?

- Các bước chủ yếu của tư vấn hướng nghiệp:

+ Bước 1: Giúp học sinh khám phá bản thân qua tư vấn cá nhân, những bài tập suy ngẫm và trắc nghiệm.

+ Bước 2: Giúp học sinh tìm hiểu thông tin nghề nghiệp qua tư vấn cá nhân, những bài tập tìm hiểu công thông tin và các bài tập phỏng vấn thông tin về nghề nghiệp.

+ Bước 3: Giúp học sinh lập kế hoạch nghề nghiệp, trong đó nêu rõ mục tiêu nghề nghiệp, những bước thực hiện, thời gian thực hiện và phương pháp tự đánh giá xem kế hoạch có tốt hay không.<sup>14</sup>

2.2.3. *Kỹ năng*: Là khả năng vận dụng những kiến thức thu được trong một lĩnh vực nào đó vào thực tế [44]. Nói khác đi, kỹ năng là khả năng thực

---

<sup>14</sup> (1) Nguyễn Văn Hộ định nghĩa: “*Tư vấn hướng nghiệp là một hoạt động thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu của một cá nhân hay của một nhóm người muốn hiểu biết về một đối tượng, hoạt động nghề mà họ chưa có điều kiện tiếp cận một cách cận kề và hoàn chỉnh*”; Đặng Danh Ánh: “*Tư vấn nghề (hướng nghiệp) được hiểu là hệ thống các biện pháp tâm lý - giáo dục và y học nhằm phát hiện và đánh giá nhân cách của học sinh, giúp các em chọn nghề trên cơ sở khoa học. Nói cách khác, tư vấn nghề là việc đối chiếu yêu cầu của nghề, yêu cầu của thị trường lao động với hứng thú, khuynh hướng của học sinh rồi cho các em lời khuyên nên học nghề nào thì phù hợp*”; ở Mỹ, Canada gọi là “*Hướng dẫn chọn nghề*” hay “*Hướng dẫn con đường mưu sinh*” và cho rằng: “*Hướng dẫn chọn nghề là quá trình giúp đỡ học sinh chọn nghề, là quá trình chuẩn bị cho học sinh đi làm, cũng tức là quá trình giúp con người có cơ thành đạt trong nghề*”; Các nhà nghiên cứu ở Liên Xô (cũ) gọi là “*Hướng nghiệp*”: gồm ba khâu: định hướng nghề, tư vấn nghề, tuyển chọn nghề, có nhiệm vụ chuẩn bị về tư tưởng và thực tế cho học sinh tốt nghiệp trung học sẵn sàng tham gia lao động và lựa chọn nghề nghiệp”; K.K. Platonov: “*Tư vấn hướng nghiệp là hệ thống những hình thức y học và những hình thức tác động đa dạng khác nhằm phát hiện và khám phá những khả năng tinh thần và thể lực của học sinh trong lựa chọn*”; Từ điển Tâm lý học Đức: tư vấn hướng nghiệp là hoạt động tư vấn giúp cá nhân, đặc biệt là thanh niên trong quá trình định hướng, tìm chọn cũng như thay đổi nghề.

hiện một công việc hay một Hoạt động nào đó có chất lượng, hiệu quả theo yêu cầu cụ thể, nhằm đạt mục đích nhất định trong điều kiện nhất định.<sup>15</sup>

*2.2.4. Kỹ năng tư vấn hướng nghiệp: Kỹ năng tư vấn hướng nghiệp là sự hướng dẫn, trợ giúp của giáo viên cho học sinh chọn được một nghề phù hợp với bản thân, đáp ứng yêu cầu xã hội [38]<sup>16</sup>*

*2.2.5. Bồi dưỡng: Là làm cho tăng thêm trình độ, năng lực hoặc phẩm chất [44].* Công tác bồi dưỡng được thực hiện trên nền tảng trình độ đã được đào tạo cơ bản từ trước.

Ở Lào Cai, lực lượng CBQL, giáo viên làm công tác hướng nghiệp hiện nay cơ bản có trình độ Cao đẳng hoặc Đại học sư phạm, có kinh nghiệm giảng dạy, tuy nhiên, nhìn chung còn hạn chế về kiến thức, kỹ năng tư vấn hướng nghiệp và quản lý công tác này. Vì vậy, trong chuyên đề này, chúng tôi chỉ tổng hợp, lựa chọn những nội dung cơ bản mà CBQL, giáo viên trên địa bàn còn đang thiếu cần bổ sung để bồi dưỡng cho họ.

### **3. Những vấn đề chung về bồi dưỡng kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cho cán bộ quản lý, giáo viên**

#### ***3.1. Chức năng nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai, các Phòng GD&ĐT huyện, thành phố, TTKTTH HNDN&GDTX tỉnh trong việc bồi dưỡng kỹ năng tư vấn hướng nghiệp***

<sup>15</sup> A.G. Covaliôp cho rằng kỹ năng là phương thức thực hiện hoạt động đã được con người nắm vững (chú trọng khía cạnh cách thức hành động, coi việc nắm được cách thức hành động là có kỹ năng). A.V. Pêtrôpxki xem kỹ năng là năng lực sử dụng các tri thức, các dữ kiện hay khái niệm đã có để lựa chọn thực hiện những phương thức hành động tương ứng với mục đích đề ra (coi kỹ năng không đơn thuần là mặt kỹ thuật của hành động mà còn là một biểu hiện năng lực của con người). Kỹ năng theo quan niệm này vừa có tính ổn định, lại vừa có tính mềm dẻo, tính linh hoạt và tính mục đích). Những định nghĩa trên thường bắt nguồn từ góc nhìn chuyên môn và quan niệm cá nhân của nhà nghiên cứu. Tuy nhiên đều thừa nhận rằng kỹ năng được hình thành khi con người áp dụng kiến thức vào thực tiễn.

<sup>16</sup> Cuốn “Tư vấn và tâm lý trị liệu” của Carl R. Rogers xuất bản năm 1942, với phương pháp “tư vấn thân chủ trọng tâm”. Trường phái này cho rằng: (1) các khái niệm như tình cảm, động lực hành động cần được xem xét trong quá trình tư vấn, (2) thân chủ tự chấp nhận bản thân và tự hiểu bản thân là những mục tiêu cơ bản, (3) điều quan tâm nữa là mối tương tác giữa thân chủ - nhà tư vấn và chia sẻ của thân chủ trong quá trình tư vấn. Thực chất, mối quan hệ tư vấn là sự tôn trọng lẫn nhau, trực tiếp hướng tới việc thân chủ đạt được sự tự hiểu biết bản thân và từng bước điều khiển được chính mình. Trung tâm của mối quan hệ tư vấn thay đổi về phía thân chủ và kỹ thuật tư vấn, với sự giảm đi việc dùng bài kiểm tra (test), ghi chép hồ sơ và quyền uy của nhà tư vấn. Tư vấn nghề nghiệp theo một quá trình cần tập trung vào việc tạo cho cá nhân khả năng tận dụng thế mạnh của họ để tự đưa ra quyết định, lựa chọn trong tương lai hơn là chỉ thích nghi với những áp lực của khách quan.



- *Sở GD&ĐT*: Là cơ quan tham mưu với UBND tỉnh về lĩnh vực giáo dục, có vai trò chủ đạo trong việc bồi dưỡng cho CBQL, GV.

Bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên (ở Lào Cai thực hiện bồi dưỡng thường xuyên cho cả CBQL) theo thông tư 26/2012 của Bộ GD & ĐT, hàng năm bồi dưỡng 120 tiết; trong đó, bồi dưỡng thực hiện chương trình của Trung ương, Bộ GD&ĐT 30 tiết; bồi dưỡng phát triển giáo dục của địa phương 30 tiết; bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp tại cơ sở giáo dục là 60 tiết, trong đó có tự bồi dưỡng và bồi dưỡng thường xuyên.

Việc bồi dưỡng công tác hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp có thể bố trí trong 30 tiết phát triển giáo dục địa phương cho lãnh đạo, giáo viên làm công tác hướng nghiệp các trường trực thuộc, giáo viên cốt cán hướng nghiệp THCS các phòng GD&ĐT để triển khai bồi dưỡng tiếp tại các huyện hoặc giáo viên tự bồi dưỡng qua tài liệu.

- *Phòng GD&ĐT huyện, thành phố*: Trên cơ sở đội ngũ giáo viên cốt cán đã được tập huấn ở Sở GD&ĐT (hoặc ở cơ quan cấp trên), Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức tập huấn cho giáo viên hướng nghiệp cấp THCS.

- *Trung tâm KTTH HNDN&GDTX tỉnh, Phân hiệu ĐHTN* có thể tham gia bồi dưỡng một số chuyên đề riêng cho đội ngũ giáo viên THCS, THPT.

### ***3.2. Mục tiêu, nhiệm vụ của bồi dưỡng kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cho cán bộ quản lý, giáo viên***

3.2.1. Mục tiêu cuối cùng của tư vấn hướng nghiệp (TVHN) đối với HS trung học là giúp các em xây dựng được kế hoạch nghề nghiệp tương lai trong suốt thời gian đi học và ra được quyết định chọn ngành, nghề phù hợp. Kế hoạch này có thể thay đổi theo thời gian, tùy vào sự trưởng thành và kiến thức của các em về bản thân, về các cơ hội nghề nghiệp trong thị trường tuyển dụng cũng như những con đường khác nhau để thực hiện kế hoạch ấy. TVHN

là một quá trình lâu dài, được thực hiện qua hình thức tư vấn nhóm và tư vấn cá nhân.<sup>17</sup>

**3.2.2. Nhiệm vụ:** Phát hiện và đánh giá được những sở thích, khả năng nghề nghiệp hiện có của HS; khuyến khích, động viên HS tự giáo dục, rèn luyện và phát triển những khả năng còn thiếu; hướng dẫn/Hỗ trợ HS chuẩn bị sẵn sàng về tâm lí cũng như những hiểu biết thực tế đối với nghề nghiệp mà các em định chọn; giúp HS tìm ra giải pháp và từng bước giải quyết vấn đề để chọn được hướng học hoặc chọn nghề phù hợp.

## **4. Nội dung bồi dưỡng kỹ năng tư vấn hướng nghiệp**

### **4.1. Một số khái niệm**

**4.1.1. Tư vấn hướng nghiệp theo nhóm:** nhiều HS (nam, nữ) cùng lớp hoặc cùng khối lớp được TVHN trong cùng thời gian, không gian nhất định.<sup>18</sup>

**4.1.2. Tư vấn hướng nghiệp cá nhân:** một số ít HS (nam, nữ) cần Hỗ trợ đặc biệt; GV làm việc với từng HS có nhu cầu được tư vấn. TVHN cá nhân đòi hỏi GV phải có kiến thức, kinh nghiệm về tâm lí và tư vấn, có hiểu biết về văn hóa, phong tục của đối tượng tư vấn và có khả năng sư phạm.

**4.1.3. Tư vấn tuyển sinh:** HS được cung cấp thông tin về các cơ sở đào tạo sau THCS và sau THPT để các em có thêm thông tin trước khi đăng kí tuyển sinh. Thực tế, còn nhiều người nhầm lẫn giữa “tư vấn tuyển sinh” và

---

<sup>17</sup> Đọc thêm cuốn Kỹ năng tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp cho học sinh trung học, 2015, Nxb ĐHQG Hà Nội - Hồ Phụng Hoàng Phoenix, Trần Thị Thu và Tài liệu bổ sung sách giáo viên giáo dục hướng nghiệp lớp 9; lớp 10, 11, 12 - Hồ Phụng Hoàng Phoenix, Trần Thị Thu và Nguyễn Ngọc Tài, NXB ĐH Quốc gia, 2012.

<sup>18</sup> Tư vấn hướng nghiệp theo nhóm nên làm từ sớm, có chiến lược và lồng ghép vào các hoạt động giáo dục khác để tận dụng ngân sách, nhân lực như: Đối với khối lớp 9, lồng ghép vào hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp trong giờ chào cờ, sinh hoạt lớp, các buổi sinh hoạt chuyên đề (“Chăm ngoan, học giỏi”, “Tôn sư, trọng đạo”, “Tiến bước lên Đoàn”) để HS có cơ hội tìm hiểu, nhận thức rõ hơn về sở thích, khả năng của bản thân, đồng thời có được một số nhận thức nghề nghiệp. Đối với khối lớp 10, 11, 12 có thể lồng ghép vào nội dung của hoạt động theo chủ đề tháng 12 “Thanh niên với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, chủ đề tháng 3 “Thanh niên với vấn đề lập nghiệp” ở để giúp HS tìm hiểu thị trường lao động, thông tin tuyển sinh và đào tạo nghề. Hoặc có thể lồng ghép vào các hoạt động ngoại khóa như thi tìm hiểu nghề, thi nữ sinh tài năng, thanh lịch, thi giọng hát hay, thi thể dục thể thao... để HS có cơ hội thể hiện sở thích, khả năng của bản thân. Đối với khối lớp 12, nhà trường có thể lồng ghép khi tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh để các em tập hợp các kiến thức hướng nghiệp của các năm (lớp 9, lớp 10, lớp 11) vào việc lập kế hoạch nghề phù hợp: thi vào CĐ, ĐH, hay học nghề tại trường CĐ nghề, TC nghề, trường nghề...

“TVHN”. Cần phân biệt rõ: tư vấn tuyển sinh chủ yếu cung cấp thông tin về các cơ sở đào tạo, là một bước trong quy trình TVHN.

#### ***4.2. Nội dung bồi dưỡng đối với cán bộ quản lý***

4.2.1. Trong việc quản lý, công tác tư vấn hướng nghiệp có 2 vấn đề cơ bản là lập kế hoạch và thực hiện chức năng tổ chức công tác hướng nghiệp đòi hỏi cán bộ quản lý ở cơ sở phải thành thạo. Chuyên đề sẽ giới thiệu khái quát phương pháp chủ yếu của 2 nội dung đó sau đây để các đồng chí CBQL có thể tham khảo áp dụng (nội dung chi tiết, chúng tôi sẽ trình bày một chuyên đề riêng để hướng dẫn các đơn vị thực hiện: Chuyên đề 3).

##### ***4.2.2. Xây dựng kế hoạch tư vấn hướng nghiệp:***

- Bước 1. Phân tích hiện trạng công tác hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp tại đơn vị; chỉ rõ điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức và các điều kiện thực hiện; từ đó, đưa ra các giải pháp quản lý thích hợp.

- Bước 2. Xác định nhu cầu: Trước khi lập kế hoạch, CBQL hướng nghiệp phải xác định nhu cầu hướng nghiệp của học sinh thông qua các hình thức phiếu hỏi, hội thảo, tọa đàm...từ phía lãnh đạo trường, giáo viên, học sinh...

- Bước 3. Nghiên cứu các quy định về GDHN của Chính phủ, của Bộ GD&ĐT, Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn.

- Bước 4. Xây dựng nguồn lực – 5M: nhân lực (Man); tài chính (Money); tài liệu (Materials), máy móc, thiết bị (Machine), phương pháp (Method).

- Bước 5. Lập kế hoạch: Công thức 5W và 1H: Làm cái gì (What)? Ai làm (Who)? Làm ở đâu (Where)? Khi nào làm (When)? Làm như thế nào (How)?

##### ***4.2.3. Thực hiện chức năng tổ chức tư vấn hướng nghiệp:***

- Bước 1. Xác định nhiệm vụ.

- Bước 2. Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức Hoạt động, cơ chế phối hợp các bộ phận liên quan: chuyên môn hóa; quyền hạn, trách nhiệm; cách thức bố trí; mối quan hệ qua lại.

- Bước 3. Phân công phụ trách, thực hiện.

- Bước 4. Bồi dưỡng cán bộ, giáo viên để thực hiện nhiệm vụ. Tuyển chọn giáo viên có khả năng làm công tác tư vấn hướng nghiệp (tâm huyết, thường xuyên được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức liên quan, biết Khai thác các thông tin, hiểu biết về thị trường lao động, biết ứng dụng công nghệ thông tin, biết tích hợp trong giảng dạy các môn văn hóa, sử dụng thiết bị...).

- Bước 5. Theo dõi, đánh giá.

### ***4.3. Nội dung bồi dưỡng đối với giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông***

#### ***4.3.1. Mục đích, yêu cầu***

- Mục đích: Bồi dưỡng kỹ năng tư vấn hướng nghiệp là trang bị thêm kiến thức, nhằm nâng cao năng lực tư vấn của giáo viên để quá trình chỉ đạo và tư vấn đạt kết quả cao hơn. Đây là quá trình tổ chức các Hoạt động nhằm bổ sung, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, rèn luyện kỹ năng của GV làm công tác hướng nghiệp ở nhà trường một cách có kế hoạch, có hệ thống thông qua các sự kiện, chương trình, khóa tập huấn, hội thảo, lớp học ngắn hạn theo chuyên đề, đảm bảo cho GV đạt được các trình độ kiến thức, kỹ năng để thực hiện công tác tư vấn hướng nghiệp một cách hiệu quả.

- Yêu cầu: Giáo viên phải tự giác, tích cực tự rèn luyện để hình thành kỹ năng tư vấn cho bản thân; phải biến quá trình bồi dưỡng thành quá trình tự bồi dưỡng.

#### ***4.3.2. Bồi dưỡng các kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cho giáo viên***

Trong phạm vi chuyên đề, đối với GV làm công tác tư vấn hướng nghiệp ở Lào Cai, chúng tôi cung cấp 10 kỹ năng cơ bản, cần thiết đã được các nhà khoa học đúc kết để các thầy cô có công cụ tối thiểu khi thực hiện

nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường; bao gồm: *Kỹ năng về hành vi quan tâm; Kỹ năng lắng nghe; Kỹ năng giao tiếp không lời; Kỹ năng phản hồi; Kỹ năng thu thập thông tin; Kỹ năng thông đạt; Kỹ năng nói; Kỹ năng đối mặt; Kỹ năng tập trung; Kỹ năng sử dụng các công cụ tư vấn.*

4.3.2.1. Hành vi quan tâm là bước đầu tiên quan trọng nhất trong việc thiết lập mối quan hệ với học sinh. Sự quan tâm của giáo viên đối với học sinh phải trở thành một kỹ năng trong nghiệp vụ sư phạm.

- Về bản chất: Đó là sự mở lòng với học sinh tạo sự tin tưởng của học sinh. Muốn đạt được trạng thái này thì người giáo viên phải hội tụ đầy đủ phẩm chất của nhà sư phạm: mẫu mực, thương yêu, tôn trọng, sẵn sàng giúp đỡ học sinh; sự quan tâm đó là trách nhiệm, nghĩa vụ, là sự thực tâm vốn có của đạo đức nhà giáo, đạo đức nghề nghiệp.

- Về biểu hiện bên ngoài: Đó là biểu hiện của vẻ mặt, giọng nói, ngôn ngữ cơ thể, lắng nghe, thái độ, cử chỉ...quan tâm đến học sinh. Để làm được điều này, người giáo viên phải rèn luyện để có kỹ năng, trong đó cần chú ý một số vấn đề như làm chủ cảm xúc, lý trí vững vàng, bản lĩnh nghề nghiệp, dẹp bỏ ưu phiền, riêng tư khi thực hiện nhiệm vụ.

- Hành vi quan tâm có thể điều chỉnh phù hợp với giới tính, độ tuổi, dân tộc, tôn giáo và những đặc điểm khác của học sinh. Hành vi quan tâm đặc biệt quan trọng đối với học sinh có hoàn cảnh đặc biệt hoặc học sinh có cá tính khác biệt, học sinh một số dân tộc thiểu số vùng cao Lào Cai ít có điều kiện giao lưu tiếp xúc.

- Các bước thực hiện:

+ Để thực hiện tốt hành vi quan tâm, GV cần chuẩn bị thật tốt tâm trạng trước khi gặp HS. Trước hết, cần gạt bỏ hết những lo âu.

+ Thực hiện: Tập trung vào HS trước mặt mình. Dùng ngôn ngữ cơ thể và nét mặt để cho HS có cảm giác thân thiện, được đón chào. Khi giao tiếp: Tư thế ngồi tương tự như cách ngồi của HS; kiểu ngồi và dáng vẻ thật thoải

mái, nhẹ nhàng để tạo cho người đối diện cảm giác gần gũi, sẵn sàng đón nhận, chia sẻ; thường xuyên biểu lộ sự thân thiện qua nụ cười, sự quan tâm qua ánh mắt.

Tuyệt đối tránh: Khoanh tay trước ngực, nhìn HS với ánh mắt thờ ơ, lạnh lùng vì nó dễ tạo ra cảm giác xa cách, đóng kín; làm những việc khác khi đang tư vấn như nghe điện thoại, đọc tài liệu, chạy ra ngoài...

Lắng nghe HS thật chăm chú để nắm bắt được nội dung câu chuyện của họ. Trong lúc lắng nghe, tập trung vào cảm xúc của HS, tránh liên tưởng đến bản thân hay suy nghĩ tìm cách trả lời hoặc tìm cách giải quyết vấn đề cho HS. Khi đã cần phải tư vấn, HS đã phải trải qua nhiều đắn đo, cân nhắc nên họ rất nhạy cảm. Nhiều HS luôn trong tư thế chuẩn bị “dùng chia sẻ” nếu họ có cảm giác đang bị đánh giá hoặc cảm nhận được sự thiếu cảm thông, không chú ý lắng nghe của GV.

Điều kiện tiên quyết cho tư vấn thành công là Xây dựng niềm tin và mối quan hệ tốt với HS chứ không phải là lập tức giải quyết vấn đề cho họ; bởi những chia sẻ ban đầu này chưa chắc đã là vấn đề thực của HS, nếu đưa ra tư vấn sớm sẽ vô tình ngăn cản họ chia sẻ thật.

Hành vi quan tâm cần được thực hiện xuyên suốt 5 giai đoạn của quá trình tư vấn cá nhân.

4.3.2.2. Kỹ năng lắng nghe: Nghe không đơn thuần chỉ là sử dụng thính giác mà còn phải biết kết hợp quan sát và thể hiện sự cảm thông của mình với học sinh.

- Nghe là một kỹ năng khi người nghe có chủ đích, có phân tích, có thái độ đúng đắn để tìm hiểu, nắm bắt những ý kiến, cảm xúc, đồng thời theo dõi những sắc thái tình cảm hoặc thái độ của người nói qua giọng nói và cách nói.

- Có kỹ năng nghe sẽ giúp giáo viên:

+ Nắm bắt thông tin đầy đủ, chính xác;

+ Khuyến khích được sự thoải mái và chân thật của học sinh để họ diễn đạt suy nghĩ, băn khoăn, lo lắng.

+ Định hình được điều cần nói với học sinh.

- Quan trọng nhất của lắng nghe là có thái độ tôn trọng học sinh, sự kiên nhẫn, thậm chí ngay cả khi học sinh, đặc biệt học sinh dân tộc thiểu số, bộc lộ mong ước còn vụng về.

4.3.2.3. Kỹ năng giao tiếp không lời: Giao tiếp không lời còn gọi là giao tiếp phi ngôn ngữ; là một kỹ năng mềm được thể hiện qua nét mặt, ánh mắt, nụ cười, cử chỉ, tư thế, tác phong...(<http://kenhtuyensinh.vn/> ngày 19.8.2016). Kỹ năng giao tiếp không lời là những biểu hiện về trạng thái nội tâm người giao tiếp.

- Sử dụng giao tiếp không lời hiệu quả sẽ tạo điều kiện giao tiếp bằng lời, từ đó, xây dựng được mối quan hệ tư vấn tâm lý. Giao tiếp không lời có kỹ năng là có thể sử dụng kết hợp như ánh mắt đi kèm theo lời nói sẽ làm cho lời nói truyền cảm và thuyết phục hơn; lời nói đi kèm với nụ cười sẽ khiến cho cuộc giao tiếp trở nên thân thiện và gần gũi; cử chỉ hài hòa, đúng mực, nét mặt thân thiện, tư thế chững chạc, tác phong phù hợp sẽ có sức hút, sức lan tỏa với đối tượng giao tiếp.

- Qua cử chỉ, nét mặt, ... người làm công tác tư vấn hướng nghiệp thể hiện được thái độ với học sinh và ngược lại.

- Trong tư vấn hướng nghiệp, biểu lộ thái độ thân thiện là rất quan trọng. Sự thân thiện giúp cho học sinh tự tin hơn trong việc bộc lộ mong muốn, ước mơ, khát vọng của mình. Điều đó giúp giáo viên tư vấn nắm bắt được vấn đề của học sinh cần tư vấn, định hướng.

4.3.2.4. Kỹ năng phản hồi: Là khả năng tiếp nhận thông tin và truyền lại thông tin đầy đủ bằng hành vi. Đó là nói lại bằng ngôn ngữ của mình hoặc nhắc lại lời học sinh một cách cô đọng hoặc làm rõ hơn điều học sinh vừa bày tỏ và được sự tán thành của họ.

- Kỹ năng phản hồi cảm xúc: Trong tư vấn, khi câu chuyện trở nên bế tắc thì tốt nhất là quay lại cảm xúc của học sinh. Bế tắc chủ yếu là do chưa thấu hiểu phần sâu của câu chuyện. Vì vậy, quay lại cảm xúc sẽ giúp GV lắng nghe, giúp học sinh có cơ hội giải tỏa, kể thêm thông tin; tạo ra hướng mới cho buổi trò chuyện. Phản hồi cảm xúc bằng cách quan sát cảm xúc học sinh, đặt câu hỏi mở hoặc câu hỏi đóng để tìm hiểu xem mình hiểu đối tượng như thế nào.

- Kỹ năng phản hồi ý tưởng: để kiểm tra việc mình tìm hiểu ý định của học sinh có đúng không. Phản hồi ý tưởng của học sinh bằng cách diễn dịch, tóm tắt lại những lời chia sẻ của học sinh.

- Áp dụng kỹ năng phản hồi ý tưởng sau khi đã lắng nghe câu chuyện của HS; Ví dụ: Qua câu chuyện em vừa kể, thầy/cô nghĩ là em rất thích trở thành hướng dẫn viên du lịch nhưng lại lo mình không đủ sức khỏe và không có năng khiếu. Thầy/cô nghe vậy có đúng không em? GV có thể phản hồi ý tưởng của HS bằng cách diễn dịch hoặc khái quát, tóm tắt những lời chia sẻ của họ. Ví dụ: Em vừa nói là em đang rất băn khoăn, chưa biết là nên chọn nghề gì trong tương lai. Em muốn tìm hiểu thêm các ngành nghề khác vì em sợ rằng mình chọn sai nghề. Thầy/cô nói vậy có đúng không em?

Đối với học sinh dân tộc, vùng cao việc nắm bắt ý tưởng của học sinh đôi khi không phải dễ dàng. Có nguyên nhân do các em ngại bộc lộ, có nguyên nhân do một số em diễn đạt tiếng Việt còn hạn chế; mặt khác còn do điều kiện tự nhiên, địa lý các em ít được tiếp xúc, va chạm với môi trường có nhiều nghề nghiệp nên việc hình thành ý tưởng đôi khi gặp khó khăn. Vì vậy, giáo viên tư vấn ở những vùng này cần dày công, kiên nhẫn hơn để gọi mở, nắm bắt đúng ý tưởng của học sinh.

4.3.2.5. Kỹ năng thu thập thông tin [65], bao gồm:

Kỹ năng đặt câu hỏi;

Kỹ năng tóm lược.



- Kỹ năng đặt câu hỏi rất quan trọng trong quá trình tư vấn để có được nhiều thông tin nhất từ học sinh, giúp GV nâng cao hiểu biết về học sinh cũng như khẳng định được cảm xúc, hoàn cảnh và mâu thuẫn tạo ra bởi hoàn cảnh của học sinh. Từ đó giúp học sinh hiểu rõ bản thân hơn và tìm ra giải pháp cho vấn đề của mình.

GV cần vận dụng linh hoạt câu hỏi mở, câu hỏi đóng, câu hỏi phê, câu hỏi thăm dò, câu hỏi dẫn dắt/đoán trước...

+ Câu hỏi mở được bắt đầu bằng các từ “Vì sao?”, “Khi nào?”, “Cái gì?”, “Bằng cách nào?”, “Ở đâu?”..., hoặc mệnh đề “Hãy kể lại”... Dùng câu hỏi mở tạo cho người đối diện không gian rộng để chia sẻ bất cứ điều gì họ muốn. Do vậy, trong quá trình tư vấn cá nhân, GV sử dụng câu hỏi mở khi cảm thấy HS chủ động tham gia vào cuộc trò chuyện. Qua đó, sẽ hiểu rõ hơn về HS và dựa vào thông tin thu được để hỏi những câu hỏi tiếp theo.

Chú ý: Câu hỏi mở cho phép không gian trò chuyện khá cởi mở nhưng cũng dễ làm cho HS lan man ra nói ra ngoài trọng tâm điều mà họ muốn chia sẻ. Vì vậy, khi sử dụng câu hỏi mở, GV cần phải chú ý để câu chuyện không đi quá xa trọng tâm của buổi tư vấn. Câu hỏi mở tạo điều kiện cho người được hỏi làm chủ kiến thức của mình. Ví dụ:

“Vì sao hôm nay em lại đến gặp thầy/cô?”

“Tại sao nghề may phù hợp với phụ nữ?”

“Kể cho cô nghe về một ngày trải nghiệm của em tại lớp học nghề?”.

+ Câu hỏi đóng là loại câu hỏi mà bạn có thể trả lời bằng một từ hoặc một câu ngắn, có hoặc không. Chúng thường được dùng để thu nhận những thông tin cụ thể và sự thật. Ví dụ:

Có phải là em không thích chương trình em đang học không?

“Bạn sẽ chọn nghề gì?”

“Em nói chuyện với T chưa?”

“Em thích làm việc gì?”

Với một số người, câu hỏi mở làm họ lúng túng và khó chia sẻ vì họ không biết nên bắt đầu từ đâu. Trong trường hợp này, GV nên sử dụng câu hỏi đóng vì nó sẽ giúp người đối diện trả lời dễ dàng hơn. Câu hỏi đóng thường được sử dụng khi bắt đầu buổi tư vấn vì nó có tác dụng tốt trong việc thu thập thông tin thực tế, nhưng nếu sử dụng lâu sẽ dễ gây cho người đối diện cảm giác bị hỏi cung và như vậy sẽ không tốt cho việc tạo ra môi trường thoải mái, thân thiện. Khi HS cảm thấy thoải mái hơn thì GV nên tiếp tục bằng câu hỏi mở hay câu hỏi thăm dò.

+ Câu hỏi thăm dò được sử dụng trong những trường hợp: GV đã có tương đối đầy đủ thông tin nhưng chưa nắm bắt được trọng tâm của vấn đề; GV muốn thảo luận về các chủ đề nhạy cảm liên quan đến thông tin cá nhân của HS; GV muốn chắc chắn rằng mình đã hiểu rõ vấn đề chính. Ví dụ: Từ khi gặp đến giờ, em nói rất nhiều về ảnh hưởng của cha em với em. Nếu thầy/cô nói rằng em chưa quen ra quyết định một mình mà phần lớn là dựa vào cha mình thì có chính xác không?” Câu hỏi thăm dò thường được dùng vào giữa buổi gặp, khi mà mối quan hệ giữa GV và HS đã được thiết lập và trở nên tốt hơn. Tuy nhiên, nếu dùng câu hỏi thăm dò không khéo sẽ dễ gây tổn thương cho HS. Do đó, khi sử dụng loại câu hỏi này, GV cũng cần chú ý vận dụng triệt để hành vi quan tâm và kỹ năng lắng nghe vì đây là nền móng của kỹ năng đặt câu hỏi.

+ Câu hỏi phễu: Bắt đầu bằng câu hỏi có nội dung hẹp, sau đó chuyển dần sang nội dung rộng và mở hơn. Phương pháp này rất hữu ích nếu GV đang cần những chi tiết cụ thể từ HS. Nó cũng có tác dụng nếu GV đang muốn thu hút sự hứng thú của HS vào chủ đề nào đó hoặc tìm cách khiến họ cảm thấy tự tin hơn.

Nếu GV đang cố khiến HS cởi mở hơn với những câu hỏi mở, hãy thử thu hẹp câu hỏi trước, sau đó, mở rộng khi họ đã bắt nhịp với câu chuyện. Ví dụ: “Hôm nay các em học ở lớp thế nào?”. Trả lời: “Bình thường ạ!”. Hãy hỏi

tiếp: “Em được giao bài gì về nhà?”. Như vậy, câu chuyện sẽ được tiếp diễn.  
(Giáo viên có thể tham khảo thêm tại: [www.wikihow.vn/Đưa-ra-câu-hỏi-mở](http://www.wikihow.vn/Đưa-ra-câu-hỏi-mở))

+ Câu hỏi dẫn dắt thường dựa trên những xét đoán và định kiến riêng của GV và được sử dụng khi mối quan hệ giữa GV và HS chưa thật sự gần gũi. Loại câu hỏi này không thật phù hợp trong TVHN vì loại câu hỏi này giống như “người đóng cánh cửa giao tiếp”. Ví dụ 1: Em có chắc là mình sẽ trò chuyện được với cha mình không? Trong câu hỏi trên, GV có ý cho rằng HS sẽ thất bại trong việc trò chuyện với cha em và điều đó có ảnh hưởng tiêu cực tới em HS. Ví dụ 2: Em nghĩ rằng mình sẽ đủ sức thi vào trường ĐH Y Hà Nội? Trong câu hỏi này, TVV có ý cho rằng, HS không đủ sức thi vào trường Y vì điểm trung bình của em không cao. Tuy nhiên, trong thực tế, có nhiều trường hợp, điểm học tập của HS không cao vì các lý do khác chứ không phải vì sức học của em ấy. TVV cần chú ý phân biệt và sử dụng hợp lý câu hỏi thăm dò, câu hỏi dẫn dắt qua cách đặt câu hỏi và thời gian hỏi.

- Kỹ năng tóm lược: đòi hỏi GV phải lắng nghe, ghi chép cẩn thận, chất lọc, phát hiện được mạch suy nghĩ của học sinh, tìm ra được vấn đề trọng tâm qua lời nói của học sinh để tổng hợp lại một cách chính xác, mạch lạc.

Các kỹ năng này sẽ giúp người làm công tác tư vấn hướng nghiệp có thể thu thập đầy đủ thông tin về cá nhân học sinh và cả cảm xúc của họ từ đó có giải pháp giúp học sinh. Lưu ý: Mỗi loại câu hỏi có tác dụng khác nhau đối với việc thu thập thông tin từ HS. Do đó, GV cần lựa chọn và sử dụng một cách hợp lý câu hỏi trong từng tình huống cụ thể. Trong mỗi trường hợp, tình huống, GV nên cân nhắc dùng loại câu hỏi nào và sử dụng như thế nào để thu thập được thông tin của HS một cách chính xác, đầy đủ.

4.3.2.6. Kỹ năng thông đạt: Thể hiện sự hiểu biết một cách nồng hậu, trung thực, không lấn át học sinh. Khả năng thông đạt là hiểu biết và thông cảm những gì học sinh bộc lộ để giúp họ thấy được nội dung các sự kiện, thấy

rõ cảm xúc của mình, thấy được giá trị của mình qua đó giúp họ đương đầu với vấn đề họ gặp phải. Đây cũng là cơ sở tạo lòng tin.

Kỹ năng thông đạt trước hết đòi hỏi giáo viên phải hiểu rõ quan điểm thực thi nhiệm vụ tư vấn của chính bản thân mình; phải luôn luôn chủ động việc mình đang nói về điều gì, mình đang muốn gì ở cuộc trò chuyện tư vấn.

Bên cạnh đó, cần phải hiểu rõ học sinh sinh được tư vấn thích và không thích điều gì. Một yếu tố cực kỳ quan trọng trong kỹ năng giao tiếp thông minh là nói những điều người khác muốn nghe.

4.3.2.7. Kỹ năng nói: Nói là truyền đạt hay chuyển tới đối tác một lượng thông tin, một ý tưởng, một ý kiến, một cảm xúc bằng lời nói. Kỹ năng nói hiệu quả là khả năng biểu đạt bằng lời nói, là một loại năng lực được thể hiện qua khẩu ngữ để truyền đạt thông tin, biểu đạt tư tưởng, tình cảm một cách chính xác, sinh động, có sức thuyết phục. Kỹ năng nói được quyết định bởi 3 yếu tố: sự phát âm (phonation), khả năng diễn đạt (articulation) và sự phát âm chính xác (pronunciation). Sự phát âm có các đặc trưng về cao độ (giọng cao, thấp), trường độ (dài, ngắn) và cường độ (mạnh, yếu). Khả năng diễn đạt liên quan tới cách phát âm, khuyết tật cơ quan liên quan đến phát âm, và sự bất cẩn trong khi nói cũng như điểm mạnh và yếu của tiếng địa phương. Phát âm chính xác liên quan đến các từ khó phát âm, các từ địa phương.

- Chuẩn bị: Trước khi nói hoặc trình bày vấn đề, thông tin nào đó cần phải có bước chuẩn bị. Chuẩn bị bài nói là bước quan trọng.

- Một bài nói chuyện thông thường gồm ba phần: mở đầu, nội dung, và kết luận.

- + Mở đầu/Đặt vấn đề: Mở đầu phải nêu rõ mục đích, tầm quan trọng của bài nói. Để mở đầu cho linh hoạt có thể dùng một hoạt động gây hứng thú, một câu chuyện được kể, một câu hỏi gợi suy nghĩ được đưa ra hoặc đưa ngay nội dung khái quát buổi nói chuyện.

+ Nội dung: Sắp xếp nội dung theo thứ tự ưu tiên (vấn đề nổi bật thứ nhất, thứ hai thứ ba...); phải viết ra giấy thành các đoạn văn; giữa các nội dung này có sự liên kết. Toàn phần viết sử dụng một kiểu hành văn. Chuẩn bị các số liệu thống kê để hỗ trợ, minh họa cho các ý kiến đưa ra. Chuẩn bị một số giai thoại hoặc câu trích dẫn, một số câu chuyện vui, lời nói đùa để đưa vào trong lúc nói nếu thấy phù hợp. Chuẩn bị thêm những hình ảnh, ví dụ minh họa cho bài nói.

+ Kết luận: Phần kết luận phải nhấn mạnh ý tưởng chủ đạo của bài nói, thông điệp chính. Dùng bài nói ở một câu trích dẫn hay, chọn lọc, kịch tính... làm đẹp buổi nói chuyện.

- Nói trong tư vấn hướng nghiệp sẽ cung cấp thông tin đến học sinh, giúp họ hiểu rõ nguyên nhân, nguồn gốc sự lo lắng của vấn đề họ quan tâm giúp họ giải quyết vấn đề dựa trên lí trí và tình cảm.

- Nói còn biểu hiện sự thiện chí, cảm tình và nói lên sự đảm bảo đối với đối tượng.

- Khi nói, cần dùng ngôn ngữ đơn giản có tính phổ thông, nói phải rõ ràng, có sức biểu cảm, thu hút học sinh, nói những điều mà học sinh cần nghe, tránh những từ làm họ sợ hãi sẽ làm ảnh hưởng tới trạng thái tâm lí và tinh thần của học sinh, ảnh hưởng tới hiệu quả tư vấn. Ngoài ra sử dụng ngữ điệu phù hợp để truyền tải những gì muốn nói và giúp người nghe cảm thấy thoải mái, thú vị hơn khi lắng nghe những gì giáo viên nói; ngữ điệu cũng góp phần thể hiện sự chuyên nghiệp trong công tác tư vấn hướng nghiệp.

- Khi nói trước mọi người, ngôn ngữ cơ thể cũng mang thông điệp tốt hoặc xấu gửi tới người nghe: ánh mắt, nét mặt, tiếp xúc cơ thể, tư thế đứng, chuyển động tay, di chuyển, khoảng cách, trang phục. Trong khi nói tư thế đứng cần thoải mái, tự nhiên, hai chân đứng trên khoảng cách bằng vai. Tránh tự tạo ra các trạng thái đứng gò bó như nghiêng người, ngả người về trước. Tay có các cử động vừa phải, minh họa bằng các ngón tay và bàn tay,

tránh vung tay và cử động thái quá. Nếu đứng không có bực thì hai bàn tay ở trước bụng, vị trí ngang thắt lưng. Tránh chấp tay ngang hông hoặc khoanh tay trước ngực. Khi nói với ai đó nên nhìn vào mặt họ. Khi nói với đám đông thì nhìn bao quát với con mắt thân thiện, miệng luôn tươi. Ngôn ngữ không lời cũng cần phải được rèn luyện cho thành thói quen và để tự tin thì phải chuẩn bị kỹ.

- Kỹ năng thuyết trình, trình bày: Thuyết trình là trình bày trước một số hoặc nhiều người về một vấn đề nào đó. Để thuyết trình tốt cần chuẩn bị chu đáo. Thông thường có 3 công việc: chuẩn bị, tiến hành thuyết trình và đánh giá kết quả.

+ Chuẩn bị: Phải tự đặt các câu hỏi: Bạn có hứng thú với chủ đề đó và có đủ kiến thức để thuyết trình hay không? Mục tiêu của bài nói là thông tin, thông báo hay thuyết phục? Chuẩn bị mất bao nhiêu thời gian? Đối nghe là ai? Sử dụng ngôn ngữ nào? Thông điệp chính là gì? Thuyết trình ở đâu? phương tiện Hỗ trợ? cơ sở vật chất, thiết bị âm thanh, ánh sáng tốt không, nhìn rõ không? Dàn bài của bài thuyết trình chia làm 3 phần như trình bày ở phần trên.

+ Thực hiện thuyết trình theo thứ tự dàn ý. Mức độ chú ý của người nghe giảm dần về cuối buổi thuyết trình nên khoảng giữa buổi phải làm thế nào kéo sự tập trung của người nghe, giảm căng thẳng.

Khi thực hiện thuyết trình phần mở đầu có thể có nhiều cách tiến hành. Có thể vào buổi thuyết trình một cách trực tiếp; dẫn nhập bằng những sự kiện tương phản, bằng một câu chuyện liên hệ với vấn đề trình bày, bằng cách đặt câu hỏi, một câu trích dẫn lời người nổi tiếng, sự việc gây “chấn động” hoặc “sốc”... Trong khi thuyết trình phải quan sát, có biện pháp duy trì sự chú ý của người nghe bằng biện pháp sau cho đúng lúc: không đọc nguyên văn hay thuộc lòng; không dùng nhiều lời lẽ hùng hồn; sắp xếp các ý theo trình tự hợp lý; đưa những ví dụ, số liệu minh họa; xây dựng cách nói tùy theo đối tượng

người nghe; có thể thêm những câu nói, câu chuyện khôi hài đúng lúc và liên hệ với nội dung trình bày; luôn bám sát chủ đề<sup>19</sup>.

+ Đối phó với hồi hộp khi thuyết trình: Nói, thuyết trình trước đám đông với đa số mọi người đều là công việc khó, gây ra hồi hộp, run, nhất là những lần đầu; biểu hiện như vã mồ hôi, tay chân run, nói lắp hoặc nói nhịu. Để đối phó thì trước tiên phải chuẩn bị kỹ nội dung bài nói và tập nói một mình trước khi nói trước đám đông. Khi tập nói có thể nhờ một số người nghe và nhận xét để sửa về nội dung, giọng nói, tư thế, dụng cụ Hỗ trợ. Cần dành thời gian làm quen và sử dụng thành thạo các dụng cụ Hỗ trợ, làm quen với căn phòng nơi thuyết trình. Nên đến sớm trước người nghe, có thể làm quen với vài người nghe đi sớm để tranh thủ sự cảm tình của họ. Khi được giới thiệu đi thông thả từ dưới lên bục Trong khi thuyết trình phải tin tưởng rằng người nghe có thiện chí và quan tâm tới vấn đề mình trình bày. Khi nói luôn nhìn xuống người nghe, bao quát thính phòng để luôn có mối liên hệ với người nghe để điều chỉnh. Hãy coi buổi thuyết trình như là cuộc nói chuyện, đối thoại giữa hai người với nhau. Thỉnh thoảng hít thở sâu hoặc uống một hớp nước lạnh nhỏ khi có cảm giác hồi hộp. Có thể cầm chặt cái gì đó (cây bút, mảnh giấy, hay micro) trong tay.

4.3.2.8. Kỹ năng đối mặt: giúp cho cuộc nói chuyện thoát khỏi bế tắc, mở hướng cho học sinh, đi sâu vào cảm xúc, giúp họ nhận ra vấn đề chân chính.

---

<sup>19</sup> Có thể thuyết trình bằng cách học thuộc lòng, đọc bài đã viết, dựa vào dàn ý hoặc thuyết trình tự do. Mỗi kiểu đều có ưu điểm và nhược điểm.

Thuộc lòng thuyết trình hạn chế vì sự đơn điệu, sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ không dựa vào phản hồi của người nghe mà thay đổi, nếu quên một chỗ thì hỏng cả buổi nói chuyện, nó chỉ hiệu quả khi lời thuyết trình ngắn.

Thuyết trình bằng đọc thích hợp với những buổi nói chuyện, báo cáo số liệu phức tạp, không được phép nói sai số liệu, báo cáo khoa học, thời gian hạn chế so với nội dung.

Cách trình bày đọc như vậy tạo khoảng cách người nói và người nghe, dễ gây buồn ngủ, phân tán, sao lãng việc nghe.

Cách thuyết trình tự do hoặc ghi dàn ý là hấp dẫn người nghe hơn cả vì tùy theo đối tượng người nghe, phản ứng, phản hồi của người nghe khi quan sát mà thay đổi cách nói, ngôn ngữ không lời, thêm chuyện vui, câu nói đùa.

- Trong trường hợp cần thiết, kỹ năng này giúp học sinh thoát khỏi những ảo tưởng hay tập trung nhằm vấn đề. Đặc biệt, giáo viên cần chú ý đối tượng học sinh trung học đang ở tuổi mới lớn, muốn khẳng định cá nhân mình, nhiều mộng mơ, đôi khi thiếu thực tế và có khi không dễ tiếp nhận ý kiến từ người lớn. Có kỹ năng đối mặt tốt, giáo viên có thể phân tích, giảng giải chỉ rõ cho học sinh thấy được vấn đề của họ, từ đó có biện pháp khắc phục; định hướng cho học sinh lựa chọn ngành nghề thiết thực, phù hợp với năng lực, sở trường, điều kiện của bản thân.

- Không nên sử dụng kỹ năng này quá sớm làm hại mối quan hệ hoặc học sinh không dám gặp lại GV nữa; tuy nhiên không dám sử dụng khi cần thiết thì cũng không có hiệu quả tư vấn bởi HS có thể vẫn chìm trong ảo tưởng về bản thân. GV nên thực hiện theo các bước sau để xác định và giải quyết mâu thuẫn:

+ Quan sát lời nói, hành động để nhận ra mâu thuẫn (sự không đồng nhất) trong lời nói, hành vi, cảm xúc và ý nghĩ của HS. Ví dụ: HS nói rất thoải mái với quyết định học của mình, nhưng sau đó kể rằng mất ngủ, bị stress/bị áp lực và lo rằng mình sẽ quyết định sai.

+ Đối diện với mâu thuẫn trên của HS bằng cách: - Tóm tắt câu chuyện  
- Chỉ ra sự mâu thuẫn. Ví dụ: Lúc mới gặp thầy/cô, em nói rằng em rất thoải mái với quyết định học của mình, nhưng bây giờ em kể rằng em bị mất ngủ, stress và lo mình quyết định sai. Em nghĩ sao về mâu thuẫn này?

+ Cùng với HS tìm cách: - Đối diện với mâu thuẫn - Giải quyết mâu thuẫn - Sống chung với mâu thuẫn. Ví dụ: HS nói rằng quyết định ngành học theo sự quyết định của cha mẹ là đúng vì cha mẹ luôn muốn tốt cho em, nhưng thực tế cho thấy em không phù hợp với ngành học này.

+ Sau khi chỉ ra mâu thuẫn, GV có thể thảo luận với HS về sự khác biệt giữa tình yêu và sự lo lắng của cha mẹ cho con cái với khả năng luôn luôn hướng dẫn con cái đi đúng hướng. Nhận thức được cha mẹ có thể sai không



có nghĩa là HS phủ nhận tình yêu và sự lo lắng của cha mẹ dành cho mình. Điều này sẽ giúp HS tìm ra một lối đi khác thoáng hơn. Em có thể thảo luận với cha mẹ về tình hình hiện tại để đổi ngành học hoặc tiếp tục ngành này nhưng học thêm ngành phù hợp ở hệ không chính quy v.v...

#### 4.3.2.9. Kỹ năng tập trung:

- Cần xác định thứ tự ưu tiên tập trung trong quá trình tư vấn để đạt hiệu quả cao trong thời gian ngắn; giúp học sinh đặt ưu tiên cho vấn đề quan trọng, không bị lúng túng và từng bước tìm ra giải pháp.

- Tập trung vào học sinh trước, rồi vào vấn đề sau, tiếp đó tập trung vào gia đình, bối cảnh xã hội...

Trong các vấn đề, cần tập trung giải quyết vấn đề quan trọng nhất trước. Ví dụ: Sau một thời gian trò chuyện với HS, GV nhận ra vấn đề quan trọng nhất không phải là bản thân em HS đó chưa biết nên chọn ngành học, trường nào để theo học mà là mâu thuẫn giữa cha mẹ trong gia đình. GV phân tích cho HS: “Theo như những gì thầy/cô nghe được từ em, vấn đề chính hiện nay là mâu thuẫn trong gia đình em. Bằng kinh nghiệm của mình, thầy/cô cho rằng để có được một quyết định hướng nghiệp tốt thì trước hết, các thành viên trong gia đình em phải thực sự hiểu nhau và tôn trọng ý kiến của nhau. Vì vậy, ngay sau đây, thầy/cô muốn được em nói rõ hơn về những lý do tạo ra mâu thuẫn trong gia đình mình, sau đó chúng ta mới bắt đầu thảo luận về vấn đề chọn ngành học của em. Em nghĩ sao?”.

- Khi thực hiện kỹ năng tập trung, GV cần chú ý thực hiện tốt hành vi quan tâm để HS tin tưởng và mở lòng chia sẻ với mình. Nếu GV không lắng nghe tốt hoặc làm cho HS có cảm giác bị ngăn cấm, xét đoán thì rất có khả năng họ sẽ không nói thật lòng và làm cho quá trình TVHN bị bế tắc.

- Tập trung cần gắn liền với kiên nhẫn để đạt mục tiêu cuộc tư vấn mà giáo viên cần đạt được.

4.3.2.10. Kỹ năng sử dụng các công cụ tư vấn: Sử dụng các Test đo đặc điểm nhân cách (khí chất, xu hướng, năng lực, tính cách), sử dụng dụng cụ đo đặc điểm sinh lý...trên cơ sở đó, tư vấn cho học sinh về năng lực, sở trường, phẩm chất của họ để họ hiểu rõ hơn bản thân họ và có định hướng, lựa chọn chính xác hơn cho bản thân.

GV các trường có thể sử dụng bộ công cụ Test mà chúng tôi kèm theo bộ tài liệu này trong quá trình tư vấn; bao gồm Phiếu trắc nghiệm sở thích; Phiếu khảo sát về hướng nghiệp và tuyển sinh; Tóm tắt đặc điểm về phẩm chất, năng lực theo các kiểu người nghề nghiệp; Một số câu hỏi thường gặp ở học sinh THPT. ***(Phần này sẽ có các bài học riêng tại chuyên đề sau).***

4.3.3. *Một số lưu ý về bồi dưỡng phương pháp tổ chức tư vấn hướng nghiệp cho giáo viên cốt cán*

4.3.3.1. Các vấn đề có tính nguyên tắc

- Tính mục tiêu: Để xác định các phương pháp bồi dưỡng tư vấn hướng nghiệp cho giáo viên, cần bám sát vào mục tiêu bồi dưỡng công tác hướng nghiệp. Mục tiêu công tác hướng nghiệp không đơn giản chỉ là dạy một lớp nghề ngắn hạn cho học sinh hay hướng dẫn học sinh đăng ký thi vào một nghề, ngành nào đó mang tính nhất thời; mà cái đích cần hướng tới là học sinh nhận ra bản thân mình với những sở trường, sở đoản trong mối quan hệ với các điều kiện: gia đình, xã hội, nghề nghiệp...để chọn ngành nghề và con đường đi phù hợp nhất. Vì vậy, yêu cầu giáo viên tư vấn hướng nghiệp phải nắm vững kiến thức cơ bản về hướng nghiệp ở trường THCS, THPT; hiểu rõ nhiệm vụ cơ bản của giáo viên chủ nhiệm và vai trò của các lực lượng giáo dục trong việc tổ chức tư vấn hướng nghiệp; nắm được các kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cơ bản. Nói chung phải có kiến thức hướng nghiệp mang tính hệ thống thì mới thực hiện đúng mục tiêu hướng nghiệp.

- Tính phù hợp với thực tế vùng miền và công việc: Giáo dục Lào Cai có sự khác nhau giữa các vùng, miền khá rõ rệt, bao gồm vùng cao (các huyện

Mường Khương, Bắc Hà, Sa Pa, Bát Xát, Si Ma Cai); vùng thấp (các huyện Bảo Thắng, Văn Bàn, Bảo Yên); thành phố Lào Cai. Cùng với vấn đề vùng miền là vấn đề dân tộc; theo đó, vùng cao đa số là các dân tộc ít người, ít có điều kiện tiếp xúc thông tin, còn nhiều hủ tục, quan niệm lạc hậu, nhiều gia đình chưa có truyền thống tham gia công tác hoặc thoát ly nông thôn đi lao động các ngành nghề công nghiệp, Dịch vụ...; học sinh vùng cao còn nhút nhát, ngại xa nhà, hiểu biết về ngành nghề hạn chế, phần lớn sống trong gia đình, môi trường xã hội chưa có truyền thống ngành nghề thuộc lĩnh vực phi nông nghiệp. Cùng với cao là vùng sâu, vùng xa là những nơi khó khăn, ít người, ít giao lưu văn hóa xã hội, ít tiếp cận thông tin, kinh tế nghèo nàn, lạc hậu. Vùng sâu, vùng xa ở tất cả các huyện, thành phố đều có... Giáo viên Lào Cai cũng bị ảnh hưởng của vấn đề vùng miền khá rõ, nhất là giáo viên vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Vì vậy, đòi hỏi bồi dưỡng cho giáo viên tư vấn hướng nghiệp phải có khả năng linh hoạt vận dụng kỹ năng cần thiết, đơn giản, dễ hiểu, dễ thuyết phục đối với học sinh; hiểu rõ nhu cầu, mong muốn, nguyện vọng cá nhân gắn với thực tế khó khăn, thuận lợi của công việc hướng nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai hiện nay.

- Tính toàn diện:

+ Về nội dung: Bồi dưỡng đầy đủ về các kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết cho GV làm công tác tư vấn hướng nghiệp để triển khai thực thi nhiệm vụ một cách hiệu quả. Đặc biệt chú ý đến tính đặc thù vùng miền và đặc thù dân tộc trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

+ Về đối tượng: Đảm bảo GV được bồi dưỡng để có kỹ năng tổ chức Hoạt động trên cơ sở vị trí, vai trò, nhiệm vụ nói chung; đồng thời chú trọng bồi dưỡng đặc thù công việc thực tế tại các cơ sở giáo dục, sự khác biệt giữa vùng cao, vùng dân tộc và vùng thấp, thành phố.

- Tính hiệu quả: Các biện pháp đề ra phải có tính khả thi, có khả năng ứng dụng rộng rãi ở các địa bàn khác nhau, đồng thời có thể thực hiện được trong

những điều kiện cụ thể; hiệu quả, tiết kiệm, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng theo yêu cầu. Nhìn chung, cần chú ý đến nhu cầu học tập ngành nghề và yêu cầu việc làm ở từng khu vực khác nhau. Nhu cầu, năng lực, sở trường của học sinh trường chuyên, trường số 1 thành phố và các trường ở huyện số đông sẽ khác nhau; tương tự, học sinh các trường số 1 sẽ khác học sinh các trường số 3 ở mỗi huyện...Do vậy, muốn hiệu quả, phải chú ý phân tách từng nhóm đối tượng hoặc phải cá thể hóa từng đối tượng để tổ chức tư vấn. Việc định hướng học sinh THCS vào luồng nào trong các luồng như vào trường chuyên (có năng khiếu, học tốt), nội trú tỉnh (học tốt), các trường số 1,2,3,4; Trung tâm GDNN&GDTX; học nghề...cũng phải được tổ chức thực hiện có cơ sở khoa học, thuyết phục trên cơ sở có khảo sát, phân loại và tổ chức tư vấn cẩn thận thì mới đạt hiệu quả mong muốn.

#### 4.3.3.2. Một số biện pháp triển khai bồi dưỡng giáo viên

##### 4.3.3.2.1. Phân cấp nhiệm vụ (Theo quy định của Thông tư 26):

- Sở GD&ĐT có trách nhiệm bồi dưỡng giáo viên tư vấn hướng nghiệp và cán bộ quản lý các trường trực thuộc, Trung tâm GDNN&GDTX.

- Phòng GD&ĐT có trách nhiệm bồi dưỡng giáo viên tư vấn hướng nghiệp và cán bộ quản lý các trường THCS trực thuộc phòng.

##### 4.3.3.2.2. Khảo sát nhu cầu để lập kế hoạch tổ chức bồi dưỡng kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cho giáo viên của các cơ sở giáo dục:

- Mục tiêu: Đánh giá đúng năng lực đội ngũ giáo viên làm công tác tư vấn hướng nghiệp để Xây dựng kế hoạch.

- Nhiệm vụ: xác định nhu cầu bồi dưỡng; lựa chọn nội dung bồi dưỡng một cách thiết thực, hiệu quả; xác định rõ các công việc cần thực hiện; tránh Hoạt động chung chung, xa rời với thực tế công việc cần thực hiện.

- Nội dung và cách thực hiện:

Xây dựng hệ thống bảng mô tả nhiệm vụ của cán bộ tư vấn hướng nghiệp để làm cơ sở xác định hệ thống năng lực cần có; từ đó, xác định nội dung chương trình bồi dưỡng sát hợp.

Đầu năm học, trên cơ sở bản tiêu chuẩn, mô tả công việc, cốt cán tổ chức khảo sát, đánh giá năng lực, xác định nhu cầu bồi dưỡng của giáo viên để thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng trong năm học. Có thể điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bồi dưỡng trong năm học cho phù hợp.

Tổ chức hội thảo đánh giá về chất lượng Hoạt động công tác bồi dưỡng tư vấn để có giải pháp khắc phục hạn chế. Nói chung, cần chỉ ra được các nội dung: kết quả đạt được; kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm đã có; khả năng hiện nhiệm vụ thực tế của cá nhân so với yêu cầu đặt ra; những vấn đề còn thiếu khuyết về kiến thức, kỹ năng...giải pháp phát huy, khắc phục trong thời gian tới.

Từ đó, hoàn thiện kế hoạch bồi dưỡng.

Yêu cầu kế hoạch bồi dưỡng phải xác định mục tiêu rõ ràng gắn với những Hoạt động cụ thể, có thể quan sát, đo lường được, tránh tình trạng mơ hồ, chung chung, khó khả thi (ví dụ: Mục tiêu bồi dưỡng trong 1 năm, 5 năm là bao nhiêu giáo viên tư vấn hướng nghiệp, những trường nào (đối với Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT)? về kỹ năng gì? Hoạt động là: tập huấn, bồi dưỡng, biên soạn tài liệu, giảng viên, quản lý lớp,...; hình thức, thời gian tổ chức? Đầu ra là mấy lớp bồi dưỡng được tổ chức, bao nhiêu GV nắm được kỹ năng, phương pháp, có khả năng vận dụng? Nguồn kinh phí?...).

4.3.3.2.3. Xây dựng lực lượng cốt cán để bồi dưỡng kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cho giáo viên cơ sở giáo dục:

- Mục tiêu: Xây dựng đội ngũ cốt cán có chuyên môn vững vàng, đủ sức thực hiện nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng giáo viên tư vấn hướng nghiệp cho các nhà trường.

- Nhiệm vụ:

Để đảm bảo tính chủ động trong công tác bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cho đội ngũ giáo viên cốt cán tư vấn hướng nghiệp, Sở GD&ĐT, các Phòng GD&ĐT cần rà soát, lựa chọn đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực làm cốt cán, hình thành đội ngũ cốt cán đủ số lượng, đáp ứng yêu cầu bồi dưỡng tại địa phương.

Huy động tốt các nguồn lực khác về cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng cho giáo viên các trường trực thuộc nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của Hoạt động tư vấn hướng nghiệp đối với cấp THPT, THCS.

Nói chung nên bồi dưỡng cho tất cả giáo viên chủ nhiệm có khả năng làm tư vấn hướng nghiệp.

- Nội dung và cách thức thực hiện:

Đối với Sở GD&ĐT: Kiện toàn đội ngũ cốt cán; rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ cốt cán của Phòng GD&ĐT đã được tập huấn tại Sở giáo dục và đào tạo, Bộ GD&ĐT.

Đối với cấp huyện: Tùy điều kiện cụ thể của từng huyện, thành phố, với đặc thù các vùng, miền khác nhau, Phòng GD&ĐT có thể bổ sung thêm yêu cầu cụ thể đối với cốt cán vừa đảm bảo yêu cầu chung về chuyên môn, kỹ năng, phương pháp vừa đáp ứng được nhu cầu, yêu cầu tư vấn hướng nghiệp ở một địa phương, một trường cụ thể. Ví dụ: làm tư vấn ở vùng học sinh dân tộc Mông cần bổ sung thêm yêu cầu gì khác với vùng học sinh Tày, Dao... Tương tự, ở vùng cao cần bổ sung thêm yêu cầu gì so với vùng thấp, thành phố. Trên cơ sở Khai thác nội dung tiếp thu từ Sở, Bộ, các cốt cán phải tiếp tục bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giáo viên các trường THCS. Trong đó, phải Xây dựng được mỗi trường có ít nhất 01 giáo viên có trình độ, kỹ năng, phương pháp tốt để tự bồi dưỡng, hướng dẫn kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cho giáo viên của trường. Lâu dài,

phải xác định đây là lực lượng nòng cốt trong việc tự bồi dưỡng kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cho giáo viên tại trường THCS.

Tăng cường thiết lập, xây dựng mối quan hệ phối hợp với các trường ĐH, CĐ, các Trung tâm Tư vấn hướng nghiệp, TTKTTH HNDN&GDTX tỉnh, trường THPT, TTGDNN&GDTX... để có sự ủng hộ, tạo điều kiện, Hỗ trợ nguồn giảng viên, chuyên gia trong đào tạo nâng cao về kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cho đội ngũ giáo viên hoặc tổ chức các buổi tư vấn trực tiếp cho học sinh tại các trường học để trao đổi kinh nghiệm.

Xây dựng mạng lưới thỉnh giảng, tư vấn viên từ một số ngành, đơn vị, doanh nghiệp có kinh nghiệm, nhu cầu tuyển dụng.

4.3.3.2.4. Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức bồi dưỡng theo hướng phát huy vai trò chủ thể của giáo viên tham gia bồi dưỡng:

- Mục tiêu: Xác định rõ đổi mới phương pháp, hình thức bồi dưỡng kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cho giáo viên THCS, THPT nhằm đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tư vấn hướng nghiệp; phát huy vai trò tự bồi dưỡng của giáo viên, biến quá trình bồi dưỡng thành quá trình tự bồi dưỡng.

- Nội dung và cách thực hiện:

Sở giáo dục và Đào tạo vừa chỉ đạo, định hướng Hoạt động cho GV vừa trực tiếp triển khai nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch Hoạt động của Sở cho các trường trực thuộc và cốt cán cho khối trực thuộc Phòng GD&ĐT. Tương tự, Phòng GD&ĐT huyện, thành phố cũng có trách nhiệm như vậy đối với các trường trực thuộc Phòng quản lý.

Đổi mới phương pháp bồi dưỡng kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cho giáo viên theo phương thức lấy người học (giáo viên được bồi dưỡng) là trung tâm, dựa vào kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, hiểu biết sẵn có của giáo viên tham gia bồi dưỡng, gắn với điều kiện cụ thể thực tế của từng vùng, từng trường học. Giảng viên cốt cán đóng vai trò người hướng dẫn, dẫn dắt, định hướng,

điều hành, khuyến khích mọi người tích cực chủ động tham gia, chuyển tải kiến thức, kỹ năng bằng nhiều cách.

Đối với giáo viên tỉnh Lào Cai, các phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại đã được bồi dưỡng tập huấn nhiều trong những năm qua; vì vậy cốt cán chỉ cần gợi mở, hướng dẫn và yêu cầu người học áp dụng những nội dung mà tài liệu này trình bày, gợi mở, hướng dẫn là có thể thực hiện được. Trọng tâm là tích cực hóa Hoạt động tự bồi dưỡng của giáo viên trên cơ sở cung cấp tài liệu, các chuyên đề, nội dung kiến thức tư vấn hướng nghiệp trang bị trong tài liệu này. Trong đó, chú trọng các phương pháp đóng vai, phương pháp thuyết trình, phương pháp tình huống... nhằm tạo môi trường trải nghiệm, tập luyện kỹ năng cho giáo viên, đồng thời sử dụng kết hợp nhuần nhuyễn các phương pháp là rất cần thiết. Phương pháp thuyết trình để phân tích lý thuyết, lý luận, diễn giải các vấn đề, nội dung, kiến thức, tổng hợp, chốt lại các vấn đề. Phương pháp động não nhằm Khai thác thông tin, kinh nghiệm, phát huy tính sáng tạo của người học. Phương pháp tổ chức thảo luận nhóm để tăng cường giao lưu, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng, từ đó làm sâu sắc hơn kiến thức. Phương pháp đóng vai, nghiên cứu tình huống để cho học viên trải nghiệm tình huống giả định, sát thực tế, từ đó rút ra những kinh nghiệm, kỹ năng, phương pháp ứng xử, tổ chức Hoạt động hiệu quả trên thực tế. Phương pháp tham quan mô hình trải nghiệm thực tế như các Trung tâm tư vấn hướng nghiệp, các trường đã làm tốt công tác hướng nghiệp, các doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp, đơn vị sản xuất... để tự rút ra kinh nghiệm, viết thu hoạch, tích lũy kiến thức. Phương pháp kết hợp lý thuyết - thực hành: Gắn lý thuyết với việc thực hành tổ chức các Hoạt động cụ thể để rèn luyện các kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cần có của giáo viên. Phương pháp tự học nhằm khuyến khích, động viên giáo viên tự nguyện tham gia các khóa đào tạo tại một cách tích cực, tự giác; tự nghiên cứu tham khảo sách, báo, tài liệu và vận dụng để nâng cao kỹ năng tư vấn hướng nghiệp.



Về hình thức bồi dưỡng: Đa dạng hóa các hình thức bồi dưỡng như tổ chức lớp học tập trung, học trực tuyến, bồi dưỡng tại trường, qua sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm, bồi dưỡng theo cụm xã, cụm huyện, cung cấp tài liệu tự nghiên cứu, giao nhiệm vụ cụ thể để giáo viên tự nghiên cứu, thực hành.

Bố trí cho GV tham gia các lớp tập huấn theo chuyên đề do Bộ Giáo dục và đào tạo và Sở GD&ĐT tổ chức. Đây là hình thức phổ biến nhất trong công tác bồi dưỡng giáo viên tỉnh Lào Cai những năm qua; tuy nhiên, hạn chế là Lào Cai chưa tổ chức được lớp tập huấn về công tác hướng nghiệp.

## **Modul 4**

### **Kỹ thuật khai thác tài liệu, xử lý thông tin xây dựng bài giảng hướng nghiệp**

#### **1. Mục đích, yêu cầu**

##### **1.1. Mục đích:**

Hướng dẫn giáo viên, học sinh khai thác, sử dụng tài liệu phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch hướng nghiệp, viết báo cáo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, soạn giảng, tìm kiếm thông tin ngành nghề, định hướng lựa chọn nghề nghiệp.

##### **1.2. Yêu cầu:**

- Cán bộ quản lý, giáo viên nắm được cách tìm kiếm thông tin phục vụ cho nhiệm vụ hướng nghiệp tại đơn vị.

- Giáo viên biết sử dụng, khai thác tài liệu để phục vụ soạn bài giảng, lựa chọn nội dung giảng dạy phù hợp, tự bồi dưỡng chuyên môn từ tài liệu bồi dưỡng giáo viên Lào Cai về hướng nghiệp, phân luồng và các nguồn tài liệu khác để tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh chọn nghề phù hợp với bản thân; đồng thời hướng dẫn học sinh biết cách tra cứu thông tin để chọn nghề học phù hợp.

- Tài liệu với nội dung đa dạng, phong phú vì vậy giáo viên phải biết cách chắt lọc, sử dụng đúng mục đích để tài liệu phát huy được hết giá trị của nó.

## **2. Nội dung**

Trên cơ sở nguồn tài liệu sẵn có, đáp ứng mục đích và nhu cầu khai thác của nhiều đối tượng, công tác tổ chức, khai thác được đề xuất với các hình thức sau:

- Công bố, giới thiệu tài liệu trên internet.
- Cách Khai thác cơ sở vật chất, tài liệu và sử dụng hiệu quả.
- Định hướng thiết kế nội dung bài dạy.
- Định dạng nội dung bài dạy.
- Định hướng giáo dục khởi nghiệp.

### ***2.1. Công bố, giới thiệu tài liệu trên internet.***

- Cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin như ngày nay, nhu cầu tiếp cận, khai thác, sử dụng tài liệu điện tử ngày càng tăng. Đây là hình thức sử dụng tài liệu lưu trữ một cách phổ biến, đa dạng, tài liệu có thể gửi qua hệ thống E\_mail cho các đơn vị và triển khai tại các cơ sở giáo dục, hoặc tìm tài liệu được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở GD&ĐT Lào Cai tại địa chỉ <http://sgddt.laocai.gov.vn>; **chuyên mục hướng nghiệp, phân luồng.**

- Ngoài bộ tài liệu tự biên soạn, Sở GD&ĐT còn cung cấp nhiều tài liệu khác của các tác giả trong và ngoài nước đã được biên soạn rõ ràng, mạch lạc tạo điều kiện cho người khai thác có nguồn tài liệu phong phú hơn để tham khảo phục vụ công việc của mình.

- Ngoài các cách trên, giáo viên có thể vào google để search thêm các tài liệu hướng dẫn của Bộ, hoặc tham khảo các tài liệu bổ ích khác trên mỗi website đều đăng tải nội dung chủ đề hướng nghiệp – tuyển sinh để bổ sung phục vụ bài giảng cá nhân của mình có hiệu quả.

## ***2.2. Cách khai thác cơ sở vật chất, tài liệu và sử dụng hiệu quả***

### **2.2.1. Tài liệu điện tử**

Trong những năm qua, tỉnh Lào Cai đã đầu tư cơ sở hạ tầng cho các cơ sở giáo dục: Các trường đã kết nối internet; nhiều trường THPT, THCS có phòng tin học, thư viện điện tử; tỷ lệ giáo viên có máy tính, kết nối Internet cũng tăng lên đáng kể; mạng giáo dục kết nối thành công mang lại nhiều cơ hội mới cho giáo dục. Giáo viên, học sinh, cán bộ quản lý có thể làm việc ở mọi nơi, mọi lúc chỉ cần máy tính có kết nối Internet. Việc cần thiết trong giai đoạn tới là mỗi trường học nên có tối thiểu 01 máy tính kết nối internet dùng chung để mọi học sinh đều có cơ hội tra cứu thông tin hướng nghiệp.

- Để khai thác được các thông tin trên Internet, phải sử dụng các công cụ tìm kiếm: google, search.netnam, cốc cốc,... Một trong các công cụ được sử dụng phổ biến và hiệu quả là công cụ tìm kiếm google.

- Bộ tài liệu này có thể Khai thác tại cổng thông tin điện tử của Sở GD&ĐT Lào Cai tại địa chỉ <http://sgddt.laocai.gov.vn>; **chuyên mục hướng nghiệp, phân luồng**. Tài liệu gồm 4 chuyên đề:

Chuyên đề 1: Tài liệu bồi dưỡng giáo viên làm công tác hướng nghiệp;

Chuyên đề 2: Tài liệu tuyên truyền tư vấn hướng nghiệp;

Chuyên đề 3: Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp và tổ chức thực hiện kế hoạch hướng nghiệp tại nhà trường.

Chuyên đề 4: Tài liệu giới thiệu nhu cầu lao động và khả năng đào tạo của một số lĩnh vực ngành nghề trong thời gian tới.

Trong mỗi một chuyên đề đều có phần giới thiệu chung về nội dung và phân tích cụ thể theo từng module kiến thức. Chuyên đề 1 gồm 4 module kiến thức, chuyên đề 2 gồm 5 module, chuyên đề 3 gồm 2 modul.

Trong chuyên mục, ngoài bộ tài liệu này, chúng tôi cung cấp thêm thông tin tuyển sinh của các trường TC, CĐ, ĐH được cập nhật hằng năm; những điểm đổi mới trong tuyển sinh từng năm một; các ngành nghề đang đào

tạo của các trường TC, CĐ, ĐH khu vực miền Bắc; thông tin về các doanh nghiệp của tỉnh và khu vực cùng nhu cầu tuyển dụng được cập nhật.

- Đối với giáo viên, ngoài việc tìm kiếm các thông tin trên internet thông thường, cần biết Khai thác từ các nguồn từ điển mở, thư viện bài giảng... Một số từ điển mở được dùng khá phổ biến hiện nay như: Bách khoa toàn thư mở ([www.wikipedia.org](http://www.wikipedia.org)), thư viện bài giảng điện tử Violet: <http://baigiang.violet.vn/>. Để tạo được một bài giảng điện tử tốt, giáo viên cần rất nhiều kỹ năng: Soạn thảo văn bản, đồ họa, quay phim, chụp ảnh, biên tập video, lồng tiếng... Vì vậy giáo viên phải luôn trau dồi nâng cao kỹ năng, trình độ để có khả năng thực hiện tốt hơn nhiệm vụ.

- Đối với học sinh, giáo viên cần hướng dẫn cho các em biết làm các bài test trắc nghiệm về bản thân để các em có thể tự tra cứu, thực hành trên máy tính. Các nhà trường nên trang bị máy tính kết nối internet dùng chung để học sinh có thể truy cập tìm kiếm thông tin về ngành nghề hoặc hỗ trợ các em đăng ký nguyện vọng, thực hành các nội dung hướng nghiệp.

- Để sử dụng tài liệu hiệu quả, các thầy cô giáo và học sinh cần chú ý là thông tin về tiêu chí đào tạo các ngành nghề ít thay đổi, tuy nhiên các thông tin tuyển sinh luôn được cập nhật hằng năm, tài liệu thông tin về các ngành nghề hiện đang tuyển sinh có thể được thay đổi, các tổ hợp thi, xét tuyển cũng có thể thay đổi hằng năm. Để giải quyết vấn đề này Sở GD&ĐT sẽ cập nhật hằng năm trên cổng thông tin của Sở; vì vậy, phải hướng dẫn học sinh tra cứu tài liệu mới nhất được cập nhật. Thông tin về việc làm và các ngành nghề theo nhu cầu xã hội cũng có thể thay đổi hoặc dự báo nhu cầu nhân lực cũng có thể sẽ bị thay đổi. Chẳng hạn, một nghề tại thời điểm 2019 đang thiếu rất nhiều nhân lực, đến thời điểm 2022 thì có thể không còn thiếu nhân lực nữa mà việc học nghề đó phải mất từ 3-5 năm cho nên phải giúp học sinh hiểu được điều đó để cân nhắc lựa chọn. Tốt nhất là hướng các em lựa chọn theo năng lực, sở

trường, điều kiện gia đình...không nên chạy theo số lượng nhu cầu việc làm mà không xuất phát từ khả năng bản thân học sinh.

### 2.2.2. Tài liệu giấy

Cung cấp tài liệu văn bản bằng giấy có giá trị pháp lý, làm cơ sở cho các nhà trường, giáo viên có thể tự đọc, nghiên cứu và sử dụng tài liệu vào xây dựng bài giảng hướng nghiệp để giảng dạy tại các trường THCS và THPT, trong đó chú trọng công tác phân luồng, định hướng nghề nghiệp cho học sinh sau THCS và sau THPT.

Phân loại được tài liệu phục vụ cho từng cấp học phù hợp, giáo viên căn cứ vào nội dung hướng dẫn để chọn tài liệu phục vụ bài giảng phù hợp.

Từ các nội dung nghiên cứu trong bộ tài liệu này, về lâu dài có thể biên soạn thành những cuốn sách mỏng theo chủ đề để giáo viên, học sinh tiện tra cứu, sử dụng.

### ***2.3. Định hướng thiết kế nội dung bài dạy***

Căn cứ tài liệu được cung cấp, lựa chọn nội dung phù hợp và thiết kế bài giảng theo trình tự sau:

- Xác định/phân tích mục tiêu bài dạy;
- Xác định các Hoạt động chính của bài dạy;
- Xác định các kiến thức liên quan của các Hoạt động dạy học;
- Xác định trình tự thực hiện các Hoạt động;
- Xác định nhiệm vụ thực hành.

Thiết kế nội dung bài dạy theo mẫu giáo án tích hợp trong giáo dục hướng nghiệp.

#### **Bước 1: Xác định/phân tích mục tiêu bài dạy**

Căn cứ chương trình đào tạo và chủ đề dạy học để xác định các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực cần đạt đối với người học.

Những lưu ý khi viết mục tiêu bài dạy:

1/ Mục tiêu phải bắt đầu bằng 1 *động từ chỉ hành động*. Tránh sử dụng các từ chỉ trạng thái, như: “hiểu”, “nắm”, “biết”, “có” khi viết mục tiêu.

2/ Mục tiêu phải có tiêu chí để đo (tiêu chí về kỹ thuật, mỹ thuật, sự an toàn, và thời gian thực hiện...).

3/ Mục tiêu phải phân định rõ mức độ nắm vững kiến thức, kỹ năng, thái độ (dựa vào các mức độ mục tiêu nhận thức, kỹ năng, thái độ, năng lực cần đạt).

### **Bước 2: Xác định các Hoạt động chính của bài dạy**

Dựa vào mục tiêu của bài, chương trình mô đun và thực tiễn nghề nghiệp để xác định các Hoạt động của bài dạy;

Mỗi một Hoạt động với 01 quy trình thực hiện, kết quả sẽ tạo ra một sản phẩm cụ thể hoặc một phần sản phẩm.

Ví dụ 1: Chủ đề định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương

#### **Mục tiêu bài học:**

*Sau khi học xong bài này người học có khả năng:*

- Phân tích được thông tin cơ bản về định hướng phát triển kinh tế xã hội của đất nước và địa phương.
- Thực hiện các bước tìm hiểu và khai thác thông tin về nhu cầu của thị trường lao động trong nước cũng như ở địa phương mình.
- Nhận định và đưa ra sự phát triển ngành nghề ở một số địa phương đang cần nhiều nhân lực để học nghề.

*=> Soạn giáo án dạy năng lực thực hiện 4 Hoạt động sau:*

Hoạt động 1: Nhiệm vụ trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2015 – 2020

Hoạt động 2: Định hướng phát triển các ngành;

Hoạt động 3: Định hướng phát triển các khu vực kinh tế - xã hội;

Hoạt động 4: Hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương;

## **Ví dụ 2: Chủ đề hướng dẫn học sinh chọn nghề**

### **Mục tiêu bài học:**

*Sau khi học xong bài này người học có khả năng:*

- Tìm hiểu những thông tin cần thiết về các trường ĐH, CĐ, THCN và dạy nghề trên thông tin website của các trường.
- Chọn trường, chọn nghề phù hợp trên cơ sở hứng thú cá nhân, năng lực, điều kiện, hoàn cảnh của bản thân và yêu cầu của xã hội.
- Viết được hồ sơ tuyển sinh đúng yêu cầu, chính xác, đúng thời hạn.

*=> Soạn giáo án dạy năng lực thực hiện 4 Hoạt động sau:*

Hoạt động 1: Hướng dẫn HS chọn nghề trước khi làm hồ sơ tuyển sinh;

Hoạt động 2: Tìm hiểu những điều chính của quy chế tuyển sinh;

Hoạt động 3: Tìm hiểu cách viết hồ sơ dự thi và xét tuyển qua 1 số mẫu hồ sơ;

Hoạt động 4: Viết hồ sơ mẫu.

### **Bước 3: Xác định các kiến thức liên quan của các Hoạt động**

Chỉ xác định những kiến thức vừa đủ, liên quan đến từng Hoạt động giảng dạy (dựa vào chương trình, các giáo trình, tài liệu chuyên ngành).

Mô tả chi tiết các kiến thức liên quan trọng tâm, ngắn gọn, xúc tích; chèn hình vẽ, hình ảnh minh họa (nếu có).

### **Bước 4: Xác định trình tự thực hiện**

Xác định các bước thực hiện từng Hoạt động. Danh mục các bước không nên quá ngắn (2-3 bước), hoặc không nên quá dài (trên một trang).

Sắp xếp các bước thực hiện nối tiếp nhau theo một trình tự hợp lý.

Mô tả các bước, bao gồm: phương pháp thực hiện, tiêu chuẩn thực hiện, xác định các dụng cụ, thiết bị và phương tiện, các vấn đề an toàn khi thực hiện các bước.

Xác định các sai phạm thường gặp, nguyên nhân, cách phòng và khắc phục khi thực hiện các Hoạt động.

## **Bước 5: Xác định nhiệm vụ thực hành/luyện tập**

Căn cứ mục tiêu của bài dạy, điều kiện về cơ sở vật chất giáo viên xác định nhiệm vụ thực hành cho người học. Bao gồm các nội dung sau:

- Xác định nhiệm vụ/tình huống thực hành đối với cá nhân hoặc nhóm.
- Xác định các yêu cầu về an toàn, vệ sinh,... khi thực hành.
- Xác định thời gian thực hiện.

### **2.4. Định dạng nội dung bài dạy**

2.4.1. Tên bài: .....

2.4.2. Mục tiêu bài học:

*Sau khi học xong bài này người học có khả năng:*

.....  
2.4.3. Nội dung học tập:

2.4.3.1. Hoạt động 1

**a) Lý thuyết liên quan** (*chỉ dạy những kiến thức lý thuyết vừa đủ, liên quan đến năng lực thành tố 1*)

.....  
**b) Trình tự thực hiện** (*hướng dẫn ban đầu thực hiện Hoạt động 1*)

Bước 1: .....

Bước 2: .....

Bước n: .....

*\* Sai phạm thường gặp, nguyên nhân và cách phòng tránh, khắc phục*

**c) Thực hành** (*hướng dẫn thường xuyên thực hiện nhiệm vụ*)

- Nhiệm vụ/ tình huống:.....
- Yêu cầu về an toàn, vệ sinh:.....
- Thời gian:.....

2.4.4. Phiếu hướng dẫn luyện tập

- Tên kỹ năng: .....
- Họ và tên học sinh: ..... Lớp: .....
- Thời gian: ..... Địa điểm: .....



- Trình tự thực hiện:

Tên bước thực hiện	Hướng dẫn thực hiện	Tiêu chuẩn thực hiện	Lưu ý khi thực hiện	Thời gian
.....	.....	.....	.....	...
.....	.....	.....	.....	...

#### 2.4.5. Năng lực đạt được sau mỗi Hoạt động

*(Các Hoạt động khác lặp lại như trên)*

### 2.5. Định hướng khởi nghiệp

Chương trình giáo dục khởi nghiệp cơ bản được Sở Giáo dục và Đào tạo cung cấp tại địa chỉ <http://sgddt.laocai.gov.vn>; **chuyên mục hướng nghiệp, phân luồng**. Chương trình này Sở GD&ĐT đã tổ chức tập huấn cho một số cán bộ quản lý, giáo viên các trường. Giáo viên cần tra cứu, nghiên cứu để có thể hướng dẫn học sinh tìm hiểu.

Trong chương trình giáo dục khởi nghiệp có mục trò chơi khởi nghiệp. Tài liệu đã hướng dẫn kỹ cách thức và các bước tổ chức trò chơi. Giáo viên tham khảo tài liệu, Xây dựng cách tổ chức trò chơi, hướng dẫn cách chơi để học sinh tham gia. Trò chơi khởi nghiệp có tác dụng kích thích tiềm năng não bộ của học sinh, giúp học sinh vận động tổng thể, phát triển toàn diện, dần dần hình thành sở thích, khả năng hạch toán Kinh doanh, đồng thời với việc tìm hiểu kiến thức về khởi nghiệp Kinh doanh sẽ hình thành động cơ, ý tưởng khởi nghiệp cho học sinh.

Đồng thời giáo viên có thể lựa chọn những bài tập để học sinh làm việc theo nhóm; loại bài tập này có tác dụng kích thích sự phát triển của não bộ và khả năng làm chủ bản thân, hoạch định nghề nghiệp trong tương lai cho học sinh.

**3. Tóm lại,** việc tự nghiên cứu, biết khai thác, sử dụng tài liệu để thực hiện nhiệm vụ hướng nghiệp, phân luồng học sinh là hết sức quan trọng trong

điều kiện cán bộ, quản lý, giáo viên tỉnh Lào Cai làm việc kiêm nhiệm, chưa được đào tạo về chuyên môn hướng nghiệp. Trước hết giáo viên cốt cán, giáo viên hướng nghiệp phải thực hành được để hướng dẫn lại cho đồng nghiệp, học sinh biết cách khai thác, sử dụng tài liệu. Từ đó, cung cấp cho HS những kiến thức cơ bản, cốt lõi trong việc khám phá bản thân, định hướng nghề nghiệp phù hợp và có tinh thần khởi nghiệp trong tương lai.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn về tổ chức thực hiện các bài học trong chương trình giáo dục hướng nghiệp và nhu cầu cần cập nhật những kiến thức về dạy học tích hợp đối với giáo viên phổ thông, chuyên đề đưa ra mẫu chung giáo án để giáo viên tham khảo, áp dụng chuẩn bị, tổ chức thực hiện các bài dạy có nội dung hướng nghiệp đảm bảo tính khoa học và các yêu cầu sư phạm.

## **CHUYÊN ĐỀ 2**

### **Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đối với Hoạt động giáo dục hướng nghiệp; tổ chức các Hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông**

#### **1. Sự cần thiết phải xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường**

- Giáo dục hướng nghiệp có vai trò rất quan trọng trong giai đoạn hiện nay.
- Vai trò của việc Xây dựng kế hoạch đối với Hoạt động giáo dục hướng nghiệp.
- Chủ trương của Bộ GD&ĐT trong việc giao quyền tự chủ cho Hiệu trưởng Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường.

Để tạo bước đột phá về chất lượng giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông, góp phần chuyển biến mạnh mẽ công tác phân luồng học sinh sau THCS và THPT vào học các trình độ giáo dục nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội thì việc Xây dựng kế hoạch tổ chức Hoạt động giáo dục hướng nghiệp có vai trò tiên quyết.

Thực tế hiện nay chỉ có các đề tài nghiên cứu về việc Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường nói chung và đề tài nghiên cứu về giáo dục hướng nghiệp, chưa có đề tài nghiên cứu về việc *Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đối với Hoạt động giáo dục hướng nghiệp*. Vì vậy, chuyên đề này tập trung vào giải quyết này với mục tiêu, phương hướng, giải pháp cụ thể để các trường THCS, THPT (bao gồm cả các TTGDNN&GDTX) trên địa bàn áp dụng tổ chức thực hiện nhiệm vụ hướng nghiệp, phân luồng tại đơn vị hiệu quả hơn.

#### **2. Mục tiêu**

Hỗ trợ các nhà trường nâng cao chất lượng Xây dựng kế hoạch giáo dục đối với Hoạt động giáo dục hướng nghiệp.

#### **3. Nhiệm vụ**

Xây dựng tài liệu hướng dẫn Xây dựng kế hoạch giáo dục đối với Hoạt động giáo dục hướng nghiệp, tài liệu hướng dẫn tổ chức các Hoạt động giáo dục hướng nghiệp để các trường THCS, THPT thực hiện.

Trên cơ sở nghiên cứu tài liệu, nghiên cứu thực tế, tổ chức thực nghiệm để Xây dựng bộ tài liệu này sát thực tiễn giáo dục Lào Cai hơn, nâng cao chất lượng công tác giáo dục hướng nghiệp, góp phần phân luồng học sinh.

**4. Nội dung:** Chuyên đề gồm có 2 module: Xây dựng kế hoạch nhà trường đối với Hoạt động giáo dục hướng nghiệp; Tổ chức các Hoạt động hướng nghiệp trong trường phổ thông.

## **Module 5**

### **Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đối với Hoạt động giáo dục hướng nghiệp [21]**

#### **1. Tổng quan về Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và Hoạt động giáo dục hướng nghiệp**

##### ***1.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường***

##### ***1.1.1. Khái niệm Kế hoạch giáo dục nhà trường***

Các khái niệm liên quan tới chương trình giáo dục được tiếp cận theo hai hướng:

- Theo các thành tố của cấu tạo nên chương trình: chương trình giáo dục tổng thể - chương trình môn học – chương trình Hoạt động giáo dục.

- Theo cấp độ của chương trình: chương trình giáo dục cấp quốc gia – chương trình giáo dục địa phương – kế hoạch giáo dục nhà trường (chương trình giáo dục nhà trường phổ thông – theo hướng dẫn số 791/HD-BGDĐT về thí điểm phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông).

Chương trình hay kế hoạch giáo dục có thể được chia ra thành nhiều cấp độ. Ở cấp quốc gia, chương trình/kế hoạch bao gồm các yếu tố cơ bản (nguyên tắc) của việc học tập, mục đích, mục tiêu giáo dục mà tất cả các

trường ở quốc gia đó cần phải tuân theo. Chương trình/kế hoạch giáo dục cấp quốc gia cũng có thể được gọi là khung chương trình – gồm chuẩn đầu ra và một số môn học bắt buộc với mọi học sinh của một hệ thống trường. Các môn học này được coi là cốt lõi, ít thay đổi theo thời gian và được đa số các cơ sở giáo dục trong khối ngành (hoặc vùng miền) thừa nhận là không thể thiếu được.

Chương trình giáo dục của một trường là cách mà một trường đưa chương trình giáo dục quốc gia vào ứng dụng thực tế. Chương trình giáo dục của trường gắn liền với nhu cầu của địa phương, những ngành nghề ưu tiên và nguồn lực. Nó được thiết kế theo sự tư vấn của hội đồng nhà trường.

Chương trình giáo dục phổ thông có thể chia ra làm các cấp độ như sau:

- Thứ nhất là khung chương trình chứa đựng chương trình cốt lõi, cấp quốc gia quy định mục tiêu giáo dục, những kiến thức, kỹ năng và nội dung cơ bản của các môn học trong chương trình học phổ thông.

- Chương trình cốt lõi này được cụ thể hóa và phát triển thêm lên cấp độ tỉnh, thành phố. Mỗi một vùng miền có đặc điểm địa lý, chính trị, văn hóa, giáo dục riêng nên thời lượng và nội dung của một số môn học cũng có những điểm chú trọng riêng. Nhà trường là cấp độ cuối cùng và cũng quan trọng nhất, bởi vì tới cấp độ này, chương trình giáo dục được chính xác hóa, cụ thể hóa nhất, sẵn sàng đưa vào sử dụng. Cứ 3 năm một lần, Hiệu trưởng nhà trường, cùng với giáo viên, đại diện phụ huynh học sinh, đại diện doanh nghiệp, tổ chức xã hội cùng tham gia phát triển chương trình giáo dục nhà trường, dựa trên chương trình quốc gia và chương trình của tỉnh/thành phố. Cuối cùng, giáo viên bộ môn của nhà trường là thành phần chính quyết định lựa chọn giáo trình nào để giảng dạy cho từng môn học, quyết định nội dung, phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá. Thanh tra từ phía ngoài nhà trường được cho là không cần thiết nữa bởi với mô hình phát triển chương trình như trên, giáo viên là người lập kế hoạch, là chuyên gia, là

người viết chương trình và cũng là người thực thi (giảng dạy) chương trình. Do vậy học là người biết rõ nhất, hiểu chương trình của mình nhất. Tuy mỗi trường có sự khác biệt về giáo trình về phương pháp giảng dạy và thời lượng của một số môn học, sẽ không có quá nhiều khó khăn cho học sinh khi chuyển từ trường này sang trường khác vì độ sâu về kiến thức ở mỗi môn học trong một cấp học được đảm bảo là tương đồng nhau giữa các trường.

Phát triển chương trình giáo dục cấp độ nhà trường là quá trình nhà trường cụ thể hóa chương trình giáo dục quốc gia, làm cho chương trình giáo dục quốc gia phù hợp ở mức cao nhất với thực tiễn của cơ sở giáo dục. Trên cơ sở đảm bảo yêu cầu chung của chương trình giáo dục quốc gia, nhà trường sẽ lựa chọn, xây dựng nội dung và xác định cách thức thực hiện phản ánh đặc trưng và phù hợp với thực tiễn nhà trường nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của người học, thực hiện có hiệu quả mục tiêu giáo dục.

Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể hướng tới phát triển các năng lực chung mà mọi học sinh đều cần có trong cuộc sống như năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề ... đồng thời hướng tới phát triển các năng lực chuyên biệt liên quan đến từng môn học, từng lĩnh vực Hoạt động giáo dục. Như vậy, khi Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cần chú ý xây dựng các mức độ khác nhau của mỗi năng lực tương thích với từng cấp học và từng lĩnh vực học tập/môn học/Hoạt động giáo dục. Để thực hiện được các yêu cầu nêu trên, khi Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, các nhà quản lý giáo dục có thể áp dụng một số cách tiếp cận sau:

Cách tiếp cận của Taba trong Xây dựng kế hoạch (chương trình) giáo dục nhà trường còn được gọi là mô hình đảo ngược (Taba's inverted model), bởi vì nó bắt đầu từ lớp học và người giáo viên, chứ không phải những cách tiếp cận trước đó, bắt đầu từ chính quyền địa phương, từ hội đồng thành phố hoặc liên bang. Mô hình này bao gồm 8 bước:

- (1) Phân tích nhu cầu bằng cách sử dụng một công cụ đánh giá nhu cầu.
- (2) Xây dựng mục tiêu cụ thể, bao gồm những kiến thức, thái độ cần phải học, những quan điểm cần được củng cố, những thói quen và kỹ năng cần phải hình thành.
- (3) Lựa chọn nội dung bằng cách chọn lọc kỹ lưỡng những vấn đề dự định đưa vào chương trình và viết ra lý do, nguyên nhân của mỗi sự lựa chọn đó.
- (4) Tổ chức nội dung, bắt đầu với những chủ đề đơn giản, sau đó nghiên cứu những nội dung đó sâu hơn và chuyển sang những chủ đề khó hơn. Bước này cũng cần chỉ ra những Hoạt động chính của người học.
- (5) và (6) Chọn lựa và tổ chức các Hoạt động học tập để đảm bảo rằng mỗi Hoạt động có một chức năng xác định và đối chiếu với mức độ phát triển của người học. Loại Hoạt động học tập nào phù hợp với lứa tuổi học sinh nào để giúp họ phát triển và hiểu vấn đề một cách thấu đáo? Ở những bước này, cần phải thiết kế các Hoạt động đa mục đích nhằm giúp người học đạt được nhiều mục tiêu học tập. Các đơn vị kiến thức cần phải được sắp xếp một cách liên tục và các kiến thức được tích lũy dần lên bằng cách liên hệ kiến thức mới với những kiến thức mà người học đã biết. Đưa người học vào các Hoạt động để họ tự khám phá các mối quan hệ và ý nghĩa của nội dung cần học tập.
- (7) Đánh giá các bài học một cách liên tục và ghi chép lại hứng thú của người học.
- (8) Kiểm tra lại tính cân đối và liên tục để đảm bảo rằng các Hoạt động được thiết kế trong chương trình giúp người học có cơ hội học cách khái quát tri thức, nội dung kiến thức được trình bày theo một trình tự hợp lý, có sự cân đối giữa bài tập luyện nói, luyện viết, bài tập nghiên cứu và phân tích, cần cho phép những cách diễn đạt đa dạng của người học và cần có một cách tổ chức thông thoáng, giúp người học cởi mở và trình bày ý kiến của mình.

Mô hình của Taba có thể mạnh riêng. Nó ràng buộc người giáo viên với Hoạt động Xây dựng chương trình và thực hiện chương trình một cách tự nguyện, tự giác. Hơn nữa kế hoạch giáo dục nhà trường, giờ đây không chỉ là một văn bản, tách rời khỏi giảng dạy mà mô hình của Taba đã đưa kế hoạch giáo dục gắn với Hoạt động giảng dạy, nghĩa là gắn lý thuyết với thực hành.

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường là quá trình lập kế hoạch giảng dạy của giáo viên và hướng dẫn việc học tập của người học (bao gồm cả các hoạt động trong và ngoài lớp học) do đơn vị giáo dục tiến hành. Có bốn Hoạt động chính cần được thực hiện trong lập kế hoạch giáo dục nhà trường:

- Xác định người học cần gì hoặc muốn học gì và kiến thức, kỹ năng, năng lực mà người học cần đạt được.
- Xác định hình thức học tập phù hợp và các điều kiện hỗ trợ việc học tập.
- Tiến hành dạy học/giáo dục và đánh giá việc học tập.
- Chỉnh sửa kế hoạch giáo dục thường xuyên sao cho phù hợp với nhu cầu học tập của người học.

Do vậy “Xây dựng kế hoạch giáo dục” không chỉ là “lập kế hoạch giáo dục” bởi vì “Xây dựng” bao hàm cả sự thay đổi, bổ sung liên tục trong chương trình giảng dạy để giúp việc học có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của cá nhân, tổ chức hay cộng đồng.

Một trong những yếu tố cần quan tâm đầu tiên trong lập kế hoạch giáo dục là môi trường nhà trường. Môi trường luôn luôn biến đổi và phức tạp. Để đảm bảo tính hiệu quả, kế hoạch giáo dục cũng cần được thiết kế, sửa đổi sao cho phù hợp với sự thay đổi của xã hội, của địa phương, của nhà trường và của người học.

Xây dựng kế hoạch giáo dục là quá trình biên soạn (hay thiết kế) tất cả các môn học trong một khóa học cụ thể. Nó bao gồm các Hoạt động như: Thiết kế nội dung (các khái niệm), lập kế hoạch, ứng dụng thử nghiệm và



nghiên cứu khoa học nhằm đưa ra những kế hoạch giáo dục mới hoặc cải thiện những kế hoạch giáo dục đã có.

Như vậy, Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường bao hàm cả việc biên soạn hay thiết kế chương trình.

### *1.1.2. Quy trình Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường*

1.1.2.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực [20]

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo tiếp cận năng lực là tiếp cận dựa trên quan điểm lấy người học làm trung tâm, chuyển trọng tâm từ nội dung giáo viên muốn dạy sang nội dung học sinh cần học và vai trò giáo viên thay đổi từ chỗ là nguồn chủ yếu truyền thụ kiến thức sang vai trò là người điều phối quá trình học tập của học sinh hay người học.

Các vấn đề sau đây cần đặt ra khi xem xét Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường:

- Tại sao người học muốn học các chủ đề/nội dung này?
- Mục tiêu của các chủ đề/nội dung này là gì? Về mặt tri thức cũng như thực tế?
- Để học được các chủ đề/nội dung này thì kiến thức nền tảng cần có là gì? Người dạy có biết được người học của mình đã học gì trước hay chưa? Liệu những kỹ năng còn thiếu có được bổ sung trong các chủ đề/nội dung này hay không?
- Tại sao các chủ đề/nội dung lại theo trình tự này?
- Hình thức trình bày các chủ đề/nội dung như thế nào? Bài giảng, thảo luận hay học nhóm?
- Người dạy hy vọng học sinh sẽ đạt được những gì?
- Mục đích các bài tập là gì?
- Các bài thi nhằm kiểm tra gì? Trí nhớ? Hiểu bài? Khả năng tổng hợp, trình bày chứng cứ hợp lý hay áp dụng kiến thức vào một hoàn cảnh mới?

- Tại sao lại chọn sách giáo khoa hay tài liệu học này? Tầm quan trọng của sách đối với các chủ đề/nội dung là gì?

Kế hoạch giáo dục lấy Hoạt động học của học sinh làm trung tâm phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Xác định rõ trách nhiệm cụ thể của người học để đạt kết quả trong môn học: Một trong những vấn đề lớn nhất mà người học thường vướng phải là làm sao quản lý được thời gian hiệu quả. Nếu người học có khái niệm rõ ràng về mục tiêu cần đạt và có một thời gian biểu để hoàn tất thì chắc chắn họ sẽ hoàn thành bài làm đúng hạn và chuẩn bị tốt cho kỳ thi.

- Cải tiến cách ghi chép bài vở và học tập của người học: Người học thường tốn thời gian sao chép các công thức và biểu đồ chi tiết trong khi lại bỏ qua những vấn đề chính yếu của bài học hay thảo luận. Các tài liệu hướng dẫn như dàn bài, bảng biểu, bảng trình bày qua đèn chiếu sẽ giúp người học tổ chức và tập trung vào học tập.

- Giảm bớt lo lắng về thi cử và trau dồi kỹ năng làm bài thi: Việc cung cấp cho người học các câu hỏi mẫu có ảnh hưởng tích cực đến việc học và giảm bớt nỗi lo về thi cử. Người học càng biết rõ về ưu tiên, trọng tâm của bài học thì việc học đạt hiệu quả càng cao.

- Giúp người học làm quen với điều kiện tổ chức vật chất của môn học: Như bố trí thời gian biểu, giảng viên, loại hình giảng dạy... Các chi tiết này sinh viên cần biết trước để chuẩn bị tốt cho môn học, ngay cả những thay đổi vào giờ chót.

- Cung cấp các bài học nâng cao.

- Phân phối tài liệu đóng thành tập. Tài liệu khi được đóng gộp gàng trong chương trình học chi tiết sẽ giúp người học lưu giữ dễ dàng hơn.

- Tăng cường tính hiệu quả cho việc học. Người học chuẩn bị tốt công việc học tập và sắp xếp thời gian thuận tiện khi có đủ thông tin chi tiết về các nội dung học tập.

Các nhà lãnh đạo thực hiện Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo quan điểm lấy người học làm trung tâm đã đưa ra một số chiến lược cụ thể như:

- Kế hoạch cần phải thể hiện mục tiêu giảng dạy chung, nghĩa là những mục tiêu tiếp thu kiến thức, phát triển kỹ năng tư duy bậc cao và phát triển kỹ năng hành động.

- Khi lựa chọn phương pháp giảng dạy, cần chú ý thu hút người học, kết hợp chặt chẽ các phương pháp học chủ động và dựa trên kinh nghiệm, thúc đẩy sự làm việc hợp tác giữa người học với nhau và đặt vấn đề giảng dạy trong môi trường sống của người học.

Dạy học lấy người học làm trung tâm sẽ thúc đẩy học tập chủ động. Định nghĩa về học tập chủ động như sau: “Các chiến lược thu hút người học tham gia Hoạt động và suy nghĩ về những gì mình làm” (Bonwell & Eisen, 1991). Đặc trưng của học tập chủ động là người học được nói và viết về những gì đang học. Người học liên hệ những gì đang học với những gì đã học. Người học áp dụng những gì đang học vào bối cảnh hiện tại.

Học tập chủ động nhấn mạnh 3 mức độ: Nhớ kiến thức, thông tin; hiểu được các khái niệm và những vấn đề trọng tâm; áp dụng được những kiến thức đã học.

Trong phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm, có một số chiến lược khuyến khích học tập chủ động: Chiến lược ít rủi ro nhất là sử dụng thuyết trình kết hợp vấn đáp trong giảng dạy (thuyết trình tích cực), hoặc làm bài tập lớp. Chiến lược có mức độ rủi ro vừa phải là học theo dự án, hoặc thực hành thực tập. Chiến lược có nhiều rủi ro nhất là phương pháp học hợp tác (thảo luận nhóm) hoặc phương pháp dạy học nêu vấn đề (học thông qua giải quyết vấn đề).

Thuyết trình tích cực sử dụng những câu hỏi dẫn dắt tư duy người học trong suốt quá trình giảng bài. Tuy nhiên câu hỏi đặt ra phải kích thích kỹ

năng tư duy bậc cao của người học. Cũng cần cho người học một lượng thời gian nhất định để họ suy nghĩ về câu hỏi mà giáo viên đặt ra. Trong thuyết trình tích cực, cũng có thể dừng thuyết trình sau mỗi 15 phút và cho người học làm việc theo nhóm nhỏ. Cuối bài giảng, yêu cầu người học làm bài viết tự do theo trí nhớ trong 5 phút. Thuyết trình tích cực cũng dựa trên những phản hồi. Giữa những đoạn thuyết trình dài 20 phút có thể có phần thảo luận: Đặt và giải quyết những câu hỏi có liên quan đến phần kiến thức vừa học. Người dạy cũng phải dành thời gian để trả lời những câu hỏi từ phía người học.

Hiện nay, trong nhiều lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đặc biệt là giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu đang quan tâm tới vấn đề phát triển kế hoạch giáo dục theo “năng lực thực hiện”: Căn cứ vào phân tích nghề, phân tích công việc để chính xác hóa nội dung giáo dục. Với xu hướng này, các nhà phát triển kế hoạch giáo dục của Việt Nam cũng đã dần dần hướng kế hoạch giáo dục tập trung vào năng lực của người học, phù hợp với xu thế phát triển giáo dục hiện đại trên thế giới. Hơn nữa, việc phát triển kế hoạch giáo dục theo “năng lực thực hiện” đặc biệt chú trọng tới khả năng thực hành của người học, tức là việc áp dụng lý thuyết vào thực tế. Nội dung các môn học hay module vì vậy được thiết kế dựa trên việc phân tích mức độ những biểu hiện hành vi, thái độ... cần có của người học khi kết thúc khóa học. Nghĩa là “Khi kết thúc khóa học, người học sẽ làm được những gì?” và “Muốn làm được như vậy thì họ phải học những nội dung gì?”. Cấu trúc khóa học như vậy giúp cho người học có trách nhiệm nhiều hơn đối với chính Hoạt động học tập của họ.

Cũng theo xu hướng quan tâm nhiều hơn tới nhu cầu của người học, kế hoạch giáo dục hiện đại ngày càng có cấu trúc linh hoạt. Kế hoạch giáo dục theo tín chỉ dần thay thế cho hình thức đào tạo theo niên chế cũng là một ví dụ của xu hướng này. Khác với học niên chế là lớp học được tổ chức theo một

chương trình chung (số lượng môn học, thời gian học, phương pháp học...) áp dụng nhất loạt cho tất cả người học. Đặc trưng của hình thức đào tạo theo tín chỉ là kiến thức được cấu trúc thành các học phần, hay các module. Quá trình học tập là sự tích lũy kiến thức của người học theo từng học phần (đơn vị: tín chỉ); một đơn vị tín chỉ được tính bằng 15 tiết lên lớp và 30 tiết chuẩn bị cá nhân. Khi tổ chức giảng dạy theo tín chỉ, lớp học được tổ chức theo từng học phần; đầu mỗi năm học hay học kỳ, người học được đăng ký các môn học thích hợp với năng lực, hoàn cảnh của họ và phù hợp với quy định chung nhằm đạt được một lượng kiến thức theo một môn học chính nào đó.

Việc áp dụng hệ thống giáo dục và đào tạo theo tín chỉ có rất nhiều ưu điểm. Nó cho phép ghi nhận kịp thời tiến trình tích lũy kiến thức và kỹ năng của người học. Để đạt văn bằng, người học được chủ động Xây dựng kế hoạch học tập thích hợp nhất, có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập đối với riêng bản thân họ. Đặc biệt, hình thức học theo tín chỉ còn cho phép ghi nhận cả những kiến thức và kỹ năng tích lũy được ngoài trường lớp để đạt được văn bằng, khuyến khích việc học chủ động của người học, tạo điều kiện cho tất cả người học từ nhiều hình thức khác nhau có thể tham gia một cách thuận lợi.

1.1.2.2. Quy trình Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng tiếp cận năng lực

Theo tiếp cận năng lực thì kế hoạch giáo dục nhà trường được Xây dựng theo quy trình như sau:

- (1) Xác định kết quả mong muốn (của khóa đào tạo).
- (2) Xác định những biểu hiện tương ứng (kết quả học tập của người học).
- (3) Thiết kế Hoạt động học tập và giảng dạy.

(Wiggins và McTighe, 1998)

Phát triển kế hoạch giáo dục (chương trình) theo cách tiếp cận này, các nhà giáo dục muốn hướng việc giảng dạy dựa theo tiêu chuẩn chứ không dựa

trên Hoạt động. Nghĩa là người ta cần phải suy nghĩ nhiều hơn là thao tác máy móc. Thông thường, giáo viên chỉ chú trọng xem mình đã dạy hết chương trình (theo sách giáo khoa) và đảm bảo thời lượng thời gian hay chưa mà ít quan tâm tới những tiêu chuẩn, mục tiêu môn học (khóa học) đề ra đã đạt được hay chưa. Bằng cách đảo ngược các bước xây dựng chương trình kiểu truyền thống, người ta phải bắt đầu đi từ kết quả mong muốn (tiêu chuẩn và mục tiêu) và sau đó biên soạn chương trình từ những biểu hiện của Hoạt động học tập tương ứng, xác định phương thức giảng dạy, giáo dục cần thiết để trợ giúp cho học sinh trong Hoạt động học tập. Khác với các cách xây dựng chương trình thông thường, mô hình đảo ngược khuyến khích việc chọn mục tiêu và tiêu chuẩn làm bằng chứng để đánh giá ngay từ khi bắt tay vào xây dựng chương trình của một khóa học hay một môn học.

Cách tiếp cận có sự tham gia cho rằng mọi người học hoàn toàn khác nhau ngay từ điểm xuất phát. Trong khi học, họ sẽ thay đổi thông qua tương tác với các nhóm liên quan khác nhau. Việc Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường vì vậy sẽ được tiến hành với sự tham gia của tất cả các nhóm liên quan, tùy theo nguồn lực và mối quan tâm của mỗi nhóm.

Chu trình Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường có sự tham gia gồm 5 bước, bắt đầu bằng phân tích bối cảnh, đánh giá nhu cầu đào tạo, đến xây dựng khung kế hoạch giáo dục, xây dựng kế hoạch giáo dục chi tiết, đến thực hiện giảng dạy và sau đó là đánh giá và chỉnh sửa. Các bước trong quá trình này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Nếu một bước thay đổi thì cũng phải chỉnh sửa thích ứng với các bước tiếp theo.

Xây dựng kế hoạch giáo dục theo một chu trình khép kín, không có bước kết thúc. Điều quan trọng là mỗi bước phải được Giám sát và đánh giá ngay từ đầu. Mỗi bước trong chu trình bao gồm một số Hoạt động. Tuy nhiên, số lượng các Hoạt động phụ thuộc vào bối cảnh, điều kiện thực tế của chính cơ sở giáo dục. Cơ sở giáo dục có thể thêm hoặc bớt các Hoạt động trong mỗi

bước sao cho quá trình Xây dựng kế hoạch giáo dục khả thi và có hiệu quả nhất. Trong chu trình Xây dựng kế hoạch giáo dục, các nhóm liên quan được đặt giữa nhằm nhấn mạnh sự tham gia trong suốt quá trình Xây dựng kế hoạch giáo dục. Tuy nhiên, cần lưu ý là mức độ tham gia của các bên liên quan trong từng giai đoạn của chu trình cần được tổ công tác Xây dựng kế hoạch giáo dục và chính các nhóm liên quan xác định.

Các bên liên quan trong Xây dựng kế hoạch giáo dục là những nhóm người hay cá nhân có mối quan tâm về giáo dục, đào tạo hoặc là những người hưởng lợi từ quá trình giảng dạy (giáo viên, nhà quản lý, học sinh, sinh viên, chủ doanh nghiệp, giám đốc nhà máy...). Có thể chia các bên liên quan thành nhóm bên trong và nhóm bên ngoài. Nhóm bên trong bao gồm các bên liên quan tham gia hoặc chịu ảnh hưởng trực tiếp của quá trình giáo dục và nằm trong cơ sở giáo dục. Nhóm bên ngoài gồm các bên liên quan nằm ngoài cơ sở giáo dục, không tham gia trực tiếp hoặc chịu ảnh hưởng trực tiếp của quá trình giáo dục.

**Bước 1:** Tổ chức phân tích bối cảnh của nhà trường khi Xây dựng kế hoạch giáo dục

Phân tích bối cảnh, điều kiện cụ thể của nhà trường là việc xem xét tất cả các yếu tố có thể ảnh hưởng đến việc ra quyết định về mục tiêu, cấu trúc, nội dung của chương trình môn học. Trong quá trình phân tích bối cảnh, cần thu thập thông tin liên quan đến nguồn nhân lực tham gia vào quá trình dạy học cũng như các điều kiện vật lực và môi trường giáo dục. Về học sinh, các thông tin cần thu thập bao gồm: Trình độ học sinh, nhu cầu học tập, động cơ và thái độ học tập, cách thức học và các điều kiện học tập... Các yếu tố về cơ sở vật chất phục vụ kế hoạch giáo dục cũng cần được xem xét khi tiến hành Xây dựng kế hoạch giáo dục. Cần xác định các điều kiện phục vụ công tác dạy và học sắp tới để có thể lựa chọn các phương pháp giảng dạy, các phương tiện nghe nhìn, tư liệu, dự trù kinh phí cho các Hoạt động giáo dục. Tất cả

những thông tin như vậy nếu được tập hợp một cách đầy đủ, được cân nhắc và tính đến khi xây dựng kế hoạch giáo dục sẽ góp phần đảm bảo tính hiệu quả và tính khả thi của các công đoạn trong quá trình giáo dục. Bên cạnh đó, cần tiến hành phân tích chương trình giáo dục phổ thông và các môn học trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, đưa ra định hướng để điều chỉnh, áp dụng chương trình vào nhà trường.

**Bước 2 và bước 3:** Thiết kế các chủ đề/nội dung dạy học và giáo dục trong Xây dựng kế hoạch giáo dục

Để thiết kế nội dung dạy học và giáo dục trước hết cần xác định mục tiêu của các chủ đề dạy học và giáo dục. Mục tiêu giáo dục là sự diễn đạt cụ thể những cái mà người học có khả năng thực hiện được sau khi hoàn tất một môn học hay khóa học. Theo tiếp cận năng lực, mục tiêu kế hoạch giáo dục được xây dựng theo các năng lực cụ thể. Với kế hoạch giáo dục nhà trường, mục tiêu kế hoạch giáo dục vừa được Xây dựng phù hợp với thực tế học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường. Mục tiêu chương trình giáo dục quốc gia, mục tiêu kế hoạch giáo dục nhà trường là một trong những căn cứ quan trọng để thiết kế các nội dung dạy học và giáo dục của nhà trường.

Việc thiết kế nội dung dạy học và giáo dục trong nhà trường có thể thực hiện theo các hướng cơ bản sau đây:

- Thiết kế chủ đề dạy học tích hợp trong từng kế hoạch môn học.
- Thiết kế chủ đề dạy học tích hợp trong kế hoạch môn học với kế hoạch giáo dục địa phương.
- Thiết kế chủ đề dạy học liên môn.
- Thiết kế các chủ đề tự chọn theo hướng dạy học phân hóa.
- Thiết kế chuyển một số nội dung dạy học thành Hoạt động giáo dục.
- Thiết kế bổ sung các Hoạt động giáo dục khác vào kế hoạch giáo dục hiện hành.



Trên cơ sở thiết kế Hoạt động dạy học và giáo dục cần xây dựng thành kế hoạch giáo dục và phân phối chương trình cụ thể của nhà trường. Kế hoạch giáo dục phải đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng được quy định, thực hiện hiệu quả mục tiêu giáo dục của chương trình giáo dục phổ thông; đảm bảo tính logic của mạch kiến thức và tính thống nhất giữa các môn học và các Hoạt động giáo dục, đồng thời phải đảm bảo tính phù hợp, khả thi với đối tượng và điều kiện cụ thể của từng trường.

Kế hoạch giáo dục tổng thể của nhà trường phải đảm bảo các thành tố của một bản kế hoạch trong quản lý, bao gồm: Người thực hiện (phụ trách, phối hợp, Giám sát), điều kiện thực hiện (thời gian, kinh phí, cơ sở vật chất...).

#### **Bước 4:** Thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường

Kế hoạch giáo dục sau khi được điều chỉnh, bổ sung và được cụ thể hóa thành kế hoạch dạy học và phân phối chương trình của nhà trường, việc thực hiện cần có sự phối hợp chặt chẽ của các bên liên quan. Trong đó, vai trò quan trọng nhất là của những giáo viên trực tiếp giảng dạy. Vì thế, để việc thực hiện kế hoạch giáo dục đạt được kết quả tốt nhất cần đặc biệt chú ý tới các yếu tố sau đây:

Phải tạo được sự nhất trí, đồng thuận cao của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

Bồi dưỡng, giúp đỡ, Hỗ trợ để giáo viên có đủ năng lực thực hiện kế hoạch giáo dục (giáo viên giảng dạy cần hiểu hết ý đồ của người xây dựng kế hoạch giáo dục, cập nhật kiến thức trong môn học cũng như trang bị kiến thức mới về phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp kiểm tra, đánh giá...).

Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện giảng dạy thích hợp (cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, phương tiện dạy học, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo...).

Tạo động lực khuyến khích giáo viên làm việc (có chế độ đãi ngộ thảo đáng để khuyến khích, động viên giáo viên cải tiến phương pháp giảng dạy, cải tiến chương trình đào tạo...).

#### **Bước 5:** Đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường

Việc đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhằm trả lời hai câu hỏi: Kế hoạch giáo dục có đem lại kết quả như mong muốn hay không? Cần cải tiến kế hoạch giáo dục theo hướng nào? Đánh giá thẩm định kế hoạch giáo dục nhà trường dựa vào 4 tiêu chuẩn: Mục tiêu kế hoạch giáo dục, nội dung kế hoạch giáo dục, thời lượng kế hoạch giáo dục, các điều kiện thực hiện kế hoạch giáo dục. Trong mỗi tiêu chuẩn có các tiêu chí cụ thể. Kết quả đánh giá kế hoạch giáo dục là cơ sở để điều chỉnh nhằm hoàn thiện kế hoạch giáo dục trước khi áp dụng cho các năm học/khóa học tiếp theo.

##### *1.1.3. Những nội dung cần có trong bản kế hoạch giáo dục nhà trường [21]*

Sau khi tiến hành các bước Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo mô hình có sự tham gia, nhà trường cần cụ thể hóa sản phẩm trong một văn bản kế hoạch giáo dục, ở đó cần đảm bảo các thành tố sau:

- **Các mục tiêu chung** có tính khả thi phải phản ánh được sự thống nhất giữa ý chí chủ quan (phản ánh trong định hướng và tầm nhìn) và xu thế khách quan (phản ánh trong bối cảnh và nguồn lực có thể có cho giáo dục trong thời gian tới). Từ các mục tiêu chung nên tường minh hóa thành các mục tiêu cụ thể.

Mục tiêu kế hoạch giáo dục nhà trường cần căn cứ trên mục tiêu giáo dục phổ thông tổng thể dành cho cấp học; từ đó, nhà trường xây dựng mục tiêu phù hợp với điều kiện của địa phương, của nhà trường.

- **Mục tiêu cụ thể** chú trọng tới kết quả cuối cùng, cụ thể cần đạt, có thể đo lường được thông qua các chỉ tiêu cụ thể.

Đánh giá tính khả thi của mục tiêu, chỉ tiêu (chú ý nguyên tắc SMART):

S – Specific: Cụ thể;

M – Measureable: Đo lường được;

A – Attainable: Có thể đạt được;

R – Result – Oriented: Định hướng về kết quả;

T – Time – bound: Giới hạn về thời gian;

Với kế hoạch giáo dục nhà trường phổ thông cần chú trọng đến mục tiêu năng lực học sinh, mục tiêu tổ chức hiệu quả dạy học phát triển năng lực của học sinh, mục tiêu tổ chức Hoạt động kiểm tra đánh giá năng lực học sinh, mục tiêu quản lý chuyên môn của nhà trường...

#### ***- Các Hoạt động cần thực hiện***

Để Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường (tổng thể), cần thực hiện nội dung các công việc sau:

- + Rà soát, phân tích chương trình giáo dục của cấp học hiện hành, các môn học hiện hành, đề xuất định hướng điều chỉnh nội dung dạy học của nhà trường trong chương trình hiện hành.

- + Xác định các nội dung dạy học vượt quá mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng cần tinh giản.

- + Điều chỉnh nội dung để tránh trùng lặp giữa các môn học, Hoạt động giáo dục.

- + Bổ sung, cập nhật những thông tin mới phù hợp thay cho thông tin cũ, lạc hậu.

- + Lựa chọn các chủ đề, rà soát nội dung các bài học trong sách giáo khoa hiện hành tương ứng với chủ đề đó để sắp xếp lại thành một số bài học tích hợp của từng môn học hoặc liên môn.

- + Lập kế hoạch giáo dục nhà trường tổ chức thực hiện các nội dung gắn với bối cảnh sản xuất, Kinh doanh tại địa phương.

+ Thiết kế phương pháp và hình thức tổ chức Hoạt động giáo dục.

+ Xác định các phương tiện phục vụ Hoạt động giáo dục.

+ Xây dựng kế hoạch đánh giá.

- **Các chỉ số kết quả:** Kết quả cuối cùng khi thực hiện kế hoạch giáo dục là gì? Các chỉ số kết quả đảm bảo đo lường được hay không?

- **Người phụ trách:** Nên là cá nhân cụ thể, không để tổ chức (công đoàn, đoàn thanh niên...) nhằm tăng cường sự cam kết và tăng trách nhiệm của cá nhân trong tổ chức thực hiện kế hoạch.

- **Thời gian:** Mỗi Hoạt động đều có mốc thời gian cụ thể dựa trên khả năng hoàn thành mục tiêu của nhà trường.

- **Nguồn lực/kinh phí:** Với từng Hoạt động, cần chi tiết hóa những nguồn lực/kinh phí cần phải huy động để đảm bảo kế hoạch thành công là bao nhiêu? Huy động từ những nguồn nào? Ai là người chịu trách nhiệm huy động nguồn lực?

Khi xác định các Hoạt động cần thực hiện trong kế hoạch giáo dục của nhà trường có thể có tình trạng có quá nhiều Hoạt động cần thực hiện, liệu các Hoạt động có bị trùng lặp lên nhau hay không? Khi đó cần trả lời các câu hỏi sau đây:

- Những Hoạt động cần được thực hiện là gì?
- Trong các Hoạt động được xác định, Hoạt động nào có thể làm trước?
- Sắp xếp các Hoạt động vào khung thời gian phù hợp nhất?
- Nếu có quá nhiều Hoạt động bị trùng lặp thì cân đối và ưu tiên những Hoạt động có thể giải quyết được nhiều vấn đề/nhu cầu. Đó là những Hoạt động nào?
- Sử dụng nguồn lực nào? (nhân lực, tài chính).
- Trách nhiệm thực hiện chính là ai?

Câu trả lời cho tất cả các câu hỏi trên có thể được trình bày bằng các kiểu văn bản khác nhau, tùy vào sự lựa chọn của chủ thể lập kế hoạch.

## ***1.2. Hoạt động giáo dục hướng nghiệp [21]***

### ***1.2.1. Những vấn đề chung về giáo dục hướng nghiệp***

Hướng nghiệp trong giáo dục là hệ thống các biện pháp tiến hành trong và ngoài nhà trường để giúp học sinh có kiến thức về nghề nghiệp và có khả năng lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường của cá nhân với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội (Nghị định 75/2006/NĐ-CP ngày 2/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục).

Các Hoạt động giáo dục trải nghiệm giúp học sinh hình thành được các năng lực cần thiết để lựa chọn nghề, con đường học tập, lên kế hoạch và thực hiện kế hoạch đó trong bối cảnh giáo dục trong và ngoài nhà trường.

Giáo dục hướng nghiệp là một bộ phận của giáo dục. Thông qua giáo dục hướng nghiệp, mỗi học sinh có sự hiểu biết về tính chất và đòi hỏi của ngành nghề mà mình hướng tới, biết phân tích thị trường Hoạt động và sự đào tạo nghề tương ứng, tự sàng lọc những nguồn tư vấn để tự mình tháo gỡ vướng mắc hoặc rèn luyện bản thân. Từ đó, mỗi học sinh tự xác định được đâu là nghề phù hợp hoặc không phù hợp với mình và cách thức để hiện thực hóa mong muốn về nghề đó.

Mục đích của giáo dục hướng nghiệp là phát hiện, bồi dưỡng tiềm năng sáng tạo của cá nhân, giúp họ hiểu mình và hiểu yêu cầu của nghề, chuẩn bị cho họ sự sẵn sàng tâm lý đi vào những nghề mà các thành phần kinh tế trong xã hội đang cần nhân lực, trên cơ sở đó đảm bảo sự phù hợp nghề cho mỗi cá nhân.

Nhiệm vụ của giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông là: Giáo dục thái độ lao động và ý thức đúng đắn với nghề nghiệp; cho học sinh làm quen với một số nghề phổ biến trong xã hội và các nghề truyền thống của địa

phương; tìm hiểu năng khiếu, khuynh hướng nghề nghiệp của từng học sinh để khuyến khích, hướng dẫn và bồi dưỡng khả năng nghề nghiệp thích hợp nhất; động viên học sinh đi vào những nghề, những nơi đang cần.

Các biện pháp hướng nghiệp cho học sinh phổ thông dựa trên cơ sở tâm lý học, sinh lý học, giáo dục học, xã hội học và khoa học khác để giúp học sinh lựa chọn nghề phù hợp với nhu cầu xã hội, đồng thời thỏa mãn tối đa nguyện vọng và sự phù hợp với năng lực, sở trường và các đặc điểm tâm lý của cá nhân để họ có thể phát triển tới đỉnh cao trong nghề nghiệp, cống hiến được nhiều cho xã hội cũng như tạo dựng được cuộc sống tốt đẹp cho bản thân.

Hướng nghiệp được tiến hành qua 4 giai đoạn: Giáo dục nghề, tư vấn nghề, tuyển chọn nghề, thích ứng nghề. Trách nhiệm chính ở 2 giai đoạn đầu là nhà trường phổ thông, còn 2 giai đoạn cuối là trách nhiệm của các trường dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và các đơn vị sử dụng nhân lực. Tuy nhiên, các trường dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và các đơn vị sử dụng nhân lực và toàn xã hội phải có trách nhiệm phối hợp với ngành giáo dục và đào tạo nói chung, trường phổ thông nói riêng làm công tác hướng nghiệp. Hiện nay, giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông đang được thực hiện qua các con đường: Dạy học các môn học; tổ chức Hoạt động giáo dục hướng nghiệp; Hoạt động giáo dục nghề phổ thông và lao động sản xuất; tổ chức Hoạt động ngoại khóa. Dù qua con đường nào cũng đều hướng tới một mục đích chung là hình thành hứng thú, khuynh hướng và năng lực nghề cho học sinh.

#### *1.2.2. Vị trí của giáo dục hướng nghiệp trong chương trình giáo dục*

Giáo dục hướng nghiệp trong Chương trình giáo dục phổ thông 2000 (chương trình hiện hành) là 1 Hoạt động có thời lượng chính thức hạn chế, tài liệu không nhiều, không được cập nhật. Giáo dục hướng nghiệp chưa được tích hợp trong các môn học khác, trừ môn dạy nghề phổ thông.

Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2000 có nói đến tích hợp giáo dục hướng nghiệp vào các nội dung môn học khác.

Trong Chương trình giáo dục phổ thông mới, giáo dục hướng nghiệp sẽ là một phần của Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp và cũng sẽ được tích hợp vào các môn học khác.

Giáo dục hướng nghiệp sẽ Hỗ trợ có hiệu quả cho sự phát triển của học sinh thông qua các khía cạnh sau:

- Trong chương trình giáo dục phù hợp với sở thích của học sinh ( cá nhân hóa chương trình).
- Các Hoạt động giáo dục lấy học sinh làm trung tâm → tạo lập quan hệ tin cậy giữa học sinh – học sinh, học sinh – giáo viên.
- Cung cấp thông tin về thế giới nghề nghiệp, học tập và các Hỗ trợ có thể.
- Tạo cơ hội ‘thực’ cho học sinh trải nghiệm và khám phá các lựa chọn nghề nghiệp.
- Xây dựng cầu nối giữa các cấp học, trình độ đào tạo THCS – THPT – Đại học/cao đẳng/trung cấp.

Giúp học sinh thu nhận các kỹ năng/bằng cấp trong một con đường học tập được ghi nhận.

Phát triển kỹ năng sống cho học sinh.

Chính vì vậy chương trình của Hoạt động giáo dục hướng nghiệp được thiết kế gồm có chuỗi các thao tác tìm hiểu về:

- (1) Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc chọn nghề có cơ sở khoa học
- (2) Tìm hiểu năng lực bản thân và truyền thống nghề nghiệp của gia đình
- (3) Thế giới nghề nghiệp quanh ta
- (4) Tìm hiểu thông tin một số nghề phổ biến ở địa phương
- (5) Tìm hiểu hệ thống giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp của Trung ương và địa phương

(6) Các hướng đi sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở

(7) Tư vấn hướng nghiệp

(8) Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương

(9) Tìm hiểu thông tin về thị trường lao động biến ở địa phương

Chương trình giáo dục hướng nghiệp 2000 cũng đã có cung cấp 1 số thông tin cơ bản về các nhóm nghề lớn để học sinh có thể chọn nghề phù hợp với bản thân. Tuy nhiên do nhiều lý do bố trí thời gian cho chương trình giáo dục hướng nghiệp đã bị rút từ 27 tiết / năm xuống còn 9 tiết/ năm.

Chương giáo dục phổ thông mới sẽ có một số điều chỉnh để tăng cường hiệu quả và gắn giáo dục hướng nghiệp với phát triển cá nhân người học nhiều hơn nữa.

### 1.2.3. Các tác nhân ảnh hưởng đến giáo dục hướng nghiệp





#### 1.2.3.1. Cha mẹ học sinh

- Giúp học sinh xác định rõ hoàn cảnh gia đình/nguyện vọng tương lai
- Cung cấp các kiến thức thực tế về một số công việc-việc làm qua
- Tạo các tấm gương về sự phát triển sự nghiệp cho con cái
- Quyết định con đường đi sau khi học xong trường trung học

Gia đình là yếu tố rất quan trọng đối với sự phát triển về mọi mặt của học sinh trong đó có cả vấn đề định hướng, lựa chọn nghề nghiệp của các em. Trong gia đình, cha mẹ là người luôn luôn gần gũi, hiểu rõ các em nhất nên cha mẹ có thể biết được hứng thú, năng lực, sở thích của các em ra sao. Cha mẹ là những người đi trước có nhiều kinh nghiệm thực tế, có sự hiểu biết về thế giới, nghề nghiệp trong xã hội hơn các em. Vì vậy các em có sự ảnh hưởng và tin tưởng rất lớn từ cha mẹ trong việc lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân. Hơn nữa trong điều kiện xã hội hiện nay, vấn đề việc làm sau khi ra trường (học nghề của học sinh) còn phụ thuộc rất nhiều vào các mối quan hệ và khả năng tài chính của gia đình. Điều đó càng khẳng định vai trò quan trọng của gia đình đối với việc lựa chọn nghề nghiệp của học sinh.

Tuy nhiên, sự can thiệp, ảnh hưởng quá lớn từ cha mẹ đến việc lựa chọn nghề nghiệp của học sinh sẽ có tác động hai mặt: Mặt tích cực, đối với những trường hợp cha mẹ hiểu rõ năng lực, hứng thú của con, hiểu biết rõ về các ngành nghề trong xã hội... nên hướng cho con mình lựa chọn những nghề phù hợp. Mặt tiêu cực là có một bộ phận không nhỏ các bậc phụ huynh lại áp đặt con cái lựa chọn nghề nghiệp theo ý mình. Với suy nghĩ là cha mẹ phải có trách nhiệm với con cái từ việc chọn nghề đến lúc tìm việc làm mà hầu như không tính đến hứng thú, năng lực sở trường của các em. Điều này đã dẫn đến việc lựa chọn nghề sai lầm của học sinh, hình thành ở các em tính thụ động, ỷ lại vào cha mẹ. Và đây cũng là một trong số các nguyên nhân cơ bản dẫn đến

hiện tượng không thành đạt trong nghề, chán nghề, bỏ nghề của các em sau này.

Các quan hệ xã hội của cha mẹ cũng có thể có ảnh hưởng rất mạnh đến định hướng của gia đình đối với con đường đi tương lai của học sinh. Trong nhiều trường hợp các quan hệ xã hội này tạo nên cách nhìn tiêu cực của học sinh đối với xã hội và con đường sự nghiệp.

*Lưu ý: Hiện nay có hiện tượng gia đình phó thác toàn bộ quá trình giáo dục cho nhà trường và quy trách nhiệm cho nhà trường khi có điều gì đó xảy ra đối với học sinh. Cần làm rõ cho phụ huynh, nhất là phụ huynh người dân tộc về sự đóng góp tích cực của gia đình đối với quá trình hình thành thiên hướng nghề và chọn nghề của học sinh. Điều này đặc biệt quan trọng đối với học sinh bậc THPT khi các em phải xác định rõ con đường tương lai của mình.*

#### 1.2.3.2. Nhà trường

Giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường có ý nghĩa rất quan trọng trong việc định hướng và lựa chọn nghề nghiệp của HS. Hướng nghiệp cho HS trong trường phổ thông được thể hiện như là một hệ thống tác động sư phạm nhằm giúp cho các em lựa chọn được nghề nghiệp một cách hợp lý. Trong nhà trường, giáo dục hướng nghiệp là một trong những hình thức Hoạt động học tập của HS. Thông qua Hoạt động này, mỗi HS phải lĩnh hội được những thông tin về nghề nghiệp trong xã hội, nắm được hệ thống các yêu cầu của từng nghề cụ thể mà mình muốn chọn, phải có kỹ năng tự đối chiếu những phẩm chất, những đặc điểm tâm - sinh lý của mình với hệ thống yêu cầu của nghề đang đặt ra cho người lao động... Như vậy, thông qua việc tổ chức Hoạt động giáo dục hướng nghiệp, nhà trường sẽ giúp cho học sinh lựa chọn nghề nghiệp một cách phù hợp về nhu cầu, hứng thú, sở trường, đặc điểm tâm - sinh lý của mỗi HS, đồng thời phù hợp với điều kiện của mỗi HS cũng như nhu cầu về nhân lực của xã hội đối với nghề. Từ đó giúp điều tiết hợp lý việc

chuẩn bị nguồn lực lao động cho xã hội, đáp ứng tốt nhu cầu về nguồn nhân lực của đất nước trong quá trình CNH - HĐH. Từ đó có thể khẳng định, GDHN và tư vấn hướng nghiệp học đường là không thể thiếu trong các Hoạt động giáo dục ở trường phổ thông. Là một trong các mặt giáo dục phát triển toàn diện cho HS, hơn nữa nó còn mang ý nghĩa kinh tế - xã hội rất lớn.

Thông qua Hoạt động dạy học các bộ môn văn hóa giáo viên giới thiệu ý nghĩa ứng dụng các kiến thức môn học vào Hoạt động sản xuất và xã hội cũng như tầm quan trọng của các kiến thức môn học vào sự hình thành và phát triển trình độ các nghề nghiệp có liên quan. Sự hứng thú và thành tích học tập về một hay nhóm bộ môn nào đó ở trường phổ thông có ý nghĩa hướng nghiệp theo tinh thần kỹ thuật tổng hợp cho học sinh.

Giáo viên chủ nhiệm là người chịu trách nhiệm tổ chức Hoạt động hướng nghiệp, tìm hiểu thế giới nghề nghiệp, thị trường lao động, được tư vấn hướng nghiệp, chọn nghề... giúp học sinh điều chỉnh cách nhìn về thế giới công việc.

Giáo viên/chuyên viên tư vấn hướng nghiệp sẽ cung cấp và hướng dẫn học sinh tìm kiếm các thông tin về việc làm/công việc

Cán bộ quản lý giáo dục các cấp triển khai các Hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở các cấp độ nhà trường hoặc liên trường và cung cấp sự Hỗ trợ về tinh thần, vật chất và tri thức cho giáo viên trong Hoạt động giáo dục hướng nghiệp.

*Lưu ý: Mọi giáo viên và cán bộ của nhà trường có ảnh hưởng đến sự định hướng tương lai của học sinh. Không nên ủy thác riêng cho 1 giáo viên / 1 nhóm giáo viên nào mà toàn thể cán bộ, giáo viên phải ý thức được vai trò của mình trong hướng nghiệp cho học sinh. Đối tượng học sinh có ít quan hệ xã hội càng sẽ bị ảnh hưởng nhiều hơn bởi các thầy các cô! Mở rộng tầm hiểu biết xã hội cho học sinh cũng là một cách để định hình con đường nghề nghiệp tương lai của các em.*

### 1.2.3.3. Cộng đồng

Các tổ chức trong cộng đồng như: Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh, các trung tâm tư vấn... có tác động đáng kể đến việc lựa chọn nghề nghiệp của HS ở địa phương, đặc biệt là ở các địa phương có nghề truyền thống. Các tổ chức xã hội này đóng vai trò là tư vấn, cung cấp cho các em thông tin về nghề, các yêu cầu của nghề, Hỗ trợ học nghề và việc làm...

Các doanh nghiệp tại địa phương cũng có vai trò quan trọng trong giáo dục hướng nghiệp. Họ có thể cung cấp:

- Tạo cơ hội tìm hiểu, trải nghiệm nghề, thực tập cho học sinh ở các độ tuổi khác nhau
- Cung cấp thông tin về sự phát triển kinh tế-xã hội của địa phương-vùng-miền-quốc gia
- Cung cấp thông tin về thị trường lao động
  - + Theo lĩnh vực
  - + Theo trình độ
  - + Theo thu nhập
- Cập nhật kiến thức cho giáo viên, cán bộ quản lý
- Tiến hành đào tạo kỹ năng nghề cơ bản cho học sinh và tạo cơ hội thực tập/ làm việc cho những học sinh có định hướng nghề rõ ràng.
- Huy động sự tham gia và đóng góp của cộng đồng là một việc làm đòi hỏi sự kiên trì và khả năng thuyết phục.

### 1.2.3.4. Bạn bè

Mở rộng các mối quan hệ xã hội trong đó có quan hệ bạn bè là một đặc điểm tâm lý quan trọng của học sinh lứa tuổi trung học, đặc biệt THPT. Quan hệ bạn bè là một nhu cầu không thể thiếu và được các em rất coi trọng, bởi vì thông qua mối quan hệ này các em có thể giải bày tâm sự, nguyện vọng, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, kể cả những điều thầm kín, riêng tư những dự định về nghề nghiệp, về tương lai. Trong mối quan hệ này các em có thể tự khẳng

định được khả năng, vị trí của mình, được giúp đỡ bạn bè. So với tình bạn của lứa tuổi HS THCS thì tình bạn của HS THPT có nhiều sự khác biệt, các em chọn bạn trên cơ sở của sự phù hợp về nhiều mặt và sự cân nhắc, vì vậy, mối quan hệ này thường khá bền chặt và tồn tại suốt cuộc đời các em. Chính vì vậy bạn bè cùng lớp, cùng trường cũng là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự lựa chọn nghề nghiệp của HS THPT.

Học sinh, thông qua các quan hệ bạn bè, sẽ:

- Chia sẻ các hiểu biết, trải nghiệm cho nhau
- Cung cấp các kinh nghiệm của người đi trước (các học sinh khóa trước, nhưng người đã học tập xong và đi làm)
- Chia sẻ các ‘mẹo’ chọn nghề, tìm việc làm, các quan hệ cá nhân

*Lưu ý: trong các trường nội trú, hiệu ứng đám đông trong số học sinh sẽ có ảnh hưởng rất mạnh đến quyết định chọn lựa con đường tương lai vì các hạn chế trong tiếp xúc xã hội, các nguồn thông tin.*

#### 1.2.3.5. Truyền thông

Trong thời đại bùng nổ của thông tin và các phương tiện thông tin đại chúng như hiện nay đã tác động không nhỏ tới việc lựa chọn nghề nghiệp của HS. Với sự Hỗ trợ của sách, báo, phim ảnh, truyền hình đặc biệt là kho thông tin khổng lồ - mạng Internet, các em dễ dàng nắm bắt, tiếp thu các thông tin đa dạng về mọi mặt của các lĩnh vực đời sống xã hội. Tuy nhiên, dù đa dạng đến mức nào thì đây cũng là những dạng thông tin một chiều, ít có cơ hội để các em trao đổi và nhận được sự tư vấn cần thiết đặc biệt là trong vấn đề tư vấn hướng nghiệp. Tuy nhiên cũng cần được phải khẳng định rằng trong điều kiện giáo dục hướng nghiệp trong các nhà trường và gia đình đang có nhiều bất cập như hiện nay thì các phương tiện thông tin đại chúng giữ vai trò quan trọng, đã phần nào cung cấp cho HS các thông tin về nghề nghiệp trong xã hội, các yêu cầu của nghề... giúp cho HS tự định hướng trong việc lựa chọn nghề nghiệp.

Những năm vừa qua, giáo dục hướng nghiệp và công tác phân luồng học sinh sau trung học đã được quan tâm và đã đạt được những kết quả ban đầu. Giáo dục hướng nghiệp và công tác phân luồng học sinh sau trung học đã được quán triệt trong các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các cấp, các ngành. Hệ thống các văn bản về giáo dục hướng nghiệp và công tác phân luồng học sinh sau trung học đã được ban hành; hệ thống cơ sở giáo dục kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp, dạy nghề đã được quan tâm đầu tư phát triển, thể hiện ở những thành quả đã đạt được về quy hoạch mạng lưới và Xây dựng các trung tâm, từng bước phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, đầu tư kinh phí cho Xây dựng và mua sắm trang thiết bị phục vụ giáo dục hướng nghiệp và công tác phân luồng học sinh sau trung học.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, giáo dục hướng nghiệp và công tác phân luồng học sinh chưa nhận được sự quan tâm đúng mức và kết quả còn hạn chế. Nguyên nhân khách quan là do hệ thống giáo dục quốc dân chưa mạch lạc, công tác quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp còn chồng chéo; bên cạnh đó, sức hấp dẫn của các chương trình đào tạo nghề còn yếu, chưa gắn với năng lực nghề, trang thiết bị các trường đào tạo nghề thiếu đồng bộ, thiếu sự gắn kết với doanh nghiệp; cơ chế, chính sách về thực hiện giáo dục hướng nghiệp và công tác phân luồng học sinh sau trung học còn bất cập, chậm đổi mới; nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp và công tác phân luồng học sinh sau trung học của các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, cộng đồng xã hội và gia đình học sinh chưa được chú ý; tâm lý chạy theo bằng cấp còn nặng nề. Nguyên nhân chủ quan là nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh về giáo dục hướng nghiệp và công tác phân luồng học sinh sau trung học chưa được quán triệt đầy đủ; mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục hướng nghiệp chưa đổi mới kịp thời theo yêu cầu đổi mới kinh tế - xã hội nói chung và đổi mới giáo dục và đào tạo nói riêng; cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo

viên, nhân viên làm công tác giáo dục hướng nghiệp còn thiếu về số lượng, chưa đáp ứng yêu cầu về chất lượng (không có giáo viên chuyên trách về công tác giáo dục hướng nghiệp).

## **2. Thực trạng về việc Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đối với Hoạt động giáo dục hướng nghiệp**

**2.1.** Trong thời gian vừa qua, mặc dù đã có nhiều cố gắng, nỗ lực; Hiệu trưởng các nhà trường đã được giao tự chủ trong việc Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, tuy nhiên, chủ yếu do chưa nhận thức đúng về mục đích, ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của Hoạt động giáo dục hướng nghiệp nên các nhà trường chưa chú trọng Xây dựng kế hoạch giáo dục đối với Hoạt động giáo dục hướng nghiệp, dẫn tới chất lượng Hoạt động giáo dục hướng nghiệp chưa cao, chủ yếu sử dụng các chủ đề theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT từ năm 2006 có những nội dung đã lạc hậu, không còn phù hợp, đặc biệt không phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường, địa phương.

**2.2.** Một số trường đã thành lập tổ tư vấn hướng nghiệp để thực hiện nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp, tuy nhiên tổ này Hoạt động chưa thực sự hiệu quả, một phần do cán bộ quản lý, giáo viên được giao nhiệm vụ kiêm nhiệm về giáo dục hướng nghiệp chưa được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về kiến thức, kỹ năng, phương pháp tổ chức Hoạt động giáo dục hướng nghiệp.

**2.3.** Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học dành cho Hoạt động giáo dục hướng nghiệp chưa được đầu tư do ngân sách tỉnh còn nhiều khó khăn, trong giai đoạn này đang phải tập trung đầu tư cho những nội dung thiết yếu khác (nhà công vụ, nhà ở bán trú, bếp ăn, nhà vệ sinh, kiên cố hóa trường lớp học...).

**2.4.** Sự phối hợp giữa các trường phổ thông với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp sử dụng lao động còn rất hạn chế do đó, công tác giáo dục hướng nghiệp chủ yếu do cán bộ quản lý, giáo viên trong trường đảm nhiệm, vì vậy bước đầu đảm bảo được 2 giai đoạn đầu của hướng nghiệp là:

Giáo dục nghề, tư vấn nghề; 2 giai đoạn sau là: Tuyển chọn nghề, thích ứng nghề chưa được thực hiện tốt.

**2.5.** Lào Cai là 1 tỉnh miền núi, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, cơ sở đào tạo nghề, cơ sở sử dụng lao động còn ít, việc làm cho lao động tại chỗ ít.

### **3. Những vấn đề đặt ra trong việc Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đối với Hoạt động giáo dục hướng nghiệp**

**3.1.** Theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 – 2015, đến năm 2020, có 55% trường THCS, 60% trường THPT có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với Hoạt động sản xuất, Kinh doanh, Dịch vụ của địa phương (đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 50% đối với cả hai cấp học trên); đến năm 2025, phân đầu 100% trường THCS và THPT có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với Hoạt động sản xuất, Kinh doanh, Dịch vụ của địa phương (đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80% đối với cả hai cấp học trên) [56].

**3.2.** Thực tế hiện nay, chưa có trường phổ thông nào Xây dựng chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương; hơn nữa, hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương còn rất hạn chế, đặc biệt là đối với khu vực đặc biệt khó khăn, sản xuất ở những khu vực này chủ yếu là tự cấp - tự túc, chỉ đảm bảo tối thiểu đời sống nhân dân, không thành sản xuất hàng hóa.

### **4. Quy trình Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đối với Hoạt động giáo dục hướng nghiệp**



Việc Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đối với Hoạt động giáo dục hướng nghiệp được thực hiện theo quy trình của Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; gồm 5 bước:

#### **4.1. Bước 1:** Tổ chức phân tích bối cảnh của nhà trường

Phân tích bối cảnh, điều kiện cụ thể của nhà trường, địa phương là việc xem xét tất cả các yếu tố có thể ảnh hưởng đến việc ra quyết định về mục tiêu, cấu trúc, nội dung của chương trình giáo dục hướng nghiệp. Trong quá trình phân tích bối cảnh, cần thu thập thông tin liên quan đến nguồn nhân lực tham gia vào quá trình dạy học cũng như các điều kiện vật lực và môi trường giáo dục. Về học sinh, các thông tin cần thu thập bao gồm: Trình độ học sinh, nhu cầu học tập, động cơ và thái độ học tập, cách thức học và các điều kiện học tập... Các yếu tố về cơ sở vật chất phục vụ kế hoạch giáo dục cũng cần được xem xét khi tiến hành Xây dựng kế hoạch giáo dục. Cần xác định các điều kiện phục vụ công tác dạy và học sắp tới để có thể lựa chọn các phương pháp giảng dạy, các phương tiện nghe nhìn, tư liệu, dự trù kinh phí cho các Hoạt động giáo dục; đặc biệt phải xác định được nhu cầu lao động, thông tin nghề nghiệp của địa phương; các Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở địa phương. Tất cả những thông tin như vậy nếu được tập hợp một cách đầy đủ, được cân nhắc và tính đến khi Xây dựng kế hoạch giáo dục sẽ góp phần đảm bảo tính hiệu quả và tính khả thi của các công đoạn trong quá trình giáo dục. Bên cạnh đó, cần tiến hành phân tích chương trình giáo dục phổ thông và các môn học trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, đưa ra định hướng để điều chỉnh, áp dụng chương trình vào nhà trường.

**4.2. Bước 2 và bước 3:** Thiết kế các chủ đề/nội dung dạy học và giáo dục

Để thiết kế nội dung dạy học và giáo dục trước hết cần xác định mục tiêu của các chủ đề dạy học và giáo dục. Mục tiêu giáo dục là sự diễn đạt cụ thể những cái mà người học có khả năng thực hiện được sau khi hoàn tất một

môn học hay khóa học. Theo tiếp cận năng lực, mục tiêu kế hoạch giáo dục được xây dựng theo các năng lực cụ thể. Với kế hoạch Hoạt động giáo dục hướng nghiệp, mục tiêu kế hoạch giáo dục vừa được xây dựng phù hợp với thực tế học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường. Mục tiêu chương trình giáo dục quốc gia, mục tiêu kế hoạch giáo dục nhà trường là một trong những căn cứ quan trọng để thiết kế các nội dung dạy học và giáo dục của Hoạt động giáo dục hướng nghiệp.

Việc thiết kế nội dung dạy học và giáo dục trong Hoạt động giáo dục hướng nghiệp có thể thực hiện theo các hướng cơ bản sau đây:

- Thiết kế chủ đề dạy học tích hợp trong từng kế hoạch môn học.
- Thiết kế chủ đề dạy học tích hợp trong kế hoạch môn học với kế hoạch giáo dục địa phương.
- Thiết kế chủ đề dạy học liên môn.
- Thiết kế các chủ đề tự chọn theo hướng dạy học phân hóa.
- Thiết kế bổ sung các Hoạt động giáo dục khác vào kế hoạch giáo dục hiện hành.

Trên cơ sở thiết kế Hoạt động dạy học và giáo dục cần Xây dựng thành kế hoạch giáo dục và phân phối chương trình cụ thể. Kế hoạch giáo dục phải đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng được quy định, thực hiện hiệu quả mục tiêu giáo dục của chương trình giáo dục phổ thông; đảm bảo tính logic của mạch kiến thức và tính thống nhất giữa các môn học và các Hoạt động giáo dục, đồng thời phải đảm bảo tính phù hợp, khả thi với đối tượng và điều kiện cụ thể của từng trường.

Kế hoạch giáo dục của Hoạt động giáo dục hướng nghiệp phải đảm bảo các thành tố của một bản kế hoạch trong quản lý, bao gồm: Người thực hiện (phụ trách, phối hợp, Giám sát), điều kiện thực hiện (thời gian, kinh phí, cơ sở vật chất...).

#### **4.3. Bước 4: Thực hiện kế hoạch giáo dục**

Kế hoạch giáo dục sau khi được điều chỉnh, bổ sung và được cụ thể hóa thành kế hoạch dạy học và phân phối chương trình của nhà trường, việc thực hiện cần có sự phối hợp chặt chẽ của các bên liên quan. Trong đó, vai trò quan trọng nhất là của những giáo viên trực tiếp giảng dạy. Vì thế, để việc thực hiện kế hoạch giáo dục đạt được kết quả tốt nhất cần đặc biệt chú ý tới các yếu tố sau đây:

Phải tạo được sự nhất trí, đồng thuận cao của giáo viên trực tiếp giảng dạy.

Bồi dưỡng, giúp đỡ, Hỗ trợ để giáo viên có đủ năng lực thực hiện kế hoạch giáo dục (giáo viên giảng dạy cần hiểu hết ý đồ của người Xây dựng kế hoạch giáo dục, cập nhật kiến thức trong môn học cũng như trang bị kiến thức mới về phương pháp giảng dạy cũng nhưng phương pháp kiểm tra, đánh giá...).

Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện giảng dạy thích hợp (cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, phương tiện dạy học, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo...).

Tạo động lực khuyến khích giáo viên làm việc (có chế độ đãi ngộ thảo đáng để khuyến khích, động viên giáo viên cải tiến phương pháp giảng dạy, cải tiến chương trình đào tạo...).

#### **4.4. Bước 5: Đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục**

Việc đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhằm trả lời hai câu hỏi: Kế hoạch giáo dục có đem lại kết quả như mong muốn hay không? Cần cải tiến kế hoạch giáo dục theo hướng nào? Đánh giá thẩm định kế hoạch giáo dục nhà trường dựa vào 4 tiêu chuẩn: Mục tiêu kế hoạch giáo dục, nội dung kế hoạch giáo dục, thời lượng kế hoạch giáo dục, các điều kiện thực hiện kế hoạch giáo dục. Trong mỗi tiêu chuẩn có các tiêu chí cụ thể. Kết quả đánh giá kế hoạch giáo dục là cơ sở để điều chỉnh nhằm hoàn thiện kế hoạch giáo dục trước khi áp dụng cho các năm học/khóa học tiếp theo.

### **5. Những nội dung cần có trong bản kế hoạch giao**

Sau khi tiến hành các bước Xây dựng kế hoạch giáo dục, nhà trường cần cụ thể hóa sản phẩm trong một văn bản kế hoạch giáo dục, ở đó cần đảm bảo các thành tố sau:

**5.1. Các mục tiêu chung** có tính khả thi phải phản ánh được sự thống nhất giữa ý chí chủ quan (phản ánh trong định hướng và tầm nhìn) và xu thế khách quan (phản ánh trong bối cảnh và nguồn lực có thể có cho giáo dục trong thời gian tới). Từ các mục tiêu chung nên trường minh họa thành các mục tiêu cụ thể.

Mục tiêu kế hoạch giáo dục của Hoạt động giáo dục hướng nghiệp cần căn cứ trên mục tiêu kế hoạch giáo dục nhà trường; từ đó, xây dựng mục tiêu phù hợp với điều kiện của địa phương, của nhà trường.

**5.2. Mục tiêu cụ thể** chú trọng tới kết quả cuối cùng, cụ thể cần đạt, có thể đo lường được thông qua các chỉ tiêu cụ thể.

Đánh giá tính khả thi của mục tiêu, chỉ tiêu (chú ý nguyên tắc SMART đã nêu tại trang 186 của tài liệu này: S – Specific: Cụ thể; M – Measureable: Đo lường được; A – Attainable: Có thể đạt được; R – Result – Oriented: Định hướng về kết quả; T – Time – bound: Giới hạn về thời gian).

Với kế hoạch giáo dục Hoạt động giáo dục hướng nghiệp cần chú trọng đến mục tiêu năng lực học sinh, mục tiêu tổ chức hiệu quả dạy học phát triển năng lực của học sinh ...

### **5.3. Các Hoạt động cần thực hiện**

- Để Xây dựng kế hoạch giáo dục Hoạt động giáo dục hướng nghiệp, cần thực hiện nội dung các công việc sau:

+ Rà soát, phân tích chương trình giáo dục hướng nghiệp của cấp học hiện hành, các môn học hiện hành, đề xuất định hướng điều chỉnh nội dung dạy học của Hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong chương trình hiện hành.

+ Xác định các nội dung dạy học vượt quá mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng cần tinh giản.

+ Điều chỉnh nội dung để tránh trùng lặp giữa các môn học, Hoạt động giáo dục.

+ Bổ sung, cập nhật những thông tin mới phù hợp thay cho thông tin cũ, lạc hậu.

+ Lựa chọn các chủ đề để sắp xếp lại thành một số bài học tích hợp.

+ Lập kế hoạch giáo dục nhà trường tổ chức thực hiện các nội dung gắn với bối cảnh sản xuất, kinh doanh tại địa phương.

+ Thiết kế phương pháp và hình thức tổ chức Hoạt động giáo dục.

+ Xác định các phương tiện phục vụ Hoạt động giáo dục.

+ Xây dựng kế hoạch đánh giá.

**5.4. Các chỉ số kết quả:** Kết quả cuối cùng khi thực hiện kế hoạch giáo dục là gì? Các chỉ số kết quả đảm bảo đo lường được hay không?

**5.5. Người phụ trách:** Nên là tổ tư vấn hướng nghiệp (nếu có), nhưng phải giao cho cá nhân cụ thể nhằm tăng cường sự cam kết và tăng trách nhiệm của cá nhân trong tổ chức thực hiện kế hoạch.

**5.6. Thời gian:** Mỗi Hoạt động đều có mốc thời gian cụ thể dựa trên khả năng hoàn thành mục tiêu của nhà trường.

**5.7. Nguồn lực/kinh phí:** Với từng Hoạt động, cần chi tiết hóa những nguồn lực/kinh phí cần phải huy động để đảm bảo kế hoạch thành công là bao nhiêu? Huy động từ những nguồn nào? Ai là người chịu trách nhiệm huy động nguồn lực?

## **Module 6**

### **Tổ chức các Hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông [25]**

#### **1. Hoạt động khám phá nghề nghiệp cho học sinh THCS (lớp 8,9)**

##### **1.1. Mục tiêu**

- Học sinh có được một số kiến thức cơ bản về các nghề, thế giới nghề nghiệp;

- Học sinh biết cách tìm kiếm và diễn đạt thông tin về nghề, thị trường lao động từ các kênh thông tin khác nhau;

- Học sinh có được thông tin về một số nghề phổ biến ở địa phương.

## **1.2. Nội dung**

### *1.2.1. Giáo viên hướng dẫn học sinh tiến hành*

- Mô tả các nghề có ở địa phương.
- Nghề truyền thống của gia đình, dân tộc.
- Nghề phổ biến tại quê.

### *1.2.2. Học sinh thực hiện*

- Tra cứu về hệ thống nghề ở Việt Nam:
  - + Trong sách Giáo dục hướng nghiệp.
  - + Qua các tài liệu có sẵn ở thư viện trường.
  - + Tìm kiếm trên mạng.
- Tự tìm hiểu về tình hình nghề ở địa phương:
  - + Một số nghề ở địa phương.
  - + Những nghề thu hút nhiều lao động của địa phương.

### *1.2.3. Kết quả tra cứu hệ thống nghề ở Việt Nam*

Sau khi hoàn thành các Hoạt động kể trên học sinh cần cung cấp được các thông tin như sau:

- Các thông tin về một số nghề cụ thể theo hướng dẫn ở trên bao gồm:
  - + Tên nghề.
  - + Công cụ lao động của nghề.
  - + Vật liệu cần cho Hoạt động nghề.
  - + Các bước thực hiện công việc trong nghề, từ khi bắt đầu đến khi kết thúc hoặc làm ra sản phẩm.
  - + Sản phẩm chính của nghề.
  - + Điều kiện để làm nghề (sức khỏe, kiến thức, khả năng, phẩm chất...).

+ Nơi đào tạo nghề và triển vọng của nghề (ghi theo cách hiểu của học sinh).

+ Danh mục các nghề ở Việt Nam (không cần đầy đủ).

#### *1.2.4. Tổ chức thực hiện xử lý kết quả và Hoạt động khám phá nghề nghiệp*

##### *1.2.4.1. Phân nhóm học sinh*

Giáo viên giao nhiệm vụ tìm hiểu cho học sinh theo nhóm nhỏ (3-4 học sinh trong 1 nhóm, tốt nhất không nên là các nhóm bạn bè, dân tộc đã được hình thành trong quá trình học tập trước đó).

- Cho các nhóm 1 thời gian để trao đổi, hình dung về công việc của nhóm.

- Giáo viên trao đổi với tất cả các nhóm thống nhất về nội dung sẽ làm để đảm bảo không bị trùng lặp.

- Giáo viên hướng dẫn các nhóm cách trình bày kết quả.

- Cho các nhóm 1 thời gian để tự phân công công việc trong nhóm.

##### *1.2.4.2. Nhóm tự tiến hành tìm hiểu*

- Cho học sinh một thời gian để thực hiện bài tập trong nhóm (từ 2 ngày đến 1 tuần vào buổi chiều hoặc tối, ngoài thời gian dành cho các Hoạt động chính khóa theo kế hoạch năm học).

- Giáo viên theo dõi quá trình thực hiện của các nhóm, trao đổi gợi ý để các nhóm có thể hoàn thành nhiệm vụ đã giao (không can thiệp theo ý nghĩ của giáo viên).

- Giám sát cách thể hiện kết quả của các nhóm.

- Gợi ý cách phân chia các thành viên của mỗi nhóm báo cáo kết quả.

##### *1.2.4.3. Trình bày kết quả của các nhóm*

- Chọn thời gian và địa điểm để cả lớp có thể dự được (nếu có thể để các lớp khác tham gia cũng có ích).

- Thống nhất trình tự trình bày của các nhóm (không nên áp đặt mà để các nhóm tự chọn trình tự báo cáo).

- Nên để cho mọi thành viên của nhóm đều có cơ hội tham gia trình bày kết quả.

- Yêu cầu các thành viên nhóm khác đóng góp ý kiến về:

+ Nội dung;

+ Hình thức;

+ Cảm nhận sau mỗi báo cáo nhóm.

Giáo viên nhận xét về báo cáo của nhóm (*Lưu ý: không có đánh giá đúng sai về nội dung mà chỉ có các gợi ý để học sinh làm tốt hơn!*)

#### 1.2.4.4. Hoàn thiện báo cáo của nhóm

- Cho các nhóm hoàn thiện kết quả tìm hiểu của mình và trình bày lại theo quy cách chung để nhân bản cho cả nhóm, lưu lại cho các lớp/nhóm sau.

- Điều kiện thực hiện:

+ Thời gian (2 ngày – 1 tuần chuẩn bị), 1-2 buổi để trình bày, thảo luận trong lớp. Thời gian sẽ bố trí không trùng với thời gian của các Hoạt động chính khóa có trong kế hoạch năm học.

+ Sách, tài liệu tham khảo.

+ Máy tính có kết nối internet.

+ Giấy khổ A0 hay A1, bút dạ ngòi to để trình bày cho mỗi nhóm (hoặc máy chiếu chiếu PowerPoint nếu học sinh làm được).

#### 1.2.5. Lên kế hoạch cho lựa chọn con đường học tập sau lớp 9

1.2.5.1. Mục tiêu: Học sinh biết được một số ngành học, trường trung cấp và trung tâm dạy nghề đang tuyển sinh học sinh tốt nghiệp THCS.

#### 1.2.5.2. Nội dung

- Học sinh tìm hiểu về hệ thống giáo dục Việt Nam và các con đường/cơ hội học tập khác nhau của học sinh sau lớp 9.



- Học sinh tìm hiểu về hệ thống các cơ sở giáo dục và đào tạo tại địa phương tuyển sinh sau lớp 9.

#### 1.2.5.3. Tổ chức thực hiện

- Phân nhóm học sinh:

+ Giáo viên giao nhiệm vụ tìm hiểu cho học sinh theo nhóm (7-10 học sinh trong 1 nhóm, tốt nhất không nên là các nhóm bạn bè, dân tộc đã được hình thành trong quá trình học tập trước đó).

+ Cho các nhóm 1 thời gian để trao đổi, hình dung về công việc của nhóm.

+ Giáo viên trao đổi với tất cả các nhóm thống nhất về nội dung sẽ làm để đảm bảo không bị trùng lặp.

+ Giáo viên hướng dẫn các nhóm cách trình bày kết quả.

+ Cho các nhóm 1 thời gian để tự phân công công việc trong nhóm.

- Nhóm tự tiến hành tìm hiểu:

+ Cho học sinh một thời gian để thực hiện bài tập trong nhóm (từ 1 đến 2 tuần vào buổi chiều hoặc tối, ngoài thời gian dành cho các Hoạt động chính khóa theo kế hoạch năm học).

+ Giáo viên theo dõi quá trình thực hiện của các nhóm, trao đổi gợi ý để các nhóm có thể hoàn thành nhiệm vụ đã giao (không can thiệp theo ý nghĩ của giáo viên).

+ Giám sát cách thể hiện kết quả của các nhóm.

+ Gợi ý cách phân chia các thành viên của mỗi nhóm báo cáo kết quả.

- Trình bày kết quả của các nhóm:

+ Chọn thời gian và địa điểm để cả lớp có thể dự được (nếu có thể để các lớp khác tham gia cũng có ích).

+ Thống nhất trình tự trình bày của các nhóm (không nên áp đặt mà để các nhóm tự chọn trình tự báo cáo).

+ Nên để cho mọi thành viên của nhóm đều có cơ hội tham gia trình bày kết quả.

+ Yêu cầu các thành viên nhóm khác đóng góp ý kiến về:

\*Nội dung

\*Hình thức

\*Cảm nhận sau mỗi báo cáo nhóm.

- Giáo viên nhận xét về báo cáo của nhóm.

\*Hình thức.

\*Nội dung, đặc biệt chỉ ra các điểm chưa chính xác.

- Hoàn thiện báo cáo của nhóm: Cho các nhóm hoàn thiện kết quả tìm hiểu của mình và trình bày lại theo quy cách chung để nhân bản cho cả nhóm, lưu lại cho các lớp/nhóm sau.

1.2.5.4. Điều kiện thực hiện:

- Thời gian (1- 2 tuần chuẩn bị), 1-2 buổi để trình bày, thảo luận trong lớp.

- Sơ đồ hệ thống giáo dục quốc dân in/vẽ to (có thể giao cho học sinh vẽ lại).

- Sách, tài liệu tham khảo.

- Máy tính có kết nối internet.

- Giấy khổ A0 hay A1, bút dạ ngòi to để trình bày cho mỗi nhóm (hoặc máy chiếu chiếu PowerPoint nếu học sinh làm được).

*1.2.6. Tư vấn chọn nghề cho học sinh THCS*

1.2.6.1. Mục tiêu: Giúp học sinh xác định được tương lai nghề nghiệp của mình và hình dung được cách chọn một số nghề phù hợp với bản thân

1.2.6.2. Nội dung:

- Trao đổi với tập thể học sinh về sự chọn nghề cho tương lai.

- Tư vấn cá nhân về sự chọn lựa của mỗi học sinh và những điểm cần thực hiện.

- Tổ chức thực hiện.

+ Tham vấn với cha mẹ học sinh.

\*Trao đổi với cha mẹ học sinh về hoàn cảnh gia đình, mong muốn của cha mẹ (trong các cuộc họp cha mẹ học sinh, khi đến thăm gia đình hoặc trong các dịp tết, lễ, hội).

\*Cùng cha mẹ học sinh thống nhất đánh giá về sở thích và khả năng của học sinh.

\*Làm công tác tư tưởng với cha mẹ học sinh về sự lựa chọn của các em.

+ Trao đổi với các giáo viên bộ môn/chủ nhiệm.

\*Đánh giá sở thích và khả năng cũng như kết quả học tập của mỗi học sinh.

\*Các gợi ý về con đường học tập của mỗi học sinh.

+ Trao đổi với học sinh (lớp hoặc nhóm).

\*Ý nghĩa của việc lựa chọn nghề cho tương lai.

\*Cơ hội học tập tiếp theo sau lớp 9.

\*Các cơ hội/thách thức của các cơ hội học tập.

+ Trao đổi cá nhân với học sinh.

\*Tiềm năng phát triển của bản thân học sinh dựa trên đánh giá của giáo viên bộ môn và giáo viên chủ nhiệm.

\*Nguyện vọng của bản thân học sinh.

\*Mong muốn của gia đình.

\*Định hướng nhóm nghề tương lai cho học sinh và chỉ ra những điều cần phải làm được trong quá trình học tập.

- Điều kiện thực hiện:

+ Tiến hành từ năm lớp 8, chậm nhất là học kỳ 1 lớp 9 để học sinh có thể điều chỉnh Hoạt động học tập của mình.

+ Thời gian để trao đổi với cha mẹ và học sinh.

+ Đánh giá của các giáo viên về cá nhân học sinh (bảng điểm trong học bạ, thông tin trao đổi)

+ Các tài liệu và thông tin giới thiệu về các trường THPT, trung cấp và cao đẳng tại địa phương, phương thức xét tuyển/thi và các chế độ chính sách đối với học sinh DTTS.

+ Tốt nhất là sau khi học sinh đã hoàn thành **Error! Reference source not found.** và **Error! Reference source not found.**

1.2.7. Mời các doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động tham gia hướng nghiệp

1.2.7.1. Mục tiêu:

- Giúp học sinh có cơ hội tìm hiểu chi tiết hơn về thực tế thị trường lao động tại địa phương.

- Giúp các doanh nghiệp, các chủ sử dụng lao động địa phương tìm kiếm nguồn nhân lực phù hợp.

1.2.7.2. Nội dung

- Các công việc cần thực hiện:

+ Tổ chức tham quan doanh nghiệp / cơ sở sử dụng lao động.

+ Tổ chức cho học sinh khám phá nghề (nhất là những nghề hiếm, không có trong các thông báo tuyển dụng bình thường).

+ Học nghề / thực tập nghề cho học sinh.

+ Lao động làm thêm trong các kỳ nghỉ (Tết, hè.).

+ Đại diện doanh nghiệp / cơ sở sử dụng lao động nói chuyện với học sinh về việc làm, cơ hội thăng tiến, điều kiện lao động.

+ Ngày hội việc làm (doanh nghiệp tài trợ một phần hay toàn bộ).

- Tổ chức thực hiện:

+ Liên hệ với các doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động trên địa bàn:

\*Tìm hiểu khả năng tham gia của doanh nghiệp, chủ sử dụng lao động.

\*Xác định khung thời gian phù hợp.

+ Ký thỏa thuận hợp tác, Hỗ trợ với doanh nghiệp / cơ sở sử dụng lao động.

\*Trao đổi về các khả năng, điều kiện để doanh nghiệp tham gia thực hiện Hoạt động hướng nghiệp cho học sinh.

\*Xây dựng kế hoạch được 2 bên đồng thuận.

\*Tổ chức ký kết chính thức.

+ Triển khai kế hoạch đã được thống nhất: Tổ chức các Hoạt động theo kế hoạch.

- Đánh giá việc thực hiện:

+ Cùng với doanh nghiệp / cơ sở sử dụng lao động đánh giá kết quả đạt được của mỗi Hoạt động đã được thảo thuận.

+ Xác định những tồn tại của mỗi Hoạt động và cách làm tốt hơn.

+ Lấy đánh giá của học sinh sau mỗi Hoạt động để xác định mức độ ảnh hưởng của các Hoạt động đến nhận thức và lựa chọn của học sinh về chọn nghề và con đường học tập.

- Điều kiện thực hiện:

+ Sự chấp thuận của các cấp quản lý giáo dục và các cơ quan quản lý Nhà nước khác (nếu cần).

+ Sự chấp thuận của cha mẹ học sinh (đối với những Hoạt động đòi hỏi sự đồng ý của người giám hộ).

+ Thời gian bố trí phù hợp với kế hoạch năm học và các Hoạt động giáo dục khác.

+ Phương tiện đi lại, chăm sóc sức khỏe trong trường hợp có di chuyển.

+ Kinh phí.

*1.2.8. Chuẩn bị cho lựa chọn con đường học tập sau THPT*

1.2.8.1. Mục tiêu

- Học sinh nắm được cách chọn ngành học.

- Học sinh được thực hành chọn ngành học cho bản thân.

### 1.2.8.2. Nội dung

- Các nội dung cần thực hiện:

+ Học sinh tìm hiểu về hệ thống giáo dục và các con đường/cơ hội học tập khác nhau của học sinh sau khi tốt nghiệp lớp 12.

+ Học sinh tìm hiểu về hệ thống các cơ sở đào tạo tại địa phương tuyển sinh sau lớp 12.

+ Học sinh tìm hiểu về các cơ hội đào tạo ngoài địa phương.

+ Học sinh tiến hành chọn ngành đào tạo phù hợp với bản thân.

- Tổ chức thực hiện.

+ Phân nhóm học sinh:

\*Giáo viên giao nhiệm vụ tìm hiểu cho học sinh theo nhóm (7-10 học sinh trong 1 nhóm, tốt nhất không nên là các nhóm bạn bè, dân tộc đã được hình thành trong quá trình học tập trước đó).

\*Cho các nhóm 1 thời gian để trao đổi, hình dung về công việc của nhóm.

\*Giáo viên trao đổi với tất cả các nhóm thống nhất về nội dung sẽ làm để đảm bảo không bị trùng lặp.

\*Giáo viên hướng dẫn các nhóm cách trình bày kết quả.

\*Cho các nhóm 1 thời gian để tự phân công công việc trong nhóm.

+ Nhóm tự tiến hành tìm hiểu:

\*Cho học sinh một thời gian để thực hiện bài tập trong nhóm (từ 1 đến 2 tuần vào buổi chiều hoặc tối, ngoài thời gian dành cho các Hoạt động chính khóa theo kế hoạch năm học).

\*Giáo viên theo dõi quá trình thực hiện của các nhóm, trao đổi gợi ý để các nhóm có thể hoàn thành nhiệm vụ đã giao (không can thiệp theo ý nghĩ của giáo viên).

\*Giám sát cách thể hiện kết quả của các nhóm.

\*Gợi ý cách phân chia các thành viên của mỗi nhóm báo cáo kết quả.

+ Trình bày kết quả của các nhóm:

\*Chọn thời gian và địa điểm để cả lớp có thể dự được (nếu có thể để các lớp khác tham gia cũng có ích).

\*Thống nhất trình tự trình bày của các nhóm (không nên áp đặt mà để các nhóm tự chọn trình tự báo cáo).

\*Nên để cho mọi thành viên của nhóm đều có cơ hội tham gia trình bày kết quả.

\*Yêu cầu các thành viên nhóm khác đóng góp ý kiến về:

Nội dung.

Hình thức.

Cảm nhận sau mỗi báo cáo nhóm.

+ Giáo viên nhận xét về báo cáo của nhóm:

\*Hình thức.

\*Nội dung, đặc biệt chỉ ra các điểm chưa chính xác hoặc cần tìm hiểu xác minh thêm.

+ Hoàn thiện báo cáo của nhóm: Cho các nhóm hoàn thiện kết quả tìm hiểu của mình và trình bày lại theo quy cách chung để nhân bản cho cả nhóm, lưu lại cho các lớp/nhóm sau.

- Điều kiện thực hiện:

+ Thời gian (1- 2 tuần chuẩn bị), 1-2 buổi để trình bày, thảo luận trong lớp.

+ Sơ đồ hệ thống giáo dục quốc dân in/vẽ to (có thể giao cho học sinh vẽ lại).

+ Sách, tài liệu tham khảo.

+ Máy tính có kết nối internet.

+ Giấy khổ A0 hay A1, bút dạ ngòi to để trình bày cho mỗi nhóm (hoặc máy chiếu chiếu PowerPoint nếu học sinh làm được).

*1.2.9. Lựa chọn ngành học cho cá nhân sau THPT*

1.2.9.1. Mục tiêu: Học sinh hiểu và được thực hành được cách chọn ngành học cho bản thân sau khi tốt nghiệp THPT.

#### 1.2.9.2. Nội dung

- Các nội dung cần thực hiện:

+ Học sinh đánh giá sở thích cá nhân.

+ Học sinh đánh giá khả năng của bản thân.

+ Học sinh tìm các nghề phù hợp với thể mạnh cá nhân.

+ Học sinh tìm và chọn các chương trình đào tạo phù hợp với nghề đã chọn.

- Tổ chức thực hiện:

+ Làm trắc nghiệm sở thích:

\*Giáo viên chọn loại trắc nghiệm.

\*Giáo viên cho học sinh làm trắc nghiệm sở thích.

\*Giáo viên trao đổi với cá nhân học sinh để củng cố kết quả.

\*Học sinh lưu kết quả.

+ Làm trắc nghiệm khả năng:

\*Giáo viên chọn loại trắc nghiệm khả năng.

\*Giáo viên cho học sinh làm trắc nghiệm khả năng.

\*Giáo viên trao đổi với cá nhân học sinh để củng cố kết quả.

\*Học sinh lưu kết quả.

+ Tiến hành chọn nghề:

\*Giáo viên cho các nhóm nhỏ (4-5 học sinh) thực hiện chọn nghề phù hợp với sở thích và khả năng của từng cá nhân học sinh trong nhóm.

\*Giáo viên thảo luận với từng nhóm để giải đáp thắc mắc và củng cố kết quả.

\*Cho các nhóm báo cáo lại kết quả làm việc nhóm, các điểm nổi bật trong quá trình làm việc nhóm mình và trình bày lại theo quy cách chung để lưu lại cho các lớp/nhóm sau.



\*Học sinh lưu lại kết quả.

- Điều kiện thực hiện:

+ Phiếu trắc nghiệm khả năng/tính cách (mỗi học sinh một phiếu).

+ Phiếu trắc nghiệm sở thích (mỗi học sinh một phiếu).

+ Thông tin mô tả chi tiết về các nhóm nghề có liên quan đến lựa chọn của học sinh (mỗi lớp 1 bộ hoặc cả trường 2-3 bộ).

+ Giấy khổ A0 hay A1, bút dạ ngòi to để trình bày cho mỗi nhóm (hoặc máy chiếu chiếu PowerPoint nếu học sinh làm được).

#### *1.2.10. Tư vấn cho chọn nghề học sinh THPT*

1.2.10.1. Mục tiêu: Giúp học sinh xác định được đúng tương lai nghề nghiệp của mình.

##### 1.2.10.2. Nội dung

- Trao đổi với cá nhân học sinh về:

+ Cơ hội học tập tiếp theo sau lớp 12.

+ Các cơ hội/thách thức của các cơ hội học tập.

+ Tiềm năng phát triển của bản thân học sinh dựa trên đánh giá của các giáo viên.

+ Nguyên vọng của bản thân học sinh.

+ Mong muốn của gia đình.

+ Định hướng nghề tương lai cho học sinh và chỉ ra những điều cần phải làm được trong quá trình học tập.

- Tổ chức thực hiện:

+ Tham vấn với cha mẹ học sinh:

\*Trao đổi với cha mẹ học sinh về hoàn cảnh gia đình, mong muốn của cha mẹ (trong các cuộc họp cha mẹ học sinh, khi đến thăm gia đình hoặc trong các dịp tết, lễ, hội).

\*Cùng cha mẹ học sinh thống nhất đánh giá về sở thích và khả năng của học sinh.

\*Làm công tác tư tưởng với cha mẹ học sinh về sự lựa chọn của các em.

+ Trao đổi với các giáo viên bộ môn/chủ nhiệm:

\*Đánh giá sở thích và khả năng cũng như kết quả học tập của mỗi học sinh.

\*Các gợi ý về con đường học tập của mỗi học sinh.

+ Trao đổi với học sinh (lớp hoặc nhóm):

\*Ý nghĩa của việc lựa chọn nghề cho tương lai.

\*Cơ hội học tập tiếp theo sau lớp 12.

\*Các cơ hội/thách thức của các cơ hội học tập.

\*Những thông tin về nghề mà các em đã thu thập được.

+ Trao đổi cá nhân với học sinh:

\*Tiềm năng phát triển của bản thân học sinh dựa trên đánh giá của giáo viên bộ môn và giáo viên chủ nhiệm.

\*Nguyện vọng của bản thân học sinh.

\*Mong muốn của gia đình.

\*Định hướng các nhóm nghề tương lai cho học sinh và chỉ ra những điều cần phải làm được trong quá trình học tập.

\*Học sinh lưu kết quả.

- Điều kiện thực hiện:

+ Thời gian để trao đổi với học sinh (ít nhất 2-3 lần trong năm lớp 10 và 11).

+ Đánh giá của các giáo viên về cá nhân học sinh (bảng điểm trong học bạ, thông tin trao đổi).

+ Tốt nhất là sau khi học sinh đã hoàn thành **Error! Reference source not found.** và **Error! Reference source not found.**

**Tóm lại:**

Xây dựng kế hoạch là khâu quan trọng đầu tiên để triển khai tổ chức công tác hướng nghiệp trong một đơn vị giáo dục. Để xây dựng được một kế hoạch tổ chức Hoạt động giáo dục hướng nghiệp, cần chú ý:

- Thực hiện đúng quy trình Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường (riêng bước 1, xác định rõ bối cảnh đối với Hoạt động giáo dục hướng nghiệp.
- Xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp theo định hướng phát triển năng lực người học.
- Xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp gắn với sản xuất, Kinh doanh, Dịch vụ của địa phương ở 100% trường THCS, THPT (thực hiện mục tiêu của Đề án 522).

**PHẦN 2**  
**TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ**  
**SỐ,**  
**TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH LÀO CAI**

**CHUYÊN ĐỀ 3**  
**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC**  
**SINH THCS, THPT TỈNH LÀO CAI**

**1. Vị trí và tầm quan trọng**

Công tác hướng nghiệp đã được một số nhà khoa học, nhà quản lý giáo dục quan tâm nghiên cứu và đã có một số công trình được công bố. Tuy nhiên, các công trình trên mới chỉ nêu được những vấn đề lí luận chung, cách tiếp cận với đối tượng học sinh đại trà toàn quốc nói chung, phù hợp hơn với vùng đồng bằng và trung du, dân tộc Kinh...chưa đi sâu nghiên cứu vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa chậm phát triển; đồng thời chưa có chỉ dẫn cụ thể về phương pháp tiến hành, biện pháp thực hiện GDHN, các cách thức tư vấn như thế nào, tư vấn với hình thức nào cho hiệu quả với từng đối tượng là học sinh, giáo viên làm công tác hướng nghiệp các vùng, miền. Trong bộ tài liệu hướng nghiệp cũng chưa phân loại được vùng miền, địa bàn dân cư nhất là học sinh dân tộc thiểu số ít có điều kiện tiếp xúc, giao lưu, tiếp cận thông tin, chưa được quan tâm nhiều về hướng nghiệp, trang bị các thiết bị thực hành hướng nghiệp thiếu thốn, giáo viên dạy hướng nghiệp chủ yếu là giáo viên văn hóa dạy kiêm nhiệm....

Thị trường lao động còn nhiều bất cập “vừa thừa, vừa thiếu” nên khó khăn trong định hướng nghề nghiệp. Qua một số kế hoạch phát triển doanh nghiệp của tỉnh Lào Cai và các địa phương cho thấy tất cả các địa phương đều nỗ lực đẩy mạnh việc thành lập doanh nghiệp với nhiều cơ chế, chính sách mạnh mẽ. Đây là nơi thu hút phần lớn lực lượng lao động trong xã hội, nơi giải quyết căn bản đầu ra của quá trình đào tạo lao động. Tuy nhiên, phần

lớn doanh nghiệp là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, quy mô lao động nhỏ, sức cạnh tranh yếu, tạo cho thị trường lao động không ổn định, khó dự báo.

Vì vậy, việc tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh Lào Cai cần hướng tới những đặc thù của địa phương mới thay đổi được nhận thức của người dân, cha mẹ và học sinh. Thực tế, Lào Cai là tỉnh vùng cao, biên giới, dân tộc thiểu số có rất nhiều tính đặc thù địa phương đòi hỏi phải có giải pháp hướng nghiệp và phân luồng có tính chất đặc thù riêng thì mới có thể cân đối đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển dịch nền kinh tế, phát triển xã hội. Những khó khăn trong công tác hướng nghiệp, phân luồng của địa bàn Lào Cai có thể kể đến là: Học sinh vùng cao, vùng dân tộc thiểu số thiệt thòi, ít được tiếp cận thông tin về ngành nghề; gia đình chưa có truyền thống làm những ngành nghề có tính công nghiệp hay Dịch vụ mà chủ yếu thuần nông với phương thức canh tác lạc hậu; hệ thống thông tin nhiều hạn chế, nguồn tài liệu ít nên hiểu biết của còn nhiều bất cập; các ngành công nghiệp tại địa phương chưa phát triển, tâm lý an phận làm cho không muốn thoát ly gia đình sau khi tốt nghiệp THCS, THPT để đi học nghề, làm nghề; đội ngũ giáo viên làm công tác hướng nghiệp còn hạn chế, chưa được đào tạo bài bản mà chủ yếu làm kiêm nhiệm, chưa được tập huấn thường xuyên, cập nhật thông tin còn khó khăn... nên công tác tư vấn, hướng nghiệp còn nhiều bất cập. Kết quả công tác phân luồng còn nhiều khó khăn; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS, THPT chưa qua đào tạo nghề còn cao, so với mục tiêu của Chỉ thị 10 – CT/TW đạt rất thấp;

Mặt khác, hiện tượng học sinh học xong không có việc làm cũng là một vấn đề, toàn tỉnh còn gần 900 sinh viên đại học và 2000 sinh viên cao đẳng không có việc làm. Trong đó, phần lớn do không lựa chọn đúng ngành nghề đào tạo nên tốt nghiệp xong không tìm kiếm được việc làm phù hợp với chuyên ngành ở địa phương. Do chưa được tư vấn, hướng nghiệp một cách đầy đủ, cùng với tâm lý ngại đi làm xa, số sinh viên trên hàng ngày ở tại thôn

bản đã trở thành rào cản để tuyên truyền, huy động học sinh vùng cao, vùng dân tộc thiểu số đi học phổ cập giáo dục, nâng cao dân trí.

## **2. Mục tiêu**

Xây dựng bộ tài liệu tuyên truyền tư vấn hướng nghiệp học sinh dùng trong các trường THCS, THPT của tỉnh Lào Cai để nhà trường và giáo viên có công cụ tuyên truyền, tổ chức hướng dẫn học sinh học tập nâng cao nhận thức, có những kiến thức, kỹ năng cơ bản để lựa chọn nghề nghiệp phù hợp hơn.

## **3. Nội dung chuyên đề**

Tài liệu tuyên truyền tư vấn hướng nghiệp này được thiết kế với 5 module là:

- Phương pháp đánh giá năng lực nghề nghiệp và sở thích bản thân, tìm hiểu khám phá bản thân.
- Giải pháp gắn hướng nghiệp và phân luồng học sinh với nhu cầu việc làm của thị trường lao động hiện nay.
- Xu hướng nghề nghiệp ở địa phương và trong nước.
- Các năng lực cần thiết, đặc trưng của người lao động theo ngành nghề.
- Phương pháp xây dựng mục tiêu nghề nghiệp và kế hoạch hành động của học sinh Lào Cai.

## **Module 7**

### **Phương pháp đánh giá năng lực nghề nghiệp và sở thích bản thân, tìm hiểu khám phá bản thân**

#### **1. Mở đầu**

Vấn đề đánh giá học sinh đã được hướng dẫn thực hiện nhưng chỉ là đánh giá khả năng hoàn thành bài tập với một nhiệm vụ học tập cụ thể; các năng lực khác của học sinh gần như chưa được đề cập đến trong các quy chế đánh giá học sinh ở các nhà trường như năng lực nghề nghiệp, xu hướng khí

chất cá nhân,... trong khi đề tư vấn hướng nghiệp cho người học cần phải có những thông tin đánh giá cụ thể, người tư vấn viên mới tư vấn hướng nghiệp được cho học sinh. Để đánh giá năng lực nghề nghiệp và sở thích của người học, người giáo viên tư vấn phải làm những việc gì.

Module này cung cấp cho giáo viên tư vấn phương pháp đánh giá năng lực nghề nghiệp người học, cách thức tiến hành một buổi đánh giá, công cụ dùng để thu thập, xử lý thông tin cho việc đánh giá.

## **2. Mục tiêu**

HS biết đánh giá, chia sẻ được với người xung quanh về sở thích, khả năng của bản thân; mong muốn, mục tiêu nghề nghiệp và trình bày lí giải được những yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn hướng học, chọn nghề;

Học sinh liên kết được nhận thức bản thân với các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn hướng học, chọn nghề để bước đầu xác định nghề nghiệp tương lai cho bản thân; Chủ động, tích cực tham gia các Hội đồng GDHN để nâng cao nhận thức về bản thân.

## **3. Nội dung bài học**

Giáo viên nêu vấn đề: Chúng ta đều biết, “chọn nghề là chọn cho mình một tương lai” vì chọn nghề phù hợp sẽ đem lại hạnh phúc cho bản thân mỗi người trong Hoạt động nghề nghiệp và giúp cho mỗi cá nhân có nhiều cơ hội để phát triển trong nghề nghiệp, đồng thời cống hiến được nhiều nhất cho xã hội. *Vậy, chọn nghề là gì? Thế nào là sự phù hợp nghề? Tại sao phải chọn nghề phù hợp? Làm thế nào để chọn được nghề phù hợp?* Trong chuyên đề này, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu và trả lời những câu hỏi vừa nêu ra.

### **3.1. Cơ sở khoa học của sự phù hợp nghề**

*3.1.1. Hoạt động 1: Nhắc lại vấn đề cơ bản của lí thuyết cây nghề nghiệp*

Để học sinh biết được cơ sở khoa học của sự phù hợp nghề, Giáo viên nhắc lại “lí thuyết cây nghề nghiệp”[32] và nêu tầm quan trọng của việc chọn

ngành học, chọn nghề theo “rễ”.

Giáo viên treo tranh hoặc trình chiếu hình **“Lí thuyết cây nghề nghiệp”** và giải thích: Ai trong chúng ta cũng muốn có một công việc ổn định, lương cao, môi trường làm việc tốt, được nhiều người tôn trọng, vị trí công tác cao, cơ hội thăng tiến tốt, v.v... Tất cả những mong muốn trên là mong muốn chính đáng của mỗi người và đó chính là **“trái ngọt”** trong **“lí thuyết cây nghề nghiệp”**. Để có được những kết quả (hay **trái ngọt**) trong nghề nghiệp, việc chọn ngành học, chọn nghề phù hợp với sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp của mỗi người là rất quan trọng. Sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp là phần **“rễ”** của **“cây nghề nghiệp”** và cũng là những cơ sở khoa học để dựa vào đó, có định hướng đúng đắn trong việc ra quyết định chọn hướng học, chọn nghề tương lai cho phù hợp.

Giáo viên giải thích để học sinh hiểu được thế nào là sở thích nghề nghiệp, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp: Có nhiều LTHN khác nhau, nhưng khi nói đến nhận thức bản thân, các chuyên gia đều đồng ý rằng, nhận thức bản thân là nhận thức về 4 lĩnh vực: Sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp của chính người đó, bởi lẽ:

**Sở thích:** Mỗi người đều có niềm đam mê, sở thích nào đó (giáo viên nêu ví dụ). Ở đây, ta nói về sở thích liên quan đến nghề nghiệp hay còn gọi là sở thích nghề nghiệp. Loại sở thích này khác với những sở thích về các hình thức giải trí. Ví dụ, cùng một sở thích đối với trò chơi game điện tử, nhưng có người chỉ thích chơi để giải trí, nhưng có người lại muốn làm nghề nghiệp liên quan đến trò chơi game điện tử như thiết kế phần mềm trò chơi điện tử, Kinh doanh Dịch vụ trò chơi điện tử...

Có người biết rõ sở thích của mình nhưng cũng có người không biết. LTHN chứng minh rằng, nếu con người ta được làm công việc phù hợp với sở thích nghề nghiệp của mình, họ sẽ luôn có động lực làm việc, yêu thích công việc và luôn có cảm giác thoải mái, hạnh phúc trong công việc. Có thể nói,



lòng say mê, yêu thích đối với nghề sẽ là động lực rất quan trọng để mỗi người ra sức rèn luyện, tự học, tự bồi dưỡng và vượt qua mọi khó khăn để vươn tới đỉnh cao của nghề nghiệp. Vì vậy, khi chọn nghề, yếu tố đầu tiên cần phải tính đến, đó là bản thân có **yêu thích, hứng thú** đối với nghề đó hay không.

Giáo viên nêu ví dụ về việc chọn hướng học, chọn nghề phù hợp với “**rẽ**” và chọn hướng học, chọn nghề **không theo “rẽ**” của “cây nghề nghiệp”. Giáo viên có thể nêu 2 ví dụ sau hoặc nêu ví dụ phù hợp khác:

**Ví dụ 1.** Trong những năm học phổ thông, An là một học sinh có khả năng học môn Toán nổi trội, có cá tính ngầu, hay để ý tới các chi tiết nhỏ, thích làm việc với con số hơn làm việc với con người, và thích kiểm soát tiền bạc. An tự nhận thấy mình có khả năng và rất thích làm việc trong ngành Tài chính – Ngân hàng. Vì vậy, sau khi tốt nghiệp THPT, An đã thi đỗ vào Học viện ngân hàng và theo học ở khoa Ngân hàng. Kết quả học tập của An trong những năm học Đại học luôn đứng trong top đầu của lớp. Tốt nghiệp Đại học, An được nhận ngay vào làm việc tại một Ngân hàng lớn ở tỉnh nhà. Sau một thời gian làm việc, An đã rất thành công trong công việc, được cấp trên và đồng nghiệp tin nhiệm, được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Kinh doanh, luôn được tăng lương trước thời hạn và hưởng mức tiền thưởng cao do hoàn thành công việc xuất sắc. An luôn cảm thấy thoải mái cả về vật chất và tinh thần. Đây là trường hợp chọn ngành học, chọn nghề phù hợp

\* **Ví dụ 2.** Linh là một học sinh nữ, có khả năng sáng tạo, viết lách, thích theo ngành Truyền thông và báo chí, có khả năng giao tiếp rất tốt, cá tính hướng ngoại. Nhưng sau khi tốt nghiệp THPT, Linh lại theo học trường Đại học Tài chính vì gia đình Linh có nhiều người đang công tác trong ngành tài chính, kế toán, bảo đảm cho Linh có việc làm sau ra khi ra trường. Trong khi học ở trường Đại học Tài chính, Linh luôn cảm thấy thiếu động lực, không thích học, không hứng thú với các Hoạt động trong ngành kế toán, kết

quả điểm thi không cao. Sau khi tốt nghiệp Đại học, Linh được sắp xếp làm kế toán ở một công ty, nhưng thường xuyên thấy mệt mỏi, không muốn đi làm, không tự tin trong công việc. Một thời gian sau, Linh cảm thấy rất chán và muốn đổi công việc. Đây là trường hợp chọn nghề không dựa vào “**rễ**” mà theo “**trái**” của cây nghề nghiệp, nên kết quả không được tốt.

*3.1.2. Hoạt động 2: Vận dụng lí thuyết “cây nghề nghiệp” để trình bày nhận thức của bản thân về chọn nghề và sự phù hợp nghề*

Giáo viên nêu vấn đề: Từ “lí thuyết cây nghề nghiệp” và ví dụ về việc chọn nghề theo “**rễ**”, chọn nghề không theo “**rễ**”, ai có thể suy luận để nói cho mọi người trong lớp cùng biết: **Thế nào là chọn nghề?** và **Thế nào là sự phù hợp nghề ?** Giáo viên có thể đưa ra một số gợi ý để học sinh trình bày hiểu biết, ý kiến, quan điểm của mình. Sau đó, giáo viên gọi một số học sinh nêu ý kiến của bản thân về chọn nghề và sự phù hợp nghề.

Giáo viên khái quát các ý kiến trình bày của học sinh và bổ sung một số ý chính sau:

- Chọn nghề là xác định, lựa chọn cho mình một nghề mà mình yêu thích, phù hợp với khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp của bản thân. Vì vậy, khi chọn nghề cần chú ý lựa chọn ngành học, chọn nghề có yêu cầu, đòi hỏi của nghề phù hợp với khả năng, sở thích, cá tính và giá trị nghề nghiệp của bản thân (như ví dụ chọn nghề phù hợp với “**rễ**” đã nêu ở trên). Chọn nghề phù hợp để đảm bảo cho bản thân có nhiều cơ hội nghề nghiệp và dễ dàng thành đạt, hạnh phúc trong Hoạt động nghề nghiệp;

- Sự phù hợp nghề là sự hòa hợp, sự ăn khớp, sự tương xứng giữa một bên là khả năng, sở thích, cá tính và giá trị nghề nghiệp, thể lực, sức khỏe của người chọn nghề với một bên là yêu cầu, đòi hỏi của nghề nghiệp cụ thể. Muốn biết được sự phù hợp nghề phải tìm hiểu bản thân và tìm hiểu những yêu cầu, đòi hỏi của nghề đối với người lao động, từ đó xác định sự tương xứng giữa bản thân người chọn nghề với nghề định chọn và đánh giá mức độ

phù hợp nghề.

Sự phù hợp nghề được chia thành 4 mức độ: **1/** Không phù hợp; **2/** Phù hợp một phần; **3/** Phù hợp phần lớn; và **4/** Phù hợp hoàn toàn.

Giáo viên giải thích và nêu ví dụ cho từng mức độ phù hợp nghề. Có thể nêu hoặc tham khảo một số ví dụ sau để nêu ví dụ khác:

Ví dụ 1. Không phù hợp với nghề

Nghề lái xe đòi hỏi người lái xe phải luôn tỉnh táo, minh mẫn, bình tĩnh, có khả năng xử lý nhanh các tình huống bất ngờ, nhớ đường tốt, có sức khỏe tốt, không bị mù màu. Bạn Quang rất thích nghề lái xe đường dài vì được đi đây đó. Bản thân bạn có một số khả năng và phẩm chất của nghề lái xe nhưng sức khỏe không đảm bảo, tính tình nóng nảy và bị mắc bệnh mù màu.

Đây là một trường hợp không phù hợp với nghề do tình trạng sức khỏe nằm trong khu vực chống chỉ định. Bạn Quang không nên làm nghề lái xe.

Ví dụ 2. Phù hợp một phần:

Bạn Dũng có khả năng chơi thể thao, nhanh nhẹn hoạt bát, có sức khỏe của một vận động viên, thích môn bóng đá... nhưng không say mê luyện tập và không có thiên hướng rõ ràng. Bạn Dũng có thể chọn nghề vận động viên bóng đá nhưng tương lai có trở thành cầu thủ giỏi, nổi tiếng hay không còn tùy thuộc vào sự say mê, khổ luyện của chính bạn đó.

Ví dụ 3. Phù hợp phần lớn:

Bạn Nga có khả năng học tốt các môn khoa học xã hội, nhất là môn Văn. Bạn Nga rất thích giao lưu với người xung quanh, thích giúp đỡ, huấn luyện, chăm sóc người khác và thích trở thành cô giáo dạy Văn. Nếu Nga chọn nghề dạy học và thi đỗ vào khoa Văn của trường sư phạm, khi vào nghề em dễ dàng trở thành giáo viên dạy giỏi.

Ví dụ 4. Phù hợp hoàn toàn:

Những người có sở thích, khả năng, các tính và giá trị nghề nghiệp phù

hợp với nghề đã chọn, đặc biệt là có năng khiếu (khả năng thiên bẩm) trong nghề đó như văn học, hội họa, ca hát, âm nhạc... sẽ dễ dàng đạt được đỉnh cao trong nghề nghiệp như họa sĩ Bùi Xuân Phái, ca sĩ Tùng Dương, Mỹ Tâm, nhạc sĩ Văn Cao, nghệ sĩ Piano Đặng Thái Sơn,...

**Tóm lại:** Xác định cơ sở khoa học của sự phù hợp nghề là xác định sự tương xứng giữa một bên là sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp của bản thân với một bên là đòi hỏi, yêu cầu của nghề. Sự phù hợp nghề được biểu hiện ở kết quả công việc, giá trị nghề nghiệp và sự thỏa mãn do lao động nghề nghiệp đem lại cho mỗi người. Người nào làm việc luôn đạt kết quả cao mà không mất quá nhiều công sức, luôn khẳng định được năng lực của mình trong công việc, luôn có niềm vui và hạnh phúc do Hoạt động nghề nghiệp đem lại chứng tỏ người đó đã chọn được nghề phù hợp. Nói cách khác, sự phù hợp nghề của người đó đạt ở mức cao.

### **3.2. Tìm hiểu bản thân**

*3.2.1. Hoạt động 1: Nhắc lại vấn đề căn bản của lí thuyết Mật mã Holland*

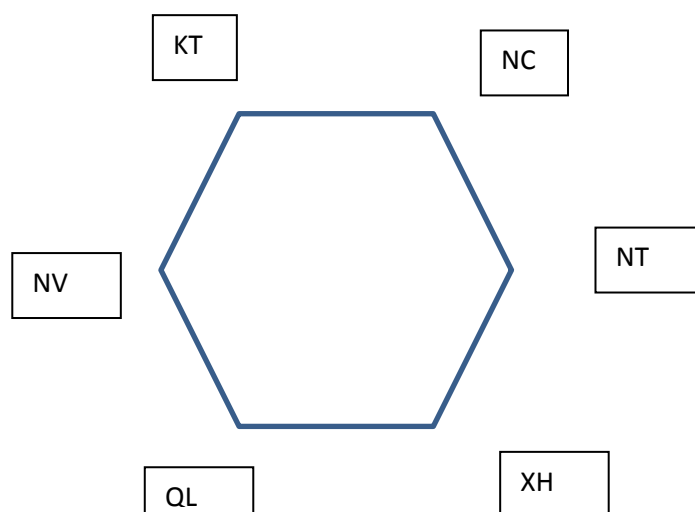
*Để học sinh trình bày, chia sẻ với người xung quanh về sở thích và khả năng của bản thân, Giáo viên giới thiệu, Lí thuyết Mật mã Holland (Holland codes) được phát triển bởi nhà tâm lí học John Holland (1919-2008). Ông là người nổi tiếng và được biết đến rộng rãi nhất qua nghiên cứu “lí thuyết lựa chọn nghề nghiệp”[35]. Ông đưa ra một số luận điểm rất có giá trị trong hướng nghiệp, trong đó có luận điểm cơ bản là:*

*- Nếu một người chọn được công việc phù hợp với tính cách của họ, thì họ sẽ dễ dàng phát triển và thành công trong nghề nghiệp. Nói cách khác, những người làm việc trong môi trường tương tự như tính cách của mình, hầu hết sẽ thành công và hài lòng với công việc;*

*- Hầu như ai cũng có thể được xếp vào một trong sáu kiểu tính cách và có sáu môi trường Hoạt động tương ứng với 6 kiểu tính cách, đó là: Nhóm kĩ*

thuật (KT); Nhóm nghiên cứu (NC); Nhóm nghệ thuật (NT); Nhóm xã hội (XH); Nhóm quản lý (QL); Nhóm nghiệp vụ (NV).

### **MÔ HÌNH LỤC GIÁC HOLLAND**



*Tuy nhiên, trong thực tế, tính cách của nhiều người không bó gọn trong một nhóm tính cách mà thường là sự kết hợp của 2 nhóm tính cách, có khi còn nhiều hơn, ví dụ: Nghiên cứu – Kỹ thuật, Nghệ thuật – Xã hội. Do đó, khi tìm hiểu bản thân có thể phải xem xét ở nhiều hơn một nhóm tính cách.*

**Lưu ý:** Học sinh vùng cao có thể giáo viên không cần nói kỹ về Hoạt động này hoặc giao học sinh đọc thêm.

#### **3.2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu khả năng, sở thích của bản thân**

Trắc nghiệm sở thích, trắc nghiệm này được xây dựng dựa trên lý thuyết mật mã Holland. Giáo viên cần tổ chức cho học sinh tiếp tục tìm hiểu sâu hơn về sở thích và khả năng của bản thân theo lý thuyết này.

Giáo viên trình chiếu hoặc treo 6 bảng về sáu nhóm tính cách theo lý thuyết mật mã Holland và hướng dẫn học sinh đọc qua một lượt các nội dung trong từng bảng.

Sau đó, giáo viên trình chiếu hoặc treo Mô hình lục giác Holland và yêu cầu học sinh quan sát và vẽ mô hình này vào vở.

Giáo viên chọn mẫu trắc nghiệm **MẪU 1** hoặc **MẪU 2** cho học sinh

thực hiện tại chỗ, Mẫu còn lại cho học sinh tự làm ở nhà.

**\*MẪU 1: TRẮC NGHIỆM SỞ THÍCH CỦA HỌC SINH<sup>[35]</sup>**

*Giáo viên Chuẩn bị*

- In Mẫu 1 mỗi học sinh một phiếu.
- Sử dụng 6 bảng phụ ghi liệt kê các ngành nghề theo 6 nhóm hoặc dùng máy chiếu để giới thiệu.

*Giáo viên Thực hiện:* Phát mẫu phiếu trắc nghiệm cho học sinh. Yêu cầu học sinh đánh dấu X vào ô vuông trước mỗi câu mà bạn thấy phù hợp với mình, chú ý hướng dẫn học sinh: Đừng suy nghĩ quá nhiều khi lựa chọn câu trả lời. Mỗi ô được đánh dấu sẽ tính là 1 điểm, không phải điểm cao là làm giỏi mà phải chọn theo đúng suy nghĩ của bản thân. Thời gian hoàn thành: 20 phút.

<input type="checkbox"/>	Tôi tự thấy mình là người khá thể thao	Cộng số điểm ở các ô được đánh dấu X và viết tổng số điểm bên dưới
<input type="checkbox"/>	Tôi là người yêu thích thiên nhiên	
<input type="checkbox"/>	Tôi là người hay tò mò về thế giới xung quanh (thiên nhiên, không gian, những sinh vật sống)	
<input type="checkbox"/>	Tôi là người độc lập	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích sửa chữa đồ vật, vật dụng xung quanh tôi	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích làm việc có sử dụng tay chân (làm vườn, sửa chữa nhà cửa)	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích tập thể dục	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích dành dụm tiền	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích làm việc cho đến khi công việc hoàn thành (không thích bỏ dở công việc)	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích làm việc một mình	Nhóm Kỹ thuật
<input type="checkbox"/>	Tôi là người rất hay để ý tới chi tiết và cẩn thận	Cộng số điểm ở các ô được đánh dấu X
<input type="checkbox"/>	Tôi tò mò về mọi thứ	

<input type="checkbox"/>	Tôi có thể tính những bài toán phức tạp	và viết tổng số điểm bên dưới
<input type="checkbox"/>	Tôi thích giải các bài tập toán	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích sử dụng máy tính	
<input type="checkbox"/>	Tôi rất thích đọc sách	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích sưu tập (đá, tem, tiền đồng,...)	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích trò chơi ô chữ	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích học các môn khoa học	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích những thách thức	
<input type="checkbox"/>	Tôi rất sáng tạo	Cộng số điểm ở các ô được đánh dấu X và viết tổng số điểm bên dưới
<input type="checkbox"/>	Tôi thích vẽ, tô màu và sơn	
<input type="checkbox"/>	Tôi có thể chơi một nhạc cụ	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích tự thiết kế quần áo cho mình hoặc may những thời trang lạ và thú vị	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích đọc truyện viễn tưởng, kịch và thơ ca	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích mỹ thuật và thủ công	
<input type="checkbox"/>	Tôi xem rất nhiều phim	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích chụp hình mọi thứ	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích học một ngoại ngữ	.....
<input type="checkbox"/>	Tôi thích hát, đóng kịch và khiêu vũ	
<input type="checkbox"/>	Tôi rất thân thiện	Cộng số điểm ở các ô được đánh dấu X và viết tổng số điểm bên dưới
<input type="checkbox"/>	Tôi thích chỉ dẫn hoặc dạy người khác	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích nói chuyện trước đám đông	
<input type="checkbox"/>	Tôi làm việc rất tốt trong nhóm	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích điều hành các cuộc thảo luận	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích giúp đỡ những người gặp khó khăn	
		Nhóm Xã hội

<input type="checkbox"/>	Tôi chơi các môn thể thao có tính đồng đội	.....
<input type="checkbox"/>	Tôi thích đi dự tiệc	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích làm quen với bạn mới	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích làm việc với các nhóm Hoạt động xã hội tại trường học, nhà thờ, chùa, phường, xóm hay cộng đồng	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích học hỏi về tài chính (tiền bạc)	Cộng số điểm ở các ô được đánh dấu X và viết tổng số điểm bên dưới
<input type="checkbox"/>	Tôi thích bán các sản phẩm (kẹo, bút viết,...)	
<input type="checkbox"/>	Tôi nghĩ mình thuộc dạng nổi tiếng ở trường	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích lãnh đạo nhóm và các cuộc thảo luận	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích được bầu vào các vị trí quan trọng trong nhóm hoặc câu lạc bộ trong và ngoài nhà trường	Nhóm Quản lý
<input type="checkbox"/>	Tôi thích có quyền và thích ở vị trí lãnh đạo	
<input type="checkbox"/>	Tôi muốn sở hữu một doanh nghiệp nhỏ	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích tiết kiệm tiền	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích làm việc cho đến khi công việc hoàn tất	.....
<input type="checkbox"/>	Tôi thích mạo hiểm và tham gia các cuộc phiêu lưu mới	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích gọn gàng và ngăn nắp	Cộng số điểm ở các ô được đánh dấu X và viết tổng số điểm bên dưới
<input type="checkbox"/>	Tôi thích phòng của tôi thường xuyên gọn gàng và ngăn nắp	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích sưu tầm các bài báo về các sự kiện nổi tiếng	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích lập những danh sách các việc cần làm	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích sử dụng máy tính	Nhóm Nghiệp vụ



<input type="checkbox"/>	Tôi rất thực tế và cân nhắc mọi chi phí trước khi mua một thứ gì đó	.....
<input type="checkbox"/>	Tôi thích đánh máy bài tập của trường lớp hơn là viết tay	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích đảm nhận công việc thư ký trong một câu lạc bộ hay nhóm	
<input type="checkbox"/>	Khi làm toán, tôi hay kiểm tra lại bài làm nhiều lần	
<input type="checkbox"/>	Tôi thích viết thư	

Giáo viên: Từ kết quả thực hiện yêu cầu học sinh viết số điểm của ba nhóm cao nhất xuống dưới đây. Nếu có hai hay ba phần bằng nhau thì cũng không sao. Đây là kết quả sở thích của bạn. Hãy dùng kết quả trắc nghiệm sở thích của bạn để tìm hiểu bạn có tính cách gì và một số công việc phù hợp bạn nhất.

Nhóm sở thích của bạn:

-----

-----

-----

Tổng số cao nhất

Tổng số cao thứ hai

Tổng số cao thứ ba

*Giáo viên nêu đặc điểm cho từng nhóm, treo hoặc chiếu danh sách các nghề cho học sinh căn cứ vào nhóm có điểm cao nhất để chọn, xác định nghề rồi ghi một số nghề vào vở để tìm hiểu ở các quá trình sau.*

**Nhóm Kỹ thuật là những người có tính thực tế:** Những ai có khả năng như một vận động viên thể thao hoặc có khả năng như một thợ máy, thích làm với những vật cụ thể, máy móc, dụng cụ, cây cối, con vật hoặc các Hoạt động ngoài trời. **Hãy chọn những nghề mà bạn thấy thích** trong các nghề nghiệp nêu dưới đây:

**Nghề nghiệp (phù hợp với sở thích):** Vận hành máy, cơ khí ứng dụng, bảo trì và sửa chữa ô tô, thiết bị điện, lắp đặt điện, bảo hành, sửa chữa điện – điện tử, tin học, xây dựng, trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng, nuôi trồng thủy

sản, mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, nấu ăn, làm vườn và chăm sóc cây xanh, cắt may, thêu, đan, móc, kỹ thuật phòng lab, lái xe, lái tàu, công nghệ thông tin,... y tá điều dưỡng,... Kỹ sư ô tô, kỹ sư chế tạo máy, kỹ sư ngành tự động hóa, kỹ sư nông, lâm, ngư nghiệp, kỹ sư thiết kế cảnh quan đo thị, công trình công cộng, kỹ sư công nghệ may, kỹ sư công nghệ thông tin. Bác sĩ...

**Nơi đào tạo:** Các công việc Hoạt động thuộc nhóm kỹ thuật có từ công nhân bậc 2/7, 3/7, công nhân kỹ thuật trình độ trung cấp... được đào tạo tại các cơ sở dạy nghề, các trường trung cấp, cao đẳng, Trung tâm KTTH-HNDN tại địa phương, đối với trình độ kỹ sư, bác sĩ thì các công việc này được đào tạo tại các trường đại học trên toàn quốc.

**Nhóm Nghiên cứu là những người thích tìm tòi, khám phá, điều tra:**

Những ai thích quan sát, tìm tòi, khám phá, học hỏi, điều tra, phân tích, đánh giá hoặc giải quyết vấn đề. **Hãy chọn những nghề mà bạn thấy thích** trong các nghề nghiệp nêu dưới đây:

**Nghề nghiệp (phù hợp với sở thích):** Lập trình viên, kỹ thuật viên y tế, kỹ thuật viên phòng thí nghiệm, chăn nuôi, thú y, kỹ thuật viên phục hồi răng, chuyên viên nghiên cứu thị trường, chuyên viên nghiên cứu các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội,... Nhà sinh vật học, Nha sĩ/Dược sĩ, Kỹ sư phần mềm, Nhà khảo cổ học, Nhà hóa học/vật lý học/địa lý học/nhà nghiên cứu (địa chất, lịch sử, dân tộc học,...), bác sĩ, giảng viên đại học, thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội...

**Nơi đào tạo:** Các nghề trên được đào tạo tại các cơ sở dạy nghề, các trường trung cấp cao đẳng, các trung tâm KTTH HN tại địa phương, các ngành nghề này cũng được đào tạo trực tiếp tại đơn vị tuyển dụng sau một thời gian thực hành và làm việc trực tiếp tại đơn vị đó hoặc đào tạo tại các trường đại học và các học viện trên toàn quốc.

**Nhóm Nghệ thuật là những người có sở thích thẩm mỹ, sáng tạo:**

Những ai có khả năng nghệ thuật, sáng tác, trực giác và thích làm việc trong

các tình huống không có kế hoạch trước như dùng trí tưởng tượng và sáng tạo. **Hãy chọn những nghề mà bạn thấy thích** trong các nghề nghiệp nêu dưới đây:

**Nghề nghiệp (phù hợp với sở thích):** Thiết kế đồ họa, phóng viên, thợ chụp ảnh, ca sĩ, diễn viên (điện ảnh, kịch, chèo, cải lương, tuồng,...) thợ thủ công mỹ nghệ (chạm khắc gỗ, thêu tranh, làm đồ gốm sứ, chạm bạc, ...), nhà báo, bình luận viên, dẫn chương trình, người mẫu, nghệ sĩ biểu diễn nhạc cụ, nhà thơ, đạo diễn, chuyên viên trang điểm, thiết kế thời trang, chăm sóc cây cảnh, cắm hoa, tỉa rau củ quả, làm hoa,... Giám đốc quảng cáo, Kỹ sư thiết kế đồ họa, Kiến trúc sư, Giáo viên dạy kịch, Nhà văn, Họa sĩ, Nhạc sĩ, Kỹ sư thiết kế mẫu, Giảng viên văn học...

**Nơi đào tạo:** Các ngành nghề trên được đào tạo tại các cơ sở dạy nghề, các trường trung cấp, cao đẳng, Trung tâm KTTHHNDN, Hội liên hiệp phụ nữ, nhà văn hóa của địa phương và tại các trường đại học và các học viện trên toàn quốc.

**Nhóm Xã hội là những người thích Hoạt động xã hội:** Những ai thích làm việc cung cấp hoặc làm sáng tỏ thông tin, thích giúp đỡ, huấn luyện, chữa trị, hoặc chăm sóc sức khỏe cho người khác; có khả năng về ngôn ngữ. **Hãy chọn những nghề mà bạn thấy thích** trong các nghề nghiệp nêu dưới đây:

**Nghề nghiệp (phù hợp với sở thích):** Nhà Hoạt động xã hội, y tá cộng đồng, dược tá, nhân viên các công ty du lịch, hướng dẫn viên du lịch, huấn luyện viên, tư vấn hướng nghiệp, dịch vụ khách hàng, cán bộ xã hội, cán bộ Hội phụ nữ, nhân viên khách sạn, nhân viên bảo hiểm,... Giáo viên các cấp, tư vấn viên, bác sĩ, dược sĩ, luật sư, bác sĩ khoa tâm thần, thần kinh, chuyên gia tâm lý, chuyên gia tư vấn học đường, chuyên gia tư vấn bất động sản,....

**Nơi đào tạo:** Các nghề trên được đào tạo tại các cơ sở dạy nghề, các trường trung cấp, cao đẳng, Trung tâm KTTH-HNDN, Trung tâm đào tạo

nghề của Hội liên hiệp phụ nữ, thanh niên, nhà văn hóa của địa phương và tại các trường đại học và các học viên trên toàn quốc.

***Nhóm Quản lý là những người có sở thích Kinh doanh, lãnh đạo, thuyết phục người khác:*** Những ai thích làm việc với những người khác, có khả năng tác động, thuyết phục, thể hiện, lãnh đạo hoặc quản lý các mục tiêu của tổ chức, các lợi ích kinh tế. **Hãy chọn những nghề mà bạn thấy thích** trong các nghề nghiệp nêu dưới đây:

***Nghề nghiệp (phù hợp với sở thích):*** Công an, quân đội, quản trị Kinh doanh, kỹ thuật hệ thống thông tin, quản trị mạng, chủ doanh nghiệp, chủ đại lý Kinh doanh, chuyên viên PR, quản lý khách sạn, bếp trưởng khách sạn cao cấp, kế toán,.... Quản lý khách sạn, Giám đốc tín dụng, Giám đốc ngân hàng, Sĩ quan công an, Sĩ quan quân đội, Chánh án, Kiểm sát nhân dân, Quản lý giáo dục các cấp, Kế toán trưởng.

***Nơi đào tạo:*** Các nghề trên được đào tạo tại các cơ sở dạy nghề, các trường trung cấp, cao đẳng, các trường đại học và các học viên trên toàn quốc.

***Nhóm Nghiệp vụ là những người thích nguyên tắc, làm việc với con số, báo cáo hoặc làm việc với máy móc được sắp đặt trật tự:*** Những ai thích làm việc với dữ liệu, con số; có khả năng làm việc văn phòng, thống kê; thực hiện các công việc đòi hỏi chi tiết, tỉ mỉ, cẩn thận hoặc làm theo hướng dẫn của người khác. **Hãy chọn những nghề mà bạn thấy thích** trong các nghề nghiệp nêu dưới đây:

***Nghề nghiệp (phù hợp với sở thích):*** Kế toán, thanh tra các ban ngành, thủ thư, thư ký, nhân viên lưu trữ, nhân viên văn phòng, chuyên viên thuế, thủ quỹ, kế toán viên, tiếp tân, bưu điện, nhân viên ngân hàng, ... Cử nhân các ngành ngân hàng, tài chính, hành chính tổng hợp, tổ chức cán bộ, giáo viên, kiểm toán viên, nghiên cứu viên, luật sư, công an hình sự,....

**Nơi đào tạo:** Các nghề trên được đào tạo tại các cơ sở dạy nghề, các trường trung cấp, cao đẳng và tại các trường đại học và các học viên trên toàn quốc.

## **\*MẪU 2**

### **TRẮC NGHIỆM SỞ THÍCH NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH[32]**

*Giáo viên Chuẩn bị:*

- In Mẫu 2 mỗi học sinh một phiếu.
- Sử dụng 6 bảng phụ ghi liệt kê các ngành nghề theo 6 nhóm hoặc dùng máy chiếu để giới thiệu.

*Giáo viên Thực hiện:* Phát mẫu phiếu trắc nghiệm cho học sinh, chú ý hướng dẫn học sinh:

**Bước 1:** Bạn hãy lần lượt trả lời 6 phiếu A, B, C, D, E, F bên dưới theo từng mục tự khám phá (1 đến 9), đánh dấu vào mức độ 0, 1, 2, 3, 4, 5 (mức 0: không có gì = 0 điểm, mức 1: rất thấp = 1 điểm, mức 2: thấp = 2 điểm, mức 3: vừa = 3 điểm, mức 4: cao = 4 điểm, mức 5: rất cao = 5 điểm). Sau đó, bạn tính tổng điểm của mỗi phiếu.

Hãy cân nhắc thật kỹ và trả lời trung thực từng câu hỏi bằng cách chọn một câu trả lời duy nhất mô tả đúng nhất về bạn. Hãy trả lời như chính con người thật của bạn chứ đừng bao giờ chọn câu trả lời vì bạn muốn mình phải như vậy.

Chính việc trả lời trung thực sẽ đem lại kết quả chính xác, giúp bạn tìm ra đúng thiên hướng sở thích, nghề nghiệp của mình, từ đó chọn được nghề phù hợp nhất.

<b>PHIẾU A</b> <b>(R, Realistic, Thực tế)</b>	<b>MỨC ĐỘ</b> <b>ĐÚNG VỚI</b> <b>TÔI</b> <b>(Điểm)</b>
1. Có tính tự lập	
2. Có đầu óc suy nghĩ thực tế	
3. Dễ thích nghi với môi trường mới	
4. Có khả năng điều khiển các máy móc, thiết bị	
5. Làm tốt các công việc thủ công như gấp giấy, cắt, dán, đan, móc	
6. Thích tiếp xúc với thiên nhiên, động - thực vật	
7. Thích làm công việc mang tính thực hành, tay chân	
8. Thích làm những công việc mang lại kết quả thực tế	
9. Thích làm việc ngoài trời hơn là trong văn phòng	
<b>Tổng điểm</b>	

<b>PHIẾU B</b> <b>(I, Investigate, Nghiên cứu)</b>	<b>MỨC ĐỘ</b> <b>ĐÚNG VỚI</b> <b>TÔI</b> <b>(Điểm)</b>
1. Thích tìm hiểu, khám phá những vấn đề mới	
2. Có khả năng phân tích vấn đề	
3. Có tư duy logic, suy nghĩ mạch lạc, chặt chẽ	

<b>PHIẾU B</b> <b>(I, Investigate, Nghiên cứu)</b>	<b>MỨC ĐỘ</b> <b>ĐÚNG VỚI</b> <b>TÔI</b> (Điểm)
4. Thích quan sát, nghiên cứu	
5. Có khả năng tổng hợp, khái quát, suy đoán	
6. Thích Hoạt động điều tra, phân loại, kiểm tra, đánh giá	
7. Biết tự tổ chức, sắp xếp công việc	
8. Thích thử thách, khó khăn	
9. Có khả năng giải quyết vấn đề	
<b>Tổng điểm</b>	

<b>PHIẾU C</b> <b>(A, Artistic, nghệ sĩ, nghệ thuật, thẩm mỹ)</b>	<b>MỨC ĐỘ</b> <b>ĐÚNG VỚI</b> <b>TÔI</b> (Điểm)
1. Dễ xúc động	
2. Giàu trí tưởng tượng	
3. Thích tự do, không theo khuôn mẫu	
4. Giỏi thuyết trình, diễn xuất	
5. Thích chụp ảnh, vẽ, trang trí, điêu khắc	
6. Có năng khiếu âm nhạc	

7. Có khả năng viết, trình bày ý tưởng	
8. Thích sự mới mẻ, những công việc sáng tạo	
9. Thoải mái biểu lộ những ý thích riêng	
<b>Tổng điểm</b>	

<b>PHIẾU D</b> <b>(S, Social, tính xã hội)</b>	<b>MỨC ĐỘ</b> <b>ĐÚNG VỚI</b> <b>TÔI</b> <b>(Điểm)</b>
1. Thân thiện, hay giúp đỡ người khác	
2. Thích gặp gỡ, làm việc với nhiều người	
3. Lịch thiệp, tử tế	
4. Thích khuyên bảo, giảng giải cho người khác	
5. Biết lắng nghe, chia sẻ	
6. Thích các công việc chăm sóc sức khỏe	
7. Thích Hoạt động công tác xã hội, phục vụ cộng đồng	
8. Mong muốn được đóng góp để xã hội tốt đẹp hơn	
9. Có khả năng hòa giải, giải quyết mâu thuẫn	
<b>Tổng điểm</b>	



<b>PHIẾU E</b> <b>(E, Enterprise, Kinh doanh, dám nghĩ dám làm)</b>	<b>MỨC ĐỘ</b> <b>ĐÚNG VỚI</b> <b>TÔI</b> <b>(Điểm)</b>
1. Thích phiêu lưu	
2. Có tính quyết đoán	
3. Năng động	
4. Có khả năng diễn đạt, tranh luận, thuyết phục	
5. Thích làm quản lý, chỉ đạo, nhận xét, đánh giá	
6. Thường đặt ra mục tiêu, kế hoạch trong cuộc sống	
7. Thích tạo ảnh hưởng đối với người khác	
8. Thích cạnh tranh để vượt qua người khác	
9. Muốn được mọi người kính trọng, vị nể	
<b>Tổng điểm</b>	

<b>PHIẾU F</b> <b>(C, Conventional, công chức)</b>	<b>MỨC ĐỘ</b> <b>ĐÚNG VỚI</b> <b>TÔI</b> <b>(Điểm)</b>
1. Có đầu óc tổ chức, sắp xếp, ngăn nắp	
2. Cẩn thận, tỉ mỉ	
3. Chu đáo, chính xác, đáng tin cậy	

4. Có khả năng tính toán, so sánh, ghi chép số liệu	
5. Thích công việc lưu trữ, phân loại, cập nhật thông tin	
6. Thường dự kiến về chi tiêu, ngân sách	
7. Thích làm việc có nhiệm vụ, mục tiêu rõ ràng	
8. Có khả năng lên kế hoạch, điều phối công việc	
9. Thích làm việc với con số, theo hướng dẫn, quy trình	
<b>Tổng điểm</b>	

**Bước 2:** Kiểm tra xem phiếu nào có tổng điểm cao nhất trong 6 phiếu thì tính cách, sở thích của bạn phù hợp với nhóm nghề nghiệp trong lĩnh vực đó nhất. Sau khi học sinh đã hoàn thành việc cho điểm của tất cả các phiếu, yêu cầu học sinh chọn ra phiếu có số điểm cao nhất giữ lại (có thể có 2 hoặc 3 phiếu có điểm cao bằng nhau và cao hơn các phiếu còn lại) bỏ các phiếu có điểm thấp hơn đi.

Giáo viên phát cho mỗi học sinh một phiếu gợi ý đáp án sau đây và yêu cầu học sinh đối chiếu với phiếu đang có trong tay để chọn ra một số nghề em thích, ghi lại vào vở để tìm hiểu tiếp trong các phần tiếp theo.

Phiếu gợi ý đáp án

Phiếu	Sở thích/Kỹ năng	Ngành nghề phù hợp
<b>PHIẾU A</b> R - Realistic Người thực tế	Có khả năng về kỹ thuật, công nghệ, hệ thống; muốn làm việc với đồ vật, máy móc, động, thực vật; thích làm các công việc ngoài trời.	Các ngành về kỹ thuật; nông nghiệp, Thủy lợi, lâm nghiệp; dầu khí; giao thông vận tải; quản lý đất đai, môi trường; điều khiển máy móc thiết bị;...

<b>Phiếu</b>	<b>Sở thích/Kỹ năng</b>	<b>Ngành nghề phù hợp</b>
<b>PHIẾU B</b> <b>I -</b> Investigative Người nghiên cứu	Có khả năng về quan sát, khám phá, phân tích đánh giá và giải quyết các vấn đề.	Các ngành về khoa học tự nhiên; khoa học xã hội; y - dược; toán học; thống kê; khảo cổ; công nghệ thông tin; kinh tế học;...
<b>PHIẾU C</b> <b>A - Artistic</b> Người nghệ thuật	Có khả năng về nghệ thuật, trực giác, khả năng tưởng tượng cao, thích làm việc trong môi trường có tính ngẫu hứng, không khuôn mẫu.	Các ngành về văn chương; báo chí; điện ảnh; sân khấu; mỹ thuật; ca nhạc; múa; kiến trúc; thời trang; hội họa;...
<b>PHIẾU D</b> <b>S - Social</b> Người xã hội	Có khả năng về ngôn ngữ, giảng giải, thích làm việc với con người, thích trợ giúp, đào tạo.	Các ngành về sư phạm; huấn luyện viên; tư vấn viên; Hoạt động xã hội;...
<b>PHIẾU E</b> <b>E -</b> Enterprise Người Kinh doanh	Có khả năng về Kinh doanh, mạnh bạo, dám nghĩ dám làm, có thể gây ảnh hưởng, thuyết phục người khác; có khả năng quản lý.	Các ngành về quản trị Kinh doanh; thương mại; marketing; Dịch vụ khách hàng, báo chí; luật;...
<b>PHIẾU F</b> <b>C -</b> Conventional Người quy củ	Có khả năng về số học, thích thực hiện những công việc chi tiết, làm việc với dữ liệu hoặc thích làm theo chỉ dẫn của người khác, làm các công việc văn phòng.	Các ngành về hành chính, quản trị văn phòng; kế toán, kiểm toán; thư ký;...

Thông qua bài trắc nghiệm này, bạn hãy chọn một ngành học tương ứng với nhóm tính cách, sở thích của bản thân để dễ dàng thành công và hài lòng trong công việc tương lai.

Tiếp theo, giáo viên và hướng dẫn và tổ chức cho học sinh thực hiện 2 nhiệm vụ trong phiếu học tập trong thời gian 18 - 20 phút. Tùy theo tính cách và trình độ nhận thức của học sinh trong lớp, giáo viên có thể tổ chức cho học sinh thực hiện 2 nhiệm vụ trên theo một trong ba cách hoặc kết hợp cả ba cách sau:

**Cách 1:** Giáo viên đính 6 tờ giấy, mỗi tờ giấy có ghi đầy đủ các thông tin của 1 nhóm tính cách lên 6 vị trí trên tường quanh lớp học. Sau đó, yêu cầu tất cả học sinh đến từng vị trí đã dán các tờ giấy ghi sẵn các nội dung, đọc tất cả các nội dung ghi trên sáu tờ giấy, và dừng lại ở vị trí dán tờ giấy ghi nội dung của nhóm tính cách phù hợp với bản thân mình. Những học sinh cùng nhóm tính cách có thể thảo luận cặp đôi các câu hỏi trong **phiếu học tập**;

*Phiếu học tập 1. Tìm hiểu và xác định sở thích của bản thân*

- Chọn nhóm nào mà thấy phù hợp với sở thích của mình nhất và ghi số 1 vào cạnh chữ cái trong sơ đồ mật mã hình lục giác Holland;
- Tiếp theo, hãy chọn nhóm nào mà thấy phù hợp với sở thích của mình thứ nhì và ghi số 2 vào cạnh chữ cái trong sơ đồ mật mã Holland;
- Cuối cùng, hãy chọn nhóm nào mà thấy phù hợp với sở thích của mình thứ ba và ghi số 3 vào vào cạnh chữ cái trong sơ đồ mật mã Holland.

*Phiếu học tập 2. Tìm hiểu và xác định khả năng của bản thân*

- Nhìn vào nhóm phù hợp với sở thích của em nhất, hãy suy nghĩ xem em có những khả năng nào (trong các môn văn hóa cũng như những Hoạt động ngoại khóa) thích hợp với các công việc trong nhóm này? Ghi lại những khả năng đó vào bên cạnh số 1;

- Nhìn vào nhóm phù hợp với sở thích của em thứ nhì, hãy suy nghĩ xem em có những khả năng nào (trong các môn văn hóa cũng như những Hoạt động ngoại khóa) thích hợp với các công việc trong nhóm này? Ghi lại những khả năng đó vào bên cạnh số 2;

- Nhìn vào nhóm phù hợp với sở thích của em thứ ba, suy nghĩ xem em có những khả năng nào (trong các môn văn hóa cũng như những Hoạt động ngoại khóa) thích hợp với các công việc trong nhóm này? Ghi lại những khả năng đó vào bên cạnh số 3.

**Cách 2:** Tổ chức cho học sinh thực hiện hai nhiệm vụ trong **phiếu học tập trên** theo hình thức thảo luận nhóm 4 người.

**Cách 3:** Tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân, ghi ra giấy kết quả tìm hiểu sở thích và khả năng của bản thân.

Sau khi đã thảo luận và làm việc cá nhân xong, giáo viên gọi một số học sinh trình bày lại kết quả tìm hiểu sở thích nghề nghiệp và khả năng của bản thân. Sau mỗi phần trình bày của học sinh, giáo viên có thể yêu cầu học sinh nêu tên 1 – 2 nghề hoặc công việc mà học sinh muốn chọn (có thể nêu tên nghề đã giới thiệu sẵn trong bảng - nếu phù hợp) và giải thích lí do vì sao chọn nghề hoặc công việc đó.

Giáo viên có thể hỏi thêm: Tại tỉnh Lào Cai hoặc huyện mình em còn biết có thêm nghề gì nữa ? Cho học sinh thảo luận phát biểu để học sinh quan tâm tìm hiểu về nghề nghiệp trên địa bàn.

**Tóm lại:** Mỗi người trong chúng ta có những sở thích nghề nghiệp và khả năng khác nhau. Khi chọn nghề, chúng ta cần căn cứ vào sở thích và khả năng của chính mình để chọn nghề phù hợp, tránh tình trạng chọn nghề theo trào lưu chung hoặc chọn nghề theo số đông các bạn chọn.

**\*MẪU 3**

**TRẮC NGHIỆM VỀ SỞ THÍCH NGHỀ NGHIỆP  
CỦA HỌC SINH<sup>[35]</sup>**

*Giáo viên Chuẩn bị:*

- In Mẫu 3 mỗi học sinh một phiếu.

*Giáo viên Thực hiện:* Phát mẫu phiếu trắc nghiệm cho học sinh, chú ý hướng dẫn học sinh:

Hãy tự chọn một nghề mà em yêu thích nhất trong mỗi bảng liệt kê các Hoạt động có liên quan đến nghề nghiệp dưới đây. Dù có nhiều phân vân nhưng em bắt buộc phải chọn một Hoạt động nghề nghiệp duy nhất trong mỗi bảng liệt kê dưới đây và khoanh vào chữ cái đứng đầu câu nghề mà em yêu thích:

**Bảng 1**

- a. Giảng dạy bậc trung học
- b. Lãnh đạo xí nghiệp, công nghiệp
- c. Nghiên cứu khoa học
- d. Họa sĩ
- e. Thủ công mỹ nghệ
- f. Kế toán trưởng

**Bảng 2**

- a. Cứu trợ xã hội
- b. Tổ chức nhân sự
- c. Thám tử, trinh sát
- d. Nhà văn, nhà báo
- e. Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
- f. Thư ký văn phòng

**Bảng 14**

- a. Hiệu trưởng trường lao động và bảo trợ xã hội
- b. Chuyên viên trang điểm
- c. Giáo viên khoa học tự nhiên
- d. Kỹ thuật viên phần mềm vi tính
- e. Người huấn luyện võ thuật
- f. Người phỏng vấn để cho vay

**Bảng 15**

- a. Chuyên viên tư vấn nghề nghiệp
- b. Tiếp viên hàng không
- c. Nhà toán học
- d. Người giới thiệu đĩa hát

<p><b>Bảng 3</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Giáo viên trường khuyết tật</li> <li>b. Giám đốc nhà máy chế biến thực phẩm</li> <li>c. Nhà động vật học</li> <li>d. Biên tập viên</li> <li>e. Kỹ sư nông nghiệp</li> <li>f. Nhân viên thuế vụ</li> </ul> <p><b>Bảng 4</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Nhà tư vấn giáo dục tâm lý</li> <li>b. Thanh tra hải quan</li> <li>c. Nhà sinh học</li> <li>d. Người viết quảng cáo</li> <li>e. Chăn nuôi động vật</li> <li>f. Chuyên viên kiểm toán</li> </ul> <p><b>Bảng 5</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Huấn luyện viên thể thao</li> <li>b. Thẩm phán</li> <li>c. Chuyên viên tâm lý khách hàng</li> <li>d. Đạo diễn phim</li> <li>e. Đầu bếp nhà hàng</li> <li>f. Nhân viên khách sạn</li> </ul> <p><b>Bảng 6</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>e. Chuyên viên sửa chữa cao ốc</li> <li>f. Cán bộ tuyên truyền thông tin văn hoá</li> </ul> <p><b>Bảng 16</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Trưởng đoàn cứu trợ bão lụt</li> <li>b. Trọng tài kinh tế</li> <li>c. Bác sĩ đa khoa</li> <li>d. Kỹ thuật viên đồ hoạ</li> <li>e. Phi công vũ rụ</li> <li>f. Nhân viên kiểm tra và thu tiền bảo hiểm</li> </ul> <p><b>Bảng 17</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Chuyên viên hướng dẫn vật lý trị liệu</li> <li>b. Chủ vừa thu mua nông sản</li> <li>c. Chuyên viên cao cấp kỹ thuật phẫu thuật</li> <li>d. Chuyên viên lưu trữ</li> <li>e. Kỹ thuật viên đồ họa</li> <li>f. Thư ký hành chính công ty dầu khí</li> </ul> <p><b>Bảng 18</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Chuyên gia dinh dưỡng</li> <li>b. Tổ trưởng tổ pha chế rượu nhà hàng</li> </ul>
--	---

- a. Cán bộ Đoàn, Đội
- b. Nhà thiên văn
- c. Môi giới nhà đất
- d. Giảng viên âm nhạc
- e. Kỹ sư kiểm phẩm KCS
- f. Thủ quỹ ngân hàng

### **Bảng 7**

- a. Cán sự xã hội
- b. Chuyên viên phòng thí nghiệm
- c. Đại lý du lịch
- d. Biên tập viên truyền hình
- e. Giám đốc kỹ thuật nhà máy
- f. Thư ký tổng hợp

### **Bảng 8**

- a. Chuyên viên vật lý trị liệu
- b. Dược sĩ
- c. Luật sư bào chữa
- d. Diễn viên sân khấu hài
- e. Tài xế xe tải
- f. Kế toán lao động tiền lương

### **Bảng 9**

- a. Người chăm sóc trẻ em đường phố
- b. Người kiểm tra thực phẩm công nghiệp

- c. Giảng viên đại học cộng đồng
- d. Nghệ sĩ phụ trách dàn nhạc sống
- e. Trưởng phòng tín dụng ngân hàng công thương
- f. Cán bộ tổng đài bưu chính Viễn thông

### **Bảng 19**

- a. Y tá tình nguyện chăm sóc sức khỏe vùng xa
- b. Đại lý tầu biển
- c. Chuyên gia gây mê BV liên doanh nước ngoài
- d. Nhà phê bình nghệ thuật
- e. Kỹ sư nông nghiệp phụ trách vườn ươm
- f. Tiếp tân và trực điện thoại công ty quốc tế

### **Bảng 20**

- a. Phục vụ tâm lý trị liệu bệnh viện tâm thần
- b. Trợ lý giám đốc các vấn đề pháp luật
- c. Nhà nghiên cứu bệnh cây trồng
- d. Nhạc sĩ sử dụng nhạc cụ dân



<ul style="list-style-type: none"><li>c. Người gây quỹ tín dụng</li><li>d. Người viết tiểu sử nhân vật chính trị</li><li>e. Người sửa tivi, radio kỹ thuật số</li><li>f. Nhân viên điều vận tàu điện ngầm</li></ul>	<p>tộc</p> <ul style="list-style-type: none"><li>e. Người huấn luyện chó săn</li><li>f. Kế toán</li></ul>
<p><b>Bảng 10</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>a. Người phụ trách chương trình khuyến nông</li><li>b. Người phụ trách quan hệ công chúng</li><li>c. Người phân tích tài chính phát triển</li><li>d. Người sáng tác văn chương</li><li>e. Người sửa chữa máy công cụ</li><li>f. Người hướng dẫn đặt vé máy bay tại đại lý</li></ul>	<p><b>Bảng 21</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>a. Vận động viên đua mô tô</li><li>b. Giám đốc Kinh doanh</li><li>c. Kỹ sư – Tiến sĩ hóa học</li><li>d. Đạo diễn âm nhạc</li><li>e. Thuyền trưởng tàu sông</li><li>f. Nhân viên bảo hiểm nhân thọ</li></ul>
<p><b>Bảng 11</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>a. Nha sĩ, y sĩ</li><li>b. Chủ doanh nghiệp bán xe ô tô</li><li>c. Nhà hoá học ứng dụng hiện đại</li><li>d. Phát thanh viên đài truyền hình</li><li>e. Chủ trại chăn nuôi</li></ul>	<p><b>Bảng 22</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>a. Nhà kinh tế học Hỗ trợ kinh tế gia đình</li><li>b. Người khai hoang lập nghiệp vùng cao, vùng sâu</li><li>c. Nhà địa lý địa cầu</li><li>d. Chuyên viên thiết kế thời trang dân tộc</li><li>e. thợ sửa chữa hệ thống lạnh</li><li>f. Cán bộ xử lý hồ sơ tuyển dụng</li></ul>
	<p><b>Bảng 23</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>a. Chuyên gia huấn luyện công tác phát triển cộng đồng</li><li>b. Người Kinh doanh hàng mỹ nghệ xuất khẩu</li></ul>

<p>f. Cán bộ bưu chính Viễn thông</p> <p><b>Bảng 12</b></p> <p>a. Cán sự điều dưỡng</p> <p>b. Ông bầu Dịch vụ giải trí</p> <p>c. Bác sĩ nha khoa</p> <p>d. Diễn viên múa</p> <p>e. Người làm vườn ở trang trại</p> <p>f. Chuyên viên lưu trữ và xử lý hồ sơ y khoa</p> <p><b>Bảng 13</b></p> <p>a. Nhân viên phục vụ</p> <p>b. Thư viên, đại lý tàu biển</p> <p>c. Giáo viên sau đại học</p> <p>d. Nghệ sĩ đàn dương cầm</p> <p>e. Kỹ sư vận hành</p> <p>f. Nhân viên kiểm soát lưu thông</p>	<p>c. Chuyên gia phân tích môi trường</p> <p>d. Nhà soạn nhạc hoà tấu</p> <p>e. Thợ làm khuôn mẫu</p> <p>f. Tiếp viên công ty máy tính xuyên quốc gia</p> <p><b>Bảng 24</b></p> <p>a. Giáo viên dạy nghề lao động hợp tác nước ngoài</p> <p>b. Quản lý trung tâm Dịch vụ giáo dục và sức khoẻ</p> <p>c. Chuyên viên khí tượng học</p> <p>d. Nhà thiết kế quang cảnh</p> <p>e. Điều khiển nhà máy xử lý nước uống</p> <p>f. Đại lý đặt vé máy bay quốc tế</p> <p><b>Bảng 25</b></p> <p>a. Cán bộ khuyến nông cây ăn trái nhiệt đới</p> <p>b. Quản lý bệnh viện tâm thần</p> <p>c. Nhà nghiên cứu địa chất</p> <p>d. Chuyên viên sân khấu ca nhạc</p> <p>e. Điều khiển trạm bơm gas</p> <p>f. Thu ngân viên ngân sách</p>
---	---

Hướng dẫn và giải đáp kết quả trắc nghiệm:

Giáo viên cung cấp hướng dẫn (dùng bảng phụ hoặc máy chiếu) để học sinh xác định được nhóm nghề nghiệp của mình.

Sau khi đã chọn được nghề yêu thích nhất trong mỗi bảng, em hãy theo kết quả trên đánh dấu X vào ô thích hợp trong bảng.

Sau khi đánh dấu X vào bảng, em hãy cộng lại xem cột nào có nhiều dấu X nhất.

- Nếu là cột a thì em có sở thích thuộc nhóm xã hội.
- Nếu là cột b thì em có sở thích thuộc nhóm quản lý.
- Nếu là cột c thì em có sở thích thuộc nhóm nghiên cứu.
- Nếu là cột d thì em có sở thích thuộc nhóm nghệ thuật.
- Nếu là cột e thì em có sở thích thuộc nhóm kỹ thuật.
- Nếu là cột f thì em có sở thích thuộc nhóm nghiệp vụ.

Ví dụ:

	a	b	c	d	e	f
Câu 01		x				
Câu 02	x					
Câu 03						x
Câu 04				x		
Câu 05					x	
Câu 06			x			
Câu 07		x				
Câu 08		x				
Câu 09			x			
Câu 10				x		
Câu 11					x	
Câu 12	x					
Câu 13		x				
Câu 14			x			

Câu 15			x			
Câu 16			x			
Câu 17				x		
Câu 18					x	
Câu 19			x			
Câu 20					x	
Câu 21			x			
Câu 22						x
Câu 23			x			
Câu 24		x				
Câu 25			x			
<i>Cộng</i>	2	5	9	3	4	2

Kết quả của ví dụ cột c có 9 lựa chọn, vậy đây là người thuộc nhóm nghiên cứu.

### 3.2.3. Hoạt động 3: Tìm hiểu khí chất của bản thân

Với học sinh Lào Cai, giáo viên cần giải thích rõ khái niệm về khí chất và lấy ví dụ cụ thể để học sinh hiểu và liên hệ với thực tế bản thân.

Khái niệm: Khí chất là thuộc tính phức hợp của cá nhân, biểu hiện cường độ, tốc độ, nhịp độ của các Hoạt động tâm lý thể hiện sắc thái, hành vi, cử chỉ, cách nói năng của mỗi cá nhân.

Ví dụ: Sau giờ ra chơi tiết 2, một nhóm học sinh lớp 11A2 đùa đẩy nhau làm vỡ lọ hoa của lớp vừa mới mua. Cô giáo chủ nhiệm tập trung học sinh của lớp 11A2 lại và truy vấn ai làm vỡ lọ hoa của lớp ? Nhóm học sinh vừa đùa đẩy nhau giờ ngồi im, một bạn trong lớp bỗng giơ tay điềm tĩnh phát biểu: Thưa cô em thực sự không nhìn thấy ai làm vỡ lọ hoa; một bạn khác tỏ ra ưu tư, biểu hiện sợ hãi,... như vậy là các học sinh của lớp 11A2 có khí chất khác nhau.

### 3.2.3.1. Bốn kiểu khí chất cơ bản và đặc điểm của chúng:

- *Kiểu khí chất sôi nổi* +(nóng nảy) thể hiện tiêu biểu ở hành vi mang tính kích thích cao và không thăng bằng. Có khả năng tập trung chú ý cao vào những công việc làm họ hứng thú. Khả năng phân phối chú ý tốt, sự di chuyển chú ý dễ dàng, phản ứng định hướng nhanh. Sự bền vững của tập trung chú ý không đều đặn và dao động. Hoạt động của người kiểu này thường mang tính chất chu kỳ, tức là hay chuyển từ Hoạt động tích cực sang giảm sút đột ngột do trạng thái tâm lý và trạng thái hưng phấn cảm xúc. Đặc trưng cho kiểu khí chất này là tính nóng nảy và tính thô bạo. Kiểu người hướng ngoại thể hiện ở sự tiếp xúc rộng rãi với mọi người xung quanh. Họ thường là những người có động tác nhanh nhẹn và dứt khoát, tính linh hoạt vận động cao, cảm xúc của họ biểu hiện rõ ràng qua nét mặt và ngôn ngữ.

- *Kiểu khí chất linh hoạt*: có tính linh hoạt cao, người thuộc kiểu này dễ dàng thích nghi với những điều kiện luôn thay đổi của cuộc sống. Đặc trưng cho kiểu người này là khả năng tập trung chú ý cao độ trong môi trường làm việc luôn thay đổi và có khả năng phân phối chú ý tốt vì thế họ có thể mềm dẻo và linh hoạt. Di chuyển chú ý nhanh từ Hoạt động này sang Hoạt động khác song chú ý của họ khó duy trì trong thời gian dài. Phản ứng định hướng nhanh. Ở những công việc đơn điệu họ rất mau chán nản, chú ý tản mạn. Người kiểu linh hoạt giao thiệp rộng rãi, dễ có quan hệ với mọi hành vi của người khác. Do vậy, trong các công việc làm tập thể, họ biểu hiện tinh thần tập thể cao.

- *Kiểu khí chất điềm tĩnh*: có tính kích thích yếu, không dễ xúc động và tính cứng rắn kém. Mặc dù các quá trình tâm lý ở những người này xảy ra chậm, nhưng sau thời kỳ "vào vận động viên" kéo dài thì họ có thể làm việc một cách kiên trì theo một hướng nhất định. Những người điềm tĩnh không có tính sáng kiến vì vậy bất kỳ Hoạt động nào cũng cần có sự hướng dẫn. Đặc trưng cho kiểu người này là khả năng tập trung chú ý không thay đổi trong

các môi trường làm việc khác nhau, không bị thu hút tác động của các tác nhân kích thích lôi cuốn bên ngoài. Khả năng phân phối chú ý kém, di chuyển chú ý chậm, cường độ chú ý ít thay đổi. Có khả năng làm việc lâu dài, kiên trì. Phản ứng định hướng chậm chạp vì thế tốc độ bắt tay vào làm việc cũng vậy. Kiểu người hướng nội nên không giao thiệp rộng rãi. Những người kiểu khí chất điềm tĩnh có khả năng làm tốt những công việc đòi hỏi có cảm xúc ổn định, kỹ năng kỹ xảo cố định và sẽ gặp khó khăn khi các công việc đòi hỏi chuyển nhanh chóng sự chú ý do tình huống.

- *Kiểu khí chất ưu tư*: Đặc trưng kiểu người này là khả năng phân phối chú ý yếu. Có khả năng tập trung chú ý cao độ vào công việc trong môi trường yên tĩnh hoặc công việc mà thời gian làm việc và nghỉ ngơi đã được định sẵn. Sự di chuyển chú ý diễn ra khá lâu hay rất chậm, phản ứng định hướng cũng chậm, bắt tay vào công việc từ từ theo từng bước. Những người này rất nhạy cảm với những cái xảy ra bên ngoài và phản ứng mạnh mẽ với những ấn tượng bên trong, vì thế ảnh hưởng nhiều đến sự chú ý. Họ thấy rất sợ hãi khi có những tình huống nguy hiểm, thấy thiếu tự tin khi gặp những người không quen biết. Do thiên về các rung động vững chắc kéo dài nên những người kiểu này biểu thị cảm xúc của mình ra ngoài rất ít. Ở những người này quá trình ức chế chiếm ưu thế, vì vậy những tác nhân kích thích mạnh sẽ dẫn đến sự ức chế quá mức do đó kéo theo sự giảm sút Hoạt động một cách đột ngột.

Tuy nhiên, việc phân chia khí chất của tất cả mọi người ra thành bốn nhóm chỉ là rất quy ước. Thực tế cho thấy có những người có sự pha trộn khí chất.

### 3.2.3.2. Ưu khuyết điểm của từng kiểu khí chất

- *Kiểu khí chất linh hoạt*

+ Ưu:

Sôi nổi, nhiệt tình, hăng hái, nhanh nhẹn.

Rất dễ ghép mình vào hoàn cảnh, dễ thích nghi với hoàn cảnh mới.

Dễ kìm hãm những phản ứng có tính chất bộc phát cá nhân.

Dễ bỏ thói quen xấu, nhanh chóng làm quen với công việc

+ Khuyết:

Tâm tính thay đổi thất thường.

Suy nghĩ thường nông nổi, hời hợt, chóng chán.

Không chịu được Hoạt động đơn điệu, kéo dài.

Giao thiệp rộng nhưng không sâu.

- *Kiểu khí chất bình thản*

+ Ưu:

Thường chậm chạp, ít nói, trạng thái tâm hồn khó bộc lộ ra ngoài.

Ít bị xúc động, vui buồn ít thể hiện, làm thính với các sự việc xung quanh, nét mặt thể hiện sự bình thản.

Tiến hành công việc đến cùng,

+ Khuyết:

Mọi quá trình tâm lí ở họ đều diễn ra chậm chạp.

Đôi khi quá đề cao tính tự chủ của bản thân => rất cứng nhắc, khó tiếp thu ý kiến xung quanh,

Ít lắng nghe dư luận => có những trường hợp độc đoán, chuyên quyền, máy móc; làm cho những người khác khó hiểu thế giới nội tâm của họ

- *Kiểu khí chất nóng*

+ Ưu:

Thường phản ứng rất nhanh với tác động bên ngoài cũng như bên trong cơ thể.

Thường quả quyết dứt khoát trong hành động.

Dễ chủ động sáng tạo đánh giá nhanh tình huống.

Dễ thích nghi với môi trường xung quanh.

Giao thiệp rộng, bộc trực, thẳng thắn cởi mở.

+ Khuyết:

Dễ xúc cảm, dễ có ấn tượng, nhịp độ tâm lí nhanh.

- *Kiểu khí chất ưu tư*

+ Ưu:

Thường sâu sắc, tế nhị, chín chắn, thận trọng, chu đáo.

Trong công việc họ không hấp tấp, vội vàng, dễ kiềm chế, nhẫn nại, chịu đựng căng thẳng kéo dài.

Trong cuộc sống họ thường thể hiện tình cảm kín đáo sâu sắc, bền vững đa cảm

+ Khuyết:

Phản ứng không mạnh, dễ yếu đuối, ủy mị.

Chậm chạp, lo lắng, ít cởi mở, khó hiểu, dễ cô độc.

Khó thích nghi với điều kiện thay đổi và hoàn cảnh mới.

3.2.3.3. Mối quan hệ giữa khí chất với các thuộc tính tâm lý khác của nhân cách.

Mối quan hệ này được thể hiện qua xu hướng chọn ngành nghề.

- Khí chất và xu hướng

+ Chiều hướng phát triển của nhân cách (xu hướng) thể hiện qua hành vi (do khí chất quy định).

+ Sự thể hiện hành vi của cá nhân thế nào do khí chất của người đó quy định.

+ Trẻ có khí chất linh hoạt sẽ có xu hướng thích đám đông, Hoạt động nhóm, nhanh nhạy trong việc xử lý các tình huống xảy ra trong cuộc sống.

+ Ngược lại những trẻ có khí chất ưu tư sẽ khó hòa nhập với môi trường xung quanh, thường chơi 1 mình ...

- Khí chất và ý chí

+ Khí chất con người gắn chặt với tính bộc phát, tính tích cực, tính kiên trì, tính quyết đoán.



+ Sự thể hiện những phẩm chất của ý chí phụ thuộc vào kiểu khí chất của người đó.

- Khí chất và tính cách:

+ Tác động của khí chất đến tính cách.

+ KC quy định hình thức thể hiện hình thức thể hiện tính cách.

+ KC ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển nhân cách.

+ Tác động của tính cách đến khí chất.

+ Khí chất quy định hình thức thể hiện tính cách.

- Khí chất ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển tính cách:

+ Được ứng dụng đặc biệt trong giáo dục.

+ Tác động của tính cách đến khí chất.

- Khí chất và năng lực:

+ Mỗi năng lực nhất định đều ảnh hưởng đến các hình thức của khí chất, thuộc tính của khí chất.

+ Ngược lại khí chất có thể làm cho năng lực đó thể hiện nhanh hay chậm, mờ nhạt hay rõ nét.

#### 3.2.3.4. Ứng dụng bài test khí chất

3.2.3.4.1. Giáo viên có thể dùng Trắc nghiệm khí chất bằng việc sử dụng công cụ EYSENCK để hướng dẫn học sinh kiểm tra khí chất và tư vấn cho học sinh.

Bạn hãy đánh dấu (+) nếu trả lời là “có”, đánh dấu (-); nếu trả lời là “không” vào vị trí tương ứng của từng câu hỏi trong khi trả lời.

Sử dụng câu trả lời đầu tiên xuất hiện trong đầu;

Cố gắng trả lời trung thực, liên tục, không bỏ quăng;

Gặp câu trả lời không quen thuộc, cố gắng trả lời theo cách nghĩ của mình;

Tốc độ trả lời trung bình 23 câu trong 1 phút.

Số:.....

Họ và tên: .....

**TRẮC NGHIỆM KHÍ**    Giới tính: Nam/Nữ

**CHẤT[36]**

Trưởng: .....

(Theo H.J.Eysenck)

Lớp: .....

The diagram consists of three vertical columns labeled 1, 2, and 3 at the top. Column 1 contains a single tall rectangle. Column 2 contains three rectangles of varying heights. Column 3 contains four rectangles of varying heights. Dashed horizontal lines connect the top and bottom edges of rectangles across the columns, indicating a sequence of operations or a flow from left to right. For example, a line connects the top of the rectangle in column 1 to the top of a rectangle in column 3, and another line connects the bottom of the rectangle in column 1 to the bottom of a rectangle in column 3.

1. Bạn thường mong chờ những điều mới lạ gây hồi hộp?
2. Bạn cần người bạn có thể hiểu, đồng viên, an ủi mình?
3. Bạn là một người vô tâm?
4. Bạn cảm thấy khó khăn khi phải từ chối một điều gì?
5. Bạn có suy nghĩ kỹ trước khi quyết định một việc nào đó?
6. Bạn luôn giữ lời hứa, bất kể điều đó thuận lợi hay không đối với bạn?
7. Tâm trạng của bạn có hay bị thất thường không?
8. Bạn thường phát ngôn rất nhanh không cần phải suy nghĩ kỹ?

		9. Bạn thường cảm thấy mình bất hạnh mà không rõ nguyên nhân?
		10. Bạn có bảo vệ ý kiến của mình đến cùng trong các buổi tranh luận?
		11. Bạn thường cảm thấy rụt rè và ngượng ngùng khi nói chuyện với người khác giới không quen?
		12. Đôi lúc bạn không kiềm chế được đã nổi nóng?
		13. Bạn thường hành động một cách bùng bột?
		14. Bạn thường day dứt vì đã làm một việc mà lẽ ra không nên làm?
		15. Bạn thường thích đọc sách hơn là gặp gỡ với mọi người?
		16. Bạn có dễ phật ý không?
		17. Bạn thích nhập hội với bạn bè?
		18. Thỉnh thoảng bạn có những ý nghĩ mà bạn giấu không cho người khác biết?
		19. Đôi khi bạn cảm thấy mình đầy nghị lực, nhiệt tình để làm mọi việc, nhưng có lúc lại hoàn toàn uể oải?
		20. Bạn có thích thà ít bạn nhưng là bạn thân?
		21. Bạn có hay mơ ước không?
		22. Bạn phản ứng lại ngay khi người ta nói nặng lời với bạn?

		23	Bạn thường day dứt khi thấy mình có lỗi?
		.	
		24	Tất cả những thói quen của bạn đều là tốt và cần thiết?
		.	
		25	Bạn có khả năng truyền cảm và làm vui trong đám bạn bè?
		.	
		26	Bạn là một người nhạy cảm?
		.	
		27	Bạn là một người hoạt bát vui vẻ?
		.	
		28	Sau khi làm một công việc quan trọng bạn thường có cảm giác
		.	rằng lẽ ra có thể làm việc đó tốt hơn?
		29	Bạn thường im lặng ở nơi có người lạ?
		.	
		30	Bạn cũng có lúc phao tin, đưa chuyện?
		.	
		31	Bạn thường mất ngủ vì những ý nghĩ khác nhau trong đầu?
		.	
		32	Nếu muốn biết điều gì đó, bạn thường thích tự tìm hiểu hơn là
		.	hỏi người khác?
		33	Có bao giờ bạn thấy hồi hộp không?
		.	
		34	Bạn có thích công việc đòi hỏi phải chú ý liên tục?
		.	
		35	Cũng có lúc bạn run lên vì vui sướng hay sợ hãi?
		.	
		36	Bạn luôn luôn trả cước phí giao thông đầy đủ mặc dù không bị
		.	kiểm soát?

<input type="checkbox"/>	37	Bạn cảm thấy khó chịu ở nơi mà người ta thường hay châm . chọc nhau?
<input type="checkbox"/>	38	Bạn có dễ nổi nóng không? .
<input type="checkbox"/>	39	Bạn thích những công việc đòi hỏi hành động nhanh chóng? .
<input type="checkbox"/>	40	Bạn cảm thấy hồi hộp khi những việc bất lợi có thể xảy ra? .
<input type="checkbox"/>	41	Bạn đi đứng chậm rãi và ung dung? .
<input type="checkbox"/>	42	Đã có lúc bạn đến nơi hẹn hoặc nơi làm việc muộn? .
<input type="checkbox"/>	43	Bạn thường thấy những cơn ác mộng? .
<input type="checkbox"/>	44	Bạn thích trò chuyện đến nỗi không bao giờ bỏ qua cơ hội nói . với cả những người không quen biết?
<input type="checkbox"/>	45	Bạn hay lo lắng vì chỗ đau nào đó? .
<input type="checkbox"/>	46	Bạn cảm thấy khổ sở khi lâu không được giao thiệp rộng rãi . với mọi người?
<input type="checkbox"/>	47	Bạn là người dễ cáu kỉnh? .
<input type="checkbox"/>	48	Trong số những người quen của mình, có người bạn không . thích?
<input type="checkbox"/>	49	Bạn là người rất tự tin? .
<input type="checkbox"/>	50	Bạn dễ phật ý khi người khác chỉ ra khuyết điểm của bạn? .

		51 Bạn nghĩ rằng khó có thể thực sự thoả mãn trong các cuộc liên · hoan?
		52 Bạn cảm thấy không yên tâm khi thua kém bạn bè ở một điểm · nào đó?
		53 Bạn dễ dàng mang lại sự vui vẻ cho một cuộc họp mặt khá tẻ · nhạt?
		54 Bạn thường hay nói về những vấn đề mà bạn chưa nắm chắc? ·
		55 Bạn có lo lắng về sức khoẻ của · mình không?
		56 Bạn thích trêu đùa người khác? ·
		57 Bạn có bị mất ngủ không? ·

#### 3.2.3.4.2. Xử lý kết quả như sau:

+ Tất cả các câu hỏi được chia làm 3 thang để xử lý, câu nào **đúng mẫu** dưới đây thì cho 1 điểm, **sai với mẫu** thì cho 0 điểm. Trước hết phải kiểm tra độ tin cậy (tức là người trả lời có đảm bảo sự chú ý không hay trả lời cho xong việc)

*Thang 1:* kiểm tra độ tin cậy

Bao gồm 9 câu hỏi sau:

3 câu "có": 6, 24, 36

6 câu "không": 12, 18, 30, 42, 48, 54.

9 câu để kiểm tra độ tin cậy. Thang này phải **ít hơn 5 điểm** mới đủ độ tin cậy để tính tiếp các thang điểm sau.

Sau đó xác định nội tâm hay ngoại tâm.

*Thang 2:* Xác định nội tâm hay ngoại tâm: Bao gồm 24 câu: Trong đó 15 câu "có" và 9 câu "không".

15 câu "có": 1, 3, 8, 10, 13, 17, 22, 25, 27, 39, 44, 46, 49, 53, 56.

9 câu "không": 5, 15, 20, 29, 32, 34, 37, 41, 51.

Sau đó xác định tính ổn định hay không ổn định.

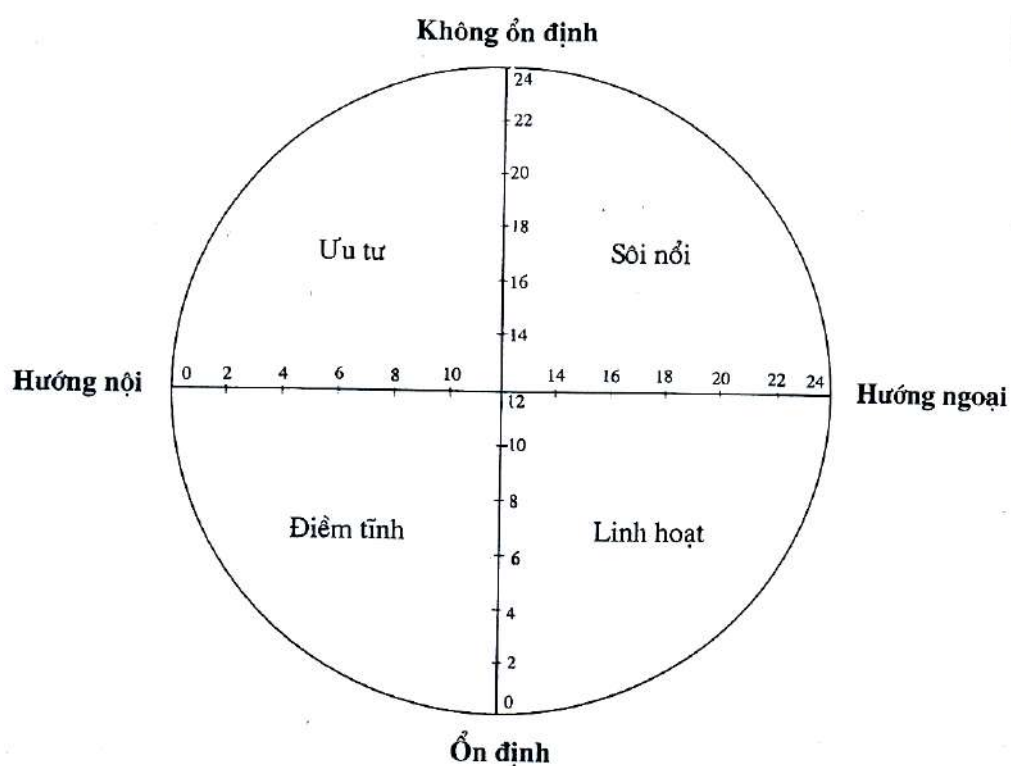
*Thang 3:* Xác định tính ổn định hay không ổn định: Bao gồm 24 câu: tất cả trả lời "có". Các câu: 2, 4, 7, 9, 11, 14, 16, 19, 21, 23, 26, 28, 31, 33, 35, 38, 40, 43, 45, 47, 50, 52, 55, 57.

+ Tính điểm theo thang điểm:

*Thang 2:* 24 câu hỏi để đánh giá cường độ của các quá trình hưng phấn và ức chế (Hoạt động của các quá trình tâm lý thiên về nội tâm hay ngoại tâm).

*Thang 3:* 24 câu hỏi để đánh giá tính ổn định hay không ổn định của Hoạt động thần kinh.

Điểm của thang 2 và thang 3 được biểu diễn trên vòng tròn tọa độ của Eysenck (thang 2: trục hoành, thang 3: trục tung ). Điểm gặp nhau của thang 2 và thang 3 sẽ tương ứng với phần khí chất được qui định trên vòng tròn đó.



+ Đánh giá kết quả:

\* Thang HƯỚNG NỘI - HƯỚNG NGOẠI (Thang 2)

0→6 điểm:	nội tâm rõ
6→12 điểm:	thiên về nội tâm
12→18 điểm:	thiên về ngoại tâm
18→24 điểm:	ngoại tâm rõ

\* Thang ỔN ĐỊNH – KHÔNG ỔN ĐỊNH (Thang 3)

0→6 điểm:	rất ổn định
6→12 điểm:	ổn định
12→18 điểm:	không ổn định
18→24 điểm:	rất không ổn định



+ Đặc điểm khái quát từng loại khí chất (phân chia theo vòng tròn tọa độ Eysenck):

<b>KHÔNG ỔN ĐỊNH</b>	
<b>UÛ TU'</b>	<b>SÔI NỔI</b>
Khó tính	Nhạy cảm
Hay lo sợ, hồi hộp	Hay băn khoăn
Cứng nhắc, giáo điều	Hiếu chiến
Biết điều	Dễ bị kích thích
Bi quan	Dễ bị thay đổi
Dè dặt, thận trọng	Tính bốc đồng
Không thích giao thiệp	Lạc quan
Trầm lặng	Nhanh nhẹn
<b>Hướng nội</b>	<b>Hướng ngoại</b>
<b>ĐIỀM TĨNH</b>	<b>LINH HOẠT</b>
Thụ động	Thích giao du
Cẩn thận	Cởi mở
Tế nhị, nhã nhặn	Nhanh mồm, lém
Có thiện chí	Tốt bụng
Nghiêm túc	Dễ dãi
Đáng tin cậy	Sôi nổi
Điềm đạm	Vô tư
Bình tĩnh	Thích chỉ huy
	<b>ỔN ĐỊNH</b>

**Ví dụ 1:** Bạn An thực hiện trắc nghiệm sau khi vượt qua thang 1,  
 Xét thang 2 (Xác định nội tâm hay ngoại tâm) có kết quả:  
 Bạn An trả lời đúng 17 câu: Trong đó 10 câu "có" và 7 câu "không"  
 đúng theo mẫu gồm:

10 câu "có": 1, 3, 10, 13, 22, 27, 39, 44, 49, 56.

7 câu "không": 5, 15, 20, 32, 34, 37, 51.

Như vậy, bạn An đạt 17 điểm (có thiên hướng hướng ngoại).

Xét thang 3 (Xác định tính ổn định hay không ổn định) có kết quả:

Bạn An trả lời đúng 15 câu: Các câu: 2, 4, 7, 11, 16, 19, 21, 26, 28, 31, 35, 38, 40, 50, 55.

Bạn An đạt 15 điểm (có thiên hướng không ổn định).

Theo vòng tròn tọa độ, bạn An có khí chất sôi nổi: Nhạy cảm, hay băn khoăn, hiếu chiến, dễ bị kích thích, dễ bị thay đổi, tính bốc đồng, lạc quan, nhanh nhẹn.

**Ví dụ 2:** Bạn Bình thực hiện trắc nghiệm sau khi vượt qua thang 1,

Xét thang 2 (Xác định nội tâm hay ngoại tâm) có kết quả:

Bạn Bình trả lời đúng 10 câu: Trong đó 8 câu "có" và 2 câu "không" đúng theo mẫu gồm:

8 câu "có": 1, 3, 10, 13, 27, 39, 44, 49.

2 câu "không": 32, 34.

Như vậy, bạn Bình đạt 10 điểm (có thiên hướng hướng nội).

Xét thang 3 (Xác định tính ổn định hay không ổn định) có kết quả:

Bạn Bình trả lời đúng 8 câu: Các câu: 4, 7, 11, 26, 28, 31, 50, 55.

Bạn Bình đạt 8 điểm (có thiên hướng ổn định).

Theo vòng tròn tọa độ, bạn Bình có khí chất điềm tĩnh với đặc điểm: Thụ động, cẩn thận, tế nhị, nhã nhặn, có thiện chí, nghiêm túc, đáng tin cậy, điềm đạm, bình tĩnh.

#### 3.2.3.4.3. Sử dụng test Eysenck trong tư vấn hướng nghiệp

Trong tư vấn hướng nghiệp, nhà tư vấn có thể sử dụng test Eysenck để giúp học sinh tìm hiểu khí chất của mình. Từ đó, trên cơ sở đối chiếu với đặc điểm, yêu cầu của nghề, nhà tư vấn giúp HS chọn nghề tương lai phù hợp. Ví dụ: khí chất ưu tư phù hợp với những nghề như nghiên cứu, sáng tạo, thiết

kế...; khí chất sôi nổi phù hợp với những nghề như: phóng viên, hướng dẫn viên du lịch...; khí chất điềm tĩnh phù hợp với những nghề như: phi công, tài xế, điều phối viên...; khí chất linh hoạt phù hợp với những nghề như: dạy học, luật sư, tiếp viên hàng không, Kinh doanh...

Cần lưu ý rằng, sự phù hợp giữa yêu cầu của nghề với khí chất con người cũng chỉ mang tính chất tương đối, không có vai trò quyết định trong việc đạt được thành công nghề nghiệp sau này.

#### *3.2.4. Hoạt động 4. Tìm hiểu cá tính, tính cách của bản thân*

##### *3.2.4.1. Vấn đề tính cách, cá tính*

Giáo viên nêu: Tính cách, cá tính là một yếu tố quan trọng mà bản thân cần hiểu rõ khi đưa ra quyết định chọn ngành học và nghề nghiệp tương lai. Nếu chọn cho mình ngành nghề không phù hợp với tính cách, cá tính sẽ gây ảnh hưởng không tốt tới tinh thần của bản thân và hiệu quả công việc.

Nhà tâm lý học Jung và những người theo học thuyết của ông tin rằng mỗi người sinh ra đều có một cá tính riêng biệt, nó làm nên “cái” rất riêng biệt của mỗi người. Có người luôn ôn hòa, nhã nhặn, bình tĩnh nhưng cũng có người luôn dễ nổi nóng, thiếu bình tĩnh; có người có cá tính “hướng nội”; có người có cá tính “hướng ngoại”... Việc hiểu rõ cá tính của bản thân để từ đó chọn công việc, nghề nghiệp và môi trường làm việc phù hợp với cá tính của mình sẽ là yếu tố góp phần quan trọng giúp ta đạt được sự thành công và thỏa mãn trong công việc.

Làm thế nào để xác định được cá tính của bản thân? Ta có thể dùng công cụ tìm hiểu cá tính MBTI. Trắc nghiệm MBTI là gì? Đó là Myers-Briggs Type Indication là viết tắt của bài trắc nghiệm MBTI, dịch ra nghĩa tiếng việt chính là trắc nghiệm tính cách. Đây là một phương pháp sử dụng những câu hỏi nhằm kiểm tra tâm lý, tính cách của một người trên cơ sở đáp án mà người đó chọn đối với vấn đề được đặt ra.

Trong mỗi con người, tiềm ẩn những nét cá tính, tính cách riêng biệt; nó tạo nên cách nhận biết giữa người này với người khác, giữa vấn đề này hoặc vấn đề nọ. Trắc nghiệm tính cách MBTI đặc biệt nhấn mạnh vào sự khác biệt về mặt tự nhiên của từng người dựa trên từng câu trả lời của họ cho các câu hỏi để suy ra những cá tính, tính cách riêng biệt của từng người. Trắc nghiệm tính cách MBTI dựa trên sự phát triển nền tảng của ngành tâm lý học, nó có độ chính xác rất cao và đang trở nên phổ biến với mọi người

#### 3.2.4.2. Trắc nghiệm MBTI: dựa trên 4 tiêu chí

- Tìm hiểu và nhận thức thế giới: Sensing (Tri giác) / iNtuition (Trực giác)

Ở đây nói về cách thức chúng ta tiếp nhận thông tin và dạng thông tin mà chúng ta yêu thích, tin cậy.

Trong các nhóm trắc nghiệm MBTI test. Cặp xu hướng Sensing (Tri giác) / iNtuition (Trực giác) chính là xu hướng đối lập nhau về cách mà con người tiếp nhận sự việc hiện tượng xung quanh họ.

Thế giới được hiểu và nhận thức thông qua các giác quan cụ thể, ví dụ như màu sắc, hình ảnh thì sẽ thông qua mắt để nhận biết, mùi vị, âm thanh sẽ nhờ tai để cảm nhận, phân tích. Ngoài ra, 5 cơ quan sẽ cùng liên tục sắp xếp, phân loại các sự kiện thực tế đang diễn ra một cách đồng thời để cung cấp ngược lại những thông tin từng diễn ra trong quá khứ.

Nếu tìm hiểu nhận thức thế giới thông qua trực giác, não bộ chính là đơn vị phải có trách nhiệm tìm hiểu, diễn dịch, phân tích, lí giải những mô hình thông tin để thu thập các luồng dữ liệu, trước và sau đó đồng thời sắp xếp các mô hình, liên hệ chúng lại với nhau. Não bộ phải làm việc hết sức, suy đoán và phán đoán tương lai.

Ở những thời điểm khác nhau trong đời sống hàng ngày, mỗi người đều sẽ thấy mình có cả hai xu hướng: **Tri giác** và **trực giác**, nhưng để xác định được mình thuộc xu hướng nào thì điều quan trọng là phải dựa vào **cường độ**

của những xu hướng này. Nếu một người có xu hướng tri giác hơn 70% thời gian sống, thì người đó có xu hướng tri giác. Và cũng tương tự như vậy, nếu một người có xu hướng trực giác hơn 70% thời gian sống, thì người đó có xu hướng trực giác.

Tri giác	Trực giác
<p>Người có xu hướng tri giác thường tin tưởng vào những thông tin hiện thời, xác thực và cụ thể; những thông tin có thể cảm nhận bằng 5 giác quan. Họ nghi ngờ cái gọi là “linh tính”. Họ thích xử lý những vấn đề thực tế, thích những thứ có thể xác định được, đo lường được. Thích sử dụng và cải tiến những điều đã biết và những điều tương tự với những điều đã biết.</p> <p>Họ rất giỏi trong việc để ý những chi tiết của một câu chuyện, bức tranh hay vấn đề. Đối với họ, ý nghĩa của một câu chuyện nằm trong dữ liệu rõ ràng, đo lường được.</p> <p><b>Đặc điểm chính:</b></p> <p><i>Tri giác – Sensing (S):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá mọi thứ bằng giác quan, tư duy logic.</li> <li>- Muốn mọi thứ phải thật rõ ràng và chắc chắn.</li> </ul>	<p>Người có xu hướng trực giác thường tin tưởng vào những thông tin thuộc loại trừu tượng hoặc lý thuyết.</p> <p>Họ thích hình dung những khả năng có thể xảy ra, thích những cơ hội để thể hiện óc sáng tạo và thích trải nghiệm với những điều mới lạ. Đối với họ, ý nghĩa của một câu chuyện không nằm trong dữ liệu trước mắt mà thường là ẩn chứa trong những nguyên lý được biểu thị qua các dữ liệu.</p> <p>Họ có khả năng nhìn thấy những mẫu hình hoàn chỉnh của một câu chuyện, bức tranh, hay vấn đề; rất giỏi trong việc nhìn toàn cảnh và chỉ ra mối liên hệ giữa các chi tiết trong một câu chuyện, bức tranh hay vấn đề.</p> <p><b>Đặc điểm chính:</b></p> <p><i>Trực giác – iNtuition (N):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trí tưởng tượng tốt, khả năng sáng tạo cao.</li> <li>- Thường lo xa, nghĩ đến những việc</li> </ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thích cách giải quyết đơn giản, mang tính thực tế cao.</li> <li>- Rất thích tìm hiểu, thu thập thông tin và ghi nhớ chúng rất lâu.</li> <li>- Giỏi áp dụng kinh nghiệm.</li> </ul>	<p>sẽ xảy ra trong tương lai.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng áp dụng lý thuyết vào thực tế rất tốt.</li> <li>- Tập trung vào các vấn đề quan trọng, ý chính và các mối liên hệ giữa chúng</li> </ul>
<b>Cá tính trong hướng nghiệp</b>	
<p>Người có xu hướng tri giác phù hợp với những công việc thường xuyên đòi hỏi sự tỉ mỉ, chi tiết và thực tế</p> <p>Ví dụ: Kế toán, Thư ký giám đốc, Tổng giám đốc,...</p>	<p>Người có xu hướng trực giác phù hợp với những công việc thường xuyên đòi hỏi khả năng nhìn toàn cảnh và trí tưởng tượng về những gì có thể xảy ra.</p> <p>Ví dụ: Chuyên viên phân tích đầu tư, nhà văn,...</p>

- Quyết định và lựa chọn: Thinking (Lí tính) / Feeling (Cảm tính)

Cách chúng ta đưa ra những quyết định: Ở nhóm trắc nghiệm MBTI test. Thinking (Lí tính) / Feeling (Cảm tính) là hai xu hướng đối lập về cách mà con người lựa chọn đáp án, câu trả lời cho từng vấn đề cụ thể.

Trong não bộ của chúng ta, phần lí trí là phần được đánh giá cao nhất, nó có vai trò tìm hiểu các thông tin liên quan dựa trên các bộ phân tiêu chí đúng sai, trái hay phải. Sau đó, suy luận một cách logic mới trực tiếp cho đáp án cụ thể nhất, có căn cứ nhất, có khoa học nhất.

Phần cảm xúc của não bộ sẽ xem xét sự việc trên tổng thể các vấn đề cảm tính, yêu hay ghét, hận hay thu đồng thời các yếu tố đó có sự tác động qua lại lẫn nhau, không có một sự rạch ròi, đó là bản chất của vấn đề cảm xúc do não quyết định.

Ở những thời điểm khác nhau trong đời sống hàng ngày, mỗi người đều

sẽ thấy mình có cả hai xu hướng: **Lí tính** và **cảm tính**, nhưng để xác định được mình thuộc xu hướng nào thì điều quan trọng là phải dựa vào **cường độ** của những xu hướng này. Nếu một người có xu hướng lí tính hơn 70% thời gian sống, thì người đó có xu hướng lí tính. Và cũng tương tự như vậy, nếu một người có xu hướng cảm tính hơn 70% thời gian sống, thì người đó có xu hướng cảm tính.

<b>Lí tính</b>	<b>Cảm tính</b>
<p>Người có xu hướng <i>lí tính</i> thường quyết định bằng khối óc, dựa vào những suy luận hợp lí, và lo lắng về những nguyên tắc như: <i>Lẽ phải, sự công bằng</i>.</p>	<p>Người có xu hướng <i>cảm tính</i> thường quyết định bằng con tim, dựa vào những niềm tin của bản thân, và lo lắng về những giá trị sống như: Những mối quan hệ, sự hòa hợp.</p>
<p>Người có xu hướng lí tính giỏi trong việc phân tích những kế hoạch và có khả năng đặt mình ngoài cuộc để nhìn nhận sự việc.</p>	<p>Người có xu hướng cảm tính giỏi trong việc hiểu người khác và có khả năng đặt mình vào vị trí người trong cuộc để nhìn nhận sự việc.</p>
<p><b>Đặc điểm chính:</b></p> <p><i>Lí tính – Thinking (T):</i></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thường nghĩ đến công việc, nhiệm vụ phải hoàn thành ở mọi lúc, mọi nơi.</li><li>- Thu thập dữ liệu, sự kiện và suy nghĩ logic để đưa ra quyết định.</li><li>- Nhanh chóng đưa ra những phân tích logic và khách quan.</li><li>- Không ngại va chạm, tranh luận với người khác</li></ul>	<p><b>Đặc điểm chính:</b></p> <p><i>Cảm tính – Feeling (F):</i></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Quan tâm đến cảm xúc của mình và của người khác khi đưa ra quyết định.</li><li>- Nhạy cảm với cử chỉ, lời nói hay các phản ứng của người khác.</li><li>- Khó xử khi có xung đột. Khi nổi giận thường có hành động tiêu cực.</li><li>- Tham khảo ý kiến nhiều người và tìm kiếm sự ủng hộ của số đông.</li></ul>

<b>Cá tính trong hướng nghiệp</b>	
<p>Người có xu hướng lí tính phù hợp với những công việc đòi hỏi khả năng phân tích kế hoạch và đặt mình ngoài cuộc để nhìn nhận sự việc.</p> <p><b>Ví dụ:</b> Nhân viên phân tích tài chính, Luật sư</p>	<p>Người có xu hướng cảm tính phù hợp với những công việc đòi hỏi khả năng hiểu người khác và đặt mình vào vị trí người trong cuộc để nhìn nhận sự việc.</p> <p><b>Ví dụ:</b> Giáo viên, Chuyên viên tư vấn tâm lí</p>

- Xu hướng tự nhiên: Extraversion (Hướng ngoại) / Introversion (Hướng nội)

Chiều hướng mà học sinh tập trung sự chú ý và năng lượng. Extraversion (Hướng ngoại) / Introversion (Hướng nội) hai xu hướng đối lập thể hiện những xu hướng ứng xử của một người với thế giới quan bên ngoài và với chính họ.

- + Hướng nội là hướng vào nội tâm, gồm cả ý nghĩ, tư tưởng, trí tưởng tượng.
- + Hướng ngoại là hướng về thế giới bên ngoài gồm những Hoạt động, con người, đồ vật.

Ở những thời điểm khác nhau trong đời sống hàng ngày, mỗi người đều sẽ thấy mình có cả hai xu hướng: Hướng ngoại và hướng nội, nhưng để xác định mình thuộc xu hướng nào thì điều quan trọng là phải dựa vào cường độ của những xu hướng này. Nếu một người có xu hướng hướng ngoại hơn 70% thời gian sống, thì người đó có xu hướng hướng ngoại. Và cũng tương tự như vậy, nếu một người có xu hướng hướng nội hơn 70% thời gian sống, thì người đó có xu hướng hướng nội.



<b>Hướng ngoại</b>	<b>Hướng nội</b>
<p>Người có xu hướng hướng ngoại thường là người lấy năng lượng, cảm hứng từ những người khác và những trải nghiệm thực tế. Khi mệt mỏi, họ thích được xã giao, gặp bạn bè, tham gia Hoạt động, ra khỏi nhà hoặc trò chuyện cùng nhiều người.</p>	<p>Người có xu hướng hướng nội thường lấy cảm hứng từ những thôi thúc bên trong, và từ những chiêm nghiệm của bản thân. Khi mệt mỏi họ thích được ở một mình, trong yên tĩnh để suy nghĩ, hoặc nếu có nhu cầu gặp gỡ người khác thì cũng chỉ là một số rất ít các bạn thật thân.</p>
<p>Người có xu hướng hướng ngoại thường là người cần sự tương tác và bị hấp dẫn bởi những tác động hoặc điều kiện bên ngoài. Họ bộc lộ những suy nghĩ và cảm xúc một cách thoải mái, thân thiện, và dễ làm quen với mọi người xung quanh.</p>	<p>Người có xu hướng hướng nội thường là người cần sự riêng tư, dễ bị áp lực bởi những tác động hoặc điều kiện bên ngoài. Họ giữ kín những suy nghĩ và cảm xúc cho riêng mình và mất thời gian lâu để kết bạn với người khác.</p>
<p><b>Đặc điểm chính:</b></p> <p><i>Hướng ngoại- Extraversion (E)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thích sống tập thể, tương tác với con người và sự việc xung quanh.</li> <li>- Thường nhanh chóng đưa ra quyết định mà chưa suy nghĩ kỹ.</li> <li>- Thường bị căng thẳng, thậm chí trầm cảm nếu bị cô lập.</li> <li>- Rất dễ bắt chuyện, thường chủ động trò chuyện với người khác.</li> <li>- Thích diễn đạt bằng lời nói.</li> </ul>	<p><b>Đặc điểm chính:</b></p> <p><i>Hướng nội - Introversion (I)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thận trọng khi đưa ra quyết định, thường thăm dò, suy nghĩ rồi mới quyết định.</li> <li>- Khi gặp chuyện buồn hay bị tổn thương thì thường tìm khoảng lặng ở một mình.</li> <li>- Thích trò chuyện riêng nhưng chỉ với 2 người.</li> </ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thích nói ra mọi điều.</li> <li>- Thường sử dụng cơ thể để diễn đạt ý nghĩ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự suy nghĩ và đưa ra quyết định ít khi hỏi ý kiến của người khác.</li> <li>- Suy nghĩ nhiều nhưng ít nói, khi có ai hỏi thì mới nói quan điểm của mình.</li> <li>- Không sợ bị cô lập, thậm chí tự cô lập, thích sống nội tâm.</li> </ul>
<b>Cá tính trong hướng nghiệp</b>	
<p>Người có xu hướng hướng ngoại phù hợp với những công việc thường xuyên đòi hỏi sự tương tác với người khác, nhất là với người xa lạ.</p> <p><b>Ví dụ:</b> Nhân viên marketing, nhân viên bán hàng, chuyên viên quan hệ công chúng (PR), người dẫn chương trình</p>	<p>Người có xu hướng hướng nội phù hợp với những công việc thường xuyên làm việc một mình hay tương tác với rất ít người.</p> <p><b>Ví dụ:</b> Kỹ sư phần mềm, nhân viên thủ kho</p>

- Cách thức hành động: Judging (Nguyên tắc) / Perceiving (Linh hoạt).

Nhóm cuối của trắc nghiệm MBTI test. Là cách thức con người lựa chọn để tác động với thế giới bên ngoài của họ.

Với dạng thức này, não bộ của người có cách thức hành động này sẽ làm việc trên các nguyên tắc , có kế hoạch và để đạt được một kế hoạch và có sự chuẩn bị thì tất cả sẽ được tiếp cận một cách rõ ràng, tự nhiên và đôi lúc con người chấp nhận sự thay đổi để có được sự phù hợp với hoàn cảnh, kế hoạch đã được vạch ra trước đó!

Ở những thời điểm khác nhau trong đời sống hàng ngày, mỗi người đều sẽ thấy mình có cả hai xu hướng: **Ngăn nắp** và **linh hoạt**, nhưng để xác định

được mình thuộc xu hướng nào thì điều quan trọng là phải dựa vào **cường độ** của những xu hướng này. Nếu một người có xu hướng ngăn nắp hơn 70% thời gian sống, thì người đó có xu hướng ngăn nắp. Và cũng tương tự như vậy, nếu một người có xu hướng linh hoạt hơn 70% thời gian sống, thì người đó có xu hướng linh hoạt.

<b>Nguyên tắc</b>	<b>Linh hoạt</b>
<p>Người có xu hướng nguyên tắc thường thích lối sống được tổ chức, thích những trật tự và cấu trúc đã được xác định, thích có một cuộc sống đã được tính toán trước.</p>	<p>Người có xu hướng linh hoạt thích lối sống linh hoạt, thích theo ý kiến đa số, và thích cuộc sống được diễn ra tự nhiên, “chuyện gì đến sẽ đến”.</p>
<p>Người có xu hướng nguyên tắc cần những giới hạn và những sự phân loại rõ ràng, và thường giải quyết những yêu cầu, những kế hoạch trước thời hạn được giao.</p>	<p>Người có xu hướng linh hoạt cần có sự tự do được khám phá không giới hạn, và thường “đội nước đến chân mới nhảy”.</p>
<p><b>Đặc điểm chính:</b>  <i>Nguyên tắc - Judging (J)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lên kế hoạch chi tiết, cẩn thận trước khi hành động.</li> <li>- Hoàn thành nhiệm vụ và các giai đoạn quan trọng trước khi tiếp tục.</li> <li>- Có kế hoạch làm việc tránh được áp lực thời hạn.</li> <li>- Hoàn thành công việc trước khi giải trí.</li> <li>- Tự đề ra mục tiêu, thời gian thực hiện và các chuẩn mực cuộc sống.</li> </ul>	<p><b>Đặc điểm chính:</b>  <i>Linh hoạt - Perceiving (P)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hành động mà không cần lập kế hoạch dài hạn, tùy theo tình thế mà có kế hoạch ngắn hạn.</li> <li>- Chịu áp lực tốt, làm việc đạt hiệu quả nhất khi thời hạn sắp hết.</li> <li>- Thích đa dạng, làm nhiều việc cùng lúc, thích vừa làm việc vừa giải trí.</li> <li>- Tìm cách không thực hiện cam kết, nếu nó ảnh hưởng đến sự tự do, linh động của mình.</li> </ul>

Cá tính trong hướng nghiệp	
Người có xu hướng nguyên tắc phù hợp với những công việc đòi hỏi khả năng ngăn nắp, tổ chức, trật tự. Họ phù hợp với môi trường làm việc rõ ràng, có luật lệ chặt chẽ, đâu ra đó.  <b>Ví dụ:</b> Quản lý thư viện, Nhân viên thuế	Người có xu hướng linh hoạt phù hợp với những công việc đòi hỏi khả năng đáp ứng với môi trường thay đổi liên tục. Họ phù hợp với môi trường làm việc linh động, tự do, ít luật lệ, và được thả sức sáng tạo hay làm theo ý riêng.  <b>Ví dụ:</b> Chuyên viên Kinh doanh quảng cáo, Đầu bếp, nghệ sĩ biểu diễn, Nghệ sĩ nhiếp ảnh, Sáng tác

Từ 4 tiêu chí trên, đưa ra 16 tính cách MBTI test khác nhau kết hợp với các yếu tố khác để tạo thành 16 nhóm tính cách MBTI:

Nhóm nghề tính hướng nội	Nhóm nghề tính hướng ngoại
<a href="#">ISTJ</a> <i>Thanh tra viên (Inspector)</i>	<a href="#">ESTJ</a> <i>Người Giám sát (Supervisor)</i>
<a href="#">ISTP</a> <i>Thợ thủ công (Crafter)</i>	<a href="#">ESTP</a> <i>Người sáng lập (Promoter)</i>
<a href="#">ISFP</a> <i>Nhạc sĩ (Composer)</i>	<a href="#">ESFP</a> <i>Người trình diễn (Performer)</i>
<a href="#">ISFJ</a> <i>Nhà tư vấn (Counselor)</i>	<a href="#">ESFJ</a> <i>Nhà cung cấp (Provider)</i>
<a href="#">INTJ</a> <i>Cố vấn chiến lược (Mastermind)</i>	<a href="#">ENTJ</a> <i>Nguyên soái (Field Marshal)</i>
<a href="#">INTP</a> <i>Kiến trúc sư (Architect)</i>	<a href="#">ENTP</a> <i>Nhà phát minh (Inventor)</i>
<a href="#">INFJ</a> <i>Người bảo vệ (Protector)</i>	<a href="#">ENFJ</a> <i>Giáo viên (Teacher)</i>

<a href="#"><u>INFP</u></a> <i>Người hoà giải (Healer)</i>	<a href="#"><u>ENFP</u></a> <i>Nhà vô địch (Champion)</i>
---	--

### **\*ỨNG DỤNG TRẮC NGHIỆM TÍNH CÁCH BẢN THÂN – MBTI**

Giáo viên in bài trắc nghiệm MBTI cho mỗi học sinh một bản.

Hướng dẫn: Bài Trắc nghiệm MBTI này làm trong khoảng 20 phút. Các câu hỏi và câu trả lời không để đánh giá đúng sai hoặc tốt xấu mà để trắc nghiệm các đặc điểm cá nhân và công việc do vậy bạn hãy đọc thật kĩ và chọn đáp án đúng với mình nhất.

- |   |  |
|---|--|
| <p><b>1. Ở các bữa tiệc bạn thường</b></p> <p>a. Nói chuyện với mọi người, kể cả người lạ</p> <p>b. Nói chuyện với một số người quen</p> <p><b>2. Bạn thấy mình là người thuộc loại nào nhiều hơn?</b></p> <p>a. Thực tế</p> <p>b. Mơ mộng</p> <p><b>3. Tình huống nào dưới đây khiến bạn cảm thấy tồi tệ hơn:</b></p> <p>a. Mông lung, mọi thứ không rõ ràng</p> <p>b. Nhàm chán, đơn điệu</p> <p><b>4. Giữa nguyên tắc và cảm xúc, bạn sẽ chọn?</b></p> <p>a. Nguyên tắc</p> <p>b. Cảm xúc</p> <p><b>5. Bạn dễ bị lôi cuốn bởi điều nào sau đây?</b></p> <p>a. Sự thuyết phục, tính chính xác</p> | <p><b>13. Thường thì bạn là người</b></p> <p>a. Đúng giờ, chuẩn mực</p> <p>b. Thoải mái, thông dong</p> <p><b>14. Thường trường hợp nào bạn cảm thấy nóng ruột, bồn chồn hơn?</b></p> <p>a. Khi mọi việc chưa hoàn thành</p> <p>b. Khi mọi việc đã hoàn thành</p> <p><b>15. Trong các nhóm giao tiếp xã hội, bạn bè thì bạn:</b></p> <p>a. Luôn nắm bắt kịp thời thông tin về các vấn đề của mọi người</p> <p>b. Thường biết thông tin sau</p> <p><b>16. Với các công việc thông thường, bạn nghiêng về cách:</b></p> <p>a. Làm theo cách thông thường</p> <p>b. Làm theo cách của riêng mình</p> <p><b>17. Theo bạn, các nhà văn nên:</b></p> <p>a. Nói thẳng điều định nói</p> <p>b. Diễn đạt sự việc bằng cách so sánh,</p> |
|---|--|

b. Sự xúc động, cảm tính

**6. Bạn thích làm việc:**

a. Theo thời hạn

b. Làm việc thoải mái, lúc nào xong cũng được

**7. Khi lựa chọn, bạn thường:**

a. Lựa chọn sau khi suy nghĩ kỹ càng

b. Lựa chọn có phần dựa vào cảm tính nhất thời

**8. Tại các buổi liên hoan, bữa tiệc, bạn sẽ:**

a. Ở lại đến cuối buổi, càng lúc càng phấn khích

b. Đi về sớm vì cảm thấy tẻ nhạt, chán ngắt

**9. Bạn bị hấp dẫn bởi người**

a. Nhạy cảm

b. Có khả năng tưởng tượng phong phú

**10. Bạn quan tâm hơn với:**

a. Những việc thực tế xảy ra

b. Những việc có khả năng xảy ra

**11. Khi nhận xét, đánh giá người khác,**

liên tưởng

**18. Bạn đánh giá điều nào hơn:**

a. Sự thống nhất trong tư duy, suy

nghĩ

b. Sự hòa hợp trong các mối quan hệ con người

**19. Bạn cảm thấy thoải mái hơn khi đưa ra:**

a. Những đánh giá, nhận xét một cách logic

b. Những đánh giá, nhận xét một cách có ý nghĩa, có giá trị

**20. Bạn muốn những điều:**

a. Đã xác định và được quyết định

b. Chưa xác định, chưa được quyết định

**21. Nói về bản thân mình, bạn là người thiên về tính cách nào hơn:**

a. Nghiêm túc, rõ ràng

b. Thoải mái, dễ tính, không câu nệ

**22. Khi nói chuyện điện thoại, bạn thường:**

a. Nói những chuyện mình nghĩ ngay lúc đó

b. Chỉ nói những điều đã dự định, chuẩn bị từ trước

**23. Theo bạn, "các sự việc, sự kiện":**

**bạn bị yếu tố nào ảnh hưởng nhiều hơn**

- a. Dựa vào qui định, luật lệ
- b. Dựa vào từng trường hợp, hoàn cảnh

**12. Bạn có xu hướng tiếp cận với người khác:**

- a. Vì một mục đích nào đó
- b. Vì sở thích cá nhân

**25. Bạn là người**

- a. Trầm tĩnh, lạnh lùng
- b. Sôi nổi, sốt sắng

**26. Trong hai điều dưới đây, điều nào tồi tệ hơn:**

- a. Sự bất công
- b. Sự tàn nhẫn

**27. Theo bạn, các sự kiện, sự việc xảy ra:**

- a. Luôn có nguyên nhân, được chọn lọc cẩn thận
- b. Ngẫu nhiên và tình cờ

**28. Khi đi shopping, bạn thấy vui khi**

- a. Mua hàng
- b. Có nhiều mặt hàng để lựa chọn

**29. Trong công ty, lớp học, bạn thường:**

a. “Bản thân nó giải thích cho chính nó”

b. Nó là bằng chứng giải thích cho các quy tắc, quy luật

**24. Những người có tầm nhìn xa:**

- a. Ở mức độ nào đó, họ thường gây khó chịu cho người khác
- b. Khá thú vị

**39. Khi bàn bạc, tranh luận, đàm phán bạn thích:**

- a. Thảo luận chi tiết về một vấn đề
- b. Đạt được thỏa thuận về một vấn đề

**40. Bạn thường nghe theo:**

- a. Lý trí
- b. Trái tim

**41. Bạn thích kiểu công việc nào trong hai loại dưới đây:**

- a. Công việc ký hợp đồng lâu dài, ổn định
- b. Công việc kiểu thời vụ

**42. Bạn có xu hướng tìm kiếm những điều:**

- a. Theo trật tự, từng bước một, từng khu vực một
- b. Theo bất cứ ý nghĩ nào xuất hiện trong đầu.

**43. Bạn thích:**

- a. Có nhiều bạn

a. Chủ động bắt chuyện

b. Đợi người khác đến bắt chuyện

**30. Những nguyên tắc truyền thống**

a. Thường đáng tin cậy

b. Thường cần xem xét lại tính đúng đắn của nó

**31. Trẻ em thường không**

a. Phát huy hết năng lực chúng có

b. Thỏa mãn hết trí tưởng tượng của mình

**32. Khi đưa ra các quyết định, bạn sẽ thấy thoải mái hơn khi dựa vào yếu tố nào:**

a. Các tiêu chuẩn, chuẩn mực

b. Cảm giác, cảm nhận

**33. Bạn nghiêng về tính cách nào hơn**

a. Kiên quyết, cứng rắn

b. Hay nhẹ nhàng, thoải mái

**34. Theo bạn, khả năng nào đáng khôi phục hơn:**

a. Khả năng tổ chức và làm việc có phương pháp

b. Khả năng thích ứng và xoay xở trước mọi tình huống

**35. Bạn thấy điều gì có giá trị hơn**

a. Điều chắc chắn, đã xác định

b. Điều chưa chắc chắn, còn thay đổi

**36. Khi một người lạ đến bắt chuyện với**

b. Có ít bạn, nhưng thân thiết, lâu dài

**44. Bạn thường dựa vào:**

a. Sự kiện, thông tin

b. Nguyên lí, nguyên tắc

**45. Bạn hứng thú với việc gì hơn:**

a. Sản xuất và phân phối

b. Thiết kế, nghiên cứu

**46. Lời khen nào giá trị hơn:**

a. “Đó là một người có logic rất tốt”

b. “Đó là một người rất tình cảm, tình tế”

**47. Theo bạn, đặc điểm nào thể hiện giá trị con người bạn:**

a. Sự kiên định

b. Sự nhiệt huyết

**48. Bạn hay nói như thế nào:**

a. Chắc chắn như vậy, không thay đổi.

b. Dự định là như vậy, có thể là..., chắc là...

**49. Bạn cảm thấy thoải mái hơn khi nào?**

a. Sau khi quyết định

b. Trước khi quyết định

**50. Bạn là người:**



bạn, bạn thường cảm thấy:

- a. Vui vẻ, thích thú khi nói chuyện với họ
- b. Hơi khó chịu, ái ngại khi nói chuyện

**37. Thường thì bạn là người:**

- a. Thực tế
- b. Hay mơ mộng

**38. Bạn thường có xu hướng:**

- a. Xem người khác có thể làm được việc gì hữu ích
- b. Xem người khác sẽ nghĩ và cảm nhận như thế nào

**53. Bạn thích kiểu người nào hơn?**

- a. Lý trí rõ ràng
- b. Nhạy cảm

**54. Khi đánh giá một việc, bạn dựa vào yếu tố nào nhiều hơn?**

- a. Tính công bằng, vô tư
- b. Thông cảm, đồng cảm

**55. Trong công việc, bạn muốn**

- a. Chắc chắn mọi thứ đã được sắp xếp, lên kế hoạch rõ ràng
- b. Cứ làm và để công việc diễn ra tự nhiên

**56. Trong các mối quan hệ thì mọi việc:**

- a. Nên nói chuyện để giải quyết

a. Có thể nói chuyện dễ dàng với người lạ

b. Chẳng thấy có gì đáng nói đối với người lạ

**51. Bạn tin vào gì hơn:**

- a. Kinh nghiệm
- b. Linh cảm

**52. Bạn có cảm thấy mình là người**

- a. Chân chất hơn là khéo léo
- b. Khéo léo hơn là chân chất

**62. Tình huống như nào sẽ lôi cuốn bạn hơn:**

- a. Tình huống đã được dự tính từ trước
- b. Tình huống bất ngờ xảy ra

**63. Bạn là người:**

- a. Ít thay đổi, ổn định.
- b. Hay thay đổi

**64. Bạn là người:**

- a. Dễ tiếp cận, cởi mở
- b. Có một chút khép kín, khó gần

**65. Khi viết, bạn dùng nhiều**

- a. Nghĩa đen
- b. Nghĩa bóng

b. Nên để mọi việc diễn ra tự nhiên theo điều kiện hoàn cảnh

**57. Khi chuông điện thoại reo, bạn sẽ:**

- a. Là người đầu tiên nhắc máy để nghe
- b. Hi vọng có người khác sẽ nhắc máy

**58. Bạn đánh giá cao khả năng nào hơn:**

- a. Cảm giác rõ ràng về thực tại và những thứ đang diễn ra
- b. Trí tưởng tượng phong phú, sống động

**59. Bạn sẽ chú tâm hơn đến:**

- a. Các nguyên tắc, nguyên lý cơ bản
- b. Các ngụ ý, hàm ý, ẩn ý

**60. Theo bạn, lỗi nào sau đây nghiêm trọng hơn**

- a. Quá nhiệt tình, làm gì cũng hết mình
- b. Quá coi trọng mục tiêu, cố gắng hoàn thành mục tiêu bằng mọi giá

**61. Về cơ bản, bạn sẽ đánh giá mình là người thế nào?**

- a. Cứng rắn, ít bị chi phối bởi tình cảm
- b. Mềm lòng (dễ bị chi phối bởi tình cảm).

**66. Đối với bạn, điều gì khó thực hiện hơn:**

- a. Thông cảm, suy nghĩ cho người khác
- b. Chỉ đạo, ra lệnh cho người khác

**67. Bạn muốn bản thân mình phát triển yếu tố nào:**

- a. suy nghĩ rõ ràng, mạch lạc
- b. Tình thương, lòng trắc ẩn sâu sắc

**68. Trong hai loại người sau đây, bạn ghét loại nào hơn:**

- a. Người bừa bãi, lộn xộn
- b. Người hay chỉ trích người khác

**69. Bạn sẽ thích sự kiện nào hơn?**

- a. Sự kiện có kế hoạch trước
- b. Sự kiện không có kế hoạch trước

**70. Bạn thiên về xu hướng hành động:**

- a. Cân nhắc thận trọng
- b. Tự nhiên, tự phát

Sau khi học sinh đã trả lời trắc nghiệm xong, giáo viên phát cho học sinh phiếu phân tích kết quả để điền vào bảng, rồi cộng số lượng vào các ô cuối cùng theo mẫu sau:

**BẢNG PHÂN TÍCH KẾT QUẢ**

Đánh dấu câu trả lời của bạn vào bảng kết quả dưới đây và tính điểm theo mẫu ở bảng ví dụ:

	a	b		a	b		a	b		a	b		a	b		a	b		a	b	
1			2			3			4			5			6			7			
8			9			10			11			12			13			14			
15			16			17			18			19			20			21			
22			23			24			25			26			27			28			
29			30			31			32			33			34			35			
36			37			38			39			40			41			42			
43			44			45			46			47			48			49			
50			51			52			53			54			55			56			
57			58			59			60			61			62			63			
64			65			66			67			68			69			70			

22		x	23		x	24	x		25	x		26	x		27	x		28		x
29	x		30	x		31		x	32		x	33	x		34	x		35		x
36		x	37	x		38		x	39		x	40		x	41		x	42	x	
43	x		44		x	45		x	46	x		47		x	48		x	49		x
50	x		51	x		52	x		53	x		54	x		55		x	56		x
57	x		58	x		59	x		60		x	61		x	62		x	63		x
64	x		65	x		66	x		67	x		68	x		69		x	70		x
6 4			7 3			5 5			7 3			4 6			5 5			2 8		
↓			→			→			→			→			→			→		
6 4			7 3			12 8			7 3			11 9			5 5			7 13		
E I						S N						T F						J P		

Nhặt các chữ ứng với điểm cao của 4 cặp ta có Bạn A thuộc nhóm ESTP – nhóm nghề tính hướng ngoại (Người sáng lập), nghề nghiệp phù hợp như: Thiết kế thời trang, kiến trúc sư, chuyên gia lập trình, viết phần mềm,....

Ví dụ Bạn B sau khi trắc nghiệm có kết quả bảng sau

	a	b		a	b		a	b		a	b		a	b		a	b		a	b
1	x		2	x		3		x	4	x		5		x	6	x		7		x
8		x	9	x		10		x	11	x		12	x		13	x		14	x	
15		x	16		x	17	x		18	x		19	x		20	x		21		x
22		x	23		x	24	x		25	x		26	x		27	x		28	x	
29	x		30	x		31		x	32		x	33	x		34	x		35		x
36		x	37	x		38		x	39		x	40		x	41		x	42	x	
43		x	44		x	45		x	46	x		47		x	48		x	49		x
50		x	51		x	52		x	53	x		54	x		55		x	56	x	
57		x	58		x	59		x	60		x	61		x	62		x	63	x	

64	x		65		x	66	x		67	x		68	x		69		x	70	x	
	3	7		4	6		3	7		7	3		6	4		5	5		6	4
							4	6					7	3					5	5
							7	13					13	7					11	9
							S	N					T	F					J	P

Nhặt các chữ ứng với điểm cao của 4 cặp ta có Bạn B thuộc nhóm INTJ – nhóm nghề tính hướng nội (Cổ vấn chiến lược), nghề nghiệp phù hợp như: Quản trị nhà hàng khách sạn, quản lý giáo dục,....

### 3.3. Một số kỹ năng thiết yếu

**3.3.1. Mục đích:** Học sinh biết được nội dung và vai trò quan trọng của các kỹ năng thiết yếu; tự xác định được những kỹ năng thiết yếu bản thân đã có và những kỹ năng thiết yếu mà bản thân còn thiếu để có hướng rèn luyện. Với học sinh vùng cao cần giải thích rõ khái niệm kỹ năng để học sinh liên hệ với bản thân mình vì hiện nay học sinh của tỉnh Lào Cai phần lớn thiếu kỹ năng và rất thụ động.

**3.3.2. Nhiệm vụ:** Giáo viên thuyết trình và giảng giải: Kỹ năng là khả năng thực hiện công việc đạt kết quả, có chất lượng trong điều kiện nhất định, thời gian nhất định, dựa trên những tri thức, kinh nghiệm đã có. Ví dụ, ta nói bạn Anh có kỹ năng làm toán có nghĩa là bạn ấy có khả năng giải toán nhanh, cách giải sáng tạo và cho ra kết quả đúng trong hoặc trước thời gian cho phép, dựa trên những kiến thức toán đã được học và kinh nghiệm làm toán. Kỹ năng được thể hiện ở kết quả và chất lượng công việc. Làm bất cứ việc gì cũng cần phải có kỹ năng. Muốn có kỹ năng phải vận dụng hiểu biết vào thực hành, rèn luyện và thực hiện lặp đi lặp lại nhiều lần.

**3.3.3. Kỹ năng thiết yếu:** là những kỹ năng cần thiết cho công việc, học hành, và cuộc sống của mỗi người. Kỹ năng thiết yếu giúp chúng ta có khả năng học và thành công trong môi trường làm việc, nó là nền tảng giúp chúng

ta học các kỹ năng khác cũng như tiến triển trong nghề nghiệp và thích nghi với thay đổi. Do vậy, khi tuyển dụng người lao động ở các vị trí khác nhau, cùng với việc kiểm tra, đánh giá về chuyên môn, các nhà tuyển dụng luôn xem xét và đánh giá cao các kỹ năng thiết yếu của mỗi người. Những kỹ năng thiết yếu được hình thành và phát triển trên nền tảng khả năng, sở thích, cá tính và giá trị nghề nghiệp của mỗi người.

Có 3 nhóm kỹ năng thiết yếu, đó là: **Nhóm kỹ năng cơ bản; Nhóm kỹ năng quản lý bản thân và Nhóm kỹ năng làm việc nhóm.**

Học sinh đọc nội dung các kỹ năng thiết yếu.

3.3.3.1. Nhóm kỹ năng cơ bản: Là những kỹ năng cần thiết phải có để có thể phát triển các kỹ năng khác, bao gồm:

- Kỹ năng thông hiểu và giao tiếp: Đọc và hiểu thông tin (từ ngữ, hình ảnh, sơ đồ); viết và nói sao cho thu hút được người khác và hiểu ý mình; lắng nghe và đặt câu hỏi để hiểu và đánh giá đúng quan điểm của người khác; chia sẻ thông tin bằng những phương tiện và công nghệ giao tiếp khác nhau (giọng nói, email, vi tính); sử dụng những kiến thức và kỹ năng về khoa học, kỹ thuật, logic toán học để giải thích và làm rõ ý;

- Kỹ năng quản lý thông tin: Định vị, thu thập, và sắp xếp thông tin bằng những hệ thống thông tin và kỹ thuật công nghệ phù hợp; truy cập, phân tích, và áp dụng kiến thức, kỹ năng từ những ngành khác nhau (như mỹ thuật, ngôn ngữ, khoa học, kỹ thuật, toán, khoa học xã hội và nhân văn);

- Kỹ năng sử dụng con số: Quyết định điều gì cần được đo lường và tính toán; dùng những phương pháp, dụng cụ, và kỹ thuật phù hợp để quan sát và ghi chép dữ liệu; ước lượng và xác minh các tính toán;

- Kỹ năng suy nghĩ và giải quyết vấn đề: Đánh giá tình hình và nhận dạng vấn đề; tìm và đánh giá những quan điểm khác nhau dựa trên sự kiện; nhìn nhận nhiều chiều khác nhau về một vấn đề, bao gồm nhân văn, quan hệ giữa các cá nhân, kỹ thuật, khoa học, và logic; nhận định nguyên nhân gốc rễ

của vấn đề; sáng tạo trong lúc tìm kiếm những giải pháp khác nhau; sẵn sàng sử dụng những phương pháp khoa học, kỹ thuật, và logic để suy nghĩ, nhận biết, và chia sẻ kiến thức, giải quyết vấn đề, và ra quyết định; đánh giá các giải pháp rồi cho lời khuyên hay quyết định; thực hiện giải pháp; kiểm tra để biết giải pháp có hiệu quả không, và tìm cơ hội để hoàn thiện.

3.3.3.2. Nhóm kỹ năng quản lý bản thân: Là những kỹ năng riêng tư, thái độ, và hành vi thúc đẩy tiềm năng phát triển của mỗi người, bao gồm:

- Kỹ năng biểu hiện thái độ và hành vi lạc quan: Tự tin và tự hào về bản thân; đối xử với người khác, với các vấn đề, và tình huống bằng sự chân thành, trung thực, và đạo đức cá nhân; nhận biết và trân trọng những cố gắng tốt đẹp của bản thân và người khác; tự chăm sóc sức khỏe cá nhân; Biểu lộ sự thích thú, sáng kiến, và nỗ lực;

- Trách nhiệm: Đặt ra những mục tiêu và ưu tiên sự cân bằng giữa công việc và đời sống cá nhân; lên kế hoạch và quản lý thời gian, tiền bạc, và những tài nguyên khác để đạt mục tiêu; đánh giá, đo lường, và quản lý rủi ro; sẵn sàng chịu trách nhiệm cho hành động của mình và của nhóm mình; có trách nhiệm và đóng góp vào cộng đồng;

- Linh hoạt: Làm việc độc lập và trong nhóm; thực hiện nhiều công việc hay dự án trong một lúc; sáng tạo và tháo vát; nhận diện và đề xuất những cách khác nhau để đạt được mục tiêu và hoàn thành công việc; cởi mở và phản ứng tích cực khi có thay đổi; học hỏi từ những lỗi lầm của mình và ghi nhận lời góp ý; đối phó với tình trạng không chắc chắn;

- Học hỏi liên tục: Sẵn sàng học hỏi và phát triển liên tục; đánh giá những điểm mạnh và những điểm cần phát triển của bản thân; tự đặt ra mục tiêu học hỏi cho riêng mình; nhận biết và sử dụng những nguồn và cơ hội học hỏi; lên kế hoạch và đạt được mục tiêu của riêng mình;

- Làm việc an toàn: Cẩn thận, để ý, và làm theo những thông lệ và thủ tục an toàn cho bản thân và nhóm tại nơi làm việc.

3.3.3.3. Nhóm kỹ năng làm việc nhóm: Là những kỹ năng và phẩm chất cần có để đóng góp hiệu quả cho các công việc chung, bao gồm:

- Kỹ năng làm việc với người khác: Hiểu và làm việc trong chức năng nhóm; đảm bảo mục tiêu của nhóm rõ ràng; linh hoạt, tôn trọng, cởi mở và khuyến khích những ý tưởng, quan điểm, và đóng góp của những thành viên trong nhóm; nhận biết và tôn trọng tính đa dạng của con người, những khác biệt và ý kiến của một cá nhân; đón nhận và cung cấp ý kiến phản hồi trong tinh thần Xây dựng và thái độ cẩn trọng; đóng góp cho nhóm bằng cách chia sẻ thông tin và khả năng chuyên môn; lãnh đạo hay Hỗ trợ khi phù hợp, tạo động lực để nhóm đạt thành tích tốt; hiểu rõ vai trò của mâu thuẫn trong nhóm để tìm giải pháp;

- Kỹ năng tham gia dự án và công việc: Lên kế hoạch, thiết kế, hay hoàn thành một dự án hay công việc từ đầu đến cuối với những mục tiêu và kết quả rõ ràng; phát triển một kế hoạch, nhận phản hồi, kiểm tra, thay đổi, và thực hiện; làm việc theo những tiêu chuẩn và chi tiết chất lượng đã được đồng ý; chọn và sử dụng những dụng cụ và kỹ thuật phù hợp cho một dự án hay công việc; thích nghi với sự thay đổi của các điều kiện và thông tin; liên tục theo dõi sự thành công của dự án hay công việc và nhận định những phương pháp để hoàn thiện nó.

Sau khi học sinh biết được nội dung các kỹ năng thiết yếu, giáo viên nhấn mạnh: Nhà tuyển dụng quan tâm đến những kỹ năng thiết yếu này ngang với những kỹ năng chuyên môn trong chuyên ngành sẽ chọn (như y khoa, kỹ sư, kỹ thuật, nghệ thuật, vv.). Những kỹ năng này đã và sẽ được huấn luyện trong và ngoài lớp học, đặc biệt trong các Hoạt động ngoại khóa, Hoạt động Đoàn Đội, cộng đồng, xã hội, v.v... Ở trường phổ thông, thường tập trung vào học văn hóa, ít khi được giới thiệu và quan tâm tìm hiểu, rèn luyện những kỹ năng thiết yếu. Đây là một sai lầm. Thầy/ cô tin rằng, khi đã hiểu được tầm quan trọng của các kỹ năng thiết yếu, sẽ quan tâm và rèn luyện các kỹ năng



thiết yếu ngay từ bây giờ để chuẩn bị tốt nhất cho khả năng được tuyển dụng sau này. Để làm được điều này, mỗi chúng ta cần phải xác định được bản thân mình đã có được những kỹ năng thiết yếu nào và cần phải tiếp tục tìm hiểu, rèn luyện những kỹ năng thiết yếu nào.

Học sinh làm bài tập xác định những kỹ năng thiết yếu bản thân đã đạt được và chưa đạt được.

Giáo viên giới thiệu và yêu cầu học sinh làm bài tập trong thời gian 15 phút. Học sinh làm bài tập cá nhân, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh theo hình thức nhóm đôi. Nếu chưa xong, giáo viên cho học sinh mang bài tập về nhà hoàn chỉnh và giờ học sau mang kết quả đến lớp trình bày và chia sẻ.

### **\*Bài tập**

1. Em hãy đọc kỹ lại nội dung của các kỹ năng thiết yếu, sau đó liên hệ với bản thân để xác định xem mình đã có, đã rèn luyện được những kỹ năng thiết yếu nào? Những kỹ năng thiết yếu nào mình còn thiếu, cần phải tìm hiểu và rèn luyện để có được?

2. Ghi lại những kỹ năng thiết yếu đã xác định được và trao đổi với bạn bên cạnh xem mình nên làm thế nào để củng cố, phát triển những kỹ năng thiết yếu đã có và bổ sung, rèn luyện những kỹ năng thiết yếu còn thiếu.

**Tóm lại:** Kỹ năng thiết yếu bao gồm 3 nhóm kỹ năng: **1/** Nhóm kỹ năng cơ bản; **2/** Nhóm kỹ năng quản lý bản thân; **3/** Nhóm kỹ năng làm việc nhóm. Kỹ năng thiết yếu giúp chúng ta có khả năng học và thành công trong môi trường làm việc, nó là nền tảng giúp chúng ta học các kỹ năng khác cũng như tiến triển trong nghề nghiệp và thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống, nghề nghiệp. Mỗi người cần thường xuyên vận dụng hiểu biết của mình vào Hoạt động thực tiễn để rèn luyện và hình thành các kỹ năng thiết yếu cho bản thân.

## **Module 8**

### **Giải pháp gắn hướng nghiệp và phân luồng học sinh với nhu cầu việc làm của thị trường lao động hiện nay**

#### **1. Giới thiệu chung**

Nêu khái quát thực trạng tình hình lao động và thị trường lao động hiện nay; đưa ra một số giải pháp phù hợp với việc hướng nghiệp của trường trung học (THCS, THPT) vùng cao.

Module này cung cấp cho giáo viên biết các giải pháp thiết yếu để thực hiện việc tư vấn hướng nghiệp học sinh trong nhà trường; ngoài ra cung cấp các gợi ý theo hướng mở để giáo viên tư vấn bổ sung nội dung, tìm kiếm, cập nhật các thông tin thực hiện công việc hướng nghiệp.

Đặc biệt phải nhấn mạnh cho học sinh người địa phương vùng cao từ bỏ tâm lý không muốn đi làm xa nhà ở các khu công nghiệp tại các thành phố mà trở về nhà, địa phương rơi vào nhóm thất nghiệp, mặc dù đã được đào tạo tay nghề đầy đủ. Khi lao động phải tuân thủ các quy định, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp. Hiện nhiều thanh niên người các huyện, xã vùng cao Lào Cai sau khi đi làm ở các công ty, tập đoàn lớn nhưng không chịu được kỷ luật lao động, do còn tư duy và thói quen tự do ngoài khuôn khổ nên bị kỷ luật thôi việc hoặc tự bỏ việc. Về nhà, địa phương không kiểm được việc làm rơi vào thất nghiệp.

#### **2. Mục tiêu**

Giáo viên tư vấn hướng nghiệp nghiên cứu để bồi dưỡng năng lực cho bản thân và thực hiện tư vấn cho học sinh.

Học sinh chuẩn bị thành người lao động phải sống và làm việc theo pháp luật (Luật Lao động).

### **3. Nội dung**

#### ***3.1. Vài nét về thực trạng thị trường lao động với vấn đề hướng nghiệp***

Thị trường lao động còn nhiều bất cập “vừa thừa, vừa thiếu” nên khó khăn trong định hướng nghề nghiệp. Thị trường lao động tại Việt Nam đang bộc lộ nhiều yếu kém, cả về chất lượng lao động, thể chế chính sách... Mặc dù mỗi năm nguồn cung lao động đều tăng, đều thừa, nhưng tuyển được lao động đạt yêu cầu chưa bao giờ là dễ dàng với bất kỳ doanh nghiệp nào.

Đó là cơ cấu lao động của Việt Nam còn khá lạc hậu; về cơ bản Việt Nam vẫn là một thị trường dư thừa lao động trong nông nghiệp, nông thôn với chất lượng cung lao động thấp, phân bổ chưa hợp lý; vẫn còn một tỷ lệ lớn lao động làm việc trong các nghề giản đơn, không đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật; khu vực làm công ăn lương phát triển chậm... Đặc biệt, số người thất nghiệp có trình độ cao đẳng, đại học trở lên vẫn rất cao. Nhiều sinh viên khi ra trường có việc làm nhưng lại làm trái ngành, nghề được đào tạo. Tức là họ có việc làm nhưng chất lượng việc làm ra sao, có phù hợp hay không là câu hỏi cần chú ý thời gian tới. Hiện nay có tình trạng doanh nghiệp tìm cách sa thải lao động từ 35 - 40 tuổi vì nhiều lý do tiền công, tiền lương, năng suất lao động... đã xuất hiện thời gian qua. Đa số lao động bị sa thải hoặc mất việc đều muốn nhận bảo hiểm thất nghiệp một lần, chưa quan tâm đến việc học nghề, tìm kiếm cơ hội việc làm khác để có thể quay lại thị trường lao động.

Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, với sự bùng nổ ứng dụng Internet, công nghệ số, thiết bị thông minh, robot vào sản xuất như hiện nay đang đặt ra cho thị trường lao động Việt Nam nhiều thách thức như nguồn lao động dồi dào, giá rẻ sẽ không còn là yếu tố tạo nên lợi thế cạnh tranh và thu hút đầu tư nước ngoài. Việt Nam cũng có thể sẽ phải chịu sức ép về vấn đề giải quyết việc làm và sẽ phải đối mặt với sự gia tăng tỷ lệ thất nghiệp hoặc thiếu việc làm vì nước ta có quy mô dân số lớn nhưng chất lượng lao động thấp. 46 triệu

lao động Việt Nam chưa qua đào tạo sẽ đứng trước nguy cơ không có cơ hội tham gia làm những công việc có mức thu nhập cao, bị thay thế bởi lao động robot, trang thiết bị công nghệ thông minh...

Để phát triển kinh tế xã hội, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách Hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp. Doanh nghiệp là nơi sử dụng chính nguồn lao động để sản xuất ra của cải cho xã hội. Hiện nay, mỗi tỉnh, thành phố trong cả nước đều có một Kế hoạch riêng để phát triển doanh nghiệp trên địa bàn. Tuy nhiên thông tin thị trường việc làm, nhu cầu lao động và xu hướng thời gian tới mặc dù đã được cung cấp tới các nhà trường nhưng rất ít, không đầy đủ, hệ thống và cập nhật không kịp thời và không có thông tin về xu hướng thời gian tới.

Thực tế, Lào Cai là tỉnh vùng cao, biên giới, dân tộc thiểu số có rất nhiều tính đặc thù địa phương. Những khó khăn trong công tác hướng nghiệp, phân luồng của địa bàn Lào Cai có thể kể đến là: Học sinh vùng cao, vùng dân tộc thiểu số thiệt thòi, ít được tiếp cận thông tin về ngành nghề; gia đình chưa có truyền thống làm những ngành nghề có tính công nghiệp hay Dịch vụ mà chủ yếu thuần nông với phương thức canh tác lạc hậu; hệ thống thông tin nhiều hạn chế, nguồn tài liệu ít nên hiểu biết của còn nhiều bất cập; các ngành công nghiệp tại địa phương chưa phát triển, tâm lý an phận làm cho không muốn thoát ly gia đình sau khi tốt nghiệp THCS, THPT để đi học nghề, làm nghề; đội ngũ giáo viên làm công tác hướng nghiệp còn hạn chế, chưa được đào tạo bài bản mà chủ yếu làm kiêm nhiệm, chưa được tập huấn thường xuyên, cập nhật thông tin còn khó khăn... nên công tác tư vấn, hướng nghiệp còn nhiều bất cập. Kết quả công tác phân luồng còn nhiều khó khăn; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS, THPT chưa qua đào tạo nghề còn cao, so với mục tiêu của Chỉ thị 10.

Với phần nhiều học sinh Lào Cai do xuất phát từ điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên mong muốn chính của là được đi học gần để giảm chi phí,

tốt nghiệp ra trường có việc làm ngay để có thu nhập giúp đỡ gia đình mà hầu như không quan tâm đến năng lực, sở trường hay giá trị nghề nghiệp của bản thân như khoa học hướng nghiệp.

Với mỗi gia đình, không mong muốn gì hơn con em mình sau khi rời ghế nhà trường lựa chọn được nghề nghiệp yêu thích, phù hợp với năng lực, học tập để có tay nghề vững, có việc làm đúng với nghề nghiệp, có thu nhập ổn định ở mức cao và phát triển. Tuy nhiên, với các gia đình vùng cao do kinh tế khó khăn nên ngoài những mong muốn trên, các gia đình còn mong muốn quan trọng hơn là con em được học gần nhà, chi phí đào tạo càng thấp càng tốt (miễn phí càng tốt) và tốt nghiệp xong kiếm được việc làm ở địa phương, không phải đi xa, kể cả đến các khu công nghiệp; họ hầu như chưa quan tâm đến việc nhu cầu lao động ngành đó sau khi tốt nghiệp có cơ hội việc làm cao hay thấp, nghề nghiệp có phù hợp với năng lực của con em mình không.

Với nhà trường THCS, THPT mong muốn sau tốt nghiệp THCS tiếp tục đi học THPT, trung cấp, dạy nghề và phân luồng theo các hướng khác nhau, đạt tỷ lệ phù hợp sẽ tạo nguồn đào tạo nhân lực lao động cho xã hội, qua đó phản ánh chất lượng đào tạo, hiệu quả của việc tư vấn, hướng nghiệp ở nhà trường, gia đình; đồng thời, tránh nhiều hệ lụy xã hội, hạn chế dư thừa nhân lực cục bộ ở một số ngành đào tạo.

Về thị trường lao động, khi nền kinh tế càng phát triển thì thị trường lao động, ngành nghề càng đa dạng, phong phú mà nếu không cập nhật kịp thời thì các tài liệu đã phát hành nhanh chóng bị lạc hậu. Ở mỗi thời kì phát triển, thị trường lao động lại có những nhu cầu lao động khác nhau. Giai đoạn tiền công nghiệp cần nhiều lao động phổ thông; giai đoạn công nghiệp hóa, cần lao động phải qua đào tạo, có kỹ thuật; hiện nay với sự phát triển của công nghệ, xuất hiện nhiều ngành nghề trong xã hội, người sử dụng lao động đòi hỏi người lao động được đào tạo tốt hơn, có kiến thức tốt, có chuyên môn, kỹ thuật; có kỹ năng mềm trong làm, năng lực ngoại ngữ, tinh thần, thái độ, trách

nhiệm cao, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp,... điều này đòi hỏi học sinh muốn có việc làm, thu nhập phải có thái độ nghiêm túc ngay khi chọn nghề nghiệp trong khi còn ngồi trên ghế nhà trường, yêu cầu này không phải gia đình nào, học sinh nào cũng hiểu rõ. Đặc biệt, tỉnh Lào Cai là tỉnh có vị trí địa lý đặc thù biên giới, bên cạnh một quốc gia lớn, đang phát triển mạnh là Trung Quốc thì thị trường lao động càng phong phú, đa dạng. Hiện tại Lào Cai đang có khoảng 2800 doanh nghiệp đăng ký, trong đó có khoảng 60% đang Hoạt động hiệu quả. Đa số là doanh nghiệp vừa và nhỏ, rất nhỏ; nhu cầu tuyển dụng mới hàng năm không lớn.

### **3.2. Giải pháp**

#### *3.2.1. Tuyên truyền, hướng dẫn phụ huynh, học sinh thay đổi nhận thức*

Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn, cần nâng cao nhận thức cộng đồng về giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học. Đối với cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh cần hiểu rõ về giáo dục hướng nghiệp và phân luồng từ đó tuyên truyền, tư vấn, hướng dẫn học sinh, phụ huynh. Trong đó tập trung vào các vấn đề sau:

*Thứ nhất*, một số khái niệm cơ bản về lao động, thị trường lao động, việc làm để học sinh nắm được.

Người lao động là người từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động.

Người sử dụng lao động là doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động; nếu là cá nhân thì phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

Việc làm là Hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm. Nói cách khác: Mọi Hoạt động tạo ra thu nhập, không bị pháp luật cấm đều được thừa nhận là việc làm.

Việc làm được thể hiện dưới 3 hình thức: Công việc để nhận tiền lương, tiền công hoặc hiện vật cho công việc đó (ví dụ: công chức nhà nước, nhân viên các công ty nhà nước, liên doanh, tư nhân...); làm công việc để thu lợi cho bản thân mà bản thân lại có quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu một phần hay toàn bộ tư liệu sản xuất để tiến hành công việc đó (ví dụ: chủ doanh nghiệp, chủ trang trại...); làm các công việc cho hộ gia đình mình nhưng không được trả thù lao bằng tiền lương, tiền công cho công việc đó (ví dụ: sản xuất nông nghiệp, nội trợ...).

*Nghề* là công việc chuyên làm theo sự phân công lao động của xã hội. Nói một cách cụ thể hơn, nghề chính là việc làm lao động trí óc hoặc tay chân hoặc kết hợp cả lao động trí óc và tay chân, trong đó người lao động sử dụng các kiến thức, kỹ năng chuyên môn, kinh nghiệm của mình để thực hiện công việc theo sự phân công lao động của xã hội để tạo ra sản phẩm vật chất hoặc tinh thần và tạo ra thu nhập cho bản thân, gia đình. Ví dụ, nghề dạy học, nghề trồng lúa, nghề nuôi cá, nghề điện, nghề làm vệ sinh môi trường, nghề Kinh doanh, nghề bán hàng, nghề nội trợ...

Mỗi nghề đều có những đặc điểm, nội dung, tính chất, phương pháp lao động nhất định, có những đòi hỏi về khả năng, trình độ đào tạo của người lao động khi tham gia lao động nghề và có những yêu cầu về đặc điểm tâm, sinh lý để người lao động tham gia lao động hiệu quả, an toàn. Tất cả những nội dung trên và một số thông tin khác như điều kiện đảm bảo cho người lao động làm việc trong nghề, những nơi đào tạo nghề, những nơi có thể làm việc sau khi học nghề và triển vọng của nghề tạo nên “bức tranh về nghề” hay còn gọi là “Bản mô tả nghề”.

Thị trường lao động (hoặc thị trường sức lao động) là nơi diễn ra sự trao đổi, thỏa thuận giữa người bán sức lao động (người lao động làm thuê) và người mua sức lao động (người sử dụng sức lao động), thông qua các hình

thức thỏa thuận về giá cả (tiền công, tiền lương) và các điều kiện làm việc khác.

Một thực tế là hiện nay có nhiều người chọn nghề theo trào lưu chung, không quan tâm tìm hiểu thị trường tuyển dụng lao động trước khi đưa ra quyết định chọn nghề. Điều này dẫn đến hậu quả là nhiều người sau khi học nghề xong rất khó xin được việc làm và thậm chí thất nghiệp hoặc phải xin làm những công việc trái với ngành nghề được đào tạo do thị trường tuyển dụng lao động có rất ít nhu cầu hoặc không có nhu cầu tuyển dụng ngành nghề đó.

Về thị trường lao động, khi nền kinh tế càng phát triển thì thị trường lao động, ngành nghề càng đa dạng, phong phú. Ở mỗi thời kì phát triển, thị trường lao động lại có những nhu cầu lao động khác nhau. Giai đoạn tiền công nghiệp cần nhiều lao động phổ thông; giai đoạn công nghiệp hóa, cần lao động phải qua đào tạo, có kỹ thuật; hiện nay với sự phát triển của công nghệ, xuất hiện nhiều ngành nghề trong xã hội, người sử dụng lao động đòi hỏi người lao động được đào tạo tốt hơn, có kiến thức tốt, có chuyên môn, kỹ thuật; có kỹ năng mềm trong làm, năng lực ngoại ngữ, tinh thần, thái độ, trách nhiệm cao, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp,... điều này đòi hỏi học sinh muốn có việc làm, thu nhập phải có thái độ nghiêm túc ngay khi chọn nghề nghiệp trong khi còn ngồi trên ghế nhà trường, yêu cầu này không phải gia đình nào, học sinh nào cũng hiểu rõ.

Việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức cần giúp học sinh hiểu lao động trong lĩnh vực nào cũng cần thiết, được tôn trọng và đãi ngộ xứng đáng nếu có tay nghề cao, làm việc hết mình.

*Thứ hai*, thay đổi nhận thức của học sinh, phụ huynh để họ hiểu được trách nhiệm công dân trong việc học nghề, tạo việc làm, thu nhập. Mục tiêu dạy nghề là đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, Dịch vụ có năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, có đạo đức, lương



tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, **tự tạo việc làm** hoặc học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

*Thứ ba*, do sự phát triển của khoa học và công nghệ liên tục nên nhiều công nghệ mới ra đời, người học phải luôn tự bồi dưỡng tay nghề, đồng thời phải luôn xác định tư tưởng sẵn sàng tham gia việc đào tạo lại, xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân để tồn tại và phát triển nghề nếu không sẽ bị thải loại vì không đáp ứng, làm chủ được công nghệ (vòng quay nghề nghiệp).

*Thứ tư*, trong thị trường lao động luôn luôn thay đổi hiện nay, người lao động phải luôn Xây dựng cho mình một kế hoạch dự phòng cho tương lai để thay đổi, phát triển (ví dụ chuyển chỗ làm mới lương cao hơn điều kiện làm việc tốt hơn chỗ cũ hoặc công ty, doanh nghiệp thay đổi chiến lược Kinh doanh có thể bị mất việc làm, thu nhập và bị thải loại) để kịp thích ứng. Một người có thể làm nhiều nghề, cho nhiều công ty ở các khung thời gian khác nhau.

*Thứ năm*, thay đổi thói quen, tập tục không còn phù hợp của người địa phương, dân tộc để tập trung cho việc làm kinh tế, tăng thu nhập cho bản thân, gia đình; chủ động tham gia vào các kỳ tuyển dụng lao động, đi làm tại các khu công nghiệp xa nhà. Một bộ phận học sinh, thanh niên của Lào Cai còn tồn tại tư duy “trời sinh voi trời sinh cỏ” nên không cần cố gắng, đặc biệt tư tưởng ỷ nại, trông chờ vào sự Hỗ trợ của Nhà nước và sự giúp đỡ của tổ chức, cá nhân thiện nguyện nên không chủ động trong việc tìm kiếm việc làm phù hợp; có nhiều trường hợp đã được thông tin, giới thiệu ngành nghề vị trí việc làm ở các công ty, doanh nghiệp lớn có thu nhập khá cao nhưng vẫn không đi làm, muốn lao động ở gần nhà, tự do, chấp nhận không đúng ngành nghề đào tạo hoặc các công việc đơn giản không cần đào tạo với thu nhập thấp.

### *3.2.2. Xây dựng hệ thống dữ liệu, thông tin về việc làm để cung cấp cho phụ huynh, học sinh*

Các cơ quan quản lý nhà nước (Sở Lao động TBXH, Cục việc làm,...) cần Xây dựng hệ thống thông tin về giáo dục hướng nghiệp, phân luồng để cung cấp dữ liệu về nghề nghiệp, thị trường lao động và dự báo nguồn nhân lực của các ngành nghề trong hiện tại và tương lai, giúp học sinh và phụ huynh có cơ sở lựa chọn nghề nghiệp.

Các nhà trường cần tìm kiếm, tổng hợp thông tin về nghề nghiệp, việc làm và thị trường lao động để cung cấp cho học sinh, phụ huynh.

Đề nghị các doanh nghiệp trên địa bàn cung cấp thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động hàng năm, kế hoạch tuyển dụng lao động trong 2 - 3 năm tiếp theo để cung cấp cho học sinh và phụ huynh trên địa bàn để có thông tin Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp cho bản thân.

### *3.2.3. Tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền nâng cao năng lực đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề nghiệp*

Phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên làm công tác giảng dạy ở các trường nghề theo chuẩn quốc gia, quốc tế.

Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy nghề hiện đại để người học sau khi tốt nghiệp có thể tham gia ngay vào quy trình sản xuất, doanh nghiệp không phải đào tạo lại quá nhiều.

Đẩy mạnh sự tham gia của cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tài liệu và đánh giá kết quả đào tạo nhằm tăng tính thực tế, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

**Như vậy, đối với học sinh vùng cao (vùng III), giáo viên tập trung nhấn mạnh vào việc:**

- Học sinh đến tuổi lao động phải nắm được Luật Lao động để biết được quyền lợi, trách nhiệm của mình khi lao động, nếu có tranh chấp về

nghĩa vụ, quyền lợi, trách nhiệm thì pháp luật mới bảo vệ được người lao động.

- Lao động có kỹ thuật, tay nghề sẽ có thu nhập cao hơn lao động không có kỹ thuật, tay nghề; việc người lao động của Lào Cai trốn đi lao động tự do cho một số trang trại nông nghiệp bên Trung Quốc là một hình thức đi lao động nguy hiểm, mất an ninh an toàn (lẩn trốn biên phòng công an hai quốc gia, vi phạm pháp luật cư trú), không được pháp luật bảo vệ; rủi ro về tài chính (quyt nợ tiền công), rủi ro tính mạng (do tai nạn lao động, bạo lực, cưỡng bức lao động, tệ nạn xã hội khác) không có cơ quan, tổ chức nào bảo vệ cho người lao động.

- Học xong một ngành nghề phải biết tìm kiếm việc làm hoặc tự tạo việc làm cho bản thân, Nhà nước chỉ có chính sách hỗ trợ đào tạo và ban hành pháp luật bảo vệ quyền lợi người lao động (không sắp xếp việc làm cho từng người cụ thể, trừ học sinh cử tuyển đào tạo bằng ngân sách).

- Một người có thể học được nhiều nghề, nghề nào yêu thích nhất, giỏi nhất sẽ có cơ hội việc làm và thu nhập cao nhất. Tuy nhiên, kinh tế xã hội phát triển, cơ cấu kinh tế thay đổi do đó thị trường lao động cũng thay đổi theo (ngày nay nghề này rất cần, rất “hot” thu nhập rất tốt nhưng ngày mai không còn như thế nữa), vì vậy người lao động phải luôn học tập để bồi dưỡng nâng cao tay nghề để đáp ứng yêu cầu sản xuất, hoặc sẵn sàng đến nơi làm việc khác có điều kiện tốt hơn hoặc chuẩn bị cho mình một nghề nghiệp mới để có thu nhập và điều kiện làm việc tốt.

- Có thể có những học sinh chọn nghề học tập, tốt nghiệp xong thì thị trường lao động có thay đổi (VD: giáo viên, công chức hành chính,...) cần nhanh chóng tìm hiểu dự báo thị trường để chuyển đổi ngành nghề đào tạo kịp thời.

- Cần phải đi lao động ở nhiều nơi, địa phương khác để giao lưu, chia sẻ, học cách kiếm tiền của người khác, thay đổi mình mới có tư duy để làm

giàu cho mình và bản làng mình; nếu không đi làm xa sẽ không có tư duy mới, ở bản làng không có điều kiện lao động phù hợp nên không làm giàu được.

- Trong thời buổi hiện nay, lao động trong các công ty, doanh nghiệp được thực hiện chuyên môn hóa cao; mỗi người phụ trách một khâu, nếu một khâu trục trặc thì quy trình sản xuất bị dừng lại, việc sản xuất bị đình trệ dẫn đến làm ăn của đơn vị có thể thua lỗ, vì vậy **kỷ luật lao động trong thời kỳ công nghiệp hóa được đặt ở mức cao**, đây là điều mà nhiều lao động của tỉnh Lào Cai còn thiếu, người lao động không được phép đi làm muộn, không được mất tập trung hoặc làm việc riêng khi đang làm việc hoặc trực máy... nhiều lao động Lào Cai từng bị người sử dụng lao động kỷ luật, buộc thôi việc do không chấp hành nghiêm túc kỷ luật lao động (muộn giờ làm thường xuyên, hút thuốc lã, thuốc lá khi làm việc gây nguy cơ cháy nổ, mâu thuẫn mất đoàn kết nội bộ đánh nhau, chơi cờ bạc, giờ giấc sinh hoạt vô tổ chức ảnh hưởng đến sức khỏe lao động của bản thân và người xung quanh,...).

## **Module 9**

### **Xu hướng nghề nghiệp ở địa phương và trong nước**

#### **1. Giới thiệu chung**

Cung cấp thông tin xu hướng nghề nghiệp ở địa phương và trong nước cho giáo viên hướng nghiệp nắm được giúp tư vấn học sinh chọn ngành nghề.

#### **2. Mục tiêu**

Cung cấp thông tin sát với tình hình thực tế, giới thiệu các ngành nghề phù hợp với học sinh của tỉnh Lào Cai.

#### **3. Nội dung**

##### **3.1. Trong toàn quốc**

Theo thông tin của Ngành Lao động và thương binh xã hội, năm 2017 nước ta có khoảng 1,1 triệu người thất nghiệp, người có trình độ Đại học

là 215,3 nghìn người thất nghiệp. Năm 2018, tỷ lệ thất nghiệp của lao động từ 15 tuổi trở lên là 2% trong đó người có trình độ Đại học trở lên có tới 164 nghìn. Điều này cho thấy không hẳn bằng cấp cao sẽ quyết định được công việc ổn định.

Do vậy, việc xác định được nghề nghiệp tương lai, phù hợp với bản thân và bước tiến của xã hội rất quan trọng trong thời đại hiện nay. Ngay từ bậc THCS - THPT, các bạn phải biết được điều đó mới có thể bắt kịp tốc độ phát triển của xã hội và tìm được con đường của riêng mình. Dưới đây là nghiên cứu và thống kê tổng hợp từ các ngành nghề và cơ hội để có được mức lương cao và an toàn từ 5 - 10 năm nữa dành cho học sinh tham khảo.

#### (1) Bác sĩ - Dược sĩ

Như mọi người đã biết việc thế giới ngày càng phát triển hiện nay đòi hỏi việc đời sống, an sinh xã hội phải càng tiến bước. Do vậy trong tương lai, ngành nghề y tế đòi hỏi sự phát triển mạnh mẽ để đáp ứng cho phù hợp với nhu cầu xã hội. Hơn nữa đây là một ngành thiết yếu, dù bất cứ đâu hay thời gian nào đều cần tới bác sĩ.

Thị trường quốc tế: Khối ngành y tế là xu hướng nghề nghiệp năm 2020, với dự đoán mức tăng trưởng lên tới 19.5%. Đây là một trong những ngành đóng vai trò quan trọng trong khoa học, đời sống, kỹ thuật và y học. Trong tương lai tầm 5 năm tới, ngành này sẽ hưởng 1 phần không nhỏ từ 1 số lượng dân số già, đối tượng cần nhiều dịch vụ chăm sóc nhất của xã hội.

Thị trường Việt Nam: Chắc chắn phải nói về ngành bác sĩ, chỉ cần một người làm bác sĩ là cả họ được nhờ. Ngoài tiền làm từ biên chế nhà nước, các bác sĩ có thực lực có thể mở thêm cửa hàng tư nhân cho riêng mình.

Theo kế hoạch phát triển nhân lực của Bộ Y tế trong hệ thống khám – chữa bệnh giai đoạn từ 2015 - 2020, thì cần phải bổ sung 10.887 dược sĩ ĐH và 83.851 điều dưỡng. Đạt 30% tổng số điều dưỡng có trình độ CĐ - ĐH.

Việc này mở ra cơ hội việc làm rất lớn cho những người có dự định theo học và làm việc trong ngành Y.

## (2) Dịch vụ kỹ thuật

Việc thế giới luôn luôn không ngừng đổi mới, đòi hỏi trình độ con người phải đáp ứng theo để bắt kịp tốc độ phát triển. Đặc biệt trong giai đoạn Công nghiệp 4.0, đây là khoảng thời gian mà công việc dịch vụ kỹ thuật đòi hỏi ở mức năng suất cao nhất và đặc biệt mức lương trong ngành nghề này rất cao.

Thị trường quốc tế: Dự kiến mức độ tăng trưởng của ngành Dịch vụ kỹ thuật là 19%. Đây được coi là 1 ngành được kỳ vọng sẽ tạo được việc làm cho hàng ngàn sinh viên mới ra trường trong tương lai gần 5 - 10 năm tới. Bởi ngành Dịch vụ kỹ thuật luôn đòi hỏi một nguồn nhân lực lớn, cộng thêm việc nhu cầu sử dụng Dịch vụ gia tăng.

Thị trường Việt Nam: Mọi người không còn lạ gì về việc tỉ lệ sinh viên ngành dịch vụ kỹ thuật ra trường tại Việt nam luôn có việc làm với mức lương mà nhiều người mơ ước. Chính vì trình độ chuyên môn hóa cao và đặc biệt đáp ứng đúng nhu cầu và xu hướng người dùng hiện nay.

Như mọi người đã biết việc những đồ công nghệ thiết yếu trong cuộc sống quanh ta như tủ lạnh, xe máy, điện thoại,... mọi thứ đều cần đến dịch vụ kỹ thuật. Hiện nay, có khoảng 22 triệu người sử dụng smartphone tức là cứ 4 người Việt lại có 1 người sử dụng điện thoại thông minh. Gần như việc người nào ở Việt Nam cũng có 1 chiếc xe máy trong nhà mình... Ngoài ra, nhiều người có tay nghề có thể mở cửa hàng tư nhân để sửa chữa, kiếm thêm thu nhập.

## (3) Công nghệ thông tin - kỹ sư phần mềm

Chắc mọi người vẫn còn nhớ tới anh Nguyễn Hà Đông - người tạo ra game siêu hot trên di động (Flappy bird). Với sự thành công của mình, anh đã kiếm được số tiền mà nhiều người mơ ước lên tới 50.000\$/ngày, mở ra một

chân trời mới cho ngành công nghệ, game,... cho Việt Nam. Đây chỉ là 1 ví dụ điển hình về ngành công nghệ thông tin và bạn biết sự thành công, và tiền bạc mà nó đem lại rồi chứ.

Thị trường quốc tế: Trong những năm gần đây, độ hot của ngành Công nghệ thông tin không còn như trước, nhưng không có nghĩa là ngành CNTT không còn sức hấp dẫn nữa. Lập trình phần mềm còn được đánh giá là một trong số ít ngành nghề có khả năng "miễn dịch" với khủng hoảng kinh tế hiện nay. Theo hãng tin CNBC đánh giá: "Bất kể suy thoái kinh tế có xảy ra hay không, nhìn chung những lập trình viên máy tính chịu rất ít tác động."

Thị trường Việt Nam: Chỉ cần máy tính là tâm điểm trong đời sống công việc và sinh hoạt của mọi người thì chắc chắn CNTT vẫn là một ngành hot nhất. Với sự biến chuyển mạnh mẽ của công nghệ kỹ thuật nhờ sự trợ giúp của máy tính, internet tại Việt Nam. Thì việc không có chỗ làm khi có kỹ năng và kiến thức về công nghệ là không thể.

Theo thống kê của VietnamWorks, trong 3 năm vừa qua, số lượng công việc ngành CNTT – Phần Mềm đã tăng trung bình 47%/ năm. Tuy nhiên, số lượng nhân sự ngành này chỉ tăng ở mức trung bình 8%. Thị trường luôn rất cần nhân lực, đặc biệt nhân lực chất lượng. Chính vì thế, từ 5 - 20 năm nữa, CNTT sẽ vẫn là ngành hot đối với không chỉ sinh viên, mà còn cả người đi làm – những người muốn tìm kiếm cơ hội mới, nghề tay trái.

#### (4) Ngành du lịch, quản lý nhà hàng khách sạn

Như mọi người đã biết, đời sống phát triển đi đôi với việc áp lực cuộc sống gia tăng, nhu cầu được nghỉ ngơi, ăn uống, du lịch chắc chắn sẽ tăng mạnh. Nên nhân sự ngành du lịch, quản lý khách sạn sẽ rất "khát" trong khoảng từ 5 - 10 năm nữa.

Thị trường quốc tế: Ngành quản lý nhà hàng, khách sạn sẽ có mức độ tăng trưởng đạt 18%. Lợi nhuận và nhu cầu tuyển dụng của ngành tư vấn

quản lý cũng sẽ tăng lên khi nền kinh tế phục hồi và các công ty đầu tư nhiều về mặt chiến lược.

Thị trường Việt Nam: Những năm gần đây, du lịch, nhà hàng, quản trị khách sạn luôn nằm trong top 3 những ngành khao khát nhân sự nhất. Mức thu nhập cho vị trí quản lý khách sạn quy mô vừa đạt 10 - 15 triệu đồng/tháng và 45 triệu đồng/tháng trở lên ở các khách sạn đạt chuẩn 5 sao.

Năm 2017 Du lịch Việt Nam, trong đó tốc độ tăng trưởng lượng khách là một trong những dấu ấn quan trọng nhất của ngành du lịch. Theo đó, tính cả năm 2017, Việt Nam đón được 12,9 triệu lượt khách quốc tế, tăng gần 30% so với năm 2016 và phục vụ hơn 73 triệu lượt khách nội địa, ngành Du lịch vẫn tăng trưởng tốt trong năm 2018. Ngành Du lịch phấn đấu đến năm 2020 sẽ cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

#### (5) Digital Marketing (quảng cáo kỹ thuật số)

Với hàng loạt các thương hiệu lớn được phát triển gần đây là nhờ công sức không nhỏ của bộ phận ngành marketing. Đặc biệt trong thời đại công nghiệp 4.0 hiện nay, marketing gần như là một xu hướng khó có thể loại bỏ khỏi thị trường hiện đại.

Thị trường quốc tế: Cùng với sự bùng nổ của ngành công nghệ thông tin của các ông lớn hiện như Google, Facebook nhu cầu tiếp thị trực tuyến càng phát triển mạnh. Nhu cầu nhân lực của ngành marketing trình độ cao tương đối lớn đáp ứng nhu cầu nhà tuyển dụng năm 2020.

Thị trường Việt Nam: Hiện nay những công ty cần đến tiếp thị đang mọc lên như nấm đặc biệt là những công ty truyền thông. Ngoài ra, xu hướng thay đổi kinh tế cũng như cách mà các nhà đầu tư đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng cũng ngày một khác để có thể cạnh tranh với nhiều đối thủ.

Do vậy những công ty ấy cần phải có một đội ngũ chuyên tiếp xúc với khách hàng, có những sáng tạo để tiêu thụ được sản phẩm. Ngành Digital Marketing đã và đang làm thỏa mãn những yêu cầu trên của các công ty.



Quan trọng không kém là mức đãi ngộ của các công ty ấy thường rất cao tùy vào quy mô của công ty lớn hay nhỏ. Không những vậy xu thế hòa nhập toàn cầu đang rất nóng nên ngành marketing chính là ngành dễ xin việc nhất hiện nay. Với những yêu cầu về trình độ tiếng Anh và những kỹ năng cơ bản bạn hoàn toàn có thể tìm cho mình một công việc ưng ý.

#### (6) Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học [65]

Công việc của một nhà nghiên cứu sinh học là áp dụng các khái niệm về sinh học, khoa học để nghiên cứu các vấn đề về di truyền học, khoa học y tế, dược phẩm, nghiên cứu protein,... Trách nhiệm công việc của các chuyên gia công tác trong lĩnh vực này là phân tích mô hình, tạo ra các mô hình toán học và phát triển các giải pháp. Họ có thể vừa làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu vừa làm kỹ thuật viên trong phòng thí nghiệm.

#### (7) Kỹ sư nông nghiệp

Với tầm quan trọng của thực phẩm “sạch” đối với cuộc sống, việc phát triển các sản phẩm hữu cơ có chứa ít hoặc không có phân bón hóa học, thuốc trừ sâu là điều nhiều người tiêu dùng đang chờ đợi. Chính xu hướng này đã thôi thúc những kỹ sư nông nghiệp không ngừng tìm tòi và phát triển giống mới, hình canh tác mới. Và cũng chính xu hướng này khiến cho vai trò của các kỹ sư nông nghiệp trở nên quan trọng và được tìm kiếm nhiều hơn.

#### (8) Truyền thông đa phương tiện

Các ngành như truyền thông, tổ chức sự kiện, quay phim, đọc tin, phóng viên, kỹ thuật viên, biên kịch,... đều đang trở thành những nghề được “săn đón” nhiều nhất và dự đoán sẽ không giảm nóng trong tương lai. Những nghề liên quan đến truyền thông đa phương tiện không chỉ mang lại cho bạn cơ hội tiếp xúc với nhiều nền văn hóa mà còn giúp bạn trở nên năng động, tự tin và dư giả với một khoản thu nhập lý tưởng.

#### (9) Ứng dụng năng lượng tái tạo

Nhiên liệu hóa thạch và các nguồn năng lượng khác đang trên bờ vực cạn kiệt và giải pháp cho vấn đề này là sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo. Một trong số đó là việc sử dụng năng lượng mặt trời để thắp sáng. Trách nhiệm của những chuyên gia cài đặt quang điện chạy bằng năng lượng mặt trời bao gồm: lắp ráp quang điện và bảo trì,... Chính vì vậy đây cũng là một trong những nghề đóng vai trò quan trọng trong tương lai khi con người cần đến những nguồn năng lượng vô hạn thay thế cho những nhiên liệu sắp cạn kiệt để duy trì sự sống.

#### (10) Chế tạo robot y tế

Các chuyên gia áp dụng các kiến thức về robot trong lĩnh vực y tế để chế tạo các chân tay giả và các ứng dụng khác cho cuộc sống tốt đẹp hơn. Cải thiện công nghệ chẩn đoán sao cho có ít xâm hại đến cơ thể con người nhất. Ngành chế tạo robot y tế vẫn đang trong giai đoạn phát triển, chính vì vậy nó rất cần chất xám của các nhà chế tạo tương lai. Nếu bạn yêu thích nghề này hãy học hỏi và theo đuổi ngay bây giờ.

#### (11) Kinh doanh và tài chính

Các nghề liên quan đến Kinh doanh và tài chính chưa bao giờ dừng lại. Bạn có thể tìm việc làm trong lĩnh vực tiếp thị trên Internet, bán hàng, nhà phân tích Kinh doanh, cố vấn tài chính, kế toán - kiểm toán, chuyên viên thống kê,... đó đều là những nghề cần nhiều nhân lực trong tương lai gần.

#### (12) Ngành giáo dục

Lĩnh vực này cung cấp cơ hội việc làm cho bạn không phụ thuộc vào sự thay đổi của môi trường vì giáo dục bao giờ cũng là lĩnh vực quan trọng hàng đầu của mọi quốc gia. Bạn có thể làm việc như một giáo sư, giáo viên cấp 1, cấp 2, cấp 3 hoặc việc làm mới là giáo viên mầm non,...tất cả đều mang lại cho bạn một khoản thu nhập ổn định.

### **3.2. Đối với tỉnh Lào Cai**

Nhu cầu nhân lực cần ở tất cả các lĩnh vực, hiện tại với 2800 doanh nghiệp đăng ký [64] và tiếp tục phát triển quy mô, dự báo số doanh nghiệp đăng ký còn tăng mạnh trong những năm tới. Các ngành nghề đang thu hút và tiếp tục thu hút nhiều nhân lực lao động ở Lào Cai, đặc biệt là lao động có tay nghề cao đó là:

#### **(1) Nghiệp vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn**

Mục tiêu đưa Lào Cai trở thành tỉnh phát triển của vùng Tây Bắc năm 2020, du lịch Lào Cai phát triển đột phá, cơ bản trở thành ngành kinh tế có vị trí quan trọng trong cơ cấu khối Dịch vụ cùng hệ thống cơ sở hạ tầng du lịch đồng bộ, sản phẩm chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, duy trì và phát huy được những nét đẹp của văn hóa dân tộc; bền vững với môi trường tự nhiên.

Nhu cầu lao động trong 5 năm: 33.000 lao động; trong đó 12.000 lao động trực tiếp, 21.000 lao động gián tiếp; trên 70%, số lao động trong Hoạt động du lịch được đào tạo các kỹ năng nghề; 50% được đào tạo ngoại ngữ [66]. Trong đó tập trung vào các nghề Hướng dẫn du lịch, Quản lý tổ chức tour, Nấu ăn, buồng, bàn bar, Quản trị nhà hàng khách sạn, quản trị nhân sự, vận tải du lịch, quảng bá du lịch, bán hàng, Kinh doanh Homestay...

#### **(2) Nông lâm nghiệp**

Lào Cai có diện tích đất tự nhiên lớn, điều kiện khí hậu ôn đới phù hợp cho nhiều loài, giống cây trồng; có nhiều giống cây đặc sản tạo ra hàng hóa như Lê tai nung, Mận tam hoa – Bắc Hà; gạo Sóng cù Mường Khương; nếp Thảm Dương - Văn Bàn; các giống rau, hoa Sa Pa; ... trong thời gian tới cần nhiều nhân lực phát triển nông nghiệp hữu cơ (sạch), sản xuất chuỗi liên kết, sản xuất công nghệ cao.

Bên cạnh đó việc chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp trong thời gian tới cần nhiều nhân lực trình độ cao, tạo việc làm thu hút lao động.

### (3) Công nghiệp Xây dựng

Lào Cai có nguồn khoáng tự nhiên đa dạng với trữ lượng lớn, như Apatit, đồng Sin quyền, sắt Quý Sa,... cùng với đó là các khu công nghiệp chế biến phát triển nên cần lượng lớn nhân lực lao động thủ công và lao động có trình độ cao.

## **Module 10**

### **Các năng lực cần thiết, đặc trưng của người lao động theo ngành nghề**

#### **1. Giới thiệu chung**

Giới thiệu khái quát các yêu cầu cần thiết đặc trưng của người lao động theo nhóm đặc điểm nghề để học sinh nắm bắt được lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với sức khỏe, hoàn cảnh của mình. Do số lượng tên nghề cụ thể rất nhiều (hiện có hơn 500 ngành đào tạo khác nhau), trong đó nhiều nghề có đặc trưng yêu cầu khá giống nhau, chỉ nghiệp vụ chuyên môn khác nhau. Vì vậy, để tránh việc chồng chéo, lặp lại, module chỉ giới thiệu các đặc trưng theo nhóm nghề.

#### **2. Mục tiêu**

Nêu những đặc điểm theo nhóm nghề để đưa ra lời khuyên cho học sinh trước khi lựa chọn

#### **3. Nội dung**

Giáo viên giới thiệu cho học sinh biết, nắm chắc đặc điểm của từng nhóm cụ thể:

##### **3.1. Nhóm kỹ thuật:** *Kiểu thực tế cụ thể - thao tác kỹ thuật*

##### **3.1.1. Đặc điểm**

Những người ở nhóm kỹ thuật có sở thích và khả năng khám phá, sử dụng máy móc, làm những công việc sử dụng thao tác tay chân như các ngành nghề thuộc về cơ khí, ô tô, điện, tin học hoặc các ngành nghề đòi hỏi sự khéo léo của tay chân như thể thao, nấu nướng, chăm sóc cây xanh, thủ công mỹ

nghệ...

Khả năng của những người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau: **Thực tế - Cụ thể**

- Thể lực tốt – suy nghĩ thực tế;
- Tư duy, trí nhớ tốt;
- Say mê, nghiêm túc thực hiện các qui trình kĩ thuật;
- Sáng tạo, khéo tay, tỉ mỉ;
- Có năng lực chú ý tốt;
- Thị lực tốt;
- Trí tưởng tượng không gian tốt;
- Phản ứng cảm giác/ vận động nhanh, chính xác;
- Chịu đựng trạng thái căng thẳng;
- Kiên trì, nhạy cảm;
- Khí chất thần kinh ổn định.

### *3.1.2. Môi trường làm việc tương ứng*

Các công việc liên quan đến điều khiển máy móc, đồ vật hoặc chăm sóc, bảo vệ vật nuôi, cây trồng; Làm việc ngoài trời, đòi hỏi sự khéo léo chân tay khi sử dụng các công cụ, máy móc hoặc trong Hoạt động thể thao.

Nghề phù hợp điển hình: Trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng, điện - điện tử, cơ khí, điều khiển, sử dụng, sửa chữa máy móc, các nghề thủ công mỹ nghệ, vận động viên, huấn luyện viên, cảnh sát, cứu hỏa...

*Chống chỉ định của những công việc trên (không phù hợp cho những người có đặc điểm sau):*

- Dị ứng dầu mỡ, hóa chất;
- Lao, hen, hẹp van tim, viêm thận;
- Loạn thị, loạn sắc, mù màu;
- Run tay và mồ hôi quá nhiều;
- Tâm lí không ổn định.

### *3.1.3. Các ngành nghề đào tạo*

Vận hành máy, chế tạo máy, cơ khí ứng dụng, tự động, bảo trì và sửa chữa ô tô, thiết bị điện, lắp đặt điện, bảo hành, sửa chữa điện - điện tử, tin học, xây dựng, trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, thể thao, nấu ăn, làm vườn và chăm sóc cây xanh, thủ nghệ thuật, đan, móc, làm hoa, cắm hoa, điêu khắc, nhân viên kỹ thuật phòng thí nghiệm, tài xế, lái tàu, công nghệ thông tin, nấu ăn, quản lý cảnh quan và môi trường, trồng hoa, cây cảnh, may dân dụng, may công nghiệp, làm vườn, nuôi trồng thủy sản...

Các công việc Hoạt động thuộc nhóm kỹ thuật có từ công nhân bậc 2/7, 3/7, công nhân kỹ thuật trình độ trung cấp nghề, kỹ sư thực hành, chế tạo, sản xuất, kiểm tra, điều khiển hệ thống, gia công, chế biến cơ – hóa – điện – điện tử, ô tô, đầu bếp...

Hiện nay, tất cả các ngành nghề này đều có đào tạo tại các trường Trung cấp, các trường cao đẳng, đại học vùng và Trung ương, một số nghề có đào tạo tại Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp – Hướng nghiệp (TTKTTHHN), Trung tâm GDNN-GDTX của địa phương.

### **3.2. Nhóm nghiên cứu:** *Kiểu người kiên trì - khoa học - nghiên cứu*

#### *3.2.1. Đặc điểm*

Những người ở nhóm nghiên cứu có sở thích và khả năng làm việc độc lập, nghiên cứu say mê về một lĩnh vực nào đó như công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, nghiên cứu về văn hóa xã hội...

Có khả năng để chuẩn bị làm việc với hệ thống khái niệm khoa học, tìm ra quy luật chung để trình bày dưới dạng hệ thống ký hiệu. Ở mức cao hơn, những người nhóm này có khả năng Hoạt động giao tiếp trí tuệ, tư duy trừu tượng, lao động sáng tạo khoa học bậc cao để phát hiện quy luật và thiết kế chiến lược KHKT và KHXH.

Khả năng của những người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

Khoa học - kiên trì

- Phát triển mạnh tư duy logic;
- Kiên trì, làm việc có phương pháp, ham hiểu biết;
- Có óc tò mò, quan sát tinh tế;
- Nhạy cảm, phán đoán, ứng xử kịp thời, tự đặt ra yêu cầu cao và nghiêm khắc đối với chính mình;
- Có tính quyết đoán, thất bại không nản;
- Có khả năng tưởng tượng không gian và nhận biết tốt hình dạng vật thể;
- Có năng lực vượt khó, thông minh, có kỹ năng sống thích ứng;

### *3.2.2. Môi trường làm việc tương ứng*

Công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường, giáo dục, văn hóa....

Nghề phù hợp điển hình: Nghiên cứu khoa học, nghiên cứu trong các lĩnh vực tự nhiên, xã hội, giáo dục, môi trường, bác sĩ, kỹ thuật viên y tế, kỹ thuật viên phòng thí nghiệm...

*Chống chỉ định:*

- Lao;
- Thiếu máu;
- Động kinh;
- Tim mạch;
- Tâm thần.

### *3.2.3. Các ngành nghề đào tạo*

Kỹ sư công nghệ phần mềm, nhân viên các phòng thí nghiệm, các nhà nghiên cứu trong các lĩnh vực: văn hóa, giáo dục, động vật học, thực vật học, công nghệ sinh học, môi trường, tâm lý học, lập trình viên, toán học, vật lý,

hóa học, sử học, địa lí, văn học, chuyên viên nghiên cứu thị trường, giảng viên đại học...

**3.3. Nhóm nghệ thuật:** Kiểu người sáng tạo tự do - văn học - nghệ thuật

#### 3.3.1. Đặc điểm

Những người ở nhóm nghệ thuật rất thích và có khả năng làm việc thiên về tính chất nghệ thuật như viết văn, bình thơ, vẽ, thiết kế mỹ thuật, đạo diễn, nghệ sĩ....

Đây là dạng nghề đang phát triển mạnh theo nhu cầu xã hội. Cùng trong nhóm này là các nhà văn, các biên kịch, nghệ sĩ, ca sĩ, nhạc sĩ, họa sĩ,...

Khả năng của người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

Sáng tạo - Tự do

- Sáng tạo, linh hoạt và thông minh;
- Kiên trì, nhạy cảm;
- Tinh thần phục vụ tự nguyện;
- Có tính tưởng tượng không gian và nhận biết tốt hình dạng vật thể;
- Có khả năng sống thích ứng;
- Diễn tả ngôn từ lịch sự, rõ ràng;
- Hiểu biết về lịch sử, văn hóa, chính trị.

#### 3.3.2. Môi trường làm việc tương ứng

Sáng tác trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc, hội họa, thủ công mỹ nghệ; biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, dẫn chương trình.

Nghề phù hợp điển hình: Sáng tác văn học, thơ ca, nghệ sĩ nhiếp ảnh, nghệ sĩ biểu diễn (nhạc, kịch, hát múa..), họa sĩ, nhạc sĩ, điêu khắc, thiết kế thời trang, thiết kế quảng cáo, giảng viên văn học...

*Chống chỉ định:*

- Bệnh lao, truyền nhiễm



– Dị tật, nói ngọng, điếc

### *3.3.3. Các ngành nghề đào tạo*

Viết văn, kiến trúc sư, họa sĩ, nhạc sĩ, ca sĩ, diễn viên (điện ảnh, kịch, chèo, cải lương, tuồng...) thợ thủ công mỹ nghệ (chạm khắc gỗ, thêu tranh, làm đồ gốm sứ, chạm bạc...), nhà báo, bình luận viên, dẫn chương trình, người mẫu, nghệ sĩ biểu diễn nhạc cụ, đạo diễn, chuyên viên trang điểm, thiết kế thời trang, thiết kế quảng cáo...

Hiện nay tất cả các ngành nghề này được đào tạo tại TTKTTHHN, các trường TC, trường cao đẳng, đại học vùng và trên toàn quốc.

### **3.4. Nhóm xã hội:** *Kiểu người linh hoạt quảng giao - phục vụ xã hội*

#### *3.4.1. Đặc điểm*

Những người ở nhóm xã hội có sở thích và khả năng làm việc, giao tiếp người với người, thích đi đây, đi đó. Trong nhóm này có nghề giáo viên, tư vấn viên, bác sĩ, luật sư...

Khả năng của những người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

#### **Quảng giao - Linh hoạt**

- Có khả năng tổng kết, quy nạp, diễn dịch;
- Biết lắng nghe, lắng nghe tích cực, có phản hồi;
- Sáng tạo, linh hoạt, thông minh;
- Tuyệt đối tôn trọng ý kiến của thân chủ;
- Có năng lực chú ý tốt;
- Kiên trì, nhạy cảm;
- Lịch thiệp;
- Thần kinh vững mạnh, tự kiềm chế tốt;
- Tôn trọng mọi người;
- Sức khỏe tốt, bền bỉ;
- Có tính sáng tạo;

- Tinh thần phục vụ tự nguyện.

#### 3.4.2. Môi trường làm việc tương ứng

Làm các công việc trong môi trường mang tính xã hội cao, thường xuyên giao tiếp với người khác hoặc có nhiều cơ hội giúp đỡ, huấn luyện và chỉ dẫn người khác.

Nghề phù hợp điển hình: Dạy học, y khoa, dược khoa, luật sư, tư vấn tâm lý, hướng dẫn viên du lịch...

*Chống chỉ định:*

- Lao;
- Thiếu máu;
- Tâm thần không ổn định;
- Bệnh truyền nhiễm.

#### 3.4.3. Các ngành nghề đào tạo

Giáo viên các cấp, tư vấn viên, bác sĩ, dược sĩ, y tá, dược tá, nhân viên các công ty du lịch, hướng dẫn viên du lịch, luật sư, huấn luyện viên, tư vấn hướng nghiệp, Dịch vụ khách hàng, cán bộ xã hội, cán bộ hội phụ nữ, nhân viên khách sạn/Khu nghỉ dưỡng (Resort)...

Hiện nay tất cả các ngành nghề này đều có đào tạo tại các trường TC, cao đẳng và các trường đại học.

### 3.5. **Nhóm quản lý:** Kiểu người chủ động uy quyền - dựng nghiệp quản lí

#### 3.5.1. Đặc điểm

Những người ở nhóm quản lí có sở thích và khả năng làm việc thiên về ra lệnh cho người khác và lãnh đạo một nhóm người hay cả một tập thể lớn. Nghề thuộc nhóm này mang tính chất quản lí như công an, sỹ quan, quản trị Kinh doanh, kĩ thuật công nghệ, quản lí chuyên nghiệp, điều hành Hoạt động hệ thống có tầm cỡ ảnh hưởng rộng lớn tới nhiều con người, nhiều vấn đề ở cấp vĩ mô.

Khả năng của những người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

- Chủ nghĩa - Uy quyền
- Nhà quản trị theo quan niệm mới, tránh độc quyền;
- Trí tuệ là một quyền lực;
- Tính cách cương nghị, biểu hiện từ vóc dáng đến tư thế đi đứng, ăn nói;
- Là người có kỹ năng sống: Hòa hòa, thích ứng, sáng suốt, tinh táo hơn người, có hệ thần kinh vững mạnh, bình tĩnh xét đoán tình hình, đối tượng, có trí nhớ tốt, tập trung sâu bền vững.

*Đòi hỏi phải có các kỹ năng:*

- Kiến tạo tổ chức;
- Xây dựng giá trị mới cho tổ chức; Tạo ra động lực Hoạt động;
- Không ngừng tự giáo dục và giáo dục thuộc cấp, xây dựng tổ chức học tập.

### *3.5.2. Môi trường làm việc tương ứng*

Môi trường làm việc mang tính chất quản lý, lãnh đạo, ra lệnh cho người khác và thực hiện các chức năng:

- Điều hành chung;
- Chủ trì sản xuất;
- Điều phối thông tin, chiến lược giao tiếp;
- Giám sát từng giai đoạn, trợ giáo;
- Tạo điều kiện hòa hợp và hội nhập.

Nghề phù hợp điển hình: Nhà lãnh đạo, chủ doanh nghiệp, giám đốc điều hành, hiệu trưởng, luật sư...

### *3.5.3. Các ngành nghề đào tạo*

Công an, sĩ quan quân đội, quản trị Kinh doanh, kỹ thuật công nghệ, chủ doanh nghiệp, chuyên viên quan hệ công chúng (PR), quản lý khách sạn,

bếp trưởng khách sạn cao cấp, quản lý giáo dục các cấp...

Hiện nay tất cả các ngành nghề này được đào tạo tại các trường TC, trường cao đẳng, đại học.

### **3.6. Nhóm nghiệp vụ:** *Kiểu người thận trọng nề nếp - nghiệp vụ quy củ*

#### **3.6.1. Đặc điểm**

Những người ở nhóm nghiệp vụ có sở thích và có khả năng làm việc ở văn phòng, làm các công việc sổ sách như văn thư, hành chánh, tài vụ, bưu điện, tiếp tân,...

Nhóm nghề này đòi hỏi phải có Hoạt động giao tiếp với nhiều người, nhiều công việc, có nghiệp vụ, được huấn luyện từ trung cấp đến đại học trong doanh nghiệp, trong Hoạt động phục vụ công cộng,...

Khả năng của những người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

#### **Nền nếp - Thận trọng**

- Lĩnh hội diễn tả ngôn từ lịch sự, hấp dẫn, rõ ràng;
- Thận trọng nhưng nhanh nhẹn;
- Ứng xử kịp thời, siêng năng;
- Hiểu biết về lịch sử, chính trị, văn hoá, nghệ thuật,...;
- Hiểu rõ người đối thoại;
- Làm việc ngăn nắp, điều độ, không nhầm lẫn;
- Có trí nhớ tốt;
- Tự tin, biết điều tiết, kiềm chế;
- Có khả năng hoạt động độc lập;
- Giỏi ngoại ngữ và ứng xử;
- Xử lý thông tin tốt.

#### **3.6.2. Môi trường làm việc tương ứng**

Môi trường làm việc mang tính chất giao tiếp với nhiều người, nhiều

công việc, đòi hỏi có tính nghiệp vụ như lưu trữ văn thư, kế toán, tài chính, tin dụng, ...

Nghề phù hợp điển hình: Nhân viên ngân hàng, kế toán, thư kí văn phòng, biên tập viên, văn thư...

*Chống chỉ định:*

- Bệnh lao, bệnh truyền nhiễm;
- Dị tật, nói ngọng, điếc;

### *3.6.3. Các ngành nghề đào tạo*

Thư ký, nhân viên lưu trữ, thư viện, nhân viên văn phòng, chuyên viên thuế, thủ quỹ, kế toán viên, lễ tân, bưu điện, nhân viên ngân hàng...

Hiện nay tất cả các ngành nghề này được đào tạo tại các trường TC, các trường cao đẳng, đại học.

## **\*MỘT SỐ NGHỀ NGHIỆP THÔNG THƯỜNG VÀ NĂNG LỰC CẦN THIẾT ĐẶC TRƯNG**

### **1. Tên nghề: Thiết kế nội thất**

### **2. Đặc điểm Hoạt động của nghề**

#### *2.1. Đối tượng lao động*

Khoảng không gian bên trong các công trình xây dựng và yêu cầu của chủ đầu tư.

#### *2.2. Nội dung lao động*

Chuyên viên thiết kế nội thất lên kế hoạch và thiết kế không gian bên trong các công trình Xây dựng dân dụng. Công việc chủ yếu của họ như sau:

- + Thảo luận các ý tưởng về thiết kế và tư vấn cho chủ đầu tư về những vấn đề liên quan.
- + Phân tích những yêu cầu của chủ đầu tư.
- + Lên kế hoạch và thiết kế không gian có mái che, trong các văn phòng.

- + Bố trí sắp đặt vị trí đèn, máy lạnh, các thiết bị nghe nhìn và liên lạc (điện thoại, máy fax).

- + Chuẩn bị bản vẽ, mẫu vật và tài liệu hướng dẫn trong trang trí.

- + Thực hiện những thay đổi cần thiết trong thiết kế hoặc bản vẽ.

- + Giới thiệu cho chủ đầu tư những nhà cung cấp uy tín trong trang trí nội thất.

- + Thiết kế và trang trí nội thất trong nhà.

- + Phối hợp tốt và thống nhất những vấn đề cơ bản với các kiến trúc sư và những nhà thầu chính, phụ ngay từ giai đoạn đầu để đạt được bản vẽ thiết kế nội thất phù hợp nhất.

- + Liên hệ và phối hợp tốt với quản trị dự án.

- + Theo kịp các xu hướng thiết kế của thời đại và đáp ứng những yêu cầu về mặt pháp lý trong trang trí nội thất.

### *2.3. Công cụ lao động*

- + Dụng cụ dùng để đo lường và vẽ kỹ thuật.

- + Vật liệu dùng trong trang trí, cùng các mẫu trang trí, sơn và bảng màu mẫu.

- + Giá vẽ.

- + Máy vi tính và các phần mềm Hỗ trợ.

### *2.4. Điều kiện lao động*

Thiết kế nội thất thường làm việc trong các studio, văn phòng và trực tiếp đến các công trường Xây dựng. Trong công việc họ phải đi khá nhiều: đến tham quan các cao ốc văn phòng, nhà riêng, nhà hàng, cửa hiệu, nhà máy để tham khảo và có cảm hứng sáng tạo. Họ phải tuân theo các biện pháp bảo hộ khi trực tiếp đến công trình và trong công việc của mình, họ cũng phải tuyệt đối áp dụng các quy định về vệ sinh an toàn và công tác phòng chống cháy nổ.

Thiết kế nội thất thường làm việc với những giờ giấc bất thường, kể cả phải làm thêm giờ và vào những ngày nghỉ cuối tuần.

### **3. Các yêu cầu của nghề đối với người lao động**

+ Kỹ năng: Thiết kế; Vẽ tay; Diễn đạt, trình bày vấn đề; Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng phân tích; Khả năng khái quát và giải quyết vấn đề.

+ Kiến thức: Người thiết kế nội thất cần am hiểu: Các phong cách kiến trúc, hội họa, thiết kế và trang trí từ quá khứ đến hiện tại, từ phong cách thuần Việt đến phương Tây; tâm lý học tiêu dùng để cho ra thiết kế phù hợp với người tiêu dùng chứ không phải là điều ngược lại; hiểu biết về vật liệu xây dựng, cơ sở hạ tầng, vật liệu và ánh sáng; kiến thức toán cơ bản; Luật Xây dựng; tính chất của các vật liệu để đảm bảo an toàn trong phòng chống cháy nổ.

+ Đặc điểm tính cách: Trí tưởng tượng phát triển; óc sáng tạo; đúng giờ, chính xác; năng động dám nghĩ, dám làm; có khả năng lắng nghe ý kiến người khác và chấp nhận những ý kiến trái ngược; bản tính thân thiện, dễ hoà đồng; khả năng khuyến khích khách hàng tin tưởng vào quyết định của mình; khả năng chú ý đến từng chi tiết; làm việc dưới áp lực cao.

### **4. Những chống chỉ định cần thiết**

Không bị mù màu.

Không bị các bệnh tim mạch, thấp khớp, không bị các bệnh dị ứng với thời tiết, với hoá chất.

## **Module 11**

### **Phương pháp xây dựng mục tiêu nghề nghiệp và kế hoạch hành động của học sinh Lào Cai**

#### **1. Giới thiệu chung**

Việc Xây dựng mục tiêu và kế hoạch nghề nghiệp đối với học sinh Lào Cai là một vấn đề khó khăn. Đa số học sinh chưa biết và chưa từng xây dựng

cho mình một kế hoạch nghề nghiệp cụ thể; thường chỉ biết cố gắng học để hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên lớp. Với sẵn bản tính rụt rè, cùng với sự tự ti do hoàn cảnh khó khăn, vì vậy, khi gặp trở ngại do hoàn cảnh khách quan hoặc tình huống phát sinh bất ngờ ảnh hưởng đến sự lựa chọn nghề nghiệp thường, thường không làm chủ được bản thân, làm chủ được kế hoạch tương lai của mình, rơi vào trạng thái bế tắc, buông xuôi, bỏ mặc nên cuộc đời lại rẽ sang hướng khác bất lợi.

## 2. Mục tiêu

- Học sinh đề xuất được dự định nghề nghiệp tương lai; chia sẻ, trao đổi được với người xung quanh về mục tiêu nghề nghiệp của bản thân và tương quan giữa bản thân, mục tiêu nghề nghiệp, con đường học hành;
- Biết tìm hiểu nghề nghiệp qua tham quan thực tế cơ sở sản xuất;
- Lập được bản kế hoạch nghề nghiệp phù hợp với nhận thức bản thân, hoàn cảnh gia đình và nhu cầu của thị trường tuyển dụng lao động;
- Chủ động, tích cực tham gia các Hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ được giao để Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp cho bản thân.

## 3. Nội dung

### 3.1. Hoạt động 1. Giới thiệu lí thuyết

Giáo viên có thể nhắc lại sơ lược "Lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch"[36] với nội dung cơ bản sau:

“Lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch” cho rằng sự may mắn, hay sự tình cờ/ ngẫu nhiên (tùy theo cách gọi của mỗi người) đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình Xây dựng KHNN của mỗi người. Nhưng điều đáng chú ý nhất của thuyết này là: Trong quá trình phát triển nghề nghiệp, sự may mắn không đến một cách ngẫu nhiên mà là **sự may mắn có kế hoạch**. Nói cách khác, **sự may mắn không đến một cách tình cờ cho bất cứ một ai đó, mà nó chỉ đến với người tạo ra sự tình cờ đó**. Điều mà thuyết này muốn hướng đến là: Sự may mắn của một người không đến một cách tình cờ/ ngẫu nhiên mà là kết



quả của một quá trình khám phá, tham gia hoạt động, chia sẻ, và phục vụ... Mỗi người đến có thể tự tạo ra sự tình cờ may mắn ấy trong quá trình phát triển nghề nghiệp của mình.

Điều này nghe có vẻ mâu thuẫn và khó hiểu. Để giúp học sinh hiểu rõ hơn về “lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch”, giáo viên kể một câu chuyện như sau:

Trung là một học sinh ở miền núi. Hoàn cảnh gia đình em rất khó khăn, mẹ phải đi làm thuê để kiếm sống qua ngày. Em luôn mơ ước được học tiếp ở bậc cao hơn sau khi tốt nghiệp phổ thông để trở thành luật sư. Nhưng với gia cảnh của em, điều đó rất khó thực hiện. Em đến gặp và tâm sự với giáo viên chủ nhiệm, người đã dạy em suốt những năm học THCS, quan sát và hiểu biết rõ tính tình cũng như khả năng của em. Giáo viên chủ nhiệm thấy em là một lớp trưởng có uy tín, được bạn bè thương yêu và tôn trọng, có cá tính cẩn thận và luôn có tinh thần trách nhiệm cao đối với các công việc được giao, sức học thuộc loại khá giỏi. Giáo viên chủ nhiệm khuyên em nên vào quân đội, học sĩ quan, vì đi theo con đường này, em không phải đóng tiền học phí nếu thi đỗ. Chính sách nhà nước cũng Hỗ trợ mẹ em sau này khi em phải xa nhà. Trung nghe lời khuyên của cô giáo và hiện là một sĩ quan quân đội, có triển vọng thăng tiến nhanh trong sự nghiệp và rất hạnh phúc với nghề nghiệp mà mình đã lựa chọn

Nếu được gặp nhân vật Trung trong câu chuyện trên và hỏi Trung về con đường nghề nghiệp của anh ấy, chắc chắn anh ấy sẽ trả lời rằng: Trên con đường đi đến với nghề nghiệp hiện nay, điều may mắn nhất là anh ấy có được cô giáo chủ nhiệm đã hiểu được khả năng, hoàn cảnh của anh và đưa ra lời khuyên bổ ích, quý giá về con đường nghề nghiệp. Nhưng trong trường hợp của Trung, đó có thật sự hoàn toàn là sự may mắn không? Nếu học lực của Trung không tốt; Nếu anh ấy không làm lớp trưởng trong những năm học ở THCS; Nếu anh ấy làm lớp trưởng nhưng không có uy tín, thiếu trách nhiệm

và không bộc lộ những khả năng lãnh đạo của mình thì GVCN có chú ý và đưa ra được lời khuyên quý báu đó hay không ? Và cuối cùng, nếu anh ấy không phấn đấu trong học tập và công tác, không cố gắng để thi đỗ vào trường Đại học Quân sự, thì vị trí công việc hiện tại của anh ấy có được tốt như vậy hay không?

Tóm lại, Trung trong câu chuyện kể trên chính là người tạo ra sự tình cờ may mắn trong quá trình phát triển nghề nghiệp của mình.

**Áp dụng:** học sinh Lào Cai có thể áp dụng lí thuyết này theo những cách sau:

- Đi học đầy đủ, chuyên cần học thật tốt những môn học yêu thích. Tìm tòi, nghiên cứu, chịu khó tham gia các cuộc thi liên quan đến môn học đó (ví dụ thi học sinh giỏi, thi Olympic về môn học đó...); bộc lộ khả năng về môn học ấy để GVCN và giáo viên bộ môn thấy rõ;

- Tham gia vào các Hoạt động ngoại khóa trong trường hay ở thôn xóm, xã huyện, thành phố có liên quan đến sở thích và khả năng của mình. Trong lúc tham gia, hãy suy ngẫm và tự quan sát xem bản thân đặc biệt nổi trội trong lĩnh vực nào, nếu có.

- Giúp đỡ gia đình và người xung quanh trong những công việc phù hợp với sở thích và khả năng của mình.

- Hằng hái tham gia Hoạt động cộng đồng để có cơ hội sử dụng, rèn luyện, và bộc lộ những khả năng sẵn có.

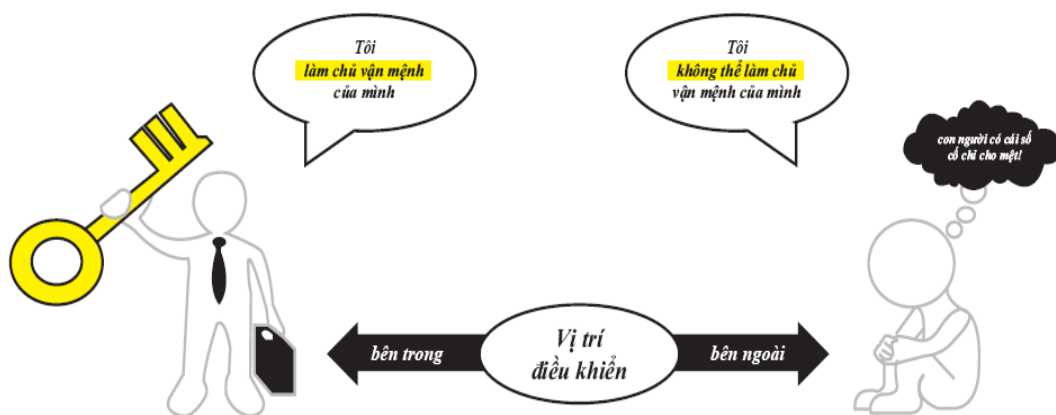
**Hãy luôn nhớ:** Sự may mắn của một người không đến một cách tình cờ, ngẫu nhiên mà là kết quả của một quá trình khám phá, tham gia hoạt động, chia sẻ, phục vụ, v.v.

Giáo viên giới thiệu “lí thuyết vị trí điều khiển”: Trong hướng nghiệp, “lí thuyết vị trí điều khiển” đóng vai trò rất quan trọng, nó liên quan chặt chẽ với “lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch”. Lí thuyết vị trí điều khiển đưa ra 2 quan điểm sống:

*Quan điểm thứ nhất* cho rằng cuộc đời của mỗi người là do chính bản thân người đó làm chủ và điều khiển. Do đó, họ có toàn quyền làm chủ cuộc sống, làm chủ suy nghĩ, nội tâm của mình.

*Quan điểm thứ hai* cho rằng cuộc đời của mỗi người là do vận mệnh đã sắp đặt sẵn và điều khiển. Do đó, họ luôn cho rằng mình có làm gì cũng không thay đổi được số mệnh và thường để người khác hoặc hoàn cảnh làm chủ vận mệnh của họ.

Nhắc lại, tại trang 39 tài liệu này, mô hình Lí thuyết vị trí điều khiển cho rằng, cùng một sự việc xảy ra, nhưng với người này, sự việc ấy sẽ là động lực để họ tiếp tục tiến lên phía trước, nhưng với người khác, với cùng sự việc ấy thì sẽ là lý do để họ bỏ cuộc. Kết quả là, với người có động lực khi sự việc ngẫu nhiên ấy xảy ra họ sẽ có cái nhìn tích cực và sẽ dễ dẫn đến những may mắn trong cuộc đời, nhưng với người bỏ cuộc khi sự việc ấy ngẫu nhiên ấy xảy ra thì họ sẽ có cái nhìn tiêu cực và dễ dẫn đến kết quả không may mắn.



### Mô hình mô phỏng lí thuyết vị trí điều khiển

Giáo viên trình chiếu tranh trên và nêu tiếp, trong hướng nghiệp, “lí thuyết vị trí điều khiển” cho rằng, **chúng ta không điều khiển được những gì từ bên ngoài xảy ra với chúng ta, nhưng chúng ta hoàn toàn có thể điều**

**khể được cách chúng ta sẽ phản ứng đối với sự việc đó ra sao** (phản ứng tích cực hay phản ứng tiêu cực). Nói cách khác, chúng ta không điều khiển được ngoại cảnh hay những yếu tố khách quan, nhưng chúng ta có 100% khả năng điều khiển được nội tâm mình. **Đừng để cho người khác hay yếu tố khách quan làm chủ vận mệnh của mình.**

Để giúp học sinh hiểu rõ hơn về “lí thuyết vị trí điều khiển”, giáo viên có thể lấy các ví dụ minh họa khác để giúp học sinh hiểu rõ hơn về lí thuyết vị trí điều khiển. Câu chuyện của Nick Vuicijic (người Australia) hoặc câu chuyện về nhà dịch giả Nguyễn Bích Lan (tải từ mạng Internet) là những ví dụ rất điển hình cho “lí thuyết vị trí điều khiển”.

**Câu chuyện thứ 1: Dịch giả Nguyễn Bích Lan** sinh năm 1976 tại thôn Kiều Trai, xã Minh Tân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, là con thứ hai trong gia đình có ba chị em. Năm 13 tuổi, chị được bác sĩ chẩn đoán mắc căn bệnh nan y loạn dưỡng cơ, chưa đầy ba tháng, chị mất đến 1/3 trọng lượng cơ thể, từ 40 kg giảm xuống chỉ còn 28 kg. Trong một lần tình cờ nghe em trai đọc tiếng Anh, cùng lúc chống chọi với căn bệnh hiểm nghèo của mình, chị đã bắt đầu tự học ngôn ngữ này bằng sách giáo khoa, băng cassette, đài VOA, bản tin trên BBC... trong suốt sáu năm trong căn phòng 10 mét vuông. Bốn năm tiếp theo chị mở lớp dạy tiếng Anh cho trẻ em trong làng với hơn 200 học sinh, gọi là "Lớp học Cây Táo". Sau đó chị bị kiệt sức do căn bệnh loạn dưỡng cơ biến chứng sang tim, phải nằm liệt giường. Chính thời gian này, chị được tiếp xúc với máy tính, mạng internet, mở ra con đường dịch thuật. Năm 2002 chị hoàn thành cuốn sách đầu tiên là *Đừng nghi ngờ tình yêu của anh* của tác giả người Úc Daisy Thompson.

Năm 2010, bà nhận giải thưởng dịch thuật của Hội Nhà Văn Việt Nam với tiểu thuyết *Triệu phú khu ổ chuột*, cùng năm bà trở thành hội viên của hội này. Ngày 20 tháng 10 năm 2010, bà trở thành một trong tám người

phụ nữ đương đại được Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam tôn vinh tại phần trưng bày mới của bảo tàng

Nguyễn Bích Lan hiện tại vẫn đang phải đương đầu với căn bệnh loạn dưỡng cơ nhưng vẫn duy trì công việc dịch sách. Từ thứ Hai đến thứ Sáu, bà dịch sách vào thứ Bảy và Chủ nhật, bà viết hoặc dịch bài cho báo. Ngoài ra bà còn viết truyện ngắn hoặc thơ. Bà nói rằng, đối với bà 3 chìa khóa của sự thành công là: Lòng yêu đời, sự kiên nhẫn và niềm tin rằng dù có thách thức đến đâu cũng không thể mạnh bằng sức mạnh của con người.

## **Câu chuyện thứ 2: Nick Vujicic - từ tuyệt vọng đến ý nghĩa cuộc đời**

Chào đời ngày 4/12/1982 tại Melbourne, Australia, Nick Vujicic dù là một đứa trẻ khỏe mạnh, nhưng không có cả hai chi trên và dưới, chỉ có 2 chân nhỏ, và một trong đó có 2 ngón chân. Không ai có thể giải thích tại sao anh lại mắc hội chứng cực kỳ hiếm gặp, vì thế, cả Nick và bố mẹ suốt nhiều năm vẫn tự hỏi tại sao điều đó lại xảy ra với gia đình họ.

Ban đầu bố mẹ của Nick bị sốc nhưng họ dần thay đổi để yêu thương hết mực và giúp con vượt qua tuổi thơ khó khăn.

Những năm tháng đi học bắt đầu gặp phải những khó khăn. Suốt tuổi thơ, Nick phải đối mặt với nhiều vất vả ở trường lớp, thường xuyên bị tuyệt vọng và cô đơn. Nick luôn băn khoăn rằng tại sao mình lại khác tất cả bọn trẻ. Nick tự hỏi về mục đích sống, thậm chí liệu cuộc sống của cậu có ý nghĩa gì hay không.

Ban đầu, Vujicic rất chăm chỉ cầu nguyện Chúa sẽ ban cho anh đôi chân và đôi tay. Anh nói với Chúa rằng, nếu lời cầu nguyện của anh không được hồi đáp, anh sẽ không bao giờ cầu nguyện nữa. Tuy nhiên, quan điểm của anh sau đó đã thay đổi hoàn toàn khi mẹ đưa cho anh đọc bài báo viết về một người đàn ông bị khuyết tật giống anh đã vượt khó như thế nào. Vujicic nhận ra rằng anh không phải người duy nhất thiệt thòi như vậy, nên bắt đầu tự

làm mọi thứ.

Vujicic dần dần nhận ra cuộc sống vẫn tốt đẹp khi không có chân tay, vẫn có thể làm mọi việc như người bình thường. Từ chỗ phụ thuộc hoàn toàn vào người khác khi phải làm những việc cơ bản nhất như đi vệ sinh, ăn uống, thay quần áo, Nick tập viết bằng 2 ngón chân trên bàn chân trái mà cậu gọi là “chiếc đùi gà”, tự lấy cốc nước, chải tóc, đánh răng, trả lời điện thoại, cạo râu. Anh biết dùng máy tính và có khả năng đánh máy 45 từ/phút bằng phương pháp “gót và ngón chân”. Anh cũng học cách ném bóng tennis, chơi trống, chơi golf, bơi lội và thậm chí cả nhảy dù.

Không chỉ vậy, anh nhận ra với sự nỗ lực, những điều anh đã làm có thể sẽ truyền cảm hứng cho những người khác nữa. Năm 17 tuổi, anh thành lập tổ chức phi lợi nhuận của riêng mình, Life without Limits - Cuộc sống không giới hạn. Vujicic giới thiệu những buổi nói chuyện khích lệ với toàn thế giới về một cuộc sống của một con người khuyết tật có hy vọng và tìm được ý nghĩa cho cuộc sống mình.

Anh tốt nghiệp đại học năm 21 tuổi, với tấm bằng kép ngành kế toán và kế hoạch tài chính. Sau đó, anh trở thành một diễn giả về động lực cuộc sống, đi tới nhiều nước trên thế giới, và nói chuyện chủ yếu về những vấn đề của tuổi thanh thiếu niên.

Nick đã nói chuyện với hơn 3 triệu người tại hơn 24 quốc gia, 5 châu lục, Nick nói chuyện với nhiều khán giả, giáo đoàn, và trường học.

Năm 2005, Nick Vujicic được đề cử giải thưởng "Thanh niên của năm" của Australia. Và sau nhiều nỗ lực, Nick Vujicic đã tìm thấy hạnh phúc thực sự khi kết hôn với người vợ xinh đẹp Kanae Miyahara.

Trong hướng nghiệp, vấn đề cơ bản được rút ra từ lý thuyết vị trí điều khiển là: Có rất nhiều chuyện xảy đến trong cuộc đời mỗi người mà chúng ta không có khả năng tránh né hay điều khiển được. Ví dụ, ta sinh ra trong gia đình kinh tế khó khăn hay khá giả; Sinh sống ở một quốc gia giàu có hay

chậm phát triển; Tai nạn đột nhiên xảy đến với ai đó khi họ đi ngoài đường... Nhưng, ta có toàn quyền quyết định cách ta phản ứng lại khi những chuyện ấy xảy ra.

Nếu ta phản ứng một cách tích cực thì nó sẽ đem lại kết quả tích cực và ngược lại. Nói cách khác, chúng ta không điều khiển được ngoại cảnh hay những yếu tố khách quan, nhưng chúng ta có 100% khả năng điều khiển được nội tâm mình. Vì vậy, ta có khả năng tự làm chủ vận mệnh của mình.

**Tóm lại:** Phát triển nghề nghiệp là một cuộc hành trình lâu dài với nhiều điều không mong đợi xảy ra với mỗi người. Cách phản ứng “tích cực” của mỗi người trước những điều mong đợi và không mong đợi sẽ giúp họ tạo ra những may mắn, những ngẫu nhiên, những tình cờ tốt đẹp cho cuộc hành trình này.

Vì vậy, khi lên kế hoạch nghề nghiệp của bản thân, em hãy tự hỏi **“Con đường nào, nghề nghiệp nào phù hợp với mình nhất?”** Chứ không phải là, “con đường nào, nghề nghiệp nào đang được nhiều người theo đuổi nhất?”. Sau đó, hãy cố gắng để tạo ra sự may mắn, sự tình cờ tốt đẹp và luôn có những phản ứng tích cực trên con đường thực hiện ước mơ nghề nghiệp của mình, dù đó là điều mình mong đợi hay không mong đợi.

### **3.2. Hoạt động 2. Áp dụng**

Giáo viên tổ chức cho học sinh áp dụng “lí thuyết vị trí điều khiển” để thực hiện một số nhiệm vụ trong **phiếu học tập**.

#### ***Phiếu học tập***

*1) Dựa vào lý thuyết vị trí điều khiển và ví dụ thầy cô vừa nêu, em hãy kể lại một câu chuyện mà bản thân đã gặp và cách phản ứng của em trước sự việc xảy ra. Cũng có thể kể một câu chuyện mà em biết và cách phản ứng của nhân vật trong chuyện trước sự việc xảy ra.*

*2) Nêu những điều em rút ra được qua câu chuyện của mình.*

3) *Em có nghĩ rằng, mình sẽ áp dụng lí thuyết này vào Hoạt động tự hướng nghiệp của bản thân được không ? Em sẽ áp dụng như thế nào ?*

Học sinh có khoảng 10 phút suy nghĩ và ghi lại một số ý chính theo yêu cầu của phiếu bài tập. Sau đó, giáo viên hỏi xem trong lớp có em nào muốn chia sẻ câu chuyện của mình và cách thức áp dụng “lí thuyết vị trí điều khiển” vào hoạt động tự hướng nghiệp của bản thân. Giáo viên mời một vài học sinh chia sẻ kết quả bài tập trước lớp.

*Giáo viên phải nhấn mạnh rút kinh nghiệm học sinh của Lào Cai, đặc biệt học sinh người dân tộc thiểu số thường rất thiếu tự tin, bị quan khi gặp ngoại cảnh tác động. Thường có suy nghĩ buông xuôi mặc kệ, cho là số đã vậy không cần cố gắng. Đây là tư duy nhận thức sai lầm nghiêm trọng cần loại bỏ nếu không cuộc sống sẽ rẽ sang hướng tồi tệ hơn.*

### **3.3. Hoạt động 3. Lập bản kế hoạch nghề nghiệp**

Giáo viên treo tranh hoặc trình chiếu “**mô hình chìa khóa Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp**” và nêu: chúng ta đã biết, để Xây dựng một KHNN tương lai, mỗi người cần phải trả lời được 3 câu hỏi: **1/ Em là ai? 2/ Em đang đi về đâu? 3/ Làm cách nào để em đi đến nơi em muốn?.**

**Mô hình chìa khóa**



– **Em là ai?** Ở phần trước chúng ta đã biết, bước đầu tiên và quan trọng nhất trong hướng nghiệp là mỗi người cần phải hiểu được “Mình là ai?, Mình có sở thích, khả năng gì? Cá tính của mình ra sao? và Giá trị nghề nghiệp của mình là gì?”. Ở lớp 9, đã tìm hiểu **sở thích và khả năng của bản thân**. Ở các lớp trên, sẽ tiếp tục tìm hiểu sâu hơn về cá tính và giá trị nghề nghiệp của



bản thân.

Để trả lời câu hỏi **“Em là ai?”** ở phía bên trái chìa khóa bằng cách tìm hiểu bản thân để hiểu rõ bản thân trong hai lĩnh vực sở thích nghề nghiệp và khả năng. Bên cạnh đó, mỗi em phải hiểu rõ hoàn cảnh kinh tế gia đình, sự Hỗ trợ về tài chính và tinh thần của gia đình trong suốt thời gian em thực hiện KHNN.

Học sinh trả lời câu hỏi **“Em đang đi về đâu?”** ở phía bên ỏ khóa bằng cách tìm hiểu những ngành nghề phù hợp với sở thích nghề nghiệp và khả năng của mình; tìm hiểu TTrTDLĐ tại địa phương, quốc gia, và quốc tế để biết về nhu cầu TDLĐ đối với những ngành, nghề ấy. Từ đó, xác định 1 – 2 ngành, nghề làm mục tiêu nghề nghiệp mà mình theo đuổi trong tương lai.

Ví dụ: Mục tiêu nghề nghiệp của em có thể là làm chủ một doanh nghiệp nhỏ ở tỉnh nhà, có thể trở thành một nhà thiết kế đồ họa nổi tiếng hoặc trở thành ca sĩ nổi tiếng; cũng có thể ở lại quê hương để trở thành người chủ trang trại, góp phần làm giàu cho quê hương mình hoặc trở thành một giáo viên giỏi ở một trường tiểu học gần nhà...

Cuối cùng học sinh trả lời câu hỏi **“Làm cách nào để đi đến được nơi em muốn đến?”** trên thân và mũi chìa khóa bằng cách lên kế hoạch với từng bước cụ thể để đạt được mục tiêu nghề nghiệp đã xác định.

Sau khi chúng ta đã hoàn tất được hai bước trên, chúng ta sẽ tìm hiểu những biện pháp, cách thức giúp chúng ta thực hiện thành công mục tiêu nghề nghiệp của mình

**Lưu ý học sinh:** Mô hình chìa khóa xây dựng KHNN sẽ được sử dụng nhiều trong các giờ hướng nghiệp cần nhớ kỹ mô hình này để sử dụng khi cần thiết.

Giáo viên nêu ví dụ sau hoặc nêu ví dụ phù hợp khác:

Nguyên sinh ra và lớn lên ở một thị trấn nhỏ của một tỉnh phía Bắc. Từ nhỏ Nguyên đã thích tìm tòi, khám phá và sửa chữa đồ vật trong nhà. Càng

lớn, Nguyên càng thấy thích thú với những công việc liên quan đến kỹ thuật, sử dụng khả năng quan sát và sự khéo léo của đôi tay để sáng chế những đồ vật mới hay làm tốt hơn những đồ vật có sẵn trong nhà. Về hoàn cảnh gia đình, Nguyên là con cả trong gia đình, dưới Nguyên còn có hai em, một em đang học lớp 6 và một em đang học lớp 9. Nhà Nguyên có mở một cửa hàng bán tạp hóa, chỉ đủ nuôi ba anh em đi học. Nguyên luôn mơ ước được học Khoa Cơ khí – đại học Bách Khoa (ĐHBK) Hà Nội sau khi tốt nghiệp THPT. Nhưng, với hoàn cảnh kinh tế của gia đình, nếu Nguyên ra Hà Nội học thì cha mẹ chỉ có thể cố gắng lo tiền học phí cho em, còn chi phí ăn ở thì không thể lo nổi vì còn phải lo cho hai em của Nguyên đang đi học phổ thông.

Nguyên thích trở thành kỹ sư cơ khí vì em thích sáng chế và làm việc với máy móc. Em tin rằng mình có khả năng rất tốt để theo nghề này. Ngay tại địa phương nơi Nguyên ở có nhà máy cơ khí nhỏ luôn có nhu cầu về công nhân kỹ thuật lành nghề. Gần nhà Nguyên có trường cao đẳng nghề trong đó có đào tạo công nhân và kỹ thuật viên về cơ khí. Sau khi tìm hiểu thông tin về ngành nghề và TTrTDLĐ có chuyên môn về cơ khí, Nguyên đã có hai chọn lựa: **1/** Sau khi tốt nghiệp THPT, Nguyên sẽ tiếp tục theo học nghề cơ khí ở trường cao đẳng nghề gần nhà và xin thực tập ở nhà máy cơ khí ở địa phương. Sau khi ra trường, Nguyên sẽ xin làm việc tại nhà máy cơ khí mà Nguyên đã thực tập ở đó. Sau một thời gian đi làm, khi đã đủ dành đủ tiền thì sẽ đăng ký học liên thông lên đại học để đạt được ước mơ trở thành kỹ sư cơ khí. **2/** Nguyên vẫn quyết tâm thi vào khoa cơ khí -ĐHBK Hà Nội. Nguyên sẽ cố gắng học thật giỏi để được học bổng, đồng thời sẽ đi làm thêm để tự trang trải chi tiêu trong thời gian học xa nhà.

Nguyên quyết định tiếp tục tìm hiểu thông tin để xem có chọn lựa nào tốt hơn nữa không. Hiện tại, Nguyên lên kế hoạch như sau: **Bước 1/** Đăng ký thi cả hai trường: Trường cao đẳng nghề ở gần nhà và trường ĐHBK Hà Nội; **Bước 2/** Tìm hiểu từ các anh chị đang học ở Khoa Cơ khí của cả hai trường

nói trên để xem thực tế sinh hoạt và học tập của họ như thế nào để so sánh với hoàn cảnh mình. Từ đó sẽ quyết định đăng kí học trường nào sau THPT.

Như vậy, Nguyên đã không khép kín kế hoạch mà để mở, tiếp tục tìm hiểu các thông tin liên quan đến nghề nghiệp đã chọn vì biết đâu sẽ có một cơ hội khác tốt hơn sẽ đến. Nguyên không ước ao xa vời, không than thân trách phận, không ngồi chờ mà tìm những giải pháp phù hợp với bản thân mình nhất

Qua ví dụ trường hợp của Nguyên cho thấy, điều quan trọng nhất trong suốt quá trình lên KHNN là học sinh để tâm trí mình rộng mở, sẵn sàng đón nhận những cơ hội khác thường. Bản thân luôn tò mò thử nghiệm và trải nghiệm để tăng thêm kinh nghiệm sống, luôn Hoạt động để bản thân hoạt bát, năng động, linh hoạt. Nhưng cũng nên nhớ: Hãy dành ra những khoảng lặng để suy ngẫm, xem xét con đường bản thân đang đi có phù hợp hay không.

**3.4. Hoạt động 4. Thực hành xây dựng KHNN**

Giáo viên giới thiệu **Mẫu KHNN** và yêu cầu học sinh kẻ lại bảng mẫu, Sau đó tự điền nội dung thích hợp vào từng cột trong bảng.

**\*MẪU BẢN KẾ HOẠCH NGHỀ NGHIỆP**

- 1. Họ và tên:.....Nam hay nữ:.....
- 2. Ngày sinh:.....
- 3. Nơi ở hiện tại:.....

4. Lớp:.....Trường:.....

Em là ai?	Em đang ở đâu?	Làm cách nào để đi được đến nơi em muốn đến?
<p>Dựa vào kết quả tìm hiểu khả năng và sở thích bản thân ở chuyên đề 1, hãy ghi lại:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Sở thích của em;</li><li>– Khả năng của em.</li></ul> <p>Ghi rõ em có những điểm mạnh nào, điểm yếu nào?</p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Hoàn cảnh gia đình hiện tại có những thuận lợi hoặc khó khăn nào cho việc thực hiện kế hoạch theo đuổi nghề em dự định chọn.</li></ul>	<p>Dựa vào kết quả tìm hiểu nghề nghiệp ở chuyên đề2 hãy ghi lại: – Nghề em dự định chọn sau khi tốt nghiệp THPT(có thể ghi 1 hoặc2 hoặc 3 nghề tùy thích);</p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Những yêu cầu, đòi hỏi của nghề đối với người lao động;</li><li>– TTTrTDLĐ của nghề mà em dự định chọn;</li><li>– Cơ sở đào tạo nghề mà em dự định học;</li><li>– Yêu cầu tuyển sinh của cơ sở đào tạo nghề</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>– Kế hoạch học tập X;</li><li>– Kế hoạch tiếp tục tìm hiểu bản thân, tìm hiểu nghề tìm hiểu nhu cầu TDLĐ;</li><li>– Kế hoạch rèn luyện những kỹ năng thiết yếu;</li><li>– Kế hoạch rèn luyện để phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của bản thân</li><li>– Kế hoạch rèn luyện sức khỏe.</li></ul>

Giáo viên lưu ý với học sinh:

- Có thể viết bản KHNN theo cách không chia cột cũng được nhưng phải có đầy đủ các mục, thông tin như bản KHNN mẫu có chia cột.

- Bản KHNN này sẽ được bổ sung khi học lên. Vì vậy, ở mỗi cột, mỗi nội dung nên dành ra khoảng trống để sau này điền tiếp nội dung vào. Sau khi hoàn thành bản KHNN, hãy giữ lại để sử dụng tiếp

### **Làm sao để đi đến nơi em muốn đến?**

Giáo viên treo tranh hoặc trình chiếu **hình Mô hình lập kế hoạch nghề** và giải thích (hoặc ôn lại) lý thuyết “mô hình lập kế hoạch nghề” mà học sinh đã tìm hiểu để giúp cho học sinh hình dung rõ hơn những bước cần làm trong tương lai. Theo mô hình, trước tiên phải thực hiện **3 bước tìm hiểu**:

(1) Tìm hiểu bản thân trong 4 lĩnh vực: sở thích, khả năng (bao gồm cả năng khiếu, khả năng học văn hóa, và những kỹ năng khác), cá tính, và giá trị nghề nghiệp cũng như tình trạng sức khỏe;

(2) Tìm hiểu TTrTDLĐ để biết những công việc đang cần nguồn nhân lực ở thị trường trong vùng và quốc gia; Những nghề đang được xem là có tiềm năng trong tương lai và những kỹ năng thiết yếu mà người lao động cần phải có;

(3) Tìm hiểu những ảnh hưởng từ hoàn cảnh gia đình và hoàn cảnh KT–XH đến việc chọn hướng học, chọn nghề của bản thân.

Sau khi hoàn tất **3 bước tìm hiểu**, cần tiến hành **4 bước hành động**:

– Xác định mục tiêu nghề nghiệp;

– Ra quyết định cho việc chọn lựa nghề nghiệp của mình;

– Thực hiện quyết định đã chọn lựa;

– Từ từ đánh giá xem quyết định ấy có thực sự phù hợp với bản thân hay không.

**Lưu ý với học sinh:** Nên nhớ rằng, cha mẹ luôn đóng vai trò rất quan trọng trong cả quá trình lựa chọn hướng học, chọn nghề, từ các bước tìm hiểu

đến khi ra quyết định nghề nghiệp. Vì vậy, càng chia sẻ với cha mẹ nhiều, thì quyết định của sẽ càng phù hợp với bản thân và gia đình.

Giáo viên nêu một số ví dụ để học sinh hiểu rõ hơn về các hướng đi sau khi thi tốt nghiệp THPT theo lí thuyết “mô hình lập kế hoạch nghề”. Có thể nêu hoặc tham khảo một số ví dụ sau để nêu ví dụ khác cho phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện thực tế.

## **Chuyên đề 4**

### **GIỚI THIỆU NHU CẦU LAO ĐỘNG CỦA MỘT SỐ NGÀNH NGHỀ VÀ KHẢ NĂNG ĐÀO TẠO TRONG KHU VỰC MIỀN BẮC**

Chuyên đề gồm 3 module từ module 12 đến module 14:

- Tổng quan tình hình kinh tế - xã hội, lao động và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
- Giới thiệu nhu cầu lao động của một số lĩnh vực ngành nghề.
- Giới thiệu một số ngành nghề đào tạo phổ biến trong khu vực miền Bắc.

#### **Module 12**

#### **Tổng quan tình hình kinh tế - xã hội, lao động và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

##### **1. Khái quát chung**

Tỉnh Lào Cai được tái lập từ ngày 01/10/1991, gồm 8 huyện và 1 thành phố, trong đó có 4 huyện (Bát Xát, Mường Khương, Bảo Thắng, Si Ma Cai) và thành phố Lào Cai có đường biên giới với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) dài 182,086 km; có 2 cửa khẩu chính là: Cửa khẩu quốc tế Lào Cai và cửa khẩu Quốc gia Mường Khương. Tỉnh Lào Cai có diện tích 6.383,88km<sup>2</sup> và hiện là tỉnh có diện tích lớn thứ 19/63 tỉnh, thành phố cả nước. Phía Đông của tỉnh giáp với tỉnh Hà Giang, phía Tây giáp với tỉnh Lai Châu, phía Bắc giáp với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), phía Nam giáp với tỉnh Yên Bái [66].

Lào Cai có hệ thống sông, suối dày đặc tập trung thành hai hệ thống sông chính là sông Hồng và sông Chảy; địa hình nhiều núi cao và có nhiều vùng đồi thoải, thung lũng thuận lợi cho sản xuất nông - lâm nghiệp; đất đai rộng màu mỡ thuận lợi phát triển cây ăn quả, cây trồng đặc sản. Tỉnh có tiềm năng khá đa dạng, trữ lượng lớn và có tính đại diện về chủng loại của cả nước về khoáng sản, với nhiều loại khoáng sản trữ lượng lớn, chất lượng tốt như apatit, đồng, graphit... được phân bố rộng trên địa bàn tỉnh thuận lợi cho công

nghiệp Khai thác và chế biến khoáng sản, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đồng thời cũng đặt ra thách thức lớn đối với việc bảo vệ và phát triển môi trường sinh thái trên địa bàn. Ngoài ra, hệ thống đường bộ, đường sắt, đường sông khá thuận tiện, Lào Cai được xem là trung tâm lưu chuyển hàng hóa lên vùng Tây Bắc nước ta [66].

Nhờ có vị trí chiến lược quan trọng, địa hình đa dạng, lại nằm trên tuyến đường giao thông huyết mạch, Lào Cai không chỉ là đầu mối thông thương kinh tế mà còn là trung tâm giao lưu văn hóa của vùng thượng lưu sông Hồng. Các dân tộc ở Lào Cai tuy cư trú đan xen, nhưng trong các làng bản hầu hết các tộc người đều cư trú độc lập với những bản sắc riêng, độc đáo. Văn hóa nông nghiệp lúa nước là nét chung của các dân tộc Lào Cai, tạo nên sự thống nhất trong đa dạng. Biến động lịch sử đã để lại cho Lào Cai nhiều di tích nổi tiếng như đền Bảo Hà, đền Thượng, kiến trúc Hoàng A Tưởng. Môi trường khí hậu của tỉnh thích hợp cho việc an dưỡng, điều trị bệnh vào mùa hè ở các huyện như Sa Pa, Bắc Hà thuận lợi cho phát triển ngành du lịch, Dịch vụ.

Dân số Lào Cai trên 730.000 người, dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao (64,9%); trong đó dân tộc Mông chiếm 23,78%, dân tộc Tày chiếm 15,84%, dân tộc Dao chiếm 14,05%, dân tộc Giáy 4,7%, dân tộc Hà Nhì 0,83%... và phân bố không đồng đều. Dân số chủ yếu tập trung ở các khu vực trung tâm của tỉnh, huyện; đồng bào dân tộc thiểu số ở rải rác các làng, bản. Nhân dân các dân tộc Lào Cai sở hữu một kho tàng văn hóa dân gian đặc sắc từ tín ngưỡng dân gian, phong tục, tập quán, lễ hội, trò chơi đến chữ viết, văn học, nghệ thuật, âm nhạc, ngành nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống với những sản phẩm vừa có tính năng sử dụng cao, vừa thể hiện tài năng, sự khéo léo và óc thẩm mỹ tinh tế. Sản phẩm văn hóa đa dạng phản ánh đời sống vật chất và tinh thần phong phú của người dân Lào Cai. Các dân tộc Lào Cai ngoài giữ



gìn bản sắc văn hóa dân tộc còn tiếp thu tiến bộ khoa học – công nghệ, tinh hoa văn hóa nhân loại để phát triển kinh tế - xã hội.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XV nhiệm kỳ 2015-2020 đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV và đề ra phương hướng đưa Lào Cai trở thành tỉnh phát triển của khu vực Tây Bắc (là tỉnh khá của vùng miền núi phía Bắc). Định hướng phát triển nông – lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới là trọng tâm; phát triển thương mại, du lịch, dịch vụ là đột phá; phát triển công nghiệp là quan trọng. Nâng cao chất lượng giáo dục – đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, thông tin – truyền thông, khoa học – công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chủ động bảo vệ môi trường tự nhiên, xã hội. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ gìn biên giới hòa bình, hữu nghị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

## **2. Kết quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai trong những năm qua**

### ***2.1. Kết quả một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội [66]***

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm đạt từ 10% trở lên; thu nhập bình quân đầu người khoảng 61,84 triệu đồng/người/năm.

- Sản lượng lương thực có hạt đạt trung bình trên 330 nghìn tấn/năm; công nghiệp đạt 33,5 nghìn tỷ đồng/năm; khách du lịch đạt bình quân 4 triệu lượt người/năm.

- Củng cố kết quả, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục 164 xã, phường, thị trấn; 54% số trường đạt chuẩn quốc gia; 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục phổ thông và tương đương.

- Từ năm 2015 đến nay tạo việc làm tăng thêm cho 55 nghìn lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%, trong đó qua đào tạo nghề đạt 55%; tỷ lệ

lao động trong lĩnh vực nông – lâm nghiệp giảm còn 63%. Hàng năm giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân từ 3-4%.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 1,2%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 18%.

- Tỷ lệ che phủ rừng trên 56%.

- 83% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa; 75% số thôn, bản, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa; 95% số cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa; 80% doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

- Cơ bản cư dân thành thị được sử dụng nước sạch, 95% số hộ nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh. 96% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia.

Bên cạnh những ưu điểm và kết quả đạt được trong những năm vừa qua thì vẫn còn một số những hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới: Tăng trưởng kinh tế cao nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Quy mô nền kinh tế vẫn nhỏ, lẻ; bình quân thu nhập đầu người mới bằng 83% cả nước. Tổ chức sản xuất Kinh doanh của nhiều ngành, sản phẩm chưa gắn với chuỗi giá trị. Trong sản xuất Kinh doanh, công nghệ chậm đổi mới; năng suất và sức cạnh tranh của sản phẩm còn yếu. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang CNH, HĐH còn chậm. Kết cấu hạ tầng yếu và thiếu. Chất lượng giáo dục – đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, thể dục – thể thao, đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Chất lượng dân số còn thấp. Đời sống nhân dân vẫn còn nhiều khó khăn, giảm nghèo chưa thực sự bền vững. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn diễn biến phức tạp. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số cơ sở đảng chưa sâu sát, một số ngành còn buông lỏng quản lý. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thực sự năng động, sáng tạo, tự lực, tự cường vươn lên, còn trông chờ, ỷ lại.

## ***2.2. Cơ cấu các ngành kinh tế và nguồn nhân lực của tỉnh Lào Cai [66]***

*2.2.1. Cơ cấu các ngành kinh tế đóng góp vào nguồn thu của tỉnh có sự chuyển đổi tích cực và đạt mức khá hợp lý*

- Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 12,18%, tăng 0,92% so với năm 2018;

- Công nghiệp – Xây dựng chiếm 45%, tăng 0,7% so với 2018;

- Dịch vụ chiếm 42,82%, tăng 0,22% so với năm 2018.

### *2.2.2. Cơ cấu nguồn nhân lực của tỉnh*

2.2.2.1. Theo nghĩa rộng, nguồn nhân lực là toàn bộ những người lao động đang có khả năng tham gia vào các quá trình lao động và các thể hệ nối tiếp phục vụ cho xã hội. Nguồn nhân lực với tư cách là một yếu tố của sự phát triển kinh tế - xã hội là khả năng lao động cả xã hội được hiểu theo nghĩa hẹp hơn, bao gồm nhóm dân cư trong độ tuổi lao động có khả năng lao động. Với cách hiểu này nguồn nhân lực tương đương với nguồn lao động. Nguồn lao động càng có chất lượng cao thì khả năng lao động tạo ra của cải vật chất cho xã hội càng lớn và thúc đẩy xã hội phát triển nhanh, bền vững. Vì vậy có thể nói nguồn nhân lực là nguồn lao động được đào tạo công phu, có trình độ, kiến thức, kỹ năng lao động, kỹ năng sống, có phẩm chất chính trị, trung thành với Tổ quốc và có lý tưởng Xây dựng đất nước phồn vinh.

Số lượng nguồn nhân lực được hiểu thông qua các chỉ tiêu quy mô và tốc độ tăng nguồn nhân lực. Các chỉ tiêu này có quan hệ mật thiết với chỉ tiêu quy mô và tốc độ tăng dân số. Quy mô dân số càng lớn, tốc độ tăng dân số càng nhanh thì dẫn đến quy mô và tốc độ tăng nguồn nhân lực càng lớn và ngược lại. Chất lượng nguồn nhân lực bao gồm một tổng thể các yếu tố thể lực, trí lực, kỹ năng làm việc, thái độ và phong cách làm việc..., đây là một chỉ tiêu tổng hợp là văn hoá lao động. Ngoài ra khi xem xét nguồn nhân lực, cơ cấu

lao động – bao gồm cơ cấu đào tạo và cơ cấu ngành nghề cũng là một chỉ tiêu quan trọng.

Trong thời đại kinh tế tri thức, xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa hiện nay, vai trò của nguồn nhân lực có chất lượng là một yếu tố quan trọng bên cạnh vốn, công nghệ cho sự tăng trưởng một quốc gia nói chung, một địa phương nói riêng.

Dân số tỉnh Lào Cai chiếm 0,72% dân số cả nước, tỷ lệ tăng bình quân 0,2%/ năm. Trong đó, độ tuổi từ 15 – 60 là trên 390 người, chiếm khoảng 54% tổng dân số (15-24 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất là 34,1%). Theo đó, cơ cấu nguồn nhân lực tổng thể của tỉnh Lào Cai vào thời điểm 2018 như sau:

- Dân số trong độ tuổi lao động chiếm 57,71%, trong đó:
- + Tỷ lệ làm việc trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 63%.
- + Tỷ lệ làm việc trong ngành công nghiệp - Xây dựng chiếm 23%.
- + Tỷ lệ làm việc trong ngành Dịch vụ chiếm 15%.

Có thể thấy tỷ lệ nguồn nhân lực phân bố không đồng đều giữa các ngành kinh tế của tỉnh; ngành có đóng góp vào nguồn thu của tỉnh thấp nhất lại có tỷ lệ người lao động cao nhất (Nông, lâm nghiệp và thủy sản); ngành Dịch vụ có nguồn thu lớn nhưng người lao động lại thấp nhất.

- Hiện trạng nhân lực qua đào tạo:

Theo Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011-2020: Đến năm 2020 dân số của tỉnh đạt trên 730.000 ngàn người, số người trong độ tuổi lao động 380,4 ngàn người. Mỗi năm trung bình cần giải quyết việc làm mới cho trên 5.500 lao động vào độ tuổi lao động. Kết quả điều tra nhu cầu học nghề lao động nông thôn năm 2010 cho thấy mỗi năm có 3% lao động khu vực nông thôn trong độ tuổi lao động có nhu cầu học nghề chuyển sang làm việc lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, đồng thời thực hiện chương trình đại hoá khu vực nông thôn tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông

lâm nghiệp có xu hướng giảm dần. Giai đoạn 2011-2015 đã có trên 40.000 lao động khu vực nông lâm nghiệp có nhu cầu chuyển sang làm việc khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ; giai đoạn 2016-2020 có trên 30.000 lao động có nhu cầu chuyển đổi việc làm.

Giai đoạn 2016-2020: Nhu cầu lao động tham gia trong các ngành kinh tế là 364,4 ngàn người, trong đó: nông lâm nghiệp: 162,2 ngàn người (= 44,5%), giảm 28,3 ngàn người (= 16,6%) so với năm 2015; công nghiệp xây dựng: 86,4 ngàn người, tăng 21,3 ngàn người (= 10,2%) so với năm 2015; thương mại - dịch vụ: 115,9 ngàn người, tăng 28,6 ngàn người (= 6,4%) so với năm 2015. Giai đoạn 2016-2020 có 28,3 ngàn lao động trong lĩnh vực nông lâm nghiệp chuyển sang làm việc trong ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ (bình quân mỗi năm có gần 6,0 ngàn lao động chuyển đổi).

Đến năm 2020: Cần 68,0% lao động qua đào tạo tương ứng với 247,7 ngàn lao động (tăng 53,39 ngàn lao động so với năm 2015), trong đó, dự kiến: Trung cấp: 18,01 ngàn người; Cao đẳng: 12,04 ngàn người; Đại học: 13,09 ngàn người; Trên đại học: 0,44 ngàn người.

Trên thực tế, đến 2018, trình độ chuyên môn, kỹ thuật của lao động tỉnh ngày càng được nâng cao. Lao động chưa qua đào tạo giảm từ 84,3% năm 2000 xuống 61,62 % năm 2010, xuống 46,8% năm 2018. Lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật tăng từ 15,7% năm 2000 lên 38,38 % năm 2010, tăng lên 53,2% năm 2018 (*Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh năm 2010 và Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai năm 2018 tại <https://laocai.gov.vn>*). Trình độ chuyên môn của nguồn nhân lực tỉnh thời gian qua đã được cải thiện nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, số lao động có trình độ chuyên môn giỏi, tay nghề bậc cao còn hạn chế, tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số rất thấp, thiếu các chuyên gia, công nhân kỹ thuật giỏi, nghệ nhân,...

#### 2.2.2.2. Tồn tại:

- Còn xảy ra tình trạng phân bố số lượng không đồng đều giữa các vùng miền và các ngành kinh tế dẫn đến mất cân đối về tỷ trọng cán bộ đối với các vùng miền và các ngành.

- Nguồn lao động có trình độ học vấn cao khá dồi dào nhưng lại tập trung vào một số ngành, lao động tập trung ở khối hành chính - sự nghiệp chiếm khoảng 60%; thiếu công nhân kỹ thuật, thợ lành nghề phục vụ cho phát triển các ngành công nghiệp, nông nghiệp.

- Nhân lực ở bộ phận lao động gián tiếp tương đối đủ nhưng nhân lực lao động trực tiếp đã được đào tạo có tay nghề lại có ít người đi học do Tỉnh còn ít nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, chế biến để Khai thác thế mạnh địa phương như chế biến nông, lâm sản, khoáng sản...

- Sản xuất nông nghiệp còn ở mức tự phát, tiểu nông; hầu như chưa có công nhân nông nghiệp trong khi lực lượng lao động chủ yếu làm nông nghiệp, chiếm 70%.

- Cơ cấu nhân lực theo ngành nghề:

+ Ngành nông lâm nghiệp: Lao động trong lĩnh vực này chủ yếu ở khu vực nông thôn, tập trung sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, trình độ văn hoá thấp, tỷ lệ lao động dân tộc thiểu số cao; một số lao động được đào tạo chủ yếu bồi dưỡng nghề ngắn hạn, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật bảo quản, sơ chế nông sản, phần lớn là lao động giản đơn, thuần thục,...

+ Ngành công nghiệp - Xây dựng: Lao động trong lĩnh vực này được đào tạo, có trình độ văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ trong các lĩnh vực: Khai thác mỏ, tuyển khoáng, luyện kim, vận hành máy, thiết bị, xây dựng dân dụng - công nghiệp, điện dân dụng - công nghiệp, sửa chữa cơ khí, sản xuất Vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm sản,...

+ Ngành thương mại - dịch vụ: Lao động tham gia Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại tại các chợ, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn, dịch vụ du lịch...

### *2.2.3. Đánh giá chung:*

- Các ngành kinh tế thuộc các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, dịch vụ, chế biến...chưa phát triển; nền công nghiệp của tỉnh chủ yếu là Khai thác thô, ít nhà máy, xí nghiệp trực tiếp sản xuất, chế biến ra sản phẩm tinh, chưa có khả năng thu hút người lao động nên lao động có trình độ chủ yếu tập trung trong lĩnh vực hành chính, sự nghiệp. Học sinh tốt nghiệp THPT ít lựa chọn các ngành công nghiệp trực tiếp sản xuất vật chất mà chủ yếu lựa chọn các ngành thuộc bộ phận hành chính sự nghiệp và Dịch vụ như kinh tế, tài chính, kế toán, ngân hàng, sư phạm, y tế cũng làm cho mất cân đối trong đào tạo nhân lực. Học sinh ít lựa chọn học Trung cấp, nghề vì ít có cơ hội tìm việc làm do sản xuất công nghiệp chưa phát triển.

- Các ngành Dịch vụ là thế mạnh của địa phương như du lịch, tiếp thị, quảng bá sản phẩm...còn thiếu lực lượng lao động được đào tạo. Một số đã được đào tạo nhưng còn hạn chế một số kỹ năng cần thiết như vốn ngoại ngữ, tiếng dân tộc, hiểu biết về lịch sử địa phương, văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc...

- Kinh tế nông nghiệp còn thiếu lao động có trình độ (kể cả học vấn và kỹ thuật). Hiện có trên 230.000 lao động nông nghiệp nhưng có tới trên 11.000 người mù chữ (trên 6%), lực lượng kỹ sư nông nghiệp quá ít (mỗi xã chưa có 1 kỹ sư); hầu như chưa hình thành tầng lớp công nhân nông nghiệp ở nông thôn vùng cao.

### *2.3. Vài nét hệ thống đào tạo:*

Năm 2017, toàn tỉnh có 4 trường (Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai, Cao đẳng cộng đồng, Cao đẳng sư phạm, Trung cấp Y); đến 2019 sáp nhập còn 01 Phân hiệu ĐHTN, 01 trường Cao đẳng Lào Cai; quy mô

ngành đào tạo: 4 mã ngành đại học; 47 nghề trình độ cao đẳng, trung cấp, trong đó tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực: đào tạo giáo viên, kế toán, nghệ thuật, du lịch, y - dược. Ngoài ra, còn có Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp dạy nghề và giáo dục thường xuyên cũng tham gia đào tạo nghề, nhưng chủ yếu là liên kết đào tạo các ngành nghề từ TC đến đại học. Tuy nhiên, đối với những ngành tỉnh đang thiếu nhân lực lại chưa tổ chức giảng dạy được hoặc có ít người theo học như: Trung cấp Nông nghiệp – Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Tin học, chế biến nông sản, khoáng sản, công nghệ sinh học, môi trường, sản xuất các sản phẩm công nghiệp... và một số ngành kỹ thuật khác. Bên cạnh đó, hiện có một số ngành, nhiều trường cùng tham gia giảng dạy, như: du lịch, nông lâm nghiệp... nên dẫn đến công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn, lượng học sinh không đủ để mở lớp.

Về quy mô có thể đào tạo khoảng trên 6.100 học sinh, sinh viên; trong đó, đại học khoảng trên 300 còn lại là cao đẳng, trung cấp.

Tóm lại, kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai thời gian qua có sự phát triển mạnh; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực; theo đó, sự xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động ngày càng rõ nét; công tác đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực. Điều đó tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc hướng nghiệp, phân luồng học sinh. Thực tế 2 năm qua, công tác phân luồng học sinh đã và đang đạt những kết quả bước đầu phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế - xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

### **Module 13**

#### **Giới thiệu nhu cầu lao động của một số lĩnh vực ngành nghề [66]**

Trong những năm qua công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm trên địa bàn đã được Tỉnh ủy, HĐND, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo sát sao; các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở giáo dục



nghề nghiệp, doanh nghiệp tích cực tham gia thực hiện nên chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh từng bước được nâng lên rõ rệt.

Các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp đã có sự chuyển biến thật sự và hành động thiết thực trong công tác dạy nghề cho lao động nông thôn nói riêng và phát triển nguồn nhân lực nói chung; đồng thời tăng cường tuyên truyền chính sách, pháp luật, các quyết định, chỉ thị, nghị quyết của Chính phủ, của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về lao động, việc làm và đào tạo nghề với phương châm “đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung”, đảm bảo cho việc tuyên truyền cho công tác đào tạo nghề thành Hoạt động thường xuyên, liên tục. Làm tốt công tác phân luồng, định hướng cho học sinh tốt nghiệp THCS và THPT trong nhà trường theo đúng tinh thần Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị.

Các cấp, ngành đã mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao công nghệ mới, chuyển giao các kỹ thuật và quy trình sản xuất mới cho các hộ nông dân; nhân rộng các mô hình tốt trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn, các vùng sản xuất chuyên canh, tạo cơ hội việc làm cho lao động sau đào tạo. Mở rộng quy mô đào tạo theo hướng xã hội hoá nhằm huy động các nguồn lực cho công tác dạy nghề trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Tăng cường công tác liên doanh, liên kết, đặc biệt gắn đào tạo với doanh nghiệp.

Với các chỉ tiêu đào tạo nghề từ ngân sách Nhà nước đã thực hiện có hiệu quả cơ chế đấu thầu, đặt hàng. Xây dựng cơ chế liên kết dạy nghề theo nhu cầu của các doanh nghiệp. Chuyển dạy nghề từ đào tạo theo năng lực sẵn có của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp sang đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động và xã hội; gắn dạy nghề với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của từng lĩnh vực, của từng địa phương, của các doanh nghiệp và với nhu cầu việc làm của người lao động.

Đặc biệt, cơ quan quản lý nhà nước về công tác đào tạo nghề đã tham mưu cho cấp chính quyền Xây dựng quỹ Hỗ trợ công tác đào tạo nghề từ ngân sách Nhà nước và từ nguồn xã hội hóa để có thêm nguồn lực đầu tư và Hỗ trợ phát triển đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu thực tế.

Các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh đã đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng đội ngũ giảng viên, giảng cơ hữu dạy nghề đạt chuẩn; đảm bảo cho đội ngũ này vừa giảng dạy được lý thuyết, vừa có khả năng hướng dẫn học viên thực hành đối với từng phân học, môn học đồng thời sử dụng hiệu quả các trang thiết bị và thực hiện tốt công tác tuyển sinh đào tạo đối với các nghề đã được cấp mã nghề và được đầu tư các trang thiết bị phục vụ việc học và dạy nghề

Đến nay, hệ thống mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn từng bước được kiện toàn, mở rộng cả về quy mô, chất lượng và năng lực đào tạo. Trên địa bàn tỉnh hiện có 43 trường, trung tâm, cơ sở giáo dục đào tạo nghề. Giai đoạn 2016 – 2020 đã tổ chức, tuyển sinh và đào tạo nghề cho hơn **79.000** người (đạt 102% kế hoạch). Các trường, trung tâm chủ yếu tập trung đào tạo nghề trong 6 lĩnh vực: Ngành Khai thác mỏ với 6 nhóm nghề; ngành xây dựng với 3 nhóm nghề; ngành thương mại, dịch vụ và du lịch với 12 nhóm nghề; ngành kỹ thuật sản xuất và chế biến sản phẩm nông nghiệp với 7 nhóm nghề; ngành thủy điện với và lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng đều có 2 nhóm nghề.

Đặc biệt, Lào Cai đã thực hiện tốt mô hình liên kết 3 Nhà: Nhà nước - Nhà trường và Nhà doanh nghiệp; tăng cường công tác liên doanh, liên kết đào tạo theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp, các cơ sở sản xuất Kinh doanh đóng trên địa bàn tỉnh với trên 20.500 lao động được liên kết giữa các trường trong và ngoài tỉnh, trên 4.500 lao động được liên kết đào tạo giữa các trường với doanh nghiệp. Tỷ lệ lao động có việc làm sau đào

tạo đạt trên **75%**; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh tăng từ **27,8%** năm **2005** lên **53,2%** năm **2017** và nay là trên **60%**.

Giai đoạn 2010- 2018 giải quyết việc làm cho khoảng trên **69.000** lao động; trong đó lao động là người dân tộc thiểu số được tạo việc làm mới là 34.040, chiếm 49,3% trên tổng số lao động được tạo việc làm mới; 6.631 lao động bị thu hồi đất nông nghiệp được tạo việc làm mới. Kết quả công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm đã góp phần tích cực, từng bước nâng cao đời sống cho người lao động (nhất là lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số, lao động vùng nông thôn và lao động trong vùng giải phóng mặt bằng), góp phần ổn định chính trị trên địa bàn tỉnh.

Mặc dù nguồn ngân sách của tỉnh còn nhiều khó khăn, song cùng với sự Hỗ trợ của Trung ương, hằng năm tỉnh đã trích một phần kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương bổ sung cho công tác đào tạo nghề và Quỹ vay vốn tạo việc làm (giai đoạn 2016 - 2020 ngân sách tỉnh đã cấp trên **18** tỷ đồng cho Quỹ vay vốn tạo việc làm); ban hành cơ chế, chính sách học nghề và tạo việc làm; giao chỉ tiêu học nghề và vay vốn tạo việc làm cho các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể triển khai thực hiện, do vậy đã đáp ứng cơ bản nhu cầu về lao động, việc làm cho các doanh nghiệp và người lao động, tạo ra nhiều mô hình học nghề, vay vốn làm ăn có hiệu quả.

Bên cạnh những kết quả đạt được như trên, công tác dạy nghề và giải quyết việc làm cũng còn những mặt hạn chế như: Năng lực và chất lượng đào tạo của một số cơ sở dạy nghề chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao; còn một bộ phận người lao động đã qua đào tạo nghề nhưng chưa chuyển đổi hoặc tìm kiếm được việc làm phù hợp; vẫn chưa có sự gắn kết, phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo nghề; nhận thức của một số bộ phận người lao động về học nghề và việc làm còn hạn chế (nhất là bộ phận lao động ở các xã biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt

khó khăn); nguồn vốn cho công tác dạy nghề còn hạn hẹp, chưa đáp ứng nhu cầu dạy, học nghề của các cơ sở đào tạo và người lao động.

Giai đoạn 2017 - 2020, tỉnh Lào Cai đặt ra mục tiêu tập trung đào tạo cho khoảng 56.700 lao động, phấn đấu nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề trên 60% vào cuối năm 2020; giải quyết việc làm trong nước cho 48.500 lao động, xuất khẩu lao động 1.600 lao động; tập trung chuyển hướng mạnh đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường lao động, sớm hình thành đội ngũ lao động có tay nghề cao đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế của tỉnh; đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là khu vực tái định cư, vùng khó khăn, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và giảm nghèo bền vững.

**2. Danh mục các doanh nghiệp và nhu cầu lao động theo ngành nghề trên địa bàn tỉnh Lào Cai (kèm theo Module 13) [64]**

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
1	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nông Nghiệp Lào Cai	Trồng chè	49	2
2	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Và Thương Mại Sông Thao	Xây dựng đường	70	4
3	Công Ty TNHH Một Thành Viên Vũ Phúc Quý	Xây dựng mặt bằng	40	2
4	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Nông Lâm Nghiệp Thịnh Vượng	Bán buôn thóc ngô	8	0
5	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tổng hợp Huy Bảo	Bán lẻ vật liệu xây dựng (Xi măng)	8	0
6	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Sản Xuất Và Thương Mại Nhuận Phát	Bán sắt thép	3	0
7	Hợp Tác Xã Xuất nhập khẩu Thành Đạt	Bán thóc ngô	7	0
8	Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Thủy Lợi Thủy Điện Lào Cai	Bán văn phòng phẩm	8	0
9	Công Ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Bảo Vệ Tâm Việt	Dịch vụ bảo vệ	13	1
10	Công Ty TNHH Xây Lắp Công trình Hồng Toàn	Khai thác đá xây dựng	87	4

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
11	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tâm Trà Việt	Kinh doanh chè búp	4	0
12	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch vụ Cao Trụ	Kinh doanh điện tử	3	0
13	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch vụ Bình Minh	Kinh doanh máy tính	37	2
14	Công Ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Hùng Mạnh	Tư vấn thiết kế	29	1
15	Công Ty Cổ Phần Kiến Trúc Và Xây dựng Á Đông	Tư vấn Xây dựng	10	1
16	Công Ty Cổ Phần ĐT Thương Mại Và Vận tải Tiền Phong	Vận tải hàng hóa	10	1
17	Công Ty TNHH MTV Thành Dương	Xây dựng công ích	78	4
18	Công Ty Cổ Phần Xây dựng Và Môi Trường An Gia	Xây dựng công trình	15	1
19	Công Ty TNHH MTV TV XNK Phú Quý	Xây dựng Giao thông	3	0
20	Công Ty TNHH Du Lịch Khám Phá Việt	Ăn uống nhà hàng	18	1
21	Công Ty TNHH Dịch vụ Vận tải Và Thương Mại Minh Giang	Bán buôn hàng gốm sứ	4	0
22	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Thành Lộc	Bán giường tủ	5	0
23	Công ty Cổ Phần Dt Và Phát Triển KSH	Bán mộc nhĩ, nấm hương, thanh long	6	0
24	Công Ty TNHH MTV Thương Mại&xd Duy Mạnh	Bán thiết bị vệ sinh	5	0
25	Công Ty TNHH Thương Mại Bình Tây Bắc	Bán bàn ghế	3	0
26	Doanh Nghiệp Tư Nhân Mai Linh	Bán bánh kẹo, hàng công nghệ phẩm	64	3
27	Công Ty TNHH Thương Mại Lương Hương	Bán bánh kẹo, cà phê	10	1
28	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Thảo Ngọc	Bán bánh kẹo, nước ngọt	6	0
29	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Dcp Việt Nam	Bán bể Bioga	4	0
30	Công Ty TNHH Đ Và V	Bán bột thạch cao	2	0
31	Công Ty TNHH Thương Mại Hưng Tín	Bán buôn bán lẻ gạch, ngói, thiết bị vệ sinh	81	4
32	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Vĩnh Hoàn	Bán buôn bánh kẹo	9	0
33	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Tổng hợp Nam Dương	Bán buôn bánh kẹo, mỳ tôm	12	1
34	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch vụ Kinh Đô	Bán buôn Bia	19	1
35	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xuất nhập	Bán buôn Cao su	4	0

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
	khâu Đoàn Kết			
36	Tổng Công Ty Cổ Phần Trà Dược Linh Dương	Bán buôn Chè	7	0
37	Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Tổng hợp Phương Bắc	Bán buôn dầu mỡ, nhờn	10	1
38	Công Ty TNHH MTV Mc	Bán buôn dầu mỡ ô tô	3	0
39	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Thương Mại Duy Khương	Bán buôn đồ điện dân dụng	5	0
40	Công Ty TNHH Một Thành Viên Kinh doanh Nội Thất Hồng Loan	Bán buôn đồ nội thất văn phòng	3	0
41	Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Và Dịch vụ An Lộc Phát	Bán buôn đồ uống không cồn	11	1
42	Công Ty TNHH MTV Hoàn Hải	Bán buôn Gạch	68	3
43	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xuân Phát	Bán buôn Gạo	12	1
44	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Đầu Tư Gia Huy	Bán buôn Gạo	9	0
45	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Gia Thái Hòa	Bán buôn Gạo	5	0
46	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Hồng Hà Việt Nam Riverside	Bán buôn Gạo	4	0
47	Công Ty Cổ Phần Liên Doanh XNK Minh Trí	Bán buôn Gạo	4	0
48	Công Ty TNHH Thương Mại Xuất nhập khẩu Đại Việt Lào Cai	Bán buôn giày dép	10	1
49	Công Ty TNHH Thương Mại Hoàng Long	Bán buôn hàng nông sản	3	0
50	Công Ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Trúc Quỳnh	Bán buôn Hàng nông sản	3	0
51	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch vụ Quảng Độ	Bán buôn Hàng nông sản đậu đỗ	5	0
52	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Đông Đô Việt	Bán buôn Hàng nông sản thanh long	17	1
53	Công Ty TNHH Một Thành Viên Phân Phối Tây Bắc	Bán buôn hàng sữa, Milo, bột ăn dặm	6	0
54	Công Ty TNHH 1tv Vũ Linh	Bán buôn hóa chất xử lý rác thải	3	0
55	Doanh Nghiệp Tư Nhân Hương Tấn	Bán buôn khí ga	9	0
56	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Tổng hợp Xuất nhập khẩu Thảo Anh	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	3	0
57	Công Ty TNHH MTV Hưng Thịnh	Bán buôn Máy móc thiết bị	5	0
58	Công Ty Cổ Phần Tuấn Ân Lào Cai	Bán buôn Máy móc thiết bị điện lực	3	0
59	Công Ty TNHH Bình Giao	Bán buôn Máy móc	7	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
		thiết bị máy nông nghiệp		
60	Công Ty TNHH Một Thành Viên Act	Bán buôn Nông sản ( Rau Quả)	3	0
61	Công Ty TNHH Một Thành Viên Anh Minh	Bán buôn Nông sản (gạo)	3	0
62	Công Ty Cổ Phần Thương Mại & Đầu Tư Xây dựng Hải Anh	Bán buôn Nông sản (sắn)	60	3
63	Công Ty TNHH XNK Thành Đại	Bán buôn Nông sản Gạo	4	0
64	Công Ty TNHH Tổng hợp 559	Bán buôn Nông sản Thanh Long	64	3
65	Công Ty Cổ Phần Vật Tư Nông Nghiệp Tổng hợp Lào Cai	Bán buôn Phân bón	18	1
66	Công Ty Cổ Phần Giống Cây Trồng Tân Tân Việt Nam	Bán buôn Phân bón	10	1
67	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thiên Phú Lào Cai	Bán buôn Phân bón	5	0
68	Công Ty TNHH 1tv Thanh Tân	Bán buôn Phụ Tùng Ô Tô	3	0
69	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Xuất nhập khẩu Thịnh Phát	Bán buôn Quần áo	3	0
70	Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Và Xuất nhập khẩu Long Hương	Bán buôn Quần áo	3	0
71	Công Ty TNHH Thương Mại Th Phương Hoà	Bán buôn Sắt thép	6	0
72	Công Ty TNHH Thương Mại Danh Hà	Bán buôn Sắt thép	6	0
73	Công Ty TNHH Một Thành Viên Sản Xuất Và Thương Mại Duy Hưng	Bán buôn Sắt thép	5	0
74	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Và Xây dựng Minh Thuận	Bán buôn Sắt thép	4	0
75	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Dũng Đạt	Bán buôn Sơn	30	2
76	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Sơn Duy Anh	Bán buôn Sơn	23	1
77	Doanh Nghiệp Tư Nhân Thanh San	Bán buôn Sơn	6	0
78	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Tổng hợp Tường Linh	Bán buôn Sơn, Vật liệu xây dựng	3	0
79	Công Ty TNHH Thương Mại Tổng hợp Thủ Đô	Bán buôn sữa, xà phòng, bột giặt	101	5
80	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Và Thương Mại Hải Đăng	Bán buôn thịt	5	0
81	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây dựng Thương Mại Đồng Tâm	Bán buôn than đá	3	0
82	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Và Thương Mại Bảo Tiến	Bán buôn thiết bị lắp đặt, khai thác trong	3	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
		xây dựng		
83	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xmedia	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử vi tính	19	1
84	Công Ty TNHH Hoa Việt	Bán buôn thức ăn gia súc	5	0
85	Công Ty TNHH MTV XNK ánh Dương	Bán buôn Tổng hợp	11	1
86	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Và Thương Mại Thạch Đà	Bán buôn Tổng hợp	3	0
87	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Và Thương Mại Ngọc Linh	Bán buôn Tổng hợp ( Thịt Cá)	5	0
88	C T T N H H Một Thành Viên Phúc Phát Lào Cai	Bán buôn Vải	3	0
89	C T TNHH1t V Trường Hải	Bán buôn Vật liệu xây dựng	43	2
90	Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Trường Sơn	Bán buôn Vật liệu xây dựng	6	0
91	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Và Thương Mại Anh Minh	Bán buôn Vật liệu xây dựng ( Xi măng, Sắt thép )	4	0
92	Công Ty TNHH MTV Vận tải Thảo Minh Hải	Bán buôn Vật liệu xây dựng ( Xi măng...)	5	0
93	Công Ty TNHH Hoàng Minh	Bán buôn Vật liệu xây dựng (Sắt thép)	44	2
94	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Xuất nhập khẩu Đông á	Bán buôn Vật liệu xây dựng (Xi măng...)	254	13
95	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Tân Hoàng Minh	Bán buôn Vật liệu xây dựng Sắt, Thép	7	0
96	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vật liệu xây dựng Nam ánh	Bán buôn Vật liệu xây dựng Xi măng, Sắt thép	12	1
97	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch vụ Thành Trung	Bán buôn Vật Tư Điện Nước	11	1
98	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Hòa An Phát	Bán buôn Xi măng	86	4
99	Công Ty TNHH MTV Xây Lắp Và Thương Mại Nguyễn Vũ	Bán buôn Xi măng	47	2
100	Doanh Nghiệp Tư Nhân Tiến Trường	Bán buôn Xi măng	23	1
101	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Hùng Vương	Bán buôn Xi măng	23	1
102	Doanh Nghiệp Tư Nhân Hùng Thái	Bán buôn Xi măng	22	1
103	Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Minh Long	Bán buôn Xi măng	18	1



<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
104	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Dịch vụ Mạnh Tuấn	Bán buôn Xi măng	11	1
105	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vạn Long	Bán buôn Xi măng	10	1
106	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Bình Minh	Bán buôn Xi măng	5	0
107	Công Ty TNHH Một Thành Viên Anh Phong Lào Cai	Bán buôn Xi măng Sắt thép	62	3
108	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Dũng Cường	Bán buôn Xi măng, Sắt thép	7	0
109	Công Ty TNHH Một Thành Viên Minh Phú Thành	Bán buôn, bán lẻ thuốc tân dược	35	2
110	Công Ty Cổ Phần Yến Minh	Bán cá hồi, cá tầm	4	0
111	Hợp Tác Xã Chăn Nuôi Gia Xúc, Gia Cầm Xuân Tiên	Bán cám gà	7	0
112	Công Ty TNHH Thiết bị An Ninh Tây Bắc	Bán Camera	9	0
113	Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Xây dựng Phương Bắc	Bán cân băng tải điện tử	3	0
114	Công Ty TNHH Thương Mại Vận tải Việt Hưng	Bán cát sỏi	55	3
115	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đại Ngàn Xanh - Green Trees	Bán cây công trình	3	0
116	Doanh Nghiệp Tn Xây dựng Đại Long	Bán cây giống	5	0
117	Hợp Tác Xã Dịch vụ Nông, Lâm Nghiệp Bình Minh	Bán con giống ( Gia cầm )	7	0
118	Công Ty TNHH Thương Mại Tổng hợp Việt Lâm	Bán cột điện li tâm	7	0
119	Công Ty TNHH Lan Bắc	Bán dầu ăn, bánh kẹo, nước ngọt	28	1
120	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Ngân Thắng	Bán dầu mỡ nhờn	3	0
121	Công Ty TNHH Itv Thương Mại Tổng hợp Bình Dương	Bán dầu mỡ ô tô	4	0
122	Công Ty TNHH Thương Mại Điệp - Sơn	Bán dầu nhớt	3	0
123	Công Ty TNHH Thương Mại Du Lịch Hội An	Bán đèn pin, máy sạc pin	8	0
124	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Dịch vụ Nam Khánh	Bán Điện Thoại	8	0
125	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Đầu Tư Thành Lộc	Bán Đồ Điện Dân dụng	4	0
126	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Nhài Giang	Bán Đồ Uống Có Cồn	8	0
127	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Trần Trường	Bán Gạch Ngói, Vật liệu xây dựng	9	0
128	Công Ty TNHH Itv Minh Long Lào Cai	Bán Gạch ốp Lát	3	0
129	Công Ty TNHH Thương Mại Anh Nhật	Bán Gạch ốp Lát	4	0

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
		Thiết bị Vệ sinh		
130	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Quỳnh Trang	Bán Gạch ốp Lát, Tbj Vệ sinh	7	0
131	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Hải Lưu	Bán Gạo	10	1
132	Công Ty TNHH Thương Mại Tổng hợp Mường Khương	Bán Gạo	3	0
133	Công Ty TNHH Thương Mại Agri Viet	Bán Giống Lợn; Gia Cầm	5	0
134	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch vụ Xuân Trường	Bán Hàng Lương Thực, Thực Phẩm	30	2
135	Doanh Nghiệp Tư Nhân Xuân Trường	Bán Hàng Lương Thực, Thực Phẩm Tổng hợp	3	0
136	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Đức Nhung	Bán Lẻ Bánh Kẹo	8	0
137	Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Và Thương Mại Tổng hợp ánh Sáng	Bán Lẻ Camera	5	0
138	Công Ty TNHH Thương Mại Tổng hợp Bắc Hà	Bán Lẻ Đồ Dùng Gia Đình ( Chăn, Màn, Ga, Đồng Hồ )	3	0
139	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Dịch vụ Hồng Quang	Bán Lẻ Đồ Gia Dụng	7	0
140	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Tổng hợp ánh Hồng	Bán Lẻ Đồ Ngũ Kim	3	0
141	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Tổng hợp Minh Hà	Bán Lẻ Đồ Ngũ Kim Sơn	3	0
142	Công Ty TNHH Một Thành Viên Sơn Phương	Bán Lẻ Gạo	3	0
143	Công Ty TNHH Đá Châm Sa Pa	Bán Lẻ Hàng Lưu Niệm	3	0
144	Công Ty TNHH Anh Mỹ Xmart	Bán Lẻ Hàng Trong Siêu Thị	23	1
145	Công Ty TNHH MTV Kinh doanh Công Nghệ Linh Anh	Bán Lẻ Máy Tính, Camera	3	0
146	Công Ty TNHH Siêu Nhân Việt	Bán Lẻ Máy Tính, Ka Mê Ra	3	0
147	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Và Du Lịch T Và C	Bán Lẻ Quần áo	3	0
148	Công Ty TNHH Thương Mại 1 Thành Viên Quang Vinh	Bán Lẻ Sắt thép	3	0
149	Công Ty TNHH Một Thành Viên Du Lịch Và Thương Mại Hoàng Sa	Bán Lẻ Thiết bị Xây Lấp Trong Xây dựng	3	0
150	Công Ty TNHH New Food Sa Pa	Bán Lẻ Thực Phẩm Hàng Tiều Dùng	4	0
151	Công Ty TNHH Một Thành Viên Việt Phương	Bán Lẻ Thuốc Tân	3	0

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
		Dược		
152	Công Ty TNHH Đầu Tư Dịch vụ Thành Công	Bán Lẻ Trong Siêu Thị	18	1
153	Công Ty TNHH Itv Hải Đăng Lào Cai	Bán Lẻ Vật liệu xây dựng (Xi măng)	9	0
154	Công Ty TNHHMTV Xây dựng Vận tải Trung Thảo	Bán Lẻ Xi măng	10	1
155	Công Ty TNHH Thương Mại Quang Ly	Bán Lẻ Xi măng	9	0
156	Công Ty TNHH l thành Viên Vận tải Trung Kiên	Bán Lẻ Xi măng	7	0
157	Công Ty TNHH MTV Hồng Hòa	Bán Lẻ Xi măng	3	0
158	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Ngọc Thắng	Bán Máy Cầu	3	0
159	Công Ty TNHH Vật Tư Thiết bị Minh Châu	Bán Máy Công Nghiệp, Nông Nghiệp	38	2
160	Công Ty TNHH Một Thành Viên Sản Xuất Và Xuất nhập khẩu Hòa Phát	Bán Máy móc Công Nghiệp	4	0
161	C T T N H H Một Thành Viên T M Và X N K Bảo Minh	Bán Máy móc Công trình Công Nghiệp	11	1
162	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Tổng hợp Huy Phát	Bán Máy móc Nông Nghiệp	3	0
163	Công Ty TNHH Một Thành Viên Ngọc Quang Nguyễn	Bán Máy móc thiết bị Khai Khoáng	5	0
164	Công Ty TNHH MTV XNK Cát Minh	Bán Máy móc thiết bị Làm Bánh	4	0
165	Công Ty TNHH l Thành Viên Trang Việt	Bán Máy móc thiết bị Phụ Tùng	5	0
166	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Thương Mại Phú Đông	Bán Máy móc thiết bị Phục Vụ Cho Ngành Công Nghiệp Chế Biến Than	4	0
167	Công Ty TNHH Thương Mại Lương Hà	Bán Máy móc thiết bị Xây dựng	42	2
168	Công Ty TNHH Một TV Thương Mại Thiên An	Bán Máy móc thiết bị Xây dựng	3	0
169	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Dịch vụ Lcc	Bán Máy Tinh	4	0
170	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Ngọc Nguyên	Bán Máy Trắc Địa	4	0
171	Công Ty TNHH l Thành Viên Thủy Vân	Bán Nhôm Tôn Thép Kính	4	0
172	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tla	Bán Ô Tô	14	1
173	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Vận tải Mông Sơn	Bán Ô Tô	5	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
174	Công Ty TNHH Một Thành Viên Vật Tư Nông Nghiệp Hoàng Nam	Bán Phân bón	8	0
175	Hợp Tác Xã Nông, Lâm Nghiệp, Dịch vụ Và Môi Trường Gia Lan	Bán Phân bón	6	0
176	Hợp Tác Xã Nông, Lâm Nghiệp Dịch vụ Và Môi Trường Xam Xa	Bán Phân bón Giống Nông Nghiệp	3	0
177	Công Ty TNHH MTV Phạm Gia T Y M	Bán Phân Đạm	3	0
178	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thiết bị Điện Máy Gia Huy	Bán Phụ Tùng Máy Nông Nghiệp	3	0
179	Doanh Nghiệp Tư Nhân Khôi Tân	Bán Phụ Tùng Ô Tô	8	0
180	Công Ty TNHH Một Thành Viên DTp Kim	Bán Phụ Tùng Ô Tô	5	0
181	Công Ty TNHH Mậu Hạnh	Bán Phụ Tùng Ô Tô	4	0
182	Doanh Nghiệp Tư Nhân Thoả Cường	Bán Phụ Tùng Ô Tô	4	0
183	Công Ty TNHH Phụ Tùng Vật Tư Đại Thắng	Bán Phụ Tùng Ô Tô	4	0
184	Công Ty TNHH Thương Mại Vật Tư Thanh Tùng	Bán Phụ Tùng Ô Tô	3	0
185	Công Ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Ô Tô Đăng Khoa	Bán Phụ Tùng Ô Tô	3	0
186	Công Ty TNHH Thương Mại Tổng hợp Minh Toàn	Bán Phụ Tùng Ô Tô Máy Công trình	9	0
187	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thiết bị Đại Hải	Bán Phụ Tùng Và Các Bộ Phận Phụ Trợ Của Ô Tô Và Xe Có Động Cơ Khác	3	0
188	Công Ty TNHH Thương Mại Quang Đăng	Bán Quặng	261	13
189	Công Ty TNHH Thủy Linh	Bán Quặng	28	1
190	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Nhật Anh Tại Lào Cai	Bán Quặng Sắt	4	0
191	C T TNHH Thương Mại Xuân Quang	Bán Que Hàn	4	0
192	Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Tổng hợp Hải Minh	Bán Que Hàn	3	0
193	Công Ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Tổng hợp Định Trâm	Bán Rượu Bia	5	0
194	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và Truyền Thông Tùng Phương	Bán Sách Văn Phòng Phẩm Đồ Chơi	5	0
195	Công Ty TNHH MTV Ngô Quang Khải	Bán Sàn Gỗ	4	0
196	Công Ty TNHH Thương Mại & Sản Xuất Hà Sơn Bình	Bán Sắt thép	9	0
197	Công Ty TNHH Thương Mại XNK Trường Ánh	Bán Sắt thép	8	0
198	Công Ty TNHH Itv Đt Xây dựng Và Thương Mại Phúc Khang	Bán Sắt thép	5	0
199	Hợp Tác Xã Vận tải Hải Hoàn	Bán Sắt thép	3	0

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
200	Công Ty TNHH Tuấn Tiến	Bán Sim Thẻ Điện Thoại	3	0
201	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Anh Hưng	Bán Sơn	13	1
202	Công Ty TNHH MTV Quốc Hưng	Bán Sơn	8	0
203	Coong Ty TNHH Xuất nhập khẩu Phú An	Bán Sơn	6	0
204	Công Ty TNHH Một Thành Viên Sơn Trang	Bán Sơn	5	0
205	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Xây dựng Nguyên Trường	Bán Sơn	3	0
206	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thuận Phát Lào Cai	Bán Sơn Bả Ma Tit	3	0
207	Công Ty TNHH Trường An	Bán Than Tổ Ong	36	2
208	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dịch vụ Quốc Mỹ	Bán Thi?t B?, Linh Kiện Điện Tử	3	0
209	Công Ty TNHH Dũng Hân	Bán Thiết bị Chiếu Sáng	22	1
210	Công Ty TNHH Xây dựng Và Thương Mại Ngân Nam	Bán Thiết bị Điện Nước	8	0
211	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch vụ Tây Bắc	Bán Thiết bị Máy Công Nghiệp	2	0
212	Công Ty TNHH Thương Mại&dv Ngọc Khánh Vì Na	Bán Thiết bị Vệ sinh	6	0
213	Hợp Tác Xã Mạnh Quyết Xã Bản Vược	Bán Thức Ăn Gia Súc	4	0
214	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Và Vận tải Việt Dương	Bán Thức Ăn Gia Súc	4	0
215	Công Ty Cổ Phần Dược Vật Tư Y Tế Tỉnh Lào Cai	Bán Thuốc , Vật Tư Y Tế	76	4
216	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Quang Đào	Bán Trần Thạch Cao	5	0
217	Công Ty TNHH Thương Mại Tổng hợp Phương Thảo	Bán Văn Phòng Phẩm	8	0
218	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Dịch vụ Nhà Đất ánh Tuyết	Bán Văn Phòng Phẩm	3	0
219	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vàng Bạc Đá Quý Đình Phúc	Bán Vàng Bạc	5	0
220	Doanh Nghiệp Tư Nhân Vàng Bạc Kiên Thẩm	Bán Vàng Bạc	3	0
221	Doanh Nghiệp Tư Nhân Vàng Bạc Hoạt Mai	Bán Vàng Bạc	3	0
222	Công Ty TNHH MTV Vàng Bạc Đá Quý Bảo Lâm	Bán Vàng Bạc	3	0
223	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vàng Bạc Thanh Bình	Bán Vàng Bạc	3	0
224	Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Tổng hợp Sơn Dương	Bán Vàng Bạc	3	0
225	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vàng Bạc Đá Quý	Bán Vàng Bạc, Đá	3	0

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
	Hoàng Thái	Quý		
226	Công Ty Công Nghiệp Hóa Chất Mỏ Tây Bắc	Bán Vật Liệu Nổ Công Nghiệp	288	14
227	Công Ty TNHH MTV Tuyển Dược	Bán Vật Liệu Thiết bị Lắp Đặt Trong Xây dựng	6	0
228	Công Ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Bảo Phong	Bán Vật liệu xây dựng	6	0
229	Hợp Tác Xã Hồng Thái	Bán Vật liệu xây dựng	4	0
230	Công Ty TNHH MTV Hải Phú Hoàn	Bán Vật liệu xây dựng ( Cát..)	3	0
231	Công Ty TNHH Trường Thành	Bán Vật liệu xây dựng ( Xi măng, Sắt thép )	12	1
232	Hợp Tác Xã Vận tải Hợp Thành	Bán Vật liệu xây dựng ( Xi măng, Sắt thép )	3	0
233	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Bình Dương	Bán Vật liệu xây dựng (cát)	4	0
234	Công Ty TNHH Xây dựng&tm Thái Bình Minh	Bán Vật liệu xây dựng (thiết bị Lắp Đặt)	37	2
235	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Thương Mại Và Dịch vụ Thái Tuấn	Bán Vật Liệu Xi măng Sắt thép	4	0
236	Công Ty TNHH Hùng Cường	Bán Vật Tư Viễn thông	3	0
237	Công Ty TNHH MTV Du Lịch Và Thương Mại Galaxy Star	Bán Vé Cáp Treo Fansipan	3	0
238	Công Ty TNHH MTV Du Lịch Cát Cát	Bán Vé Du Lịch	123	6
239	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xuân Diệu	Bán Xăng	3	0
240	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Và XNK Hồng Vũ	Bán Xăng Dầu	68	3
241	Doanh Nghiệp Tư Nhân Tuấn Len	Bán Xăng Dầu	65	3
242	Công Ty TNHH Thương Mại Vận tải Tấn Thủy	Bán Xăng Dầu	34	2
243	Doanh Nghiệp Tư Nhân Đức Đa	Bán Xăng Dầu	19	1
244	Doanh Nghiệp Tư Nhân Hoàng Linh	Bán Xăng Dầu	12	1
245	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dầu Khí Bắc Việt	Bán Xăng Dầu	10	1
246	Công Ty Cổ Phần Ht Và Th	Bán Xăng Dầu	10	1
247	Công Ty TNHH MTV Hương Trang	Bán Xăng Dầu	5	0
248	Công Ty TNHH Thương Mại Tổng hợp Khang Thịnh Phát	Bán Xăng Dầu	4	0

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
249	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thắng Ngân	Bán Xăng Dầu	3	0
250	Công Ty TNHH Thương Mại Cửu Lâm	Bán Xe Máy	3	0
251	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Và Vận tải Bình Phát	Bán Xi măng	194	10
252	Hợp Tác Xã Bản Mế	Bán Xi măng	24	1
253	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Quang Phát	Bán Xi măng	4	0
254	Công Ty TNHH MTV Nam Lào	Bán Xi măng	3	0
255	Công ty Cổ Phần TBD Lào Cai	Bán Xi măng	3	0
256	Công Ty TNHH Thương Mại Th Yên Sơn	Bán Xi măng Sắt Thép	14	1
257	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vận tải Hùng Phong	Bán Xi măng Sắt thép	3	0
258	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Và Thương Mại Thùy Linh	Bán Xi măng, Đồ Điện Nước	3	0
259	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Quỳnh Đạt	Bán Xi măng, Sắt Thép	6	0
260	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Tổng hợp Hà Sơn	Bán Xi măng, Sắt thép	6	0
261	Công Ty TNHH Thiết bị Số Hd	Bán máy Tính Thiết bị Văn Phòng	2	0
262	Hợp Tác Xã Dịch vụ Sửa Chữa Ô Tô Hùng Huế	Bảo Dưỡng Ô Tô Cứu Hộ Giao Thông	4	0
263	Công Ty TNHH MTV Toàn Gia An Phúc	Bảo Hiểm Nhân Thọ	6	0
264	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thiên Trường Hạnh Phúc	Bảo Hiểm Nhân Thọ	5	0
265	Công Ty TNHH In Quảng cáo Huy Hoàng	Biển Cáo Cáo , Khung ảnh	4	0
266	Công Yty TNHH Tuệ Minh Sơn	Bốc Xếp Hàng Hóa	17	1
267	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Thiện Lan	Bốc Xếp Hàng Hóa	4	0
268	Công Ty TNHH Một Thành Viên Kinh doanh Vận tải Hải Nam	Bốc Xếp Hàng Hóa Bằng Xe Cẩu	3	0
269	Công Ty TNHH Vượng Đạt	Bốc Xúc Hàng Hóa	16	1
270	Công Ty TNHH Xây Lắp Cương Lĩnh	Bốc Xúc Quặng	219	11
271	Công Ty Cổ Phần Chè Mường Khương	Buôn Bán Chè Khô	4	0
272	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Xuất nhập khẩu Hùng Thái	Buôn Bán Hàng nông sản	3	0
273	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại ánh Dương	Buôn Bán Linh Kiện Điện Tử	3	0
274	Công Ty TNHH Xây dựng & Thương Mại Huy Hòa	Buôn Bán Máy móc thiết bị Cn- Xd	92	5
275	Doanh Nghiệp Tư Nhân Thanh Liên	Buôn Bán Nông sản	4	0

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
		Gạo Ngô		
276	Công Ty TNHH MTV Thương Mại XNK Hưng Thịnh	Buôn Bán Nông sản Rau Quả	4	0
277	Công Ty TNHH MTV Thương Mại An Mạnh	Buôn Bán Ô Tô Tài	5	0
278	Công Ty TNHH Xây Dựng Th Mạnh Dũng	Buôn Bán Quặng Kim Loại	4	0
279	Công Ty TNHH Một Thành Viên Công Nghệ Phát Thanh Truyền Hình	Buôn Bán Thiết bị Điện Tử	12	1
280	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xuất nhập khẩu Duy Long	Buôn Bán Thịt Đông Lạnh	4	0
281	Công Ty TNHH MTV Thực Phẩm Thảo Nguyên	Buôn Bán Thực Phẩm Bánh Kẹo Đường Sữa	3	0
282	Hợp Tác Xã Nông Nghiệp Và Thương Mại Dương Thị	Buôn Bán Trâu, Bò, Ngựa	7	0
283	Công Ty TNHH Nhật Minh Lào Cai	Buôn Bán Vật liệu xây dựng	9	0
284	Công Ty TNHH Một Thành Viên Bộ Nhung	Buôn Bán Vật liệu xây dựng ( Sắt thép )	6	0
285	Công Ty T N HH Thương Mại Tổng hợp Thái Bảo	Buôn Bán Vật liệu xây dựng (Bán buôn ống Nước, Thiết bị Vệ sinh)	16	1
286	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Tổng hợp Hiệp Thành	Buôn Bán Xe Máy	3	0
287	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Sản Xuất Xây dựng Và Thương Mại Pansipan	Buôn Bán Xi măng	5	0
288	Công Ty TNHH Thương Mại Tổng hợp Minh Chiến	Cầu Hàng Hoá	10	1
289	Công Ty TNHH MTV Cận Tải Mạnh Điệp	Cầu, Vận tải hàng hóa	6	0
290	Hợp Tác Xã Quyết Thắng	Chăn Nuôi Gia Xúc, Gia Cầm	3	0
291	Công Ty TNHH Luyện Kim An Thành Phát	Chế Biến Chất Che Phủ Ngành Luyện Kim	11	1
292	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tân Vũ Phong	Chế Biến Chè	3	0
293	Công Ty Cổ Phần Chè Bát Xát	Chế Biến Chè Búp	3	0
294	Hợp Tác Xã Xây dựng Và Chế Biến Lâm Sản Quyết Thắng	Chế Biến Gỗ	19	1
295	Hợp Tác Xã Chế Biến Lâm Sản Phương Thái	Chế Biến Gỗ	19	1
296	Hợp Tác Xã Xây dựng Chế Biến Lâm Sản Sơn Hải	Chế Biến Gỗ	3	0



<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
297	Công Ty TNHH Một Thành Viên Gỗ Ván Bóc Trường Giang	Chế Biến Gỗ Bóc	5	0
298	Công Ty TNHH Xây dựng Thương Mại An Bình	Chế Biến Lâm Sản	172	9
299	Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thạch Cao Duy Nhất	Chế Biến Thạch Cao	12	1
300	Công Ty TNHH Chế Biến Nông sản Xuất Khẩu Sơn Hải	Chế Biến Tinh Dầu Quế	12	1
301	Công Ty TNHH Vạn Chúng	Cho Thuê Gian Hàng	13	1
302	Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Kho Vận Vidii-interserco Lao Cai	Cho Thuê Kho Bãi	24	1
303	Công Ty T N Hh 1 T V T M T H XNK Phúc Kiến	Cho Thuê Kho Bãi	4	0
304	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát Triển Tiến Thành	Cho Thuê Kiot Chợ	11	1
305	Công Ty TNHH Hà Oanh	Cho Thuê Máy Công Trình	7	0
306	Công Ty TNHH Hà Nhật Minh	Cho Thuê Máy Công trình	5	0
307	Công Ty TNHH Hương Dương	Cho Thuê Máy Công trình Có Người Điều Khiển	36	2
308	Công Ty Cổ Phần Công trình Giao Thông Lào Cai	Cho Thuê Máy Lu Kèm Người Điều Khiển	9	0
309	Công Ty TNHH Xây dựng Và Thương Mại Tâm Trí	Cho Thuê Máy móc Kèm Người Điều Khiển	5	0
310	Công Ty TNHH MTV Quang Minh Phát	Cho Thuê Máy móc Không Kèm Người Điều Khiển	30	2
311	Công Ty TNHH MTV Cầu Đường 3	Cho Thuê Máy móc Xây dựng Có Người Điều Khiển	5	0
312	Công Ty TNHH 1tv Xây dựng Sơn Thành	Cho Thuê Máy Xúc	3	0
313	Công Ty TNHH Hưng Thịnh Lào Cai 855	Cho Thuê Nhân Công	4	0
314	Công Ty TNHH Đại An Phong	Cho Thuê Sân Bóng	6	0
315	Công Ty TNHH Một Thành Viên Du Lịch Và Dịch vụ Công Đoàn Sa Pa	Cho Thuê Tài Sản	3	0
316	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Indochina	Cho Thuê Văn Phòng	40	2
317	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Tân Minh Quang	Cho Thuê Xe ô tô	14	1
318	Công Ty TNHH MTV Đại Nam	Cho Thuê Xe ô tô	3	0

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
319	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Chiến Trinh	Cho Thuê Xe ô tô Không Kèm Người Điều Khiển	4	0
320	Công Ty TNHH Trường Giang	Cho Thuê Xe Tải Máy Xúc	5	0
321	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Quyền Lợi	Chuẩn Bị Mặt Bằng	10	1
322	Văn Phòng Công Chứng Cam Đường Lào Cai	Công Chứng	7	0
323	Văn Phòng Công Chứng Sa Pa	Công Chứng	7	0
324	Văn Phòng Công Chứng Lê Văn Hải	Công Chứng	6	0
325	Công Ty TNHH Thương Mại An Lợi Vinh	Công Nghệ Phẩm Đường Sữa Bánh Kẹo	14	1
326	Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Hải Hà	Cửa Hàng Miễn Thuế - Kinh doanh Thuốc Lá	8	0
327	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thực Phẩm Phúc Yên	Cung Cấp Thực Phẩm ( Thịt Gà )	14	1
328	Công Ty TNHH 1tv Thiết bị Và Dịch vụ Công Nghệ Blufky	Dịch Vụ Sửa Chữa Máy Tnh	3	0
329	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Lương Song Toàn	Dịch Vụ Vệ sinh Nhà Sạch	14	1
330	Công Ty TNHH MTV Đại Phát Dũng Tiến	Đại Lý Bảo Hiểm Nhân Thọ	41	2
331	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Du Lịch Xây dựng Đỉnh Cao Sapa	Đại Lý Vé Cáp Treo	3	0
332	Công Ty Cổ Phần Đăng Kiểm Xe Cơ Giới Giao Thông Lào Cai	Đăng Kiểm Xe Cơ Giới	23	1
333	Công Ty Cổ Phần Vi Di Fi Lào Cai	Đầu Giá Bất Động Sản	5	0
334	Công Ty TNHH Bán Đầu Giá Tài Sản Lào Cai	Đầu Giá Bất Động Sản	3	0
335	Công Ty TNHH Một Thành Viên Giáo Dục Và Công Nghệ Mht	Dạy Ngoại Ngữ	12	1
336	Hợp Tác Xã Tiểu Thủ Công Nghiệp	Dệt Thảm Cẩm	7	0
337	Công Ty TNHH Một thành Viên Thương Mại Tổng hợp Tân Phong	Dịch Vụ Viết Tờ Khai Thuế Hải Quan	45	2
338	Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản 3	Dịch vụ Bốc Xúc Vận tải	382	19
339	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Và Du Lịch Nhật Minh	Dịch vụ ăn uống	45	2
340	Công Ty TNHH Hill Station	Dịch vụ ăn uống	19	1
341	Doanh Nghiệp Tư Nhân Hoàng Tùng	Dịch vụ ăn uống	15	1
342	Công Ty TNHH Thương Mại Phương Anh	Dịch vụ ăn uống	14	1

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
343	Công Ty TNHH Một Thành Viên Du Lịch Và Dịch vụ Sa Pa	Dịch vụ ăn uống	8	0
344	Công Ty TNHH Một Thành Viên Du Lịch Thiên Phú	Dịch vụ ăn uống	6	0
345	Công Ty TNHH Một Thành Viên Môi Trường Nhà Sạch	Dịch vụ ăn uống	6	0
346	Công Ty TNHH Thương Mại Sa Pa Thiên Nhiên	Dịch vụ ăn uống	4	0
347	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Dịch vụ Du Lịch Song Nhi Sa Pa	Dịch vụ ăn uống	4	0
348	Công Ty TNHH Một Thành Viên Gia Thiệu Phát	Dịch vụ ăn uống	4	0
349	Công Ty Cổ Phần Hợp Lực Sa Pa	Dịch vụ ăn uống	3	0
350	Công Ty TNHH MTV ẩm Thực Thiên Phú Faxnipan	Dịch vụ ăn uống	3	0
351	Hợp Tác Xã May Công Nghiệp Cựu Chiến Bình Sơn Tùng	Dịch vụ Bãi Đỗ Xe	4	0
352	Công Ty TNHH Du Lịch Và Truyền Thông An Phát	Dịch vụ Bán Vé Máy Bay	3	0
353	Công Ty TNHH MTV Dịch vụ Du Lịch Nhật Linh	Dịch vụ Bán Vé Tàu	5	0
354	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Phú Gia Bảo Thịnh Vượng	Dịch vụ Bảo Hiểm Nhân Thọ	4	0
355	Công Ty Thnn MTV Dịch vụ Bảo Vệ Thanh Tùng	Dịch vụ Bảo Vệ	16	1
356	Công Ty TNHH 1tv Thương Mại Hoàng Yên	Dịch vụ Bốc Xếp Hỗ trợ Vận tải	20	1
357	Công Ty TNHH Liên Doanh Khách Sạn Quốc Tế Lào Cai	Dịch vụ Casino	847	42
358	Văn Phòng Công Chứng Số 2 Tỉnh Lào Cai	Dịch vụ Công Chứng	9	0
359	Văn Phòng Công Chứng Hoàng Liên	Dịch vụ Công Chứng	8	0
360	Công Ty TNHH Dịch vụ Bán Đấu Giá Tài Sản Hòa Bình	Dịch vụ Đấu Giá Tài Sản	9	0
361	Công Ty Cổ Phần Dịch vụ Du Lịch Fansipan	Dịch vụ Du Lịch	4	0
362	Công Ty TNHH 1 Thành Viên An Hưng Lào Cai	Dịch vụ Gia công cơ khí Kim Loại	10	1
363	Công Ty Cổ Phần Xã Hội ĐT&PT Giáo Dục Kết Nối Toàn Cầu	Dịch vụ Hỗ trợ Giáo Dục	11	1
364	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch vụ Việt Hàn	Dịch vụ Hỗ trợ Vận tải	4	0
365	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và Khai thác Khoáng Sản Hưng Thịnh	Dịch vụ Hỗ trợ Vận tải ( Môi Giới Vận tải hàng hóa)	3	0
366	Hợp Tác Xã Vận tải Phố Lu	Dịch vụ Hỗ trợ Vận tải Đường bộ	3	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
367	Hợp Tác Xã Vận tải Hoàng Liên	Dịch vụ Hỗ trợ Vận tải hành khách	3	0
368	Hợp Tác Xã Vận tải Tuấn Hồng	Dịch vụ Hỗ trợ Vận tải hành khách (đăng Ký Xe Vào Htx Thu Thuế Hưởng % Doah Thu)	6	0
369	Công Ty TNHH Vận tải Và Dịch vụ Công trình	Dịch vụ hút bể phốt	4	0
370	Công Ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Quốc Tế Bnw	Dịch vụ Karaoke	8	0
371	Công Ty Cổ Phần Du Lịch Cao Su Hàm Rồng	Dịch vụ Khách sạn	26	1
372	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Lào Cai	Dịch vụ Khai thác quặng không chứa sắt	3	0
373	Công Ty Cổ Phần Y Dược Hưng Thịnh	Dịch vụ Khám chữa bệnh	119	6
374	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tiến & Tường	Dịch vụ Khám chữa bệnh	18	1
375	Công Ty TNHH Y Tâm Đức	Dịch vụ Khám chữa bệnh Tư Nhân	7	0
376	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại & Dịch vụ Linh Anh	Dịch vụ Kho bãi	3	0
377	Công Ty TNHH MTV Du Lịch Quốc Tế Bình Minh	Dịch vụ Lữ hành	12	1
378	Công Ty TNHH Du Lịch Đường Mòn Miền Núi	Dịch vụ Lữ hành	10	1
379	Công Ty TNHH Một Thành Viên Bi Tí S Lào Cai	Dịch vụ Lưu trú	117	6
380	Công Ty Cổ Phần An Phú Hưng	Dịch vụ Lưu trú	105	5
381	Công Ty Cổ Phần Làng Du Lịch Sa Pa Víp	Dịch vụ Lưu trú	70	4
382	Công Ty Cổ Phần Dịch vụ Du Lịch Sa Pa	Dịch vụ Lưu trú	65	3
383	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Và Du Lịch Ltt	Dịch vụ Lưu trú	56	3
384	Công Ty TNHH Sao Mai	Dịch vụ Lưu trú	16	1
385	Công Ty TNHH MTV Thương Mạil Kim Cương Sa Pa	Dịch vụ Lưu trú	15	1
386	Công Ty TNHH Một Thành Viên Mai Anh	Dịch vụ Lưu trú	12	1
387	Doanh Nghiệp Tư Nhân Đức Tinh	Dịch vụ Lưu trú	10	1
388	Công Ty TNHH Dịch vụ Và Thương Mại Ngân Nga New	Dịch vụ Lưu trú	7	0
389	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch vụ Di San	Dịch vụ Lưu trú	7	0
390	Công Ty Cổ Phần Khách Sạn Núi Và Mây Sa Pa	Dịch vụ Lưu trú	6	0
391	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Dịch vụ	Dịch vụ Lưu trú	6	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
	Chau Son			
392	Công Ty Cổ Phần XNK Cẩm Nhung	Dịch vụ Lưu trú	5	0
393	Công Ty TNHH Việt Hoài	Dịch vụ Lưu trú	4	0
394	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Du Lịch Và Dịch vụ Nhật Linh	Dịch vụ Lưu trú	4	0
395	Công Ty TNHH MTV Ngọc Ngân LC	Dịch vụ Lưu trú	3	0
396	Công Ty TNHH MTV Du Lịch Và Thương Mại Thu Hương	Dịch vụ Lưu trú	3	0
397	Doanh Nghiệp Tư Nhân Nguyễn Thị ánh Tuyết	Dịch vụ Lưu trú	3	0
398	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vinasapa	Dịch vụ Lưu trú	3	0
399	Công Ty TNHH Vô Thường Sa Pa	Dịch vụ Lưu trú	3	0
400	Công Ty TNHH Xây dựng Và Du Lịch Tâm Phúc	Dịch vụ Lưu trú Khách Sạn	5	0
401	Công Ty Cổ Phần Quản Lý Dịch vụ Cao Cấp Đồi Ngọc Sa Pa	Dịch vụ lưu trú biệt thự	70	4
402	Công Ty TNHH Du Lịch Và Thương Mại Hùng Vĩ	Dịch vụ Lưu trú khách sạn	86	4
403	Công Ty Liên Doanh Topascalodge	Dịch vụ Lưu trú khách sạn	64	3
404	Công Ty TNHH Thương Mại Và Du Lịch Hdv Lào Cai	Dịch vụ Lưu trú khách sạn	38	2
405	Công Ty TNHH MTV Hương Xuân	Dịch vụ Lưu trú khách sạn	11	1
406	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Du Lịch Và Thương Mại Spt	Dịch vụ Lưu trú khách sạn	44	2
407	Công Ty TNHH MTV Kinh doanh XNK Hoàng Gia	Dịch vụ Lưu trú ngắn ngày	7	0
408	Công Ty TNHH MTV XNK Hoàng Phúc	Dịch vụ Lưu trú ngắn ngày	6	0
409	Doanh Nghiệp Tư Nhân Tuấn Dương	Dịch vụ Lưu trú ngắn ngày	5	0
410	Công Ty TNHH MTV Adam Sa Pa	Dịch vụ Lưu trú ngắn ngày	5	0
411	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Hoàng Minh Land	Dịch vụ môi giới bất động sản	5	0
412	Công Ty TNHH Một Thành Viên Trừ Mối Khử Trùng Hoa Phát	Dịch vụ phun thuốc trừ mối, khử trùng	6	0
413	Công Ty TNHH Quảng cáo Và Thương Mại Dịch vụ Sa In	Dịch vụ Quảng cáo	8	0
414	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Quảng cáo Nội Thất Và Truyền Thông Bắc Đâu	Dịch vụ Quảng cáo	5	0
415	Công Ty TNHH MTV Thắng Vân	Dịch vụ Quảng cáo	5	0
416	Công Ty Cổ Phần Kinh doanh Các Sản Phẩm	Dịch vụ Tắm Là	17	1

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
	Bản Địa Sapa	Thuốc		
417	Công Ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Tang Lễ Văn Bình	Dịch vụ tang lễ	4	0
418	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Xây dựng Hoàng Long	Dịch vụ thí nghiệm vật liệu và kết cấu công trình	11	1
419	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Công Nghệ An Phát	Dịch vụ Thông tin Truyền thông	3	0
420	Công Ty TNHHMTV Thương Mại Thế Gới Mới	Dịch vụ Tổ chức sự kiện, hội nghị, cưới hỏi	6	0
421	Công Ty TNHH Huệ Minh	Dịch vụ vận tải (chỉ mới là trung gian )	3	0
422	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thủy Vân	Dịch vụ Vận tải bệnh nhân	1	0
423	Công Ty TNHH Dịch vụ Nhà Sạch Lào Cai	Dịch vụ Vệ sinh	130	7
424	Công Ty TNHH Xây dựng Và Thương Mại Dịch vụ Quốc An	Dịch vụ Vệ sinh công nghiệp	10	1
425	Công Ty TNHH Một Thành Viên Môi Trường Công Nghiệp Bình An	Dịch vụ Vệ sinh nhà cửa	9	0
426	Công Ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Viễn thông Lào Cai	Dịch vụ Viễn thông	4	0
427	Công Ty TNHH MTV Dịch vụ Viễn thông Khánh Vân	Dịch vụ Viễn thông	3	0
428	Công Ty TNHH Thương Mại Viễn thông Phúc Khang	Dịch vụ Viễn thông	3	0
429	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Viễn thông Tùng Dương	Dịch vụ Viễn thông	2	0
430	Công Ty TNHH MTV Môi Trường Cây Xanh	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	15	1
431	Cộng Ty TNHH MTV Tùng Khánh Linh	Dịch vụ Vệ sinh	4	0
432	Công Ty TNHH MTV Dịch vụ Du Lịch Phú Dương	Điều hành tua du lịch	5	0
433	Doanh Nghiệp Tư Nhân Nguyễn Công Chiêu	Dịch vụ vệ sinh môi trường	70	4
434	Công Ty TNHH Xây dựng Và Thương Mại Hà Thành Lào Cai	Đổ bê tông kè Bát Xát	10	1
435	Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Thương Mại Đại An.	Đồ dùng văn phòng giáo dục	3	0
436	Hợp Tác Xã Mỹ Nghệ Hoa Mai	Đóng giường tủ bàn ghế	17	1
437	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Du Lịch Cát Nhỏ	Du lịch lữ hành	3	0
438	Công Ty Cổ Phần Du Lịch Tỉnh Lào Cai	Du Lịch	13	1

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
439	Hợp Tác Xã Dịch vụ Vận tải Du Lịch Hồng Hà	Du Lịch Đường sông	9	0
440	Công Ty TNHH MTV Du Lịch Quốc Tế Hoàng Hà	Du lịch lữ hành	18	1
441	Công Ty TNHH MTV Du Lịch Sa Pa O' Châu	Du lịch lữ hành	8	0
442	Công Ty Cổ Phần Đường bộ 242	Duy tu bảo dưỡng đường bộ	54	3
443	Công Ty TNHH MTV Vận tải Quốc An	Ép cọc bê tông	31	2
444	Công Ty TNHH Thương Mại Tuấn Anh	Gia công chế biến chân gà đông lạnh	21	1
445	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Trường Phú	Gia công cơ khí	3	0
446	Công Ty TNHH Sản Xuất Cơ Khí Và Thương Mại Chiến Mai	Gia công cơ khí	20	1
447	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Cơ Khí Tiến Quân	Gia công cơ khí	3	0
448	Công Ty TNHH Một Thành Viên Luán Thúy	Gia công cơ khí, Nhôm Kính	18	1
449	Công Ty TNHH Thương Mại Một Thành Viên Việt Vương	Gia công cửa hoa, cửa sắt	5	0
450	Công Ty TNHH Phát Tuyến	Gia công hàng cơ khí	29	1
451	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Sản Xuất Và Thương Mại An Bình Phát	Gia công khung nhôm, cửa kính	16	1
452	Công Ty TNHH Xây dựng Và Thương Mại Sta	Gia công nhôm kính	4	0
453	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Chuyển Giao Công Nghệ Xây Dựng Lào Cai	Giám sát cho thuê máy móc thiết bị	10	1
454	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Tư vấn Xây dựng Thành Công	Giám sát tư vấn kỹ thuật	7	0
455	Công Ty Cổ Phần Đào Tạo Quốc Tế Đại An	Giáo dục đào tạo Anh Ngữ	6	0
456	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Giáo Dục Đào Tạo Quốc Tế Việt - Mỹ	Giáo dục dạy Tiếng Anh	7	0
457	Công Ty TNHH Xuất nhập khẩu Hoa Thịnh Việt Nam	Giặt Là	3	0
458	Công Ty Cổ Phần Thương Mại D V Hoàng Long Lào Cai	Giết mổ gia súc	12	1
459	Công Ty TNHH Hà Giang	Gỗ xẻ	3	0
460	Công Ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Ngọc Hà	Gỗ xẻ thanh	9	0
461	Công Ty TNHH Công Nghệ Môi Trường Mỏ	Hoạt động Dịch vụ Hỗ trợ khai thác mỏ	14	1
462	Công Ty TNHH Một Thành Viên Khai thác Khoáng Sản Trường Luật	Hoạt động Dịch vụ Hỗ trợ khai thác quặng	71	4
463	Công Ty TNHH Một Thành Viên Trung Chúc	Hoạt động Dịch vụ	67	3

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
		Hỗ trợ khai thác quặng		
464	Công Ty TNHH Tư vấn Xây dựng Atp	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật	19	1
465	Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Kiến Trúc Xây dựng Lào Cai	Hoạt động Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật	67	3
466	Quỹ Đầu Tư Phát Triển Tỉnh Lào Cai	Hoạt động Tài chính	26	1
467	Công Ty TNHH Tư Vấn Kiến Trúc Và Nội Thất Thanh Kim	Hoạt động tư vấn quản lý khảo sát	13	1
468	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết Tỉnh Lào Cai	Hoạt động Xổ số	36	2
469	Công Ty Cổ Phần In Và Thương Mại Lào Cai	In ấn	21	1
470	Công Ty TNHH MTV In Quảng cáo Anh Tám	In ấn Quảng cáo	5	0
471	Công Ty TNHH In Thương Mại Đức Anh	In ấn Tài Liệu	17	1
472	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Hiếu Thuỷ	In ấn, Quảng cáo	20	1
473	Công Ty T N H H Quảng cáo Và T M Hoàng Anh	In Quảng cáo	23	1
474	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thịnh Quang	In Quảng cáo	8	0
475	Công Ty TNHH Truyền Thông Và Công Nghệ Tiên Phong	In Quảng cáo	4	0
476	Công Ty TNHH Thương Mại & Truyền Thông Thiết Kế Tương Lai	In Quảng cáo	4	0
477	Công Ty TNHH Một Thành Viên In Báo Lào Cai	In Sách, Báo	21	1
478	Công Ty TNHH MTV Khách Sạn Mây Sa Pa	Kd Khách Sạn	11	1
479	Công Ty TNHH MTV Thương Mại&dl Chiến Thắng Sa Pa	Kd Khách Sạn	7	0
480	Công Ty TNHH Đức Minh	Kd Lữ hành	31	2
481	Công Ty TNHH Cát Cát	Khách Sạn	13	1
482	Công Ty TNHH Du Kịch Khánh Việt	Khách Sạn	5	0
483	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Du Lịch Đăng Khoa	Khách Sạn	4	0
484	Công Ty TNHH Một Thành Viên Hải Anh Sa Pa	Khách Sạn	3	0
485	Công Ty TNHH Một Thành Viên Vân Hà	Khách Sạn Nhà Nghỉ	5	0
486	Công Ty Cổ Phần Klhoangs Sản Sông Hồng Lào Cai	Khai thác Cao Lanh	14	1
487	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Quốc Đạt	Khai thác Cát	20	1
488	Hợp Tác Xã Cửa Ngòi	Khai thác Cát	14	1
489	Doanh Nghiệp Tư Nhân Sông Hồng	Khai thác Cát	11	1



<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
490	Doanh Nghiệp Tư Nhân Thuận Ngân	Khai thác Cát	10	1
491	Công Ty TNHH Phú Hùng	Khai thác Cát	9	0
492	Hợp Tác Xã Tân Hồng	Khai thác Cát	8	0
493	Công Ty TNHH Một Thành Viên Vương Đức Hải	Khai thác Cát	7	0
494	Doanh Nghiệp Tư Nhân Cường Tuấn	Khai thác Cát	6	0
495	Hợp Tác Xã Phúc Minh Hoàn	Khai thác Cát	5	0
496	Hợp Tác Xã Xuân Quỳnh	Khai thác Cát	3	0
497	Hợp Tác Xã Đức Thịnh	Khai thác Cát Sỏi	5	0
498	Công Ty TNHH 1 Thành Viên A Pa Tít Việt Nam	Khai thác Chế Biến Quặng Apatit	2508	125
499	Doanh Nghiệp Tư Nhân Sơn Trung	Khai thác Đá	31	2
500	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Trung Anh	Khai thác Đá	31	2
501	Hợp Tác Xã Dịch vụ Tổng hợp Sinh Quyền	Khai thác Đá	24	1
502	Doanh Nghiệp Tư Nhân Đức Hạnh	Khai thác Đá	22	1
503	Doanh Nghiệp Tư Nhân Thuận Thành	Khai thác Đá	14	1
504	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Duy Hiếu	Khai thác Đá	13	1
505	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Hưng Phát	Khai thác Đá	12	1
506	Hợp Tác Xã Xuân Thành	Khai thác Đá	9	0
507	Doanh Nghiệp Tư Nhân Đức Mạnh	Khai thác Đá	7	0
508	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây dựng Thương Mại Simacai	Khai thác Đá	7	0
509	Hợp Tác Xã Mạnh Chiến	Khai thác Đá	5	0
510	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng 189	Khai thác Đá Quốc Zit	7	0
511	Công Ty Cổ Phần Phú Hà	Khai thác Đá Xây dựng	28	1
512	Doanh Nghiệp Tư Nhân Phương Nam	Khai thác Đá Xây dựng	10	1
513	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Kim Tuyến	Khai thác Đá Xây dựng	33	2
514	Công Ty TNHH Khoáng Sản Và Luyện Kim Việt Trung	Khai thác Khoáng Sản	1567	78
515	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Vạn Thắng	Khai thác Khoáng Sản Apatit	36	2
516	Công Ty TNHH Phát Triển Ong Miền Núi Thanh Xuân	Khai thác Mật Ong	5	0
517	Hợp Tác Xã Đt Xây dựng Và Khai thác Quản Lý Chợ Cường Phát	Khai thác Quản Lý Chợ	28	1

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
518	Công Ty TNHH Xây dựng Lan Anh	Khai thác Quặng	360	18
519	Công Ty Cổ Phần Khai Khoáng Minh Đức	Khai thác Quặng	37	2
520	Công Ty Cổ Phần Khai thác Chế Biến Khoáng Sản Lào Cai	Khai thác Quặng	25	1
521	Doanh Nghiệp Tn Phúc Sơn	Khai thác Quặng .bô Xít	3	0
522	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Apatit Tam Đình Lào Cai	Khai thác Quặng Apatit	77	4
523	Công Ty TNHH Phát Triển Miền Tây	Khai thác Quặng Apatit	22	1
524	Công Ty Cổ Phần Mỏ Apatit Việt Nam	Khai thác Quặng Apatit	7	0
525	Công Ty Cổ Phần Xây dựng Và Đầu Tư Nhật Hà	Khai thác Quặng Bô Xít	3	0
526	Chi Nhánh Mỏ Tuyển Đồng Sinh Quyền	Khai thác Quặng Đồng	692	35
527	Công Ty Khoáng Sản Lào Cai	Khai thác Quặng Fensfat	60	3
528	Doanh Nghiệp Tư Nhân Sản Xuất Công Nghiệp	Khai thác Quặng Kim Loại	8	0
529	Công Ty TNHH Khai Phát	Khai thác Quặng Pen Pat	36	2
530	Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Đức Long	Khai thác Quặng Sắt	73	4
531	Công Ty Cổ Phần Tân Khánh Yên	Khai thác Quặng Sắt	14	1
532	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch vụ Khai Khoáng Đức Giang	Khai thác Quặng Vàng	5	0
533	Công Ty Cổ Phần Vàng Lào Cai	Khai thác Vàng	79	4
534	Công Ty TNHH Vinh Quang	Khảo Sát Đo Vẽ Bản Đồ	16	1
535	Công Ty TNHH Thương Mại Minh Tú	Kho Bãi, Lưu Giữ Hàng Hóa	4	0
536	Công Ty TNHH Tân Thanh	Khoan Nổ Mìn San Tạo Mặt Bằng	41	2
537	Công Ty TNHH MTV Tây Bắc Lào Cai	Kinh Doanh Thiết bị Y Tế	30	2
538	Công Ty TNHH Dragon Village	Kinh doanh Khách Sạn	3	0
539	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Vận tải Đức Quân	Kinh doanh Sắt thép	4	0
540	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Hà Phương	Kinh doanh Ăn Uống	50	3
541	Công Ty TNHH MTV Dịch Vụ & Thương Mại Hải Yên	Kinh doanh Ăn Uống	16	1

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
542	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại th Trọng Nhân	Kinh doanh Ăn Uống	6	0
543	Công Ty TNHH Một Thành Viên Bảo Long Sa Pa	Kinh doanh Ăn Uống	5	0
544	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dịch vụ Dnd	Kinh doanh Bách Hóa Tổng hợp	3	0
545	Công Ty Cổ Phần Thành An Lào Cai	Kinh doanh Bán Ô Tô ( 7 Trở Trở Xuống )	13	1
546	Công Ty TNHH Tư Vấn Và Thương Mại Gia Phát	Kinh doanh Bánh Kẹo	3	0
547	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Công Minh	Kinh doanh Bất Động Sản	5	0
548	Công Ty Cổ Phần Minh Sơn	Kinh doanh Bất Động Sản	1021	51
549	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Sa Pa Lào Cai	Kinh doanh Bất Động Sản	27	1
550	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Vận tải Đông á	Kinh doanh Cát Sỏi	5	0
551	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Hằng Đệ	Kinh doanh Chăn Ga	3	0
552	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Tổng hợp Cường Cường	Kinh doanh Công Nghệ Phẩm Đường Sữa, Bánh Kẹo	10	1
553	Công Ty TNHH Dịch vụ Hoàng Hải Minh	Kinh doanh Cửa Hàng Miễn Thuế	6	0
554	Công Ty TNHH Lý Vinh	Kinh doanh Đá Lát Cầu Thang	4	0
555	Công Ty TNHH Kinh doanh Đá Đức Thịnh	Kinh doanh Đá Xây dựng	11	1
556	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Dịch vụ Xuân Thành	Kinh doanh Dầu Mỡ Nhờn	3	0
557	Công Ty TNHH Thương Mại Yên Thắng	Kinh doanh Dầu Mỡ Phụ	3	0
558	Công Ty Thương Mại Tổng hợp Hiếu Thiêm	Kinh doanh Dầu Nhờn, Mỡ Công Nghiệp	26	1
559	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dầu Nhờn Tuấn Tài	Kinh doanh Dầu Nhớt	3	0
560	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Và Thương Mại Nam Ngân	Kinh doanh Điện Nước	4	0
561	Công Ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh Thương Mại Dịch vụ Hồng Quân	Kinh doanh Điện Lạnh	6	0
562	Công Ty TNHH Thương Mại Nguyệt Minh	Kinh doanh Đồ Bảo Hộ Lao Động	3	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
563	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch vụ Toàn Thắng	Kinh doanh Đồ Điện Dân dụng	10	1
564	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Tuấn Bích	Kinh doanh Đồ Điện Dân dụng	3	0
565	Công Ty TNHH Thương Mại Và Xây dựng Hoàng Liên	Kinh doanh Đồ Điện Nước	3	0
566	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Phúc Lâm	Kinh doanh Đồ Điện Tủ Dân dụng	5	0
567	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Nội Thất Việt	Kinh doanh Đồ Gỗ Nội Thất	8	0
568	Công Ty TNHH MTV Bắc Đô	Kinh doanh Đồ Nội Thất	10	1
569	Công Ty TNHH Thương Mại Long Hải Anh	Kinh doanh Đồ Uống	19	1
570	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Tiến Đạt Sa Pa	Kinh doanh Đồ Uống Có Cồn	3	0
571	Công Ty TNHH Du Lịch Quốc Tế Hình ảnh Việt	Kinh doanh Du Lịch Tua	34	2
572	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Và Vận tải Việt Anh	Kinh doanh Dược Phẩm	12	1
573	Công Ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Và Xuất nhập khẩu Lộc Tài Phát	Kinh doanh Đường Sữa	10	1
574	Công Ty TNHH Sơn Lan Lào Cai	Kinh doanh Đường, Sữa	17	1
575	Công Ty Cổ Phần Khí Đốt Thái Dương	Kinh doanh Ga	25	1
576	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Tây Bắc	Kinh doanh Gạch Lát Tb Vs	8	0
577	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Và Xuất nhập khẩu Thanh Long Thái Hà	Kinh doanh Gạch ốp Lát	7	0
578	Doanh Nghiệp Tư Nhân Vũ Vinh	Kinh doanh Gạch ốp Lát Tbvs	2	0
579	Công Ty TNHH Thương Mại Tổng hợp Quang Nga	Kinh doanh Gạch ốp Lát, Thiết bị Vệ sinh	15	1
580	Hợp Tác Xã Xuân Cường	Kinh doanh Gạo	4	0
581	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Quyết Tiến	Kinh doanh Gạo	3	0
582	Hợp Tác Xã Tiên Phong Mường Vi	Kinh doanh Gạo	3	0
583	Hợp Tác Xã Mường Kim	Kinh doanh Gạo	3	0
584	Công Ty TNHH Xuất nhập khẩu Phú Cường	Kinh doanh Gạo	3	0
585	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Tân Phúc Hưng	Kinh doanh Gas	20	1
586	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Và Phát Triển Song Cường	Kinh doanh Gia Súc Gia Cầm	4	0
587	Hợp Tác Xã Nông Nghiệp Thành Đạt	Kinh doanh Giống Cây Lâm Nghiệp	4	0

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
588	Công Ty TNHH MTV Nông Nghiệp Xanh Hoàng Gia	Kinh doanh Giống Cây Trồng	5	0
589	Doanh Nghiệp Tư Nhân XNK Thành Trung	Kinh doanh H?a Chất Sợi Thủy Tinh, Quảng	6	0
590	Công Ty Cổ Phần Trường Thành	Kinh doanh Hàng Công Nghệ Phẩm	24	1
591	Tổng Cty Cổ Phần Điện Tử Viễn thông Bắc Đô	Kinh doanh Hàng Điện Tử	19	1
592	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Quang Vinh	Kinh doanh Hàng Điện Tử, Tin Học	25	1
593	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tài Nguyên Sa Pa	Kinh doanh Hàng nông sản	5	0
594	Công Ty TNHH MTV Khách Sạn Vích To Ri A	Kinh doanh Khách Sạn	161	8
595	Công Ty Cổ Phần Du Lịch Dầu Khí Sa Pa	Kinh doanh Khách Sạn	59	3
596	Doanh Nghiệp Tư Nhân Thiên Hòa An	Kinh doanh Khách Sạn	40	2
597	Công Ty TNHH MTV Cường Hương	Kinh doanh Khách Sạn	40	2
598	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và Du Lịch Holiday	Kinh doanh Khách Sạn	25	1
599	Công Ty TNHH Quốc Thắng	Kinh doanh Khách Sạn	22	1
600	Công Ty Cổ Phần Pusamcap Sa Pa	Kinh doanh Khách Sạn	20	1
601	Công Ty TNHH Việt Hùng	Kinh doanh Khách Sạn	15	1
602	Công Ty TNHH Một Thành Viên Du Lịch Đại Lộc	Kinh doanh Khách Sạn	14	1
603	Công Y TNHH Thương Mại Lê Sơn	Kinh doanh Khách Sạn	13	1
604	Công Ty TNHH Du Lịch Thân Thiện Sa Pa	Kinh doanh Khách Sạn	11	1
605	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Và Dịch vụ Thiên Đường Sa Pa	Kinh doanh Khách Sạn	9	0
606	Công Ty TNHH MTV Khách Sạn Làng Sa Pa	Kinh doanh Khách Sạn	9	0
607	Công Ty TNHH Và Thương Mại Khám Phá Miền Đất Mới	Kinh doanh Khách Sạn	6	0
608	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Quốc Tế Dương Anh	Kinh doanh Khách Sạn	6	0
609	Công Ty TNHH Và Thương Mại Công Phú	Kinh doanh Khách Sạn	4	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
610	Công Ty TNHH Một Thành Viên Du Lịch Tâm Nhìn Sa Pa	Kinh doanh Khách Sạn	3	0
611	Công Ty TNHH Một Thành Viên ánh Sáng Nam Phương	Kinh doanh Khách Sạn	3	0
612	Công Ty TNHH Thương Mại Thiên Hải	Kinh doanh Khách Sạn Nhà Hàng	78	4
613	Công Ty TNHH Một Thành Viên Khí Công Nghiệp Lào Cai	Kinh doanh Khí Công Nghiệp	20	1
614	Công Ty Cổ Phần Thương Mại XNK Tâm Đức	Kinh doanh Linh Kiện Máy Tính	5	0
615	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Và Dịch vụ Lốp Thành Công	Kinh doanh Lốp Ô Tô	15	1
616	Công Ty TNHH Thương Mại Hà Huy Hùng	Kinh doanh Lốp Ô Tô	6	0
617	Công Ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Lốp Thành Công	Kinh doanh Lốp Ô Tô	6	0
618	Công Ty TNHH Thương Mại XNK Quỳnh Tuyền	Kinh doanh Lốp Ô Tô	5	0
619	Công Ty Cổ Phần Du Lịch Quốc Tế Lào Cai	Kinh doanh Lữ hành Quốc Tế	7	0
620	C T T N H Ht M Và Dịch vụ Vận tải Hưng Thành	Kinh doanh Lương Thực Ngô	26	1
621	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Hải Dương	Kinh doanh Lương Thực Thực Phẩm (bánh Kẹo)	6	0
622	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Thương Mại Hoàng Nhi	Kinh doanh Lưu trú	11	1
623	Công Ty TNHH Đại Nhật Linh	Kinh doanh Mặt Hàng Tiêu Dùng Xà Phòng, Sữa	7	0
624	Công Ty Cổ Phần Dịch vụ Tổng hợp Hải Anh	Kinh doanh Máy Văn Phòng	5	0
625	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Tổng hợp Việt Hoàng	Kinh doanh Máy Giám sát	3	0
626	Công Ty TNHH Thương Mại Tổng hợp Và Dịch vụ Thành Lợi	Kinh doanh Máy Khai thác Máy Văn Phòng	12	1
627	Công Ty Cổ Phần Thủy Điện Long Phúc	Kinh doanh Máy M?c, Thi?t B? Xây dựng	7	0
628	Công Ty TNHH Xuất nhập khẩu Ru Bi	Kinh doanh Máy móc Công trình	3	0
629	Công Ty TNHH XNK Hảo Hảo	Kinh doanh Máy móc thiết bị	3	0
630	Công Ty Cổ Phần Bắc Đại Sơn	Kinh doanh Máy	5	0

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
		móc thiết bị Cơ Khí Điện		
631	Công Ty TNHH Xuất nhập khẩu Và Đầu Tư Tây Bắc	Kinh doanh Máy móc thiết bị Công Nghiệp, Xây dựng	26	1
632	Công Ty Cổ Phần Vật Tư Thiết bị Và Xây dựng Hà Nội	Kinh doanh Máy móc thiết bị Xây dựng	4	0
633	Công Ty TNHH Một Thành Viên Hoàng Hải Anh Vũ	Kinh doanh Máy móc Vật Tư Thiết bị Điện	8	0
634	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tin Học Tiến Thành	Kinh doanh Máy Tính	12	1
635	Công Ty TNHH Một Thành Viên Công Nghệ Số Việt Hà	Kinh doanh Máy Tính	4	0
636	Công Ty TNHH Một Thành Viên Điện Tử Công Nghệ Etc	Kinh doanh Máy Tính	4	0
637	Công Ty TNHH MTV Và Phát Triển Công Nghệ Thành Long	Kinh doanh Máy Tính	3	0
638	Công Ty TNHH Đa Truyền Thông Begin	Kinh doanh Máy Tính Và Thiết bị Văn Phòng	3	0
639	Công Ty Cổ Phần Thương Mại&dv Kỹ Thuật Nam á	Kinh doanh Máy Tính Văn Phòng	8	0
640	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tin Học Đức Trọng	Kinh doanh Máy Tính.	7	0
641	Công Ty TNHH MTV Phát Thành Đạt	Kinh doanh Máy Văn Phòng	6	0
642	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch vụ Hpc	Kinh doanh Máy Vi Tính, Thiết bị Văn Phòng	3	0
643	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Dịch vụtm Vận tải An Huy	Kinh doanh Mỹ Tôm Bánh Kẹo	5	0
644	Công Ty TNHH MTV Thương Mại & Dịch vụ Hải Trang	Kinh doanh Ngạch ộp Lát Tb Vs	4	0
645	Công Ty TNHH MTV Bản Sắc Việt	Kinh doanh Nhà Hàng	8	0
646	Công Ty TNHH Đầu Tư XNK Thiên Lộc	Kinh doanh Nhà Hàng Ăn Uống	22	1
647	Doanh Nghiệp Tư Nhân Quỳnh Mai	Kinh doanh Nhà Nghỉ	10	1
648	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Duy Thành Vinh	Kinh doanh Nhà Nghỉ	4	0
649	Doanh Nghiệp Tư Nhân Uyên Nhi	Kinh doanh Nhà Nghỉ	3	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
650	Công Ty TNHH Một Thành Viên Việt Nam Con Đường Của Tôi	Kinh doanh Nhà Nghi	3	0
651	Công Ty TNHH Một Thành Viên Sa Mu Green	Kinh doanh Nhà Nghi	3	0
652	Công Ty TNHH MTV Minh Thịnh Đức	Kinh doanh Nhôm	4	0
653	Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Hoa Nam	Kinh doanh Nhôm Kính	5	0
654	Công Ty TNHH Thương Mại Th Yến Hoa	Kinh doanh Nhựa Đường , Dầu Mỡ Phụ	4	0
655	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Hồng Nhung	Kinh doanh Nội Thất Văn Phòng	5	0
656	Công Ty TNHH Thương Mại Tân Hưng	Kinh doanh Nội Thất, Điện Tử Điện Lạnh	78	4
657	Công Ty Cổ Phần XNK Nông sản Bắc Hà	Kinh doanh Nông sản	4	0
658	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Nhật Gia Phát	Kinh doanh Nông sản	3	0
659	Công Ty TNHH Thương Mại Tổng hợp Và Dịch vụ Trường Giang	Kinh doanh Ô Tô	45	2
660	Công Ty TNHH Thương Mại Th Tiến Thành	Kinh doanh Ô Tô Xe Máy, Phụ Tùng	201	10
661	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Hùng Việt	Kinh doanh Phân bón	52	3
662	Công Ty TNHH Tú Thanh Hà	Kinh doanh Phân bón	14	1
663	Công Ty TNHH Việt á	Kinh doanh Phân bón	10	1
664	Công Ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ & Thương Mại Lâm Nam	Kinh doanh Phân bón	6	0
665	Công Ty TNHH MTV Bắc Vương	Kinh doanh Phân bón	5	0
666	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Xuất nhập khẩu Hùng Anh	Kinh doanh Phân bón	5	0
667	Công Ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu Nông Lâm Nghiệp Hoàng Kim	Kinh doanh Phân bón	5	0
668	Công Ty Cổ Phần Vật Tư Nông Nghiệp Hoàng Liên Sơn	Kinh doanh Phân bón	4	0
669	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Linh Hằng	Kinh doanh Phân bón	3	0
670	Công Ty TNHH MTV Bình Tiến Đạt	Kinh doanh Phân bón	3	0
671	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Hoàng Liên	Kinh doanh Phân bón	3	0



<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
672	Công Ty TNHH Thương Mại Xuất nhập khẩu Tân Phong	Kinh doanh Phân bón	3	0
673	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Trung Nguyên	Kinh doanh Phân bón	3	0
674	Công Ty TNHH Hưng Thành Long	Kinh doanh Phân bón Thuocs Bảo Vệ Thực Vật	4	0
675	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Xây dựng Toàn Phát	Kinh doanh Phân Đạm	4	0
676	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dịch vụ Cơ Khí Hợp Phát	Kinh doanh Phụ Tùng Ô Tô	6	0
677	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Dịch vụ Dây Dựng Hoàng Lĩnh	Kinh doanh Phụ Tùng Ô Tô	3	0
678	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thắng Bích Mạnh	Kinh doanh Phụ Tùng Và Các Bộ Phận Phụ Trợ Xe ô tô	3	0
679	Công Ty Cổ Phần Giovanni Lào Cai	Kinh doanh Quần áo	5	0
680	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Sản Xuất Và Xuất Khẩu Tat	Kinh doanh Quặng	3	0
681	Công Ty Cổ Phần Kim Loại Màu Sa Pa	Kinh doanh Quặng Kim Loại	5	0
682	Công Ty TNHH Một Thành Viên Song Tiến	Kinh doanh Rau Củ Quả	3	0
683	Công Ty TNHH MTV Thương Mại & Xây dựng Thiên Ứng	Kinh doanh Rau Quả	15	1
684	Công Ty Cổ Phần Rượu San Lùng	Kinh doanh Rượu	5	0
685	Công Ty TNHH MTV XNK Và Thương Mại Đức Mạnh	Kinh doanh Rượu Bia	6	0
686	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đặc Sản Tây Bắc Việt Nam	Kinh doanh Rượu, Gạo, Tương ớt	3	0
687	Công Ty Cổ Phần Sách Thiết bị Trường Học Lào Cai	Kinh doanh Sách Thiết bị Trường Học	32	2
688	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Sản Xuất Bình Minh	Kinh doanh Sắt Hình U,v ,c	3	0
689	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Đại Phúc Thọ	Kinh doanh Sắt Hộp, Tôn	15	1
690	Công Ty Cổ Phần Thành Vinh	Kinh doanh Sắt thép	20	1
691	Công Ty Cổ Phần Tân Thành Phát	Kinh doanh Sắt thép	3	0
692	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Xây dựng Và Thương Mại Vĩnh Lại Phát	Kinh doanh Sắt thép	3	0
693	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Tổng hợp Anh Tấn	Kinh doanh Sắt thép	3	0
694	Công Ty TNHH Thương Mại Việt Tình	Kinh doanh Sắt,	38	2

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
		Nhôm, Kính		
695	Công Ty Cổ Phần Khai thác Và Chế Biến Khoáng Sản Lào Cai	Kinh doanh Sim Thẻ Điện Thoại	10	1
696	Công Ty Cổ Phần Thương Mại An Phát	Kinh doanh Sơ	6	0
697	Công Ty TNHH Một Thành Viên Hồng Thiện	Kinh doanh Sơn	57	3
698	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Đức Tường	Kinh doanh Sơn	5	0
699	Hợp Tác Xã Sản Xuất Và Kinh doanh Tổng hợp Sơn Tùng	Kinh doanh Sơn	5	0
700	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Xây dựng Nam Cường	Kinh doanh Sơn	5	0
701	Công Ty TNHH MTV Minh Dương	Kinh doanh Sơn	5	0
702	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Hoàng Tú	Kinh doanh Sơn	3	0
703	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Hoàng Long	Kinh doanh Sơn	20	1
704	Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Và Xây dựng Bảo An	Kinh doanh Sơn	6	0
705	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Cường Anh	Kinh doanh Sơn, Trần Thạch Cao	15	1
706	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Vận tải Hoàng Liên	Kinh doanh Sữa	31	2
707	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Vận tải Vạn Thành	Kinh doanh Sữa Tươi	4	0
708	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thiên Tây Sơn	Kinh doanh Thạch Cao	9	0
709	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Thực Phẩm Kim Tân	Kinh doanh Thạch Cao	5	0
710	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Quốc Tế Sa Pa	Kinh doanh Than	3	0
711	D N T N Xây dựng Và T M Mộc Nguyên	Kinh doanh Than Cốc	36	2
712	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Lan Nhiều	Kinh doanh Thép ống Hợp Kim	6	0
713	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thiết bị Điện Ngân Hà	Kinh doanh Thiết bị Điện	3	0
714	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Du Lịch Và Đầu Tư Giáo Dục Tín Nghĩa	Kinh doanh Thiết bị Điện Đồ Dùng Cho Trường Học	84	4
715	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Điện Tiến Đạt	Kinh doanh Thiết bị Điện Nước	6	0
716	Công Ty TNHH MTVtmdv Hoa Anh Đào	Kinh doanh Thiết bị Điện Nước	5	0
717	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Tổng hợp Hùng Anh	Kinh doanh Thiết bị Điện Tủ Điện Lạnh	5	0
718	Công Ty TNHH Thương Mại Hoàng Kim	Kinh doanh Thiết bị	3	0

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
		Điện: Điện Trờ, Đồng Hồ Điện		
719	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Hà Anh	Kinh doanh Thiết bị Đường Sắt	6	0
720	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Thương Mại Tiến Giang	Kinh doanh Thiết bị Lắp Đặt Khác Trong Xây dựng	3	0
721	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xuất nhập khẩu Quốc Bình	Kinh doanh Thiết bị Phụ Tùng Ngành Công Nghiệp	9	0
722	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Hoài An	Kinh doanh Thiết bị Vệ Sinh	4	0
723	Công Ty TNHH MTV Hường Hiền	Kinh doanh Thiết bị Vệ sinh	6	0
724	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Thương Mại Yên Trang	Kinh doanh Thiết bị, Phụ Tùng Máy Công Nghiệp, Xây dựng	3	0
725	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Xây dựng Hùng Dũng	Kinh doanh Thức Ăn Chăn Nuôi	3	0
726	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Dgg Sa Pa	Kinh doanh Thực Phẩm Đông Lạnh	15	1
727	Công Ty Cổ Phần Vật Tư Y Tế 10	Kinh doanh Thuốc Tân Dược	28	1
728	Công Ty TNHH Dược Và Vật Tư Y Tế Tâm Thảo	Kinh doanh Thuốc Tân Dược	18	1
729	Công Ty TNHH Dược Phẩm Và Thương Mại An Phát	Kinh doanh Thuốc Tân Dược	7	0
730	Công Ty Cổ Phần Và XNK An Phát	Kinh doanh Thuốc Tân Dược	3	0
731	Công Ty TNHH Một Thành Viên Và Xuất nhập khẩu Ngọc Khánh	Kinh doanh Thương Mại Bán Đồ Điện Dân dụng	4	0
732	Công Ty TNHH Định An	Kinh doanh Thương Mại Thiết bị Điện Chiếu Sáng	21	1
733	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Chi Đại Lâm	Kinh doanh Và Chế Biến Lâm Sản Gỗ	3	0
734	Doanh Nghiệp Tư Nhân Dệt Vải Thiên Nhuận	Kinh doanh Vải	30	2
735	Công Ty TNHH Một Thành Viên Vận tải Kiên Cường	Kinh doanh Vận tải hàng hóa Ô Tô	10	1
736	Công Ty TNHH Một Thành Viên Vàng Bạc Long Chiên	Kinh doanh Vàng	2	0
737	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vàng Bạc Đá Quý Phương Nga	Kinh doanh Vàng Bạc	6	0

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
738	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Kim Anh Trung	Kinh doanh Vàng Bạc	3	0
739	Doanh Nghiệp Tư Nhân Vàng Bạc Đá Quý Quang Trung	Kinh doanh Vàng Bạc	3	0
740	Công Ty TNHH Một Thành Viên Vàng Bạc Đá Quý Công Hương.	Kinh doanh Vàng Bạc	3	0
741	Công Ty TNHH MTV Vàng Bạc Đá Quý Kim Bảo	Kinh doanh Vàng Bạc	2	0
742	Công Ty TNHH MTV Vàng Bạc Văn Sơn	Kinh doanh Vàng Bạc	2	0
743	Cộng Ty TNHH Vàng Bạc Quang Minh	Kinh doanh Vàng Bạc	2	0
744	Công Ty TNHH MTV Vàng Bạc Đá Quý Hoàn Thê	Kinh doanh Vàng Bạc Đá Quý	3	0
745	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Đầu Tư Xây dựng Và Thương Mại Minh Nhật	Kinh doanh Vật Kiệu Xây dựng Đá Cát	13	1
746	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Và Thương Mại Ngọc Cương	Kinh doanh Vật Liệu Khác Trong Xây dựng	10	1
747	Công Ty TNHH Một Thành Viên Trường Khánh	Kinh doanh Vật liệu xây dựng	6	0
748	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Sáu Hảo	Kinh doanh Vật liệu xây dựng	4	0
749	Công Ty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Phú Xuyên	Kinh doanh Vật liệu xây dựng ( Xi măng, Sắt thép )	4	0
750	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Tiên Long	Kinh doanh Vật liệu xây dựng ( Xi măng..)	3	0
751	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Xây dựng 36	Kinh doanh Vật liệu xây dựng (bán Lẻ Đá ,cát, Sỏi)	12	1
752	Công Ty TNHH MTV Cơ Khí Tiến Đức	Kinh doanh Vật liệu xây dựng (bán Lẻ Xi măng)	18	1
753	Doanh Nghiệp Tư Nhân Phú Trung	Kinh doanh Vật Liệu Xây dựng (Sắt thép )	30	2
754	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Yến Hà	Kinh doanh Vật liệu xây dựng (Sắt thép )	3	0
755	Công Ty TNHH Phát Triển Thương Mại Tân Minh	Kinh doanh Vật liệu xây dựng (sắt, Xi măng)	23	1
756	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Atk	Kinh doanh Vật liệu xây dựng Cát , Sỏi	6	0
757	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Tam Mẫn	Kinh doanh Vật liệu	7	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
		xây dựng Nhôm Sắt Hình		
758	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Minh Gia Bảo	Kinh doanh Vật liệu xây dựng Xi măng Sắt thép	10	1
759	Công Ty TNHH Itv Thương Mại Và Dịch vụ Nhật Anh Lào Cai	Kinh doanh Vật liệu xây dựng(cát Sỏi)	3	0
760	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Tổng hợp Đông á	Kinh doanh Vật liệu xây dựng, Cát Sỏi	31	2
761	Công Ty TNHH Hà Vũ	Kinh doanh Vật liệu xây dựng, Đồ Điện Nước	4	0
762	Công Ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ Thuật Năng Lượng Tiên Thành	Kinh doanh Vật Tư Điện Nước, Thiết Bị Điều Khiển Điện	7	0
763	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Hồng Phương	Kinh doanh Vật Tư Ngành Nước	3	0
764	Công Ty TNHH Vật Tư Phụ Tùng Nam á	Kinh doanh Vật Tư Phụ Tùng	8	0
765	Công Ty Cổ Phần Vận tải Và Thương Mại Trường Thành	Kinh doanh Vlxđ ( Sắt thép)	13	1
766	Công Ty Xăng Dầu Lào Cai	Kinh doanh Xăng Dầu	193	10
767	Công Ty TNHH Một Thành Viên Việt Tuyển	Kinh doanh Xăng Dầu	133	7
768	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xăng Dầu Miền Bắc	Kinh doanh Xăng Dầu	38	2
769	Công Ty TNHH Đầu Tư Dịch vụ Long Hải	Kinh doanh Xăng Dầu	37	2
770	Công Ty TNHH Thương Mại Và Xây dựng Bắc Cường	Kinh doanh Xăng Dầu	35	2
771	Công Ty TNHH Thương Mại Hải Yên	Kinh doanh Xăng Dầu	33	2
772	Doanh Nghiệp Tư Nhân Xuyên Quang	Kinh doanh Xăng Dầu	17	1
773	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vật Tư Tổng Hợp Lào Cai	Kinh doanh Xăng Dầu	17	1
774	Công Ty TNHH Vận tải Xăng Dầu Anh Vinh	Kinh doanh Xăng Dầu	15	1
775	Công Ty TNHH Đầu Tư Dịch vụ Thương Mại Thanh Hà	Kinh doanh Xăng Dầu	9	0
776	Công Ty TNHH Xăng Dầu Chiến Thắng	Kinh doanh Xăng Dầu	7	0
777	C T T N H H T M Và Xây dựng Toàn Phát	Kinh doanh Xăng Dầu	7	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
778	Công Ty TNHH Thương Thành	Kinh doanh Xăng Dầu Nhập Khẩu Vật Tư Máy móc thiết bị Công Nghệ Xây dựng	32	2
779	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Tiến Minh	Kinh doanh Xăng Dầu Nhựa Đường, Dầu Mỡ	58	3
780	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Thịnh Cường	Kinh doanh Xăng Dầu, Sắt thép Nhựa Đường	34	2
781	Công Ty TNHH Thương Mại Mai Long	Kinh doanh Xe Máy	32	2
782	Công Ty TNHH Trung Lan	Kinh doanh Xe Máy	13	1
783	C T T N H H Thương Mại Hoàng Liên	Kinh doanh Xe Máy	6	0
784	Doanh Nghiệp Tư Nhân Đào Xuân Anh	Kinh doanh Xe Máy, Xe Đạp Điện	5	0
785	Công Ty TNHH Thanh Long	Kinh doanh Xi măng	18	1
786	Công Ty TNHH Thương Mại Tổng hợp Minh Tiến	Kinh doanh Xi măng	12	1
787	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Phương Linh	Kinh doanh Xi măng	10	1
788	Công Ty TNHH Đầu Tư Xây dựng Và Phát Triển Thiên Long	Kinh doanh Xi măng	10	1
789	Công Ty TNHH Thương Mại Tổng hợp Phú Cường	Kinh doanh Xi măng	5	0
790	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Trường Hải	Kinh doanh Xi măng	5	0
791	Công Ty TNHH Thương Mại Tổng hợp Quốc Khánh	Kinh doanh Xi măng	4	0
792	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Hoàng Liên Sơn	Kinh doanh Xi măng	3	0
793	Công Ty TNHH H Và T Thành Tín	Kinh doanh Xi măng , Gạch Đá	6	0
794	Công Ty TNHH MTV Anh Dương Lào Cai	Kinh doanh Xi măng Sắt thép	21	1
795	Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Tân Thành Công	Kinh doanh Xi măng Sắt thép	6	0
796	Công Ty TNHH Thiên Đức Đạt	Kinh doanh Xi măng Sắt thép	5	0
797	Công Ty TNHH Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hưng Thịnh Phát	Kinh doanh Xnk Máy móc Công trình	6	0
798	Công Ty TNHH Đầu Tư Xây dựng Thương Mại Tây Bắc	Kinh doanh Xô Số Vietlott	17	1
799	Công Ty TNHH Thương Mại XNK Hưng Thịnh	Kinh doanh Xuất	7	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
		nhập khẩu Các Mặt Hàng nông sản Rau Củ Quả		
800	Công Ty TNHH Một Thành Viên Hưng Long	Kinh doanh Xuất nhập khẩu Vật Tư Thiết bị Nông Nghiệp	5	0
801	Công Ty TNHH Xuất nhập khẩu Thủy Vân	Kinh Rau Củ Quả	2	0
802	Công Ty TNHH Đầu Tư Xây dựng 159	Kinh Sắt thép, Xi măng	24	1
803	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Khai thác Đại Lộc	Kinh Doanh Phụ Tùng Và Các Bộ Phận Phụ Trợ Ô Tô	4	0
804	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Quảng cáo Tuấn Dũng	Làm Biển Quảng cáo	7	0
805	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Hải Nam	Làm Biển Quảng cáo ( Sản Xuất Biển Quảng cáo)	5	0
806	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Đức Dũng	Làm Đường	3	0
807	Công Ty TNHH Itv Phương Bắc	Làm Đường Điện	40	2
808	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Nguyễn Minh Đức	Làm Đường Điện , Sửa Chữa Cháy	2	0
809	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Lâm Nghiệp Bảo Yên	Lâm Nghiệp Và Các Sản Phẩm Dịch vụ	73	4
810	Công Ty TNHH Tư vấn thiết kế Xây dựng Và Thương Mại Việt Bắc	Lắp Đặt Hệ Thống Thoát Nước	3	0
811	Công Ty TNHH Thương Mại Và Xây dựng Anh Quân	Lắp Đặt Điện Lưới 35 Kw	60	3
812	Công Ty TNHH Thương Mại Và Xây dựng Minh Linh Tây Bắc	Lắp Đặt Điều Hòa Không Khí	3	0
813	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Xây dựng Bảo Ngọc	Lắp Đặt Hệ Thống Điện	12	1
814	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Anh Tùng	Lắp Đặt Hệ Thống Điện	12	1
815	Công Ty Cổ Phần La Ca	Lắp Đặt Thiết bị Điện	9	0
816	Công Ty TNHH Thương Mại Cơ Điện C K H	Lắp Ráp Khung Thép Nhà Xưởng	5	0
817	Cong Ty TNHH MTV Cơ Khí Xây dựng Thanh Hà	Lợp Mái Tôn Trường Học	14	1
818	Công Ty TNHH Phú Thịnh	Lữ hành	77	4
819	Công Ty TNHH Một Thành Viên Du Lịch Sa Pa Xanh	Lữ hành	13	1

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
820	Công Ty TNHH MTV Đường Mòn Việt Nam	Lữ hành	12	1
821	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Bạn Đồng Hành	Lữ hành	12	1
822	Công Ty TNHH Một Thành Viên Hành Trình Sa Pa	Lữ hành	5	0
823	Công Ty TNHH Một Thành Viên Du Lịch Thiếu Số	Lữ hành	3	0
824	Công Ty TNHH Một Thành Viên Kết Nối Trái Tim	Lữ hành Quốc Tế	11	1
825	Công Ty Cổ Phần Duy Anh Sa Pa	Lương Thực, Thực Phẩm Đặc Sản Tây Bắc (cá Hồi, Cá Tầm, Thịt Trâu, Tinh Dầu Quế	13	1
826	Hợp Tác Xã Kinh doanh Tổng hợp Giác Mơ Đỏ	May Quần áo	3	0
827	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Du Lịch Và Dịch vụ Ngân Hà	Môi Giới Nhà Nghỉ	11	1
828	Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Toàn Thắng	Môi Giới Vận tải	3	0
829	Công Ty TNHH Khoáng Sản Trung Đô	Mua Bán Cát Sỏi	5	0
830	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Hồng Thái	Mua Bán Con Giống	3	0
831	Công Ty Cổ Phần Kinh doanh Và Khoáng Sản Minh Đức	Mua Bán Đá Xây dựng	3	0
832	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Nguyễn Minh Thắng	Mua Bán Máy móc Công Nghiệp	4	0
833	Công Ty TNHH Tư Vấn Phiên Dịch Thương Mại Hoàng Hà Lào Cai	Mua Bán Máy móc thiết bị Xây dựng	15	1
834	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Sự Kiện Và Du Lịch Bảo Sơn	Mua Bán Máy Tính	7	0
835	Công Ty Cổ Phần Linh Anh Anh	Mua Bán Ô Tô	32	2
836	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Kim Sơn	Mua Bán Quặng Sắt Xi Đồng	3	0
837	Công Ty Cổ Phần Sách Thiết bị Giáo Dục Lào Cai	Mua Bán Sách Giáo Khoa, Văn Phòng Phẩm	21	1
838	Công Ty TNHH Mai Anh	Mua Bán Sửa Chữa Máy Tính Văn Phòng	13	1
839	Công Ty TNHH Cơ Khí Tổng hợp Huy Long	Mua Bán Sửa Chữa Ô Tô	35	2
840	Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Thương Mại Xây dựng Đức Minh	Mua Bán Thiết bị Điện	3	0
841	Công Ty Cổ Phần Tech-vina	Mua Bán Tinh Dầu Quế	25	1



<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
842	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Việt Hưng	Mua Bán Vlxđ Sắt thép	9	0
843	Công Ty TNHH Itv Thương Mại Và Dịch vụ Đăng Tuyệt	Mua Bán Xe Máy	22	1
844	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Việt Quân	Mua Bán Xe Máy	13	1
845	Hợp Tác Xã Sim San	Nấu Rượu Trắng	5	0
846	Công Ty TNHH Thương Mại Th Sáng Bình Minh	Nhà Nghi	3	0
847	Công Ty TNHH Một Thành Viên Phong Lan Group	Nhà Nghi	3	0
848	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Hồng Phát	Nhập Khẩu Hoa Tươi	3	0
849	Công Ty TNHH Xây dựng Và Xuất nhập khẩu Hoàng Liên	Nhập Khẩu Máy móc Công Nghiệp	34	2
850	Công Ty TNHH Một Thành Viên Lợi Minh Thành	Nhập Khẩu Máy móc Phục Vụ Xây dựng	3	0
851	Công Ty TNHH Bảo Kim Thành	Nhập Khẩu Nông sản Rau Quả	4	0
852	Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Mỏ Huy Hoàng	Nổ Mìn	64	3
853	Công Ty TNHH Du Lịch Và Thủy Sản Nước Lạnh Thác Bạc	Nuôi Cá	6	0
854	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Hải Sơn	Nuôi Cá Tầm	3	0
855	Công Ty TNHH Giống Gia Cầm Lào Cai	Nuôi Gia Cầm	12	1
856	Hợp Tác Xã Hướng Nghiệp	Nuôi Lợn	11	1
857	Công Ty TNHH Thủy Dung	Nuôi Lợn	8	0
858	Hợp Tác Xã Nông Nghiệp Vạn Hoà	Nuôi Ong	3	0
859	Công Ty TNHH Thiên Hà	Nuôi Trồng Thủy Sản	92	5
860	Hợp Tác Xã Cá Hồi Thác Vàng Sapa	Nuôi Trồng Thủy Sản	4	0
861	Công Ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Xuân Hà	Nuôi Trồng Thủy Sản Nước Ngọt	4	0
862	Công Ty TNHH Một Thành Viên Vận tải Kim Ngân	Ô Tô Vận tải hàng hóa	6	0
863	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Lý Vinh	ốp Lát Đá Hoàn Thiện Công trình	7	0
864	Công Ty TNHH MTV Thương Mại & Xây dựng Sơn Trung	Phá Đá, Nổ Mìn	120	6
865	Hợp Tác Xã Hoàng Vũ	Phá Đá, Nổ Mìn	20	1
866	Công Ty TNHH Itv Dịch vụ Và Thương Mại Nhật Tân (cũ Phòng Chống Mối - Sinh Hoá)	Phòng Diệt Mối	4	0
867	Hợp Tác Xã Thanh Hương	Quản Lý Thu Phí Chợ	7	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
868	Công ty Cổ Phần Phát Triển Tài Năng Lào Cai	Quảng cáo	3	0
869	Hợp Tác Xã Dịch vụ Nông Nghiệp Thát Luông	Rượu Nậm Cắn	3	0
870	Công Ty Cổ Phần Bệnh Viện Hữu Nghị Quốc Tế Hà Nội	Sa Pa Chăm Sóc Sắc Đẹp	3	0
871	Công Ty Cổ Phần Dap Số 2- Vina Chem	Sản Xuất Phân bón	564	28
872	Công Ty TNHH Xây dựng Công trình Số 6	San Gạt Mặt Bằng	245	12
873	Doanh Nghiệp Tư Nhân Bình Minh	San Gạt Mặt Bằng	70	4
874	Công Ty TNHH Đầu Tư Và Xây dựng Hoàng Hà	San Gạt Mặt Bằng	66	3
875	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Hải Long	San Gạt Mặt Bằng	57	3
876	Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Và Vận tải Long Vũ	San Gạt Mặt Bằng	49	2
877	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tuyết Hương	San Gạt Mặt Bằng	44	2
878	Công Ty TNHH Hồng Ngọc	San Gạt Mặt Bằng	38	2
879	Công Ty TNHH Một Thành Viên Trung Đông	San Gạt Mặt Bằng	36	2
880	Công Ty TNHH MTV Và Thương Mại Mạnh Chiến	San Gạt Mặt Bằng	33	2
881	Công Ty Cổ Phần Minh Ngọc	San Gạt Mặt Bằng	28	1
882	Công Ty TNHH Phát Triển Vận tải Miền Tây	San Gạt Mặt Bằng	20	1
883	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Tân Bảo Anh	San Gạt Mặt Bằng	20	1
884	Công Ty TNHH MTV Hùng Cường	San Gạt Mặt Bằng	18	1
885	Công Ty TNHH Xây dựng Tổng Hợp An Phú Thịnh	San Gạt Mặt Bằng	17	1
886	Công Ty TNHH Thương Mại Và Xuất nhập khẩu Đại Minh	San Gạt Mặt Bằng	16	1
887	Công Ty TNHH Nam Hải	San Gạt Mặt Bằng	11	1
888	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Tân Thành Sa Pa	San Gạt Mặt Bằng	11	1
889	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Xây dựng Hoa Sim	San Gạt Mặt Bằng	8	0
890	Công Ty TNHH Một Thành Viên Quảng Ly	San Gạt Mặt Bằng	7	0
891	Doanh Nghiệp Tư Nhân Liên Hoàn	San Gạt Mặt Bằng	5	0
892	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Nhật Minh	San Gạt Mặt Bằng	4	0
893	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Bảo Anh Lào Cai	San Gạt Mặt Bằng	3	0
894	Công Ty TNHH Một Thành Viên Hoàngf Anh LC	Sản Xuất Cầu Kệ Nhà Bằng Sắt, Nhôm Kính	34	2
895	Công Ty TNHH Dệt Trang Trí Thượng Hải	Sản Xuất Băng Nhám Dính	65	3
896	Công Ty Cổ Phần Mặt Trời Fansipan	Sản Xuất Bê Tông	45	2
897	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây dựng Thương	Sản Xuất Bê Tông	57	3

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
	Mại Miền Bắc	Tươi		
898	Công Ty Cổ Phần Bê Tông Sa Pa	Sản Xuất Bê Tông Thương Phẩm	27	1
899	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Xây dựng Duyên Hải	Sản Xuất Bê Tông Thương Phẩm	53	3
900	Công Ty TNHH Hồng Lộc	Sản Xuất Bê Tông Tươi	40	2
901	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vận tải Hoàn Sơn	Sản Xuất Bê Tông Tươi	36	2
902	Công Ty TNHH Đầu Tư Xây dựng Quốc Hưng	Sản Xuất Bê Tông Tươi Thương Phẩm	37	2
903	Công Ty Cổ Phần Đt Và Thương Mại Đức Long	Sản Xuất Bột Đá	52	3
904	Công Ty TNHH Hoàng Anh Lào Cai	Sản Xuất Các Cầu Kien Bằng Nhôm Sắt	21	1
905	Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Và Phát Triển Đức Minh	Sản Xuất Các Sản Phẩm Từ Gỗ	23	1
906	Công Ty TNHH Cơ Khí Đức Tân Long	Sản Xuất Các Sản Phẩm Từ Kim Loại	27	1
907	Công Ty TNHH Một Tyhanhf Viên Minh Huân	Sản Xuất Các Sản Phẩm Từ Nhôm Kính	3	0
908	Hợp Tác Xã Long Bình	Sản Xuất Cao Atiso	3	0
909	Công Ty TNHH Giống Nông Lâm Nghiệp Thành Tiến	Sản Xuất Cây Con Giống Nông Lâm Nghiệp	32	2
910	Công Ty TNHH Lâm Nghiệp Văn Bàn	Sản Xuất Cây Giống	65	3
911	Công Ty TNHH Một Thành Viên Giống Nông Lâm Nghiệp Tiến Thành	Sản Xuất Cây Giống	12	1
912	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Chè Phong Hải	Sản Xuất Chè	25	1
913	Công Ty TNHH Chè Đại Hưng	Sản Xuất Chè	6	0
914	Hợp Tác Xã Chè Bản Liền	Sản Xuất Chế Biến Chè Xuất Khẩu	3	0
915	Công Ty TNHH Traphacô Sa Pa	Sản Xuất Chế Biến Dược Liệu	63	3
916	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xuất nhập khẩu Nam Linh	Sản Xuất Chế Biến Lâm Sản	4	0
917	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Hoa Thịnh Hưng	Sản Xuất Chế Biến Nhân Điều Xuất Khẩu	103	5
918	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Chè Thanh Bình	Sản Xuất Chè Khô	121	6
919	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Thương Mại Dịch vụ Cao Minh	Sản Xuất Cọc Bê Tông	16	1
920	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thái Bảo Lào Cai	Sản Xuất Cọc Bê Tông	15	1

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
921	Doanh Nghiệp Tn Dương Nam Hải	Sản Xuất Cống Bê Tông	8	0
922	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Tổng hợp Thanh Tùng	Sản Xuất Cửa Hoa Sắt	15	1
923	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Sản Xuất Và Thương Mại Hà Loan	Sản Xuất Cửa Hoa Sắt	10	1
924	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Việt Cường	Sản Xuất Cửa Hoa, Cửa Xếp	11	1
925	Công Ty TNHH 1tv Newstar Window	Sản Xuất Cửa Lỗi Thép	19	1
926	Công Ty TNHH Thương Mại Xây dựng Thiên Sơn	Sản Xuất Cửa Nhôm Kính	18	1
927	Doanh Nghiệp Tư Nhân Ngọc Huyền	Sản Xuất Cửa Nhôm Kính	15	1
928	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Và Thương Mại Việt Thành	Sản Xuất Cửa Nhôm Kính	5	0
929	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Cơ Khí Xây dựng Việt Anh	Sản Xuất Cửa Nhôm Kính	2	0
930	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Đức Tiến	Sản Xuất Cửa Nhôm, Hàng Rào Sắt	5	0
931	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thủy Lưu	Sản Xuất Cửa Nhôm, Sắt	8	0
932	Công Ty T N H H Một Thành Viên Tường Hương	Sản Xuất Cửa Xếp Cửa Cuốn Bằng Kim Loại	6	0
933	Công Ty TNHH 1tv Nam Huy	Sản Xuất Đá	168	8
934	Công Ty TNHH Xây dựng Và Thương Mại Tây Bắc	Sản Xuất Đá Xây dựng	13	1
935	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Điện Đông Nam á	Sản xuất điện	130	7
936	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Bắc Hà	Sản xuất điện	79	4
937	Công Ty TNHH Đầu Tư Xây dựng Tân Bình Minh	Sản xuất điện	76	4
938	Công ty Cổ Phầnđiện Bắc Nà	Sản xuất điện	64	3
939	Công Ty TNHH Đầu Tư Điện Lực Việt Trung	Sản xuất điện	50	3
940	Công Ty Cổ Phần Thủy Điện Lào Cai	Sản xuất điện	37	2
941	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Tái Tạo Lào Cai Việt Nam	Sản xuất điện	36	2
942	Công Ty Cổ Phần Thủy Điện Nậm Pung - Intracom	Sản xuất điện	35	2
943	Công Ty TNHH 1tv Thủy Điện Mừng Hum	Sản xuất điện	35	2
944	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Năng Lương Vidifi	Sản xuất điện	31	2
945	Công Ty Cổ Phần Sông Đà 9 ( Chi Nhánh Sông	Sản xuất điện	27	1

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
	Đà 905)			
946	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Năng Lượng Hồng Hà	Sản xuất điện	20	1
947	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Điện Miền Bắc 2	Sản xuất điện (thủy Điện)	99	5
948	Công Ty Cổ Phần Trung Hoàng Phúc	Sản xuất điện Năng	441	22
949	Công Ty Cổ Phần Thủy Điện Sử Pán 2	Sản xuất điện Thương Phẩm	58	3
950	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Nội Thất Mê Linh	Sản Xuất Đồ Gỗ Mỹ Nghệ	5	0
951	Công Ty TNHH MTV Và Dịch vụ Cường Mạnh	Sản Xuất Đồ Gỗ Mỹ Nghệ	5	0
952	Công Ty TNHH Duy Minh Thái	Sản Xuất Đồ Gỗ Mỹ Nghệ	5	0
953	Hợp Tác Xã Thủ Công Mỹ Nghệ	Sản Xuất Đồ Gỗ Thủ Công Mỹ Nghệ	9	0
954	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Chế Biến Lâm Sản Bảo Yên	Sản Xuất Đũa	61	3
955	Công Ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu Phú Hưng	Sản Xuất Gạch	108	5
956	Hợp Tác Xã Tiểu Thủ Công Nghiệp Và Dịch vụ Mường Thát	Sản Xuất Gạch	22	1
957	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Xây dựng Tiến Thành	Sản Xuất Gạch	16	1
958	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Gia Phú	Sản Xuất Gạch	16	1
959	Hợp Tác Xã Hà Phúc	Sản Xuất Gạch	11	1
960	Công Ty TNHH Một Thành Viên Trung Nghĩa	Sản Xuất Gạch Block	4	0
961	Công Ty TNHH 1 T V Đầu Tư Tổng hợp Đức Tiến	Sản Xuất Gạch Đất Sét Nung	63	3
962	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Vận tải Hoàng Phong	Sản Xuất Gạch Không Nung	8	0
963	Doanh Nghiệp Tư Nhân Đức Quyền	Sản Xuất Gạch Không Nung	6	0
964	Công Ty TNHH Thương Mại Vt Xăng Dầu Quyết Thắng	Sản Xuất Gạch Nung	98	5
965	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Thành Công	Sản Xuất Gạch Tuynel	160	8
966	Công Ty Cổ Phần Vật liệu xây dựng Lào Cai	Sản Xuất Gạch Xây	192	10
967	Công Ty TNHH Một Thành Viên Phát Triển Minh Huy	Sản Xuất Gỗ Cốp Pha	15	1
968	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Công Nghiệp Rừng Lào Cai	Sản Xuất Gỗ Thanh	13	1

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
969	Công Ty TNHH Trần Sâm	Sản Xuất Gỗ Ván ?p	45	2
970	Công Ty TNHH Xây dựng Và Thương Mại Hưng Tấn	Sản Xuất Gỗ Ván ép	28	1
971	Công Ty TNHH Nam Phong	Sản Xuất Gỗ Ván ép	14	1
972	Công Ty Cổ Phần Hóa Chất Phân bón Lào Cai	Sản Xuất Hoa Chất Cơ Bản	450	23
973	Công Ty Cổ Phần Hóa Chất Bảo Thắng	Sản Xuất Hoa Chất Cơ Bản	240	12
974	Công Ty Cổ Phần Hoá Chất Đức Giang Lào Cai	Sản Xuất Hóa Chất Cơ Bản	1267	63
975	Công Ty TNHH MTV Quảng cáo ánh Dương	Sản Xuất In Vẽ Biển Quảng cáo	3	0
976	Công Ty TNHH Quang Hưng	Sản Xuất Khai thác Đá	9	0
977	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Đầu Tư Xây dựng Tiến Đạt	Sản Xuất Khung Nhà Sắt	7	0
978	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Minh Tuấn	Sản Xuất Khung Nhôm Kính	10	1
979	Công Ty TNHH Một Thành Viên Lê Thành Sơn	Sản Xuất Khung Nhôm, Cửa Kính	18	1
980	Chi Nhánh Luyện Đồng Lào Cai - Vimico	Sản Xuất Kim Loại Màu Và Kim Loại Quý	586	29
981	Công Ty Cổ Phần Liên Sơn Lào Cai	Sản Xuất Kinh doanh Đồ Uống ( Bia Hơi)	46	2
982	Hợp Tác Xã Thành Sơn Bản Xèo	Sản Xuất Miến Dao	30	2
983	Công Ty TNHH 1 Tư vấn thiết kế Vật liệu xây dựng Hồng Phúc	Sản Xuất Nấm	3	0
984	Công Ty Cổ Phần Nước Giải Khát Quốc Tế Sa Pa	Sản Xuất Nước Ro	7	0
985	Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Thương Mại Và Xây dựng Gia Bảo	Sản Xuất Nước Ro	3	0
986	Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Tỉnh Lào Cai	Sản Xuất Nước Sạch	365	18
987	Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Việt Hải	Sản Xuất Nước Tinh Khiết	4	0
988	Công Ty TNHH MTV Sản Xuất ống Cống Huy Hoàng	Sản Xuất ống Cống	5	0
989	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Su Pe Lân Apromaco Lào Cai	Sản Xuất Phân bón	247	12
990	Công Ty TNHH Truyền Thông Phương Bắc	Sản Xuất Phóng Sự Truyền Thông	10	1
991	Công Ty Cổ Phần Phốt Pho Vàng Lào Cai	Sản Xuất Phốt Pho Vàng	96	5
992	Công Ty TNHH Đông Nam á Lào Cai	Sản Xuất Phốt Pho	208	10

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
		Vàng		
993	Công Ty TNHH Phốt Pho Vàng Việt Nam	Sản Xuất Phốt Pho Vàng	132	7
994	Công Ty Cổ Phần Phốt Pho Việt Nam	Sản Xuất Phốt Pho Vàng	85	4
995	Công Ty Cổ Phần Hoá Chất Phúc Lâm	Sản Xuất Phụ Gia Thức Ăn Gia Súc Dcp	174	9
996	Công Ty TNHH MTV Trần Bắc Việt	Sản Xuất Rượu	5	0
997	Hợp Tác Xa San Lùng Huyện Bát Xát	Sản Xuất Rượu Trắng	5	0
998	Công Ty Cổ Phần Tứ Đình	Sản Xuất Sten Đồng	54	3
999	Công Ty Cổ Phần Tôn Thép Lào Cai	Sản Xuất Tấm Lợp Kim Loại	6	0
1000	Công Ty Cổ Phần Thủy Điện Bắc Hà	Sản Xuất Thủy Điện	166	8
1001	Công Ty Cổ Phần Hưng Thịnh Lào Cai	Sản Xuất Thủy Tinh Lông	5	0
1002	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Hiếu Hưng	Sản Xuất Tinh Bột Sắn	232	12
1003	Công Ty TNHH Lợi Sơn Điền	Sản Xuất Trà	22	1
1004	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Thăng Long Phố Cũ	Sản Xuất Truyền Tải Và Phân Phối Điện	15	1
1005	Cộng Ty TNHH Thủy Điện Hồng Ngọc	Sản Xuất Truyền Tải Và Phân Phối Điện	12	1
1006	Hợp Tác Xã Hoa Lợi	Sản Xuất Tương ớt	3	0
1007	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Đầu Tư Phát Triển Bắc Hà	Sản Xuất Và Chế Biến Chè	12	1
1008	Công Ty Cổ Phần Vĩnh Thái Lào Cai	Sản Xuất Và ép Cọc Bê Tông	37	2
1009	Hợp Tác Xã Giao Ngay	Sản Xuất Và Kinh doanh Cây Giống	3	0
1010	Công Ty Cổ Phần Thủy Điện Leader Nam Tiến	Sản Xuất Và Phân Phối Điện Năng	185	9
1011	Hợp Tác Xã Phát Lợi Sa Pa	Sản Xuất Và Tiêu Thụ Sản Phẩm Nông Nghiệp	12	1
1012	Doanh Nghiệp Tư Nhân Ngọc Dương	Sản Xuất Ván Lạng	4	0
1013	Công Ty Cổ Phần Xi măng Hoàng Liên Sơn	Sản Xuất Xi măng	10	1
1014	Công Ty TNHH MTV Nông sản Phước Anh	Sấy Sắn Khô	27	1
1015	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Và Thương Mại Minh Tú	Sơn Các Công trình	12	1
1016	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Sơn Tĩnh Điện Thành Đạt	Sơn Cửa Hoa Cửa Xếp	3	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
1017	Công Ty TNHH MTV Điện Lạnh Hoàng Giang	Sửa Chữa Điện Lạnh	5	0
1018	Công Ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Vân Nam	Sửa Chữa Điện Tủ Điện Lạnh	8	0
1019	Công Ty TNHH Phụ Tùng Quốc Tế Hải Minh	Sửa Chữa Máy móc thiết bị	4	0
1020	Công Ty TNHH Đông Nam Hải	Sửa Chữa Ô Tô	11	1
1021	Công Ty TNHH Thiết bị Công trình Oanh Chinh	Sửa Chữa Ô Tô	11	1
1022	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Vận tải Toàn Thắng	Sửa Chữa Ô Tô	7	0
1023	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Ô Tô Gia An	Sửa Chữa Ô Tô	5	0
1024	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đăng Hiếu	Sửa Chữa Ô Tô	4	0
1025	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Đại An	Sửa Chữa Ô Tô	4	0
1026	Công Ty TNHH Thương Mại Tổng hợp Thăng Long	Sửa Chữa Ô Tô	3	0
1027	Hợp Tác Xã Cơ Khí Thành Công	Sửa Chữa, Gia Công Máy Công trình	8	0
1028	Công Ty TNHH 1tv Cơ Khí Và Thương Mại Minh Quân	Sửa Ô Tô	17	1
1029	Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản & Vật Liệu Luyện Kim Lào Cai	Tái Chế Phế Liệu	33	2
1030	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và Xây dựng Yên Bình	Tái Chế Phế Liệu Pji Kim Loại ( Tận Thu Bùn Nghèo Của Các Nhà Máy SX Phốt Pho Vàng )	69	3
1031	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Hùng Dũng	Tẩm Lá Thuốc	3	0
1032	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Xây dựng Thiên Trường	Thi Công Lắp Đặt Hệ Thống Phòng Cháy Chữa Cháy	7	0
1033	Công Ty TNHH Thi Công Nội Ngoại Thất Nhà Đẹp	Thi Công Lát Sàn Gỗ	6	0
1034	Công Ty TNHH MTV Đồ Họa Mmotions	Thiết Kế Đồ Họa 3d	4	0
1035	Công Ty Cổ Phần Môi Trường Đô Thị Tỉnh Lào Cai	Thu Gom , Xử Lý Chất Thải , Nước Thải	565	28
1036	Hợp Tác Xã Kinh doanh Tổng hợp Huyện Mường Khương	Thu Gom Rác Thải	29	1
1037	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vs Mt Đt Huy Hoàng	Thu Gom, Vận Chuyển Rác Thải	39	2
1038	Công Ty TNHH Sản Xuất Và Xuất nhập khẩu Bao Bì	Thùng Phuy Sắt Mạ Kẽm Đựng Phốt Pho	50	3
1039	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Tuệ Đức	Thương Mại ( Mua	12	1



<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
		Bán Xe Máy )		
1040	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thành Phú Hưng	Thương Mại Bán Chè Búp	3	0
1041	Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Xây dựng Thương Mại Tuấn Cảnh	Thương Mại Bán Vật liệu xây dựng ( Xi măng, Sắt thép )	5	0
1042	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Tỉnh Lào Cai	Thương Mại Kinh doanh Lương Thực Thực Phẩm	28	1
1043	Công Ty TNHH Thương Mại Tổng hợp Chí Bảo	Thương Mại Quặng	20	1
1044	Công Ty TNHH Thương Mại Tổng hợp Bảo Yên	Thương Mại Tổng hợp	12	1
1045	C T T N H H Thương Mại Hải Đăng	Thương Mại Xuất nhập khẩu Phân bón	48	2
1046	Quỹ Tín Dụng Nhân Dân Cam Đường	Tín Dụng Ngân Hàng	10	1
1047	Công Ty TNHH MTV Du Lịch Mặt Trời Mộc	Tổ Chức Tua Du Lịch	3	0
1048	Công Ty TNHH Tâm Phát Green	Trồng Cây Dược Liệu	3	0
1049	Hợp Tác Xã Làng Hang Quang Kim	Trồng Chuối	3	0
1050	Hợp Tác Xã Na Lang	Trồng Hoa	25	1
1051	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Phúc Yên	Trồng Quế	10	1
1052	Hợp Tác Xã Nông Nghiệp Mai Anh	Trồng Rau	12	1
1053	Công Ty Hữu Hạn Xí Nghiệp Nông Liên Đài Loan	Trồng Rau Đậu	30	2
1054	Công Ty TNHH Mường Hoa	Trồng Rau Hoa Chè	3	0
1055	Công Ty TNHH Thương Mại Đầu Tư Và Dịch vụ An Bình	Trồng Rau Mầm	4	0
1056	Hợp Tác Xã Nông Nghiệp Hoa Đào Sa Pa	Trồng Rau Sapa	25	1
1057	Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Rừng Tây Bắc	Trồng Rừng	14	1
1058	Hợp Tác Xã Đại Khánh	Trồng Trọt, Chăn Nuôi	4	0
1059	Công Ty Cổ Phần Lâm Nghiệp Bảo Thắng	Trồng, Khai thác, Phát Triển Rừng	24	1
1060	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch vụ Thiên Khuê	Trung Tâm Ngoại Ngữ	4	0
1061	Công Ty TNHH Hưng Thịnh	Tư Vấn Công trình Thủy lợi	3	0
1062	Công Ty TNHH MTV Dịch vụ Văn Bản	Tư Vấn Dịch vụ	12	1
1063	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Môi Trường Anh	Tư Vấn Giám sát	6	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
	Tuần			
1064	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Và Thương Mại Toàn Diện	Tư Vấn Giám sát Công trình	5	0
1065	Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Giám sát Thành Đạt	Tư Vấn Giám sát Xây dựng	10	1
1066	Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Giám sát Và Quản Lý Dự án Xây dựng An Bình	Tư Vấn Giám sát Xây dựng	8	0
1067	Công Ty TNHH TV Vinatax Lào Cai	Tư Vấn Kế Toán, Kiểm Toán Tư Vấn Thuế	11	1
1068	Công Ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng 538	Tư Vấn Khảo Khát Thiết Kế Xd	10	1
1069	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây dựng Tuệ Việt	Tư Vấn Khảo Sát Kiến Trúc Kỹ Thuật	43	2
1070	Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Kiến Trúc Quy Hoạch Xây dựng Lào Cai	Tư Vấn Khảo Sát Thiết Kế	36	2
1071	Công Ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi Và Phát Triển N T Lào Cai	Tư Vấn Khảo Sát Thiết Kế	23	1
1072	Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Giám sát Sa Pa	Tư Vấn Khảo Sát Thiết Kế	20	1
1073	Công Ty TNHH Tư Vấn Cấp Thoát Nước Lào Cai	Tư Vấn Khảo Sát Thiết Kế	9	0
1074	Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Địa Kỹ Thuật Và Đầu Tư Xây dựng Lào Cai	Tư Vấn Kiểm Định Xáy Dựng	5	0
1075	Công Ty TNHH MTV T M Q	Tư Vấn Kỹ Thuật	5	0
1076	Công Ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Hoàng Mạnh	Tư Vấn Kỹ Thuật	6	0
1077	Công Ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Thành An	Tư Vấn Kỹ Thuật	3	0
1078	Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Kỹ Thuật Xây dựng Minh Đức	Tư Vấn Kỹ Thuật Xây dựng	21	1
1079	Văn Phòng Luật Sư Bảo Ngọc	Tư Vấn Luật	6	0
1080	Công Ty Cổ Phần Môi Trường Công Nghiệp Xanh	Tư Vấn Môi Trường	6	0
1081	Văn Phòng Luật Sư Quốc Uy	Tư Vấn Pháp Luật	3	0
1082	C T T N H H Một Thành Viên T V T K Và X D Lào Cai	Tư vấn thiết kế	30	2
1083	Công Ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Và Thương Mại Đại Việt	Tư vấn thiết kế	24	1
1084	Công Ty TNHH MTV Thiết Kế Giao Thông 9	Tư vấn thiết kế	23	1
1085	Công Ty TNHH Tư vấn thiết kế Quang Anh	Tư vấn thiết kế	20	1
1086	Công Ty TNHH Tư Vấn Kiến Trúc Xây dựng Bảo Long	Tư vấn thiết kế	15	1
1087	Công Ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Trương Anh	Tư vấn thiết kế	14	1

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
1088	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thiết Kế Xây dựng Kiến Tân	Tư vấn thiết kế	12	1
1089	Công Ty Cổ Phần Tư vấn thiết kế Tổng hợp Tám Thành	Tư vấn thiết kế	10	1
1090	Công Ty TNHH MTV Dịch vụ Hoàng Liên	Tư vấn thiết kế	7	0
1091	Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Dương Liễu	Tư vấn thiết kế	4	0
1092	Công Ty TNHH Tư Vấn Nhà Đẹp Mỹ Đức	Tư vấn thiết kế	4	0
1093	Công Ty TNHH MTV Mỹ Lệ Hưng	Tư vấn thiết kế	3	0
1094	Công Ty TNHH Một Thành Viên Kiến Trúc Và Nội Thất Đô Thị Mới	Tư vấn thiết kế	3	0
1095	Công Ty TNHH Một Thành Viên Kiến Trúc - Nội Thất Nhà Đẹp	Tư vấn thiết kế	3	0
1096	Công Ty Cổ Phần Xây dựng Hùng Hải	Tư vấn thiết kế Chuyên Dụng	4	0
1097	Công Ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Sông Hồng Lào Cai	Tư vấn thiết kế Công trình	49	2
1098	Công Ty Cổ Phần TV Đầu Tư Xây dựng Năng Lượng	Tư vấn thiết kế Công trình	5	0
1099	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Và Tư vấn Xây dựng 286	Tư vấn thiết kế Giám sát	24	1
1100	Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư á Châu	Tư vấn thiết kế Giám sát	16	1
1101	Công Ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Giao Thông Lào Cai	Tư vấn thiết kế Giao Thông	114	6
1102	Công Ty TNHH Dịch vụ Kỹ Thuật Xây dựng	Tư Vấn Thiết Kế Xây dựng	5	0
1103	Công Ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Tân Tiến	Tư Vấn Thiết Kế Xây dựng	11	1
1104	Công Ty TNHH Tư Vấn Kiến Trúc Xây dựng Tây Bắc á	Tư vấn thiết kế Xây dựng	15	1
1105	Công Ty TNHH Hoạt động Xây dựng Thành Nam	Tư vấn thiết kế Xây dựng	10	1
1106	Công Ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Gia Phát	Tư vấn thiết kế Xây dựng	5	0
1107	Công Ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Minh Nhật	Tư vấn thiết kế Xây dựng	4	0
1108	Công Ty TNHH Tư vấn thiết kế - Giám sát Xây dựng Lào Cai	Tư vấn thiết kế Xây dựng	3	0
1109	Công Ty Cổ Phần Việt Mỹ	Tư vấn thiết kế Xây dựng Công trình	3	0
1110	Công Ty Thhh MTV Tư vấn thiết kế Xây dựng Hoàng Hà	Tư vấn thiết kế Xd	11	1
1111	Công Ty TNHH 1 Thành Viên TV Thiết Kế Xây dựng Huy Tuấn	Tư vấn thiết kế Xd	7	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
1112	Công Ty TNHH Tư Vấn Vinatax	Tư Vấn Thuế	5	0
1113	Công Ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Tâm Việt	Tư vấn Xây dựng	5	0
1114	Công Ty TNHH Tư Vấn Công Nghiệp Lào Cai	Tư vấn Xây dựng	96	5
1115	Công Ty Cổ Phần Giám sát Và Xây dựng Vĩnh Trinh	Tư vấn Xây dựng	35	2
1116	Công Ty Cổ Phần Xây dựng Và Kiểm Định Lào Cai	Tư vấn Xây dựng	32	2
1117	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Tư Vấn Và Xây dựng An Phát	Tư vấn Xây dựng	27	1
1118	Công Ty Cổ Phần Xây dựng Và Môi Trường An Pha	Tư vấn Xây dựng	25	1
1119	Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Giám sát Xây dựng Công trình Lào Cai	Tư vấn Xây dựng	13	1
1120	Công Ty TNHH Xây dựng Và Thương Mại Dịch vụ Thuận An	Tư vấn Xây dựng	13	1
1121	Công Ty TNHH Xây dựng Phú Sỹ	Tư vấn Xây dựng	12	1
1122	Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Giám sát, Xây dựng Và Thương Mại An Phú Thịnh	Tư vấn Xây dựng	12	1
1123	Công Ty TNHH MTV Nhà Xinh Lào Cai	Tư vấn Xây dựng	11	1
1124	Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Tổng hợp Đông á.	Tư vấn Xây dựng	11	1
1125	Công Ty TNHH Hoạt động Xây dựng Nam Dương	Tư vấn Xây dựng	11	1
1126	Công Ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Nam Sơn	Tư vấn Xây dựng	10	1
1127	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Xây dựng Đầu Tư Lạc Việt	Tư vấn Xây dựng	10	1
1128	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Xây dựng Hải Phong	Tư vấn Xây dựng	8	0
1129	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Fan Si Pan	Tư vấn Xây dựng	7	0
1130	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Xây dựng Tiến Cường	Tư vấn Xây dựng	5	0
1131	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Đhn	Tư vấn Xây dựng	5	0
1132	Công Ty TNHH Tư vấn Xây dựng Nhật Linh	Tư vấn Xây dựng	4	0
1133	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Xây dựng Minh Hà	Tư vấn Xây dựng	4	0
1134	Công Ty TNHH Tư Vấn Đtxd Và Thương Mại Hoàng Châu	Tư vấn Xây dựng	3	0
1135	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Tư vấn Xây dựng Hoàng Nam	Tư vấn Xây dựng	3	0
1136	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Duy Hải	Tư vấn Xây dựng	3	0
1137	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Kiến	Tư vấn Xây dựng	3	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
	Trúc Nhà Phố			
1138	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Xây dựng Uy Long	Tư vấn Xây dựng Công trình	6	0
1139	Công Ty Cổ Phần Kiến Trúc Quy Hoạch Và Phát Triển Đô Thị Đại Hoàng	Tư Vấn, Thiết Kế Xây dựng	4	0
1140	C T T N H H Một Thành Viên Linh Thông	Ươm Cá Giống	8	0
1141	Hợp Tác Xã Tây Bắc	Ươm Cây Giống	11	1
1142	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tân Minh Phát Sa Pa	Ươm Cây Giống Sơn Trà	10	1
1143	Công Ty TNHH Sản Xuất Giống Cây Trồng Nông Lâm Nghiệp	Ươm Giống Cây	50	3
1144	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vạn Phúc	Vận Chuyển Hàng Hoá	8	0
1145	Công Ty TNHH 1tv Thương Mại Phúc Hưng	Vận Chuyển Quặng	10	1
1146	Công Ty Cổ Phần Đt Khai thác Và Chế Biến Khoáng Sản Tây Bắc	Vận Chuyển Quặng A Pa Tít	28	1
1147	Công Ty TNHH Sản Xuất Xây dựng Thái Sơn	Vận Chuyển Vật liệu xây dựng Bằng Dây Cáp	19	1
1148	Công Ty Cổ Phần M D F Bảo Yên	Ván ép Công Nghiệp	300	15
1149	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Xây dựng Thái Long	Vận tải hàng hóa	68	3
1150	Công Ty TNHH Dịch vụ Cáp Treo Fan Si Pan Sa Pa	Vận tải Cáp Treo	418	21
1151	Công Ty TNHH MTV Vận tải Bảo An	Vận tải hàng hóa	20	1
1152	Công Ty TNHH Xây dựng Và Thương Mại Huy Khánh	Vận tải hàng hóa	17	1
1153	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Lắp Và Thương Mại Tổng hợp Minh Khánh	Vận tải hàng hóa	5	0
1154	Công Ty TNHH Một Thành Viên Vận tải Hồng Đức	Vận tải Hàng Hóa Bằng ô tô	3	0
1155	Công Ty Cổ Phần Thiên Thanh Lào Cai	Vận tải hàng hóa	20	1
1156	Công Ty Cổ Phần Xây dựng Và Thương Mại Ngọc Quân	Vận tải hàng hóa	130	7
1157	Công Ty TNHH Ngọc Sơn	Vận tải hàng hóa	63	3
1158	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Hoàng Long	Vận tải hàng hóa	37	2
1159	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Vận tải Phan Hùng	Vận tải hàng hóa	34	2
1160	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vận tải Huy Quang	Vận tải hàng hóa	31	2
1161	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vận tải Gia Bảo	Vận tải hàng hóa	27	1
1162	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vận tải Thành	Vận tải hàng hóa	20	1

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
	Long			
1163	Công Ty Cổ Phần Vận tải Và Khai thác Thuận Phát	Vận tải hàng hóa	20	1
1164	Công Ty TNHH MTV Hưng Anh	Vận tải hàng hóa	18	1
1165	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Vận tải 168	Vận tải hàng hóa	10	1
1166	Công Ty TNHH MTV Tiến Sa	Vận tải hàng hóa	8	0
1167	Hợp Tác Xã Vận tải Và Xây dựng Vân Khánh	Vận tải hàng hóa	7	0
1168	Công Ty TNHH MTV Thành Long	Vận tải hàng hóa	5	0
1169	Công Ty TNHH MTV Hồng Hà Lào Cai	Vận tải hàng hóa	4	0
1170	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Việt Thành	Vận tải hàng hóa	141	7
1171	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Dịch vụ Ngọc Thuyền	Vận tải hàng hóa	101	5
1172	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Kinh doanh Tổng hợp Minh Quân	Vận tải hàng hóa	75	4
1173	Doanh Nghiệp Tư Nhân Hoàn Hà	Vận tải hàng hóa	70	4
1174	Công ty Cổ Phần Đt Tân Hoàng Minh	Vận tải hàng hóa	66	3
1175	Công Ty TNHH Toàn Thắng	Vận tải hàng hóa	32	2
1176	Công Ty TNHH 1tv Dịch vụ Thương Mại Tổng hợp Huy Hoàng	Vận tải hàng hóa	27	1
1177	Công Ty TNHH Thương Mại XNK Và Vận tải Thống Nhất	Vận tải hàng hóa	26	1
1178	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vận tải Gia Thành	Vận tải hàng hóa	22	1
1179	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại & Dịch vụ Xuân Giao	Vận tải hàng hóa	22	1
1180	Công Ty TNHH Toàn Hà	Vận tải hàng hóa	21	1
1181	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Tổng hợp Phú Xuân	Vận tải hàng hóa	20	1
1182	Công Ty TNHH Thương Mại Tổng hợp Đức Thế Anh	Vận tải hàng hóa	20	1
1183	Doanh Nghiệp Tư Nhân Ngọc Khánh	Vận tải hàng hóa	18	1
1184	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Và Vận tải Đức Huy	Vận tải hàng hóa	18	1
1185	Công Ty TNHH 1tv Thương Mại Vận tải Trung Thành	Vận tải hàng hóa	17	1
1186	Công Ty TNHH Một Thành Viên Doanh Thu	Vận tải hàng hóa	16	1
1187	C T T N H H 1 T V Vận tải Cường Mạnh	Vận tải hàng hóa	15	1
1188	Doanh Nghiệp Tư Nhân Thủy Dương Bảo Yên	Vận tải hàng hóa	15	1
1189	Công Ty TNHH Vận tải Toàn Anh	Vận tải hàng hóa	14	1

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
1190	Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Thành An	Vận tải hàng hóa	13	1
1191	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Vận tải Quang Minh	Vận tải hàng hóa	12	1
1192	Công Ty TNHH Một Thành Viên Phúc Tâm Tài	Vận tải hàng hóa	12	1
1193	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và Vận tải Phương Linh	Vận tải hàng hóa	12	1
1194	Công Ty TNHH MTV Thương Mại TH Hồng Hà	Vận tải hàng hóa	12	1
1195	Công Ty TNHH Thương Mại Và XNK Hâm Nguyên	Vận tải hàng hóa	11	1
1196	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Và Vận tải Huy Hoàng	Vận tải hàng hóa	11	1
1197	Công Ty TNHH Và Thương Mại Đại Phát	Vận tải hàng hóa	10	1
1198	Công Ty TNHH Một Thành Viên Vận tải Dũng Việt	Vận tải hàng hóa	10	1
1199	Hợp Tác Xã Vận tải Minh Long	Vận tải hàng hóa	10	1
1200	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vận tải Đắc Thành Lào Cai	Vận tải hàng hóa	9	0
1201	Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Minh Hưng	Vận tải hàng hóa	9	0
1202	Công Ty TNHH MTV Hiệu Anh	Vận tải hàng hóa	8	0
1203	Công Ty TNHH Xây dựng Và Thương Mại Phú Hào	Vận tải hàng hóa	8	0
1204	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Hải Lan	Vận tải hàng hóa	8	0
1205	Công Ty TNHH Xây dựng Thương Mại Vận tải Hải Huy	Vận tải hàng hóa	8	0
1206	Công Ty TNHH Xây dựng Và Thương Mại Minh Khánh	Vận tải hàng hóa	7	0
1207	Công Ty TNHH Một Thành Viên Vận tải Tây Bắc	Vận tải hàng hóa	7	0
1208	Hợp Tác Xã Vận tải Đức Tuấn	Vận tải hàng hóa	6	0
1209	Công Ty TNHH Hoa Hồng Ngọc	Vận tải hàng hóa	6	0
1210	Công Ty TNHH Một Thành Viên An Hà Hưng	Vận tải hàng hóa	6	0
1211	Công Ty TNHH Thương Mại Quỳnh Lan	Vận tải hàng hóa	6	0
1212	Công Ty TNHH Vận tải Và Thương Mại Minh Phương	Vận tải hàng hóa	6	0
1213	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Và Xây dựng Phúc Thành	Vận tải hàng hóa	5	0
1214	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Hưng Thành Nam	Vận tải hàng hóa	5	0
1215	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Vận tải Ngọc Khánh	Vận tải hàng hóa	4	0
1216	Công Ty TNHH Đầu Tư Xây dựng Và Thương Mại Hưng Thịnh	Vận tải hàng hóa	4	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
1217	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và XNK Tiến Anh	Vận tải hàng hóa	4	0
1218	Công Ty TNHH MTV Vận tải Và Thương Mại Thành Long	Vận tải hàng hóa	4	0
1219	Công Ty TNHH Thương Mại Tổng Hợp Thành Xuân	Vận tải hàng hóa	3	0
1220	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Phát Triển Tâm An	Vận tải hàng hóa	3	0
1221	Hợp Tác Xã Kinh doanh Tổng hợp Xuân Quang	Vận tải hàng hóa	3	0
1222	Hợp Tác Xã Bốc Xếp & Dịch vụ Vận tải Tăng Loong	Vận tải hàng hóa	3	0
1223	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đức Thế Anh	Vận tải hàng hóa	3	0
1224	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Vận tải Long Khánh	Vận tải hàng hóa	3	0
1225	Doanh Nghiệp Tư Nhân Vận tải Trường Minh	Vận tải hàng hóa	3	0
1226	Công Ty Cổ Phần Minh Phú Đức	Vận tải hàng hóa	3	0
1227	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vận tải Hạnh Tuấn	Vận tải hàng hóa	3	0
1228	Công Ty TNHH Một Thành Viên Vận tải Phương Thanh	Vận tải hàng hóa	3	0
1229	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vận tải Hùng Thủy	Vận tải hàng hóa	3	0
1230	Công Ty TNHH Một Thành Viên Vận tải Huyền Anh	Vận tải hàng hóa	3	0
1231	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Thương Mại Minh Anh	Vận tải hàng hóa	3	0
1232	Doanh Nghiệp Tư Nhân Anh Quang Dũng	Vận tải hàng hóa	3	0
1233	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Xây dựng Ngọc Thạch	Vận tải hàng hóa	3	0
1234	Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Và Thương Mại Thanh Dương	Vận tải hàng hóa	3	0
1235	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Việt Hưng	Vận tải hàng hóa Bằng Cáp Treo	51	3
1236	Công Ty TNHH Đức Bộ	Vận tải hàng hóa Bằng Đường bộ	48	2
1237	Doanh Nghiệp Tư Nhân Lê Đại Thanh	Vận tải hàng hóa Bằng Đường bộ	14	1
1238	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Và Vận tải Mạnh Dũng	Vận tải hàng hóa Bằng Đường bộ	12	1
1239	Công Ty TNHH Thương Mại Và Vận tải Nam Việt	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	18	1
1240	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Vận tải Thành An	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	33	2



<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
1241	Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Thương Mại Linh Anh	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	30	2
1242	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Vận tải Và Tư Vấn Kỹ Thuật	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	27	1
1243	Công Ty TNHH Vận tải Mạnh Cường	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	23	1
1244	Công Ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Tân Hưng Thịnh	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	21	1
1245	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Vận tải Tổng hợp Giang Ngọc	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	20	1
1246	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Xây dựng Và Thương Mại Hưng Đạt	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	18	1
1247	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vận tải Cường Anh	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	17	1
1248	Công Ty Cổ Phần Net Group	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	13	1
1249	C T T Nh H Vận tải Tuấn Hưng	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	12	1
1250	Công Ty TNHH Một Thành Viên Hoàn Anh	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	11	1
1251	Công Ty TNHH MTV Vận tải Minh An	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	10	1
1252	Doanh Nghiệp Tư Nhân Hưng Thịnh	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	9	0
1253	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thắng Linh	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	8	0
1254	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Hòa Thắng	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	7	0
1255	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Và Vận tải Trường Thành	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	7	0
1256	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vận tải Ngọc Duy	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	5	0
1257	Công Ty TNHH Dũng Trí	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	5	0
1258	Công Ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương Mại Và Vận tải Ngân Hà	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	5	0
1259	Công Ty TNHH Một Thành Viên Hoàng Sáng	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	4	0
1260	Công Ty TNHH Một Thành Viên Trường Thành 588	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô	3	0
1261	Công Ty TNHH Một Thành Viên Vận tải Minh Hùng	Vận tải hàng hóa Bằng ô tô.	23	1
1262	Công Ty TNHH MTV Vận tải Thái Sơn	Vận tải hàng hóa Đường bộ	38	2
1263	Công Ty TNHH Tổng hợp An Dân	Vận tải hàng hóa	30	2

TT	Tên Doanh nghiệp	Ngành nghề Kinh doanh	Số lao động	Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm
		Đường bộ		
1264	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Và Thương Mại Khánh Phương	Vận tải hàng hóa Đường bộ	25	1
1265	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Xuất nhập khẩu Bảo An	Vận tải hàng hóa Đường bộ	15	1
1266	Công Ty TNHH XNK Vận tải Thái Minh	Vận tải hàng hóa Đường bộ	6	0
1267	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải T&d	Vận tải hàng hóa Đường bộ	5	0
1268	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Dịch vụ Cường Phát	Vận tải hàng hóa Đường bộ	4	0
1269	Công Ty TNHH Xuất nhập khẩu Đình Sơn	Vận tải hàng hóa Đường bộ	3	0
1270	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vận tải Hoàng Huy	Vận tải hàng hóa Đường bộ Bảng ô tô	8	0
1271	Công Ty TNHH Một Thành Viên Hương Giang	Vận tải hàng hóa Đường Sông	17	1
1272	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Bắc Sông Hồng	Vận tải hàng hóa Đường Thủy	34	2
1273	Hợp Tác Xã Bắc Nam	Vận tải hàng hóa Đường Thủy	15	1
1274	Công Ty TNHH Xuất nhập khẩu Và Dịch vụ Vận tải Trường Phi	Vận tải hàng hóa Đường Thủy	4	0
1275	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vận tải hàng hóa Hữu Nghị	Vận tải hàng hóa ô tô	4	0
1276	Công Ty TNHH Vận tải Quang Thành	Vận tải hàng hóa ô tô	18	1
1277	Công Ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Vận tải Và Thương Mại Nam Vương	Vận tải hàng hóa ô tô	15	1
1278	Công Ty TNHH Vận tải Hà Sơn - Hải Vân	Vận tải hành khách	380	19
1279	Công Ty Cổ Phần Vận tải Lào Cai	Vận tải hành khách	116	6
1280	Công Ty TNHH Dịch vụ Và Du Lịch Toàn Cầu	Vận tải hành khách	30	2
1281	Hợp Tác Xã Vận tải Linh Trang	Vận tải hành khách	20	1
1282	Doanh Nghiệp Tư Nhân Vận tải hành khách Bảo Long	Vận tải hành khách	15	1
1283	Công Ty TNHH Hoài Nam	Vận tải hành khách	10	1
1284	Doanh Nghiệp Tư Nhân Vận tải Văn Ngọc	Vận tải hành khách	6	0
1285	Công Ty TNHH Thương Mại Tân Bình	Vận tải hành khách	6	0
1286	Hợp Tác Xã Vận tải hành khách Hải Nam	Vận tải hành khách	5	0
1287	Doanh Nghiệp Tư Nhân Thanh Bảo	Vận tải hành khách	3	0
1288	Công Ty TNHH Vận tải Du Lịch Hoàng Anh	Vận tải hành khách Bảng ô tô	22	1
1289	Công Ty TNHH Hùng Minh	Vận tải hành khách	7	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
		Băng ô tô		
1290	Công Ty Cổ Phần Vận tải Và Thương Mại Minh Thành Phát	Vận tải hành khách Băng tắc xy	54	3
1291	Công Ty TNHH XNK Thành Công	Vận tải hành khách Băng tắc xy	20	1
1292	Công Ty TNHH Một Thành Viên Hùng Vương	Vận tải hành khách Băng tắc xy	13	1
1293	Công Ty TNHH Một Thành Viên Hải Yến	Vận tải hành khách Băng tắc xy	9	0
1294	Công Ty TNHH MTV Vũ Lâm	Vận tải hành khách Băng tắc xy	9	0
1295	Công Ty Cổ Phần Vận tải Du Lịch Hà Sơn	Vận tải hành khách Băng Xe Buýt	106	5
1296	Công Ty TNHH Vận tải Và Du Lịch Ân Tình	Vận tải hành khách Băng Xe Khách	9	0
1297	Hợp Tác Xã Dịch vụ Vận tải Du Lịch Hùng Dũng	Vận tải hành khách Du Lịch Đường Sông	12	1
1298	Công Ty TNHH Một Thành Viên Năng Vũ	Vận tải hành khách Tắc xy	9	0
1299	Công Ty TNHH Thanh Thủy	Vận tải hành khách Tắc xy	45	2
1300	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Hiếu Hồng	Vận tải hành khách Tắc xy	31	2
1301	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Taxi Phan Xi Păng	Vận tải hành khách Tắc xy	16	1
1302	Doanh Nghiệp Tư Nhân Vận tải Trần Phương	Vận tải hành khách Xe ô tô	30	2
1303	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch vụ Minh Thành Phát	Vận tải Khách	124	6
1304	Công Ty TNHH MTV Vận tải Thịnh Phát	Vận tải Hàng Hóa Băng ô tô	13	1
1305	Công Ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Hoàng Yến	Vệ sinh Công Nghiệp	115	6
1306	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Môi Trường Tây Bắc	Vệ sinh Công Nghiệp	25	1
1307	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch vụ Công Nghiệp Nhà Việt	Vệ sinh Nhà	3	0
1308	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch vụ Chân Trời Việt	Viết Phần Mềm Máy Trính	3	0
1309	Công Ty TNHH MTV MTV Trung Hậu	Vui Chơi Giải Trí Thiếu Nhi	10	1
1310	Công Ty TNHH Itv Bình Việt	Xây dựng	5	0
1311	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Long Giang	Xây dựng	316	16

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
1312	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây dựng Sapa	Xây dựng	219	11
1313	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Hoàng Gia	Xây dựng	80	4
1314	Công Ty TNHH Đầu Tư Xây dựng Và Phát Triển Thành Đạt	Xây dựng	80	4
1315	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Nam Phong	Xây dựng	44	2
1316	Công Ty TNHH 1tv Nguyên Tùng Lào Cai	Xây dựng	38	2
1317	Doanh Nghiệp Tư Nhân Trung Thành	Xây dựng	35	2
1318	Công Ty TNHH Thiên Đạt	Xây dựng	26	1
1319	Công Ty TNHH Xây dựng Thương Mại Linama	Xây dựng	21	1
1320	Công Ty TNHH Thương Mại Và Xây dựng Minh Châu	Xây dựng	20	1
1321	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Và Thương Mại Đại Thành Sơn	Xây dựng	12	1
1322	Công Ty TNHH Một Thành Viên Sản Xuất Và Thương Mại Hoàng Bảo	Xây dựng	8	0
1323	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Và Lâm Nghiệp	Xây dựng	6	0
1324	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Quang Tám	Xây dựng	3	0
1325	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Phú Quý Lào Cai	Xây dựng Công trình dân dụng	13	1
1326	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Xây dựng Thiên Phú	Xây dựng Công trình Nước Sạch	7	0
1327	Doang Nghiệp Xây Lắp Thành Long	Xây dựng Các Công trình dân dụng	125	6
1328	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Ngọc Bích	Xây dựng Các Công trình dân dụng	52	3
1329	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây dựng Lào Cai	Xây dựng Các Công trình dân dụng	12	1
1330	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Minh Thắng	Xây dựng Cầu	26	1
1331	Công Ty TNHH Đầu Tư Xây dựng Conic	Xây dựng Cầu	19	1
1332	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây dựng & Thương Mại Số 1 Lào Cai	Xây dựng Cầu Đường	431	22
1333	Công Ty Cổ Phần Xây dựng Và Dịch vụ An Phú Minh	Xây dựng Cầu Đường	22	1
1334	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Xây dựng 68	Xây dựng Cầu Đường, Thủy lợi	26	1
1335	Công Ty TNHH Hồng Hảo	Xây dựng Chợ	26	1
1336	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Công trình Phương Duyên	Xây dựng Chợ	20	1
1337	Công Ty TNHH Xây dựng Minh Cẩn	Xây dựng Chuyên	26	1

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
		Dựng		
1338	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng An Thái Dương	Xây dựng Chuyên Dựng	9	0
1339	Công Ty TNHH Đông Hải	Xây dựng Cơ Bản	178	9
1340	Công Ty TNHH MTV Tuấn Minh Tú	Xây dựng Công ích	29	1
1341	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Và Thương Mại Tiến Lộc	Xây dựng Công ích	19	1
1342	Công Ty TNHH ltv Xây dựng Long Hà Lào Cai	Xây dựng Công ích	12	1
1343	Công Ty TNHH Minh Thuận	Xây dựng Cổng Thoát Nước Nền Đường	218	11
1344	Công Ty TNHH Đầu Tư Xây dựng Thành Trung	Xây dựng Công trình	368	18
1345	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Hải Quân Lào Cai	Xây dựng Công trình	56	3
1346	Công Ty Cổ Phần Đt Xây dựng Đức Anh	Xây dựng Công trình	40	2
1347	Công Ty TNHH MTV Hoàng Thái	Xây dựng Công trình	40	2
1348	Công Ty TNHH MTV Tâm Uy	Xây dựng Công trình	40	2
1349	Công Ty TNHH An Trường Phú	Xây dựng Công trình	32	2
1350	Công Ty TNHH Xây Lắp Thương Mại Hoàng Sơn	Xây dựng Công trình	20	1
1351	Công Ty TNHH Tân Cao Đại	Xây dựng Công trình	6	0
1352	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Trang Huy	Xây dựng Công trình Giao Thông Thủy lợi	30	2
1353	Doanh Nghiệp Tư Nhân Xây dựng Anh Đạt	Xây dựng Công trình Cấp Thoát Nước	9	0
1354	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Tổng hợp Đức Minh	Xây dựng Công trình Công ích	218	11
1355	Công Ty TNHH Vũ Thành	Xây dựng Công trình Công ích	52	3
1356	Doanh Nghiệp Tn Xây Lắp Nậm Thi	Xây dựng Công trình Công ích	25	1
1357	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Hải Đăng	Xây dựng Công trình Công ích	11	1
1358	C T Cổ Phần Đt Xây dựng Và Phát Triển Năng Lượng Phúc Khánh	Xây dựng Công trình Công Nghiệp	368	18
1359	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Thương Mại Hải Hậu	Xây dựng Công trình dân dụng	256	13
1360	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Và Thương Mại Quỳnh An	Xây dựng Công trình dân dụng	65	3
1361	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Và Thương Mại Hà Nam Lào Cai	Xây dựng Công trình dân dụng	28	1
1362	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Đình Việt Hùng	Xây dựng Công trình	28	1

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
		dân dụng		
1363	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Xây dựng Minh Thanh	Xây dựng Công trình dân dụng	23	1
1364	Công Ty TNHH Quốc Việt	Xây dựng Công trình dân dụng	22	1
1365	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Và Thương Mại Hoàng Hà	Xây dựng Công trình dân dụng	15	1
1366	Công Ty TNHH Xây dựng Phương Hùng	Xây dựng Công trình dân dụng	14	1
1367	Công Ty TNHH Quang Thuận	Xây dựng Công trình dân dụng	12	1
1368	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Mai Luận	Xây dựng Công trình dân dụng	3	0
1369	Công Ty TNHH Quang Huy	Xây dựng Công trình Điện	102	5
1370	Công Ty TNHH Xây dựng Hạ Tầng Quyết Tiến	Xây dựng Công trình Đường	106	5
1371	Công Ty TNHH Xây dựng Hoàng Tuấn	Xây dựng Công trình Đường bộ	106	5
1372	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Sao Việt	Xây dựng Công trình Đường bộ	15	1
1373	Công Ty TNHH Song Hà	Xây dựng Công trình Đường bộ	14	1
1374	Công Ty Cổ Phần Xây dựng Tâm An Lao Cai	Xây dựng Công trình Giao Thông	234	12
1375	Công Ty Cổ Phần Xây dựng Và Phát Triển Tiến Thành	Xây dựng Công trình Giao Thông	50	3
1376	Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Xây dựng Đường bộ 1	Xây dựng Công trình Giao Thông	37	2
1377	Công Ty Cổ Phần Act	Xây dựng Công trình Giao Thông Thủy lợi	529	26
1378	Công Ty TNHH MTV Khẩn Vân	Xây dựng Công trình Kỹ Thuật Dân dụng	6	0
1379	Doanh Nghiệp Anh Đức	Xây dựng Công trình Kỹ Thuật	137	7
1380	Công Ty TNHH Bắc Hà	Xây dựng Công trình Kỹ Thuật Dân dụng	77	4
1381	Công Ty TNHH Vật Tư Xây lắp điện Vũ Yên	Xây dựng Công trình Kỹ Thuật Dân dụng ( Điện )	302	15
1382	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Thủy Bình	Xây dựng Công trình Nhà	42	2
1383	Công Ty TNHH Một Thành Viên Vận tải Anh Tú	Xây dựng Công trình Nhà	6	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
1384	Công Ty TNHH Đầu Tư Xây dựng Hoàng Liên	Xây dựng Công trình Nhà	4	0
1385	Doanh Nghiệp Tư Nhân Tùng Long	Xây dựng Công trình Nhà Không để ở	161	8
1386	Công Ty TNHH Mạnh Trường	Xây dựng Công trình Nhà ở	40	2
1387	Công Ty TNHH MTV Xây dựng và Thương Mại Bắc Long	Xây dựng Công trình Thủy Điện	60	3
1388	Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Thủy Điện Và Khai thác Khoáng Sản Việt Trung	Xây dựng Công trình Thủy Điện	58	3
1389	Doanh Nghiệp Hồng Hợi	Xây dựng Công trình Thủy lợi	64	3
1390	Công Ty TNHH Xây dựng Cao Minh	Xây Dựng Dân dụng	56	3
1391	Công Ty TNHH Chiến Thắng	Xây dựng Dân dụng	437	22
1392	Công Ty TNHH MTV P H P	Xây dựng Dân dụng	270	14
1393	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Đầu Tư Xây dựng Hoàng Nguyên	Xây dựng Dân dụng	250	13
1394	Công Ty TNHH Xây dựng Th Minh Đức	Xây dựng Dân dụng	212	11
1395	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xây dựng Lào Cai	Xây dựng Dân dụng	211	11
1396	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Hồng Phát	Xây dựng Dân dụng	196	10
1397	Công Ty TNHH Xây dựng Công trình Tuấn Vũ	Xây dựng Dân dụng	170	9
1398	Công Ty Cổ Phần Xây dựng Cầu Lào Cai	Xây dựng Dân dụng	154	8
1399	Công Ty TNHH Minh Quang	Xây dựng Dân dụng	150	8
1400	Công Ty TNHH Hoàng Sơn	Xây dựng Dân dụng	146	7
1401	Công Ty TNHH Xuân Hoà	Xây dựng Dân dụng	143	7
1402	Công Ty TNHH Dung Mạnh	Xây dựng Dân dụng	118	6
1403	Doanh Nghiệp Tư Nhân Cao Sơn	Xây dựng Dân dụng	84	4
1404	Công Ty TNHH Đầu Tư Xây dựng Phúc Minh	Xây dựng Dân dụng	80	4
1405	Công Ty TNHH MTV Huy Hùng	Xây dựng Dân dụng	79	4
1406	Công Ty TNHH Tân Hoàng	Xây dựng Dân dụng	71	4
1407	Công Ty TNHH Cao Hà	Xây dựng Dân dụng	58	3
1408	Công Ty TNHH MTV Thành Long 38	Xây dựng Dân dụng	55	3
1409	Công Ty TNHH Tú Liên	Xây dựng Dân dụng	54	3
1410	Công Ty TNHH Tân Mạnh Cường	Xây dựng Dân dụng	50	3
1411	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây dựng Hương Giang	Xây dựng Dân dụng	50	3
1412	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Hà Thành	Xây dựng Dân dụng	42	2
1413	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Minh Anh	Xây dựng Dân dụng	42	2

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
1414	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Quang Minh Tùng	Xây dựng Dân dụng	40	2
1415	Công Ty TNHH Một Thành Viên Văn Tịnh	Xây dựng Dân dụng	40	2
1416	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Tổng hợp Hoàng Long	Xây dựng Dân dụng	36	2
1417	Công Ty TNHH Việt Cường	Xây dựng Dân dụng	35	2
1418	Công Ty TNHH 1-5	Xây dựng Dân dụng	30	2
1419	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Đức Thiện	Xây dựng Dân dụng	28	1
1420	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng Hồng Đức	Xây dựng Dân dụng	25	1
1421	Công Ty TNHH Đt Xây dựng Minh Hương	Xây dựng Dân dụng	24	1
1422	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Tổng hợp Việt Mỹ	Xây dựng Dân dụng	23	1
1423	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Đầu Tư Xây dựng Phúc Đạt	Xây dựng Dân dụng	19	1
1424	Công Ty TNHH MTV Đình Tiến	Xây dựng Dân dụng	18	1
1425	Công Ty Xây Lắp Công trình Văn Quang	Xây dựng Dân dụng	15	1
1426	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây dựng Và Thương Mại Xuân Sơn	Xây dựng Dân dụng	15	1
1427	Công Ty TNHH Bình Dương	Xây dựng Dân dụng	14	1
1428	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Hợp Thịnh	Xây dựng Dân dụng	14	1
1429	Doanh Nghiệp Tư Nhân Dương Thụ	Xây dựng Dân dụng	13	1
1430	Công Ty TNHH Hồng Hiệp	Xây dựng Dân dụng	11	1
1431	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây Lắp Sơn Đông	Xây dựng Dân dụng	11	1
1432	Công Ty TNHH Xây dựng Tổng hợp 389	Xây dựng Dân dụng	10	1
1433	Công Ty TNHH Xây dựng Th Tây Bắc	Xây dựng Dân dụng	10	1
1434	Công Ty TNHH Đầu Tư Và Xây dựng Anh Quốc	Xây dựng Dân dụng	10	1
1435	Công Ty TNHH Xây dựng Thương Mại Tổng hợp Bảo An	Xây dựng Dân dụng	10	1
1436	Hợp Tác Xã Công Khánh	Xây dựng Dân dụng	8	0
1437	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Đầu Tư Xây dựng Như ý	Xây dựng Dân dụng	7	0
1438	Công Ty Đầu Tư Xây dựng Và Phát Triển Năng Lượng Lào Cai	Xây dựng Dân dụng	5	0
1439	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây dựng Đức Duy	Xây dựng Dân dụng	5	0
1440	Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư Xây dựng 18	Xây dựng Dân dụng	5	0
1441	Công Ty TNHH Tổng hợp Trung Gia Bảo	Xây dựng Dân dụng	5	0



<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
1442	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Chung Toàn Phát	Xây dựng Dân dụng	4	0
1443	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xuân Trường	Xây dựng Dân dụng	3	0
1444	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Anh Kiên	Xây dựng Dân dụng	3	0
1445	Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Quang Huy	Xây dựng Dân dụng	3	0
1446	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Tổng hợp Bảo Khanh	Xây dựng Dân dụng	3	0
1447	Công Ty TNHH Phước Thành	Xây dựng Dân Dụng Đường bộ	23	1
1448	Công Ty TNHH Sáng Sơn	Xây dựng Dân dụng	97	5
1449	Tổng Công Ty Đầu Tư Xây dựng Quyết Tiến	Xây dựng Đường	241	12
1450	Công Ty Cổ Phần Quyết Tiến Hà Thành	Xây dựng Đường	141	7
1451	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Hoàng Liên Thanh	Xây dựng Đường	112	6
1452	Công Ty TNHH Quyết Tiến Tây Bắc	Xây dựng Đường	70	4
1453	CNg Ty TNHH Đầu Tư Xây dựng Sáu Hai Tám	Xây dựng Đường	69	3
1454	Công Ty TNHH Thương Mại, Tổng hợp Thịnh Thành	Xây dựng Đường	66	3
1455	Công Ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Thiên Hải Hà	Xây dựng Đường	65	3
1456	Công Ty TNHH Xây dựng Thương Mại Bắc Hà	Xây dựng Đường	60	3
1457	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Tổng hợp Linh Anh	Xây dựng Đường	60	3
1458	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Và Thương Mại Gia Hưng	Xây dựng Đường	52	3
1459	Công Ty TNHH Xây dựng Cầu Đường Quảng Tây Trung Quốc	Xây dựng Đường	25	1
1460	Doanh Nghiệp Tn Xây Lắp Sơn Đông	Xây dựng Đường	20	1
1461	Công Ty TNHH MTV Quang Linh	Xây dựng Đường	20	1
1462	Công Ty TNHH Đức Thành	Xây dựng Đường	17	1
1463	Công Ty TNHH Khánh Vân I I	Xây dựng Đường	16	1
1464	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây dựng Châu Thành	Xây dựng Đường	15	1
1465	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Thương Mại Q A	Xây dựng Đường	6	0
1466	Công Ty TNHH Xây dựng Công trình Số 8	Xây dựng Đường bộ	40	2
1467	Công Ty Cổ Phần Xây dựng Việt Thái	Xây dựng Đường bộ	73	4
1468	Công Ty TNHH Thương Mại Xây dựng Tổng hợp Hà Thành	Xây dựng Đường bộ	28	1
1469	Công Ty Cổ Phần Việt Xanh	Xây dựng Đường bộ	6	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
1470	Công Ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Và Thương Mại Tân á Châu	Xây dựng Đường giao thông	300	15
1471	Công Ty Cổ Phần Xây dựng Tổ Uyên	Xây dựng Đường giao thông	72	4
1472	Công Ty TNHH Một Thành Viên Mạnh Đức	Xây dựng Đường giao thông	63	3
1473	Công Ty Cổ Phần Tây Bắc	Xây dựng Đường giao thông	20	1
1474	Công Ty TNHH Xây dựng Và Thương Mại Nam Hải	Xây dựng Đường giao thông	9	0
1475	Công Ty TNHH Hoàng Lợi	Xây dựng Đường giao thông	8	0
1476	Công Ty TNHH Xây Lắp Và Thương Mại Hoàng Tú	Xây dựng Giao Thông	78	4
1477	Doanh Nghiệp Tư Nhân Hoàng Hanh	Xây dựng Giao Thông	32	2
1478	Công Ty TNHH Nhạc Sơn	Xây dựng Giao Thông Thủy lợi	105	5
1479	C T T N H H Đông Đô	Xây dựng Giao Thông, Thủy lợi	134	7
1480	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Xây dựng Ngọc Nhi	Xây dựng Hồ Thủy lợi	9	0
1481	Công Ty Cổ Phần Số 1 Sông Hồng	Xây dựng Kè Phân Lô Khu Đô Thị Kosy Bình Minh	20	1
1482	Công Ty TNHH Khánh Dư	Xây dựng Kỹ Thuật Dân dụng	14	1
1483	Công Ty Cổ Phần Xây dựng Cấp Thoát Nước Lào Cai	Xây dựng Lắp Đặt Hệ Thống Nước	18	1
1484	Công Ty TNHH Một Thành Viên Định Nghĩa	Xây dựng Mặt Bằng	70	4
1485	Công Ty TNHH Đt Xây dựng Đức Tuấn	Xây dựng Nhà	415	21
1486	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Trường Sơn	Xây dựng Nhà	210	11
1487	Công Ty Xây dựng Thái Lào	Xây dựng Nhà	177	9
1488	Công Ty TNHH DT Xây dựng Mạnh Đạt	Xây dựng Nhà	170	9
1489	Công Ty TNHH Phúc Anh	Xây dựng Nhà	154	8
1490	Công TNHH MTV Công Minh	Xây dựng Nhà	145	7
1491	53 Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Tổng hợp Đức Mạnh.	Xây dựng Nhà	134	7
1492	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Xây dựng Trường Sơn	Xây dựng Nhà	89	4
1493	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Trung Đức Lào Cai	Xây dựng Nhà	82	4
1494	Công Ty TNHH Một Thành Viên Quang Tạo	Xây dựng Nhà	77	4

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
1495	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Và Xây dựng Khánh Anh	Xây dựng Nhà	76	4
1496	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Sỹ Khởi	Xây dựng Nhà	75	4
1497	Công Ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Đức Mạnh	Xây dựng Nhà	60	3
1498	Công Ty Xây dựng Nhật Huy	Xây dựng Nhà	56	3
1499	Công Ty TNHH Đầu Tư Xây dựng Thương Mại 168	Xây dựng Nhà	50	3
1500	Công Ty TNHH MTV Hoạt động Xây dựng Công Nghiệp	Xây dựng Nhà	43	2
1501	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Và Thương Mại Thành Phát	Xây dựng Nhà	42	2
1502	Công Ty TNHH Yến Thái Nguyên	Xây dựng Nhà	40	2
1503	Công Ty TNHH Quỳnh Lan	Xây dựng Nhà	37	2
1504	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & Xây dựng Tổng hợp Vĩnh Phúc	Xây dựng Nhà	31	2
1505	Công Ty TNHH Phú Long	Xây dựng Nhà	30	2
1506	Công Ty TNHH Xây dựng Ngọc Anh	Xây dựng Nhà	30	2
1507	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây dựng Công trình Tây Bắc	Xây dựng Nhà	30	2
1508	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Xây dựng Quang Anh	Xây dựng Nhà	27	1
1509	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Sơn Hà	Xây dựng Nhà	27	1
1510	Doanh Nghiệp Quang Vinh	Xây dựng Nhà	26	1
1511	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Hoa Khiêm	Xây dựng Nhà	25	1
1512	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Tổng hợp Nam Hải	Xây dựng Nhà	23	1
1513	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thái Thụy	Xây dựng Nhà	22	1
1514	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Tiến Hợp Thành	Xây dựng Nhà	22	1
1515	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Và Xây dựng Nam Phong	Xây dựng Nhà	21	1
1516	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Xây dựng Hùng Mạnh	Xây dựng Nhà	21	1
1517	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Du Lịch Và Xây dựng Việt Nam	Xây dựng Nhà	18	1
1518	Công Ty TNHH Thương Mại Xuất nhập khẩu Đức Mạnh	Xây dựng Nhà	17	1
1519	Công Ty TNHH 1 Thành Viên 45	Xây dựng Nhà	16	1
1520	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Linh Anh	Xây dựng Nhà	15	1
1521	Công Ty TNHH MTV Tô An	Xây dựng Nhà	14	1
1522	Công Ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Thái	Xây dựng Nhà	13	1

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
	Dương			
1523	Công Ty TNHH MTV Kiến Trúc Phong Thủy An Việt	Xây dựng Nhà	13	1
1524	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Thương Mại Anh Chi	Xây dựng Nhà	7	0
1525	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Phú Xuân	Xây dựng Nhà	6	0
1526	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Hải Vân	Xây dựng Nhà	6	0
1527	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Tổng hợp Thiên Long	Xây dựng Nhà	3	0
1528	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Hoàng Liên	Xây dựng Nhà	3	0
1529	Công Ty TNHH MTV Hồng Hải	Xây dựng Nhà	3	0
1530	Công Ty TNHH Phúc Bình	Xây dựng Nhà	850	43
1531	Công Ty Cổ Phần Nam Tiến Lào Cai	Xây dựng Nhà	544	27
1532	Công Ty TNHH Đầu Tư Xây dựng Quang Sáng	Xây dựng Nhà	311	16
1533	Công Ty TNHH Anh Nguyên	Xây dựng Nhà	280	14
1534	Công Ty Cổ Phần Xây dựng Lào Cai	Xây dựng Nhà	214	11
1535	Công Ty TNHH Xây dựng An Hoàng Thịnh	Xây dựng Nhà	199	10
1536	Doanh Nghiệp Tư Nhân Hoàng Phương	Xây dựng Nhà	180	9
1537	Doanh Nghiệp Tư Nhân Xây dựng Hoàng Anh	Xây dựng Nhà	155	8
1538	Công Ty TNHH Đt Xây dựng Việt Vinh	Xây dựng Nhà	148	7
1539	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Hùng Nga	Xây dựng Nhà	130	7
1540	Công Ty TNHH Duy Toàn Bắc Hà	Xây dựng Nhà	105	5
1541	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Hiền Hoà Lào Cai	Xây dựng Nhà	103	5
1542	Công Ty TNHH MTV Huy Vọng	Xây dựng Nhà	102	5
1543	Công Ty TNHH Xây dựng Dịch Vụ Gia Bảo	Xây dựng Nhà	100	5
1544	Công Ty TNHH Phát Triển Hoàng Phát	Xây dựng Nhà	91	5
1545	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Thành Đạt	Xây dựng Nhà	90	5
1546	Công Ty TNHH Viết Trường	Xây dựng Nhà	85	4
1547	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thái Sơn	Xây dựng Nhà	82	4
1548	Công Ty Cổ Phần Xây dựng Và Thương Mại Mê Linh	Xây dựng Nhà	80	4
1549	Công Ty Cổ Phần Xây dựng Số 2 Lào Cai	Xây dựng Nhà	74	4
1550	Doanh Nghiệp Tư Nhân Trung Huyền	Xây dựng Nhà	65	3
1551	Doanh Nghiệp Xây dựng Thế Hùng	Xây dựng Nhà	64	3

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
1552	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đức Toàn	Xây dựng Nhà	61	3
1553	Công Ty Cổ Phần Sông Hồng	Xây dựng Nhà	60	3
1554	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Linh Hoạt	Xây dựng Nhà	48	2
1555	Doanh Nghiệp Tư Nhân Thành Dũng	Xây dựng Nhà	44	2
1556	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Tân Thịnh	Xây dựng Nhà	37	2
1557	Công Ty TNHH Itv ánh Dương Mường Khương	Xây dựng Nhà	36	2
1558	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Anh Việt	Xây dựng Nhà	31	2
1559	Công Ty TNHH đầu Tư Xây dựng Mạnh Cường	Xây dựng Nhà	29	1
1560	Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Xây dựng Thành Công	Xây dựng Nhà	28	1
1561	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây dựng Hạ Tầng Và Phát Triển Nông Thôn Chí Thành	Xây dựng Nhà	28	1
1562	Doanh Nghiệp Tư Nhân Quỳnh Trang	Xây dựng Nhà	27	1
1563	Công Ty TNHH Tâm Anh	Xây dựng Nhà	26	1
1564	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Xây dựng Ngọc Hoa	Xây dựng Nhà	24	1
1565	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Bảo Sơn	Xây dựng Nhà	23	1
1566	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Và Vận tải Quang Minh	Xây dựng Nhà	22	1
1567	Công Ty TNHH Hùng Thịnh	Xây dựng Nhà	21	1
1568	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Bảo Đăng	Xây dựng Nhà	20	1
1569	Công Ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Tiền Hải	Xây dựng Nhà	18	1
1570	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và Xây dựng Thanh Ba	Xây dựng Nhà	18	1
1571	Công Ty TNHH Đầu Tư Và Xây dựng Quang Thanh	Xây dựng Nhà	18	1
1572	Công Ty TNHH MTV Thương Mại XNK Minh Phương	Xây dựng Nhà	17	1
1573	Công Ty TNHH MTV Huyện Văn Bàn	Xây dựng Nhà	16	1
1574	Công Ty TNHH Xây dựng & Thương Mại Trường Thành	Xây dựng Nhà	15	1
1575	Công Ty TNHH Xây dựng Và Thương Mại Nam Thái	Xây dựng Nhà	14	1
1576	Công Ty TNHH Thương Mại Và Xây dựng Thảo Nguyên	Xây dựng Nhà	14	1
1577	Doanh Nghiệp Tư Nhân Đức Khoa	Xây dựng Nhà	13	1
1578	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Nam Việt	Xây dựng Nhà	13	1
1579	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Đoàn Anh	Xây dựng Nhà	12	1
1580	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Tuấn Cảnh	Xây dựng Nhà	8	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
1581	Công Ty TNHH Itv Thương Mại Tổng hợp Hoàng Tùng	Xây dựng Nhà	8	0
1582	Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Xây dựng á Đông	Xây dựng Nhà	8	0
1583	Công Ty TNHH Thuật Thu	Xây dựng Nhà	7	0
1584	Công Ty TNHH Vinh Quang Thịnh	Xây dựng Nhà	7	0
1585	Công Ty TNHH Thương Mại Th Phú Hưng	Xây dựng Nhà	7	0
1586	Công Ty TNHH Xây Lắp 68	Xây dựng Nhà	6	0
1587	Công Ty TNHH Thương Mại Tổng hợp Và Xây dựng Cường Thịnh	Xây dựng Nhà	6	0
1588	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Tùng Dương	Xây dựng Nhà	5	0
1589	Công Ty TNHH Thương Mại Vận tải Trung Hải	Xây dựng Nhà	5	0
1590	Công Ty TNHH MTV Kinh doanh Tổng hợp Minh Đức	Xây dựng Nhà	5	0
1591	Doanh Nghiệp Tư Nhân Nguyễn Xuân Chiến	Xây dựng Nhà	5	0
1592	Công Ty Cổ Phần Xây dựng Dân dụng XNK Tây Bắc	Xây dựng Nhà	5	0
1593	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây dựng Và Thương Mại Hlc	Xây dựng Nhà	5	0
1594	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Thương Mại Nam Giao	Xây dựng Nhà	5	0
1595	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Và Thương Mại Tây Bắc	Xây dựng Nhà	4	0
1596	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Xây dựng Gia Phú	Xây dựng Nhà Công Vụ Giáo Viên	27	1
1597	Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Vinh Phát	Xây dựng Nhà không để ở	190	10
1598	Công Ty T N H H M T V Thuận Quang Lào Cai	Xây dựng Nhà không để ở	10	1
1599	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thịnh Yên	Xây dựng Nhà không để ở	4	0
1600	Công Ty TNHH MTV Sơn Long Tsl	Xây dựng Nhà không để ở	3	0
1601	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Và Thương Mại Hà Dương	Xây dựng Nhà không Để ở	54	3
1602	Hợp Tác Xã Lâm Thắng	Xây dựng Nhà ở	5	0
1603	Công Ty Cổ Phần Đường bộ Lào Cai	Xây dựng Quản Lý Bảo Trì Giao Thông Đường bộ	355	18
1604	Công Ty TNHH MTV XNK Thương Mại Và Xây dựng Duyên Hải	Xây dựng Sửa Chữa Nhà Máy Luyện Đồng Lào Cai	30	2
1605	Công Ty TNHH Huy Phong	Xây dựng Thủy Điện	348	17

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
1606	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Hoàng Liên Sơn	Xây dựng Thủy Điện	70	4
1607	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thủy Dương	Xây dựng Thủy Lợi	17	1
1608	Công Ty TNHH Xây dựng Hoàng Cường	Xây dựng Thủy Lợi	9	0
1609	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Đại Hưng	Xây dựng Thủy lợi	252	13
1610	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vũ Thắng	Xây dựng Thủy lợi	46	2
1611	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Đức Huy	Xây dựng Thủy lợi	13	1
1612	Công Ty TNHH Hoàng Dương	Xây dựng Thủy lợi	7	0
1613	Công Ty TNHH Xây Lắp Thiên Long	Xây dựng Thủy lợi	6	0
1614	Công Ty TNHH Phúc Thọ	Xây dựng Thủy lợi	6	0
1615	Doanh Nghiệp Tư Nhân Hoài Sỹ	Xây dựng Thủy lợi	3	0
1616	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại Thanh Thịnh	Xây dựng Thủy lợi	3	0
1617	Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Mới	Xây dựng Trạm Biến áp 110 Kv	63	3
1618	Công Ty TNHH MTV Công trình Phúc Hưng	Xây dựng Trường Học	80	4
1619	Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Xây dựng Đại Thành	Xây dựng Trường Học	47	2
1620	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thiên Mai	Xây dựng Trường Học, Thủy Lợi	130	7
1621	Công Ty TNHH Xây Dựng Hồng Thái	Xây dựng Thủy lợi	205	10
1622	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Công Sen	gây lắp điện	280	14
1623	Công Ty TNHH Tư vấn Xây dựng Điện Huy Hoàng	Xây lắp điện	75	4
1624	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vận tải Lan Phương	Xây lắp điện	25	1
1625	Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Hải Vinh Lào Cai	Xây lắp điện	20	1
1626	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thủy Long	Xây lắp điện	20	1
1627	Công Ty TNHH Quang Đăng	Xây lắp điện	3	0
1628	Công Ty TNHH Xây dựng 19-8	Xây Lắp Phòng Cháy Chữa Cháy	47	2
1629	Công Ty TNHH Đại Dương	Xây Nhà công ích	3	0
1630	Ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Hùng Vương	Xây Nhà	5	0
1631	Công Ty TNHH MTV Lên Đồng Tiến	Xây Nhà	3	0
1632	Hợp Tác Xã Nông Lâm Nghiệp Hồng Thắng	Xấy Sắn khô	3	0
1633	Hợp Tác Xã Ngọc Lợi	Xẻ Gỗ	3	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
1634	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Lâm Sản Đức Anh	Xẻ gỗ	3	0
1635	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Mộc Dân dụng Hải Anh	Xẻ gỗ cốt pha	5	0
1636	Công Ty Cổ Phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu Việt Tú	Xnk Gạo, Sắn	121	6
1637	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xuất nhập khẩu Vận Đạt	Xnk Máy móc công nghiệp	3	0
1638	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và Xuất nhập khẩu Cường Anh	Xnk Máy móc công trình	18	1
1639	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Thương Mại XNK Đại Thành	Xnk Máy móc công trình	10	1
1640	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xuất nhập khẩu Bình Nguyên	Xnk Phân bón	7	0
1641	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại XNK Thành Phát	Xnk Phân bón	3	0
1642	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Xuất nhập khẩu Thành Phát	Xnk Quặng	3	0
1643	Công Ty TNHH Thịnh Phú	Xnk Quặng Sắt	14	1
1644	Công Ty TNHH Đầu Tư Và Xuất nhập khẩu Đại Nghĩa	Xnk Rau Quả	15	1
1645	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xuất nhập khẩu Mai Linh	Xnk Rau Quả	2	0
1646	Công Ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu Tùng Lâm	Xnk Trái Cây Nhân Sầu Riêng	15	1
1647	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xuất nhập khẩu Ngân Anh	Xuất nhập khẩu Rau Quả	3	0
1648	Công Ty TNHH M T V Công Nghệ Kim Thành	Xuất Bản Phần Mềm	21	1
1649	Công Ty TNHH Thương Mại Bình Sơn	Xuất Khẩu Gạo	32	2
1650	Công Ty Cổ Phần Kinh Tế Kim Thành	Xuất Khẩu Hải Sản	7	0
1651	Công Ty T N H H M T V Quỳnh Lan	Xuất Khẩu Nông sản	8	0
1652	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Thương Mại Fansipan	Xuất Khẩu Quế	3	0
1653	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xuất nhập khẩu Hồng Phú	Xuất nhập khẩu Hoa Quả	3	0
1654	Công Ty TNHH Thương Mại Tam Sơn	Xuất nhập khẩu Sắt thép	10	1
1655	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thủy Hà	Xuất nhập khẩu Bánh Kẹo	5	0
1656	Công Ty TNHHH Và Thương Mại Dịch vụ Trường Tín	Xuất nhập khẩu Cao Su	4	0
1657	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và Xuất nhập khẩu Bình Minh	Xuất nhập khẩu Giày Dép	3	0



<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
1658	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Xuất nhập khẩu á Long	Xuất nhập khẩu Giấy, Máy móc thiết bị Văn Phòng	3	0
1659	Công Ty Cổ Phần 27-7 Lào Cai	Xuất nhập khẩu Giồng Cây	4	0
1660	Công Ty TNHH 1tv XNK Hải Long	Xuất nhập khẩu Hàng Hóa Nông sản	6	0
1661	Công Ty TNHH Một Thành Viên Minh Phương	Xuất Nhập Khẩu Hàng Nhựa Gia Dụng	6	0
1662	Công Ty TNHH Thương Mại Th Nghĩa Anh	Xuất nhập khẩu Hàng nông sản Đường Tinh Luyện ( Bán buôn Đường, Sữa )	38	2
1663	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại An Nghiệp	Xuất nhập khẩu Hàng nông sản Sắn	22	1
1664	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Triều Dương	Xuất nhập khẩu Hóa Chất Silc	4	0
1665	Công Ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu Lào Cai	Xuất nhập khẩu Hoa Quả	84	4
1666	Công Ty TNHH Thương Mại Thùy Linh	Xuất nhập khẩu Hoa Quả	9	0
1667	Công ty Cổ Phần XNK Lâm Minh Tiến	Xuất nhập khẩu Hoa Quả	6	0
1668	Công Ty TNHH Thương Mại Bình Tân Thuận	Xuất nhập khẩu Hoa Quả	4	0
1669	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thanh Bình An	Xuất nhập khẩu Hoa Quả	4	0
1670	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Hải Lâm	Xuất nhập khẩu Hoa Và Cây Cảnh	3	0
1671	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Minh Triết	Xuất Nhập Khẩu Khí Hóa Lông Khí Công Nghiệp	3	0
1672	Công Ty TNHH Thương Mại Hoàng Lan	Xuất nhập khẩu Khoáng Sản ( Quặng )	220	11
1673	Công Ty Cổ Phần Thương Mại XNK Trí Tài	Xuất nhập khẩu Linh Kiện Máy Tính	6	0
1674	Công Ty Cổ Phần Thương Mại XNK Mai Linh	Xuất nhập khẩu Linh Kiện Máy Tính	5	0
1675	Công Ty TNHH Xây dựng Và Dịch vụ Thương Mại Hoàng Phong	Xuất nhập khẩu Máy Công Nghiệp	6	0
1676	Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Hoàng Gia	Xuất nhập khẩu Máy móc	3	0

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
1677	Công Ty TNHH Xuất nhập khẩu Và Xây dựng Thương Mại Hoàng Quân	Xuất nhập khẩu Máy móc Công Trình	10	1
1678	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cẩm Nguyên	Xuất nhập khẩu Máy móc Khai Khoáng Xđ	3	0
1679	Công Ty TNHH Việt Kim Thành	Xuất nhập khẩu Máy móc Luyện Đồng	7	0
1680	Công Ty Cổ Phần Việt Anh	Xuất nhập khẩu Máy móc thiết bị	3	0
1681	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Và Thương Mại Phú Hoàng	Xuất nhập khẩu Máy móc Trang Thiết bị Công Nghiệp	17	1
1682	Công Ty TNHH Thương Mại Và Xây dựng Phú Dương	Xuất nhập khẩu Nông Sản ( Rau Quả )	7	0
1683	Công Ty TNHH Hồng Ngọc Việt	Xuất nhập khẩu Nông sản	26	1
1684	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Tấn Thành	Xuất nhập khẩu Nông sản	17	1
1685	Công Ty TNHH MTV Thương Mại XNK Duy Khánh	Xuất nhập khẩu Nông sản	5	0
1686	Công Ty TNHH 1tv Thương Mại Và XNK Cao Toàn	Xuất nhập khẩu Nông sản	4	0
1687	Công Ty TNHH MTV Nông sản Đông á	Xuất nhập khẩu Nông sản	3	0
1688	Công Ty TNHH MTV Thiên Thiên Phú	Xuất nhập khẩu Nông sản Rau Quả	8	0
1689	Công Ty Cổ Phần Lương Thực Lào Cai	Xuất nhập khẩu Nông, Lâm Sản ( Gạo Trong Nước )	11	1
1690	Công Ty Cổ Phần XNK Thanh Tùng	Xuất nhập khẩu Phân bón	79	4
1691	Công Ty TNHH Hoa Phong	Xuất nhập khẩu Phân bón	21	1
1692	Công Ty Cổ Phần Logistics Kim Thành	Xuất nhập khẩu Phân bón	15	1
1693	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Dịch vụ Phương Anh	Xuất nhập khẩu Phân bón	5	0
1694	Công Ty TNHH MTV XNK Thành Phát	Xuất nhập khẩu Phân bón , Đường	27	1
1695	Công Ty TNHH MTV XNK An An	Xuất nhập khẩu Phân bón Hóa Chất	5	0
1696	Công Ty Cổ Phần Long Hải Lào Cai	Xuất nhập khẩu Phân Đạm	5	0
1697	Công Ty Cổ Phần Victoty	Xuất nhập khẩu Phốt	21	1

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Ngành nghề Kinh doanh</b>	<b>Số lao động</b>	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm</b>
		Pho Than Cốc		
1698	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Xuất nhập khẩu Anh Khoa	Xuất Nhập Khẩu Quặng	4	0
1699	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Thương Mại Lci.	Xuất nhập khẩu Quặng	6	0
1700	Công Ty TNHH Một Thành Viên Hưng Gia Linh	Xuất nhập khẩu Quặng	3	0
1701	Công Ty TNHH MTV Thành Công	Xuất nhập khẩu Quặng Si Lic	7	0
1702	Công Ty TNHH 1 Thành Viên Vũ Gia	Xuất nhập khẩu Rau Quả	6	0
1703	Công Ty TNHH 1tv ánh Lộc	Xuất nhập khẩu Rau Quả	5	0
1704	Công Ty TNHH Thương Mại Kim Tượng	Xuất nhập khẩu Rau Quả	5	0
1705	Công Ty TNHH MTV XNK Nông sản An Bình	Xuất nhập khẩu Rau Quả	4	0
1706	Công Ty TNHH 1tv Cát Thái	Xuất nhập khẩu Rau Quả	3	0
1707	Công Ty TNHH Đầu Tư Tam Nguyên	Xuất nhập khẩu Sắn	3	0
1708	Doanh Nghiệp Tư Nhân Phương Liên	Xuất nhập khẩu Si Lic	7	0
1709	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch vụ Tuấn Hải	Xuất nhập khẩu Than Cốc	4	0
1710	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Dịch vụ Thanh Phong	Xuất nhập khẩu Thanh Long	3	0
1711	Công Ty TNHH MTV An Bình	Xuất nhập khẩu Thịt Đông Lạnh	6	0
1712	Công Ty TNHH Thương Mại Hoa Lợi	Xuất nhập khẩu Tỏi	9	0
1713	Công Ty TNHH MTV Tổ Như	Xuất nhập khẩu Trục Tiếp + Xnk ủy Thác Đường	13	1
1714	Công Ty TNHH MTV Bắc Tiến	Xây dựng nhà	36	2

## **Module 14**

### **Giới thiệu một số ngành nghề đào tạo phổ biến trong khu vực miền Bắc**

Trong module này, chúng tôi giới thiệu tiêu chí đào tạo một số ngành nghề đang được đào tạo phổ biến tại khu vực Miền Bắc nước ta để thầy cô giáo và HS tham khảo; được sắp xếp theo nhóm ngành nghề đào tạo để tiện cho việc tra cứu. Danh mục được sắp xếp theo thứ tự: Nhóm trường cao đẳng, trung cấp, nhóm trường đại học [18].

#### **I. Nhóm các trường cao đẳng, trung cấp**

##### **1. Ngành/ngành: Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)**

###### **1.1. Mô tả ngành/ngành**

Ngành/ngành “Công nghệ thông tin” (ứng dụng phần mềm) là ngành/ngành thực hiện các công việc ứng dụng phần mềm tin học để xử lý, vận hành, trên một hệ thống công nghệ thông tin (hệ thống máy tính, thiết bị xử lý thông tin) để tạo nên thành phẩm là một sản phẩm kỹ thuật số, multimedia (voice/video), một bộ cơ sở dữ liệu hoặc một bộ các thông tin dưới dạng văn bản và số hóa đúng yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế, đạt năng suất chất lượng và bảo đảm các tiêu chuẩn an toàn.

###### **1.2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/ngành Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) có thể đảm nhiệm được các vị trí: Trực tiếp tham gia sản xuất sản phẩm dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở sản xuất trong nước hoặc ở nước ngoài; làm tổ trưởng tổ tin học, cán bộ kỹ thuật tin học, kỹ thuật viên tin học, bác sĩ máy tính, nhân viên kỹ thuật, nhân viên làm việc với máy tính để thiết kế và sửa chữa các sản phẩm, các mặt hàng trên máy tính; tổ chức và quản lý doanh nghiệp sản xuất sản phẩm trên máy tính với quy mô vừa và nhỏ.

###### **1.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Người làm ngành/ngành Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) có các nhiệm vụ chủ yếu: Xác định phần mềm; cài đặt công nghệ; tạo môi trường làm việc; kiểm tra; tạo phiên làm việc; xử lý dữ liệu; sao lưu dữ liệu; đảm bảo an toàn; xử lý lỗi; bảo trì hệ thống.

## **2. Ngành/ngành: Lập trình máy tính**

### **2.1. Mô tả ngành/ngành**

Ngành/ngành Lập trình máy tính là ngành/ngành đào tạo ra các lập trình viên để thực hiện các nhiệm vụ như: Vận hành, bảo trì máy tính; kết nối máy tính với mạng; sử dụng máy tính Hỗ trợ công việc văn phòng, công việc tính toán; lập kế hoạch thiết kế; thiết kế mẫu; xử lý hình ảnh; Xây dựng chương trình ứng dụng cơ bản; phân tích, cài đặt thuật toán trên các cấu trúc dữ liệu; Xây dựng ứng dụng theo hướng đối tượng; Xây dựng cơ sở dữ liệu; quản trị cơ sở dữ liệu; Xây dựng ứng dụng Web; phân tích thiết kế ứng dụng và kiểm thử phần mềm.

### **2.2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/ngành Lập trình máy tính thường có thể đảm nhiệm được các vị trí: Văn phòng các công ty, doanh nghiệp có ứng dụng công nghệ thông tin; làm cán bộ kỹ thuật, trưởng nhóm tại các công ty về công nghệ thông tin; các doanh nghiệp phát triển phần mềm; tự tổ chức và làm chủ những cơ sở về công nghệ thông tin.

### **2.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Người làm ngành/ngành Lập trình máy tính có các nhiệm vụ chủ yếu: Vận hành và bảo trì máy tính; kết nối máy tính; sử dụng máy tính; sử dụng máy tính Hỗ trợ công việc văn phòng; tạo và trình diễn báo cáo; sử dụng máy tính hỗ trợ công việc tính toán; lập kế hoạch thiết kế; thiết kế mẫu; xử lý hình ảnh; Xây dựng chương trình ứng dụng cơ bản; phân tích và cài đặt thuật toán trên các cấu trúc dữ liệu; Xây dựng ứng dụng theo hướng đối tượng; Xây

dựng cơ sở dữ liệu; quản trị cơ sở dữ liệu; Xây dựng ứng dụng sử dụng công nghệ; Xây dựng ứng dụng web; kiểm thử phần mềm; phát triển nghề nghiệp.

### **3. Ngành/ngành: Quản trị mạng máy tính**

#### **3.1. Mô tả ngành/ngành**

Ngành/ngành “Quản trị mạng máy tính” là ngành/ngành chuyên thực hiện quá trình khảo sát, thiết kế, lắp đặt và quản trị một hệ thống mạng trong các cơ quan, xí nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả Hoạt động cũng như bảo mật các thông tin, dữ liệu trong cơ quan, tổ chức.

#### **3.2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/ngành Quản trị mạng máy tính thường được bố trí làm việc ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, các tập đoàn đa quốc gia trong môi trường tiếp xúc với các máy tính, thiết bị mạng.

#### **3.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Người làm ngành/ngành Quản trị mạng máy tính có các nhiệm vụ chủ yếu: Khảo sát và thiết kế các hệ thống mạng LAN, WAN; lắp đặt hệ thống mạng; cài đặt phần mềm mạng; quản lý Dịch vụ mạng; quản lý các đối tượng sử dụng mạng; chia sẻ tài nguyên hệ thống mạng; quản lý ứng dụng trên mạng; Giám sát hệ thống mạng; đảm bảo an toàn hệ thống mạng; bảo dưỡng hệ thống mạng; sửa chữa hệ thống mạng; nâng cấp hệ thống mạng.

### **4. Ngành/ngành: Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính**

#### **4.1. Mô tả ngành/ngành**

“Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính” là ngành/ngành lắp đặt, sửa chữa và bảo trì hệ thống máy tính, mạng LAN nhỏ; khảo sát nhu cầu, tư vấn, thiết kế, thi công hệ thống máy tính, các thiết bị văn phòng theo yêu cầu của doanh nghiệp; lập hồ sơ quản lý; chẩn đoán, sửa chữa máy tính, khắc phục các sự cố, bảo trì hệ thống máy tính, mạng LAN nhỏ và các thiết bị văn phòng.

#### **4.2. Vị trí làm việc**

Người có chuyên môn ngành/nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính thường được bố trí làm việc tại các công ty có trang bị hệ thống máy tính, các thiết bị văn phòng; các toà nhà có trang bị hệ thống máy tính; các công ty chuyên Kinh doanh máy tính và các thiết bị công nghệ thông tin, hãng sản xuất, bảo trì máy tính, thiết bị, linh kiện máy tính; công việc đòi hỏi tính cẩn trọng, an toàn điện, điện tử và mang tính tập thể, làm việc nhóm.

#### ***4.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người làm ngành/nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính có nhiệm vụ: Sửa chữa các thành phần cơ bản của hệ thống máy tính; sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị ngoại vi của hệ thống máy tính; sửa chữa màn hình, sửa chữa máy in; lắp ráp phần cứng hệ thống máy tính; cài đặt phần mềm; ghép nối các máy tính; thiết kế mạng cục bộ - LAN; sửa chữa máy tính, bảo dưỡng máy tính xách tay; bảo dưỡng hệ thống máy tính; nâng cấp hệ thống máy tính.

### **5. Truyền thông và mạng máy tính**

#### ***5.1. Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề “Truyền thông và mạng máy tính” là ngành/nghề nghiên cứu những nguyên lý của mạng, cách thiết kế, Xây dựng một hệ thống mạng từ mạng nội bộ cho đến mạng diện rộng có kết nối toàn cầu. Đồng thời, ngành Truyền thông và mạng máy tính cũng trang bị cho người học những kỹ năng tiên tiến trong việc phát triển ứng dụng trên các hệ thống máy tính nối mạng từ trung đến cao cấp.

#### ***5.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Truyền thông và mạng máy tính có khả năng làm việc tại các công ty quản trị mạng và hệ thống tại các ngân hàng, các trung tâm dữ liệu, các nhà cung cấp Dịch vụ Internet (ISP); nhân viên Xây dựng và phát triển các ứng dụng truyền thông: VoIP, hội nghị truyền hình; nhân viên thiết kế mạng chuyên nghiệp: Xây dựng các mạng máy tính an

toàn, hiệu quả cho các đơn vị có yêu cầu; nhân viên phát triển mạng không đây.

### ***5.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề***

Người làm ngành/ngề Truyền thông và mạng máy tính có các nhiệm vụ chủ yếu sau: Sử dụng mạng máy tính; chuyển mạch và định tuyến; truyền thông đa phương tiện; hệ điều hành Windows Server; mạng LAN và WAN; mạng truyền thông và di động; lắp ráp và sửa chữa máy tính; ứng dụng hệ thống mạng trong việc Xây dựng hệ thống Giám sát...

## **6. Ngành/ngề: Kỹ thuật truyền dẫn quang và vô tuyến**

### ***6.1. Mô tả ngành/ngề***

“Kỹ thuật truyền dẫn quang và vô tuyến” là ngành/ngề cung cấp cho người học về: Công dụng, cấu tạo, nguyên lý làm việc, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật của các thiết bị, dụng cụ, vật liệu truyền dẫn quang và vô tuyến.

### ***6.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/ngề Kỹ thuật truyền dẫn quang và vô tuyến thường được bố trí việc ở các vị trí trong hệ thống vận hành các thiết bị truyền dẫn quang và vô tuyến; các cơ sở sản xuất thiết bị truyền dẫn quang và vô tuyến; các đơn vị thi công hệ thống Viễn thông; các cơ sở Kinh doanh thiết bị và Khai thác các Dịch vụ Viễn thông; tự mở cơ sở Kinh doanh thiết bị điện tử, Viễn thông.

### ***6.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề***

Vận hành và bảo dưỡng hệ thống truyền dẫn quang và vô tuyến; vận hành và bảo dưỡng các thiết bị trong hệ thống truyền dẫn quang và vô tuyến; thi công, lắp đặt, Khai thác, sửa chữa truyền hình vệ tinh, truyền hình mặt đất, truyền hình cáp gồm: Đầu thu hình VTC, anten parapol... lắp đặt, Khai thác, bảo dưỡng mạng tổng đài nội bộ, gồm: tổng đài dung lượng nhỏ, điện thoại



bàn, triển khai kết nối tuyến đường dây thông tin; lắp đặt, Khai thác hệ thống mạng vi tính nội bộ; tìm kiếm thông tin trên mạng Internet.

## **7. Ngành/nghề: Điện công nghiệp**

### **7.1. Mô tả ngành/nghề**

“Điện công nghiệp” là ngành/nghề thực hiện việc lắp đặt và sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống cung cấp điện, tủ phân phối điện, mạng điện chiếu sáng, máy điện và thiết bị điện trong các xí nghiệp công nghiệp với các môi trường trong nhà, ngoài trời, mỏ, hầm lò trong điều kiện an toàn lao động.

### **7.2. Vị trí làm việc**

Người học ngành/nghề Điện công nghiệp có khả năng làm việc tại các công ty điện lực (tổ vận hành và quản lý đường dây, tổ bảo trì và sửa chữa đường dây...); làm việc trong các trạm truyền tải và phân phối điện năng (nhân viên vận hành); làm việc trong các công ty xây lắp công trình điện; đảm nhiệm công việc trong các tổ cơ điện, phòng bảo dưỡng bảo trì thiết bị điện của các nhà máy, xí nghiệp.

### **7.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề**

Sử dụng được dụng cụ đo điện năng: Vônmét, Ampemét, Ampekìm, Đồng hồ đo vạn năng, Mêgômét, Hioki... đo đúng thông số cần đo vào trường hợp cụ thể trong thực tế; sử dụng đúng các dụng cụ an toàn điện, an toàn lao động, an toàn cháy nổ trong từng công việc; sơ cứu, cấp cứu người bị tai nạn điện; lắp đặt hệ thống cung cấp điện; lắp đặt tủ điện phân phối; lắp đặt mạng điện chiếu sáng; lắp đặt bộ điều khiển dùng công tắc tơ, các bộ điều khiển lập trình; bảo dưỡng, sửa chữa mạng động lực tủ điện phân phối; bảo dưỡng, sửa chữa bộ điều khiển dùng công tắc tơ và các bộ điều khiển lập trình; vận hành được hệ thống điều khiển tự động dùng PLC; bảo dưỡng, sửa chữa động cơ điện một chiều và xoay chiều; quấn dây động cơ điện, máy biến áp công suất nhỏ; sửa chữa máy phát điện xoay chiều; vận hành, sửa chữa các thiết bị mỏ hầm lò như: Áptômát phòng nổ, khởi động từ phòng nổ, biến áp khoan phòng

nỗ; đọc và phân tích các bản vẽ thiết kế lắp đặt điện công nghiệp; khảo sát được hiện trường để có phương án lắp đặt hoặc sửa chữa hợp lý; lắp đặt, vận hành, sửa chữa và kiểm tra, hiệu chỉnh hệ thống cung cấp điện và thiết bị điện công nghiệp.

## **8. Ngành/nghề: Điện tử Công nghiệp**

### **8.1. Mô tả ngành/nghề**

Ngành/nghề “Điện tử công nghiệp” là ngành/nghề chuyên thực hiện quá trình thiết kế, xử lý và lắp đặt các mạch: Điện tử công nghiệp, khí cụ điện, mạch đo lường điện tử, mạch điện tử cơ bản, bộ điều khiển dùng Role-khởi động từ, bộ điều khiển dùng linh kiện điện tử, mạch ứng dụng kỹ thuật cảm biến, bộ điều khiển dùng PLC, thiết bị kỹ thuật xung-số. Điện tử công nghiệp cũng là ngành/nghề bảo dưỡng, kiểm tra, sửa chữa các thiết bị hệ thống điện tử trong sản xuất công nghiệp, các mạch điện tử cơ bản, bộ điều khiển dùng Role - khởi động từ, bộ điều khiển dùng linh kiện điện tử, bộ điều khiển dùng PLC, mạch kỹ thuật xung-số, mạch ứng dụng kỹ thuật cảm biến, bộ điều khiển dùng vi xử lý và IC chuyên dụng.

### **8.2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/nghề Điện tử công nghiệp thường được bố trí làm việc ở các nhà máy hoặc phân xưởng, các công ty, doanh nghiệp điện điện tử. Làm việc trong các tổ cơ điện, phòng bảo dưỡng, bảo trì thiết bị điện của các nhà máy, xí nghiệp.

### **8.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề**

Các nhiệm vụ chủ yếu của người làm ngành/nghề Điện tử công nghiệp là: Lắp ráp, vận hành các thiết bị điện tử trong xí nghiệp và dây chuyền công nghiệp; lắp đặt và sửa chữa, bảo dưỡng các mạch điện tử cơ bản; lắp đặt và sửa chữa bảo dưỡng các khí cụ điện hạ thế; lắp đặt và sửa chữa, bảo dưỡng các bộ điều khiển; lắp đặt và bảo trì các mạch xung - số; lắp đặt và sửa chữa các vi mạch số và IC thông dụng; phân tích, lắp ráp các bộ biến đổi công suất;

lắp đặt các hệ thống đo lường điện tử; lắp đặt các tủ điều khiển thiết bị công nghiệp, các thiết bị và hệ thống bảo vệ, các bảng mạch điện tử công nghiệp; kiểm tra sửa chữa được các hư hỏng trên thiết bị điện tử công nghiệp; thay thế tương đương, linh kiện, mạch điện hư hỏng đơn giản trên thiết bị điện tử công nghiệp; hiệu chỉnh được các thông số kỹ thuật của mạch điện; xử lý một số tình huống phát sinh trong quá trình làm việc của thiết bị; lập trình đơn giản các phần mềm khi có sự cố; kết nối mạch điện đúng theo sơ đồ nguyên lý; chống ẩm và rò điện tốt cho thiết bị; vận hành chạy thử toàn bộ mạch điện; thực hiện các biện pháp an toàn lao động, an toàn điện và vệ sinh công nghiệp.

## **9. Ngành/nghề: Công nghệ ô tô**

### **9.1. Mô tả ngành/nghề**

“Công nghệ ô tô” là ngành/nghề thực hiện các nhiệm vụ về bảo dưỡng, sửa chữa động cơ; bảo dưỡng, sửa chữa trang bị điện; bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống truyền lực (gầm ô tô); chuẩn đoán tình trạng kỹ thuật và các pan bệnh của các hệ thống trên ô tô; vận hành, kiểm tra động cơ và ô tô; thực hiện các công việc gia công hỗ trợ như hàn điện, hàn hơi, gò, sử dụng các thiết bị ngành/nghề nguội...

### **9.2. Vị trí làm việc**

Người tốt nghiệp ngành/nghề Công nghệ ô tô là kỹ thuật viên có khả năng làm việc ở các vị trí sau:

- Tại các cơ sở lắp ráp ô tô: Làm việc tại một vị trí cụ thể, trưởng dây chuyền lắp ráp, Giám sát quá trình lắp ráp, Giám sát chất lượng ô tô...;
- Tại các cơ sở bảo dưỡng, sửa chữa, bảo hành ô tô: Làm việc tại một vị trí cụ thể, điều hành sản xuất, Giám sát kỹ thuật, cố vấn Dịch vụ, đào tạo kỹ thuật viên bậc dưới tại cơ sở...;
- Tại các cơ sở chế tạo phụ tùng ô tô: Kiểm tra chất lượng sản phẩm, phân phối sản phẩm...;

- Tại các cơ sở Kinh doanh ô tô và phụ tùng: Cố vấn bán hàng, cố vấn Dịch vụ, nhân viên bán hàng...;

- Tại các cơ sở đào tạo ngành/nghề: Hướng dẫn thực hành, thực tập;

- Chủ động, giao tiếp và phối hợp làm việc theo tổ, nhóm, tổ chức và quản lý quá trình sản xuất, bồi dưỡng kèm cặp được công nhân bậc thấp tương ứng với trình độ quy định.

### ***9.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Bảo dưỡng động cơ ô tô; sửa chữa động cơ ô tô; bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống trang bị điện ô tô; bảo dưỡng hệ thống truyền lực (hệ thống ly hợp, hệ thống số, hệ thống truyền động các đăng, hệ thống cầu chủ động, hệ thống phanh, hệ thống phanh thủy lực, phanh khí nén, phanh ABS, hệ thống lái, hệ thống treo, khung xe, thân vỏ xe...); kiểm tra tính năng làm việc, chuẩn đoán tình trạng kỹ thuật và các pan bệnh của các hệ thống trên ô tô; vận hành, kiểm tra động cơ và ô tô; xác định mức độ hư hỏng, tìm ra nguyên nhân và có phương án bảo dưỡng, sửa chữa thích hợp; giao dịch với khách hàng.

## **10. Ngành/nghề: Công nghệ kỹ thuật cơ khí**

### ***10.1. Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề “Công nghệ kỹ thuật cơ khí” là ngành/nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật chuyên về các công việc thiết kế, chế tạo, lắp ráp, vận hành và bảo trì các thiết bị công nghệ, thiết bị cơ khí; tổ chức và quản lý từng công đoạn sản xuất cơ khí.

### ***10.2. Vị trí làm việc***

Người có chuyên môn về Công nghệ kỹ thuật cơ khí thường có vị trí việc làm tại các cơ sở chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí; đảm nhiệm các chức danh “Kỹ thuật viên sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí”, “Kỹ thuật viên vận hành máy Gia công cơ khí”, “Nhân viên kiểm tra chất lượng sản phẩm”; làm việc tại các cơ sở Kinh doanh, đào tạo và nghiên cứu thuộc lĩnh vực cơ khí, đảm nhiệm các chức danh “Marketing cơ khí”, “Kỹ thuật viên”...

### ***10.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí; vận hành máy Gia công cơ khí; thiết kế, gia công thiết bị cơ khí, kiểm tra chất lượng sản phẩm cơ khí, tổ chức sản xuất Kinh doanh sản phẩm liên quan tới cơ khí...

## **11. Ngành/ngành: Công nghệ chế tạo máy**

### ***11.1. Mô tả ngành/ngành***

“Công nghệ chế tạo máy” còn có tên gọi phổ biến gần tương đương là “Cơ khí chế tạo máy”, là Ngành/ngành có vai trò tham gia trong Hoạt động sản xuất thực tế, nơi các kỹ thuật viên công nghệ chế tạo máy tham gia việc vận hành toàn bộ quy trình chế tạo ra các sản phẩm (cơ khí), đồng thời tối ưu hóa quá trình sản xuất đảm bảo tính hiệu quả, tính kinh tế nhất có thể.

### ***11.2. Vị trí làm việc***

Nhu cầu lao động của ngành Công nghệ chế tạo máy là khá lớn, đặc biệt là trong hầu hết các nhà máy sản xuất sản phẩm cơ khí ở khắp nơi trên Việt Nam cũng như thế giới. Các vị trí công việc: Vận hành quy trình sản xuất, lập kế hoạch sản xuất, thiết kế chi tiết cơ khí, thiết kế máy...

### ***11.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Đảm nhiệm các công việc về cơ khí tại công ty, nhà máy, xí nghiệp cơ khí chế tạo: Thi công, lắp đặt và Giám sát việc thi công máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất cho các công trình, nhà máy nhiệt điện, thủy điện, Xi măng, đóng tàu; tham gia gia công sản phẩm cơ khí như phay, tiện, hàn, bào, khoan, gia công trên các máy vạn năng CNC tại các xưởng, xí nghiệp hay công ty cơ khí; tổ chức quy trình sản xuất, vận hành quy trình sản xuất, kiểm soát chất lượng sản phẩm; bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, xử lý sự cố các hệ thống máy móc của nhà máy, xí nghiệp, công ty...

## **12. Ngành/ngành: Hàn**

### ***12.1. Mô tả ngành/ngành***

Ngành/ngành “Hàn” là ngành/ngành thực hiện các công việc nối hai đầu của một hay nhiều chi tiết kim loại thành một liên kết liên khối, không thể tháo rời, bằng cách sử dụng nguồn nhiệt, áp lực hoặc cả nguồn nhiệt và áp lực, có sử dụng hoặc không sử dụng kim loại phụ.

Trong trường hợp tạo ra liên kết liên khối chỉ sử dụng nguồn nhiệt, kim loại tại chỗ hàn cần được nung tới trạng thái chảy để tạo ra bể hàn, bể hàn sau khi kết tinh sẽ tạo nên mối hàn.

Trường hợp tạo ra liên kết liên khối chỉ sử dụng áp lực, kim loại tại chỗ hàn cần được tác động một lực ép đủ lớn để các nguyên tử kim loại tại bề mặt tiếp xúc tiến sát lại gần nhau tạo nên liên kết phân tử.

Trường hợp sử dụng cả nguồn nhiệt và lực ép, kim loại chỗ hàn cần được nung tới trạng thái dẻo, sau đó nhờ lực ép mà mối hàn được hình thành.

### ***12.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Hàn làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp trong các lĩnh vực như: Cơ khí, Xây dựng, giao thông, đóng tàu, dầu khí... Mối hàn được thực hiện ở tất cả các tư thế trong không gian, công việc hàn có thể thực hiện tại xưởng tập trung, tại hiện trường hoặc trực tiếp trên kết cấu đang lắp ghép...

### ***12.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện hàn; hàn kim loại bằng hồ quang; hàn kim loại bằng khí cháy; hàn kim loại bằng các phương pháp khác; kiểm tra các quá trình và sản phẩm hàn; Giám sát Hoạt động hàn; bảo đảm chất lượng; quản lý; bảo đảm an toàn; phát triển công nghệ mới.

## **13. Ngành/ngành: Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí**

### ***13.1. Mô tả ngành/ngành***

“Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí” là ngành/ngành chuyên lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống máy lạnh và điều hòa không khí như: Hệ thống máy lạnh trong các kho lạnh, hệ thống máy lạnh

thương nghiệp, máy kem, máy đá, tủ lạnh; hệ thống điều hòa không khí trung tâm, điều hòa không khí cục bộ... đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất, an toàn.

### ***13.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí thường được bố trí làm việc tại các cơ sở, các công ty Dịch vụ chuyên ngành, siêu thị, các nhà máy bia, chế biến sữa, bảo quản thủy hải sản; các nhà máy chế tạo thiết bị máy lạnh, điều hòa không khí, các công ty, tập đoàn thi công lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy lạnh và điều hòa không khí...

### ***13.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Người làm ngành/ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí có các nhiệm vụ chủ yếu là: Thực hiện công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp; lắp đặt hệ thống máy lạnh công nghiệp; lắp đặt hệ thống máy lạnh thương nghiệp; lắp đặt hệ thống điều hòa không khí trung tâm; lắp đặt hệ thống điều hòa không khí cục bộ; vận hành hệ thống máy lạnh; vận hành hệ thống điều hòa không khí trung tâm; bảo trì - bảo dưỡng hệ thống lạnh; sửa chữa hệ thống lạnh; nâng cao nghiệp vụ chuyên môn; tổ chức lao động; giao tiếp, chăm sóc khách hàng.

## **14. Ngành/ngành: Cắt gọt kim loại**

### ***14.1. Mô tả ngành/ngành***

“Cắt gọt kim loại” là ngành/ngành sử dụng máy công cụ vạn năng và điều khiển theo chương trình số để gia công tạo hình sản phẩm (chi tiết máy) có phôi nhằm phục vụ cho tất cả các ngành chế tạo máy công nghiệp và nông nghiệp theo yêu cầu của những công ty, doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu chế xuất hoặc những cơ sở Gia công cơ khí. “Cắt gọt kim loại” sử dụng các máy công cụ có tạo phôi như: Tiện, phay, bào, mài, doa... để chế tạo các chi tiết đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất và an toàn.

### ***14.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Cắt gọt kim loại thường làm việc tại các công ty, xí nghiệp chế tạo máy hoặc tại những cơ sở Gia công cơ khí trong môi trường: Máy làm việc với tốc độ cao; ồn; nóng; va chạm với những hóa chất công nghiệp như emulsi, dầu nhờn... và tính chất công việc mang tính tập thể (mỗi người phụ trách một công đoạn trong dây chuyền sản xuất). Vì vậy, người công nhân phải có đủ sức khỏe, có tâm với nghề nghiệp và có đủ năng lực, kiến thức về kỹ thuật cơ khí để thực hiện những nhiệm vụ nêu trên.

### ***14.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề***

Sử dụng thành thạo các máy cắt gọt kim loại thông dụng; vận hành và điều chỉnh được máy công cụ điều khiển số; chọn đúng và sử dụng thành thạo dụng cụ cắt, dụng cụ đo kiểm, đồ gá và các trang bị công nghệ thích hợp; tổ chức, điều hành và thực hiện gia công sản xuất trên máy công cụ vạn năng như máy tiện vạn năng; gia công trên máy phay vạn năng; gia công trên máy tiện CNC; gia công trên máy phay CNC; gia công trên máy EDM; gia công trên máy bào và xọc vạn năng; gia công nguội; gia công trên máy doa vạn năng...

## **15. Ngành/ngề: Kỹ thuật Xây dựng**

### ***15.1. Mô tả ngành/ngề***

Từ các Vật liệu xây dựng: Gạch, đá, vôi, cát, Xi măng, gỗ, thép... ngành/ngề “Kỹ thuật Xây dựng” làm các nhiệm vụ xây, trát, lát, ốp, sơn vôi, lắp đặt các cấu kiện loại nhỏ, lắp các thiết bị vệ sinh; gia công lắp dựng và tháo dỡ cốp pha, giàn giáo, làm cốt thép và đổ bê tông một số bộ phận của công trình Xây dựng dân dụng và công nghiệp. Ngoài các dụng cụ cầm tay như: Dao xây, bay, bàn xoa, thước; ngành/ngề Kỹ thuật Xây dựng cần trang bị thêm máy trộn, máy cắt, máy đầm, máy mài... hầu hết các công việc của ngành/ngề Kỹ thuật Xây dựng được thực hiện ngoài trời nên người làm ngành/ngề này phải có sức khỏe tốt.



### ***15.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/ngành Kỹ thuật Xây dựng có thể trực tiếp làm việc tại các vị trí của dây chuyền tại các công trường Xây dựng, công trường sản xuất bê tông và các công ty sản xuất Vật liệu xây dựng hoặc làm nhiệm vụ quản lý, tổ chức các tổ đội sản xuất tại các công ty Xây dựng; làm kỹ thuật viên tại các phòng kỹ thuật của các doanh nghiệp Xây dựng. Ngoài ra, có khả năng làm việc độc lập tại các nhà, xưởng về Xây dựng.

### ***15.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Người làm ngành/ngành Kỹ thuật Xây dựng có các nhiệm vụ chủ yếu như: đào móng, xây gạch; lắp đặt, lắp đặt cấu kiện loại nhỏ; trát, láng; lát, ốp; bả ma tít, sơn vôi; làm họa tiết trang trí; làm mái; lắp đặt thiết bị vệ sinh; gia công, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn, giàn giáo; gia công lắp đặt cốt thép; hàn hồ quang tay; trộn, đổ, đầm bê tông; xây đá; lắp đặt mạng điện sinh hoạt; lắp đặt đường ống cấp nước trong nhà; lắp đặt đường ống thoát nước khu vệ sinh; trát vữa trộn đá...

## **16. Ngành/ngành: Điện dân dụng**

### ***16.1. Mô tả ngành/ngành***

Ngành/ngành “Điện dân dụng” là ngành/ngành chuyên lắp đặt, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện dân dụng, các thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện dân dụng như: Máy phát điện; động cơ điện; máy biến áp; thiết bị điều khiển, thiết bị đo lường... đúng với yêu cầu kỹ thuật đạt năng suất và an toàn.

### ***16.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/ngành Điện dân dụng thường có thể đảm nhiệm được các vị trí: Trực tiếp tham gia lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện dân dụng và thiết bị điện gia dụng; làm cán bộ kỹ thuật, cán bộ thiết kế

trong các xí nghiệp, cơ quan, đơn vị Kinh doanh điện; tự tổ chức và làm chủ những cơ sở lắp đặt, sản xuất, sửa chữa thiết bị điện gia dụng.

### ***16.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người làm ngành/nghề Điện dân dụng có các nhiệm vụ chủ yếu: Lắp đặt, bảo dưỡng sửa chữa máy phát điện dân dụng; lắp đặt vận hành và sửa chữa động cơ điện dân dụng; lắp đặt, sửa chữa thiết bị điện gia dụng; lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa máy biến áp dân dụng; lắp đặt, bảo dưỡng thiết bị điều khiển dân dụng; lắp đặt, sửa chữa hệ thống điện dân dụng; sử dụng dụng cụ đo lường; thực hiện các công việc ngành/nghề hỗ trợ; thực hiện các biện pháp an toàn lao động; quản lý sản xuất.

## **17. Ngành/nghề: Điện tử dân dụng**

### ***17.1. Mô tả ngành/nghề***

“Điện tử dân dụng” là ngành/nghề chuyên kiểm tra, sửa chữa các thiết bị điện tử dân dụng như: hệ thống âm thanh, máy ghi âm (cát sét), máy thu thanh, máy thu hình, máy CD, máy VCD, máy DVD, máy Camera... đúng yêu cầu kỹ thuật sửa chữa, đảm bảo an toàn.

### ***17.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Điện tử dân dụng có thể tham gia vào các vị trí công việc như: Trực tiếp sản xuất, cán bộ kỹ thuật, tổ trưởng sản xuất, quản đốc phân xưởng trong các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, Kinh doanh các sản phẩm điện tử hoặc có thể tự tạo việc làm và tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

### ***17.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người làm ngành/nghề Điện tử dân dụng có các nhiệm vụ chủ yếu như: sửa chữa máy CAMCORDER; sửa chữa điện thoại di động; lắp ráp, cài đặt và bảo trì máy tính; sửa chữa đầu, máy DVD, VCD; sửa chữa máy thu hình màu; sửa chữa máy thu thanh (Radio), máy ghi âm, catset; sửa chữa thiết bị điện tử dân dụng: hệ thống âm thanh, máy thu hình công nghệ cao và digital, DVD,

Monitor, CAMERA...; đo lường các đại lượng điện và không điện; tổ chức, quản lý sản xuất và bồi dưỡng bậc thợ dưới theo chuyên môn của mình.

## **18. Ngành/nghề: Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp**

### ***18.1. Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề “Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp” là ngành/nghề chuyên lắp đặt, kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và hệ thống điều khiển trong công nghiệp. Vận hành các thiết bị trong hệ thống cung cấp điện và các dây chuyền sản xuất công nghiệp đạt năng suất đảm bảo an toàn theo quy phạm hiện hành.

### ***18.2. Vị trí làm việc***

Người trong ngành/nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp làm việc tại: Các công trình xây lắp đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp  $\leq 35\text{kV}$ ; các doanh nghiệp quản lý, Kinh doanh và chiếu sáng công trình đô thị, khu công nghiệp; các doanh nghiệp sản xuất và lắp đặt thiết bị điện và dây chuyền sản xuất công nghiệp.

### ***18.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Lắp đặt hệ thống chiếu sáng công nghiệp; lắp đặt thiết bị phân phối; lắp đặt đường dây truyền tải; lắp đặt thiết bị đo lường điện; lắp đặt hệ thống điều khiển công nghiệp; kiểm tra, bảo dưỡng, hệ thống điều khiển điện công nghiệp...

## **19. Ngành/nghề: Cơ điện tử**

### ***19.1. Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề “Cơ điện tử” là ngành/nghề tích hợp các lĩnh vực cơ khí, điện - điện tử, thủy khí, kỹ thuật máy tính. Ngành/nghề Cơ điện tử thực hiện các công việc thiết kế, lắp ráp, kết nối, bảo trì và các Dịch vụ liên quan đến các sản phẩm cơ điện tử và các hệ thống thiết bị tự động hóa.

### **19.2. Vị trí làm việc**

Người lao động trong ngành/nghề Cơ điện tử có thể làm việc tại các vị trí khác nhau trong: Các nhà máy chế tạo, lắp ráp sản phẩm cơ điện tử; các dây chuyền sản xuất tự động; các doanh nghiệp làm Dịch vụ sửa chữa và bảo trì sản phẩm cơ điện tử; các doanh nghiệp cung cấp thiết bị cơ điện tử; chăm sóc khách hàng sử dụng sản phẩm và Dịch vụ cơ điện tử.

### **19.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề**

Thiết kế hệ thống cơ điện tử; phân tích cấu trúc và Hoạt động của hệ thống cơ điện tử; lắp ráp, vận hành và bảo trì các hệ thống thiết bị cơ khí, điện - điện tử, thủy lực - khí nén, các hệ thống tự động hóa sử dụng các bộ điều khiển; lắp đặt, vận hành các thiết bị và hệ thống tự động; xử lý các sự cố của hệ thống thiết bị cơ điện tử; tổ chức sản xuất theo nhóm, bồi dưỡng thợ bậc thấp.

## **20. Ngành/nghề: Cơ điện nông thôn**

### **20.1. Mô tả ngành/nghề**

Ngành/nghề “Cơ điện nông thôn” là ngành/nghề đào tạo kỹ thuật viên để chuyên thực hiện các công việc trong lĩnh vực cơ khí nông nghiệp như vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ máy động lực, máy nông nghiệp được sử dụng chủ yếu và phổ biến trong nông nghiệp nông thôn như: máy canh tác, chăm sóc cây trồng, thu hoạch và chế biến sản phẩm nông sản phổ biến... Ngoài ra, ngành/nghề Cơ điện nông thôn còn thực hiện gia công, sửa chữa nhỏ một số sản phẩm cơ khí sử dụng phổ biến ở nông thôn.

Ngành/nghề “Cơ điện nông thôn” đào tạo kỹ thuật viên để chuyên thực hiện các công việc trong lĩnh vực điện nông thôn bao gồm công việc lắp đặt, vận hành bảo dưỡng và sửa chữa nhỏ hệ thống điện dân dụng; bơm điện, thủy điện nhỏ quy mô hộ gia đình; các trang thiết bị điện lắp đặt trên máy nông nghiệp và trang thiết bị điện gia dụng.

### ***20.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Cơ điện nông thôn có thể tham gia vào vị trí sau: Kỹ thuật viên bảo dưỡng và sửa chữa các máy nông nghiệp, các động cơ đốt trong, hệ thống truyền động máy kéo; nhân viên vận hành các máy canh tác, máy thu hoạch; nhân viên bảo quản máy sau thời vụ; kỹ thuật viên phục vụ công tác nghiên cứu khoa học; có khả năng tổ chức, quản lý quá trình sản xuất hoặc tự mở các cơ sở Dịch vụ cơ điện phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

### ***20.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Bảo dưỡng động cơ đốt trong; bảo dưỡng hệ thống truyền động máy kéo; bảo dưỡng, sửa chữa máy nông nghiệp; sửa chữa những hư hỏng bất thường của máy kéo; vận hành máy canh tác; vận hành máy thu hoạch; vận hành thiết bị bảo quản chế biến; bảo quản máy sau thời vụ; gia công sản phẩm cơ khí gia dụng; thực hiện quy định về An toàn lao động; lắp đặt hệ thống điện một pha, ba pha; lắp đặt, vận hành bơm điện và máy thủy điện nhỏ; sửa chữa máy điện và thiết bị điện dân dụng; bảo dưỡng máy bơm điện công suất nhỏ; Dịch vụ cơ điện nông nghiệp; tổ chức, quản lý quá trình vận hành, bảo dưỡng.

## **21. Ngành/ngành: Cơ điện lạnh thủy sản**

### ***21.1. Mô tả ngành/ngành***

“Cơ điện lạnh thủy sản” là ngành/ngành chuyên về vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị và hệ thống lạnh ở tàu Khai thác, sơ chế, các nhà máy chế biến và bảo quản thủy sản.

### ***21.2. Vị trí làm việc***

Cán bộ kỹ thuật, trực tiếp vận hành tại các nhà máy, doanh nghiệp Khai thác, chế biến và bảo quản thủy sản. Tham gia đào tạo, Kinh doanh trong lĩnh vực điện lạnh thủy sản.

### **21.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề**

Thực hiện an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và an toàn thực phẩm; chế biến bảo quản lạnh đông thủy sản; vận hành hệ thống lạnh một cấp nén; vận hành hệ thống lạnh hai cấp nén; bảo dưỡng hệ thống lạnh; sửa chữa hệ thống lạnh; thực hiện tiết kiệm năng lượng trong vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lạnh; vận hành máy và thiết bị chế biến, bảo quản thủy sản.

## **22. Ngành/ngề: Xây dựng cầu đường bộ**

### **22.1. Mô tả ngành/ngề**

Ngành/ngề “Xây dựng cầu đường bộ” là ngành/ngề trực tiếp thi công, duy tu, sửa chữa các công trình cầu đường bộ ở miền núi, đồng bằng, các khu công nghiệp, khu dân cư trong cả nước cũng như trong khu vực. Ngành/ngề này làm các nhiệm vụ thi công nền đường, thi công mặt đường, thi công hệ thống thoát nước, thi công móng, mố, trụ cầu và các hạng mục phụ trợ khác. Người lao động phải biết sử dụng được các công cụ máy móc thiết bị như: Máy đóng cọc, thiết bị khoan cọc nhồi, các thiết bị đo đạc, thiết bị lao lắp dầm cầu, các máy thi công nền đường, mặt đường.

### **22.2. Vị trí làm việc**

Người hành nghề “Xây dựng cầu đường bộ” làm việc tại các công ty cầu đường, các công ty công trình giao thông đường bộ; làm tổ trưởng của các đội sản xuất, đội thi công các công trình cầu, đường bộ.

### **22.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề**

Chuẩn bị thi công; thi công nền đường; thi công mặt đường; thi công hệ thống thoát nước; thi công móng; thi công mố, trụ cầu; thi công kết cấu phần trên cầu; thi công các hạng mục phụ trợ khác.

## **23. Ngành/ngề: Vận hành máy Xây dựng**

### **23.1. Mô tả ngành/ngề**

Ngành/ngề “Vận hành máy Xây dựng” (nhóm máy phục vụ thi công, gia công cốt liệu) là ngành/ nghề vận hành thiết bị các công đoạn trong dây

chuyên sản xuất Vật liệu xây dựng tại các trạm nghiền, trạm trộn bê tông và một số máy phục vụ thi công Xây dựng gồm: Băng tải, vận thăng, máy nghiền, máy sàng, máy trộn bê tông. Là ngành/nghề thực hiện việc vận hành các thiết bị, hệ thống như: Bộ phận cung cấp nguyên liệu thô, băng tải, vít tải, thiết bị nghiền, sàng trong trạm nghiền sàng; máy trộn bê tông, hệ thống cung cấp Xi măng, hệ thống cung cấp nước, hệ thống cung cấp khí nén trong trạm trộn; vận hành trung tâm điều khiển trạm, vận hành máy vận thăng đảm bảo theo quy trình, đúng yêu cầu kỹ thuật và an toàn lao động.

### ***23.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Vận hành máy Xây dựng được bố trí làm việc tại các trung tâm điều khiển, vận hành thiết bị ở các công đoạn trong dây chuyền sản xuất bê tông, Xi măng; làm tổ trưởng, đội trưởng hoặc trưởng nhóm trong dây chuyền sản xuất của các công ty, công trường Xây dựng.

### ***23.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Cung cấp nguyên liệu thô; vận hành băng tải; vận hành thiết bị nghiền; vận hành máy sàng; vận hành hệ thống cung cấp Xi măng trong trạm trộn; vận hành hệ thống cung cấp nước trong trạm trộn; vận hành hệ thống khí nén; vận hành thùng trộn bê tông di động; vận hành máy vận thăng; tổ chức sản xuất; thực hiện các biện pháp an toàn và vệ sinh môi trường lao động.

## **24. Ngành/nghề: Vận hành máy thi công nền**

### ***24.1. Mô tả ngành/nghề***

“Vận hành máy thi công nền” là ngành/nghề vận hành và bảo dưỡng máy ủi, máy xúc, máy lu, máy san và một số loại máy liên quan khác để thi công nền các công trình Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, Thủy lợi, thủy điện... đúng tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành, đảm bảo năng suất lao động, an toàn kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường và đúng thời gian quy định.

## **24.2. Vị trí làm việc**

Người hành nghề Vận hành máy thi công nền được bố trí làm việc ở các vị trí: Công nhân vận hành máy thi công nền làm việc trên các công trường Xây dựng, san lấp, công trình thủy điện, Thủy lợi...; chỉ huy tổ, nhóm công nhân vận hành máy thi công nền làm việc; làm chủ máy thi công nền.

## **24.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề**

Vận hành thành thạo máy ủi, máy xúc, máy lu, máy san và một số loại máy liên quan khác để san lấp mặt bằng, rải vật liệu và gia cố nền móng đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng và nâng cao hiệu quả; bảo dưỡng kỹ thuật một số loại máy thi công nền; thường xuyên cập nhật kiến thức mới, kỹ năng vận hành và bảo dưỡng; tổ chức, điều hành tổ, nhóm thi công nền và kèm cặp người thợ có tay nghề thấp; thực hiện an toàn kỹ thuật và vệ sinh môi trường.

# **25. Ngành/ngề: Hướng dẫn du lịch**

## **25.1. Mô tả ngành/ngề**

“Hướng dẫn du lịch” là ngành/ngề chuyên tổ chức thực hiện và phục vụ khách theo các chương trình du lịch với các nhiệm vụ cơ bản như: Chuẩn bị, tổ chức thực hiện chương trình; thuyết minh; quản lý đoàn khách; hướng dẫn tham quan; Hỗ trợ quảng cáo tiếp thị và bán chương trình du lịch; thiết lập và duy trì các mối quan hệ với các đối tác; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình du lịch; chăm sóc khách hàng... đáp ứng nhu cầu của khách du lịch. Bảo đảm các yêu cầu về chất lượng, vệ sinh, an toàn, an ninh, chu đáo và lịch sự.

## **25.2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/ngề Hướng dẫn du lịch có thể tham gia vào các vị trí công việc như: Hướng dẫn viên tại điểm tham quan; hướng dẫn viên toàn tuyến; hướng dẫn viên dưới các hình thức du lịch khác; trưởng nhóm hướng dẫn viên; quản lý nghiệp vụ hướng dẫn của các công ty du lịch và các vị trí



khác... tùy theo khả năng cá nhân, lượng kiến thức được đào tạo và yêu cầu của công việc.

### ***25.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Nhiệm vụ chủ yếu của người Hướng dẫn du lịch là: Chuẩn bị tổ chức thực hiện chương trình du lịch; tổ chức thực hiện chương trình du lịch; thuyết minh; quản lý đoàn khách; Hỗ trợ quảng cáo, tiếp thị và phối hợp bán sản phẩm du lịch; giải quyết các công việc sau chuyến đi; chăm sóc khách hàng; tạo lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình du lịch; đảm bảo vệ sinh, an toàn và an ninh trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình du lịch; xử lý tình huống phát sinh trong Hoạt động hướng dẫn; học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

## **26. Ngành/nghề: Quản trị lữ hành**

### ***26.1. Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề “Quản trị lữ hành” là ngành/nghề trực tiếp thực hiện, quản lý và điều phối các Hoạt động Du lịch lữ hành. Là ngành/nghề phải thực hiện được việc: Thiết kế chương trình du lịch; tổ chức xúc tiến và bán sản phẩm du lịch; điều hành tổ chức và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình du lịch nhằm đảm bảo thực hiện tốt việc chăm sóc khách hàng để duy trì thị phần; thiết lập và duy trì tốt các mối quan hệ với đối tác; quản lý cơ sở vật chất - kỹ thuật; quản lý nhân sự; quản lý tài chính.

### ***26.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Quản trị lữ hành có thể đảm nhiệm công việc của cán bộ quản lý điều hành về nghiệp vụ lữ hành; trưởng nhóm nghiệp vụ; nhân viên nghiên cứu thị trường, thiết kế chương trình du lịch và bán chương trình du lịch; điều hành tour; đại lý viên lữ hành; tư vấn lữ hành; kiểm soát viên lữ hành; các vị trí khác tại phòng ban trong doanh nghiệp lữ hành tùy theo yêu cầu của công việc và khả năng cá nhân.

### ***26.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề***

Thiết kế chương trình du lịch; tổ chức xúc tiến và bán sản phẩm du lịch; điều hành tổ chức và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình du lịch nhằm đảm bảo thực hiện tốt việc chăm sóc khách hàng để duy trì thị phần; thiết lập và duy trì tốt các mối quan hệ với đối tác; quản lý cơ sở vật chất - kỹ thuật; quản lý nhân sự; quản lý tài chính; đảm bảo an toàn, an ninh theo quy định; Giám sát và đánh giá kết quả công việc một cách chặt chẽ nhằm đạt hiệu quả Kinh doanh cao.

## **27. Ngành/ngề: Quản trị khách sạn**

### ***27.1. Mô tả ngành/ngề***

Ngành/ngề “Quản trị khách sạn” là ngành/ngề trực tiếp quản lý các Hoạt động Kinh doanh hàng ngày của khách sạn, bao gồm việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm soát và đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch Kinh doanh của khách sạn; Giám sát các Hoạt động Dịch vụ và bộ phận chức năng: Lưu trú, ăn uống, Dịch vụ khác, tài chính, bán hàng - tiếp thị, nhân sự - hành chính, kỹ thuật, an ninh - an toàn.

### ***27.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/ngề Quản trị khách sạn đảm nhiệm được các vị trí: Trưởng các bộ phận, quản lý khách sạn, phó giám đốc khách sạn, giám đốc khách sạn, tùy theo khả năng cá nhân, lượng kiến thức được đào tạo và yêu cầu của công việc.

### ***27.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề***

Người làm ngành/ngề Quản trị khách sạn có các nhiệm vụ chủ yếu sau: quản lý chung (General Management); quản lý tiền sảnh (Front Office Management); quản lý Dịch vụ buồng (Housekeeping Management); quản lý Dịch vụ ăn uống (Restaurant Management); quản lý chế biến món ăn (Food Production Management); quản lý Dịch vụ khác (Other Services Management); quản lý nhân sự - hành chính (Personel & Administration

Management); quản lý bán hàng và tiếp thị (Sales & Marketing Management); quản lý cơ sở vật chất - kỹ thuật (Building & Engineering Management); quản lý tài chính (Financial Management); quản lý công tác an toàn, an ninh (Safety & Security Management); điều phối Hoạt động bộ phận an ninh - an toàn với các bộ phận liên quan.

## **28. Ngành/ngành: Kỹ thuật chế biến món ăn**

### **28.1. Mô tả ngành/ngành**

Ngành/ngành “Kỹ thuật chế biến món ăn” là ngành/ngành kỹ thuật, trực tiếp chế biến món ăn tại các cơ sở Kinh doanh ăn uống (khách sạn, nhà hàng...) với các nhiệm vụ cơ bản như: chuẩn bị công việc đầu ca; chế biến nước dùng; chế biến xốt; chế biến xúp, canh; chế biến sa lát, nộm; chế biến thịt gia súc, gia cầm; chế biến trứng gia cầm; chế biến thủy sản; chế biến rau, củ, quả; chế biến cơm, mỳ; chế biến bánh Á và món tráng miệng Á; chế biến bánh Âu và món tráng miệng Âu... đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm. Ngoài các nhiệm vụ cơ bản nói trên người lao động còn phải thực hiện một số nhiệm vụ khác có liên quan trực tiếp đến kỹ thuật chế biến món ăn như: Xây dựng thực đơn; quản lý nguyên liệu chế biến; quản lý tài sản; quản lý lao động; quản lý tác nghiệp (tổ chức sản xuất)... trong bộ phận chế biến.

### **28.2. Vị trí làm việc**

Các công việc của ngành/ngành chủ yếu được thực hiện tại nơi chế biến món ăn (khu vực nhà bếp) của các nhà hàng, khách sạn.

### **28.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Người làm nghề Kỹ thuật chế biến món ăn có nhiệm vụ: Xây dựng thực đơn; chuẩn bị công việc đầu ca; chế biến nước dùng; chế biến xốt, nước chấm; chế biến xúp, canh; chế biến nộm, sa lát; chế biến món ăn từ thịt gia súc, gia cầm; chế biến món ăn từ trứng gia cầm; chế biến món ăn từ thủy sản; chế biến món ăn từ rau, củ, quả; chế biến cơm, mỳ; chế biến bánh Á và món

ăn tráng miệng Á; chế biến bánh Âu và món ăn tráng miệng Âu...; quản lý nguyên liệu chế biến; quản lý tài sản; quản lý lao động; quản lý tác nghiệp (tổ chức sản xuất)...

## **29. Ngành/nghề: Quản trị nhà hàng**

### **29.1. Mô tả ngành/nghề**

Ngành/nghề “Quản trị nhà hàng” là ngành/nghề chuyên tổ chức, quản lý và điều hành các Hoạt động Kinh doanh nhà hàng và phục vụ khách ăn uống tại các nhà hàng, khách sạn và các cơ sở Kinh doanh ăn uống khác, với các hình thức phục vụ đa dạng phong phú (ăn theo thực đơn, chọn món, buffet, tiệc, đồ uống, các hình thức phục vụ khác...) đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, vệ sinh, an toàn thực phẩm, an ninh, chu đáo và lịch sự...

### **29.2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/nghề Quản trị nhà hàng có thể làm việc trong các nhà hàng thuộc các khách sạn, khu resort, khu nghỉ dưỡng du lịch, các nhà hàng độc lập với các vị trí từ nhân viên phục vụ trực tiếp, trưởng nhóm nghiệp vụ, trưởng ca, quản lý và các vị trí khác trong nhà hàng tùy theo khả năng cá nhân, lượng kiến thức được đào tạo và yêu cầu của công việc.

### **29.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề**

Người làm ngành/nghề Quản trị Nhà hàng thường thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu như: Chuẩn bị phục vụ; phục vụ khách theo thực đơn đặt trước (Set menu); phục vụ khách ăn chọn món (À la carté); phục vụ khách ăn tự chọn (Buffet); phục vụ tiệc (Banquet); phục vụ hội nghị, hội thảo; phục vụ khách ăn tại buồng nghỉ (Room service); tổ chức phục vụ các hình thức ăn uống khác; pha chế và phục vụ đồ uống; chăm sóc khách hàng; vệ sinh, an toàn, an ninh trong Hoạt động Kinh doanh nhà hàng; quản trị marketing nhà hàng; quản trị nhân lực nhà hàng; quản trị cơ sở vật chất, kỹ thuật nhà hàng; quản trị chất lượng Dịch vụ nhà hàng; quản trị tài chính nhà hàng.

### **30. Ngành/nghề: May thời trang**

#### ***30.1. Mô tả ngành/nghề***

“May thời trang” là ngành/nghề thiết kế, cắt, may các kiểu sản phẩm may từ cơ bản đến phức tạp, thực hiện chuyên sâu ở lĩnh vực may các sản phẩm trong ngành may công nghiệp và may các sản phẩm thời trang. Đồng thời là ngành/nghề sản xuất hàng loạt các sản phẩm may mặc trên dây chuyền theo một quy trình nhất định, được thực hiện từ khâu chuẩn bị sản xuất, cắt, may, hoàn thiện, tổ chức quản lý và điều hành sản xuất nhằm đảm bảo về các tiêu chuẩn của sản phẩm và thời gian ký kết với khách hàng.

#### ***30.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề May thời trang có thể trực tiếp làm việc tại các vị trí của dây chuyền may hoặc làm nhiệm vụ quản lý, tổ chức dây chuyền sản xuất may công nghiệp; làm kỹ thuật viên tại các phòng kỹ thuật của các doanh nghiệp may; có thể tham gia thiết kế mẫu, kiểm tra chất lượng sản phẩm trong các cơ sở sản xuất của ngành may mặc. Ngoài ra, có khả năng làm việc độc lập tại các cửa hiệu may đo.

#### ***30.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người hành nghề May thời trang có các nhiệm vụ chủ yếu như: Chuẩn bị kỹ thuật; cắt bán thành phẩm; may công đoạn; may ráp sản phẩm; hoàn thiện sản phẩm; thực hiện công tác an toàn và vệ sinh môi trường; quản lý và điều hành dây chuyền may; quản lý chất lượng sản phẩm; quản lý thiết bị, dụng cụ, đồ gá; quản lý vật tư, nguyên, phụ liệu; quản lý lao động.

### **31. Ngành/nghề: Thiết kế thời trang**

#### ***31.1. Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề “Thiết kế thời trang” là ngành/nghề trực tiếp thiết kế, cắt, may các kiểu sản phẩm may từ cơ bản đến phức tạp, thực hiện chuyên sâu ở lĩnh vực thiết kế và may các sản phẩm thời trang.

### **31.2. Vị trí làm việc**

Người hành nghề Thiết kế thời trang thường được bố trí làm việc ở các vị trí sau: Tại các cửa hiệu may đo, quản lý và điều hành công việc thiết kế, làm kỹ thuật viên tại các phòng kỹ thuật của các doanh nghiệp may.

### **31.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Tìm hiểu và phân tích thị trường; xác định nhân trắc cơ thể người; thiết kế hình khối trang phục; sử dụng màu sắc; bố cục trang phục; lựa chọn nguyên vật liệu; định hướng thời trang; thiết kế mẫu trang phục; ứng dụng phần mềm chuyên dụng để sáng tác mẫu; may mẫu thời trang; Xây dựng quy trình công nghệ và quản lý chất lượng; hoàn thiện mẫu; marketing sản phẩm; quản lý, điều hành thiết kế và môi trường làm việc; bồi dưỡng, học tập, phát triển nghề nghiệp.

## **32. Ngành/ngành: Thiết kế đồ họa**

### **32.1. Mô tả ngành/ngành**

Ngành/ngành “Thiết kế đồ họa” là ngành/ngành kết hợp các Hoạt động mang tính mỹ thuật và tính công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm hình ảnh phục vụ cho nhu cầu sản xuất, Kinh doanh và sinh hoạt của con người.

### **32.2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/ngành Thiết kế đồ họa thường làm việc tại bộ phận thiết kế trong các doanh nghiệp sản xuất: Công ty quảng cáo truyền thông, nhà xuất bản, xưởng phim hoạt hình, studio ảnh nghệ thuật, công ty sản xuất game, công ty phần mềm...

### **32.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Các nhiệm vụ chủ yếu của người làm ngành/ngành Thiết kế đồ họa là: Xác định yêu cầu thiết kế; Xây dựng ý tưởng về sản phẩm thiết kế; thiết kế bố cục, phong chữ, đồ vật, con người; thiết kế đồ họa động; thiết kế lôgô, quảng cáo, kiểu dáng bao bì, nhãn mác hàng hoá...; xử lý ảnh với sự trợ giúp của máy tính.

### **33. Ngành/nghề: Thú y**

#### **33.1. Mô tả ngành/nghề**

Ngành/nghề “Thú y” là ngành/nghề Hoạt động trong lĩnh vực chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, hướng dẫn kỹ thuật... nhằm bảo vệ sức khỏe và phòng chống dịch bệnh cho vật nuôi theo đúng pháp luật, cung cấp cho xã hội các sản phẩm vật nuôi an toàn góp phần phát triển chăn nuôi bền vững. Môi trường Hoạt động của người làm công tác Thú y là các trang trại chăn nuôi, cơ sở giết mổ, cơ quan quản lý nhà nước về Thú y hoặc mạng lưới Thú y ở tuyến cơ sở.

#### **33.2. Vị trí làm việc**

Vị trí làm việc của người làm công tác Thú y thường gắn với các trang trại; mạng lưới Thú y cấp phường, xã; trạm Thú y quận, huyện, tỉnh; các công ty chăn nuôi, công ty thuốc Thú y hoặc tự đứng ra Kinh doanh cửa hàng thuốc Thú y, mở bệnh xá Thú y...

#### **33.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề**

Sử dụng thuốc Thú y, vaccine; sử dụng dụng cụ thú y; phòng bệnh; chẩn đoán; điều trị bệnh; chống dịch bệnh; thực hành sản khoa; gieo tinh nhân tạo; thực hiện công tác khuyến nông; kiểm dịch, kiểm soát giết mổ; quán triệt luật Thú y; tổ chức, điều hành cơ sở Thú y theo từng cấp; nghiên cứu, ứng dụng khoa học.

### **34. Ngành/nghề: Chăn nuôi gia súc, gia cầm**

#### **34.1. Mô tả ngành/nghề**

Ngành/nghề “Chăn nuôi gia súc, gia cầm” là ngành/nghề sản xuất tạo ra sản phẩm chăn nuôi phục vụ cho con người. Ngành/nghề Chăn nuôi gia súc, gia cầm là ngành/nghề phải thực hiện được việc: Thiết kế và Xây dựng chuồng trại chăn nuôi; lắp đặt, kiểm tra dụng cụ, thiết bị chăn nuôi; sản xuất giống gia súc, gia cầm; nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi; vệ sinh thú y và phòng bệnh, điều trị bệnh cho vật nuôi; thu hoạch và bảo quản sản phẩm chăn

nuôi; tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi đúng với yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả và bảo đảm an toàn cho người, vật nuôi cũng như môi trường.

### **34.2. Vị trí làm việc**

Người hành nghề Chăn nuôi gia súc, gia cầm làm việc tại: Các cơ sở chăn nuôi; công ty chăn nuôi; công ty giống vật nuôi; cơ sở sản xuất thức ăn gia súc; các trang trại chăn nuôi; trung tâm khuyến nông khuyến lâm.

### **34.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Nghiên cứu xu hướng thị trường; lập phương án sản xuất Kinh doanh; thiết kế và Xây dựng chuồng trại chăn nuôi; kiểm tra chuồng trại; lắp đặt và kiểm tra dụng cụ, thiết bị chăn nuôi; chuẩn bị thức ăn và nguyên liệu; kiểm tra nước uống; sản xuất giống gia súc, gia cầm; nuôi dưỡng vật nuôi; chăm sóc vật nuôi; vệ sinh thú y và phòng bệnh; điều trị bệnh; thu hoạch và bảo quản sản phẩm; tiêu thụ sản phẩm.

## **35. Ngành/ngành: Khuyến nông lâm**

### **35.1. Mô tả ngành/ngành**

“Khuyến nông lâm” là ngành/ngành tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến kiến thức, đào tạo huấn luyện và tư vấn, Hỗ trợ cho nông dân nhằm thúc đẩy sản xuất nông lâm nghiệp phát triển.

### **35.2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/ngành Khuyến nông lâm thường đảm nhiệm các vị trí công việc của cán bộ khuyến nông, khuyến lâm làm việc tại các trung tâm khuyến nông, khuyến lâm các trạm khuyến nông, lâm tùy theo yêu cầu công việc và năng lực cá nhân.

### **35.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trong sản xuất nông, lâm nghiệp đến người dân; tổng hợp và phổ biến các kỹ thuật, tiến bộ khoa học và công nghệ, các điển hình tiên tiến trong sản xuất, Kinh doanh nông, lâm nghiệp; bồi dưỡng, tập huấn và



đào tạo, truyền ngành/nghề cho nông dân về kỹ năng sản xuất, tổ chức, quản lý sản xuất Kinh doanh trong các lĩnh vực nông-lâm nghiệp; trình diễn và nhân rộng các mô hình tiên bộ khoa học và công nghệ phù hợp với từng địa phương, nhu cầu của người sản xuất và định hướng của ngành, các mô hình thực hành sản xuất tốt gắn với tiêu thụ sản phẩm; tư vấn về ngành ngành/nghề sản xuất và Dịch vụ nông nghiệp nông thôn.

### **36. Ngành/nghề: Lâm sinh**

#### ***36.1. Mô tả ngành/nghề***

“Lâm sinh” là ngành/nghề trồng cây gây rừng. Người làm ngành/nghề Lâm sinh phải thực hiện được các nhiệm vụ: Tạo cây giống, trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, cải tạo, làm giàu rừng và sản xuất nông lâm kết hợp trên đất nông lâm nghiệp của cá nhân, hộ gia đình, các doanh nghiệp và cơ quan nhà nước nhằm phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái. Để hành nghề, người lao động cần có đủ sức khỏe, cần cù, chịu khó, làm được các công việc ngoài trời, nơi địa hình phức tạp, đi lại khó khăn và khí hậu bất lợi.

#### ***36.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Lâm sinh được bố trí làm việc tại các vị trí sau: Các trang trại, các hộ gia đình, các doanh nghiệp và cơ quan nhà nước nhằm phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái; các công ty môi trường và công ty môi trường đô thị.

#### ***36.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thiết kế trồng rừng; nhân giống cây trồng; trồng và chăm sóc rừng; nuôi dưỡng và phục hồi rừng; quản lý bảo vệ rừng; thiết kế Khai thác gỗ; Khai thác gỗ và tre nứa; trồng cây ăn quả; trồng cây công nghiệp; trồng và thu hoạch một số lâm sản ngoài gỗ; trồng hoa và cây cảnh; nông, lâm kết hợp; khuyến nông lâm; Kinh doanh sản xuất nông, lâm nghiệp.

## **37. Ngành/nghề: Kiểm lâm**

### ***37.1. Mô tả ngành/nghề***

“Kiểm lâm” là ngành/nghề thực hiện chức năng tham mưu, quản lý nhà nước về bảo vệ rừng và bảo đảm chấp hành pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng trong phạm vi cả nước.

### ***37.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Kiểm lâm thường được bố trí làm việc tại các hạt kiểm tra lâm cấp huyện, hạt kiểm lâm rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, cơ quan kiểm lâm địa bàn hoặc chuyên viên ở một số bộ phận tại cơ quan kiểm lâm cấp cục, chi cục kiểm lâm, và các cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp.

### ***37.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của kiểm lâm: tuyên truyền giáo dục pháp luật lâm nghiệp; thực hiện nghiệp vụ hành chính kiểm lâm; nâng cao hiệu lực thi hành nhiệm vụ kiểm lâm; thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng; theo dõi diễn biến tài nguyên rừng; Xây dựng biện pháp bảo tồn thực vật, bảo tồn đa dạng sinh học và động vật, quản lý kỹ thuật gây nuôi một số động thực vật hoang dã; quản lý bền vững hệ sinh thái rừng; Xây dựng và phát triển rừng; chuyển giao kỹ thuật khuyến nông lâm.

## **38. Ngành/nghề: Bảo vệ thực vật**

### ***38.1. Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề “Bảo vệ thực vật” là ngành/nghề chuyên xác định, đánh giá và đưa ra giải pháp kỹ thuật cho các vấn đề bảo vệ thực vật trong sản xuất cây trồng nhằm cải thiện thu nhập của nông dân và sản xuất những giống cây trồng bền vững.

### ***38.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Bảo vệ thực vật có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm tùy theo tình hình cụ thể, làm việc trong các nông hộ, trang trại,

hợp tác xã, công ty sản xuất, Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật; làm việc tại các cơ sở trong mạng lưới chuyên ngành bảo vệ thực vật các cấp...

### ***38.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Ngành/nghề Bảo vệ thực vật thực hiện các nhiệm vụ như: Tổ chức Xây dựng, điều hành mạng lưới chuyên ngành bảo vệ thực vật các cấp, sản xuất, Kinh doanh thuốc Bảo vệ thực vật; thực hiện các thao tác bảo vệ cây trồng trên đồng ruộng.

## **39. Ngành/nghề: Nuôi trồng thủy sản nước ngọt**

### ***39.1. Mô tả ngành/nghề***

Nuôi trồng thủy sản nước ngọt là một bộ phận của nền sản xuất nông nghiệp nước ta. Ngành/nghề “Nuôi trồng thủy sản nước ngọt” là ngành/nghề sản xuất ra sản phẩm thủy sản có chất lượng cao phục vụ cho đời sống của nhân dân và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, xuất khẩu, góp phần cải tạo môi trường sinh thái.

### ***39.2. Vị trí làm việc***

Kỹ thuật viên sản xuất giống thủy sản nước ngọt; kỹ thuật viên nuôi thương phẩm thủy sản nước ngọt; nhân viên bảo quản sản phẩm thủy sản sau thu hoạch; kỹ thuật viên phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

### ***39.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Xác định thủy sinh vật; xác định một số chỉ tiêu sinh học ở cá, tôm...; khảo sát, thiết kế công trình nuôi thủy sản; chuẩn bị công trình nuôi thủy sản; sản xuất và sử dụng thức ăn trong nuôi trồng thủy sản; quản lý chất lượng nước trong nuôi thủy sản; phòng và trị bệnh động vật thủy sản; thực hiện an toàn lao động trong nuôi trồng thủy sản; sản xuất giống nhóm cá đẻ trứng bán trôi nổi; sản xuất giống nhóm cá đẻ trứng dính; sản xuất giống cá da trơn; sản xuất giống cá rô phi đơn tính đực; sản xuất giống tôm càng xanh; nuôi cá ao nước tĩnh; nuôi cá ruộng; nuôi cá lồng bè; nuôi tôm càng xanh; nuôi cá tra,

basa; sản xuất giống và nuôi baba; sản xuất giống và nuôi ếch; vận chuyển động vật thủy sản...

#### **40. Ngành/nghề: Nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ**

##### ***40.1. Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề “Nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ” là ngành/nghề sản xuất ra sản phẩm thủy sản có chất lượng cao phục vụ cho đời sống của nhân dân và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, xuất khẩu, góp phần cải tạo môi trường sinh thái.

##### ***40.2. Vị trí làm việc***

Kỹ thuật viên sản xuất giống thủy sản nước mặn lợ; kỹ thuật viên nuôi trồng thủy sản nước mặn lợ; nhân viên bảo quản sản phẩm thủy sản sau thu hoạch; kỹ thuật viên phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

##### ***40.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Xác định thủy sinh vật; xác định một số chỉ tiêu sinh học ở cá; khảo sát, thiết kế công trình nuôi thủy sản; chuẩn bị công trình nuôi thủy sản; sản xuất và sử dụng thức ăn trong nuôi thủy sản; quản lý chất lượng nước trong nuôi thủy sản; phòng và trị bệnh động vật thủy sản; thực hiện an toàn lao động trong nuôi trồng thủy sản; sản xuất giống cá biển; sản xuất giống tôm sú; sản xuất giống tôm he chân trắng; sản xuất giống cua biển; sản xuất giống động vật thân mềm; nuôi cá lồng bè trên biển; nuôi cá trong ao nước lợ, mặn; nuôi tôm sú thương phẩm; nuôi tôm he chân trắng thương phẩm; nuôi cua thương phẩm; nuôi hàu Thái Bình dương; nuôi tu hài; nuôi ngao, nghêu; nuôi trai ngọc biển; vận chuyển động vật thủy sản.

#### **41. Ngành/nghề: Lâm nghiệp đô thị**

##### ***41.1. Mô tả ngành/nghề***

“Lâm nghiệp đô thị” là ngành/nghề thiết kế, trồng, chăm sóc, bảo vệ và quản lý hệ thống cây bóng mát, cây trang trí trong các khu đô thị.

### ***41.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Lâm nghiệp đô thị có thể được bố trí làm việc tại các doanh nghiệp, làm việc ở các công ty công trình đô thị, các khu du lịch, các cơ quan, trường học và các cơ sở sản xuất, Dịch vụ cây xanh.

### ***41.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề Lâm nghiệp đô thị là: thiết kế và tổ chức thi công các công trình cảnh quan, chuẩn bị cây giống, trồng, chăm sóc và quản lý, bảo vệ cây bóng mát, cây trang trí, sử dụng thành thạo các công cụ, dụng cụ và thiết bị thường dùng trong sản xuất và thi công công trình cây xanh đô thị, bảo dưỡng công trình cảnh quan, thực hiện an toàn vệ sinh lao động và quản lý rừng đô thị.

## **42. Ngành/nghề: Kỹ thuật dược**

### ***42.1. Mô tả ngành/nghề***

“Kỹ thuật dược” là ngành/nghề thực hiện quá trình sản xuất dược phẩm, tham gia quá trình bảo quản, kiểm tra chất lượng thuốc, nhằm mục đích tạo ra các sản phẩm chất lượng, an toàn cho người sử dụng, phù hợp với giấy phép lưu hành.

### ***42. 2. Vị trí làm việc***

Người có chuyên môn ngành/nghề Kỹ thuật dược có thể làm việc tại các vị trí như: Các phân xưởng sản xuất thuốc viên; phân xưởng sản xuất thuốc tiêm, tiêm truyền, nhỏ mắt; phân xưởng sản xuất thuốc dùng ngoài, thuốc uống; kho bảo quản thuốc và nguyên liệu làm thuốc; phòng kiểm tra chất lượng thuốc. Làm việc tại các khoa dược của các bệnh viện; tại các cửa hàng thuốc, các công ty dược học hoặc có thể là chủ cửa hàng thuốc.

### ***42.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Lập kế hoạch sản xuất; Xây dựng định mức kinh tế, kỹ thuật, định mức lao động; thực hiện được các quá trình pha chế, đóng gói sản phẩm theo quy định của quy chế; thực hiện nhiệm vụ kiểm soát, kiểm tra trong quá trình sản

xuất; tham gia kiểm tra chất lượng; thực hiện việc bảo quản, cấp phát nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm; thực hiện vận hành thiết bị, máy móc trong sản xuất đúng quy trình kỹ thuật; thực hiện việc ghi chép hồ sơ lô, biểu mẫu đúng quy định; giải quyết được các sự cố đơn giản trong quá trình sản xuất; thực hiện vệ sinh công nghiệp, vệ sinh cá nhân đúng quy định GMP; thực hiện an toàn lao động; tham gia bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; tham gia đào tạo, bồi dưỡng các nhân viên mới.

### **43. Ngành/nghề: Điều dưỡng**

#### **43.1. Mô tả ngành/nghề**

“Điều dưỡng” là ngành/nghề độc lập đã được công nhận trên thế giới nói chung và trong hệ thống y tế Việt Nam nói riêng. Đối tượng phục vụ của người điều dưỡng là người bệnh và người bình thường nhưng quan tâm đến vấn đề sức khỏe trong cộng đồng, điều dưỡng đưa ra quyết định về Hoạt động chăm sóc, tư vấn về sức khỏe và thực hiện chỉ định của bác sĩ.

#### **43.2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/nghề Điều dưỡng có thể được bố trí làm việc tại bất kỳ một cấp nào trong hệ thống y tế Việt Nam như: Các bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám, trạm y tế, y tế cơ quan, mạng lưới y tế dự phòng, các viện điều dưỡng và trung tâm phục hồi chức năng, các viện nghiên cứu và các trường đào tạo điều dưỡng.

#### **43.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề**

Chăm sóc về tinh thần cho người bệnh; chăm sóc vệ sinh cá nhân cho người bệnh; chăm sóc về dinh dưỡng cho người bệnh; chăm sóc phục hồi chức năng cho người bệnh; chăm sóc người bệnh có chỉ định phẫu thuật, thủ thuật; chăm sóc người bệnh giai đoạn hấp hối và người bệnh tử vong; chăm sóc sản phụ và người mắc bệnh phụ khoa; chăm sóc trẻ sơ sinh và bệnh nhi; sơ cứu cấp cứu; làm các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản; nhân viên điều dưỡng nâng cao; nhân viên điều dưỡng chuyên khoa cơ bản; dùng thuốc và theo dõi

dùng thuốc cho người bệnh; theo dõi, đánh giá người bệnh; kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện; tư vấn, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân người bệnh; kiểm soát an toàn và phòng ngừa sai sót chuyên môn kỹ thuật trong chăm sóc người bệnh; ghi chép và quản lý hồ sơ bệnh án; đào tạo và nghiên cứu khoa học.

#### **44. Ngành/ngành: Hộ sinh**

##### ***44.1. Mô tả ngành/ngành***

“Hộ sinh” là ngành/ngành chăm sóc sức khỏe cho thai phụ, giúp đỡ cho phụ nữ sinh đẻ và chăm sóc trẻ em sơ sinh.

##### ***44.2. Vị trí việc làm***

Người làm ngành/ngành Hộ sinh có khả năng làm việc tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập ở tất cả các tuyến từ trung ương đến cơ sở, cộng đồng trong toàn quốc, các cơ sở đào tạo cán bộ y tế, đặc biệt là chuyên khoa sản.

##### ***44.3. Những nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Khám, tư vấn, chăm sóc trước sinh cho thai phụ; người trực tiếp theo dõi diễn biến cuộc chuyển dạ, chuẩn bị dụng cụ, phụ giúp bác sĩ, động viên sản phụ giúp cho ca đẻ an toàn; làm công việc bà đỡ; hướng dẫn sản phụ cho con bú, phát hiện các bất thường của sản phụ sau sinh và chăm sóc trẻ; tư vấn chăm sóc sức khỏe cho mẹ và bé.

#### **45. Ngành/ngành: Thương mại điện tử**

##### ***45.1. Mô tả ngành/ngành***

“Thương mại điện tử” là ngành/ngành giao dịch thương mại thông qua các phương tiện điện tử. Ngành/ngành Thương mại điện tử bao gồm các Hoạt động mua bán hàng hóa và Dịch vụ thông qua phương tiện điện tử; giao nhận các nội dung kỹ thuật số trên mạng; chuyển tiền điện tử; mua bán cổ phiếu điện tử; vận đơn điện tử; đấu giá thương mại; hợp tác thiết kế; tài nguyên mạng; mua sắm công cộng; tiếp thị trực tuyến tới người tiêu dùng và các Dịch

vụ sau bán hàng. Ngành/nghề Thương mại điện tử được thực hiện đối với cả thương mại hàng hóa và thương mại Dịch vụ.

#### **45.2. Vị trí làm việc**

Vị trí làm việc của người làm ngành/nghề Thương mại điện tử là làm việc tại các cửa hàng Bán buôn, bán lẻ, siêu thị, các phòng nghiệp vụ Kinh doanh, phòng Xuất nhập khẩu, phòng marketing của các doanh nghiệp.

Địa bàn Hoạt động của ngành/nghề Thương mại điện tử theo đối tượng khách hàng, phạm vi Hoạt động có thể trong nước hoặc ngoài nước.

#### **45.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề**

Thực hiện mua, bán hàng hóa; thực hiện marketing điện tử; thực hiện quy trình vận tải, giao nhận và bảo hiểm hàng hóa; thực hiện các giao dịch thương mại điện tử; thực hiện Xây dựng và sử dụng hệ thống mạng máy tính; xử lý ảnh và thiết kế đồ họa; thiết kế và quản trị hệ thống website.

### **46. Ngành/nghề: Logistics**

#### **46.1. Mô tả ngành/nghề**

“Logistics” là một trong những ngành “Dịch vụ hậu cần”, được hiểu đơn giản là quá trình chuẩn bị hàng hóa, sắp xếp, đóng gói, kẻ kí mã hiệu và bảo quản hàng hóa, vận chuyển hàng hóa ra cảng và làm thủ tục thông quan xuất khẩu hoặc nhập khẩu cho hàng.

#### **46.2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/nghề logistics có thể công tác tại các doanh nghiệp làm Dịch vụ logistics, doanh nghiệp làm Dịch vụ vận tải đa phương thức nói riêng và các doanh nghiệp Dịch vụ vận tải, giao nhận nói chung; làm việc tại các phòng ban nghiệp vụ phù hợp chuyên môn gồm: Kế hoạch, Khai thác, marketing, Dịch vụ khách hàng, Kinh doanh quốc tế, kho vận, cung ứng vật tư, kế toán...



### ***46.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Dịch vụ logistics là một quá trình khép kín từ việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát hàng hóa đến nơi tiêu thụ cuối cùng là người tiêu dùng. Logistics gồm rất nhiều Dịch vụ như vận tải, kho bãi, xếp dỡ... với nhiều tiềm năng để phát triển.

### **47. Ngành/ngành: Quản trị cơ sở dữ liệu**

#### ***47.1. Mô tả ngành/ngành***

“Quản trị cơ sở dữ liệu” là ngành/ngành chuyên thực hiện quá trình tổ chức, quản lý, Khai thác, sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu nhằm phục vụ và nâng cao hiệu quả Hoạt động của doanh nghiệp.

#### ***47.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/ngành Quản trị cơ sở dữ liệu thường được bố trí làm việc ở các cơ quan, xí nghiệp, các tập đoàn đa quốc gia trong môi trường tổ chức, quản lý, Khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu và phát triển phần mềm.

#### ***47.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Người làm ngành/ngành Quản trị cơ sở dữ liệu có nhiệm vụ chủ yếu là: Xác định yêu cầu của hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL); lập kế hoạch phát triển hệ thống CSDL; phân tích hệ thống CSDL; thiết kế hệ thống CSDL; cài đặt phần mềm quản trị CSDL; thiết lập hệ thống CSDL; Khai thác hệ thống CSDL; quản lý hệ thống CSDL; bảo trì hệ thống; bảo mật hệ thống CSDL; nâng cấp hệ thống CSDL; Xây dựng ứng dụng; tích hợp các hệ thống cơ sở dữ liệu; Hỗ trợ người dùng CSDL.

### **48. Ngành/ngành: Điều khiển phương tiện thủy nội địa**

#### ***48.1. Mô tả ngành/ngành***

“Điều khiển phương tiện thủy nội địa” là ngành/ngành trực tiếp điều khiển tàu, thuyền hoặc các cấu trúc nổi khác Hoạt động trên đường thủy nội địa; thường xuyên lưu động, công việc nặng nhọc luôn luôn phải chịu sóng gió, rung động, tiếng ồn; luôn gặp khó khăn trong lúc hành nghề nhất là khi

gặp sóng to, gió lớn, lũ lụt hoặc bão tố, khi làm việc trên cao hoặc dưới hầm hàng; luôn phải tiếp xúc với sơn, dầu mỡ và các chất độc hại khác. Ngành/nghề “Điều khiển phương tiện thủy nội địa” là ngành/nghề cần có tính sáng tạo, quyết đoán, xử lý nhanh nhạy kịp thời khi có tình huống khẩn cấp xảy ra; đồng thời cần có tính kiên trì, bền bỉ để phù hợp với những chuyến đi độc lập dài ngày.

#### **48.2. Vị trí làm việc**

Người hành nghề Điều khiển phương tiện thủy nội địa điều khiển được các phương tiện như: Tàu, thuyền, xà lan, ca nô...

#### **48.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề**

Người hành nghề Điều khiển phương tiện thủy nội địa có các nhiệm vụ chủ yếu sau: Chuẩn bị cho chuyến đi; làm dây; vận hành các trang thiết bị boong; giao nhận và bảo quản hàng hóa; đón trả và phục vụ hành khách; điều động tàu; trực ca; bảo quản, bảo dưỡng phương tiện và các thiết bị boong; vận hành và bảo dưỡng các thiết bị hàng hải; đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường; thực hiện công tác hậu cần; thực hiện quan hệ giao dịch; hạch toán vận tải; thực hiện kế hoạch sửa chữa; lãnh đạo và quản lý; xử lý trong các tình huống nguy cấp.

### **49. Ngành/nghề: Khai thác máy tàu thủy**

#### **49.1. Mô tả ngành/nghề**

“Khai thác máy tàu thủy” là ngành/nghề Khai thác, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị thuộc bộ phận quản lý máy nhằm đảm bảo sự Hoạt động an toàn, hiệu quả cho con người, tàu và bảo vệ môi trường.

#### **49.2. Vị trí làm việc**

Người hành nghề Khai thác máy tàu thủy làm việc tại bộ phận quản lý máy trên tàu thủy hoặc có thể làm việc tại các xưởng đóng tàu (bộ phận máy tàu thủy), xưởng sửa chữa và bảo dưỡng tàu thủy.

### ***49.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Người hành nghề Khai thác máy tàu thủy có các nhiệm vụ chính sau: Khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị động lực chính tàu thủy; Khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị phụ và hệ thống phục vụ tàu thủy; trực ca buồng máy; thực hiện an toàn, an ninh hàng hải; phòng chống ô nhiễm môi trường; xử lý các tình huống nguy cấp; nhận và quản lý vật tư nhiên liệu.

### **50. Ngành/ngành: Nguội sửa chữa máy công cụ**

#### ***50.1. Mô tả ngành/ngành***

Ngành/ngành “Nguội sửa chữa máy công cụ” là ngành/ngành chuyên kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa máy công cụ như: Máy tiện Khoan - Phay... và các thiết bị truyền dẫn thủy lực và khí nén đúng yêu cầu kỹ thuật, ngoài ra còn bảo dưỡng, điều chỉnh được các cơ cấu điều khiển truyền dẫn cơ khí trong máy công cụ CNC.

Ngành/ngành “Nguội sửa chữa máy công cụ” là một ngành/ngành đòi hỏi trình độ tay nghề cơ khí và khả năng phân tích, phán đoán chính xác để tiến hành bảo dưỡng và sửa chữa các máy công cụ vốn là loại máy có độ chính xác rất cao.

#### ***50.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Nguội sửa chữa máy công cụ thường làm việc tại phòng cơ điện, phân xưởng sửa chữa hoặc tổ sửa chữa trong phân xưởng cơ khí hoặc làm chủ các xưởng cơ khí tư nhân.

#### ***50.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Thực hiện an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp chế độ lao động; chuẩn bị trước khi bảo dưỡng và sửa chữa; thực hiện công việc hỗ trợ cho ngành/ngành; sửa chữa chi tiết bằng phương pháp gia công nguội; tháo bộ phận máy; sửa chữa trục; sửa chữa vỏ hộp; sửa chữa thanh truyền, càng gạt; sửa chữa ổ trượt; sửa chữa chi tiết dạng đĩa; sửa chữa cơ cấu dẫn hình; sửa chữa

mặt trượt trên thân máy; sửa chữa hệ thống thủy lực, khí nén; lắp ráp và điều chỉnh máy; bảo dưỡng máy công cụ; phát triển nghề nghiệp.

## **51.Ngành/nghe: Gia công và thiết kế sản phẩm mộc**

### **51.1. Mô tả ngành/nghe**

“Gia công và thiết kế sản phẩm mộc” là ngành/nghe sử dụng nguyên liệu chính là gỗ để sản xuất ra các sản phẩm đồ mộc như bàn, ghế, giường, tủ... Ngành/nghe này phải thực hiện được các nhiệm vụ: Sấy gỗ; pha phối; gia công mặt phẳng; gia công mối ghép mộng; gia công mặt cong; ghép ván; tiện gỗ; lắp ráp sản phẩm; trang sức bề mặt sản phẩm.

### **51. 2. Vị trí làm việc**

Người hành nghề Gia công và thiết kế sản phẩm mộc thường được làm trong các nhà máy chế biến gỗ từ khâu thiết kế mẫu đến sản xuất sản phẩm hoặc có thể làm chủ cơ sở sản xuất các sản phẩm mộc...

### **51.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghe**

Thiết kế sản phẩm mộc; chuẩn bị nguyên liệu; sấy gỗ; pha phối; gia công mặt phẳng; gia công mối ghép mộng; gia công mặt cong; ghép ván; tiện gỗ; lắp ráp sản phẩm; trang sức bề mặt sản phẩm.

## **52.Ngành/nghe: Cấp, thoát nước**

### **52.1. Mô tả ngành/nghe**

“Cấp, thoát nước” là ngành/nghe chuyên lắp đặt, vận hành, quản lý, bảo trì các thiết bị công trình cho hệ thống cấp, thoát nước. Ngành/nghe Cấp, thoát nước là ngành/nghe phải thực hiện được các công việc, như: Lắp đặt đường ống và thiết bị, phụ kiện mạng lưới đường ống cấp nước, thoát nước, thiết bị vệ sinh, ống và thiết bị thu nước, xử lý nước, làm sạch nước thải, các trạm bơm; quản lý, bảo trì, vận hành toàn bộ hệ thống cấp, thoát nước đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và an toàn lao động.

### **52.2. Vị trí làm việc**

Người hành nghề Cấp thoát nước thường được bố trí làm tại các công ty cổ phần cấp thoát nước; các nhà máy nước; các công ty quản lý công trình đô thị; các công ty Xây dựng; công ty đóng tàu biển; các nhà máy chế biến thực phẩm, sản xuất vật liệu, Khai thác hầm mỏ trên toàn quốc...

### **52.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Lắp đặt các đường ống cấp nước; lắp đặt các đường ống thoát nước; lắp đặt các thiết bị dùng nước; lắp đặt hệ thống ống và thiết bị cho các công trình xử lý nước cấp; lắp đặt ống và thiết bị cho các công trình xử lý nước thải; lắp đặt máy bơm; vận hành công trình xử lý nước cấp; vận hành, quản lý hệ thống đường ống cấp, thoát nước; vận hành công trình xử lý nước thải; thực hiện an toàn lao động và dùng nước công nghiệp; phát triển nghề nghiệp.

## **53. Ngành/ngành: Vận hành cần, cầu trục**

### **53.1. Mô tả ngành/ngành**

Ngành/ngành “Vận hành cần trục” là ngành/ngành sử dụng cần trục để xếp dỡ hàng hóa, Xây dựng các công trình ở miền núi, đồng bằng, các khu công nghiệp, khu dân cư trong cả nước cũng như trong khu vực.

### **53.2. Vị trí làm việc**

Người hành nghề Vận hành cần trục thường được bố trí làm việc tại các công ty, xí nghiệp, các cảng nội địa, cảng biển, tự hành nghề Vận hành cần trục.

### **53.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Lập phương án cầu; đưa phương tiện đến nơi làm việc; xếp dỡ hàng hoá; hướng dẫn thợ phụ; xử lý sự cố xảy ra khi làm việc; bảo dưỡng thiết bị.

## **54. Ngành/ngành: Lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp có điện áp từ 220 kV trở lên**

### **54.1. Mô tả ngành/ngành**

“Lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp tải có điện áp từ 220 kV trở lên” là ngành/nghề thực hiện xây lắp, thi công các đường dây tải điện, các trạm biến áp có điện áp từ 220 kV trở lên.

#### ***54. 2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp tải có điện áp từ 220 kV trở lên thường được bố trí làm việc trong các tổ, đội, công ty Xây lắp điện tại các công trình xây lắp đường dây và trạm biến áp. Các vị trí làm việc cụ thể của ngành/nghề này thường là: Công nhân, cán bộ kỹ thuật, cán bộ điều hành thi công công trình.

#### ***54.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thi công đào đục móng cột, trụ móng, trụ đỡ thiết bị; thi công tiếp địa và lắp móng; lắp dựng cột thép bằng trụ leo; dựng cột bê tông bằng trụ; rải dây, lấy độ võng, lắp phụ kiện cho đường dây; lắp đặt trụ đỡ thiết bị, dàn thanh cái; lắp đặt MBA lực; lắp đặt thiết bị nhất thứ; lắp đặt các thiết bị nhị thứ; lắp đặt cáp lực và cáp điều khiển, cáp chiếu sáng; rải dây, lấy độ võng, lắp phụ kiện cho đường dây cáp quang.

**55.Ngành/nghề: Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 220kV trở lên**

#### ***55.1. Mô tả ngành/nghề***

“Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 220kV trở lên” là ngành/ nghề liên quan đến công tác quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 220kV trở lên.

#### ***55.2. Vị trí làm việc***

Lao động quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 220kV trở lên. Người có chuyên môn Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 220kV trở lên thường được bố trí công việc tại các cơ sở điện lực (sản xuất, Kinh doanh điện...).

### ***55.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Thường xuyên kiểm tra, phát hiện tồn tại, khiếm khuyết và sửa chữa, xử lý các phần tử hư hỏng trên đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 220kV trở lên đảm bảo lưới truyền tải điện vận hành an toàn, liên tục, đúng quy trình, quy phạm, kinh tế và đảm bảo chất lượng điện năng. Nghiệm thu các công trình lưới điện Xây dựng mới và sau trung, đại tu theo quy định. Vận hành, sửa chữa thiết bị phòng chống cháy nổ; thực hiện công tác PCBL; tuyên truyền bảo vệ an toàn lưới điện nhằm xã hội hóa công tác bảo vệ tài sản quốc gia. Quản lý hệ thống hồ sơ, sổ sách, tài liệu kỹ thuật... phục vụ công tác quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp. Sử dụng các máy móc, trang thiết bị dụng cụ để: kiểm tra, đo đạc, phân tích; sửa chữa, thay thế các phần tử hỏng.

## **56. Ngành/ngành: Sửa chữa đường dây trung áp đang vận hành đến 22 KV**

### ***56.1. Mô tả ngành/ngành***

“Sửa chữa đường dây trung áp đang vận hành đến 22 KV” là ngành/ngành mà người thợ làm việc trực tiếp với lưới điện đang mang điện đến cấp điện áp 22KV để sửa chữa, bảo trì, thay thế các phần tử lưới điện (sứ cách điện; mối nối; thiết bị đóng cắt, thiết bị bảo vệ, thiết bị đo đếm, trụ/cột, xà/đà; xử lý dây dẫn bị tua/xước) mà không làm gián đoạn cung cấp điện, ứng dụng các phương tiện bảo vệ cá nhân, các trang cụ an toàn; đảm bảo an toàn lao động, an toàn điện.

### ***56.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/ngành sửa chữa đường dây trung áp đang vận hành đến 22kV được bố trí làm việc tại các đơn vị quản lý, bảo trì lưới điện đến cấp điện áp 22kV.

### ***56.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Khảo sát hiện trường; thực hiện an toàn; bảo trì sứ đứng; bảo trì sứ neo; bảo trì đà (xa); bảo trì mối nối; xử lý dây dẫn bị tưa (xước); cô lập, đấu nối lưới điện; thay thiết bị; thay trụ (cột).

## **57. Ngành/nghề: Xếp dỡ cơ giới tổng hợp**

### ***57.1. Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề “Xếp dỡ cơ giới tổng hợp” là ngành/nghề vận hành, bảo dưỡng sửa chữa một số hư hỏng thông thường trên các phương tiện máy nâng hàng, cần trục chân đế, cần trục kiểu tự hành, cần cầu tháp, máy xúc lật, máy vận thăng, máy vận chuyển liên tục, máy tời, máy cầu cổng trục, cầu trục và một số loại máy liên quan khác để thực hiện xếp, dỡ hàng hóa trong các công ty, nhà máy, bến bãi, hải cảng, công trình Xây dựng... lên xuống phương tiện vận chuyển hoặc có thể từ nơi sản xuất vào trong kho chứa và ngược lại.

### ***57.2. Vị trí làm việc***

Làm thợ vận hành và bảo dưỡng máy: Máy nâng hàng, cần trục chân đế, cần cầu tháp, cần trục kiểu tự hành và các máy liên quan trong ngành/nghề Xếp dỡ cơ giới tổng hợp trong các bến cảng, nhà máy, công trường Xây dựng; chỉ huy một nhóm công nhân xếp dỡ cơ giới tổng hợp làm việc; làm tổ trưởng hoặc quản đốc tại các bến cảng, nhà máy, công trường Xây dựng... chuyên về công việc xếp dỡ hàng hóa. Tham gia nguồn xuất khẩu lao động.

### ***57.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Phân loại, tổ chức xếp dỡ hàng hóa; vận hành máy nâng hàng, cần trục chân đế, cần trục kiểu tự hành, cần cầu tháp và một số loại máy liên quan để xếp dỡ hàng hóa, xếp hàng hóa để thực hiện xếp dỡ hàng hóa trong kho, bến cảng, nhà máy, công trường Xây dựng... Bảo dưỡng và sửa chữa kỹ thuật một số hư hỏng thông thường trên các máy xếp dỡ cơ giới tổng hợp. Xử lý sự cố khi đang thực hiện xếp dỡ hàng hóa. Tổ chức, điều hành tổ, nhóm thợ xếp dỡ và kèm cặp người thợ có tay nghề thấp.



## **58.Ngành/nghề: Sản xuất hàng da, giày (Công nghệ da giày)**

### **58.1. Mô tả ngành/nghề**

Ngành/nghề “Sản xuất hàng da, giày” là ngành/nghề kỹ thuật sản xuất hàng làm bằng da và giả da bao gồm: Thiết kế, chế tạo sản phẩm, tạo năng lực sản xuất (thiết bị, công cụ, công nghệ), tổ chức sản xuất (dây chuyền, nguồn nhân lực) từ nguyên phụ liệu da và giả da, đế và các nguyên liệu phụ trợ (keo dán, chỉ, nhãn, cốt...) đáp ứng nhu cầu thị trường (sản phẩm: Giày da, giày giả da, giày vải...). Ngành/ nghề sản xuất hàng da, giày được thực hiện theo quy trình công nghệ trên các thiết bị thông dụng, chuyên dụng, phụ trợ trong sản xuất giày da.

### **58.2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/nghề Sản xuất hàng da, giày trong các cơ sở doanh nghiệp sản xuất, Kinh doanh sản phẩm da, giày cao cấp được bố trí làm việc trong các xưởng sản xuất, các phòng thiết kế kỹ thuật, các phòng nghiên cứu công nghệ hoặc các phòng kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm.

### **58.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề**

Thực hiện an toàn lao động sản xuất giày; thực hiện an toàn lao động sử dụng hóa chất sản xuất hàng da, giày; đánh giá nguyên liệu và phụ liệu; thiết kế mỹ thuật sản phẩm da, giày; thiết kế mẫu; nghiên cứu chế tạo sản phẩm mới; chuẩn bị năng lực sản xuất; chuẩn bị sản xuất các nguyên liệu chính; chuẩn bị sản xuất các nguyên liệu phụ trợ; công nghệ nhuộm, in da; may ráp mũ giày; gò định hình giày; ráp đế lưu hóa giày; ráp đế ép dán giày; hoàn thiện giày lưu hóa; hoàn thiện giày ép dán; bảo dưỡng thiết bị sản xuất giày; điều độ kế hoạch sản xuất.

## **59.Ngành/nghề: Quản trị bán hàng**

### **59.1. Mô tả ngành/nghề**

“Quản trị bán hàng” là ngành/ngành tổ chức, quản lý, điều hành và Kinh doanh bán hàng bao gồm: Phát triển thị trường; thu mua, bảo quản, tiêu thụ hàng hóa; Dịch vụ khách hàng; nhượng quyền thương mại, cung ứng và Giám sát các Dịch vụ theo nhiều phương thức nhằm phục vụ các nhu cầu đa dạng của khách hàng tại các cửa hàng Bán buôn, bán lẻ (thông dụng và chuyên dụng), bán hàng đại lý, chuỗi cửa hàng, siêu thị, trung tâm thương mại, ki-ốt, bán hàng tự động, bán hàng trực tuyến, bán hàng đa cấp. Trong quá trình quản trị bán hàng, người làm ngành/ngành phải tìm hiểu chất lượng hàng hóa, tiện ích của hàng hóa, phòng ngừa, phát hiện và quản lý để đảm bảo các yêu cầu về chất lượng vệ sinh, an toàn của hàng hóa, an ninh, chu đáo và lịch sự với khách hàng.

### ***59.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/ngành Quản trị bán hàng có thể làm việc trong các cửa hàng Bán buôn, bán lẻ (thông dụng và chuyên dụng), bán hàng đại lý, chuỗi cửa hàng, siêu thị, trung tâm thương mại, ki-ốt, bán hàng tự động, bán hàng trực tuyến, bán hàng đa cấp với các vị trí từ nhân viên bán hàng trực tiếp, tổ trưởng, trưởng ngành hàng, phụ trách các bộ phận, quản lý cửa hàng, sản phẩm.

### ***59.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Khởi sự Kinh doanh bán hàng; nghiên cứu, xác định nhu cầu hàng hóa, Dịch vụ; định vị phân khúc thị trường; Khai thác nguồn cung ứng hàng hóa; nghiên cứu và phát triển thị trường; quản trị và luân chuyển hàng hóa; an ninh, an toàn trong bán hàng; trưng bày hàng hóa; chăm sóc khách hàng; quản trị hành chính; tổ chức Hoạt động bán hàng (bán lẻ, bán hàng đại lý, bán hàng trực tuyến, bán hàng siêu thị, bán hàng đa cấp); Giám sát bán hàng; mở rộng và phát triển thị trường; quản trị tài chính bán hàng.

## **60. Ngành/nghề: Rèn, dập**

### ***60.1. Mô tả ngành/nghề***

“Rèn, dập” là ngành/nghề gia công kim loại bằng áp lực trong môi trường nhiệt độ biến dạng dẻo (nhiệt độ rèn) để tạo phôi hoặc tạo ra sản phẩm theo khuôn mẫu xác định, đồng thời cải thiện cơ tính của vật liệu. Rèn dập được thực hiện bằng tay, bằng máy hoặc bằng hệ thống rèn, dập tự động.

### ***60.2. Vị trí làm việc***

Kỹ thuật viên, nhân viên rèn, dập có thể làm việc tại xưởng rèn, dập của các doanh nghiệp sản xuất cơ khí; các cơ sở chuyên về Dịch vụ rèn, dập; các bộ phận rèn, dập của các công trình lưu động...

### ***60.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Vận hành lò nung và thiết bị rèn; rèn tự do bằng tay; rèn tự do bằng máy; rèn khuôn bằng tay; rèn khuôn bằng máy; rèn dập trên hệ thống rèn, dập liên hoàn.

## **61. Ngành/nghề: Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh**

### ***61.1. Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề “Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh” là ngành/nghề chuyên về vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các hệ thống lạnh công nghiệp, thương nghiệp và dân dụng.

### ***61.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh thường làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp trong khu công nghiệp; làm việc tại các doanh nghiệp có Dịch vụ, chế biến, bảo quản nông sản và thực phẩm... các nhà máy chế tạo thiết bị lạnh, các công ty, tập đoàn thi công lắp đặt sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị lạnh...

### ***61.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Vận hành hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp và dân dụng đảm bảo đúng quy trình, đạt yêu cầu kỹ thuật, công nghệ, an toàn cho người và

thiết bị. Nhận biết dấu hiệu, xác định các nguyên nhân gây ra hư hỏng của thiết bị lạnh và đưa ra quy trình sửa chữa các hư hỏng đó. Thay thế các chi tiết, cụm chi tiết bị hư hỏng. Bảo dưỡng, sửa chữa, phục hồi trạng thái làm việc bình thường của hệ thống máy lạnh. Tổ chức, điều hành Hoạt động của tổ, nhóm vận hành, sửa chữa và hướng dẫn, kèm cặp thợ bậc thấp. Sử dụng các trang thiết bị an toàn đúng kỹ thuật, sơ cứu nạn nhân khi xảy ra cố.

## **62. Ngành/ngành: Vận hành máy thi công mặt đường**

### **62.1. Mô tả ngành/ngành**

Ngành/ngành “Vận hành máy thi công mặt đường” là ngành/ngành thực hiện các công việc: Vận hành và bảo dưỡng máy san, máy lu, máy rải thảm và một số loại máy liên quan khác để thi công mặt đường đúng tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành, đảm bảo năng suất lao động, an toàn kỹ thuật, vệ sinh môi trường và thời gian quy định.

Muốn hoàn thành tốt các nhiệm vụ và thành đạt trong ngành/ngành người vận hành máy phải có những hiểu biết nhất định về các nhiệm vụ chủ yếu, vị trí nơi làm việc của ngành/ngành, các trang thiết bị sẽ sử dụng trong khi hành nghề.

### **62.2. Vị trí làm việc**

Người hành nghề làm việc như một công nhân trên công trình thi công đường thuộc đơn vị, công ty, doanh nghiệp đảm nhận hoặc tại các công trường Xây dựng có liên quan. Công việc được tiến hành trên tuyến đường đang Xây dựng hoặc tại công trường Xây dựng có liên quan.

### **62.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Vận hành thành thạo máy san, máy lu, máy rải thảm và một số loại máy liên quan khác để thi công mặt đường. Thực hiện các công việc san, lu, rải vật liệu, làm mặt đường đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, hiệu quả. Thường xuyên cập nhật để hiểu rõ quy trình thi công, bảo dưỡng chăm sóc kỹ thuật một số loại máy thi công mặt đường. Thực hiện an toàn kỹ thuật và vệ

sinh môi trường. Tổ chức, điều hành tổ, nhóm thi công mặt đường và kèm cặp người có tay nghề thấp.

### **63. Ngành/ngành: Vận hành máy Nông nghiệp**

#### ***63.1. Mô tả ngành/ngành***

“Vận hành máy nông nghiệp” là ngành/ngành vận hành các liên hợp máy (LHM) nông nghiệp thực hiện các nhiệm vụ phổ biến như: Làm đất, gieo trồng, chăm sóc cây trồng, thu hoạch lúa, chế biến, bảo quản phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp.

#### ***63.2. Vị trí làm việc***

Người học ngành/ngành Vận hành máy nông nghiệp làm việc theo thời vụ, công việc chủ yếu được thực hiện trên đồng ruộng, trang trại và tại các xưởng chế biến bảo quản.

#### ***63.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Điều khiển thành thạo các LHM thực hiện làm đất, gieo trồng, chăm sóc cây trồng, thu hoạch, chế biến bảo quản; kiểm tra đánh giá chất lượng công việc sau khi thực hiện; chăm sóc bảo dưỡng máy động lực và máy nông nghiệp; lập kế hoạch sản xuất; chuyển giao công nghệ cung ứng Dịch vụ máy nông nghiệp; đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

### **64. Ngành/ngành: Mộc mỹ nghệ**

#### ***64.1. Mô tả ngành/ngành***

Ngành/ngành “Mộc mỹ nghệ” là một ngành/ngành truyền thống ở Việt Nam, cũng như nhiều nước khác trên thế giới. Sự phát triển của ngành/ngành Mộc được gắn liền với sự phát triển của nền văn hoá dân tộc. Các sản phẩm của ngành/ngành được làm từ các nguyên vật liệu gỗ tự nhiên khi công nghệ chế biến gỗ phát triển thì sản phẩm của ngành/ngành được sản xuất từ ván nhân tạo. Thông qua sử dụng dụng cụ thủ công cùng với bàn tay khéo léo của người thợ, sự phát triển của công nghệ máy móc, thiết bị đã và đang tham gia vào chế tạo

các sản phẩm mộc đáp ứng yêu cầu sử dụng của con người trong đời sống vật chất cũng như tinh thần. Các sản phẩm của ngành/ngành như giường, tủ, bàn, ghế...

#### **64.2. Vị trí làm việc**

Người hành nghề Mộc mỹ nghệ có thể làm việc ở một số vị trí sau: Công nhân kỹ thuật ngành/ngành Mộc; kỹ thuật viên, giáo viên ngành/ngành Mộc; tổ chức sản xuất và Kinh doanh sản phẩm mộc.

#### **64.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Thiết kế mẫu; chuẩn bị nguyên vật liệu; pha phối; gia công mặt phẳng; gia công mặt cong; gia công mộng và lỗ mộng; ghép ván; tiện gỗ; lắp ráp sản phẩm; gia công ghế; gia công bàn; gia công giường; gia công tủ; trang trí bề mặt sản phẩm.

### **65. Ngành/ngành: Mộc dân dụng**

#### **65.1. Mô tả ngành/ngành**

“Mộc dân dụng” là ngành/ngành chuyên gia công cửa, khuôn cửa cho các công trình Xây dựng từ nguyên liệu gỗ tự nhiên bằng các dụng cụ thủ công và các thiết bị chuyên dùng. Ngành/ngành Mộc dân dụng được làm trong các doanh nghiệp chế biến gỗ, trên các công trình Xây dựng ở trong và ngoài nước và ở các trường dạy nghề trong lĩnh vực chế biến gỗ.

#### **65.2. Vị trí làm việc**

Trực tiếp sản xuất tại các phân xưởng Mộc ở các cơ sở sản xuất chế biến gỗ; Kỹ thuật viên, giáo viên ngành/ngành Mộc; tổ trưởng tổ sản xuất, trưởng ca sản xuất; chủ cơ sở, doanh nghiệp sản xuất, Kinh doanh đồ mộc; đảm nhận một phần công việc cho những công trình Xây dựng.

#### **65.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Vẽ mẫu; chuẩn bị nguyên vật liệu; pha phối; gia công mặt phẳng; gia công mộng và lỗ mộng; gia công mặt cong; ghép ván; tiện gỗ; lắp ráp sản phẩm; gia công khuôn cửa; gia công cửa panô huỳnh gỗ; gia công cửa panô

kính; gia công cửa chớp gỗ; lắp cánh cửa vào khuôn cửa; trang trí bề mặt sản phẩm.

## **66. Ngành/nghề: Quản trị khu Resort**

### **66.1. Mô tả ngành/nghề**

“Quản trị khu resort” là ngành/nghề gắn với trách nhiệm chính là quản lý trực tiếp các Hoạt động hàng ngày của các bộ phận trực tiếp hay gián tiếp phục vụ khách du lịch như: Lễ tân, buồng, nhà hàng, chế biến món ăn, Dịch vụ giải trí, Dịch vụ spa, kế toán, bán hàng và marketing, nhân sự... Phạm vi công việc và nhiệm vụ cụ thể hàng ngày, tuần, tháng của các khách sạn khác nhau về quy mô, cấp hạng, tính chất thông thường rất khác nhau.

### **66.2. Vị trí làm việc**

Làm việc tại các khu Resort, doanh nghiệp Kinh doanh, quản lý Resort...

### **66.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề**

Quản lý toàn bộ Hoạt động của khu resort (quản lý chung), quản lý bộ phận buồng, quản lý bộ phận lễ tân, quản lý bộ phận chế biến món ăn, quản lý Dịch vụ giải trí, quản lý nhân sự hành chính, quản lý bán hàng và tiếp thị, quản lý cơ sở vật chất-kỹ thuật, quản lý tài chính, quản lý an ninh an toàn, quản lý cảnh quan sân vườn và quản lý khu biệt thự (Villa Management); đây là vị trí công việc mới phát sinh trong quá trình phân tích ngành/nghề xuất hiện vị trí quản gia (butler) của khu biệt thự trong ngành/nghề quản trị khu resort.

## **67. Ngành/nghề: Dịch vụ nhà hàng**

### **67.1. Mô tả ngành/nghề**

“Dịch vụ nhà hàng” là ngành/nghề chuyên tổ chức, đón tiếp và phục vụ khách ăn uống tại các nhà hàng, khách sạn và các cơ sở Kinh doanh ăn uống khác, với các hình thức phục vụ đa dạng phong phú (ăn theo thực đơn, chọn món, buffet, tiệc, đồ uống pha chế, đồ uống không cồn, đồ uống có cồn, các hình thức phục vụ khác...) đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, vệ sinh, an toàn, an ninh, chu đáo và lịch sự...

### **67.2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/nghề Dịch vụ nhà hàng có thể làm việc tại các công ty, khách sạn, nhà hàng, siêu thị... hoặc tự mở cửa hàng ăn uống, quản lý nhà hàng của mình.

### **67.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề**

Ngoài các nhiệm vụ cơ bản nói trên người lao động còn phải thực hiện một số nhiệm vụ khác có liên quan như: Xây dựng thực đơn và tổ chức phục vụ các hình thức ăn uống khác; quản lý tài sản; quản lý lao động; quản lý tác nghiệp; vệ sinh, an toàn, an ninh trong Hoạt động Kinh doanh nhà hàng; kiểm tra, đánh giá chất lượng phục vụ; học tập, rèn luyện, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn; tổ chức lao động trong nhà hàng và tạo lập, phát triển các mối quan hệ trong công việc...

## **68. Ngành/nghề: Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế**

### **68.1. Mô tả ngành/nghề**

“Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế” là ngành/nghề chuyên lắp đặt, Khai thác, vận hành thử, bảo dưỡng, sửa chữa, tư vấn, kiểm định, nghiên cứu thiết kế, chế tạo và quản lý thiết bị xét nghiệm y tế đúng với yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả cao và đảm bảo tiêu chuẩn an toàn y tế. Thiết bị xét nghiệm y tế gồm các nhóm thiết bị: Máy xét nghiệm huyết học, máy xét nghiệm sinh hóa, máy xét nghiệm miễn dịch, máy xét nghiệm điện giải, kính hiển vi...

### **68.2. Vị trí làm việc**

Người học ngành/nghề Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế làm việc trong các lĩnh vực như: Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế; Kinh doanh thiết bị xét nghiệm y tế; tư vấn về thiết bị xét nghiệm y tế; kiểm định thiết bị xét nghiệm y tế; nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất thiết bị xét nghiệm y tế; giảng dạy kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế.

### **68. 3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề**



Sử dụng thành thạo các trang thiết bị của ngành/ngành. Bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị xét nghiệm y tế. Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất các thiết bị xét nghiệm y tế. Kiểm tra, đánh giá chất lượng của thiết bị xét nghiệm y tế. Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý các công việc thuộc lĩnh vực kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế, bồi dưỡng người có kỹ năng nghề bậc thấp hơn.

## **69. Ngành/ngành: Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế**

### **69.1. Mô tả ngành/ngành**

Ngành/ngành “Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế” là ngành/ngành chuyên lắp đặt, Khai thác vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa và quản lý trang thiết bị điện tử y tế đúng với yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả cao và đảm bảo tiêu chuẩn an toàn y tế.

### **69.2. Vị trí việc làm**

Người học ngành/ngành Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế có thể làm việc tại các bệnh viện, phòng khám, công ty thiết bị kỹ thuật y tế, cơ sở sản xuất, Kinh doanh thiết bị y tế...

### **69.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Lắp đặt, sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa, và quản lý thiết bị y tế ảnh như: Thiết bị phẫu thuật (dao mổ điện cao tần, dao mổ laser, dao mổ siêu âm...). Thiết bị theo dõi và chẩn đoán chức năng (máy ghi sóng sóng điện tim, máy ghi sóng sóng điện não, máy theo dõi bệnh nhân, máy đo lưu huyết não,...). Thiết bị điều trị (Trị liệu, máy điện xung, giác hơi, quang trị liệu, vi sóng trị liệu, từ trị liệu, phá rung tim...).

## **70. Ngành/ngành: Kỹ thuật thiết bị hình ảnh y tế**

### **70.1. Mô tả ngành/ngành**

“Kỹ thuật thiết bị hình ảnh y tế” là ngành/ngành chuyên thực hiện các công việc có liên quan đến các thiết bị tạo hình ảnh dựa trên đặc điểm giải phẫu cơ thể người nhằm phục vụ cho công tác chẩn đoán và điều trị người bệnh.

### **70.2. Vị trí việc làm**

Người học ngành/nghề Kỹ thuật thiết bị hình ảnh y tế có thể làm việc tại các bệnh viện, phòng khám, công ty thiết bị kỹ thuật y tế, cơ sở sản xuất, Kinh doanh thiết bị y tế...

### ***70.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Lắp đặt, sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa, và quản lý thiết bị hình ảnh như máy X quang, máy siêu âm, máy chụp cắt lớp điện toán (CT)...

## **71. Ngành/nghề: Kỹ thuật thiết bị sản xuất dược**

### ***71.1. Mô tả ngành/nghề***

“Kỹ thuật thiết bị sản xuất dược” là ngành/nghề thực hiện quá trình tham gia lắp đặt; vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị sản xuất dược phẩm nhằm đảm bảo chất lượng của thiết bị: Vận hành an toàn, đảm bảo độ tin cậy, tính chính xác... tham gia vào quá trình sản xuất thuốc, nhằm mục đích tạo ra các sản phẩm chất lượng, an toàn cho người sử dụng, phù hợp với giấy phép lưu hành.

### ***71.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Kỹ thuật thiết bị sản xuất dược thực hiện việc vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, vệ sinh các thiết bị sản xuất, thiết bị phụ trợ trong các công ty, nhà máy sản xuất dược phẩm với điều kiện môi trường không khí được kiểm soát nghiêm ngặt và tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, hoá chất.

### ***71.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Xây dựng quy trình vận hành thiết bị sản xuất dược đảm bảo đúng các bước vận hành; vận hành thiết bị sản xuất dược đúng quy trình đã Xây dựng; lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa các hỏng hóc nhỏ các thiết bị sản xuất dược; thực hiện việc bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ thiết bị sản xuất dược; phát hiện các sự cố trong quá trình vận hành, sửa chữa được các hư hỏng thông thường của các thiết bị sản xuất dược; tham gia sửa chữa các thiết bị sản xuất dược có ứng dụng công nghệ cao; theo dõi và tham gia Giám

sát quá trình sửa chữa thiết bị sản xuất được của các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật; lập hồ sơ thiết bị sản xuất, ghi chép và theo dõi tình trạng Hoạt động của các thiết bị sản xuất được; thực hiện an toàn điện, phòng chống cháy nổ.

## **72. Ngành/ngành: Vận hành nhà máy thủy điện**

### **72.1. Mô tả ngành/ngành**

“Vận hành nhà máy thủy điện” là ngành/ngành làm nhiệm vụ vận hành, theo dõi, kiểm tra, Giám sát, điều chỉnh chuyển đổi phương thức và xử lý các trường hợp sự cố trong các tuyến năng lượng, tua bin thủy lực, máy phát điện, máy biến áp lực, trạm phân phối, hệ thống điện tự dùng, hệ thống điện một chiều, thiết bị nhị thứ, hệ thống nước kỹ thuật, trạm bơm nước, thông gió, máy nén khí, đập tràn... của một nhà máy thủy điện với công suất của tổ máy khoảng 30 MW trở lên, đảm bảo kỹ thuật, an toàn. Việc vận hành và điều phối hồ chứa của nhà máy thủy điện không thuộc phạm vi Xây dựng của ngành/ngành này.

### **72.2. Vị trí làm việc**

Người làm nghề Vận hành nhà máy thủy điện có khả năng vận hành phần điện và phần máy trong nhà máy thủy điện và có thể làm việc trong các lĩnh vực liên quan đến thủy điện.

### **72.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Thực hiện chính xác các thao tác đối với các thiết bị điện, thiết bị cơ khí thủy lực và hệ thống thiết bị phụ trong nhà máy thủy điện, đảm bảo đúng quy trình vận hành. Kiểm tra, Giám sát tình trạng làm việc của thiết bị điện, thiết bị cơ khí thủy lực, hệ thống thiết bị phụ trong nhà máy thủy điện. Điều chỉnh và chuyển đổi phương thức vận hành của thiết bị điện, thiết bị cơ khí thủy lực, hệ thống thiết bị phụ trong nhà máy thủy điện. Phát hiện kịp thời và xử lý được các sự cố của thiết bị điện, thiết bị cơ khí thủy lực, hệ thống thiết bị phụ trong nhà máy thủy điện đảm bảo đúng quy trình xử lý sự cố các thiết bị.

## **73. Ngành/ngành: Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước**

### **73.1. Mô tả ngành/ngề**

“Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước” là ngành/ngề thuộc lĩnh vực kỹ thuật chuyên về quy hoạch, thiết kế, Xây dựng, triển khai thực hiện và Giám sát thi công các công trình, dự án phòng lũ, tưới tiêu; tổ chức quản lý và Khai thác hệ thống tài nguyên nước lưu vực sông và vùng lãnh thổ, quản lý và Khai thác các công trình Thủy lợi, cấp thoát nước.

### **73. 2. Vị trí làm việc**

Người có chuyên môn về Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước có thể làm việc ở các cơ sở quy hoạch, thiết kế, xây lắp, quản lý và Khai thác các công trình Thủy lợi, tưới tiêu, cấp, thoát nước; cán bộ, nhân viên vận hành trạm bơm tưới, tiêu hoặc cấp, thoát nước, tư vấn và chuyển giao công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước.

### **73.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề**

Thiết kế, xây lắp, quản lý và Khai thác các công trình Thủy lợi, tưới tiêu, cấp, thoát nước; nhân viên vận hành trạm bơm tưới, tiêu hoặc cấp, thoát nước, tư vấn và chuyển giao công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước.

## **74. Ngành/ngề: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử**

### **74.1. Mô tả ngành/ngề**

Ngành/ngề “Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử” thuộc lĩnh vực kỹ thuật chuyên về các công việc thiết kế, chế tạo, lắp ráp, lắp đặt, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị điện, điện tử, sử dụng trong công nghiệp và dân dụng.

### **74.2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/ngề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử thường có vị trí việc làm ở các cơ sở chế tạo, lắp ráp, xây lắp, sửa chữa, bảo trì, Kinh doanh, đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực kỹ thuật điện, điện tử; đảm nhiệm các chức danh “Kỹ thuật viên điện, điện tử”, “Nhân viên kiểm tra chất lượng sản phẩm”, “Cán bộ Tư vấn, thiết kế và chuyển giao công nghệ kỹ thuật điện, điện tử”.

### ***74.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề***

Thiết kế, chế tạo, lắp ráp, lắp đặt, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị điện, điện tử, sử dụng trong công nghiệp và dân dụng; kiểm tra chất lượng sản phẩm điện, điện tử; tổ chức sản xuất, Kinh doanh thiết bị điện, điện tử...

## **75. Ngành/ngề: Tự động hóa công nghiệp (Điện tự động công nghiệp)**

### ***75.1. Mô tả ngành/ngề***

“Tự động hóa công nghiệp” là ngành/ngề thuộc ngành kỹ thuật lắp đặt hệ thống điện tự động dân dụng và công nghiệp; lắp đặt các hệ thống điện tự động chiếu sáng, tại các khu công nghiệp, hệ thống điện tự động trong các doanh nghiệp.

### ***75.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/ngề Tự động hóa công nghiệp có vị trí việc làm tại các công ty điện lực, các trạm truyền tải và phân phối điện năng, các công ty xây lắp công trình điện hoặc các công ty, xí nghiệp sản xuất công nghiệp trong các thành phần kinh tế xã hội...

### ***75.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề***

Lắp đặt hệ thống điện tự động dân dụng và công nghiệp; quản lý đường dây; bảo trì và sửa chữa hệ thống điện tự động; vận hành các trạm truyền tải và phân phối điện năng; vận hành các dây chuyền tự động...

## **76. Ngành/ngề: Điện tàu thủy**

### ***76.1. Mô tả Ngành/ngề***

Ngành/ngề “Điện tàu thủy” là ngành/ngề vận hành, sửa chữa, lắp đặt thiết bị điện trên tàu thủy. Nhận biết, phân tích được nguyên lý làm việc và ứng dụng của các linh kiện điện tử, các khí cụ điện, máy điện, trạm phát điện và phân tích các phương pháp phân chia điện năng trên tàu thủy.

### ***76.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Điện tàu thủy có khả năng đảm nhiệm ở các vị trí sau: Sĩ quan điện trên các tàu biển; cán bộ kỹ thuật tại công ty Kinh doanh thiết bị điện, tự động; cán bộ kỹ thuật tại các nhà máy đóng và sửa chữa; cán bộ kỹ thuật tại công ty điện lực; giáo viên các trường dạy nghề kỹ thuật; công tác kỹ thuật trong các cơ quan quản lý nhà nước có sử dụng chuyên môn nghề điện tàu thủy.

### **76.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề**

Vận hành, sửa chữa, lắp đặt thiết bị điện trên tàu thủy; lắp đặt các hệ thống điện trong cơ sở sản xuất, Kinh doanh, kiểm tra hệ thống đảm bảo chất lượng an toàn điện trên tàu thủy...

#### **77. Ngành/nghề: Sửa chữa máy tàu thủy**

##### **77.1. Mô tả ngành/nghề**

“Sửa chữa máy tàu thủy” là ngành/nghề cơ khí nhằm thực hiện những công việc: Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống động lực chính, hệ thống động lực phụ và các hệ thống, thiết bị của hệ thống động lực tàu thủy.

##### **77.2. Vị trí làm việc**

Người hành nghề Sửa chữa máy tàu thủy có vị trí việc làm như sau: Làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp đóng tàu thủy; các doanh nghiệp bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa tàu thủy; làm việc trực tiếp trên tàu thủy...

##### **77.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề**

Sửa chữa, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị của hệ động lực tàu thủy trong các công ty đóng mới và sửa chữa tàu thủy, công ty Khai thác tàu; thợ vận hành máy tàu thủy...

#### **78. Ngành/nghề: Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy**

##### **78.1. Mô tả ngành/nghề**

Ngành/nghề “Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy” là ngành/nghề thuộc nhóm kỹ thuật Gia công cơ khí chuyên thực hiện công việc gia công và lắp ráp đóng mới và sửa chữa thân tàu thủy.

### **78.2. Vị trí việc làm**

Người học ngành/ngành Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy có thể làm nhân viên kỹ thuật tại nhà máy đóng mới và sửa chữa tàu thủy, các công việc liên quan đến cơ khí.

### **78.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Các nhiệm vụ chính của người hành nghề Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy phải thực hiện là: Phóng dạng tuyến hình thân tàu; khai triển kết cấu tàu thủy; khai triển tôn vỏ tàu thủy; chế tạo đường và lập thảo đồ; gia công chi tiết kết cấu thân tàu; gia công tôn vỏ, chế tạo bộ khuôn; gia công phụ kiện thiết bị thân tàu; lắp ráp phân đoạn; lắp ráp tổng đoạn; lắp ráp thân tàu trên đà; lắp đặt phụ kiện thiết bị thân tàu, hạ thủy tàu.

## **79. Ngành/ngành: Chế tạo thiết bị cơ khí**

### **79.1. Mô tả ngành/ngành**

Ngành/ngành “Chế tạo thiết bị cơ khí” là ngành/ngành chuyên chế tạo ra thiết bị cơ khí như: Các hệ thống thông gió, cấp nhiệt, thiết bị lọc bụi, thiết bị bồn bể, si téc, bun ke, si lô, băng tải, dàn khoan, cần trục, cột điện cao thế, cột thu phát thanh truyền hình, các chi tiết, thiết bị phi tiêu chuẩn, các dây chuyền sản xuất Xi măng, sản xuất đường, nhà máy thủy điện, nhiệt điện, lọc dầu... đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và an toàn lao động.

### **79.2. Vị trí làm việc**

Người hành nghề Chế tạo thiết bị cơ khí thường được bố trí làm việc trong các phân xưởng cơ khí hoặc trong các nhà máy Xi măng, thủy điện, nhiệt điện hoặc có thể mở các xưởng cơ khí tư nhân.

### **79.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành Chế tạo thiết bị cơ khí bao gồm: Chế tạo băng tải; chế tạo lan can, cầu thang; chế tạo hệ thống thông gió; chế tạo khung nhà công nghiệp một tầng; chế tạo cột điện cao thế  $\geq 35\text{kV}$ ; chế tạo

bồn bề, tét; chế tạo bun ke - si lô; chế tạo thiết bị lọc bụi kiểu ly tâm - siclon; thực hiện an toàn trong thi công; đo kiểm tra kích thước thiết bị cơ khí; chế tạo trên máy CNC...

## **80. Ngành/ngành: Kế toán lao động tiền lương và Bảo hiểm xã hội**

### ***80.1. Mô tả ngành/ngành***

Ngành/ngành “Kế toán lao động tiền lương và Bảo hiểm xã hội” là ngành/ngành chuyên thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích, đánh giá tình hình hoạch toán kế toán tiền lương, bảo hiểm xã hội; tham gia phân tích tình hình quản lý, sử dụng lao động tại các tổ chức, doanh nghiệp. Cung cấp đầy đủ thông tin về Kế toán lao động tiền lương và Bảo hiểm xã hội cho các nhà quản lý, hoạch toán kế toán theo quy định và chế độ cho người lao động nhằm phục vụ yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở các tổ chức, doanh nghiệp. Tham mưu cho lãnh đạo các tổ chức, doanh nghiệp cải tiến công tác Kế toán lao động tiền lương và Bảo hiểm xã hội hiệu quả, đúng pháp luật.

### ***80.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/ngành Kế toán lao động tiền lương và Bảo hiểm xã hội đảm nhận những công việc tại các doanh nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp và bảo hiểm xã hội như: Kế toán tiền lương; kế toán thuế thu nhập cá nhân; thống kê nhân sự; giải quyết chế độ lao động; kế toán các khoản thu chi bảo hiểm; quản lý nhân sự.

### ***80.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Quản lý thông tin pháp luật; quản lý lao động; Xây dựng thang bảng lương; Xây dựng kế hoạch lao động; Xây dựng quỹ tiền lương; kế toán chi tiết tiền lương và bảo hiểm xã hội; đăng ký kê khai bảo hiểm xã hội; kế toán các khoản trích nộp; kế toán các chế độ lao động khác; kế toán thuế thu nhập cá nhân; kế toán tổng hợp tiền lương và bảo hiểm xã hội; lưu trữ hồ sơ.



## **81. Ngành/nghề: Marketing du lịch**

### ***81.1. Mô tả ngành/nghề***

“Marketing du lịch” là ngành/nghề chuyên Xây dựng kế hoạch, tổ chức, triển khai và đánh giá các Hoạt động marketing, các sự kiện trong lĩnh vực lữ hành, cơ sở lưu trú, nhà hàng, vận chuyển du lịch, điểm đến du lịch và các Dịch vụ bổ sung khác trong ngành/nghề du lịch.

### ***81.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề “Marketing du lịch” thường được bố trí làm việc trong các phòng Marketing, phòng Kinh doanh, phòng Kinh doanh và Tiếp thị... tại các doanh nghiệp lữ hành, cơ sở lưu trú, nhà hàng, vận chuyển du lịch, các khu vui chơi giải trí, điểm đến du lịch, cơ quan thông tin, xúc tiến du lịch của địa phương. Các vị trí làm việc cụ thể của ngành/nghề này thường là: Nhân viên, Giám sát viên, người quản lý marketing, nghiên cứu thị trường, quan hệ khách hàng, chăm sóc khách hàng, quảng cáo sản phẩm, bán hàng, tổ chức sự kiện, thông tin truyền thông...

### ***81.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người làm ngành/nghề Marketing du lịch có nhiệm vụ chính là: nghiên cứu thị trường; tham gia vào quá trình Xây dựng sản phẩm Dịch vụ du lịch; quản lý ngân sách Marketing du lịch; Xây dựng kênh phân phối sản phẩm Dịch vụ du lịch; bán sản phẩm Dịch vụ du lịch; quản lý bộ nhận diện thương hiệu của doanh nghiệp trong ngành du lịch; quảng cáo sản phẩm Dịch vụ lữ hành và sản phẩm liên quan; quảng cáo sản phẩm Dịch vụ lưu trú và Dịch vụ ăn uống; thực hiện marketing sản phẩm Dịch vụ du lịch trực tuyến; thực hiện Hoạt động khuyến mãi trong Kinh doanh du lịch; quan hệ công chúng, khách hàng trong Kinh doanh du lịch; triển khai sự kiện marketing du lịch; xúc tiến quảng bá điểm đến du lịch du lịch...

## **82. Ngành/nghề: Kế toán ngân hàng**

### ***82.1. Mô tả ngành/nghề***

“Kế toán ngân hàng” là ngành/nghề chuyên thực hiện công tác hạch toán kế toán ngân hàng theo chế độ tài chính, kế toán của Nhà nước.

### **82.2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/nghề Kế toán ngân hàng thường được bố trí làm việc tại phòng tài chính kế toán các sở giao dịch của các ngân hàng thương mại thuộc hình sở hữu theo luật doanh nghiệp Việt Nam.

### **82.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề**

Vận dụng kiến thức về pháp luật, kinh tế - xã hội, quản trị Kinh doanh, tài chính - tiền tệ, kế toán, kiểm toán trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán được đào tạo theo đúng chuyên ngành ở vị trí công tác được giao; xác định cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với từng loại hình ngân hàng; xác định kế hoạch Kinh doanh và kế hoạch tài chính của ngân hàng; vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, hình thức kế toán và hệ thống báo cáo kế toán vào thực tiễn; lập chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý chứng từ kế toán; sử dụng chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết; sắp xếp, xử lý, tổ chức bảo quản và lưu trữ chứng từ; lập các báo cáo kế toán của ngân hàng; thiết lập mối quan hệ với ngân hàng nhà nước, với các tổ chức tín dụng và khách hàng; kiểm tra Giám sát công tác kế toán của ngân hàng; cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế về Hoạt động Kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị; cập nhật các chính sách phát triển kinh tế và các chế độ về tài chính, kế toán, thuế vào công tác kế toán tại ngân hàng.

## **83. Ngành/nghề: An ninh mạng**

### **83.1. Mô tả ngành/nghề**

“An ninh mạng” là ngành/nghề thực hiện công việc an toàn thông tin, an ninh hệ thống mạng nội bộ và mạng Internet cho công ty, tổ chức, doanh nghiệp (DN), trường học; khảo sát nhu cầu, tư vấn, thiết kế, thi công hệ thống an ninh thông tin theo yêu cầu của doanh nghiệp; lập quy trình chính sách bảo mật mạng; phân tích dò tìm và Khai thác các lỗ hổng bảo mật của hệ thống

mạng, lập báo cáo tình hình Hoạt động và rủi ro mà DN có thể gặp phải; triển khai, vận hành và hướng dẫn người dùng cuối đảm bảo an ninh thông tin khi sử dụng hệ thống mạng máy tính.

### **83.2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/ngành an ninh mạng làm việc tại bộ phận an toàn thông tin, an ninh mạng của các công ty, tổ chức, doanh nghiệp; các tổ chức về tài chính, tập đoàn kinh tế, các tổ chức của nhà nước có yêu cầu cao về đảm bảo an ninh thông tin.

### **83.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Lắp ráp phần cứng hệ thống máy tính, phần mềm máy tính; triển khai và quản trị hệ thống mạng; dò tìm và Khai thác lỗ hổng bảo mật, mã hóa thông tin, điều khiển truy cập; bảo mật mạng, bảo mật Dịch vụ mạng, bảo mật cơ sở dữ liệu; quản trị rủi ro an ninh thông tin, Giám sát hệ thống an ninh thông tin; sao lưu, phục hồi và dự phòng thảm họa dữ liệu; Xây dựng quy trình và chính sách an ninh thông tin, hướng dẫn bảo mật cho người dùng cuối, phát triển nghề nghiệp.

## **84. Ngành/ngành: Công nghệ may Veston**

### **84.1. Mô tả ngành/ngành**

Ngành/ngành “Công nghệ may Veston” là ngành/ngành nghiên cứu và sản xuất ra bộ sản phẩm cao cấp Veston được sử dụng nguyên phụ liệu từ thiên nhiên và nhân tạo đáp ứng nhu cầu thị trường. Ngành/ngành này được thực hiện theo quy trình công nghệ sản xuất trên các thiết bị may thông dụng, chuyên dụng trong dây chuyền sản xuất Veston.

### **84.2. Vị trí làm việc**

Ngành/ngành Công nghệ may Veston được tổ chức trong các cơ sở doanh nghiệp sản xuất, Kinh doanh sản phẩm Veston cao cấp. Người làm ngành/ngành công nghệ may Veston được bố trí làm việc trong các xưởng sản xuất, các

phòng thiết kế kỹ thuật, các phòng nghiên cứu công nghệ hoặc các phòng kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm.

### ***83.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Người làm ngành/ngành Công nghệ may Veston đảm nhiệm các nhiệm vụ chính như: Thiết kế kỹ thuật; thiết kế công nghệ; Khai thác sử dụng thiết bị; chế tạo; kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu; cắt và chuẩn bị bán thành phẩm; may sản phẩm; hoàn thiện sản phẩm; điều độ kế hoạch sản xuất nghiên cứu sản xuất.

## **85. Ngành/ngành: Điều hành tour du lịch**

### ***85.1. Mô tả ngành/ngành***

Ngành/ngành “Điều hành tour du lịch” là một trong những ngành/ngành Kinh doanh lữ hành; người làm ngành/ngành Điều hành tour du lịch thực hiện các công việc như: Đặt chỗ, giữ chỗ và thu xếp các chương trình du lịch cho khách du lịch; điều hành tổ chức và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình du lịch; thiết lập và duy trì tốt các mối quan hệ với đối tác; thiết kế chương trình du lịch; tham gia vào Hoạt động chăm sóc khách hàng của doanh nghiệp; Hỗ trợ xúc tiến và bán sản phẩm du lịch; quản lý nhân sự, quản lý tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật; Giám sát và đánh giá kết quả công việc của bộ phận điều hành; đảm bảo an ninh, an toàn.

### ***85.2. Vị trí làm việc***

Vị trí làm việc chính của ngành/ngành Điều hành tour là: Nhân viên điều hành tour, nhân viên đặt giữ chỗ tour du lịch; Giám sát viên bộ phận điều hành tour và trưởng bộ phận điều hành.

### ***85.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành Điều hành tour du lịch: chuẩn bị kiến thức chung về du lịch, lữ hành và doanh nghiệp lữ hành; tổ chức thực hiện đảm bảo an toàn và an ninh tại nơi làm việc; làm việc tại văn phòng; Xây dựng, hệ thống thông tin về điểm đến; cập nhật kiến thức về sản phẩm và Dịch vụ;

thiết lập, duy trì và phát triển mối quan hệ với đối tác; thiết kế Xây dựng chương trình du lịch theo yêu cầu khách hàng; Hỗ trợ việc quảng cáo và bán chương trình du lịch; Hỗ trợ thực hiện các giao dịch tài chính; thực hiện giữ chỗ và đặt chỗ; thu xếp Dịch vụ và điều hành chương trình du lịch; xử lý tình huống; chăm sóc khách hàng; thiết lập và lưu trữ hồ sơ, số liệu thống kê, báo cáo, kiến nghị và đề xuất; quy hoạch và phát triển đội ngũ điều hành tour; quản lý tài chính trong Hoạt động điều hành tour.

## **86. Ngành/ngành: Lắp đặt thiết bị lạnh**

### ***86.1. Mô tả ngành/ngành***

“Lắp đặt thiết bị lạnh” là ngành/ngành chuyên về lắp đặt và vận hành kiểm tra các thiết bị của các hệ thống lạnh công nghiệp, thương nghiệp và dân dụng.

### ***86.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Lắp đặt thiết bị lạnh có thể làm việc ở các vị trí: cán bộ kỹ thuật tại các khu công nghiệp, cơ sở Dịch vụ, chế biến, bảo quản nông sản và thực phẩm, các nhà máy chế tạo thiết bị lạnh; trực tiếp tham gia thi công lắp đặt sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị lạnh tại các doanh nghiệp; tham gia trong các tổ chức, cá nhân Hoạt động trong lĩnh vực điện lạnh...

### ***86.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Chuẩn bị các điều kiện cho lắp đặt; lắp đặt cụm máy nén; lắp đặt thiết bị trao đổi nhiệt, van tiết lưu; lắp đặt hệ thống đường ống; lắp đặt các thiết bị phụ; lắp đặt hệ thống điện; hiệu chỉnh, bàn giao hệ thống; bảo trì, bảo hành hệ thống.

## **87. Ngành/ngành: Sửa chữa máy nâng chuyên**

### ***87.1. Mô tả ngành/ngành***

“Sửa chữa máy nâng chuyên” là ngành/ngành thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa phục hồi, thay thế, căn chỉnh các chi tiết, cụm chi tiết để duy trì tình

trạng máy nâng chuyển đúng yêu cầu kỹ thuật, giúp máy Hoạt động bình thường đáp ứng yêu cầu sản xuất, thi công.

### **87.2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/nghề Sửa chữa máy nâng chuyển thường được bố trí làm việc trong các nhà máy, xưởng sửa chữa cơ khí, các công trình xây lắp, kho bãi, bến cảng...

### **87.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề**

Người hành nghề Sửa chữa máy nâng chuyển bao gồm: Tháo, kiểm tra chất lượng, phân loại các cụm, cơ cấu và chi tiết máy; lắp cụm, cơ cấu, tổng thành; thử cụm, cơ cấu, tổng thành và chạy rà máy nâng chuyển; đánh giá chất lượng máy sau bảo dưỡng sửa chữa; tháo, lắp đặt máy vào vị trí sản xuất; tổ chức quá trình sửa chữa bảo dưỡng; thực hiện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp.

## **88. Ngành/nghề: Sửa chữa cơ khí động lực**

### **88.1. Mô tả ngành/nghề**

“Sửa chữa cơ khí động lực” là ngành/nghề sửa chữa động cơ đốt trong dùng để dẫn động: Phương tiện giao thông, máy thi công công trình, máy Khai thác lâm nghiệp; máy nông nghiệp, máy công nghiệp, tàu biển, máy mỏ và máy khác phụ vụ sản xuất và đời sống. Việc sửa chữa bao gồm: Kiểm tra, chẩn đoán, phục hồi, thay thế, cân chỉnh để làm cho động cơ trở về trạng thái Hoạt động bình thường.

### **88.2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/nghề Sửa chữa cơ khí động lực có thể tự tạo việc làm hoặc làm việc tại các nhà máy, công ty. Nơi làm việc là xưởng sửa chữa hoặc công trường (nếu công việc sửa chữa đơn giản).

### **88.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề**

Chẩn đoán hư hỏng của động cơ đốt trong và lập phương án sửa chữa; sửa chữa cơ cấu trục khuỷu thanh truyền trên động cơ đốt trong; sửa chữa cơ

cầu phân phối khí trên động cơ đốt trong; sửa chữa hệ thống bôi trơn, làm mát trên động cơ đốt trong; sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng trên động cơ đốt trong; sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel trên động cơ đốt trong; sửa chữa hệ thống cung cấp điện trên động cơ đốt trong; sửa chữa hệ thống khởi động đánh lửa trên động cơ đốt trong; kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống điện kiểm tra theo dõi và hệ thống điện tử điều khiển động cơ; tổ chức, quản lý sản xuất, thực hiện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp.

### **89. Ngành/ngành: Sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối**

#### ***89.1. Mô tả ngành/ngành***

“Sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối” là việc tạo ra các sản phẩm cáp điện hạ thế và thiết bị đầu nối từ kim loại đồng hoặc nhôm. Sản phẩm này được sử dụng trong ngành điện; cáp điện dùng để dẫn điện; đầu nối dùng nối cáp điện với nhau hoặc nối cáp điện với các phân tử, thiết bị điện khác.

#### ***89.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối có thể đảm nhận công việc của người công nhân, kỹ thuật viên, tổ trưởng sản xuất, quản đốc tại các nhà máy sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối.

#### ***89.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Thực hiện thiết kế cáp điện và thiết bị đầu nối. Thực hiện đúc rút đồng, kéo sợi đồng/nhôm, xoắn cáp điện, bọc cáp điện. Thực hiện dập, đúc thiết bị đầu nối. Thực hiện mạ chi tiết đầu nối. Thực hiện lắp ráp đầu nối. Kiểm tra nguyên liệu đầu vào, bán thành phẩm, thành phẩm. Thực hiện an toàn và vệ sinh công nghiệp. Tổ chức, quản lý sản xuất và bồi dưỡng thợ bậc dưới cùng chuyên môn.

### **90. Ngành/ngành: Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay**

#### ***90.1. Mô tả ngành/ngành***

“Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay” là ngành/ngành chuyên kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa khung sườn, các hệ thống thuộc nhóm cơ khí như hệ thống

càng đáp, hệ thống thủy lực, hệ thống điều khiển bay, hệ thống điều hòa không khí, hệ thống nhiên liệu, hệ thống điện, trang thiết bị khoang hành khách... và động cơ tàu bay như: Động cơ piston, động cơ tua bin cánh quạt, động cơ tua bin phản lực cánh quạt...

### **90.2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/nghề kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay thường được bố trí làm việc tại sân đỗ tàu bay, xưởng bảo dưỡng tàu bay, phân xưởng sửa chữa chuyên dụng.

### **90.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề**

Kiểm tra tàu bay trước và sau khi bay; bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu, nạp nhiên liệu; bảo dưỡng hệ thống điều hòa không khí, ô xy, khí nén; bảo dưỡng hệ thống điều khiển bay; bảo dưỡng thân tàu bay; bảo dưỡng hệ thống thủy lực; bảo dưỡng hệ thống điện, đèn, chống cháy; bảo dưỡng hệ thống càn, thay thế bánh xe, cụm phanh; bảo dưỡng hệ thống chống băng, mưa, nước sạch, nước thải; bảo dưỡng trang thiết bị khoang hành khách; bảo dưỡng động cơ tua bin khí; bảo dưỡng động cơ pít tông, cánh quạt...

## **91. Ngành/nghề: Xử lý rác thải**

### **91.1. Mô tả ngành/nghề**

“Xử lý rác thải” là ngành/nghề thực hiện tiếp nhận, phân tích chất thải rắn sinh hoạt và vận hành các hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

### **91.2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/nghề Xử lý rác thải có thể đảm nhiệm công việc của người công nhân, kỹ thuật viên, đốc công, quản đốc trong các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt hoặc đơn vị thi công biogas.

### **91.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề**

Thực hiện việc tiếp nhận, phân tích, đánh giá, phân loại chất thải rắn và vận hành, vệ sinh, bảo dưỡng các công trình, thiết bị xử lý chất thải rắn sinh



hoạt, bao gồm: Tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt; phân tích chất thải rắn sinh hoạt; vận hành hệ thống xử lý chất rắn sinh hoạt bằng phương pháp nhiệt; vận hành hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng phương pháp chôn lấp; vận hành hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt thành phân bón hữu cơ; vận hành hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt thành khí đốt; tái chế chất thải rắn sinh hoạt thành nguyên liệu; Giám sát thi công và đảm bảo an toàn lao động; vệ sinh, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

## **92. Ngành/ngành: Thiết kế mạch điện tử trên máy tính**

### **92.1. Mô tả ngành/ngành**

“Thiết kế mạch điện tử trên máy tính” là ngành/ngành sử dụng máy tính và các công cụ cần thiết để thiết kế mạch điện tử trong các lĩnh vực như: Thiết kế IC, thiết kế mạch in, thiết kế lập trình nhúng, thiết kế mạch điện tử theo yêu cầu.

### **92.2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/ngành Thiết kế mạch điện tử trên máy tính thường được bố trí làm việc trong các công ty thiết kế mạch điện tử, lập trình nhúng, thiết kế mạch in, gia công mạch in, thiết kế IC, kiểm tra thiết kế...

### **92.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Chuẩn bị trước và sau thiết kế; thực hiện an toàn lao động; lắp đặt trang thiết bị; thiết kế sơ đồ nguyên lý; thiết kế sơ đồ mạch in; thiết kế lập trình nhúng; thiết kế IC; thiết kế giao diện người dùng trên máy tính; gia công sản phẩm mẫu; lưu trữ; bảo trì trang thiết bị phòng thiết kế; bồi dưỡng, nâng cao trình độ; sử dụng các thiết bị Hỗ trợ; quản lý điều hành.

## **93. Ngành/ngành: Sửa chữa thiết bị dệt**

### **93.1. Mô tả ngành/ngành**

“Sửa chữa thiết bị dệt” là ngành/ngành sử dụng công cụ, dụng cụ để bảo dưỡng và sửa chữa các thiết bị dệt trong dây chuyền dệt vải nhằm đảm bảo các

thiết bị này Hoạt động tốt phù hợp với các tính năng công nghệ của thiết bị và đáp ứng yêu cầu sản xuất.

### ***93.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/ngành Sửa chữa thiết bị dệt có khả năng làm công việc sửa chữa, bảo dưỡng, quản lý thiết bị dệt ở trong xưởng dệt hoặc các đơn vị sản xuất vải.

### ***93.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Chuẩn bị tổ chức sửa chữa thiết bị dệt; sửa chữa máy: Máy mắc đồng loạt, máy mắc phân băng, máy hồ sợi, máy nối sợi; máy đánh suốt sợi ngang; máy dệt thoi; máy dệt không thoi; máy kiểm tra vải; bồi dưỡng nâng cao trình độ và thực hiện an toàn và vệ sinh môi trường. Vận hành các thiết bị dệt; quản lý và lập kế hoạch tu sửa thiết bị dệt theo định kỳ hoặc đột xuất tại các xưởng dệt vải; di chuyển, lắp đặt thiết bị dệt trong xưởng sản xuất vải; gia công phục hồi được các chi tiết đơn giản trong các thiết bị dệt; đọc, hiểu các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành bằng tiếng Anh để tra và xử lý lỗi trên màn hình thiết bị dệt; sử dụng thành thạo các công cụ, dụng cụ phục vụ cho việc sửa chữa; tổ chức, triển khai việc sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị dệt; lập dự trữ vật tư, chi tiết phục vụ cho việc tu sửa và biết gia công, chế tạo một số dụng cụ chuyên dùng ở mức độ đơn giản.

## **94. Ngành/ngành: Sửa chữa điện máy công trình**

### ***94.1. Mô tả ngành/ngành***

“Sửa chữa điện máy công trình” là ngành/ngành thực hiện các công việc bảo dưỡng, kiểm tra và sửa chữa hệ thống điện, điện tử trên máy công trình như máy San, máy Lu, máy Xúc, máy Ủi, máy Rải thảm, và một số máy chuyên dùng khác, để thi công cầu, đường, thi công các công trình Xây dựng dân dụng, công nghiệp, hầm mỏ... đảm bảo máy móc Hoạt động ổn định, an toàn kỹ thuật và vệ sinh môi trường.

### **94.2. Vị trí làm việc**

Người hành nghề Sửa chữa điện máy công trình, thực hiện sửa chữa phần điện, điện tử trực tiếp trên máy công trình tại các công trường thi công, các xưởng sửa chữa, các doanh nghiệp Kinh doanh máy công trình; người thợ sửa chữa điện máy công trình có thể làm việc trực tiếp, có thể quản lý nhóm thợ sửa chữa điện máy công trình hoặc là nhân viên tư vấn kỹ thuật cho khách hàng, quản lý kho thiết bị điện, điện tử trên máy công trình.

### **94.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Sửa chữa hệ thống cung cấp điện; sửa chữa hệ thống điện khởi động; sửa chữa hệ thống hiển thị - tín hiệu - cảnh báo; sửa chữa hệ thống điện điều khiển động cơ bằng mô tơ ga; sửa chữa hệ thống điều khiển động cơ bằng bộ điều tốc điện tử; sửa chữa hệ thống điều khiển điện động cơ bằng phun dầu điện tử; sửa chữa hệ thống điện điều khiển thủy lực; sửa chữa hệ thống điện điều khiển khí nén; sửa chữa hệ thống chiếu sáng và tín hiệu; sửa chữa hệ thống gạt mưa; sửa chữa hệ thống điện điều hòa; thực hiện các quy định về an toàn lao động và bảo vệ môi trường; tổ chức quản lý sửa chữa điện máy công trình; thử máy sau sửa chữa...

## **95. Ngành/ngành: Kỹ thuật mạng ngoại vi và Thiết bị đầu cuối**

### **95.1. Mô tả ngành/ngành**

“Kỹ thuật mạng ngoại vi và Thiết bị đầu cuối” là ngành/ngành thực hiện việc thi công, bảo trì, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì hệ thống mạng cáp ngoại vi và các thiết bị đầu cuối: tổng đài nội bộ, điện thoại cố định có dây, điện thoại cố định không dây, điện thoại di động, máy fax, modem ADSL, máy vi tính.

### **95. 2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/ngành Kỹ thuật mạng ngoại vi và Thiết bị đầu cuối làm việc trong các lĩnh vực/ công ty chuyên ngành Viễn thông, điện tử, tin học, vận hành sửa chữa mạng cáp ngoại vi và thiết bị đầu cuối.

### ***95.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Thi công, lắp đặt hệ thống mạng cáp ngoại vi và các thiết bị đầu cuối: Tổng đài nội bộ, điện thoại cố định có dây, điện thoại cố định không dây, điện thoại di động, máy Fax, MODEM ADSL - MODEM/ WI-FI ROUTER, máy vi tính. Phân tích được nguyên lý Hoạt động của thiết bị đầu cuối cần được sửa chữa; phân tích được nguyên nhân dẫn đến tình trạng hư hỏng thiết bị/hệ thống đầu cuối. Lập quy trình sửa chữa cho các thiết bị/hệ thống/máy móc thiết bị đầu cuối. Tính toán, lựa chọn được vật tư, thiết bị phù hợp với điều kiện làm việc của thiết bị/hệ thống cần sửa chữa. Kiểm tra sửa chữa và thay thế được các linh kiện hư hỏng trong thiết bị/hệ thống đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của thiết bị/hệ thống; đánh giá được chất lượng của thiết bị/hệ thống sau khi đã sửa chữa. Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý các công việc thuộc lĩnh vực ngành/ngành sửa chữa Kỹ thuật ngoại vi và Thiết bị đầu cuối...

### **96. Ngành/ngành: Gia công ống công nghệ**

#### ***96.1. Mô tả ngành/ngành***

“Gia công ống công nghệ” là ngành/ngành chuyên gia công và sửa chữa chi tiết, phụ kiện, cụm ống cho các hệ thống ống công nghiệp.

#### ***96.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/ngành Gia công ống công nghệ thường được bố trí làm việc trong nhà xưởng hoặc mặt bằng của các công trình Xây dựng nhà máy lọc dầu, nhiệt điện, thủy điện, sản xuất phân bón, sản xuất măng, sản xuất thép, sản xuất bột giấy, chế biến sữa, cụm công trình khí...

#### ***96.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Gia công chi tiết từ ống tiêu chuẩn; gia công chi tiết ống từ thép tấm; gia công phụ kiện từ ống tiêu chuẩn; gia công phụ kiện ống từ thép tấm; gia công kết cấu thép giữ ống; gia công cụm ống công nghệ; sửa chữa đường ống công nghệ; sơn chống gỉ đường ống công nghệ; bảo ôn đường ống; tổ chức, quản lý

quá trình sản xuất; ứng dụng các phần mềm kỹ thuật; thực hiện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp.

## **97. Ngành/ngành: Nghiệp vụ lưu trú - Quản trị buồng phòng**

### **97.1. Mô tả ngành/ngành**

“Nghiệp vụ lưu trú - Quản trị buồng phòng” là ngành/ngành thực hiện quá trình thu, dọn và thay đổi các vật dụng, đồ vải trong buồng khách; thực hiện quy trình vệ sinh sạch sẽ tất cả các khu vực buồng khách, khu vực công cộng, hậu sảnh theo tiêu chuẩn của khách sạn, khu resort hoặc các đơn vị có Kinh doanh lưu trú; duy trì vẻ đẹp và kéo dài tuổi thọ của trang thiết bị, tiện nghi trong khách sạn thuộc phạm vi trách nhiệm của bộ phận buồng; cung cấp các Dịch vụ bổ sung cho khách lưu trú như giặt là, mini bar... Ngoài ra, ngành/ngành này còn thực hiện việc quản lý trong bộ phận buồng của các khách sạn, khu resort hoặc các đơn vị có Kinh doanh lưu trú về các mặt nhân sự, cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị, tiện nghi, vật tư, đồ cung cấp và chất lượng Dịch vụ nhằm đảm bảo Hoạt động thông suốt, có hiệu quả của cả bộ phận buồng nói riêng và cả đơn vị Kinh doanh lưu trú nói chung.

### **97.2. Vị trí làm việc**

Các vị trí làm việc chính của ngành/ngành Nghiệp vụ lưu trú - Quản trị buồng phòng là nhân viên bộ phận buồng, Giám sát viên, trợ lý trưởng bộ phận, trưởng bộ phận Buồng.

### **97.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Phục vụ buồng khách; phục vụ các khu vực công cộng; thực hiện các công việc tại khu giặt là; thực hiện các công việc vệ sinh không thường xuyên; cung cấp Dịch vụ mini bar; thực hiện công việc quản gia khu biệt thự; quản trị nhân sự bộ phận buồng; quản lý trang thiết bị buồng khách; quản lý thiết bị, dụng cụ, hóa chất làm vệ sinh, đồ cung cấp và vật tư bộ phận buồng; quản trị rủi ro trong bộ phận buồng; Giám sát chất lượng Dịch vụ buồng ngủ; Giám sát chất lượng Dịch vụ giặt là; Giám sát chất lượng Dịch vụ các khu vực công

cộng; Giám sát chất lượng các Dịch vụ bổ sung khác của bộ phận buồng; Giám sát, phục vụ các sự kiện của khách sạn có liên quan đến bộ phận buồng; Giám sát việc chăm sóc cảnh quan, cây cảnh; làm việc với các đơn vị hợp đồng bên ngoài; kiểm soát an ninh, an toàn; quản lý hành chính trong bộ phận buồng; Xây dựng các nội quy, quy định của bộ phận buồng và các quy trình tiêu chuẩn; quản lý chung bộ phận buồng.

## **98. Ngành/ngành: Điện đầu máy đường sắt**

### **98.1. Mô tả ngành/ngành**

“Điện đầu máy đường sắt” là ngành/ngành chuyên về các công việc chuyên môn: Lắp ráp các thiết bị, hệ thống điện hoàn chỉnh trên đầu máy; bảo dưỡng hệ thống điện đầu máy theo các cấp quy định đối với mỗi loại đầu máy, sửa chữa thiết bị điện đầu máy theo quy trình.

### **98.2. Vị trí làm việc**

Người làm ngành/ngành Điện đầu máy đường sắt thường được bố trí làm việc trong tổ điện, điện mạch, điện động lực của các xí nghiệp đầu máy, nhà máy chế tạo đầu máy, các khu công nghiệp có sử dụng đầu máy.

### **98.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Chế tạo, lắp ráp mới hệ thống điện, thiết bị điện trên đầu máy mới. Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện, thiết bị điện trên đầu máy đang sử dụng. Bảo dưỡng, sửa chữa kiểm tra, hiệu chỉnh các thiết bị điện; bảo dưỡng hiệu chỉnh máy điện; sửa chữa hệ thống dây dẫn; sửa chữa các thiết bị điện; sửa chữa thiết bị điện tử; sửa chữa máy điện; thử nghiệm hệ thống điện. Lắp đặt hệ thống điện gồm: lắp đặt hệ thống điện; lắp đặt thiết bị điện; lắp đặt máy điện; thử nghiệm hệ thống điện.

## **99. Ngành/ngành: Bảo vệ môi trường đô thị**

### **99.1. Mô tả ngành/ngành**

“Bảo vệ môi trường đô thị” là ngành/ngành có các Hoạt động đảm bảo chất lượng môi trường sống cho người dân trong khu đô thị, bao gồm môi

trường: Đất, nước, không khí và các vấn đề về chất thải đô thị, cảnh quan đô thị, quy hoạch môi trường như: Quản lý và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại; quản lý môi trường không khí xung quanh; xử lý khí thải tại các nhà máy, khu công nghiệp; quản lý chất lượng nước mặt và nước ngầm; xử lý nước cấp cho đô thị; xử lý nước thải tại các khu công nghiệp, trạm xử lý tập trung; vệ sinh môi trường khu vực đô thị; giảm thiểu chất thải; quản lý tài nguyên thiên nhiên, quản lý môi trường đô thị, quản lý khu công nghiệp và ứng phó ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến môi trường và người dân đô thị.

### ***99.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/ngành Bảo vệ môi trường đô thị có thể được bố trí làm việc tại các sở, ban, ngành như Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục bảo vệ môi trường, Thanh tra môi trường, Cảnh sát môi trường; khu xử lý chất thải rắn; khu Hoạt động xử lý chất thải nguy hại; công ty môi trường đô thị; công ty cấp thoát nước, các công ty tư nhân, phòng thí nghiệm Hoạt động trong lĩnh vực môi trường như tư vấn môi trường; xử lý chất thải, quan trắc môi trường; quản lý môi trường theo ISO14000...

### ***99.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Quản lý, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại đô thị; quản lý ô nhiễm không khí và tiếng ồn; xử lý khí thải công nghiệp; xử lý nước cấp đô thị và nước giếng khoan; xử lý nước thải đô thị; quản lý hệ thống cấp và thoát nước đô thị; quản lý ô nhiễm môi trường đất đô thị; quản lý cảnh quan và vệ sinh môi trường đô thị; quản lý Hoạt động bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp; bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp; thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ngập lụt đô thị; quản lý và tiết kiệm năng lượng đô thị; bảo vệ môi trường giao thông đô thị; quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị.

## **100.Ngành/nghề: Bảo vệ môi trường công nghiệp**

### ***100.1. Mô tả ngành/nghề***

“Bảo vệ môi trường công nghiệp” là ngành/nghề mà người thực hiện các công việc bảo quản, thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý các sản phẩm độc hại được thải ra trong quá trình sản xuất công nghiệp để xử lý nhằm giảm đến mức thấp nhất tác động tiêu cực của các phế phẩm, các nguyên vật liệu này đến môi trường sống tự nhiên; đồng thời quan trắc, thu thập, phân tích, xử lý, bảo quản, thống kê báo cáo đánh giá những ảnh hưởng tác động đến môi trường tự nhiên của các ngành sản xuất công nghiệp.

### ***100.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Bảo vệ môi trường công nghiệp được bố trí làm việc tại các nhà máy, trạm xử lý chất thải hoặc các đơn vị thu gom, phân loại, vận chuyển chất thải; các tổ chức kiểm tra, Giám sát, theo dõi để đánh giá mức độ ảnh hưởng của quá trình sản xuất đến môi trường tự nhiên.

### ***100.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Lấy mẫu chất thải ở dạng rắn, dạng lỏng, dạng khí để phân tích xác định các thành phần độc hại. Thu gom, phân loại, đóng gói, bảo quản, vận chuyển chất thải thông thường hoặc nguy hại bằng phương tiện thủ công hoặc lên thiết bị chuyên dụng để đưa đến các kho, bãi, nhà máy phân loại và xử lý trên các dây chuyền công nghệ hoặc bằng các phương pháp đơn giản. Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các hư hỏng nhỏ thường gặp trong dây chuyền xử lý nước thải công nghiệp. Thực hiện các công việc của quy trình hoàn nguyên môi trường. Điều tra, khảo sát, thống kê, báo cáo đánh giá tác động của sản xuất công nghiệp đến môi trường tự nhiên xung quanh và sức khỏe của con người. Tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm giảm thiểu tác hại của sản xuất công nghiệp đến môi trường.

## **101. Ngành/nghề: Sửa chữa thiết bị tự động hóa**

### ***101.1. Mô tả ngành/nghề***



“Sửa chữa thiết bị tự động hóa” là ngành/nghề thực hiện các công việc sửa chữa các thiết bị, dây chuyền, hệ thống tự động điện của các nhà máy, các công ty, xí nghiệp.

### ***101.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Sửa chữa thiết bị tự động hóa làm việc trong lĩnh vực: Nhà máy sản xuất, các công ty thiết kế, chế tạo thiết bị/hệ thống tự động... Việc sửa chữa thiết bị có thể thực hiện ở trong xưởng hoặc ngay tại vị trí đặt máy của dây chuyền.

### ***101. 3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Tính toán, thiết kế, chọn được vật tư, thiết bị phù hợp với điều kiện làm việc của thiết bị/hệ thống cần sửa chữa; phân tích được nguyên nhân dẫn đến tình trạng hư hỏng thiết bị/hệ thống; lập quy trình sửa chữa cho các thiết bị/hệ thống/máy móc khác nhau; đánh giá được chất lượng của thiết bị/hệ thống sau khi đã sửa chữa; lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý các công việc thuộc lĩnh vực ngành/nghề sửa chữa thiết bị tự động, bồi dưỡng người có kỹ năng ngành/nghề bậc thấp hơn; sử dụng thành thạo các trang thiết bị của ngành/nghề; đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

## **102. Ngành/nghề: Chế biến nông sản thực phẩm**

### ***102.1. Mô tả ngành/nghề***

“Chế biến nông sản thực phẩm” là ngành/nghề sản xuất ra các sản phẩm thực phẩm nông nghiệp (chăn nuôi, trồng trọt và đánh bắt thủy sản như chè, cà phê, rau, quả, thịt, cá, sữa...) thành sản phẩm tiêu dùng trong đời sống hàng ngày.

### ***102.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Chế biến nông sản thực phẩm làm việc trên một công đoạn (nếu quy mô sản xuất lớn) hoặc trên toàn bộ dây chuyền sản xuất (nếu quy mô sản xuất nhỏ) để sản xuất ra sản phẩm thực phẩm. Quản lý các

quá trình sản xuất thực phẩm về máy thiết bị và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Khắc phục kịp thời sự cố của một số thiết bị. Tiếp nhận công nghệ sản xuất sản phẩm mới.

### ***102.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Thực hiện quy trình chế biến nguyên liệu nông sản thành các sản phẩm thực phẩm. Chọn và phân loại nguyên liệu nông sản. Chế biến nông sản thực phẩm theo các quá trình công nghệ và những trang thiết bị thích hợp cho từng quy trình làm ra sản phẩm.

## **103. Ngành/ngành: Công nghệ sợi**

### ***103.1. Mô tả ngành/ngành***

“Công nghệ sợi” là ngành/ngành thực hiện các công việc xé, trộn, làm sạch, chải, làm đều, làm mảnh, chập sợi, xe sẵn, quấn ống tạo nên thành phẩm là sợi đúng yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế, đạt năng suất, chất lượng và an toàn.

### ***103.2. Vị trí làm việc***

Người làm Công nghệ sợi thường được bố trí công việc tại các dây chuyền sản xuất sợi trong các nhà máy sợi.

### ***103.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Vận hành các máy trong dây chuyền sản xuất sợi; thực hiện chuẩn xác các thao tác công nghệ sợi cơ bản; phát hiện sự cố về máy và báo chỉnh sửa chữa kịp thời; có đủ sức khỏe làm việc trong môi trường ồn, nóng, bụi.

## **104. Ngành/ngành: Công nghệ dệt**

### ***104.1. Mô tả ngành/ngành***

“Công nghệ dệt” là ngành/ngành thiết kế, gia công nguyên liệu (xơ hoặc sợi) trên các dây chuyền công nghệ dệt để tạo ra vải đạt yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế, đảm bảo năng suất, chất lượng và an toàn.

### ***104.2. Vị trí làm việc***

Trực tiếp tham gia sản xuất trên dây chuyền công nghệ dệt của các cơ sở sản xuất ngành dệt trong nước hoặc xuất khẩu lao động. Làm tổ trưởng sản

xuất, cán bộ kỹ thuật thiết kế mẫu vải, kỹ thuật chuyên, kỹ thuật Xây dựng định mức, kỹ thuật thiết kế công nghệ sản xuất, nhân viên kỹ thuật kiểm tra chất lượng sản phẩm trên dây chuyền, gia công các mặt hàng vải dệt thoi, vải dệt kim và vải không dệt. Tổ chức và quản lý doanh nghiệp sản xuất ngành dệt với quy mô vừa và nhỏ.

### ***104.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Thiết kế mặt hàng dựa trên cơ sở phân tích mẫu thật hoặc yêu cầu của khách hàng. Thiết kế đơn công nghệ gia công trên từng thiết bị và trên dây chuyền sản xuất. Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật chất lượng sản phẩm. Xây dựng định mức sản xuất cho từng thiết bị và cho cả dây chuyền. Thiết kế dây chuyền sản xuất hợp lý trên điều kiện cơ sở vật chất trang thiết bị của doanh nghiệp. Vận hành an toàn, đúng quy trình kỹ thuật các thiết bị gia công trên dây chuyền công nghệ dệt, đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm. Giám sát và xử lý sự cố trong quá trình sản xuất trên dây chuyền công nghệ dệt.

## **105. Ngành/ngành: Hệ thống điện**

### ***105.1. Mô tả ngành/ngành***

Ngành/ngành “Hệ thống điện” là ngành/ngành lắp đặt, quản lý, vận hành, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống lưới điện từ hạ áp đến 220kV.

### ***105.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Hệ thống điện có thể làm việc tại các công ty điện lực, công ty truyền tải điện, nhà máy điện; các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, quản lý vận hành trạm biến áp và hệ thống cung cấp điện tại các khu công nghiệp.

### ***105.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Lắp đặt hệ thống lưới điện và trạm biến áp phân phối có  $U \leq 35\text{kV}$ ; lắp đặt, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa khí cụ điện, tủ phân phối điện, hệ thống thanh góp, tụ điện cao áp và lưới điện phân phối; quản lý vận hành lưới điện phân phối đến 110kV, lưới điện truyền tải 220kV; kiểm tra, bảo dưỡng hệ

thống đo lường, điều khiển tín hiệu, bảo vệ rơ le và tự động hóa và thống điện một chiều, máy phát điện, máy biến áp có U<sub>£</sub> 110kV; bảo dưỡng, sửa chữa đường dây tải điện.

## **106. Ngành/ngành: Luyện gang**

### ***106.1. Mô tả ngành/ngành***

“Luyện gang” là ngành/ngành chuyên sản xuất gang đúc và gang luyện thép trong lò cao đúng theo các yêu cầu kỹ thuật - kinh tế và an toàn lao động.

### ***106.2. Vị trí làm việc***

Làm việc tại các nhà máy luyện gang.

### ***106.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Tiếp nhận và phân loại các nguyên vật liệu phù hợp với yêu cầu công nghệ; sử dụng thành thạo các trang thiết bị và dụng cụ phục vụ công nghệ sản xuất gang lò cao; tính toán điều chỉnh thành phần phối liệu phù hợp với từng sản phẩm; vận hành lò cao đảm bảo các chỉ tiêu năng suất, chất lượng và kinh tế; bồi dưỡng kèm cặp công nhân bậc thấp; tổ chức và quản lý quá trình sản xuất tương ứng với trình độ của mình.

## **107. Ngành/ngành: Thí nghiệm điện**

### ***107.1. Mô tả ngành/ngành***

“Thí nghiệm điện” là ngành/ngành được thực hiện trong trạm biến áp và đường dây thuộc lĩnh vực phân phối, truyền tải điện.

### ***107.2. Vị trí làm việc***

Người học ngành/ngành Thí nghiệm điện ra trường có thể làm việc tại các nhà máy điện, trạm biến áp, hệ thống cung cấp và phân phối điện trong dân dụng, nhà máy công nghiệp, phòng thí nghiệm tiêu chuẩn.

### ***107.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Hiệu chỉnh đối với các thiết bị trong hệ thống điện dựa vào các tiêu chuẩn của nhà chế tạo, tiêu chuẩn ngành điện và tiêu chuẩn nhà nước được ban

hành. Bối cảnh thực hiện: Thí nghiệm trong khi lắp đặt, sau lắp đặt, thí nghiệm định kỳ và thí nghiệm sau khi đại tu, sửa chữa.

## **108. Ngành/ngành: Công nghệ mạ**

### ***108.1. Mô tả ngành/ngành***

“Công nghệ mạ” là ngành/ngành tạo ra trên bề mặt kim loại hay phi kim loại một lớp kim loại khác để bảo vệ ăn mòn cho kim loại hoặc tạo ra các tính chất khác cho bề mặt vật mạ: Bóng sáng, cứng, từ tính, trang sức... Quá trình mạ được thực hiện ở các dây chuyền công nghệ cụ thể, phù hợp với từng tính chất, chức năng của lớp mạ. Trong mỗi lớp mạ có sử dụng các máy, thiết bị và hoá chất riêng thích hợp cho từng loại quy trình mạ. Đặc điểm chung của các quy trình mạ kim loại là tiếp xúc với nhiều loại hoá chất, nhiệt độ cao, dòng điện lớn và dễ cháy nổ. Trong môi trường phát sinh nhiều bụi kim loại, hơi hoá chất dễ gây ô nhiễm môi trường. Lớp mạ có thể tạo ra bằng phương pháp điện hoá hoặc hoá học trên nền kim loại hoặc phi kim loại. Các lớp mạ thường gặp như: đồng, kẽm, niken, crom, thiếc, bạc, vàng, hợp kim Cu - Zn, Cu - Sn, và mỗi lớp có tính chất và phạm vi ứng dụng riêng.

### ***108.2. Vị trí làm việc***

Người có chuyên môn về Công nghệ mạ làm việc trong các dây chuyền mạ, các xưởng gia công, sửa chữa của các công ty, doanh nghiệp có liên quan đến công nghệ mạ.

### ***108.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Thực hiện quy trình mạ đạt tiêu chuẩn sản phẩm, có hiệu quả và phù hợp với cấp trình độ được đào tạo; pha chế các dung dịch sử dụng cho một lớp mạ, vận hành được hệ thống máy, thiết bị trong dây chuyền mạ; nhận biết và xử lý các sự cố xảy ra trong quy trình mạ; thực hiện việc bảo quản, bảo dưỡng các máy móc và thiết bị theo đúng quy định; thực hiện công việc kiểm tra và đánh giá chất lượng của lớp mạ.

## **109. Ngành/ngành: Kiểm nghiệm bột giấy và giấy**

### ***109.1. Mô tả ngành/ngành***

“Kiểm nghiệm bột giấy và giấy” là ngành/ngành yêu cầu người công nhân/kỹ thuật viên phải làm các nhiệm vụ bao gồm từ kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu đưa vào sản xuất, kiểm tra quá trình sản xuất, kiểm tra chất lượng bán sản phẩm và sản phẩm trong quá trình sản xuất bột giấy và giấy, tham gia nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm.

### ***109. 2. Vị trí làm việc***

Làm việc trong các nhà máy sản xuất giấy.

### ***109.3. Các nhiệm vụ chính của ngành/ngành***

Xác định, phân tích, đánh giá nguyên vật liệu, hoá chất... đưa vào sản xuất, các công việc kiểm tra trên dây chuyền trong quá trình sản xuất, kiểm tra chất lượng các bán thành phẩm và sản phẩm cuối cùng trong toàn bộ dây chuyền công nghệ sản xuất bột giấy và giấy, tham gia các công việc khác như nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm, đào tạo thợ bậc thấp, quản lý và tổ chức sản xuất.

## **110. Ngành/ngành: Nguội lắp ráp cơ khí**

### ***110.1. Mô tả ngành/ngành***

“Nguội lắp ráp cơ khí” là ngành/ngành thực hiện các công việc lắp ráp, điều chỉnh các chi tiết, cụm chi tiết hoặc toàn bộ thiết bị cơ khí, hệ thống khí nén, thuỷ lực thông thường nhằm làm cho các cụm chi tiết, thiết bị Hoạt động được theo đúng tính năng kỹ thuật và đảm bảo an toàn.

### ***110.2. Vị trí làm việc***

Người có chuyên môn về ngành/ngành Nguội lắp ráp cơ khí có thể làm việc tại các phân xưởng của xí nghiệp, nhà máy hoặc nơi có thiết bị đơn lẻ mà ở đó có nhu cầu lắp ráp cơ khí, hay vận hành bảo trì thiết bị trong các doanh nghiệp. Làm việc trong các lĩnh vực lắp ráp dụng cụ, đồ gá, thiết bị cơ khí, lắp đặt đường ống công nghệ, lắp ráp thiết bị nâng chuyển, lắp ráp thiết bị trong

dây chuyền sản xuất hoặc có thể trực tiếp tham gia vào quá trình chế tạo sản phẩm cơ khí hàng hóa nhỏ.

### ***110.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Lập các bảng kê vật tư phụ tùng cần cho lắp ráp; lập quy trình lắp ráp; thực hiện việc tổ chức, tiếp nhận, lắp ráp thiết bị đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị; thay thế chi tiết hay bộ phận của thiết bị; kèm cặp công nhân bậc thấp sau khi tích lũy kinh nghiệm ngành/ngành.

## **111. Ngành/ngành: Sản xuất phân bón**

### ***111.1. Mô tả ngành/ngành***

“Sản xuất phân bón” là ngành/ngành sản xuất các sản phẩm phân bón hoá học như: Phân lân, phân đạm, phân hỗn hợp NPK, phân phức hợp DAP. Trong quá trình sản xuất phân bón có sử dụng các máy và thiết bị thích hợp cho từng quy trình sản xuất các sản phẩm phân bón hoá học khác nhau.

### ***111.2. Vị trí làm việc***

Người học ngành/ngành Sản xuất phân bón có thể làm việc ở các vị trí của các doanh nghiệp sản xuất phân bón; làm việc tại các cơ sở Kinh doanh phân bón.

### ***111.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Vận hành hệ thống máy và thiết bị trong dây chuyền sản xuất; xử lý các sự cố xảy ra trong quy trình sản xuất; thực hiện việc bảo quản, bảo dưỡng các máy móc và thiết bị theo đúng quy định; thực hiện công việc đóng bao và bảo quản sản phẩm phân bón; tổ chức quản lý Kinh doanh phân bón...

## **112. Ngành/ngành: Sản xuất bánh kẹo**

### ***112.1. Mô tả ngành/ngành***

Ngành/ngành “Sản xuất bánh kẹo” là ngành/ngành sản xuất ra các sản phẩm bánh, kẹo phục vụ tiêu dùng trong đời sống hàng ngày. Sử dụng các quy trình công nghệ và thiết bị chuyên dụng để chế biến các nguyên liệu thành các

sản phẩm khác nhau như kẹo: Kẹo cứng, kẹo mềm, kẹo dẻo... bánh: Bánh quy xốp, bánh quy dai, bánh mỳ, bánh gato...

### ***112.2. Vị trí làm việc***

Làm việc tại các nhà máy sản xuất bánh, kẹo.

### ***112.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thực hiện việc vận hành và bảo dưỡng các máy thiết bị theo quy định; tổ chức và quản lý quá trình sản xuất tương xứng với trình độ đào tạo; vận hành các máy, thiết bị cơ bản trong quá trình sản xuất. Quản lý về máy móc thiết bị và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Khắc phục kịp thời sự cố của một số thiết bị. Tiếp nhận công nghệ sản xuất sản phẩm mới.

## **113. Ngành/nghề: Sản xuất nước giải khát**

### ***113.1. Mô tả ngành/nghề***

“Sản xuất nước giải khát” là ngành/nghề sản xuất nước giải khát khác nhau: Nước rau quả, nước trà xanh, nước trà thảo dược, nước ngọt có gas, nước khoáng, nước uống tinh khiết... phục vụ đời sống.

### ***113.2. Vị trí làm việc***

Trực tiếp tham gia sản xuất trên dây chuyền sản xuất nước giải khát của các cơ sở và chế biến thực phẩm. Làm tổ trưởng sản xuất, cán bộ kỹ thuật phân xưởng, nhân viên kỹ thuật kiểm tra chất lượng sản phẩm và trưởng ca các dây chuyền sản xuất nước giải khát. Tổ chức và quản lý doanh nghiệp sản xuất ngành chế biến thực phẩm với quy mô vừa và nhỏ.

### ***113.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thực hiện các công việc trong quy trình công nghệ sản xuất nước giải khát, đưa ra thị trường các sản phẩm nước giải khát theo yêu cầu của khách hàng. Thiết kế dây chuyền sản xuất hợp lý trên điều kiện cơ sở vật chất trang thiết bị của doanh nghiệp. Vận hành an toàn, đúng quy trình kỹ thuật thiết bị trên dây chuyền sản xuất nước giải khát đảm bảo năng suất, chất lượng sản



phẩm. Giám sát và xử lý được sự cố trong quy trình sản xuất trên dây chuyền sản xuất nước giải khát.

#### **114. Ngành/nghề: Sản xuất pin-ắc quy**

##### ***114.1. Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề “Sản xuất pin-ắc quy” là ngành/nghề sản xuất các nguồn điện hoá học như: Pin khô mangan-kẽm, pin kiềm mangan-kẽm, pin liti ion, pin liti ion polyme, pin kẽm-bạc, pin niken-cadimi, ắc quy chì, ắc quy niken-cadimi... để cung cấp năng lượng điện cho một số thiết bị điện trong sinh hoạt và trong công nghiệp.

##### ***114.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Sản xuất pin-ắc quy thường làm việc tại các doanh nghiệp sản xuất pin-ắc quy; các cơ sở Kinh doanh pin và ắc quy.

##### ***114.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề Sản xuất pin-ắc quy là: Thực hiện quá trình sản xuất pin-ắc quy đạt chất lượng, hiệu quả; vận hành hệ thống máy và thiết bị trong dây chuyền sản xuất; xử lý các sự cố xảy ra trong khi tiến hành sản xuất; thực hiện bảo quản các máy móc và thiết bị theo đúng quy định; thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm, đóng bao và bảo quản sản phẩm; cải tiến và ứng dụng được các tiến bộ khoa học vào công việc của ngành/nghề nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

#### **115. Ngành/nghề: Sản xuất rượu, bia**

##### ***115.1. Mô tả ngành/nghề***

“Sản xuất rượu, bia” là ngành/nghề thực hiện các nhiệm vụ trong dây chuyền sản xuất rượu, bia: Từ tiếp nhận nguyên liệu, vận hành, kiểm tra thiết bị sản xuất rượu bia... đến sản phẩm cuối cùng theo đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất, chất lượng và an toàn, hiệu quả trong các phòng thí nghiệm, các xưởng sản xuất của các xí nghiệp, doanh nghiệp, nhà máy sản xuất rượu, bia.

### ***115.2. Vị trí làm việc***

Trực tiếp tham gia sản xuất trên dây chuyền sản xuất rượu, bia của các cơ sở và chế biến thực phẩm trong nước hoặc xuất khẩu lao động. Làm tổ trưởng sản xuất, cán bộ kỹ thuật phân xưởng, nhân viên kỹ thuật kiểm tra chất lượng sản phẩm và trưởng ca các dây chuyền sản xuất rượu, bia. Tổ chức và quản lý doanh nghiệp sản xuất ngành chế biến thực phẩm với quy mô vừa và nhỏ.

### ***115.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Nắm vững đặc điểm nguyên liệu, sự biến đổi, quá trình sơ chế bảo quản nguyên liệu trong quy trình sản xuất rượu bia; thực hiện quy trình công nghệ sản xuất rượu cồn, rượu vang, rượu khai vị, quy trình sản xuất bia đưa ra thị trường các sản phẩm rượu, bia theo yêu cầu của khách hàng; thiết kế dây chuyền sản xuất hợp lý trên điều kiện cơ sở vật chất trang thiết bị của doanh nghiệp; vận hành an toàn, đúng quy trình kỹ thuật thiết bị trên dây chuyền sản xuất rượu, bia đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm; Giám sát và xử lý được sự cố trong quy trình sản xuất trên dây chuyền sản xuất rượu, bia.

## **116. Ngành/nghề: Thí nghiệm các sản phẩm hóa dầu**

### ***116.1. Mô tả ngành/nghề***

Ngành/ nghề “Thí nghiệm các sản phẩm hóa dầu” là ngành/nghề thí nghiệm để xác định thành phần, tính chất, chỉ tiêu kỹ thuật các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu mỏ như: Chất dẻo, keo dán, thuốc nhuộm, đạm urê, thuốc nổ, chất tẩy rửa tổng hợp v.v... Quá trình thí nghiệm các sản phẩm hóa dầu được thực hiện ở các phòng thí nghiệm và tại các cơ sở sản xuất. Trong quá trình thí nghiệm có sử dụng các máy móc, thiết bị thích hợp cho từng quy trình thí nghiệm các sản phẩm hóa dầu khác nhau.

### ***116.2. Vị trí làm việc***

Kỹ thuật viên “Thí nghiệm các sản phẩm hóa dầu” làm việc tại các phòng thí nghiệm, bộ phận KCS trong các công ty, cơ sở sản xuất, Kinh doanh các sản phẩm hóa dầu.

### ***116.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề***

Các nhiệm vụ chủ yếu của Thí nghiệm các sản phẩm hóa dầu là: Thực hiện thí nghiệm sản phẩm chất dẻo, keo dán, thuốc nhuộm, đạm urê, thuốc nổ, chất tẩy rửa tổng hợp...

## **117. Ngành/ngề: Vận hành nhà máy thủy điện**

### ***117.1. Mô tả ngành/ngề***

“Vận hành nhà máy thủy điện” là ngành/ngề làm nhiệm vụ vận hành, theo dõi, kiểm tra, Giám sát, điều chỉnh và xử lý các trường hợp sự cố trong các tuyến năng lượng, tua bin thủy lực, máy phát điện, máy biến áp lực, trạm phân phối, hệ thống điện tự dùng, hệ thống điện một chiều, thiết bị nhị thứ, hệ thống nước kỹ thuật, trạm bơm nước, thông gió, máy nén khí, đập tràn... của một nhà máy thủy điện đảm an toàn kỹ thuật.

### ***117.2. Vị trí làm việc***

Làm việc tại các nhà máy thủy điện.

### ***117.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề***

Thực hiện các thao tác đúng của các thiết bị điện, thiết bị cơ khí thủy lực và hệ thống thiết bị phụ trong nhà máy thủy điện, đảm bảo đúng quy trình vận hành. Kiểm tra, Giám sát tình trạng làm việc và điều chỉnh được các thông số vận hành của thiết bị điện, thiết bị cơ khí thủy lực, hệ thống thiết bị phụ trong nhà máy thủy điện. Phát hiện kịp thời và xử lý được các sự cố của thiết bị điện, thiết bị cơ khí thủy lực, hệ thống thiết bị phụ trong nhà máy thủy điện bảo đảm quy trình xử lý sự cố các thiết bị.

## **118. Ngành/nghề: Vận hành thiết bị sàng tuyển than**

### ***118.1. Mô tả ngành/nghề***

“Vận hành thiết bị sàng tuyển than” là ngành/nghề vận hành các thiết bị trong dây chuyền công nghệ của phân xưởng, nhà máy sàng tuyển than. Là nghề được người công nhân kỹ thuật thực hiện trong phạm vi mặt bằng của phân xưởng sàng, tuyển than với các công đoạn chính: chuẩn bị than cấp liệu, tuyển tách và hoàn thiện sản phẩm.

### ***118.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Vận hành thiết bị sàng tuyển than thường làm việc tại các mỏ than, các doanh nghiệp Khai thác, Kinh doanh than.

### ***118.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Vận hành các máy sàng: Sàng sơ bộ than nguyên khai, sàng tách cám khô, sàng khử nước, sàng tách cấp hạt mịn, sàng rửa manhetít, sàng phân loại than sạch thành các cấp hạt khác nhau có kích thước theo tiêu chuẩn quốc gia, TCCS hoặc theo yêu cầu của khách hàng. Vận hành các máy nghiền, máy đập để làm giảm kích thước của than cục, than trung gian, xít thải theo yêu cầu của công nghệ và khách hàng. Vận hành máy tuyển: Máng rửa, máy lắng, máy tuyển huyền phù, máy xoáy lốc huyền phù, máng xoắn, máy tuyển nổi với mục đích sản xuất than sạch có chất lượng cao và loại bỏ đá thải từ than nguyên khai. Vận hành các thiết bị phụ trợ: Máy bơm, máy nén khí, các thiết bị cô đặc than bùn, máy lọc ép, các thiết bị, dụng cụ trong phòng thí nghiệm phân tích chất lượng sản phẩm than. Chăm sóc, bảo dưỡng các thiết bị và xử lý các sự cố xảy ra trong quá trình vận hành.

## **119. Ngành /nghề: Vận hành và sửa chữa Trạm thủy điện**

### ***119.1. Mô tả ngành/nghề***

Ngành/ngề “Vận hành và sửa chữa Trạm thủy điện” là ngành/ngề làm nhiệm vụ vận hành, theo dõi, kiểm tra, Giám sát, điều chỉnh, bảo dưỡng và xử lý các sự cố trong một trạm thủy điện (nhà máy thủy điện nhỏ).

### ***119.2. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề***

Kỹ thuật viên Vận hành và sửa chữa Trạm thủy điện thường đảm nhận các nhiệm vụ chủ yếu như: Vận hành tuyến năng lượng; vận hành tua bin thủy lực; vận hành máy phát điện thủy điện; vận hành máy biến áp; vận hành hệ thống điện tự dùng xoay chiều; vận hành hệ thống điện tự dùng một chiều; vận hành hệ thống dầu không áp lực; vận hành hệ thống nước; vận hành hệ thống khí nén; vận hành hệ thống thông gió; bảo dưỡng, sửa chữa tuyến năng lượng; bảo dưỡng, sửa chữa tuabin; bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống dầu áp lực; bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống nước; bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống khí nén của một trạm thủy điện, đảm bảo an toàn, kỹ thuật và kinh tế.

## **120. Ngành/ngề: Quản trị Kinh doanh vận tải đường sắt**

### ***120.1. Mô tả ngành/ngề***

“Quản trị Kinh doanh vận tải đường sắt” là ngành/ngề quản lý, điều hành, thực hiện các công việc Kinh doanh trong vận tải hàng hóa, vận tải hành khách bằng đường sắt nhằm đạt hiệu quả cao.

### ***120.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/ngề Quản trị Kinh doanh vận tải đường sắt Hoạt động trong các bộ phận quản lý, nghiệp vụ, tư vấn, phục vụ tại các doanh nghiệp Kinh doanh vận tải đường sắt liên vận quốc tế, doanh nghiệp Kinh doanh vận tải đường sắt nội địa, doanh nghiệp Kinh doanh vận tải đường sắt nội đô, doanh nghiệp Kinh doanh vận tải đa phương thức.

### ***120.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề***

Lập kế hoạch sản phẩm, kế hoạch tiếp thị, tổ chức thực hiện kế hoạch tiếp thị của doanh nghiệp vận tải đường sắt. Lập kế hoạch sản xuất Kinh doanh ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của doanh nghiệp vận tải đường sắt. Tổ chức quá

trình vận tải hàng hóa bằng đường sắt, thực hiện các nghiệp vụ về vận tải tại ga nhận hàng, các thủ tục phát sinh dọc đường và tại ga đường sắt giao trả lại hàng hoá theo yêu cầu của khách hàng. Tổ chức quá trình vận tải hành khách bằng đường sắt, thực hiện các công việc phục vụ hành khách tại ga và trên tàu kể từ ga đường sắt hành khách đi tàu tới ga đường sắt hành khách xuống tàu. Quản lý sử dụng lao động, cơ sở vật chất trong phạm vi trách nhiệm được phân công. Tổ chức các Dịch vụ Hỗ trợ khách hàng, các Dịch vụ Kinh doanh sản phẩm đi kèm ngoài sản phẩm Dịch vụ vận tải đường sắt nhằm tăng thu và giảm giá thành vận tải đường sắt. Đánh giá hiệu quả kinh tế trong Kinh doanh vận tải đường sắt của doanh nghiệp. Xây dựng mối quan hệ hợp tác lao động thân thiện, bền vững những người lao động trong cùng doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với khách hàng, doanh nghiệp với địa phương, doanh nghiệp với các cơ quan chức năng của nhà nước và với các doanh nghiệp bạn.

## **121. Ngành/ngành: Lắp đặt cầu**

### ***121.1. Mô tả ngành/ngành***

“Lắp đặt cầu” là ngành/ngành thực hiện các công việc: Lắp đặt cầu kết cấu bê tông cốt thép; cầu kết cấu thép; cầu dây văng và cầu treo theo đúng yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành, đảm bảo kết quả chính xác, làm việc an toàn và đúng thời gian yêu cầu.

### ***121.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Lắp đặt cầu thường đảm nhiệm vị trí của một công nhân kỹ thuật; cán bộ kỹ thuật hiện trường; đội trưởng, tổ trưởng thi công tại công trường Xây dựng cầu đường bộ. Công việc được tiến hành ngoài hiện trường Xây dựng cầu đường bộ.

### ***121.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Lắp đặt thiết bị thi công; lắp đặt hệ thống sàn tạm; thi công lắp ghép mô trụ cầu; Hỗ trợ khoan cọc nhồi; lắp đặt dầm bê tông cốt thép đúc sẵn; lắp hẫng và bán hẫng kết cấu nhịp cầu; lắp đẩy kết cấu nhịp; lao dọc, lao ngang kết cấu

nhịp cầu thép; lắp đặt hệ mặt cầu; thực hiện an toàn lao động và vệ sinh môi trường; tổ chức lao động và Giám sát tổ, nhóm lắp đặt cầu...

## **122. Ngành/ngành: Công nghệ sản xuất bê tông nhựa nóng**

### ***122.1. Mô tả ngành/ngành***

“Công nghệ sản xuất bê tông nhựa nóng” (Bê tông ASPHAL) là ngành/ngành thực hiện các công việc: Sử dụng trạm trộn bê tông nhựa nóng để thực hiện quy trình sản xuất ra sản phẩm là bê tông nhựa nóng phục vụ cho việc thi công mặt đường, bê tông nhựa nóng sản xuất ra phải đảm bảo các yêu cầu kinh tế, kỹ thuật, độ chính xác về thành phần vật liệu, độ đồng đều về chất lượng trộn và nhiệt độ khi ra khỏi buồng trộn, chi phí sản xuất hợp lý. Muốn hoàn thành tốt các nhiệm vụ và thành đạt trong ngành/ngành, người hành nghề phải có những hiểu biết nhất định về các nhiệm vụ chủ yếu, vị trí và nơi làm việc, các trang thiết bị sử dụng trong khi hành nghề.

### ***122.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Công nghệ sản xuất bê tông nhựa nóng thường đảm nhiệm vị trí của một công nhân kỹ thuật, cán bộ kỹ thuật trong trạm trộn bê tông nhựa của các công ty, xí nghiệp; công việc được tiến hành trong ca bin vận hành, phòng thí nghiệm vật liệu và các vị trí trên bãi đặt trạm trộn.

### ***122.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Lắp đặt trạm trộn bê tông nhựa nóng; thực hiện công tác kiểm tra, chuẩn bị trước khi sản xuất bê tông nhựa nóng. Thiết kế được thành phần hỗn hợp bê tông nhựa nóng để sản xuất và kiểm tra chất lượng vật liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra. Vận hành trạm trộn sản xuất ra bê tông nhựa nóng đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật. Thực hiện công việc kiểm tra sau khi kết thúc ca sản xuất. Bảo trì và sửa chữa các hư hỏng thông thường của các bộ phận trong trạm trộn. Xử lý các sự cố kỹ thuật xảy ra trong quá trình sản xuất. Thực hiện an toàn kỹ thuật, an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp. Tổ chức, điều hành tổ,

nhóm làm việc, kèm cặp người có tay nghề bậc thấp và tham gia các Hoạt động chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp, phát triển nghề nghiệp.

### **123. Ngành/ngành: Gia công và lắp dựng kết cấu thép**

#### ***123.1. Mô tả ngành/ngành***

“Gia công và lắp dựng kết cấu thép” là ngành/ngành cơ khí - sử dụng các dụng cụ và thiết bị của nhiều lĩnh vực như: Gia công phôi, nguội, gò, hàn, cắt gọt, bảo quản, thẩm mỹ... để tiến hành gia công hoàn chỉnh các sản phẩm là các kết cấu thép, sau đó tiến hành khảo sát các yếu tố mặt bằng công trình, sử dụng các thiết bị đo kiểm nâng hạ để lắp ráp các kết cấu thép đó thành công trình kỹ thuật.

#### ***123.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Gia công và lắp dựng kết cấu thép thường được bố trí công việc ở nhiều vị trí như: Trong phân xưởng cơ khí; làm việc tại các công trình của ngành Xây dựng, giao thông, công nghiệp...

Công việc có thể diễn ra trên mặt đất, trong lòng đất, trên cao hoặc dưới nước...

#### ***123.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Người làm Gia công và lắp dựng kết cấu thép thường đảm nhiệm các nhiệm vụ chủ yếu như: Chuẩn bị vật liệu và phương tiện; chuẩn bị mặt bằng sản xuất; gia công chi tiết; định hình cụm chi tiết; hoàn thiện kết cấu; lắp dựng kết cấu; thực hiện an toàn cho người và thiết bị; phát triển nhân lực nghề nghiệp.

### **124. Ngành/ngành: Lắp đặt điện công trình**

#### ***124.1. Mô tả ngành/ngành***

Lắp đặt điện công trình là ngành/ngành chuyên kiểm tra, lắp đặt các thiết bị điện, hệ thống điện trong các công trình Xây dựng như: Các hệ thống cung cấp điện, hệ thống chống sét cho công trình, lắp đặt các hệ thống chiếu sáng công nghiệp và dân dụng.



### ***124.2. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề***

Nhiệm vụ chính của người Lắp đặt điện công trình là lắp đặt các thiết bị điện trong công nghiệp, dân dụng đang Xây dựng tại các khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư và các văn phòng làm việc... sau đó bàn giao cho đơn vị chủ quản trực tiếp quản lý và sử dụng. Vì vậy, đòi hỏi người hành nghề phải có kiến thức, kỹ năng chuyên môn, làm chủ về trang thiết bị, tiếp cận với công nghệ mới.

## **125. Ngành/ngề: Quản lý khu đô thị**

### ***125.1. Mô tả ngành/ngề***

“Quản lý khu đô thị” là ngành/ngề thực hiện việc quản lý, điều hành các Hoạt động trong khu đô thị như Khai thác, vận hành, bảo trì các hạng mục công trình và xử lý các vấn đề liên quan đến hạ tầng của một khu đô thị, bao gồm hạ tầng xã hội (nhà ở, trường học, bệnh viện, khu vui chơi, giải trí...) và hạ tầng kỹ thuật (hệ thống điện, nước, khí gas, hệ thống giao thông, cây xanh, thông tin, bảo vệ tự động...) nhằm đảm bảo an ninh trật tự và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tối thiểu cho người dân đang sinh sống ở các khu đô thị và các tiêu chuẩn quy định của một khu đô thị trên phạm vi toàn quốc.

### ***125.2. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề***

Quản lý hệ thống điện, nước, khí gas... trong khu đô thị. Quản lý hệ thống thiết bị kỹ thuật trong khu đô thị. Quản lý hành chính và các Dịch vụ đô thị. Quản lý quy hoạch kiến trúc cảnh quan và môi trường khu đô thị. Quản lý công tác phòng cháy chữa cháy trong khu đô thị.

## **126. Ngành/ngề: Gia công, lắp ráp hệ thống ống tàu thủy**

### ***126.1. Mô tả ngành/ngề***

“Gia công, lắp ráp hệ thống ống tàu thủy” là một trong những ngành/ngề áp dụng trong công nghệ đóng tàu thủy, người hành nghề phải thực hiện công việc trong các phân xưởng, các khoang, kết trên tàu với không gian chật hẹp, kỹ thuật phức tạp và phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của các cơ quan

đăng kiểm như: TCVN 6259-7:1997, NK (tiêu chuẩn đăng kiểm Nhật Bản), IMO (tiêu chuẩn của Hiệp hội vận tải Anh), ISO 9001-2000, trong điều kiện luôn luôn phải cập nhật các công nghệ mới, các tiến bộ khoa học kỹ thuật của ngành hiện nay và trong tương lai.

### ***126.2. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Gia công hệ thống ống có áp lực vừa và thấp. Gia công hệ thống ống có áp lực cao. Gia công phụ kiện ống. Lắp ráp hệ thống hút khô và dẫn tàu. Lắp ráp hệ thống ống phục vụ động cơ Diesel. Lắp ráp hệ thống chữa cháy. Lắp ráp hệ thống nước sinh hoạt. Lắp ráp hệ thống ống thủy lực, khí nén phục vụ thiết bị boong. Lắp ráp hệ thống ống làm hàng trên tàu chuyên dụng. Lắp ráp các hệ thống ống khác. Sửa chữa thiết bị đường ống. Sửa chữa ống và phụ kiện đường ống. Thử hệ thống ống toàn tàu.

## **127. Ngành/ngành: Quản lý, Khai thác công trình thủy lợi**

### ***127.1. Mô tả ngành/ngành***

“Quản lý, Khai thác công trình thủy lợi” là ngành/ngành quản lý và Khai thác các công trình trong hệ thống tưới, tiêu, phục vụ dân sinh, công nghiệp, nông nghiệp, an ninh quốc phòng.

### ***127.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Quản lý Khai thác công trình Thủy lợi thường làm việc tại các doanh nghiệp quản lý, Khai thác công trình Thủy lợi, doanh nghiệp Khai thác tài nguyên nước... họ cần có đủ kiến thức, kỹ năng, sức khỏe để làm việc ở văn phòng, công trình hoặc ngoài trời, đôi khi phải làm việc trong những điều kiện khắc nghiệt như gió bão, lũ lụt...

### ***127.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Đo đạc các yếu tố khí tượng thủy văn; trắc đạc công trình; quan trắc công trình, quản lý, vận hành tưới, tiêu; quản lý, vận hành hệ thống tưới tiết kiệm nước; quản lý, vận hành công trình đầu mối; quản lý, vận hành kênh và

công trình trên kênh; thi công, tu bổ công trình; duy tu, bảo dưỡng; phòng chống lụt bão; bảo vệ công trình; thực hiện an toàn lao động.

## **128. Ngành/nghề: Chế biến mủ cao su**

### ***128.1. Mô tả ngành/nghề***

“Chế biến mủ cao su” là ngành/nghề chế biến từ mủ cây cao su ra 5 loại sản phẩm chính như: Cao su dạng khối, cao su dạng tờ RSS, cao su latex cô đặc theo những quy trình công nghệ và thiết bị phù hợp để sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế nhằm làm nguyên liệu phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến sản phẩm cao su như xăm lốp, găng tay, băng tải, đế giày...

### ***128.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Chế biến mủ cao su có thể làm việc ở các vị trí trong quy trình chế biến mủ cao su; làm việc tại phòng kiểm phẩm cao su; làm việc tại các cơ sở Kinh doanh mủ cao su.

### ***128.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Tổ chức làm việc theo nhóm và điều hành phân xưởng chế biến, điều hành ca và tổ sản xuất được phân công; thực hiện đúng các quy định trong quy trình chế biến; phản ứng nhanh đảm bảo an toàn khi lao động, vệ sinh công nghiệp và xử lý môi trường.

## **129. Ngành/nghề: Bảo dưỡng trạm thu phát sóng vô tuyến**

### ***129.1. Mô tả ngành/nghề***

“Bảo dưỡng trạm thu phát sóng vô tuyến” là ngành/nghề đặc thù trong ngành Viễn thông, được thực hiện định kỳ 1 đến 2 lần trong năm bao gồm các công việc như vệ sinh, kiểm tra, xiết chặt các đầu nối; đo kiểm, phân tích đánh giá kết quả, xử lý các lỗi nhỏ; phát hiện và báo cáo kịp thời các sự cố sửa chữa lớn cho các bộ phận quản lý liên quan để duy trì Hoạt động bình thường, liên tục, lâu dài, nâng cao tuổi thọ thiết bị và đảm bảo chất lượng cho trạm thu phát sóng vô tuyến.

### ***129.2. Vị trí làm việc***

Vị trí làm việc của kỹ thuật viên Bảo dưỡng trạm thu phát sóng vô tuyến rất đa dạng như: Làm việc trên cột cao, làm việc trong phòng máy, làm việc trên những tòa nhà cao tầng. Đối với những tỉnh miền núi thì các trạm thu phát sóng vô tuyến còn được đặt tại những đỉnh núi cao, địa bàn Hoạt động trải dài trên toàn quốc. Đặc thù của công việc bảo dưỡng trạm thu phát sóng vô tuyến là làm việc theo nhóm, luôn luôn phải tiếp xúc với tần số cao, độ cao, nguy hiểm cũng luôn luôn rình rập.

### ***129.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Công việc bảo dưỡng trạm thu phát sóng vô tuyến trong ngành Viễn thông bao gồm: Bảo dưỡng trạm thu phát sóng vô tuyến dùng trong các nghiệp vụ thông tin vô tuyến cố định, bảo dưỡng trạm thu phát sóng vô tuyến di động mặt đất (GSM, CDMA, 3G, W-CDMA...); bảo dưỡng trạm thu phát sóng vệ

ba...

## **130. Ngành/nghề: Quản trị Dịch vụ giải trí, thể thao**

### ***130.1. Mô tả ngành/nghề***

“Quản trị Dịch vụ giải trí, thể thao” là ngành/nghề chuyên về nghiên cứu, khảo sát nhu cầu giải trí, thể thao của khách du lịch và tiến hành lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá, tổng kết các Dịch vụ giải trí, thể thao...

### ***130.2. Vị trí làm việc***

Các vị trí làm việc chủ yếu Quản trị Dịch vụ giải trí, thể thao bao gồm: Nhân viên quản lý, nhân viên tác nghiệp Dịch vụ trong các doanh nghiệp có lĩnh vực Kinh doanh Dịch vụ giải trí, thể thao trong và ngoài ngành du lịch.

### ***130.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thiết kế chương trình, lập kế hoạch và Xây dựng chính sách giá cho Dịch vụ giải trí, thể thao. Quảng bá và xúc tiến bán Dịch vụ. Chuẩn bị tổ chức Dịch vụ. Tổ chức điều hành. Xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình tổ

chức Dịch vụ giải trí, thể thao. Tổ chức các Dịch vụ hỗ trợ. Kết thúc và hoàn tất quá trình tổ chức Dịch vụ. Tạo lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ trong ngành/nghề quản trị Dịch vụ giải trí, thể thao. Quản trị nhân lực. Quản trị tài chính. Bảo vệ môi trường, tài nguyên du lịch và đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình tổ chức Dịch vụ giải trí, thể thao. Chăm sóc khách hàng... đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đảm bảo các yêu cầu về chất lượng Dịch vụ.

### **131. Ngành/nghề: Quản trị du lịch MICE**

#### ***131.1. Mô tả ngành/nghề***

“Quản trị du lịch MICE” là ngành/nghề tổ chức quản lý và thực hiện các Dịch vụ hội họp, hội nghị hội thảo, hội chợ triển lãm, du lịch khuyến thưởng của ngành du lịch - Dịch vụ.

#### ***131.2. Vị trí làm việc***

Các Hoạt động du lịch MICE được thực hiện chủ yếu tại các khách sạn cao cấp, trung tâm hội nghị, hội chợ, triển lãm và các khu du lịch... trong điều kiện môi trường làm việc năng động; quan hệ công chúng rộng rãi; có cường độ lao động, áp lực công việc và tính chuyên nghiệp cao.

Vị trí làm việc của người hành nghề là nhân viên nghiên cứu, thiết kế, bán chương trình; chuyên gia tổ chức thực hiện và điều hành các chương trình du lịch MICE, các vị trí khác tùy theo khả năng cá nhân và yêu cầu của công việc.

#### ***131.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề Quản trị du lịch MICE bao gồm: Khảo sát và Xây dựng kế hoạch tổ chức; xúc tiến bán sản phẩm; tổ chức thực hiện, Giám sát Hoạt động hội họp, hội nghị hội thảo, hội chợ triển lãm và du lịch khuyến thưởng nhằm đạt chất lượng Dịch vụ thoả mãn nhu cầu khách hàng và hiệu quả kinh tế cao.

### **132. Ngành/nghề: Vẽ và Thiết kế trên máy tính**

#### ***132.1. Mô tả ngành/nghề***

“Vẽ và Thiết kế trên máy tính” là ngành/ngành không thể thiếu trong lĩnh vực chế tạo các sản phẩm cơ khí hiện đại, nó thực hiện quá trình biến các ý tưởng dựa trên sản phẩm đã có hoặc chưa có, được thể hiện bằng các bản vẽ kỹ thuật từ đó tạo ra các sản phẩm cụ thể.

### ***132.2. Vị trí làm việc***

Người có năng lực Vẽ và Thiết kế trên máy tính có khả năng làm việc tại các xí nghiệp, công ty có nhu cầu về vẽ và thiết kế cơ khí với vị trí là nhân viên của phòng kỹ thuật, làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm thực hiện các công việc vẽ, thiết kế và Giám sát gia công sản phẩm mẫu.

### ***132.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Người học ngành/ngành Vẽ và Thiết kế trên máy tính sử dụng máy vi tính, phần mềm Hỗ trợ vẽ và thiết kế, trang thiết bị dụng cụ đo lường cơ khí, kết hợp việc đọc và phân tích bản vẽ, Khai thác các phương pháp tạo hình, biểu diễn vật thể, phác thảo sơ đồ động... cho việc vẽ và thiết kế sản phẩm cơ khí.

## **133. Ngành/ngành: Vận hành nhà máy nhiệt điện**

### ***133.1. Mô tả ngành/ngành***

“Vận hành nhà máy nhiệt điện” là ngành/ngành làm nhiệm vụ vận hành các thiết bị trong dây chuyền Sản xuất điện của nhà máy nhiệt điện bao gồm: Các thiết bị hệ thống nhiên liệu, các thiết bị xử lý nước, lò hơi, turbine, các thiết bị phụ lò hơi, các thiết bị phụ turbine, các thiết bị điện, các thiết bị đo lường điều khiển.

### ***133.2. Vị trí làm việc***

Toàn bộ các vị trí trực vận hành trong nhà máy nhiệt điện.

### ***133.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Vận hành các thiết bị trong dây chuyền Sản xuất điện của nhà máy nhiệt điện, đảm bảo các thiết bị vận hành an toàn, ổn định, kinh tế và đáp ứng các chỉ tiêu môi trường.

### **134. Ngành/ngành: Quản lý Kinh doanh điện**

#### ***134.1. Mô tả ngành/ngành***

“Quản lý Kinh doanh điện” là khâu cuối cùng của quá trình Sản xuất điện - Truyền tải điện - Phân phối điện. Do quá trình sản xuất và tiêu thụ xảy ra đồng thời, người ta coi điện năng là một loại hàng hóa đặc biệt, do vậy ngành/ngành Kinh doanh điện là ngành/ngành Kinh doanh mang tính kỹ thuật. Điện năng được cung cấp cho sản xuất tiêu dùng thiết yếu của toàn xã hội, cho nên ngành/ngành “Quản lý Kinh doanh điện” ở nước ta hiện nay không những chỉ vì mục tiêu lợi nhuận mà còn phải phục vụ cho vấn đề công ích xã hội.

Quản lý Kinh doanh điện đòi hỏi cán bộ, công nhân viên không những chỉ có kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của ngành/ngành trong lĩnh vực cung cấp điện, các nguyên tắc Xây dựng giá điện, cung cấp các Dịch vụ sẵn có cho khách hàng, có khả năng làm việc độc lập với đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe đảm bảo để làm việc, mà còn phải am hiểu về quản lý tài chính, luật pháp của Nhà nước - đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

#### ***134.2. Vị trí làm việc***

Người làm Quản lý Kinh doanh điện có khả năng thực hiện các công việc liên quan đến Kinh doanh điện năng tại phòng Kinh doanh của các sở điện lực hoặc các đơn vị Kinh doanh điện tương đương. Người làm Quản lý Kinh doanh điện cần phải có khả năng thực hiện tất cả các công việc liên quan Kinh doanh điện năng từ đơn giản như ghi chỉ số công tơ đến các công việc phức tạp như lập báo cáo và tổng hợp đánh giá các kết quả Kinh doanh của đơn vị, trừ những công việc khó liên quan đến kỹ thuật như lắp đặt công tơ...

#### ***134. 3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Khảo sát thị trường Kinh doanh điện; xử lý yêu cầu cung cấp điện; ký kết hợp đồng mua bán điện; quản lý hợp đồng mua bán điện; quản lý hệ thống

đo đếm điện năng; ghi chỉ số công tơ điện; lập và giải quyết các sai sót về hóa đơn tiền điện; thu và theo dõi nợ tiền điện; kiểm tra, xử lý các vi phạm sử dụng điện; áp giá và kiểm soát giá bán điện; giao tiếp và chăm sóc khách hàng; quản lý và theo dõi tổn thất điện năng thương phẩm; lập báo cáo Kinh doanh điện năng.

### **135. Ngành/ngành: Vận hành lò hơi**

#### ***135.1. Mô tả ngành/ngành***

“Vận hành lò hơi” là ngành/ngành kỹ thuật tham gia vào các Hoạt động: Khởi động lò, tăng/giảm tải lò, theo dõi và điều chỉnh các thông số lò hơi, xử lý sự cố lò hơi, ngừng lò hơi. Bảo dưỡng, sửa chữa lò hơi: Đánh giá trạng thái kỹ thuật lò hơi. Lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng. Bảo dưỡng và sửa chữa nhỏ, sửa chữa định kỳ (sửa chữa lớn: trung, đại tu). Nghiệm thu, chạy thử, đánh giá trạng thái kỹ thuật lò hơi sau sửa chữa.

#### ***135.2. Vị trí làm việc***

Người Vận hành lò hơi làm việc tại phòng điều khiển trung tâm; các vị trí tại gian lò từ cốt âm 4m đến độ cao 50m; làm việc trong các vị trí kín như buồng lửa, bao hơi, các bộ quá nhiệt, trong các khoang lọc bụi, trong bụng thùng nghiền...

#### ***135.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Vận hành lò hơi và các thiết bị phụ của nó an toàn, kinh tế bao gồm: Khởi động lò hơi, thay đổi tải lò hơi. Điều chỉnh các thông số lò hơi nằm trong dải quy định và đảm bảo an toàn, kinh tế. Theo dõi các thông số, tình trạng lò hơi và các thiết bị phụ của nó để sẵn sàng xử lý các tình trạng bất thường. Ngừng lò bình thường, ngừng lò sự cố. Ngừng lò hơi và làm biện pháp an toàn phục vụ sửa chữa định kỳ. Đánh giá tình trạng kỹ thuật lò hơi. Giám sát quá trình sửa chữa lò hơi; chạy thử nghiệm thu, đưa lò hơi từ sửa chữa vào vận hành. Lập phương án và tiến độ sửa chữa, làm các biện pháp an toàn phục vụ sửa chữa. Sửa chữa các hạng mục của lò hơi và thiết bị phụ (bảo dưỡng, gia



công phục hồi, thay thế...). Chạy thử, hiệu chỉnh từng hạng mục thiết bị và chạy thử tổng hợp lò hơi và các thiết bị phụ, đánh giá chất lượng sửa chữa và bàn giao cho vận hành.

### **136. Ngành/nghề: Khoan thăm dò địa chất**

#### ***136.1. Mô tả ngành/nghề***

“Khoan thăm dò địa chất” là ngành/nghề thường được áp dụng để thi công thăm dò các mỏ khoáng sản nằm sâu dưới bề mặt trái đất trong công tác thăm dò địa chất.

#### ***136.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Khoan thăm dò địa chất thường làm việc tại các tổ máy khoan thăm dò địa chất với vai trò là một người thợ phụ, thợ cả, kíp trưởng khoan tại các tổ máy của các Liên đoàn địa chất, các công ty thuộc tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam, Khai thác nước ngầm, khí, khoan trong lò, các lỗ khoan nổ mìn phá đá, các xí nghiệp khảo sát của các công ty khảo sát thiết kế Xây dựng.

#### ***136.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Lắp tháo bộ dụng cụ khoan thành thạo đảm bảo kỹ thuật và an toàn; khắc phục khó khăn khi tháo lắp như: Biến dạng ren; cần khoan cong; khó tháo do tự xiết quá chặt... Bảo quản, bảo dưỡng dụng cụ và thiết bị khoan đúng quy định và đảm bảo an toàn, bảo dưỡng bôi trơn thiết bị đúng định kỳ. Sản xuất và kiểm tra được các thông số cơ bản của dung dịch sét khi sản xuất và khi sử dụng. Lựa chọn bộ dụng cụ khoan phù hợp điều kiện đất đá khoan qua, kiểm tra điều chỉnh bộ ống mẫu đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật. Tính toán, lựa chọn điều chỉnh được chế độ công nghệ khoan phù hợp với điều kiện địa chất lỗ khoan. Vận hành được bộ máy khoan để thực hiện khoan lấy mẫu; khoan phá toàn đáy; khoan chuyển đường kính, chống ống trong lỗ khoan đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và an toàn. Tổ chức và chỉ đạo công tác bảo dưỡng thiết bị khoan đang sử dụng; điều chỉnh và sửa chữa được một số hư hỏng nhỏ của các

cụm cơ cấu máy. Tính toán, lựa chọn điều chỉnh và kiểm tra được tất cả các thông số của dung dịch khoan sử dụng trong điều kiện bình thường và phức tạp. Tổ chức và điều hành kíp khoan một cách khoa học để nâng cao năng suất và hạ giá thành mét khoan. Tổ chức xử lý các tình huống phức tạp và sự cố lỗ khoan nhanh chóng và hiệu quả.

### **137. Ngành/ngành: Đo lường điện**

#### ***137.1. Mô tả ngành/ngành***

“Đo lường điện” là ngành/ngành kỹ thuật thực hiện các công việc vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh, lắp đặt các thiết bị đo lường điện, công việc đòi hỏi có tính chính xác cao nên người lao động phải qua các trường lớp đào tạo chuyên về đo lường điện. Do tính phức tạp của ngành/ngành cũng như môi trường làm việc nên người lao động phải đủ sức khỏe, bình tĩnh, phản ứng nhanh nhạy và sáng tạo trong làm việc.

#### ***137.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Đo lường điện thường được bố trí làm việc tại phòng thí nghiệm của phân xưởng thí nghiệm, các trạm biến áp đang Xây dựng và các trạm điện đã vận hành điện áp 220V đến 500kV.

#### ***137.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Thí nghiệm hiệu chỉnh, kiểm định, lắp đặt các thiết bị đo lường điện: đồng hồ một chiều, xoay chiều lắp cho tủ điện, đo điện áp, đo dòng điện, đồng hồ đo công suất hữu công, đồng hồ đo công suất vô công, công tơ điện cảm ứng và công tơ điện tử hiện số dùng cho lưới điện 1 pha và lưới điện 3 pha.

### **138. Ngành/ngành: Công nghệ nhiệt luyện**

#### ***138.1. Mô tả ngành/ngành***

“Công nghệ nhiệt luyện” là ngành/ngành gia công kim loại và hợp kim ở trạng thái rắn dưới tác dụng của nhiệt, hóa chất, qua quá trình nung nóng, giữ nhiệt, làm nguội nhằm làm thay đổi tổ chức, cơ tính, tính chất của kim loại và hợp kim theo mục đích xác định.

### ***138.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Công nghệ nhiệt luyện thường làm việc tại các phân xưởng hoặc bộ phận nhiệt luyện trong cơ sở sản xuất cơ khí, các doanh nghiệp chuyên về Dịch vụ nhiệt luyện.

### ***138.3. Các nhiệm vụ chính của ngành/ngề***

Vận hành thiết bị nhiệt luyện; Ủ; Thường hóa; Tôi; Ram; Hóa già; Hóa nhiệt luyện; Nhuộm màu kim loại.

## **139. Ngành/ngề: Chế biến dầu thực vật**

### ***139.1. Mô tả ngành/ngề***

“Chế biến dầu thực vật” là ngành/ngề sử dụng các máy móc, công cụ chủ yếu là thiết bị tự động như: Máy nghiền, máy ép, thiết bị chưng sảy, thiết bị làm lạnh, thiết bị thủy hóa, trung hòa, đồng hóa, lọc, tẩy màu... dụng cụ đo kiểm để sản xuất ra dầu thực vật bằng những quy trình công nghệ phù hợp từ nguyên liệu hạt có dầu nhằm mục đích phục vụ các ngành kinh tế quốc dân và đời sống hàng ngày.

### ***139.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/ngề Chế biến dầu thực vật trực tiếp tham gia sản xuất trên dây truyền chế biến dầu thực vật của các cơ sở chế biến thực phẩm trong nước hoặc xuất khẩu lao động. Làm tổ trưởng sản xuất, cán bộ kỹ thuật phân xưởng, nhân viên kỹ thuật kiểm tra chất lượng sản phẩm và trưởng ca các dây truyền chế biến dầu thực vật. Tổ chức quản lý doanh nghiệp sản xuất ngành chế biến thực phẩm với quy mô vừa và nhỏ.

### ***139.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề***

Thiết kế dây truyền chế biến hợp lý trên điều kiện cơ sở vật chất trang thiết bị của doanh nghiệp. Vận hành an toàn, đúng quy trình kỹ thuật thiết bị trên dây truyền chế biến đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm, Giám sát và xử lý được sự cố trong quy trình sản xuất trên dây truyền chế biến dầu thực vật.

## **140. Ngành/ngành: Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò**

### ***140.1. Mô tả ngành/ngành***

“Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò” là ngành/ngành thực hiện các công việc lắp đặt, bảo dưỡng, vận hành các thiết bị cơ điện trong dây chuyền công nghệ đào lò hoặc Khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò. Người làm ngành/ngành kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò chịu trách nhiệm trực tiếp thực hiện nhiệm vụ lắp đặt; kiểm tra, bảo dưỡng, vận hành và xử lý một số tình huống thông thường của các thiết bị trong quá trình phục vụ công tác phá vỡ đất đá (khoan nổ mìn); thông gió; thoát nước; vận tải; chiếu sáng... đảm bảo cho thiết bị tham gia sản xuất Hoạt động liên tục ổn định và an toàn.

### ***140.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò làm việc trên phạm vi rộng, từ ngoài mặt bằng sản công nghiệp đến tất cả các vị trí trong lò mỏ có bố trí thiết bị điện; theo phạm vi mạng điện, mạng động lực bố trí trong hệ thống các đường lò; có thể làm việc trên xưởng hoặc trong hầm mỏ không có ánh sáng tự nhiên và điều kiện môi trường khắc nghiệt về nhiệt độ, không khí, tiếng ồn, bụi... công việc mang tính tập thể.

### ***140.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối, vận hành hệ thống cáp điện cứng và cáp điện mềm; lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối, vận hành các thiết bị đóng cắt điện hạ áp bằng tay; lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối, vận hành hệ thống điện chiếu sáng trong mỏ hầm lò; lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối, vận hành cầu chì, rơ le điều khiển, bảo vệ, linh kiện điện tử trong lưới điện hạ áp; lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối, vận hành dụng cụ đo lường điện hạ áp; lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối, vận hành động cơ điện xoay chiều một pha, ba pha; lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối, vận hành áp tô mát, khởi động từ; lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối, vận hành thiết bị đóng cắt bảo vệ phòng nổ trong lưới điện hạ áp; lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối và

trực tiếp vận hành thiết bị trạm mạng; lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối, vận hành thiết bị bơm nước, thiết bị nén khí, thiết bị khoan, thiết bị thông gió; lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối, vận hành thiết bị vận tải, bốc xúc mỏ hầm lò; tạo các điều kiện an toàn và chuẩn bị thiết bị cơ điện và tham gia lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối các thiết bị Khai thác, đào lò; tạo các điều kiện an toàn và chuẩn bị thiết bị cơ điện và thực hiện các hành động đề phòng, xử lý và khắc phục một số sự cố như: nổ khí, sự cố điện, bụi nước...

#### **141. Ngành/ngành: Kỹ thuật Khai thác mỏ hầm lò**

##### ***141.1. Mô tả ngành/ngành***

“Kỹ thuật Khai thác mỏ hầm lò” là ngành/ngành thực hiện các công việc Khai thác khoáng sản có ích bằng phương pháp hầm lò; đồng thời chống giữ khoảng trống mới Khai thác cũng như thu hồi khoáng sản có ích kết hợp chèn lấp khoảng trống sau khu Khai thác tại các vỉa khoáng sản có chiều dày và độ dốc bất kỳ. Ngoài ra còn tham gia thực hiện công việc đào và chống giữ các đường lò chuẩn bị cho khu Khai thác.

##### ***141.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Kỹ thuật Khai thác mỏ hầm lò làm việc chủ yếu ở các lò Khai thác trong lòng đất tại các mỏ Khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò.

##### ***141.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Phá vỡ đất đá, khoáng sản (bằng thủ công, bằng cơ giới, cơ giới hoặc bằng khoan nổ mìn); xúc bốc đất đá, khoáng sản lên thiết bị vận tải bằng dụng cụ thủ công hoặc thiết bị cơ giới; vận chuyển đất đá, khoáng sản bằng máng trượt, goòng, băng tải hoặc máng cào hoặc tàu điện; vận chuyển vật liệu bằng thủ công hoặc thiết bị chuyên dùng; chống giữ lò Khai thác bằng chống gỗ, kim loại, giá khung thủy lực hoặc dàn chống thủy lực; chống giữ lò chuẩn bị (lò mở vỉa) bằng vì chống gỗ hoặc kim loại hoặc vì neo hoặc bê tông; củng cố các vì chống bị suy yếu; sửa chữa các vì chống hoặc đoạn lò có vì chống bị hư

hồng, biến dạng quá mức cho phép; tham gia xử lý các sự cố trong quá trình sản xuất như sập đồ lò; cháy nổ khí hoặc bụi nước ngầm.

## **142. Ngành/nghề: Sửa chữa, lắp ráp xe máy**

### ***142.1. Mô tả ngành/nghề***

“Sửa chữa, lắp ráp xe máy” là ngành/nghề được làm trong các doanh nghiệp, các xưởng sửa chữa, lắp ráp xe máy và ở các trường dạy nghề trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

### ***142.2. Vị trí làm việc***

Người thợ sửa chữa, lắp ráp xe máy có thể làm việc tại các nhà máy lắp ráp xe máy, các trung tâm bảo hành, các xưởng sửa chữa xe máy hoặc có thể tự tổ chức, thành lập các cơ sở, xưởng sửa chữa xe máy.

### ***142.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Bảo dưỡng - Sửa chữa: Động cơ, hệ thống nhiên liệu, hệ thống bôi trơn, làm mát, hệ thống truyền lực xe máy, hệ thống trang bị điện xe máy, hệ thống khởi động và đánh lửa, hệ thống phanh, hệ thống treo, di chuyển xe máy, khung vỏ. Chẩn đoán xe máy. Lắp ráp và hiệu chỉnh xe máy.

## **143. Ngành/nghề: Chế tạo khuôn mẫu**

### ***143.1. Mô tả ngành/nghề***

“Chế tạo khuôn mẫu” là ngành/nghề sử dụng dụng cụ, thiết bị cơ khí, phần mềm điều khiển số để thực hiện các công việc từ đơn giản đến phức tạp để chế tạo, lắp ráp, sửa chữa, hiệu chỉnh, bảo dưỡng khuôn mẫu (kim loại).

### ***143.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Chế tạo khuôn mẫu là người có kỹ thuật cao, có thể làm việc tại các công ty, doanh nghiệp, nhà máy sản xuất, thiết kế chế tạo, sửa chữa khuôn mẫu hoặc trong các đơn vị có máy cắt kim loại.

### ***143.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thiết kế khuôn mẫu. Lập quy trình công nghệ. Tổ chức sản xuất. Gia công khuôn. Gia công nguội khuôn. Gia công các chi tiết khác. Hoàn thiện khuôn. Thử khuôn và sửa chữa khuôn...

#### **144. Ngành/ngành: Kiểm tra soi chiếu an ninh hàng không**

##### ***144.1. Mô tả ngành/ngành***

Ngành/ngành “Kiểm tra soi chiếu an ninh hàng không” được thực hiện trên cơ sở kết hợp việc sử dụng con người, Khai thác các thiết bị an ninh để xác định đúng hành khách, nhân viên, người tham quan (gọi chung là hành khách) và phát hiện, loại bỏ vũ khí, chất cháy nổ (gọi chung là vũ khí), vật phẩm nguy hiểm bị cấm vào khu vực hạn chế hàng không hoặc lên tàu bay.

##### ***144.2. Vị trí làm việc***

Vị trí điểm kiểm tra soi chiếu an ninh hàng không được thiết lập tại các cảng hàng không gồm các vị trí cụ thể sau: Nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, khu chế biến suất ăn, khu bảo dưỡng tàu bay hoặc điểm kiểm tra soi chiếu tăng cường.

##### ***144.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Vận hành, Khai thác máy X-quang. Vận hành, Khai thác máy phát hiện kim loại cầm tay. Vận hành, Khai thác máy phát hiện kim loại cố định. Vận hành, Khai thác máy phát hiện chất nổ cố định. Vận hành, Khai thác máy phát hiện chất nổ cầm tay. Vận hành, Khai thác máy bộ đàm. Kiểm tra soi chiếu đối với hành khách, nhân viên, người tham quan. Kiểm tra soi chiếu đối với hành lý xách tay, đồ vật. Kiểm tra soi chiếu đối với hành lý ký gửi, hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện, thư tín. Kiểm tra giấy tờ tùy thân của nhân viên, người tham quan, hành khách và thẻ lên tàu bay của hành khách. Xử lý hành khách gây rối tại điểm kiểm tra soi chiếu. Xử lý với tình huống khẩn tại điểm kiểm tra soi chiếu. Hoàn tất hồ sơ sự việc.

#### **145. Ngành/ngành: Tài chính - tín dụng**

##### ***145.1. Mô tả ngành/ngành***

Ngành/ngề “Tài chính - Tín dụng” là ngành/ngề thực hiện phân tích, kiểm tra, đánh giá tình hình kinh tế, tài chính của khách hàng. Cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế về Hoạt động thương mại, Dịch vụ phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, ngân hàng. Tham mưu được cho lãnh đạo doanh nghiệp, ngân hàng những ý kiến cải tiến làm cho công tác kế toán và công tác quản lý tài chính tiền tệ của ngân hàng đúng pháp luật.

#### ***145.2. Vị trí làm việc***

Giao dịch viên tại ngân hàng. Quan hệ khách hàng tại ngân hàng. Phát hành thẻ ATM tại ngân hàng. Hỗ trợ tín dụng tại ngân hàng. Ngân quỹ tại doanh nghiệp, ngân hàng. Chăm sóc khách hàng tại doanh nghiệp, ngân hàng. Tín dụng tại ngân hàng. Thẩm định tín dụng tại ngân hàng. Phân tích tài chính tại doanh nghiệp, ngân hàng. Thanh toán quốc tế tại doanh nghiệp, ngân hàng.

#### ***145.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề***

Quản lý: Ngân quỹ, tín dụng khách hàng, Dịch vụ khách hàng cá nhân. Kế toán chi tiết. Kế toán tổng hợp. Kinh doanh vàng, ngoại tệ. Thanh toán quốc tế. Marketing, quản lý thông tin pháp luật. Kiểm soát nội bộ. Quản trị hành chính - nguồn nhân lực. Xác định nhu cầu vốn cho doanh nghiệp. Phân tích báo cáo tài chính.

### **146. Ngành/ngề: Thanh nhạc**

#### ***146.1. Mô tả ngành/ngề***

Thanh nhạc là bộ môn nghệ thuật phối hợp giữa ngôn ngữ và âm nhạc. Người học ngành/ngề “Thanh nhạc” được trang bị những kỹ năng chuyên sâu về thanh nhạc (kỹ thuật luyện thanh; cách xử lý diễn cảm tác phẩm và kỹ năng biểu diễn...) và các kiến thức âm nhạc Hỗ trợ như: Lý thuyết âm nhạc, ký xướng âm; hòa âm; lịch sử âm nhạc; phân tích tác phẩm âm nhạc; vũ đạo...

#### ***146.2. Vị trí làm việc***

Người học Thanh nhạc có thể làm việc tại các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, các trung tâm văn hóa quận, huyện, thành phố và các tỉnh, thành. Thể



hiện phong cách biểu diễn phù hợp với sân khấu nhạc nhẹ: Pop, Rock, Dance, R&B... dân ca, dân gian đương đại.

### ***146.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Biểu diễn nhạc nhẹ, dân ca, dân gian đương đại... Tổ chức biểu diễn; sáng tác ca khúc; kỹ thuật viên thu âm; ca sĩ, nhạc sĩ phòng thu; viết văn bản nhạc; biên tập, dàn dựng chương trình...

## **147. Ngành/nghề: Kỹ thuật pha chế đồ uống**

### ***147.1. Mô tả ngành/nghề***

“Kỹ thuật pha chế đồ uống” là ngành/nghề pha chế và phục vụ đồ uống tại các quán bar, khách sạn, nhà hàng, các khu du lịch, các câu lạc bộ (clubs), các quán cà phê...

### ***147.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề “Kỹ thuật pha chế đồ uống” thường được bố trí làm việc ở tại quầy pha chế, khu vực phục vụ khách bao gồm: Nhân viên pha chế; nhân viên phục vụ; nhân viên Giám sát; tổ trưởng tổ bar; nhân viên quản lý.

### ***147.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Chuẩn bị ca làm việc; sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, dụng cụ; yêu cầu và tiếp nhận dụng cụ, nguyên vật liệu. Pha chế và phục vụ trà, cà phê, nước uống, hoa quả, sinh tố. Pha chế và phục vụ mocktail, cocktail. Phục vụ bia, nước ngọt, nước khoáng, rượu vang, rượu mạnh, rượu mùi. Pha chế, phục vụ đồ uống khác. Chăm sóc khách hàng, Xây dựng danh mục đồ uống và các hàng hóa khác. Giám sát, kiểm tra, đánh giá Hoạt động Kinh doanh của bar, nhà hàng.

## **148. Ngành/nghề: Kỹ thuật tua bin**

### ***148.1. Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề “Kỹ thuật tua bin” là ngành/nghề chuyên vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng tua bin và các thiết bị phụ tua bin.

### ***148.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Kỹ thuật tua bin làm việc tại gian tua bin trong các nhà máy nhiệt điện và các nhà máy công nghiệp khác.

### ***148.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề***

Vận hành của nhà chế tạo, các sơ đồ vận hành công nghệ, xử lý sự cố. Vận hành, công việc sửa chữa bảo dưỡng thiết bị, biết sử dụng thành thạo các thiết bị đo, thiết bị nâng hạ.

## **149. Ngành/ngề: Vận hành bơm, quạt, máy nén khí**

### ***149.1. Mô tả ngành/ngề***

Ngành/ngề “Vận hành bơm, quạt, máy nén khí” là công việc đảm bảo cho bơm, quạt, máy nén khí làm việc ổn định, an toàn, đáp ứng yêu cầu của hệ thống; phòng ngừa và xử lý tốt các sự cố; thực hiện các công việc quản lý trong vận hành.

### ***149.2. Vị trí làm việc***

Người có chuyên môn về Vận hành bơm, quạt, máy nén khí có thể làm việc tại: Doanh nghiệp Kinh doanh các thiết bị bơm, quạt, máy nén khí; các nhà máy nhiệt điện, thủy điện; nhà máy khác có sử dụng bơm, quạt, máy nén khí; công ty Khai thác công trình thủy nông; công ty cấp, thoát nước của các thành phố, thị trấn; các trạm thông gió và nén khí lớn; các công ty lắp máy và sửa chữa thiết bị bơm, quạt, máy nén khí.

### ***149.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề***

Vận hành máy bơm, quạt và máy nén khí. Sửa chữa máy bơm, quạt và máy nén khí. Lắp đặt bơm, quạt và máy nén khí.

## **150. Ngành/ngề: Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ**

### ***150.1. Mô tả ngành/ngề***

Ngành/ nghề “Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ” được thực hiện trong phạm vi các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, tại các vị trí quản trị là nhân viên gián tiếp như nhân viên Kinh doanh, nhân viên nhân sự, nhân viên

marketing, thư ký... và nhân viên quản lý phân xưởng sản xuất như quản đốc, đốc công, tổ trưởng, thủ kho...

### ***150.2. Vị trí làm việc***

Lập kế hoạch sản xuất Kinh doanh, nghiên cứu thị trường, Khai thác thị trường, quản lý vật tư, quản lý sản xuất, quản lý lao động... tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

### ***150.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Lao động gián tiếp làm việc tại các phòng ban chức năng, văn phòng phân xưởng, tổ đội.

## **151. Ngành/ngành: Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng công trình cầu đường bộ**

### ***151.1. Mô tả ngành/ngành***

“Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng công trình cầu đường bộ” là ngành/ngành thực hiện các công việc: Lấy mẫu vật liệu; đo đạc, thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu, hỗn hợp Vật liệu xây dựng; thử nghiệm kết cấu công trình; kiểm tra chất lượng cầu trên đường bộ và đường bộ theo đúng yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành, đảm bảo kết quả chính xác, làm việc an toàn và đúng thời gian yêu cầu.

### ***151.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề làm việc như một nhân viên kỹ thuật, cán bộ kỹ thuật trong phòng thí nghiệm, phòng kỹ thuật của công ty, xí nghiệp hoặc tại công trường Xây dựng cầu đường bộ. Công việc được tiến hành trong phòng thí nghiệm, ngoài hiện trường Xây dựng cầu đường bộ, tại nơi sản xuất, Khai thác vật liệu. Trong môi trường làm việc, người hành nghề phải tiếp xúc với khói bụi, các chất khí độc hại, luôn tiềm ẩn các diễn biến phát sinh sự cố mất an toàn lao động và bệnh nghề nghiệp, người hành nghề cần có đủ sức khỏe, phản ứng nhanh để kịp thời xử lý các tình huống xảy ra.

### ***151. 3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Sử dụng thành thạo các thiết bị đo đạc, các dụng cụ thiết bị thí nghiệm và thử nghiệm của nghề. Thực hiện các thí nghiệm và kiểm tra chất lượng Vật liệu xây dựng, thử nghiệm kết cấu công trình đúng quy trình. Báo cáo kết quả thí nghiệm, giúp chủ đầu tư, tư vấn Giám sát và nhà thầu Xây dựng đưa ra quyết định chính xác về chất lượng vật liệu và chất lượng công trình. Thực hiện an toàn kỹ thuật, an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

## **152. Ngành/nghề: Phiên dịch tiếng Anh Du lịch**

### ***152.1. Mô tả ngành/nghề***

“Phiên dịch tiếng Anh du lịch” là ngành/nghề tiếp xúc với ngôn ngữ nguồn ở dạng văn bản viết hoặc văn bản nói, sau đó sử dụng kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa, xã hội của ngôn ngữ nguồn để phân tích văn bản và chuyển ngữ một cách chính xác và đầy đủ sang ngôn ngữ đích. Ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích trong ngành/nghề phiên dịch tiếng Anh du lịch bao gồm tiếng Việt và tiếng Anh. Ngữ cảnh và nội dung của các văn bản này thuộc lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn, lữ hành và những lĩnh vực liên quan. Người làm ngành/nghề phiên dịch tiếng Anh du lịch sẽ thực hiện công tác phiên dịch các văn bản trong lĩnh vực du lịch, khách sạn, nhà hàng từ tiếng Anh sang tiếng Việt hoặc ngược lại với hai hình thức chính là phiên dịch (dịch văn bản nói) và biên dịch (dịch văn bản viết) đồng thời có thể làm nhân viên các bộ phận hành chính trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, lữ hành và trong các tổ chức về du lịch có yếu tố nước ngoài.

### ***152.2. Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Phiên dịch tiếng Anh du lịch làm việc cho công ty, tổ chức du lịch, khách sạn, nhà hàng, lữ hành tại các vị trí sau: Biên dịch viên. Phiên dịch viên. Hướng dẫn viên du lịch quốc tế. Nhân viên điều hành

tour. Trợ lý cho các trưởng bộ phận. Nhân viên hành chính văn phòng (bộ phận nhân sự, hành chính, lễ tân). Nhân viên marketing dự án du lịch.

### ***152.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề***

Chuẩn bị các yếu tố cần thiết cho công việc phiên dịch hoặc biên dịch trước khi thực hiện công việc. Biên dịch các biểu mẫu, văn bản, tài liệu trong lĩnh vực du lịch, khách sạn, nhà hàng. Phiên dịch các cuộc giao tiếp trực tiếp hoặc qua các phương tiện thông tin liên lạc về các chủ đề du lịch, khách sạn, nhà hàng; Quản lý công việc dịch của nhóm chuyên viên dịch thuật. Quản lý chất lượng sản phẩm dịch. Xây dựng tư liệu dịch làm tài liệu tham khảo phục vụ cho những lần dịch sau. Hỗ trợ thực hiện các công việc hành chính, đối ngoại của tổ chức, công ty. Hỗ trợ chăm sóc khách hàng của tổ chức, công ty. Tự bồi dưỡng nâng cao kỹ năng ngôn ngữ, kiến thức chuyên môn, kỹ năng dịch thuật.

## **153. Ngành/ngề: Vận hành máy Ủi, máy Xúc, máy San**

### ***153.1. Mô tả ngành/ngề***

“Vận hành máy Ủi, máy Xúc máy San” là ngành/ngề thực hiện các công việc: Vận hành và bảo dưỡng máy Ủi, máy Xúc, máy San để thi công nền đường đúng tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành, đảm bảo năng suất lao động, an toàn kỹ thuật, vệ sinh môi trường và thời gian quy định.

### ***153.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Vận hành máy Ủi, máy Xúc, máy San làm việc trên công trường thi công đường thuộc đơn vị, công ty đảm nhận hoặc tại các công trình Xây dựng có liên quan. Công việc được tiến hành trên tuyến đường đang Xây dựng hoặc tại công trường Xây dựng có liên quan.

### ***153. 3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề***

Vận hành và thao tác máy đúng quy trình kỹ thuật; thi công an toàn và hiệu quả; sử dụng thành thạo dụng cụ, đồ nghề, trang thiết bị để xử lý được những hư hỏng, sự cố kỹ thuật thông thường nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng

thiết bị; thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng kỹ thuật theo đúng quy trình; lựa chọn được máy phù hợp với công việc và địa hình khác nhau.

#### **154. Ngành/ nghề: Mộc Xây dựng và trang trí nội thất**

##### ***154.1. Mô tả ngành/ngề***

Mộc Xây dựng và Trang trí nội thất là ngành/ngề làm những sản phẩm gắn liền với các công trình Xây dựng như: Làm cửa, khuôn cửa, ván khuôn, cầu thang, tủ bếp, ốp lát dầm sàn... các sản phẩm được làm từ các nguyên vật liệu gỗ tự nhiên, ván nhân tạo và các vật liệu khác. Thông qua việc sử dụng máy móc, dụng cụ thủ công cùng với bàn tay khéo léo của người thợ để gia công, chế tạo, lắp ghép và hoàn thiện các sản phẩm đảm bảo tính kỹ thuật, mỹ thuật phù hợp với nhu cầu sử dụng của công trình.

##### ***154.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Mộc Xây dựng và Trang trí nội thất là công nhân kỹ thuật sản xuất các sản phẩm mộc Xây dựng và Trang trí nội thất. Kỹ thuật viên trang trí nội ngoại thất. Trưởng ca, tổ trưởng, nhóm trưởng sản xuất về sản phẩm Mộc Xây dựng và Trang trí nội thất.

##### ***154.3. Các nhiệm vụ chính của ngành/ngề***

Gia công mặt phẳng, mặt cong; gia công mộng; hoàn thiện bề mặt sản phẩm; làm khuôn cửa, cánh cửa; làm ván khuôn; ốp lát dầm, trần, sàn, tường; làm tủ bếp; làm cầu thang gỗ; làm sườn mái dốc...

#### **155. Ngành/ngề: Kỹ thuật rau hoa công nghệ cao**

##### ***155.1. Mô tả ngành/ngề***

“Kỹ thuật rau hoa công nghệ cao” là ngành/ngề chuyên thực hiện quá trình canh tác cây rau, hoa công nghệ cao với quy trình từ nhân giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật cho đến thu hoạch bảo quản rau hoa và xuất ra thị trường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật năng suất và chất lượng theo hướng nông nghiệp sạch, bền vững.

##### ***155.2. Vị trí làm việc***

Nông trại sản xuất rau hoa, các cơ sở nuôi cấy mô, các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu cây rau, hoa, các cơ sở sản xuất Kinh doanh rau hoa, các cơ sở bảo quản và chế biến rau, hoa, các trung tâm nông nghiệp, các trung tâm khuyến nông.

### ***155.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản cây rau, hoa ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp bền vững. Vận hành những trang thiết bị phòng nuôi cấy như máy cắt nước, tủ nuôi cấy, tủ sinh trưởng, tủ hod, kính hiển vi, máy li tâm. Vận hành những trang thiết bị trong nhà kính, nhà lưới như hệ thống thông gió, hệ thống tăng nhiệt, hệ thống tưới tiêu. Xây dựng quy trình nhân nhanh giống cây trồng. Trồng cây rau hoa theo hướng thủy canh. Phát hiện, khắc phục sự cố xảy ra trong quá trình thao tác. Tổ chức quản lý sản xuất và bồi dưỡng thợ lành nghề bậc dưới. Thực hiện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp...

## **156. Ngành/ngành: Trồng cây thuốc lá**

### ***156.1. Mô tả ngành/ngành***

“Trồng cây thuốc lá” là ngành/ngành sản xuất ra sản phẩm ở dạng lá thuốc khô, cung cấp nguyên liệu cho ngành sản xuất thuốc lá điếu.

### ***156.2. Vị trí làm việc***

Người làm nghề Trồng cây thuốc lá thường làm việc tại các doanh nghiệp, trang trại, hộ gia đình và các dự án liên quan đến lĩnh vực sản xuất, Kinh doanh cây thuốc lá, các trung tâm khuyến nông lâm.

### ***156.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành***

Công việc chủ yếu của nghề Trồng cây thuốc lá bao gồm các công đoạn cơ bản như: Nghiên cứu thị trường thuốc lá; lập phương án sản xuất Kinh doanh thuốc lá; thiết kế và Xây dựng vườn ươm cây giống; thiết kế vườn trồng; sản xuất cây giống thuốc lá bằng phương pháp bầu đất, khay lỗ; chuẩn bị đất trồng; trồng cây; chăm sóc; điều tiết sinh trưởng phát triển; Xây dựng lò

sấy; thu hoạch; sơ chế sản phẩm; bảo quản sản phẩm; nhận biết một số giống thuốc lá chính đang được trồng tại Việt Nam; tiêu thụ và hạch toán sản phẩm và phát triển nghề nghiệp.

### **157. Ngành/ngành: Trồng cây cà phê**

#### **157.1. Mô tả ngành/ngành**

“Trồng cây cà phê” là ngành/ngành sản xuất ra sản phẩm ở dạng hạt, cung cấp nguyên liệu cho ngành sản xuất cà phê. Cây cà phê được trồng phổ biến ở các tỉnh vùng Tây Nguyên, Đông Nam Bộ. Cây cà phê có giá trị kinh tế rất lớn. Hạt của cây cà phê là nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến thực phẩm phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Diện tích trồng cà phê phủ xanh hàng trăm ngàn ha đất trống, đồi núi trọc và giải quyết việc làm tại chỗ cho người dân địa phương. Hiện nay xã hội đang có nhu cầu lớn về lao động trồng cây cà phê.

**157.2. Vị trí làm việc** Người làm nghề Trồng cây cà phê có thể làm việc tại các doanh nghiệp, trang trại, hộ gia đình và dự án có liên quan đến lĩnh vực trồng cây cà phê. Căn cứ vào yêu cầu công việc người làm nghề có thể làm ở các vị trí: Kỹ thuật viên, cán bộ kỹ thuật, quản lý sản xuất tại các vườn ươm cây giống cà phê, các tổ, đội sản xuất, nông trường, phòng kỹ thuật... của các công ty cà phê.

#### **157.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngành**

Xây dựng vườn nhân chồi ghép cây cà phê; sản xuất cây giống; chuẩn bị đất trồng; trồng cây; chăm sóc và phòng chống cháy; phòng trừ sâu, bệnh hại; thu hoạch, bảo quản; tiêu thụ sản phẩm; tổ chức và quản lý sản xuất. Người lao động chủ yếu làm việc thủ công ở ngoài trời, điều kiện làm việc vất vả, phụ thuộc vào thời tiết, khí hậu, mùa vụ và độc hại do thuốc bảo vệ thực vật hoặc nguy hiểm do côn trùng gây ra.

### **158. Ngành/ngành: Vận hành thiết bị sản xuất Xi măng**

#### **158.1. Mô tả ngành/ngành**



“Vận hành thiết bị sản xuất Xi măng” là ngành/ngề vận hành thiết bị ở trong dây chuyền vận hành thiết bị sản xuất Xi măng gồm tạo bột phối liệu; nung và làm nguội clinker; nghiền Xi măng; đóng bao và xuất sản phẩm.

### ***158.2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Vận hành thiết bị sản xuất Xi măng được bố trí làm việc trực tiếp tại các phân xưởng nhà máy sản xuất Xi măng hoặc trung tâm điều khiển cục bộ, vận hành thiết bị ở trong dây chuyền sản xuất Xi măng.

### ***158.3. Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/ngề***

Vận hành thiết bị gia công nguyên liệu; vận hành các thiết bị vận chuyển; vận hành các thiết bị gia công nguyên liệu; vận hành thiết bị rải nguyên liệu; vận hành thiết bị rút liệu; vận hành các thiết bị nghiền; vận hành thiết bị phân ly; vận hành tháp trao đổi nhiệt và tiền nung; vận hành lò nung clinker; vận hành thiết bị làm nguội Clinker; vận hành thiết bị quạt và các thiết bị làm sạch khí công nghiệp; vận hành thiết bị đóng bao Xi măng; vận hành thiết bị xuất sản phẩm clinker và Xi măng; vận hành trung tâm điều khiển cục bộ, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và an toàn lao động.

## **II. DANH MỤC NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO CỦA**

### **MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI HÀ NỘI [18]**

<b>TT</b>	<b>TÊN TRƯỜNG</b>	<b>KÝ HIỆU</b>	<b>NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO</b>	<b>TIÊU CHÍ TUYỂN SINH</b>	<b>GHI CHÚ</b>
1	ĐH Công nghệ - ĐH Quốc Gia Hà Nội	UET	Khoa học máy tính (Chương trình Chất lượng cao); Công nghệ thông tin (Chương trình Chuẩn và Chất lượng cao); Công nghệ thông tin định hướng thị trường Nhật Bản; Hệ thống thông tin (Chương trình	Thi tuyển	

			Chất lượng cao); Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chương trình Chất lượng cao); Kỹ thuật máy tính; Kỹ thuật Robot; Vật lý kỹ thuật; Kỹ thuật năng lượng; Cơ kỹ thuật; Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử (Chương trình Chất lượng cao); Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Công nghệ hàng không vũ trụ; Công nghệ nông nghiệp		
2	ĐH Giáo dục - ĐH Quốc Gia Hà Nội		Bộ môn Toán; Bộ môn Khoa học tự nhiên; Bộ môn Khoa học xã hội; Bộ môn Lí luận dạy học và Phát triển nghề nghiệp; Bộ môn Tâm lý; Bộ môn Giáo dục; Bộ môn Lý luận quản lý; Bộ môn Khoa học quản lý chuyên ngành; Bộ môn Quản lý cơ sở giáo dục; Bộ môn Công nghệ và Giáo dục; Bộ môn Khoa học dữ liệu trong giáo dục; Bộ môn Quản lí công nghệ trong lớp học; Bộ môn thiết kế, phát triển học liệu số.		
3	ĐH Kinh tế - ĐH Quốc Gia Hà Nội	UEB	Kinh tế; Tài chính - Ngân hàng; Kinh tế Quốc tế; Kinh tế Phát triển; Kế toán; Quản trị Kinh doanh; Tài chính Ngân hàng; Kinh tế Quốc tế; Kinh tế Chính trị; Quản lý Kinh tế; Quản trị công nghệ và Phát triển doanh nghiệp; Quản trị các tổ chức tài chính; Kinh tế biển.		
4	ĐH Khoa học tự	VNS - HUS	Toán học, Toán cơ, Toán-Tin, Máy tính và Khoa học thông		

	nhiên - ĐH Quốc Gia Hà Nội		tin, Vật lý học, Khoa học vật liệu, Công nghệ kỹ thuật hạt nhân, Hoá học, Công nghệ kỹ thuật hoá học, Sinh học, Công nghệ sinh học, Địa lí tự nhiên, Khoa học thông tin địa không gian, Quản lý đất đai, Khoa học môi trường, Khoa học đất, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Khí tượng và khí hậu học, Hải dương học, Tài nguyên và môi trường nước, Địa chất học, Kỹ thuật địa chất, Quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường.		
5	ĐH Khoa học xã hội và Nhân văn – ĐH Quốc gia Hà Nội	VNU- USSH	Báo chí, Chính trị học, Công tác xã hội, Đông phương học, Hán Nôm, Khoa học quản lý, Khoa học thư viện, Lịch sử, Lưu trữ học, Ngôn ngữ học, Nhân học, Quan hệ công chúng, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị văn phòng, Quốc tế học, Tâm lý học Thông tin học, Triết học, Tôn giáo học, Văn học, Việt Nam học, Xã hội học.		
6	ĐH Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia Hà Nội	ULIS	Sư phạm tiếng Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc, Sư phạm tiếng Trung Quốc, Ngôn ngữ Pháp, Sư phạm tiếng Pháp, Ngôn ngữ Nga, Sư phạm tiếng Nga, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Nhật Bản, Sư phạm tiếng Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Sư phạm tiếng Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả- rập		
7	ĐH Việt – Nhật – ĐH Quốc gia	VJU	Công nghệ nano, Kỹ thuật hạ tầng, Chính sách công, Khu vực học, Quản trị kinh doanh,		

	Hà Nội		Biến đổi khí hậu và phát triển		
8	ĐH FPT	FPT	Kỹ thuật phần mềm, An toàn thông tin, Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Trí tuệ nhân tạo, Hệ thống thông tin, IOT, Digital Marketing, Thiết kế đồ họa, Truyền thông đa phương tiện, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Nam Hàn, Ngôn ngữ Trung Quốc, Quản trị khách sạn, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		
9	ĐH Bách khoa Hà Nội	BKA	Kỹ thuật Cơ điện tử, Kỹ thuật Cơ khí, Chương trình tiên tiến Cơ điện tử, Kỹ thuật Ô tô, Kỹ thuật Cơ khí động lực, Kỹ thuật Hàng không, Kỹ thuật Tàu thủy, Chương trình tiên tiến Kỹ thuật Ô tô, Kỹ thuật Nhiệt, Kỹ thuật Vật liệu, Chương trình tiên tiến KHKT Vật liệu, Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông, Chương trình tiên tiến Điện tử - Viễn thông, Chương trình tiên tiến Kỹ thuật Y sinh, Khoa học Máy tính, Kỹ thuật Máy tính, Công nghệ thông tin (cử nhân), Công nghệ thông tin Việt-Nhật, Công nghệ thông tin ICT, Toán-Tin, Hệ thống thông tin quản lý (cử nhân), Kỹ thuật Điện, Kỹ thuật Điều khiển - Tự động hóa, Chương trình tiên tiến Điều khiển-Tự động hóa và Hệ thống điện, Kỹ thuật Hóa học, Hóa học, Kỹ thuật in, Kỹ thuật Sinh học, Kỹ thuật Thực phẩm, Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật		

			Dệt, Công nghệ May, Sư phạm kỹ thuật công nghiệp, Vật lý kỹ thuật, Kỹ thuật hạt nhân, Kinh tế công nghiệp, Quản lý công nghiệp, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính-Ngân hàng, Tiếng Anh KHKT và Công nghệ, Tiếng Anh chuyên nghiệp quốc tế.		
10	ĐH Công đoàn	LDA	Ngành Quản trị kinh doanh, Ngành Quản trị nhân lực, Ngành Bảo hộ lao động, Ngành Tài chính - Ngân hàng, Ngành Kế toán, Ngành Luật, Ngành Xã hội học, Ngành Công tác xã hội, Ngành Quan hệ lao động		
11	ĐH Giao thông vận tải Hà Nội	UTC	Công trình xây dựng, Quản lý xây dựng, Vận tải kinh tế, Kỹ thuật xây dựng, Điện – Điện tử, Cơ khí, Công nghệ thông tin, Cơ bản		
12	ĐH Công nghệ giao thông vận tải	GTA	Công nghệ Kỹ thuật giao thông, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Công nghệ kỹ thuật Ô tô, Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật Cơ khí, Điện tử - viễn thông, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kế toán, Kinh tế xây dựng, Quản trị doanh nghiệp, Tài chính - Ngân hàng, Quản lý, điều hành vận tải đường bộ, Quản lý, điều hành vận tải đường sắt, Công nghệ kỹ thuật môi trường.		
13	ĐH Công nghiệp Hà Nội	HaUI	Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Công nghệ kỹ thuật điều khiển		

			và tự động hoá, Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Truyền thông và mạng máy tính, Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, Ngôn ngữ Anh, Kế toán, Kiểm toán, Tài chính ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Quản trị kinh doanh du lịch, Quản trị nhân lực, Quản trị văn phòng, Việt Nam học (hướng dẫn du lịch), Công nghệ kỹ thuật nhiệt, Công nghệ may, Thiết kế thời trang, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Marketing, Ngôn ngữ Trung Quốc.		
14	ĐH Công nghiệp Việt Hưng	VIU	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật Ô tô; Công nghệ kỹ thuật Xây dựng; Tài chính ngân hàng; Quản trị kinh doanh; Kinh tế.		
15	ĐH Dược Hà Nội	DKH	Dược học		
16	ĐH Điện lực Hà Nội	DDL	Hệ thống điện; Công nghệ Năng lượng; Khoa Công nghệ Tự động; Khoa Công nghệ Thông tin; Khoa Điện tử - Viễn thông; Khoa Công nghệ Cơ khí; Khoa Quản lý năng lượng; Khoa Quản trị kinh doanh; Khoa Tài chính Kế toán; Khoa Khoa học cơ bản; Khoa Đào tạo sau đại học; Bộ môn Khoa học chính trị; Bộ môn Điện hạt nhân.		
17	ĐH Hà	NHF	Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ		

	Nội		Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Truyền thông đa phương tiện, Quốc tế học, Truyền thông doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh, Marketing, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán, Công nghệ thông tin, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Tiếng Việt & Văn hóa Việt Nam, Quản trị kinh doanh, chuyên ngành kép Marketing và Tài chính, Quản trị Du lịch và Lữ hành, Kế toán Ứng dụng; Kinh tế Doanh nghiệp, Khoa học Thống kê, Bảo hiểm.		
18	1 ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội	KCN	Công nghệ Sinh học nông, y, dược; Công nghệ Thông tin và truyền thông; Khoa học Vật liệu tiên tiến và Công nghệ Nano; Vũ trụ và Ứng dụng; Năng lượng; Nước – Môi trường – Hải dương học.		
19	ĐH Kiểm sát Hà Nội	DKS	Ngành Luật		
20	ĐH Kiến trúc Hà Nội	KTA	Kiến trúc, Kiến trúc cảnh quan, Quy hoạch vùng và đô thị, Mỹ thuật công nghiệp, Thiết kế nội thất, Thiết kế đồ họa, Thiết kế thời trang, Điêu khắc, Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật hạ tầng đô thị, Kỹ thuật môi trường đô thị, Cấp thoát nước - môi trường nước, Công nghệ kỹ thuật vật		

			liệu xây dựng.		
21	ĐH Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp Hà Nội	DKK	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sợi, dệt; Công nghệ dệt, may; Công nghệ thông tin; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; CNKT điều khiển và tự động hóa; CNKT điện tử - viễn thông; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Kế toán; Quản trị kinh doanh; Kinh doanh thương mại; Tài chính - Ngân hàng.		
22	ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội	KHA	Kế toán, Quan hệ công chúng, Kinh tế quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Kinh doanh thương mại, Kinh tế, Quản trị nhân lực, Quản trị khách sạn, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin quản lý, Bất động sản, Bảo hiểm, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Ngành Ngôn ngữ Anh, Quản trị kinh doanh học bằng tiếng Anh, Quản lý Công và Chính sách học bằng Tiếng Anh, Kinh tế phát triển, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản lý tài nguyên và môi trường, Luật kinh tế, Quản lý đất đai, Công nghệ thông tin, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Thương mại điện tử, Quản lý dự án, Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh học bằng		



			tiếng Anh.		
23	ĐH Lao động – xã hội Hà Nội	DLX	Quản trị nhân lực, Kinh tế (Kinh tế lao động), Kế toán, Luật kinh tế, Bảo hiểm, Quản trị kinh doanh, Công tác xã hội, Tâm lý học.		
24	ĐH Lâm nghiệp Hà Nội	VNUF	Quản lý tài nguyên thiên nhiên (Chương trình tiên tiến, đào tạo bằng tiếng Anh); Chế biến lâm sản (Chất lượng cao, đào tạo bằng tiếng Anh); Lâm nghiệp (Chất lượng cao, đào tạo bằng tiếng Anh); Quản lý tài nguyên thiên nhiên (tiếng Việt); Công nghệ Chế biến lâm sản (Chế biến gỗ); Lâm sinh; Lâm nghiệp; Lâm nghiệp đô thị; Kiến trúc cảnh quan; Công nghệ sinh học; Quản lý tài nguyên rừng (Kiểm lâm); Khoa học môi trường; Công tác xã hội; Khoa học cây trồng; Quản lý tài nguyên môi trường; Bảo vệ thực vật; Khuyến nông; Quản trị kinh doanh; Kinh tế; Kế toán; Quản lý đất đai; Hệ thống thông tin (Công nghệ thông tin); Thiết kế nội thất; Công nghiệp phát triển nông thôn; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật cơ khí; Công nghệ vật liệu; Công nghệ ô tô; Thiết kế công nghiệp; Kỹ thuật cơ điện tử; Kinh tế nông nghiệp; Công nghệ sinh học (Chất lượng cao, đào tạo bằng tiếng Anh); Kỹ thuật cơ khí (Chất lượng cao, đào tạo bằng tiếng Anh); Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành; Chăn nuôi; Thú y.		

Trên đây là các ngành nghề đang được đào tạo hiện nay ở nước ta, trọng tâm giới thiệu chủ yếu tập trung ở khu vực phía Bắc nước ta, nơi mà học sinh Lào Cai có thể tham gia học tập thuận lợi. Tuy vậy, cần lưu ý rằng, các ngành nghề có thể được bổ sung, thay đổi tùy theo năm học nên khi làm tư vấn hướng nghiệp và hướng dẫn tuyển sinh, cần lưu ý tra cứu trong cuốn những điều cần biết về tuyển sinh hằng năm.

## **KẾT LUẬN, KHUYẾN NGHỊ**

Thực trạng công tác hướng nghiệp, phân luồng hiện nay trong toàn quốc nói chung, trên địa bàn tỉnh Lào Cai nói riêng đặt ra những vấn đề, những nhiệm vụ cần tập trung giải quyết. Trong đó, nhiệm vụ biên soạn bộ tài liệu phù hợp, tập huấn cho cán bộ, giáo viên, tổ chức công tác hướng nghiệp thiết thực và hiệu quả là hết sức quan trọng.

Việc nghiên cứu xây dựng bộ tài liệu giúp nhà trường, cán bộ, quản lý, giáo viên thực hiện mục tiêu hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học vào thời điểm này trên địa bàn tỉnh Lào Cai là rất kịp thời. Tài liệu đưa vào thực nghiệm có tác dụng thiết thực, đã cung cấp nội dung cần thiết để cán bộ, giáo viên có nội dung cụ thể thực hiện công tác định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS, THPT.

Công tác tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phổ biến tài liệu, thực nghiệm trong thời gian qua trong ngành giáo dục Lào Cai bước đầu đã có tác dụng thiết thực làm thay đổi nhận thức, hiệu quả về công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh trong đội ngũ cán bộ, giáo viên nói chung trong tác trường thực nghiệm nói riêng.

Việc phổ biến kiến thức về hướng nghiệp phân luồng học sinh qua bộ tài liệu có tác dụng rõ ràng qua kết quả phân luồng học sinh THCS năm học 2019-2020: Học sinh vào THPT giảm từ 72% còn 69, 5%, học sinh vào GDTX tăng từ 5% lên 10,2%, học sinh vào trung cấp tăng từ 3% lên 7,5%. Đối với các trường THCS thực nghiệm tỷ lệ học sinh vào THPT đạt bình quân 68,5%, vào GDTX đạt bình quân 11%, vào học nghề đạt bình quân 9%.

Khuyến nghị: Đến thời điểm này, tỉnh Lào Cai đã ban hành Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2019-2020 (Quyết định số 2567/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND tỉnh Lào Cai); việc tổ chức thực hiện hiệu

quả Đề án này là hết sức quan trọng, góp phần thiết thực đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nói riêng, khu vực và toàn quốc nói chung. Trong quá trình triển khai cần thiết tục nghiên cứu, xây dựng chương trình hướng nghiệp cụ thể, sát thực tiễn, đặc biệt là xây dựng chương trình học phân hướng nghiệp trong chương trình giáo dục địa phương giai đoạn 2020-2025.

Bộ tài liệu hướng nghiệp, phân luồng này là cơ sở quan trọng để tiếp tục biên soạn các bài giảng cụ thể, tổ chức các hoạt động tư vấn cụ thể để hướng dẫn học sinh; nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp, phân luồng trong giai đoạn tới.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thị Ngọc Anh (1994), *Nghiên cứu thái độ nghề nghiệp của HS học nghề và những yếu tố ảnh hưởng đến thái độ nghề nghiệp trong quá trình đào tạo ở trường nghề*, Viện Nghiên cứu Phát triển giáo dục, NXB Hà Nội.
2. Lê Văn Anh (2000) “*Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thực hiện phân luồng học sinh sau THCS*”, mã số MB98-52-TB17.
3. Đặng Danh Ánh (1982), *Góp phần tìm hiểu vấn đề hướng nghiệp*, Tạp chí nghiên cứu GD, số 2/1982.
4. Đặng Danh Ánh (1985), *Tuổi trẻ và nghề nghiệp tập 1, tập 2*, NXB Công nhân kỹ thuật Hà Nội.
5. Đặng Danh Ánh (1999), *Dạy nghề; thách thức và giải pháp*, nhà xuất bản Thanh Niên, Hà Nội.
6. Đặng Danh Ánh (2005), *Vấn đề và hướng đi cho Giáo dục Hướng Nghiệp Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Đối thoại Pháp Á”, Hà Nội tháng 1/2005.
7. Đặng Danh Ánh (2002), “Quan điểm mới về hướng nghiệp và hướng nghiệp trong trường phổ thông”, *Tạp chí Giáo dục* (38) và (42).
8. Đặng Danh Ánh (2009), «*Định hướng phân luồng và liên thông trong hệ thống giáo dục quốc dân*», Tạp chí Khoa học giáo dục, Số 49, tr. 15-1.
9. Đặng Danh Ánh (2010), *Giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam*. Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
10. Ban Chấp hành Trung ương ĐCSVN (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TU ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*;
11. Nguyễn Trọng Bảo (1985), *GD lao động, kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp trường phổ thông*, NXB Sự thật, NXB Hà Nội.

12. Nguyễn Thị Bình (1999), *Đổi mới phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục lao động, hướng nghiệp trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước - Hội nghị hướng nghiệp*, Bộ GD-ĐT, NXB Hà Nội.

13. Bộ Chính trị (khóa XI - 2011), *Chỉ thị số 10-CT/TW “về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, tăng cường phân luồng học sinh sau THCS và xóa mù chữ cho người lớn”*, ngày 05/12/2011.

14. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Chỉ thị 33/2003/CT-BGD&ĐT, ngày 23/7/2003 về việc tăng cường giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông*.

15. Bộ GD-ĐT (1991), *Danh mục nghề cho học sinh THCS-THPT*, Hà Nội.

16. Bộ GD-ĐT (1996), *Định hướng Hoạt động lao động hướng nghiệp phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá 1996-2000*, NXB Hà Nội, 1996.

17. Bộ GD-ĐT (1987), *Giáo trình công tác HN trong trường phổ thông*, NXB Hà Nội.

18. Bộ GD&ĐT (2019), *Những điều cần biết về tuyển sinh trung cấp, cao đẳng, đại học*, Hà Nội.

19. Bộ GD-ĐT (2000), *Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục lao động hướng nghiệp năm học 2000-2001*, Tài liệu lưu hành nội bộ.

20. Bộ GD-ĐT (2018), *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*.

21. Bộ GD-ĐT (2018), *Tài liệu tập huấn phương thức giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề trong các trường phổ thông dân tộc nội trú*.

22. Nguyễn Văn Căn (2004) Thực hiện "song nguyên chế" một giải pháp phân luồng giáo dục ở các thành phố của Trung Quốc, *Tạp chí Giáo dục* Số 99.

23. Chính phủ nước CHXHCNVN (2006), *Nghị định 75/2006/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục*.

24. Chính phủ nước CHXHCNVN (1981), *Quyết định số 126/CP, ban hành ngày 19/3/1981 về công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông và việc sử dụng học sinh các cấp trung học cơ sở và phổ thông trung học tốt nghiệp ra trường*.

25. Phan Thị Lạc – Trần Thị Thu (đồng chủ biên) Văn Lê Hằng – Lưu Thu Thủy – Nguyễn Thị Phương, *Tài liệu tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học cơ sở khu vực khó khăn và dân tộc thiểu số*.

26. Phạm Tất Dong (1996), “Đổi mới công tác hướng nghiệp phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”, *Tạp chí nghiên cứu giáo dục* 6/1996.

27. Phạm Tất Dong chủ biên (2013), *Sách giáo viên, Hoạt động Giáo dục hướng nghiệp 10, 11 và 12*, Nhà xuất bản Giáo dục.

28. Phạm Tất Dong (Chủ biên-2012) *(Tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học cơ sở*, Nxb Giáo dục.

29. Nguyễn Hữu Dũng (2005), *Thị trường lao động và định hướng nghề nghiệp cho thanh niên*. Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.

30. Quang Dương (2010) *Tư vấn hướng nghiệp. T.1 - Học tích cực chọn nghề phù hợp*, Nxb Trẻ.

31. Quang Dương (2010) *Tư vấn hướng nghiệp. T.2 - Tự hướng nghiệp và rèn luyện kỹ năng vào đời*, Nxb Trẻ.

32. Hồ Phụng Hoàng Phoenix, ThS. Trần Thị Thu, ThS. Nguyễn Thị Châu, *Quản lý hướng nghiệp ở cấp Trung học*, NXB Đại học Sư phạm, 2013.

33. Hồ Phụng Hoàng Phoenix, ThS. Trần Thị Thu và TS. Nguyễn Ngọc Tài, *Tài liệu bổ sung sách giáo viên giáo dục hướng nghiệp lớp 9*, NXB Đại học Quốc gia, 2012.

34. Hồ Phụng Hoàng Phoenix, ThS. Trần Thị Thu và TS. Nguyễn Ngọc Tài (2012), *Tài liệu bổ sung sách giáo viên giáo dục hướng nghiệp lớp 10, 11, 12*, NXB Đại học Quốc gia.

35. Hồ Phụng Hoàng Phoenix & Trần Thị Thu (2013) *Giáo dục hướng nghiệp qua hoạt động giáo dục nghề phổ thông*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

36. Hồ Phụng Hoàng Phoenix, Nguyễn Ngọc Tài (2013), *Tổ chức Tư vấn hướng nghiệp cho nhóm lớn học sinh cấp Trung học cơ sở*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

37. Hồ Phụng Hoàng Phoenix, Nguyễn Ngọc Tài (2013), *Tổ chức Tư vấn hướng nghiệp và tư vấn tuyển sinh cho nhóm lớn học sinh cấp Trung học Phổ thông*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

38. Hồ Phụng Hoàng Phoenix & Trần Thị Thu (Biên soạn) (2015), *Kĩ năng tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề cho học sinh trung học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

39. Hồ Phụng Hoàng Phoenix, Trần Thị Thu (2013), *Tài liệu dành cho cha mẹ "Giúp con hướng nghiệp"*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

40. Nguyễn Đắc Hưng (2014) “Phân luồng học sinh sau trung học - Thực trạng và giải pháp” Tuyên giáo, Số 4, tr. 54-56.

41. Nguyễn Thị Lê Hương (2011), *Sổ tay hướng nghiệp - học nghề cho lao động trẻ*, Nxb Lao động xã hội.

42. Nguyễn Kim Hồng (Chủ biên, 2015) *Phát triển năng lực hướng nghiệp cho giáo viên bộ môn trường trung học phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.

43. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2015) Sách chuyên khảo *Tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

44. Hoàng Phê (chủ biên, 2000), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB ĐHQG, H.



45. Trần Công Phong, Đỗ Thị Bích Loan (Chủ biên) (2016), *Phân luồng và liên thông trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam: Lý luận và thực tiễn*, Nxb Giáo dục.

46. Quốc hội nước CHXHCNVN, *Luật Giáo dục 2005 và Luật Giáo dục sửa đổi 2009*.

47. Lê Nguyên Quang (2005) “Phân luồng hướng nghiệp dạy nghề ở trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh theo hướng đổi mới phương thức đào tạo”, Tạp chí giáo dục Số 119, tr.8-10.

48. Nguyễn Văn Lê – Hà Thế Truyền (2015), *Một số kinh nghiệm về giáo dục phổ thông và hướng nghiệp trên thế giới*. Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

49. Richard Templar, *Những quy tắc trong quản lý*, NXB Lao động, 2012.

50. Nguyễn Ngọc Tài (2005), *Xu hướng chọn nghề của học sinh tại TpHCM và các giải pháp giáo dục hướng nghiệp*, Sở Khoa học công nghệ TpHCM.

51. Nguyễn Ngọc Tài, *Công tác hướng nghiệp cho học sinh dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Luận văn tiến sĩ, 2013.

52. Tỉnh ủy Lào Cai (2013), *Chương trình số 117-CTr/TU ngày 20/5/2013*.

53. Tỉnh ủy Lào Cai (2014), *Chương trình hành động số 153-CTr/TU ngày 06/01/2014 để chỉ đạo phát triển giáo dục*.

54. Tỉnh ủy Lào Cai (2015), *Đề án đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2015-2020* (Đề án thành phần của Đề án số 06-ĐA/TU).

55. Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCNVN (1981), *Quyết định số 126/CP ngày 19/3/1981 của Hội đồng Chính phủ về công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh*.

56. Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCNVN (2018), *Quyết định 522/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”*, Hà Nội.

57. Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCNVN (2000), *Chỉ thị 14/2001/CT – TTg về việc đẩy mạnh chương trình giáo dục phổ thông thực hiện Nghị quyết 40/2000/QH10 của Quốc hội*.

58. Nguyễn Xuân Thúc, Trần Kiểm (2012), *Giáo trình đại cương khoa học quản lý*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

59. Hồ Văn Thống (2010), “PLHS sau THCS và THPT góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Đồng Tháp trong thời kỳ hội nhập”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng*, 4(39).

60. Hồ Văn Thống (2014), “Biện pháp phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp” *Tạp chí Giáo dục*, Số 325, tr. 5-9.

61. Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai (2001), *Báo cáo số 574/TH ngày 27/9/2001 về việc tổng kết 10 năm khôi phục và phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo 1991 – 2001*.

62. UBND tỉnh Lào Cai (2018) *Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 23/2/2018 về Kế hoạch phân luồng học sinh sau THCS và THPT giai đoạn 2018-2020, định hướng đến 2025*.

63. Viện nghiên cứu phát triển giáo dục – vụ giáo dục thường xuyên (1998), *Báo cáo đánh giá thực trạng phân luồng học sinh*.

64. Website: <http://www.blueprint.edu.vn>;  
<http://www.thongtincongtty.com/tinh-lao-cai/>.

65. <http://www.Wikihow.vn/Đưa-ra-câu-hỏi-mở/>

66. <https://www.laocai.gov.vn/>

**Phụ lục**  
**PHIẾU TRẮC NGHIỆM SỞ THÍCH**

**Phần 1**

*Đánh dấu X vào ô trước mỗi câu mà bạn thấy phù hợp với mình. Đừng suy nghĩ quá nhiều khi lựa chọn câu trả lời. Mỗi ô được đánh dấu sẽ tính là 1 điểm, không phải điểm cao là làm giỏi mà phải lựa chọn theo đúng suy nghĩ bản thân.*

*Thời gian hoàn thành: 20 phút.*

**Bảng 1**

	Tôi tự thấy mình là người khá thể thao	<b>Cộng số điểm ở các ô được đánh dấu X và viết số tổng bên dưới</b>  <b>NHóm Kỹ thuật</b>
	Tôi là người yêu thích thiên nhiên	
	Tôi người hay tò mò về thế giới xung quanh mình (thiên nhiên, không gian, những sinh vật sống)	
	Tôi là người độc lập	
	Tôi thích sửa chữa đồ vật, vật dụng xung quanh tôi	
	Tôi thích làm việc có sử dụng tay chân (làm vườn, sửa chữa nhà cửa)	
	Tôi thích tập thể dục	
	Tôi thích dành dụm tiền	
	Tôi thích làm việc cho đến khi công việc hoàn thành (không thích bỏ dở việc)	
	Tôi thích làm việc một mình	
	Tổng điểm	

**Bảng 2**

	Tôi là người rất hay để ý tới chi tiết và cẩn thận	<b>Cộng số điểm ở các ô được đánh dấu X và viết số</b>
	Tôi tò mò về mọi thứ	
	Tôi có thể tính những bài toán phức tạp	

	Tôi thích giải các bài tập toán	<b>Nhóm Nghiên cứu</b>
	Tôi thích sử dụng máy tính	
	Tôi rất thích đọc sách	
	Tôi thích sưu tập (đá, tem, tiền đồng)	
	Tôi thích trò chơi ô chữ	
	Tôi thích học các môn khoa học	
	Tôi thích những thách thức	
	Tổng điểm	

**Bảng 3**

	Tôi rất sáng tạo	<b>Nhóm Nghệ thuật</b>
	Tôi thích vẽ, tô màu và sơn	
	Tôi có thể chơi một nhạc cụ	
	Tôi thích tự thiết kế quần áo cho mình hoặc mặc những thời trang lạ và thú vị	
	Tôi thích đọc truyện viễn tưởng, kịch và thơ ca	
	Tôi thích mỹ thuật và thủ công	
	Tôi xem rất nhiều phim	
	Tôi thích chụp hình mọi thứ (chim, người, cảnh đẹp)	
	Tôi thích học một ngoại ngữ	
	Tôi thích hát, đóng kịch và khiêu vũ	
	Cộng	

**Bảng 4**

	Tôi rất thân thiện	<b>Nhóm Xã hội</b>
	Tôi thích chỉ dẫn hoặc dạy người khác	
	Tôi thích nói chuyện trước đám đông	
	Tôi làm việc rất tốt trong nhóm	
	Tôi thích điều hành các cuộc thảo luận	

	Tôi thích giúp đỡ những người gặp khó khăn	<b>Nhóm Xã hội</b>
	Tôi chơi các môn thể thao có tính đồng đội	
	Tôi thích đi dự tiệc	
	Tôi thích làm quen với bạn mới	
	Tôi thích làm việc với các nhóm Hoạt động xã hội tại trường học, nhà thờ, chùa, phường, xóm, hay cộng đồng	
	Cộng	

**Bảng 5**

	Tôi thích học hỏi về tài chính (tiền bạc)	<b>Nhóm Quản lí</b>
	Tôi thích bán các sản phẩm (kẹo, bút viết v.v...)	
	Tôi nghĩ mình thuộc dạng nổi tiếng ở trường	
	Tôi thích lãnh đạo nhóm và các cuộc thảo luận	
	Tôi thích được bầu vào các vị trí quan trọng trong nhóm hoặc câu lạc bộ trong và ngoài nhà trường	
	Tôi thích có quyền và thích ở vị trí lãnh đạo	
	Tôi muốn sở hữu một doanh nghiệp nhỏ	
	Tôi thích tiết kiệm tiền	
	Tôi thích làm việc cho tới khi công việc hoàn tất	
	Tôi thích mạo hiểm và tham gia các cuộc phiêu lưu mới	
	Cộng	

**Bảng 6**

	Tôi thích gọn gàng và ngăn nắp	<b>Nhóm Quản lí</b>
	Tôi thích phòng của tôi thường xuyên gọn gàng và ngăn nắp	
	Tôi thích sưu tầm các bài báo về các sự kiện nổi tiếng	

	Tôi thích lập những danh sách các việc cần làm	<b>Nhóm Nghiệp vụ</b>
	Tôi thích sử dụng máy tính	
	Tôi rất thực tế và cân nhắc mọi chi phí trước khi mua một thứ gì đó	
	Tôi thích đảm nhận công việc thư ký trong một câu lạc bộ hay nhóm	
	Khi làm toán, tôi hay kiểm tra lại bài làm nhiều lần	
	Tôi thích viết thư	
	Tôi thích đánh máy bài tập của trường, lớp hơn là viết tay	
	Cộng	

## Phần 2

Làm phần 1 trước khi làm phần 2. Từ kết quả của phần 1, viết số điểm của ba nhóm cao nhất xuống dưới đây. Nếu bạn có hai hay ba phần bằng nhau thì cũng không sao. Đây là kết quả sở thích của bạn. Hãy dùng kết quả trắc nghiệm sở thích của bạn để tìm hiểu bạn có tính cách gì và một số công việc phù hợp bạn nhất.

Hãy gạch dưới chân những nghề mà bạn thấy thích ở cột bên phải.

**Nhóm sở thích của bạn:**

**Tổng số cao nhất**  
**cao thứ ba**

**Tổng số cao thứ hai**

**Tổng số**

Nhóm Kỹ thuật là những người có tính thực tế	Nghề nghiệp bạn thích	
Những ai có khả năng như một vận động viên thể thao hoặc có khả năng như một thợ máy, thích làm với những vật cụ thể, máy móc, dụng cụ, cây cối, con vật, hoặc các Hoạt động ngoài	Vận hành máy, cơ khí ứng dụng, bảo trì và sửa chữa ô tô, thiết bị điện, lắp đặt điện, bảo hành, sửa chữa điện - điện tử, tin học, Xây dựng, trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, nấu ăn, làm vườn và chăm sóc cây xanh, cắt may, thêu, đan, móc, kỹ thuật phòng lab, lái xe, lái tàu, công nghệ thông tin,... y tá điều dưỡng...	Kỹ sư ô tô Kỹ sư chế tạo máy Kỹ sư ngành tự động hóa Kỹ sư nông, lâm, ngư nghiệp. Kỹ sư thiết kế cảnh quang đô thị, công trình công cộng, kỹ sư công nghệ may, kỹ sư công

trời.	Các công việc Hoạt động thuộc nhóm kĩ thuật có từ công nhân bậc 2/7, 3/7, công nhân kĩ thuật trình độ TCN... được đào tạo tại các cơ sở dạy nghề, các trường trung cấp nghề, TTKTTHHN tại địa phương.	nghệ thông tin, bác sĩ...  Các công việc này được đào tạo tại các trường đại học và cao đẳng trên toàn quốc.
-------	---	--

<b>Nhóm Nghiên cứu là những người thích tìm tòi, khám phá, điều tra</b>	<b>Nghề nghiệp bạn thích</b>	
Những ai thích quan sát, tìm tòi, khám phá, học hỏi, điều tra, phân tích, đánh giá hoặc giải quyết vấn đề	Lập trình viên, kĩ thuật viên y tế, kĩ thuật viên phòng thí nghiệm, chăn nuôi, thú y, kỹ thuật viên phục hồi răng, chuyên viên nghiên cứu thị trường, chuyên viên nghiên cứu các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội...	Nhà sinh vật học Nha sĩ/Dược sĩ Kĩ sư phần mềm Nhà khảo cổ học

<b>Nhóm Nghiên cứu là những người thích tìm tòi, khám phá, điều tra</b>	<b>Nghề nghiệp bạn thích</b>
---	------------------------------



Những ai thích quan sát, tìm tòi, khám phá, học hỏi, điều tra, phân tích, đánh giá hoặc giải quyết vấn đề.	Các ngành nghề trên được đào tạo tại các cơ sở dạy nghề, các trường TCN, các TTKTTHHN tại địa phương. Các ngành nghề này cũng được đào tạo trực tiếp tại đơn vị tuyển dụng sau một thời gian thực hành và làm việc trực tiếp tại đơn vị đó.	Nhà hóa học/vật lý học/địa lý học, nhà nghiên cứu (địa chất, sử, dân tộc học..), bác sĩ, giảng viên đại học, thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội...  Các công việc này được đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng và các học viện trên toàn quốc.
--	---	--

<b>Nhóm Nghệ thuật là những người có sở thích thẩm mỹ, sáng tạo</b>	<b>Nghề nghiệp bạn thích</b>	
Những ai có khả năng nghệ thuật, sáng tác, trực giác và thích làm việc trong các tình huống không có kế hoạch trước như dùng trí tưởng tượng và sáng tạo.	Thiết kế đồ họa, phóng viên, thợ chụp ảnh, ca sĩ, diễn viên (điện ảnh, kịch, chèo, cải lương, tuồng...) thợ thủ công mỹ nghệ (chạm khắc gỗ, thêu tranh, làm đồ gốm sứ, chạm bạc...), nhà báo, bình luận	Giám đốc quảng cáo, kỹ sư thiết kế đồ họa, kiến trúc sư, giáo viên dạy kịch, nhà văn, họa sĩ, nhạc sĩ, kỹ sư thiết kế mẫu, giảng viên văn học...

	viên, dẫn chương trình, người mẫu, nghệ sĩ biểu diễn nhạc cụ, nhà thơ, đạo diễn, chuyên viên trang điểm, thiết kế thời trang, chăm sóc cây kiểng, cắm hoa, tía rau củ, làm hoa...  Các ngành nghề trên được đào tạo tại Các CSDN, các trường TCN, các TTKTTHHN, hội Liên hiệp phụ nữ, nhà văn hóa của địa phương.	Các công việc này được đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng và các học viện, nhạc viện trên toàn quốc.
--	--	--

<b>Nhóm Xã hội là những người thích Hoạt động xã hội</b>	<b>Nghề nghiệp bạn thích</b>	
Những ai thích làm việc cung cấp hoặc làm sang tỏ thông tin, thích giúp đỡ, huấn luyện, chữa trị hoặc chăm sóc sức khỏe cho người khác; có khả năng về ngôn ngữ.	Nhà Hoạt động xã hội, y tá cộng đồng, dược tá, nhân viên các công ty du lịch, hướng dẫn viên du lịch, huấn luyện viên, tư vấn hướng nghiệp, Dịch vụ khách hàng, cán bộ xã hội, cán bộ Hội phụ nữ, nhân	Giáo viên các cấp, tư vấn viên, bác sĩ, dược sĩ, luật sư, bác sĩ khoa tâm thần, thần kinh, chuyên gia tâm lý, chuyên gia tư vấn học đường, chuyên gia tư vấn bất động sản...

	viên khách sạn/resort, nhân viên bảo hiểm...  Các ngành nghề trên được đào tạo tại các CSDN, các trường trung cấp nghề, các TTK THHN, hội Liên hiệp phụ nữ, nhà văn hóa của địa phương.	Các công việc này được đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng và các học viện, trên toàn quốc.
--	---	--

<b>Nhóm Quản lí là những người có sở thích Kinh doanh, lãnh đạo, thuyết phục người khác</b>	<b>Nghề nghiệp bạn thích</b>	
<p>Những ai thích làm việc với những người khác, có khả năng tác động, thuyết phục, thể hiện, lãnh đạo hoặc quản lí các mục tiêu của tổ chức, các lợi ích kinh tế.</p>	<p>Công an, quân đội, quản trị Kinh doanh, kĩ thuật hệ thống thông tin, quản trị mạng, chủ doanh nghiệp, chủ đại lý Kinh doanh, chuyên viên PR , quản lí khách sạn, bếp trưởng khách sạn cao cấp, kế toán...</p> <p>Các ngành nghề trên được đào tạo tại các CSDN, các</p>	<p>Quản lí khách sạn, giám đốc tín dụng, giám đốc ngân hàng, sĩ quan công an, sĩ quan quân đội, chánh án, viện kiểm sát nhân dân, quản lí giáo dục các cấp, kế toán trưởng.</p> <p>Các công việc này được đào tạo tại các trường đại học, cao</p>

	trường trung cấp nghề, các trường trung cấp cảnh sát, trung cấp quân sự, các TTKTTHHN, Hội Liên hiệp phụ nữ, nhà văn hóa của địa phương.	đảng và các học viện, trên toàn quốc.
--	--	---------------------------------------

<b>Nhóm Nghiệp vụ là những người thích nguyên tắc, làm việc với con số, báo cáo hoặc làm việc với máy móc được sắp đặt trật tự</b>	<b>Nghề nghiệp bạn thích</b>	
<p>Những ai thích làm việc với dữ liệu, con số; có khả năng làm việc văn phòng, thống kê; thực hiện các công việc đòi hỏi chi tiết, tỉ mỉ, cẩn thận hoặc làm theo hướng dẫn của người khác.</p>	<p>Kế toán, thanh tra các ban ngành, thủ thư, thư ký, nhân viên lưu trữ, nhân viên văn phòng, chuyên viên thuế, thủ quỹ, kế toán viên, tiếp tân, bưu điện, nhân viên ngân hàng...</p> <p>Các ngành nghề trên được đào tạo tại các CSDN, các trường trung cấp nghề, các TTKTTHHN, Hội Liên hiệp phụ nữ, nhà văn hóa của địa phương.</p>	<p>Cử nhân các ngành ngân hàng, tài chính, hành chính tổng hợp, tổ chức cán bộ, giáo viên, kiểm toán viên, nghiên cứu viên, luật sư, công an hình sự...</p> <p>Các công việc này được đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng và các học viện, trên toàn quốc.</p>